

**Vô Lượng Thọ Kinh
Ưu Bà Đề Xá
Chú Giải Giảng Nghĩa
無量壽經優婆提舍
註解講義**

**Ấn Độ Thế Thân Bồ Tát tạo luận
Nguyên Ngụy Thiên Trúc Tam Tạng Bồ Đề Lưu Chi dịch luận
Nguyên Ngụy Huyền Trung Tự sa-môn Đàm Loan chú giải
Dân Quốc Tịnh Luật Tự sa-môn Tánh Phạm giảng nghĩa
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Đức Phong và Huệ Trang**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

(trang trống)

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

**Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá
Chú Giải Giảng Nghĩa**

無量壽經優婆提舍註解講義

Ấn Độ Thế Thân Bồ Tát tạo luận

印度世親菩薩造論

Nguyên Ngụy Thiên Trúc Tam Tạng Bồ Đề Lưu Chi dịch luận

元魏天竺三藏菩提流支譯論

Nguyên Ngụy Huyền Trung Tự sa-môn Đàm Loan chú giải

元魏玄中寺沙門曇鸞註解

Dân Quốc Tịnh Luật Tự sa-môn Tánh Phạm giảng nghĩa

民國淨律寺沙門性梵講義

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang

Đôi nét về pháp sư Tánh Phạm

Pháp sư Tánh Phạm (1920-1997), tục danh là Hoàng Khuê, tự Hữu Minh, sanh quán tại làng Phong Thị, huyện Vĩnh Định, tỉnh Phước Kiến, trong một gia đình nông dân. Năm 17 tuổi, khi đang làm thầy giáo làng tại quê nhà, do quân phiệt Nhật xâm chiếm Trung Hoa, Sư bỏ dạy, đăng lính. Sau khi nhập ngũ, Sư được đưa đi học tại trường quân đội Trung Ương rồi được cử làm cán bộ đặc trách chính trị cho quân đội Quốc Dân Đảng. Sau khi quân đội Quốc Dân Đảng thành công đuổi quân Nhật ra khỏi Đài Loan, Sư được cử làm chủ nhiệm văn phòng xử lý thường vụ huyện Kim Môn của Đài Loan. Năm 1949, khi Hoa Lục thất thủ, chính quyền Quốc Dân Đảng phải chạy sang Đài Loan, Sư xin giải ngũ, mở Tự Do Thư Cục tại Cơ Long (Đài Loan). Trong số những người lui tới thư cục, có nhiều vị là những nhân sĩ học Phật có phẩm hạnh và trình độ nội học rất cao. Nhờ đó, hạt giống Bồ Đề được vun bồi, Sư đã ôm chí nguyện xuất gia. Trước hết, Sư xin quy y với pháp sư Từ Hàng, được ban pháp danh là Từ Vạn. Sư từng thân cận các vị danh tăng thưở ấy như Từ Hàng, Đạo An, Ấn Thuận, Bạch Thánh, Đạo Nguyên, Sám Vân, Hội Tánh v.v... Năm 1955 (vừa tròn 35 tuổi), Sư cầu thọ Tại Gia Bồ Tát Giới tại chùa Nguyên Quang thuộc núi Sư Đầu. Năm 1958, Sư theo sát pháp sư Đạo Nguyên để nghe giảng kinh Địa Tạng tại chùa Hải Hội thuộc huyện Cơ Long.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Mãi đến năm 1962, khi Sư đã 42 tuổi, nhân duyên viên mãn, Sư xin xuất gia với pháp sư Hội Tánh tại chùa Linh Phong Lan Nhã thuộc thành phố Miêu Lật, được ban pháp hiệu là Chấn Từ, pháp tự là Tánh Phạm. Do giới hạnh kiêm ưu, Sư được đặc cách thọ Cụ Túc Giới ngay trong năm sau tại Viên Sơn Lâm Tế Tự ở Đài Bắc dưới sự chứng đàn của các vị trưởng lão Bạch Thánh, Huệ Tam, và Đạo Nguyên. Sư được chọn làm Thủ Sa Di trong giới đàn này. Trong khóa an cư kết hạ năm ấy, Sư chuyên chú nghe trưởng lão Đạo Nguyên giảng kinh Niết Bàn. Năm 1964, Sư sang Phước Nghiêm Tinh Xá tại thành phố Tân Trúc theo học với ngài Ân Thuận.

Suốt trong hai năm 1964-1965, Sư sáng lập và điều hành hội phóng sanh Vô Lượng Thọ và hội in kinh Vô Lượng Thọ. Năm 1968, Sư được thỉnh làm Trụ Trì đời thứ tám của chùa Nguyên Quang tại núi Sư Đầu. Đến năm 1974, Sư xin nghỉ. Năm 1974, Sư sáng lập Vô Lượng Thọ Đồ Thư Quán tại Tân Trúc (nay là chùa Pháp Bảo trực thuộc hệ thống Phật Quang Sơn). Từ năm 1974 đến năm 1976, Sư làm Đương Gia và quyền Trụ Trì của Huệ Nhật Giảng Đường. Năm 1977, chấp nhận lời thỉnh cầu của tứ chúng, Sư làm Trụ Trì Phước Nghiêm Tinh Xá cho đến năm 1981. Năm 1983, Sư lại làm Trụ Trì chùa Tam Hiệp Phật Giáo Tịnh Nghiệp Lâm tại Đài Bắc. Sau đó, Sư bế quan tu tập một năm tại các chùa Thiện Thiên, Tường Lâm Tinh Xá v.v... Năm 1984, Sư trụ tích tại chùa Tịnh Luật ở Lộc Cốc thuộc huyện Nam Đầu. Năm 1985, chấp nhận lời thỉnh cầu của Hòa Thượng Trụ Trì chùa Tịnh Luật, Sư làm chủ thất khóa Tinh Tấn Niệm Phật kéo dài suốt hai mươi một ngày. Sau đó, Sư giảng các bộ Bát Nhã Tâm Kinh và Quán Vô Lượng Thọ Phật cho tứ chúng. Năm 1987, chùa Tịnh Luật thành lập Tịnh Luật Học Phật Viện, cung thỉnh Sư làm Phó Viện Trưởng. Sư bèn giảng kinh Pháp Hoa tại đó. Sư bế quan suốt năm 1991 tại Diêu Âm Tinh Xá thuộc huyện Nam Đầu. Năm sau, Sư xuất quan, giảng kinh Vô Lượng Thọ hai lượt và các bộ Vãng Sanh Luận Chú, Vãng Sanh Tịnh Độ Truyền Tập Yếu tại chùa Tịnh Luật.

Ngày 21 tháng Hai năm 1997, Sư bắt đầu bế quan tại chùa Tịnh Luật, rồi chuyển sang Phước Nghiêm Tinh Xá. Ngày mồng Ba tháng Ba năm 1997, Sư lập di chúc, giao cho hai vị pháp sư Chân Hoa và Đại Hàng toàn quyền xử lý hậu sự. Ngày 11 tháng Tư năm 1997, trong tiếng niệm Phật của đại chúng, Sư nằm bên hông phải, an tường viên tịch. Ngoài những bài giảng chưa được biên tập, hiện thời, các tác phẩm của Sư đã được in thành sách là Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Kinh Quán Hạnh Giải, Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Nghĩa, các bài giảng về Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, An Lạc Tập Giảng Nghĩa, Vãng Sanh Tịnh Độ Truyền Tập Yếu, Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận Giảng Nghĩa, Vạn Thiện Đồng Quy Tập Giảng Nghĩa, và Nhân Quả Tuyên Tập. Sư còn đang viết dở bộ Quán Kinh Diệu Tông Sao Giảng Nghĩa thì đã xả báo viên tịch.

1. Huyền đàm

1.1. Thích danh (giải thích danh xưng)

Bộ luận này có tên gọi đầy đủ là Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá, còn gọi là Vãng Sanh Tịnh Độ Luận, gọi đơn giản là Vãng Sanh Luận, hoặc gọi là Tịnh Độ Luận. Nay để giải thích danh xưng, sẽ chia thành ba đoạn:

1. Vô Lượng Thọ Kinh.
2. Ưu Bà Đề Xá.
3. Nguyện Sanh Kệ.

1.1.1. Vô Lượng Thọ Kinh

Đây là tựa đề kinh theo lối nhân đề (人題, dùng người để đặt tên kinh), mà cũng là pháp đề (法題, dùng pháp đề đặt tên kinh) của một bộ giáo điển cơ bản làm cơ sở y cứ cho Tịnh Độ Tông Trung Hoa. Trong bộ Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Nghĩa, tôi đã giải thích, phân tích tường tận ý nghĩa được bao hàm [trong tựa đề này], nay giảng bộ luận này, chẳng cần phải nói nhiều nữa. Dựa theo Lý và Sự, sẽ nói giản yếu như sau:

1) Nói theo Lý, Vô Lượng chính là A Di Đà, dùng Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ để bao gồm trọn vẹn hết thảy các thứ vô lượng. Vì sao vậy? Vô Lượng Quang là theo chiều ngang trọn khắp mười phương, Vô Lượng Thọ thì theo chiều dọc tốt cùng ba đời. Đây là cái Thể của Nhất Chân pháp giới, mà cũng chính là cảnh Thật Tướng của các pháp, thường nói là “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xir diệt*”, chính là nhất tâm nhị môn chẳng thể nghĩ bàn.

2) Nói theo Sự, đấng Cực Lạc giáo chủ đã tu chứng cảnh thể này mà thành Phật; vì thế, Ngài có tên là A Di Đà Phật. Chúng ta niệm Phật, phát nguyện vãng sanh, mục đích chính là “*hoa nở, thấy Phật, ngộ Vô Sanh*”, mà cũng vì liễu ngộ, chúng nhập cảnh thể ấy để rồi

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

hoàn thành lý tưởng tối cao “trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh”. Chúng sanh trong thế gian cho đến vạn hữu trong vũ trụ, đều là pháp hữu vi sanh diệt, hết thảy đều có hạn lượng, hoàn toàn thuộc vào vô thường. Do vô thường nên khổ, điều này chẳng lý tưởng! Chúng ta học Phật chính là mong đạt đến cảnh giới Thường Lạc Ngã Tịnh viên mãn. Vô Lượng Thọ chính là Thường, do Thường nên Lạc, Lạc là tự tại, giải thoát, thanh tịnh! Do vậy, Vô Lượng Thọ chính là mục tiêu duy nhất để học Phật của chúng ta. Niệm Vô Lượng Thọ Phật chính là “*hệ niệm cảnh chẳng thể nghĩ bàn, niệm đâu chú tâm tại đó*”. Ba kinh một luận của Tịnh Tông đều nhằm dạy tâm chúng ta chẳng lìa điều này: “*Thường niệm A Di Đà*”, rốt cuộc ai nấy đều đạt đến Phật cảnh, Phật quả Vô Lượng Thọ!

1.1.2. Ưu Bà Đề Xá

Đây là [danh xưng trong] tiếng Phạn của một thể loại trong mười hai phần giáo, dịch nghĩa là Luận Nghị, tức là đức Phật và các đệ tử giải thích ý nghĩa của kinh. Trong ấy, bao gồm các ý nghĩa “vấn đáp, chọn lựa dứt khoát, phân tích, thảo luận”. Luận ở Ấn Độ có hai loại:

1) Một là Tông Kinh Luận (宗經論), tức là dựa theo tông yếu của một hay nhiều loại ý nghĩa trong kinh để thuyết minh quy nạp những [giáo nghĩa] thiết yếu [trong bộ kinh ấy hay các kinh ấy], chẳng chú trọng câu văn [trong chánh kinh] là nhiều hay ít. Luận này (Vãng Sanh Luận) thuộc loại Tông Kinh Luận.

2) Hai là Thích Kinh Luận (釋經論), tức là dựa theo kinh văn của một bộ kinh nào đó, xét theo từng câu mà giải thích ý nghĩa của kinh văn, tương đương với chú sớ của Trung Hoa.

Luận này có hai phần:

1) Một là Tổng Thuyết Phần, tức là phần Kệ tụng mỗi câu năm chữ.

2) Hai là Giải Nghĩa Phần, tức là phần văn Trường Hàng tiếp theo sau đó.

Đặc điểm của bộ luận này hoàn toàn chẳng nhằm phát huy giáo lý, mà là dựa theo Tịnh Độ Tam Kinh, nhất là kinh Vô Lượng Thọ để đề ra cương yếu và phương pháp tu hành, tức là Ngũ Niệm Pháp Môn, nhằm dạy chúng ta phải niệm Phật như thế nào (lễ bái, xưng danh, quan sát)? Phát nguyện như thế nào? Hồi hướng như thế nào hòng “*vạn người tu, vạn người đến*”. Đúng là thuyền Từ trong biển khổ, là bè báu

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

cứ đời! Do vậy, hễ là liên hữu Tịnh Tông cho đến hết thầy mọi người trong cõi đời đều phải nên duyệt đọc và liễu giải, lại còn phải nên y giáo phụng hành!

1.1.3. Nguyên Sanh Kệ

“*Nguyên*” (願) có nghĩa là chí tâm tin ưa, mà cũng bao hàm các nhân tố tâm lý như “cung kính, chẳng gián đoạn, lâu dài, không có những tâm khác” v.v... “*Sanh*” (生) là bỏ báo thân này, sanh sang Cực Lạc Tịnh Độ kia. “*Kệ*” (偈) là nói tắt của chữ Già Đà (伽陀, Gāthā) trong tiếng Phạn, mỗi câu là bốn chữ, năm chữ, cho đến tám chữ. Cứ bốn câu là một Kệ, còn gọi là một Tụng (頌), giống như cổ thi Trung Hoa.

Nguyên Sanh Kệ chính là tên gọi chung của toàn bộ phần Kệ Tụng trong bộ luận này. Trong Tổng Tạng (Đại Tạng Kinh đời Tống), [từ ngữ] Nguyên Sanh Kệ được ghi trước chữ Kệ Tụng, trong Cao Ly Tạng (Đại Tạng Kinh của Đại Hàn), [Nguyên Sanh Kệ] được xếp ra phía sau trong danh xưng của bộ luận. [Trong các bản Đại Tạng Kinh ấy], tên gọi đầy đủ của bộ luận này là Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ (無量壽經優婆提願生偈), tức là lấy Nguyên Sanh Kệ làm tên gọi của toàn thể bộ luận. Đây chính là sai lầm! Trong mục lục của Đại Chánh Tạng (Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh) của Nhật Bản, họ lược bỏ ba chữ Nguyên Sanh Kệ. Nguyên Sanh Kệ gồm tất cả hai mươi bốn bài Kệ. Trong hai bài Kệ đầu tiên, Tọa Luận Chủ (tác giả của bộ luận) biểu lộ lòng quy kính Tam Bảo của chính mình và trình bày ý nghĩa vì sao tạo luận. Hai mươi một bài Kệ kế tiếp là nói tổng quát về sự tướng công đức trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của Cực Lạc. Bài kệ cuối cùng là hồi hướng, phát nguyện vãng sanh Cực Lạc quốc.

Nói quy nạp lại, toàn bộ phần Kệ Tụng cho đến phần Trường Hàng giải thích, phân tích ý nghĩa kinh văn, đều nhằm thuyết minh niệm Phật, quán tưởng y báo và chánh báo trang nghiêm của đức Di Đà như thế nào, khiến cho [những điều ấy] phân minh trước mắt [độc giả], do “*an lập*” mà “*an trụ*”, cuối cùng là thành tựu Niệm Phật tam-muội, đích thân thấy Phật Di Đà hoặc Tịnh Độ, tín tâm bền kiên định, nguyện cùng với các chúng sanh đều cùng sanh về nước An Lạc, đạt bất thoái chuyển, viên mãn Bồ Đề ngay trong một đời.

1.2. Biện định cái Thể

Các pháp thể gian chẳng ra ngoài Pháp Tánh. Nếu chẳng có Pháp Tánh, sẽ chẳng có các pháp! Trong tri kiến của đức Phật, Pháp Tánh của các pháp được gọi là *“Thật Tướng của các pháp”*. Do vậy, Tam Tạng giáo điển do đức Phật đã nói đều lấy Thật Tướng làm Thể. Như Thích Ma Ha Diễn Luận¹ đã viết: *“Các kinh Đại Thừa đều dùng Thật Tướng ẩn chứng để làm chánh thể của kinh”*.

Thật Tướng là gì? Đức Phật tùy duyên lập ra danh xưng. Kinh luận mỗi thứ [gọi Thể bằng những danh xưng] khác nhau, như kinh Hoa Nghiêm coi Nhất Chân pháp giới là Thật Tướng, kinh Pháp Hoa dùng *“nhất tâm nhị môn”* làm Thật Tướng, ba kinh một luận của Tịnh Độ thì lấy Vô Lượng Quang Vô Lượng Thọ làm Thật Tướng, cũng tức là dùng danh hiệu Vô Lượng Quang Thọ của Phật làm chánh thể của ba kinh một luận. Như bản chú giải của bộ luận này đã viết: *“Đấng Thích Tôn nói công đức trang nghiêm của Vô Lượng Thọ Phật, tức là dùng danh hiệu của đức Phật ấy làm cái Thể của kinh”*. Nói giản yếu thì Thật Tướng chánh thể của bộ luận này chính là hai danh hiệu của cùng một vị Phật, cũng tức là nhất tâm nhị môn:

a. **Tâm Chân Như Môn**: Tâm Chân Như Môn lìa hết thấy tướng; do *“lìa”* nên vô tướng, tức là Pháp Thân Lý Thể *“Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”*, gọi là Vô Lượng Thọ Phật.

b. **Tâm Sanh Diệt Môn**: Tâm Sanh Diệt Môn chính là hết thấy các pháp. Do vì *“chính là”*, nên chẳng phải là không có tướng, tức là quang minh của Báo Thân Phật và Hóa Thân Phật chiếu trọn khắp mười phương, gọi là Vô Lượng Quang Phật. Vì thế, trong phần Trường Hàng của bộ luận này đã viết: *“Quan sát ba thứ nguyện tâm trang nghiêm thành tựu cõi Phật, đức Phật, và Bồ Tát, hãy nên biết: Nói đại lược thì sẽ thấu tóm trong một câu pháp. Một câu pháp chính là câu thanh tịnh. Câu thanh tịnh chính là trí huệ chân thật, vô vi Pháp Thân”*. Cổ đức cũng nói: *“Thật Tế Lý Thể chẳng lập máy trần; trong*

¹ Thích Ma Ha Diễn Luận là tác phẩm chú thích Đại Thừa Khởi Tín Luận do ngài Long Thọ biên soạn, được ngài Phiệt Đề Ma dịch ra tiếng Hán vào đời Diêu Tần. Bộ luận này lại được chú giải rất nhiều tại Trung Hoa như Thích Ma Ha Diễn Luận Ký của ngài Thánh Pháp, Thích Ma Ha Diễn Luận Tán Huyền Sớ (do ngài Pháp Ngộ soạn), Thích Ma Ha Diễn Luận Thông Huyền Sao (do ngài Chí Phước soạn) v.v...

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

môn Phật sự, chẳng bỏ một pháp”. [Những câu này] đều diễn tả rõ rệt chánh thể của bộ luận này.

1.3. Minh định Tông

Đã biết chánh thể của bộ luận này, vậy thì cương tông và chỉ thú của nó lại là như thế nào? Như phần Trường Hàng của bộ luận này đã viết: *“Phần Nguyên Kệ này nêu rõ nghĩa lý nào? Thị hiện quán sát thể giới An Lạc trong hiện tại, thấy A Di Đà Phật, nguyện sanh về cõi ấy. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu ngũ niệm môn hạnh thành tựu, rốt ráo được sanh về cõi nước An Lạc, thấy A Di Đà Phật”*. [Do vậy], có thể biết tông thú của bộ luận này chính là nương theo Đạo Dễ Hành (Dị Hành Đạo), dùng ba nghiệp thanh tịnh tu pháp môn ngũ niệm hồng thành tựu vãng sanh Tịnh Độ. Những gì là ngũ niệm môn? Một là Lễ Bái Môn (thân nghiệp), hai là Tán Thán Môn (khẩu nghiệp), ba là Tác Nguyện Môn, bốn là Quan Sát Môn (hai môn này là ý nghiệp, cũng là tu Đại Thừa Chỉ Quán), năm là Hồi Hướng Môn (công đức tích tụ do tu năm niệm môn đều hồi hướng cho hết thảy chúng sanh, dẹp hết thảy nỗi khổ, nhiếp thủ hết thảy chúng sanh cùng sanh về cõi An Lạc). Như luận này có nói: *“Bồ Tát tùy thuận năm thứ pháp môn mà việc làm tùy ý tự tại thành tựu, do thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, trí nghiệp và phương tiện trí nghiệp như đã nói trên đây đều tùy thuận pháp môn vậy”*.

1.4. Luận định về Dụng

Đã biết cương tông, [vậy thì bộ luận này] có lực dụng như thế nào? Như phần Kệ Tụng của luận này có đoạn viết: *“Ngã y Tu Đa La, chân thật công đức tướng, thuyết nguyện kệ tổng trì, dĩ Phật giáo tương ứng, ngã tác luận thuyết kệ, nguyện kiến Di Đà Phật, phổ cộng chư chúng sanh, vãng sanh An Lạc quốc”* (Tôi nương theo Khế Kinh, tướng công đức chân thật, nói nguyện kệ tổng trì, tương ứng lời Phật dạy. Tôi tạo luận, nói kệ, nguyện thấy Phật Di Đà, cùng khắp các chúng sanh, vãng sanh cõi An Lạc). Đây chính là nói luận này nương theo cương yếu của Đại Thừa Phật pháp, thành tựu tổng trì tu hành ngũ niệm môn thì ngay trong đời hiện tại, sẽ được thấy Phật Di Đà và Tịnh Độ. Nguyện cùng với hết thảy chúng sanh, khi báo thân này đã tận, sẽ cùng sanh về cõi An Lạc. Đây là đại lực, đại dụng của bộ luận này. Lại như

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

lời chú giải của bộ luận này đã nói: Bồ Tát đắc Bất Thoái Chuyển, có hai loại đạo, một là Nan Hành Đạo, hai là Dị Hành Đạo. Luận này đã đạt đến chỗ tốt cùng của Dị Hành Đạo, là chiếc thuyền buồm Bất Thoái; đây chính là lực dụng chẳng thể nghĩ bàn của bộ luận này. Những lực dụng khác như đã nói trong bộ Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Nghĩa đều là lực dụng của bộ luận này, chẳng cần phải nhắc lại nữa!

1.5. Phán định giáo tướng

Thê, Tông, và Dụng của bộ luận này đã đều hiểu rõ, hãy nên hiểu rành giáo tướng của nó. Dựa theo “*hóa pháp tứ giáo*” do ngài Thiên Thai đã lập để nói thì luận này là Biệt Giáo Đại Thừa kiêm Viên Giáo, vì sao vậy? Tạng Giáo chẳng phát Bồ Đề tâm, chẳng nói đến mười phương Tịnh Độ. Thông Giáo thì thông cả Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa, luận này thuần túy thuộc về pháp yếu Đại Thừa, ắt cần phải phát đại Bồ Đề tâm, dùng bốn môn để thành tựu tự lợi, và một môn để thành tựu lợi tha. Cảnh giới được quán lại là thân Phật, Tịnh Độ, thân thông, trí huệ của Phật, Lục Độ, Tứ Nhiếp, Tứ Vô Lượng v.v... mỗi thứ đều là vô lượng, vô tận, vô ngại, khá tương tự với Hoa Nghiêm, nên [luận này] cũng thuộc về Viên Giáo, có cùng một ý thú như phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, tức là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc. Do vậy, trong bộ Di Đà Sớ Sao, Liên Trì đại sư đã dùng nghĩa lý của Hoa Nghiêm Tông để giải thích [kinh Di Đà].

Nói theo “*hóa nghi tứ giáo*” của tông Thiên Thai thì luận này thuộc hiển yếu thuyết, quyết định thuyết, trong Tiệm lại kiêm Đốn. Như trong lời chú giải cho luận này đã viết: “*Dị Hành Đạo là chỉ do nhân duyên tin Phật, nguyện sanh Tịnh Độ, nương theo nguyện lực của Phật liền được vãng sanh cõi thanh tịnh ấy, do Phật lực trụ trì bèn dự trong Chánh Định Tự của Đại Thừa. Chánh Định chính là A Bộ Bát Trí*”. Do vậy có thể biết, tu ngũ niệm môn là Tiệm, nhưng do nương cậy nguyện lực của Phật gia trì, liền dự vào Chánh Định Tự của Đại Thừa, đạt đến địa vị Bất Thoái. Đây là kèm theo lợi ích của Đốn giáo. Lại theo như Long Thọ Bồ Tát đã nói: “*Bồ Tát có hai thứ đạo, một là Nan Hành Đạo, hai là Dị Hành Đạo*” thì luận này thuộc về Dị Hành Đạo.

Nói gộp chung lại, tựa đề của bộ luận này có đủ cả Nhân và Pháp, lấy quang thọ Thật Tướng làm Thê, dùng pháp môn ngũ niệm

làm Tông, vãng sanh Cực Lạc làm Dụng, viên đốn để hành làm Giáo Tướng.

1.6. Vấn đáp trừ nghi

1.6.1. Có Cực Lạc Tịnh Độ hay không?

* Hỏi: Tịnh Độ Tông Trung Hoa dựa theo ba kinh một luận để lập tông, đều nói vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ, [vậy thì] có cõi Tịnh Độ ấy hay không?

Đáp: Như đạo sư Ân Thuận đã nói trong bộ Vãng Sanh Luận Giảng Ký: “*Nay nói đến chuyện có Tịnh Độ hay không thì có hai thuyết: Một là đối với đại chúng bình phàm, họ phán đoán bừa bãi [Tịnh Độ] là mê tín, vì kẻ tin tưởng [Tịnh Độ] chưa từng trông thấy, lại chưa từng đến đó, chẳng thể chứng thực là có [Tịnh Độ]. Hai là người tin Phật thì cho rằng ắt phải có [Tịnh Độ], vì tin kinh nói như thế đó. Nay dựa theo lý thông thường để phán đoán, chẳng cần phải đích thân trải qua, cũng chẳng cần phải hoàn toàn dựa theo [những gì] kinh đã nói, cũng có thể nhận định ‘ắt phải có’ [Tịnh Độ]. Ở đây, tôi biện luận như sau:*

Một là như trong hiện thời, khoa học phát triển, đã chứng thực thế giới này của chúng ta (địa cầu) chỉ là một hành tinh trong vô lượng tinh cầu, có thể biết là ngoài thế giới này, còn có các thế giới khác.

Hai là nếu hỏi các thế giới có sai biệt hơn kém hay không? Chỉ nhìn vào các nơi trên thế giới này luôn có hơn kém khác nhau, có thể suy ra mà biết các thứ thế giới ắt phải có hơn, kém.

Ba là nếu các thế giới đã có hơn kém thì thế giới này của chúng ta có phải tốt đẹp nhất hay chẳng, sẽ biết là chẳng phải vậy. Nếu đã là như vậy thì có thể biết “có thế giới ưu việt hơn tồn tại” sẽ là điều chẳng ngờ chi nữa! Ngay như gần đây nhất, trong giới khoa học, do có hiện tượng bí ẩn về đĩa bay, cũng cho rằng có thể là trong các tinh cầu khác có những sinh vật trí huệ cao hơn chúng ta!

Từ những điều trên đây, có thể biết: Không phải là chỉ có Tịnh Độ, mà lại còn cực nhiều, mỗi thế giới lại còn thù thắng khác biệt! Trong giới Phật giáo lại có người nói ‘duy tâm Tịnh Độ’, cho rằng Tịnh Độ chỉ ở trong tâm con người, ngoài tâm thật sự không có Tịnh Độ. Nói kiểu đó, hết sức trái nghịch ý Phật. Cần phải biết: Thế giới ‘duy tâm sở hiện’ (chỉ do tâm hiện), nói kiểu ấy cố nhiên là đúng, nhưng phải nên biết uế độ mà chúng ta đang sống vẫn là ‘duy tâm sở

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

hiện’! Nay đã thừa nhận uế độ ‘duy tâm sở hiện’ có thật trong hiện tiền; sao lại chẳng thừa nhận Tịnh Độ ‘duy tâm sở hiện’ là có thật vậy? Vì thế, đã tin vào Tịnh Độ, ắt phải tin là nó có thật, chớ nên chấp Lý phế Sự!’”

1.6.2. Thọ mạng của Phật Di Đà là hữu lượng hay vô lượng?

* Hỏi: Theo như kinh Vô Lượng Thọ đã nói, tiền thân của A Di Đà Phật là tỳ-kheo Pháp Tạng, Ngài đã thành Phật từ mười kiếp trước, nay đang thuyết pháp tại Tây Phương. Theo như kinh Quán Âm Thế Chí Thọ Ký đã nói thì sau khi A Di Đà Phật diệt độ, sẽ do Quán Âm Bồ Tát kế vị. Dựa theo hai thuyết ấy, thọ mạng của Phật Di Đà chẳng phải là vô lượng, mà là hữu lượng (có hạn lượng); nhưng hai kinh Di Đà Tiểu Bản và Đại Bản đều nói đức Phật ấy thọ mạng vô lượng; rốt cuộc [thọ mạng của A Di Đà Phật] là hữu lượng hay vô lượng?

Đáp: Như đạo sư Ấn Thuận đã giải thích: “*Đấy là vì tâm lượng của chúng sanh hữu hạn, đức Phật có ý nói kiểu ấy (‘hữu lượng’). Như trong kinh Duy Ma Cật, ngài Xá Lợi Phất đã nghi ngờ đức Phật [Thích Ca do hạnh bất tịnh mà] chiêu cảm uế độ. Ngài trọn chẳng biết: Trông thấy [thế giới Sa Bà] là uế độ chính là vì mắt ngài Xá Lợi Phất thấy như vậy, chẳng phải cõi Phật vốn là như thế. Nay A Di Đà Phật (và cõi nước) vốn là vô lượng, nhưng vì chúng sanh hữu lượng, [đức Phật Thích Ca] bèn phương tiện nói là tại Tây Phương (hữu lượng) như thế này, như thế nọ. Đấy chính là trong vô lượng mà hiện hữu lượng, khiến cho chúng sanh từ hữu lượng mà đạt đến vô lượng vậy”.*

Ngài (đạo sư Ấn Thuận) lại nói: “*A Di Đà Phật tức là vô lượng Phật. Nói đến vô lượng thì trước hết cần phải biết vô lượng là gì? Lượng là nói lớn hay nhỏ, lâu xa hay tạm thời, nặng hay nhẹ, dài hay ngắn, đây kia có thể cân đong được! Muôn vật trong thế gian không gì là chẳng thể đo lường, suy nghĩ, bàn bạc, có thể dùng câu văn để diễn tả, giải thích, nhưng đối với vị Phật nơi Phật quả rốt ráo viên mãn thì cảnh giới ấy chẳng thể đo lường, chẳng thể nghĩ bàn, vì thế là vô lượng. Ví như các dòng nước đổ vào biển cả, liền mất đi tên gọi riêng của chúng, đều là cùng một loại nước bình đẳng, chẳng thể phân biệt. Như chúng sanh phước báo, trí huệ v.v... mỗi người mỗi khác, nhưng đến khi thành Phật, Pháp Thân sẽ bình đẳng, bằng nhau không sai khác, tức là trở thành vô lượng. Vì thế, có thể nói A Di Đà Phật chính là đại diện chung cho hết thảy các vị Phật (vô lượng Phật)”.*

Vì thế, trong bài kệ Phát Nguyện của Đại Từ Bồ Tát có câu: “*Thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất*” (Mười phương ba đời Phật, A Di Đà bậc nhất), chính là do ý nghĩa này!

1.6.3. Cầu sanh Tịnh Độ là Tiểu Thừa hay Đại Thừa?

* Hỏi: Có người nói, kẻ cầu sanh Tịnh Độ là kẻ mong giải thoát cho riêng mình, chỉ cầu chính mình hưởng vui, chẳng phải là Bồ Tát hạnh! Thế nhưng trong kinh có nói “*chúng sanh sanh vào cõi nước Cực Lạc đều là A Bệ Bạt Trí*”. Đã là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát, đương nhiên là Đại Thừa, [vậy thì tu Tịnh Độ] rốt cuộc là Tiểu Thừa hay Đại Thừa?

Đáp: Như đạo sư Ân Thuận đã nói: “*Cần phải biết pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn Đại Thừa. Tiểu Thừa không có mười phương Tịnh Độ; vì thế, cầu vãng sanh Tịnh Độ là điều đặc sắc của Đại Thừa. Nhưng nghĩa lý trọng yếu trong Đại Thừa là ‘trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh’.* Nếu niệm Phật mà chẳng lìa tâm cảnh Đại Thừa ấy, sẽ phù hợp với ý nghĩa sanh về Cực Lạc. Nếu chỉ vì chính mình lìa khổ, được vui, thì là căn tánh Tiểu Thừa. Nhưng đã phát tâm Đại Thừa (Bồ Đề tâm), vì lẽ nào mà cầu sanh Cực Lạc? Vì uest độ chẳng đủ nhân duyên, chẳng dễ học Phật, tuy phát Bồ Đề tâm, chướng ngại đặc biệt nhiều. Sanh, lão, bệnh, tử, chẳng hề nắm chắc mảy may. Vì thế, cần phải vãng sanh Cực Lạc, [là nơi] các vị thượng thiện nhân cùng tụ hội một chỗ, quyết chẳng đến nỗi lui sụt tâm Đại Thừa. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát có nói: ‘*Như Lai có phương tiện thù thắng để nhiếp thủ, gìn giữ tín tâm, khiến cho [hành nhân] chẳng bị thoái chuyển (lui sụt Bồ Đề tâm)*’ chính là nói về ý này vậy”.

Do điều này có thể thấy: Vãng sanh Tịnh Độ không chỉ là Đại Thừa Bồ Tát đạo, mà còn có thể bảo vệ, gìn giữ Đại Thừa Bồ Đề tâm mãi cho đến khi thành Phật. Kinh A Di Đà có nói: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà sanh về cõi ấy được), tức là nói chẳng thể thiếu sót thiện căn “*phát Đại Thừa Bồ Đề tâm*” mà hòng vãng sanh cõi Cực Lạc. Bởi lẽ, Đại Thừa Bồ Đề tâm chính là chánh nhân vãng sanh, là chúng tử thành Phật, hết thảy cảnh, hạnh, và quả Đại Thừa đều sanh khởi từ đây, nó chính là thiện căn nhiều nhất, lớn nhất. Đã hành Đại Thừa, đã nguyện vãng sanh, lẽ đâu chẳng phát Đại Thừa Bồ Đề tâm ư? Do đó, ba bậc chín phẩm vãng sanh Cực Lạc đều ắt

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

cần phải phát Bồ Đề tâm, ba kinh một luận Tịnh Độ đều cùng nói điều này. Đã phát Bồ Đề tâm thì chính là tu hành Đại Thừa.

1.6.4. Vãng sanh Tịnh Độ nói theo ý nghĩa rốt ráo trong Phật pháp thì là hữu sanh hay vô sanh?

* Hỏi: Cổ đức có nói: “Vãng vô sở vãng, sanh vô sở sanh” (Đi thì chẳng có gì để đi, sanh thì chẳng có gì được sanh), lại còn nói: “Vãng tắc quyết định vãng, sanh tắc quyết định sanh” (Vãng thì quyết định là vãng, sanh thì quyết định là sanh). Lại còn nói: “Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi”, hoặc “vãng thì có vãng, nhưng sanh thì không sanh”. Rốt cuộc là hữu sanh hay vô sanh?

Đáp: Như trong bộ Vãng Sanh Tịnh Độ Luận Giảng Yếu, Thái Hư đại sư đã nói:

“Nói theo Thắng Nghĩa Đé trong Phật pháp, cõi Phật rốt ráo thanh tịnh chính là Nhất Chân pháp giới lia hết thấy các tướng, lia hết thấy phân biệt, ngôn thuyết. Nhất Chân pháp giới ấy trọn khắp hết thấy mọi nơi, ai nấy đều vốn sẵn có, nhưng nó chẳng hiển hiện, là vì bị phiền não, nghiệp báo ngăn chướng. Tuy trọn khắp hết thấy mà chẳng tương ứng, rốt cuộc ở trong sanh tử như mộng, như huyễn, lưu chuyển không ngừng. Nếu có thể phá phiền não nghiệp báo mộng huyễn ấy, một niệm giác ngộ, thì ngay trong một niệm liền tương ứng Tịnh Độ. Đây chính là ý nghĩa vãng sanh ‘vãng vô sở vãng, sanh vô sở sanh’ vậy.

Nếu dựa theo Thế Tục Đé để bàn về vãng sanh thì vãng quyết định là vãng, sanh thì quyết định là sanh. Do cái nhân là tu Tịnh nghiệp, đến khi mạng chung, quyết định lia khỏi thế giới Sa Bà này mà vãng sanh thế giới Cực Lạc kia.

Nếu gộp chung Thắng Nghĩa Đé và Thế Tục Đé để luận định vãng sanh thì lại có thể nói: ‘Vãng thì không có vãng, sanh thì quyết định sanh’. Do báo thể (bản thể của báo thân) của người vãng sanh chính là A Lại Da Thức, thức ấy trọn khắp hết thấy mọi nơi, chẳng có nơi chốn. Sanh vào trong cõi nước này chính là do nghiệp lực năng sanh (nghiệp lực chi phối sự chuyển sanh) đã chín muồi cho nên cái báo thể (thân do nghiệp báo kết thành) để sanh trong cõi nước này bèn thành tựu. Nếu Tịnh nghiệp sanh vào Tịnh Độ đã chín muồi thì cái báo thể sanh vào Tịnh Độ bèn thành tựu. Vì thế nói ‘vãng thì không vãng, sanh thì quyết định sanh’.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Lại nữa, khi cái báo thể đã thành trong hiện tại chưa xả mạng thì là báo thân trong thế giới này; nếu xả mạng bèn vãng sanh Cực Lạc, tức là trở thành báo thân trong thế giới Cực Lạc. Đây chính là ‘vãng thì có vãng’, nhưng không có năng sanh (chủ thể sanh về) và sở sanh (cõi nước để sanh về) thực tại, tức là báo thân như mộng huyễn, rốt cuộc là do đâu mà sanh vào Sa Bà, do đâu mà sanh vào Cực Lạc? Nếu là tự tự sanh thì khi chưa sanh, tự thể vẫn còn chưa có, làm sao có thể tự sanh? Nếu là tha sanh (do pháp gì khác mà sanh), thì do đối với tự mà nói là tha, tự đã chẳng sanh, làm sao tha có thể sanh cho được? Nếu chẳng do cái nhân mà sanh thì giống như vô sanh. Trung Luận có nói: ‘Các pháp chẳng tự sanh, cũng chẳng do pháp khác sanh, chẳng cùng, chẳng không nhân, vì thế nói vô sanh’. Do vậy, có thể nói: ‘Vãng thì có vãng, nhưng sanh thì không sanh’.

Đối với bốn câu trên đây, đều chớ nên thiên chấp. Nếu có thể lìa chấp, sẽ có thể tùy thuận cơ nghi mà lập bày, diễn nói”.

Do vậy có thể biết, liên hữu Tịnh Tông chỉ nên tự vấn Tịnh nghiệp của chính mình đã thành tựu hay chưa, chẳng cần phải thắc mắc là hữu sanh hay vô sanh? Tịnh nghiệp là nhân, Tịnh Độ là quả, nhân và quả quyết định chẳng lìa nhau. Pháp môn Tịnh Độ từ hữu sanh mà ngộ vô sanh, nương nhờ y báo và chánh báo của đức Di Đà để hiển lộ tâm tánh của chính mình; do huân tập mà thành tựu, chúng nhập cái mà mình vốn sẵn có. “Tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, nhất tâm nhị môn, Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế) viên dung, Lý Sự vô ngại vậy!

1.6.5. Vãng sanh Cực Lạc cần phải hội đủ những nhân duyên nào?

* Hỏi: Người sanh về cõi An Lạc có ba bậc khác nhau, nhân duyên vãng sanh của mỗi bậc khác nhau như thế nào?

Đáp: Như trong bộ Luận An Lạc Tịnh Độ Nghĩa do Đàm Loan đại sư trước tác có nói: “Người sanh trong bậc thượng có năm nhân duyên: Một là bỏ nhà, lìa dục, làm sa-môn. Hai là phát Bồ Đề tâm. Ba là một mực chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật. Bốn là tu các công đức. Năm là nguyện sanh về cõi An Lạc.

Người sanh thuộc bậc trung có bảy nhân duyên: Một là phát Bồ Đề tâm. Hai là một mực chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật. Ba là tu thiện nhiều hay ít, vãng giữ trai giới. Bốn là tạo dựng tháp, tượng. Năm là dãi cơm sa-môn (người xuất gia). Sáu là treo phan, thắp đèn, rải hoa, đốt hương. Bảy là đem những điều ấy hồi hướng nguyện sanh về

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

cõi An Lạc.

Người sanh trong bậc hạ có ba nhân duyên: Một là giả sử chẳng thể làm các công đức, hãy nên phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Hai là một mực chuyên niệm, cho đến mười niệm, niệm Vô Lượng Thọ Phật. Ba là dùng tâm chí thành, nguyện sanh về cõi An Lạc.

Lại có một hạng người vãng sanh An Lạc chẳng thuộc vào ba bậc, tức là do tâm nghi hoặc, tu các công đức, nguyện sanh về An Lạc, chẳng hiểu rõ Phật trí, cho đến vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí (trí thù thắng tối thượng không sánh bằng). Đối với các trí ấy, nghi hoặc chẳng tin, nhưng vẫn tin tội phước nhân quả, tu tập gốc lành. Tuy được vãng sanh, nhưng là sanh nơi Biên Địa của Cực Lạc, ở trong cung điện bảy báu, hưởng các sự vui sướng, trong năm trăm năm, chẳng thấy Tam Bảo, gọi là Thai Sanh.

Ví như người ở trong thai, do nhân pháp chưa thành, chẳng thể thọ sanh trong bào thai. Vì sao biết? Cõi An Lạc một mực là hóa sanh, sau năm trăm năm, [kẻ Thai Sanh] mới biết lỗi của chính mình, tự trách, hối hận sâu xa, cầu lìa chỗ ấy, liền được như ý, vẫn giống như ba bậc vãng sanh”.

1.6.6. Mười niệm liên tục bèn được vãng sanh là chuyện có thể ư?

* *Hỏi: Trong kinh Vô Lượng Thọ có nói bốn nguyện của đức Di Đà là “nếu có chúng sanh muốn sanh về cõi ta, chí tâm tin ưa, thậm chí mười niệm mà nếu chẳng sanh về đó, ta chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”. Chỉ có mười niệm mà thật sự có thể vãng sanh ư?*

Đáp: Như Đàm Loan đại sư đã nói: “Ví như có người ở chỗ đồng không mông quạnh, gặp phải oán tặc vung dao toan giết. Người ấy rảo chạy, trước mặt có một con sông, nếu vượt được sông sẽ có thể giữ nguyên cái đầu. Lúc đó, người ấy chỉ nghĩ đến phương tiện để vượt sông: Mặc áo lội qua? Hay là cởi áo rồi lội? Nếu mặc quần áo, sợ chẳng bơi qua nổi. Nếu cởi quần áo, sợ không kịp nữa. Chỉ có niệm ấy, chẳng có duyên nào khác, chỉ nghĩ vượt sông bằng cách nào, đấy chính là ‘nhất niệm’. Tâm chẳng xen tạp như thế thì gọi là ‘mười niệm liên tục’.

Hành giả niệm Phật cũng vậy (trong khi lâm chung), niệm A Di Đà Phật, giống như kẻ kia nghĩ cách vượt sông, trải qua mười niệm, hoặc chuyên niệm danh hiệu Phật, hoặc chuyên niệm tướng hảo của Phật, không có tâm niệm nào khác xen tạp, tâm niệm tiếp nối, cho đến

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

mười niệm, thì gọi là ‘mười niệm liên tục’ (liên được vãng sanh). Hãy nên dốc lòng tin, tự ấn định niệm sẵn (trong lúc bình thời), khiến cho tích tập thành tánh, thiện căn kiên cố, như cái cây đã nghiêng về Tây, nếu nó đổ, sẽ đổ về phía Tây. Nếu như phong đao (vô thường) xảy đến, trăm nổi khổ tụ hội nơi thân, nếu không đã tập quen từ trước, sẽ không có cách nào niệm nổi!

Lại hãy nên cùng với dăm ba người cùng chí hướng, ước hẹn với nhau, khi sắp mạng chung, sẽ nhắc nhở, trợ niệm cho nhau, khiến cho người lâm chung tiếng niệm Phật liên tục, thành tựu mười niệm. Khi mạng đã đoạn, chính là lúc sanh về cõi An Lạc”.

1.7. Giải thích về người dịch và người chú giải

1.7.1. Luận về người dịch

Người biên soạn bộ luận này là Thế Thân Bồ Tát, hành trạng của Ngài tôi để lại, sẽ giới thiệu trong phần Thích Năng Y Thị Lực Dụng (giải thích căn cứ đề nương vào [mà tạo luận], chỉ bày lực dụng [của bộ luận này) trong phần sau. Nay nói về người dịch bản luận này chính là ngài Tam Tạng Bồ Đề Lưu Chi xứ Thiên Trúc [đến Trung Hoa vào] đời Nguyên Ngụy. Nguyên Ngụy² chính là Thác Bạt Ngụy (nhà Ngụy do Thác Bạt Khuê sáng lập) thuộc Bắc Triều trong thời Nam Bắc Triều, không phải là nhà Tào Ngụy (nhà Ngụy do Tào Phi sáng lập). Thiên Trúc³ chính là Ấn Độ; vị này chính là người Bắc Ấn Độ. Tam Tạng chính là vị pháp sư tinh thông Tam Tạng Kinh Luật Luận.

² Nguyên Ngụy: Do trong lịch sử Trung Hoa có nhiều triều đại cùng lấy tên Ngụy nên các sử gia thường thêm họ của người sáng lập vương triều vào trước tên triều đại cho dễ phân biệt. Thác Bạt Ngụy là triều đại do người Tiên Ty sáng lập, tồn tại từ năm 386 đến năm 535, kinh đô lần lượt là Thịnh Đại, Bình Thành, Lạc Dương, và Trường An. Lãnh thổ của triều đại này bao gồm toàn bộ miền Hoa Bắc. Sở dĩ gọi là nhà Nguyên Ngụy vì trong quá trình Hán hóa, Ngụy Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoàng) đã ra lệnh đổi họ Thác Bạt thành Nguyên. Những người thuộc họ Thác Bạt nhưng không thuộc trực hệ của vương thất thì đổi thành Trương Tôn, họ Át Phiên đổi thành Thúc Tôn, đồng thời các họ gồm hai chữ trước đó của người Tiên Ty đều đổi thành một chữ như Mục, Lục, Hạ, Lưu, Lâu v.v...

³ Thiên Trúc (天竺) chính là cách phiên âm cổ của chữ Sindhu (tức sông Indus hiện thời). Danh xưng này còn được phiên âm thành Thân Độc, Hiền Đậu, Quyên Đốc, Kiền Đốc v.v... Do người Ba Tư đọc sai chữ Sindhu thành Hindu, mà người Hy Lạp khi xâm chiếm Ấn Độ lại gọi trại vùng lưu vực sông Sindhu và sông Hằng thành Indu, cho nên từ chữ Indu đã hình thành danh xưng India sau này.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Bồ Đề Lưu Chi (Bodhiruci) là tiếng Phạn, chính là danh hiệu của vị pháp sư này. Bồ Đề dịch nghĩa là Giác hay Đạo. Lưu Chi dịch là Ái (愛) hoặc Hy (希). Danh hiệu này bao hàm ý nghĩa Mong Cầu hoặc Yêu Thích Giác Đạo. Vị này khác với ngài Bồ Đề Lưu Chí đã phiên dịch kinh Đại Bảo Tích vào thời Vũ Hậu (Vũ Tắc Thiên) đời Đường. Vị pháp sư này dịch rất nhiều bộ kinh luận, như các bộ Kim Cang Kinh, Pháp Hoa Luận, Thập Địa Kinh Luận v.v... Nhất là bộ Thập Địa Kinh Luận sau khi được Ngài dịch ra, rất được phổ biến một thời, hình thành Địa Luận Tông, về sau lại trở thành Hoa Nghiêm Tông, có ảnh hưởng rất lớn đối với Phật giáo Trung Hoa. Bộ luận này do Ngài phiên dịch cũng có mối quan hệ cực lớn đối với sự kiến lập và hoàng dương Tịnh Độ Tông Trung Hoa. Có thể nói Ngài là người đã đem Tịnh Độ Tông từ Ấn Độ truyền sang gieo cấy tại Trung Hoa.

1.7.2. Luận về người chú giải

Sau khi bộ Vãng Sanh Luận được ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch ra, tuy là cương yếu của Tịnh Độ Tông, nhưng chẳng được lưu thông rộng rãi, chú giải của bộ luận này càng ít. Chỉ có Đàm Loan đại sư vào thời Bắc Ngụy⁴ đã soạn chú giải tường tận cho bộ luận này, giải bày trọn vẹn thế nguyện của Phật Di Đà và bản hoài của ngài Thế Thân. Khế lý, khế cơ, văn chương lưu loát, nghĩa lý phong phú, thật sự có thể mở mang chánh trí cho người khác, khiến cho người đọc đầy lòng chánh

⁴ Bắc Ngụy chính là nhà Nguyên Ngụy như vừa nói trên đây. Sở dĩ gọi là Bắc Ngụy để phân biệt với Đông Ngụy và Tây Ngụy. Cuối triều đại Bắc Ngụy, tướng Cao Hoan chuyên quyền sau khi Ngụy Hiếu Trang Đế (Nguyên Tử Du) dẹp trừ quyền thần Nhĩ Chu Vinh. Gia tộc Nhĩ Chu Vinh lật đổ Hiếu Trang Đế, tôn Ngụy Tiết Mẫn Đế (Nguyên Cung) lên làm vua. Cao Hoan chống lại phe Nhĩ Chu Vinh, đã tôn Nguyên Tu lên làm vua, tức Ngụy Hiếu Vũ Đế. Sau khi Cao Hoan dẹp tan phe Nhĩ Chu Vinh, giết Mẫn Đế, hết sức chuyên quyền. Do lo sợ trước thế lực ngày càng mạnh của Cao Hoan, Hiếu Vũ Đế liên kết với tướng Vũ Văn Thái, và tuyệt giao với Cao Hoan. Khi Cao Hoan xua quân xuống đánh miền Nam nước Ngụy, Hiếu Vũ Đế chạy trốn đến lãnh địa của Vũ Văn Thái. Cao Hoan bèn tôn Nguyên Thiện Kiến lên làm vua, tức Ngụy Hiếu Tĩnh Đế. Bắc Ngụy bị chia thành hai nước Tây Ngụy do Hiếu Vũ Đế làm vua, và Đông Ngụy do Hiếu Tĩnh Đế làm vua, nhưng cả hai vua đều trở thành con rối trong tay Cao Hoan và Vũ Văn Thái. Về sau, con Cao Hoan là Cao Dương (Tề Văn Tuyên Đế) soán ngôi Hiếu Tĩnh Đế, lập ra nhà Cao Tề. Cháu Vũ Văn Thái là Vũ Văn Hộ bèn phế Tây Ngụy Cung Đế, đưa con trai Vũ Văn Thái là Vũ Văn Giác lên làm vua, tức Bắc Châu Hiếu Mẫn Đế.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

tín, chỉ bày chánh hạnh, giúp họ vãng sanh. Nhưng tiếc là tác phẩm chú giải này bị thất truyền từ lâu tại Trung Hoa! Cuối đời Thanh, cư sĩ Dương Nhân Sơn đã thỉnh từ Nhật Bản về, khắc in lưu thông. Nay chúng tôi được soạn lời giảng giải cho bộ chú giải này, thật sự là nhân duyên khó có.

Ngài Đàm Loan là người xứ Nhạn Môn tỉnh Sơn Tây (nay là huyện Đại của tỉnh Sơn Tây). Thuở trẻ, Ngài sang chơi núi Ngũ Đài, thấy thần tích linh dị; do vậy bèn phát tâm xuất gia. Đọc kinh luận Đại Thừa, do vì [nhận thấy] từ ngữ và ý nghĩa sâu xa, kín nhiệm, Ngài bèn soạn chú giải. Chẳng lâu sau, Ngài mắc bệnh về đường hô hấp, tìm thầy chữa trị khắp nơi, thể chất vẫn yếu ớt như cũ. Ngài cảm khái, than thở: “Mạng người mong manh, sáng tối vô thường, nghe nói có bậc thần tiên trường thọ xuất hiện trong nhân gian, chẳng bằng ta cầu pháp trường thọ trước đã rồi mới lại hoàng dương Phật giáo cũng chẳng phải hơn ư?” Do vậy, Ngài xuống phương Nam, theo đạo sĩ Đào Hoằng Cảnh học thuật Phục Nhĩ⁵. Sau đấy, Ngài trở về Bắc Ngụy, gặp gỡ ngài Bồ Đề Lưu Chi tại Lạc Dương, kể lại quá trình cầu tiên phỏng đạo. Ngài Bồ Đề Lưu Chi quả trách Sư ngu si, xằng bậy. Ngài Đàm Loan thưa thỉnh: “Phật giáo có thuật trường sanh vượt xa tiên kinh hay không?” Ngài Bồ Đề Lưu Chi nói: “Chỗ nào trong xứ này có pháp trường sanh bất tử? Dẫu sống lâu, chẳng chết trong một khoảng thời gian ngắn (như Bát Tiên thường được nhắc đến), rốt cuộc cũng bị luân chuyển, có gì là đáng quý hay chẳng? Trường sanh bất tử thì chỉ trong giáo pháp của đức Phật mới có!” Đại sư bèn dạy ngài Đàm Loan Thập Lục Quán Kinh (tức Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh) và bộ luận này, lại bảo Sư: “Hãy nương theo pháp này tu học, sẽ chẳng còn sanh lại trong tam giới nữa, chẳng còn trở vào lục đạo, đầy, voi, tiêu mất, họa

⁵ Phục Nhĩ (服餌) là một thuật ngữ của Đạo giáo, là một phương pháp dưỡng sinh, theo đó, người theo thuật này sẽ ăn nhiều loại thuốc, giảm thiểu ăn cơm cho đến mức “tịch cốc” (hoàn toàn không ăn ngũ cốc). Họ tin làm như vậy sẽ đạt được trường sanh bất lão. Các loại thuốc thường dùng cho Phục Nhĩ là Phục Kinh Tô, Hạnh Nhân Tô v.v...

Đào Hoằng Cảnh là tổ sư đời thứ chín của phái Thượng Thanh (một phái Đạo giáo chuyên đề cao Thượng Thanh Đại Động Chân Kinh). Sau khi quy ẩn mười năm tại Mao Sơn, ông sáng lập Mao Sơn Tông, lấy tên núi làm giáo phái, nhưng khác với Thượng Thanh, phái Mao Sơn chú trọng phù chú, pháp thuật. Đào Hoằng Cảnh tinh thông y dược, đề xướng nhiều cách luyện đan. Bộ Bản Thảo Kinh Tập Chú của ông được đánh giá rất cao trong giới Trung Y.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

phước, thành bại, chẳng còn bận lòng, đây chính là Thọ. Kiếp số nhiều như số cát sông Hằng đều chẳng thể sánh bằng được! Đây chính là thuật trường sanh của đấng Kim Tiên vậy (Phật là Đại Giác Kim Tiên, [Kim Tiên] chẳng phải là những vị thần tiên thông tục)". Ngài Đàm Loan hết sức vui mừng, liền đốt kinh đạo tiên, chuyên nương theo Quán Kinh và bộ luận này để tu Tịnh quán. Ngài tự hành, dạy người khác, hoằng dương pháp môn Tịnh Độ.

Ngài trước tác các bộ Vãng Sanh Luận Chú Giải, Lược Luận An Lạc Tịnh Độ Nghĩa, Tán A Di Đà Phật Kệ v.v... Trí Giả đại sư đã trích dẫn khá nhiều [đoạn văn của ngài Đàm Loan] trong bộ Thập Nghi Luận. Vua Ngụy sắc truyền Ngài trụ tại một ngôi chùa lớn ở Tinh Châu (nay là huyện Dương Khúc tỉnh Sơn Tây). Về già, Ngài chuyển sang chùa Huyền Trung tại Thạch Bích Cốc thuộc Phần Châu (nay là huyện Phần Dương, tỉnh Sơn Tây). Năm Hưng Hòa thứ tư (542), vào một tối, trong khi Thiền Quán, Ngài thấy một vị Phạm tăng tới nói: "*Ta là Long Thọ, ở trong Tịnh Độ đã lâu, do ông có cùng chí hướng, cho nên đến gặp gỡ*". Tô lại nói kệ rằng:

*Dĩ lạc diệp bất khả cánh phụ chi,
Vị lai lật bất khả thực trung cầu,
Bạch câu quá khích bất khả tạm trú,
Dĩ khứ giả bất khả phản,
Vị lai giả bất khả truy,
Tại kim hà tại? Bạch câu nan khả hồi!
(Lá đã lìa cành chẳng gắn lại,
Chẳng mong ăn nổi thóc mai sau,
Ngựa trắng vụt qua há ngừng vó?
Sự đã qua rồi khó trở về,
Chuyện thuộc mai sau há truy cầu?
Hiện tại đang ở nơi đâu?
Bóng câu đã khuất tìm cầu được chẳng?)*

Nói xong, chẳng thấy đâu nữa. Ngài Đàm Loan tự biết đã đến lúc, liền nhóm chúng, răn dạy rằng: "*Vất vả nhọc nhằn cả đời, chẳng nghĩ ngày nào! Các nỗi khổ trong địa ngục chẳng thể không kinh sợ. Chín phẩm Tịnh nghiệp chẳng thể không tu*".

Do vậy, Ngài bèn bảo các đệ tử lớn tiếng xướng A Di Đà Phật, hướng về phương Tây lễ bái mà tạ thế. Đại chúng trong chùa đều thấy phan, hoa, tràng, lọng từ phương Tây đi đến, nhạc trời vang rền trên không trung hồi lâu mới hết.

Do vậy, có thể thấy ngài Đàm Loan không chỉ chú giải luận này lợi ích các liên hữu trong Tịnh Tông, mà còn thân tâm quy mạng A Di Đà Phật, tận lực tu pháp môn Ngũ Niệm, thành tựu Tịnh nghiệp, được sanh về Tịnh Độ, đúng là gương mẫu cho các đệ tử Phật môn trong hiện thời, nêu gương cho Tăng chúng. Chỉ mong kẻ thấy người nghe, đều cùng phát tâm thù thắng, nương theo Bồ Tát đạo dễ hành này để vượt thoát tam giới theo chiều ngang, mau chóng ngự lên ngôi Bất Thoái, cùng thành Phật đạo. Đây là điều tôi mong mỏi vậy!

2. Chánh giảng (phần giảng giải chánh yếu)

2.1. Huyền nghĩa

2.1.1. Phán định rạch ròi giáo pháp

2.1.1.1. Nêu rõ giáo tướng của hai đạo

(Chú) Căn án Long Thọ Bồ Tát Thập Trụ Tỳ Bà Sa vân: “Bồ Tát cầu A Bệ Bạt Trí hữu nhị chủng đạo: Nhất giả, nan hành đạo. Nhị giả, dị hành đạo”.

(註)謹案龍樹菩薩十住毘婆沙云：菩薩求阿鞞跋致有二種道：一者，難行道。二者，易行道。

(Chú: Kinh xét theo bộ Thập Trụ Tỳ Bà Sa của Long Thọ Bồ Tát có nói: “Bồ Tát cầu A Bệ Bạt Trí thì có hai loại đạo: Một là đạo khó hành. Hai là đạo dễ hành”).

Đây là người chú giải, tức Đàm Loan đại sư, trước khi giải thích lời luận theo từng câu, đã chia đại lược các nghĩa lý u huyền, trọng yếu chứa đựng trong bộ luận này thành hai khoa đề diễn nói. Một khoa là nêu ra giáo tướng của hai đường lối, khoa kia là giải thích đề mục và nêu đại cương [của bộ luận này]. Phần này tương đương với phần Huyền Nghĩa của tông Thiên Thai, hoặc phần Huyền Đàm của tông Hiền Thủ.

Ngài Đàm Loan nêu ra giáo tướng của hai đường lối dựa theo cách nói trong bộ Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận do Long Thọ Bồ Tát biên soạn, chẳng phải là sáng kiến của chính Ngài.

Long Thọ (Nāgārjuna, 龍樹) là tên riêng của một vị Bồ Tát. Khoảng chừng bảy trăm năm sau khi đức Phật Thích Ca nhập diệt, Bồ Tát xuất sanh tại Nam Ấn Độ, thông huệ hơn người, nổi danh từ trẻ. Ngài chơi thân thiết với ba người bạn, đều là những bậc tuấn kiệt

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

đương thời. Họ đều học được thuật ẩn thân của bọn đạo sĩ, vào trong cung của quốc vương gian dân các phi tần, người khác chẳng thấy hình dạng của họ, ra vào tự do. Về sau, chuyện bại lộ, ba người bạn đều bị chết dưới lưỡi đao, chỉ mình Ngài thoát chết, mới ngộ “*dục là cội khổ*”, chán dục mà xuất gia. Trong chín mươi ngày, Ngài tụng trọn Tam Tạng, hiểu rõ ý nghĩa. Về sau, Ngài được Đại Long dẫn vào cung rồng, mở hộp bảy báu, trao truyền các diệu pháp Đại Thừa. Ngài chuyên tâm đọc tụng, cũng trải qua chín mươi ngày, thâm nhập Vô Sanh Pháp Nhân, rồng lại đưa Ngài trở về. Ngài bèn hoằng dương Phật pháp rộng lớn tại Nam Ấn Độ, tuyên dương rộng rãi Đại Thừa. Về sau, do có một tỳ-kheo Tiểu Thừa thường ôm lòng ghen ghét, ngài Long Thọ bèn hỏi: “Ông có thích tôi trụ thế lâu dài hay không?” Tỳ-kheo đáp rằng: “Tôi thật sự chẳng muốn”. Ngài Long Thọ liền vào thất vắng, như ve thoát xác mà qua đời. Sau khi Ngài tạ thế, các quốc vương dựng miếu thờ, tôn kính Ngài như Phật. Do Ngài được mẹ sanh ra dưới cội cây, lại do rồng mà thành tựu đạo nghiệp, nên lấy tên là Long Thọ. Ngài là vị Tổ thứ mười ba của Thiên Tông, thọ mạng trụ thế hơn hai trăm năm, duy trì Đại Thừa Phật pháp, độ vô số người.

Bồ Tát chính là Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisattva) gọi tắt, dịch nghĩa là “*hữu tình giác ngộ*”. Phạm là người phát tâm Bồ Đề, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, đều có thể gọi là Bồ Tát. Công hạnh của Bồ Tát có xa hay gần, trí huệ có cạn hay sâu. Mười Tín vị thuộc Biệt Giáo chính là Sơ Phát Tâm Bồ Tát, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng chính là bốn địa vị gia hạnh, được gọi là Tam Hiền Bồ Tát. Thập Địa là thánh vị Bồ Tát. Ngài Long Thọ là thánh vị Bồ Tát; trong kinh Lăng Già, đức Phật có nói ngài Long Thọ là Sơ Địa Bồ Tát, tức là vị Bồ Tát vừa mới đạt được Vô Sanh Pháp Nhân.

Thập Trụ Tỳ Bà Sa (Daśabhūmikavibhāṣā): Tỳ Bà Sa (Vibhāṣā) là tiếng Phạn, dịch nghĩa là Quảng Thuyết (廣說, nói rộng), hoặc là Quảng Giải (廣解, giải thích rộng, cạn kẽ), hoặc Thắng Thuyết (勝說, lời nói thù thắng), hoặc Chủng Chủng Thuyết (種種說, nói ra đủ mọi thứ). Thập Trụ chính là địa vị Thập Địa trong Biệt Giáo. Thập Trụ Tỳ Bà Sa là tên một bộ luận, còn gọi là Thập Trụ Luận. Bộ luận ấy nhằm giải thích hai địa vị đầu tiên trong phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm, do Long Thọ Bồ Tát trước tác. Vào thời Diêu Tần ở Trung Hoa, bộ luận ấy được ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán. Toàn thể bộ luận gồm mười lăm quyển, [chia thành] ba mươi lăm phẩm, phẩm thứ tám là A Bệ Bạt Trí Tướng và phẩm thứ chín là Di Hành, có

đoạn viết: “*Bồ Tát câu A Bệ Bạt Trí (câu bắt thoái chuyển), có hai đường lối, một là đạo khó hành, hai là đạo dễ hành*”.

2.1.1.2. Giải thích về sự khó dễ giữa hai đường

(Chú) Nan hành đạo giả, vị u ngũ trước chi thế, u vô Phật thời, câu A Bệ Bạt Trí vi nan. Thử nan nãi hữu đa đồ, thô ngôn ngữ tam, dĩ thị nghĩa ý. Nhất giả, ngoại đạo tướng thiện loạn Bồ Tát pháp. Nhị giả, Thanh Văn tự lợi chướng đại từ bi. Tam giả, vô lại ác nhân phá tha thắng đức. Tứ giả, điên đảo thiện quả, năng hoại Phạm hạnh. Ngũ giả, duy thị tự lực, vô tha lực trì. Như tư đẳng sự, xúc mục giai thị. Thí như lục lộ, bộ hành tắc khổ. Dĩ hành đạo giả, vị dẫn dĩ tín Phật nhân duyên, nguyện sanh Tịnh Độ, thừa Phật nguyện lực, tiện đắc vãng sanh bỉ thanh tịnh độ. Phật lực trụ trì, tức nhập Đại Thừa Chánh Định chi tụ. Chánh Định tức thị A Bệ Bạt Trí, thí như thủy lộ thừa thuyền tắc lạc.

(註)難行道者，謂於五濁之世，於無佛時，求阿鞞跋致為難。此難乃有多途，粗言五三，以示義意。一者，外道相善亂菩薩法。二者，聲聞自利障大慈悲。三者，無賴惡人破他勝德。四者，顛倒善果能壞梵行。五者，唯是自力，無他力持。如斯等事，觸目皆是。譬如陸路，步行則苦。易行道者，謂但以信佛因緣，願生淨土，乘佛願力，便得往生彼清淨土。佛力住持，即入大乘正定之聚。正定即是阿鞞跋致，譬如水路乘船則樂。

(Chú: “Đạo khó hành” là trong đời ngũ trước, lúc chẳng có Phật, câu A Bệ Bạt Trí khó khăn. Sự khó khăn ấy có nhiều lối, nói thô thiện dăm ba điều để nêu tỏ nghĩa này. Một là những điều thiện thuộc về hình tướng của ngoại đạo gây rối loạn pháp Bồ Đề. Hai là Thanh Văn vì tự lợi mà chướng ngại lòng đại từ bi. Ba là kẻ ác vô lại phá hoại phẩm đức thù thắng của người khác. Bốn là điên đảo thiện quả, có thể phá hoại Phạm hạnh. Năm, chỉ là tự lực, không được tha lực duy trì. Những chuyện như thế chỗ nào cũng đều thấy. Ví như đi theo đường bộ, đi bộ thì khổ. “Đạo dễ hành” là chỉ do nhân duyên tin Phật, nguyện sanh về Tịnh Độ, nương vào nguyện lực của Phật liền được sanh về cõi thanh tịnh ấy. Do được Phật lực gia trì, liền dự vào Chánh Định Tụ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

của Đại Thừa. Chánh Định chính là A Bệ Bạt Trí, ví như theo đường thủy, ngồi thuyền thì vui).

Đoạn văn này nhằm giải thích về Nan Hành và Di Hành Đạo, tức là lời giải thích của ngài Đàm Loan đối với lời luận định trong Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận hòng khiến cho hết thảy các Bồ Tát sơ tâm hiểu rõ: Đề hành Bồ Tát đạo, ngộ hầu đạt đến địa vị Bất Thoái Chuyển, sẽ có hai đường lối khó và dễ khác nhau. Đối với cả hai đường lối đều là trước hết giải thích, sau đó dùng thí dụ để chỉ rõ.

Nan Hành Đạo tức là đường lối hành trì khó khăn trong Bồ Tát đạo. Các kinh luận Đại Thừa thường nói, Bồ Tát từ sơ phát Bồ Đề tâm lần lượt trải qua bốn địa vị gia hạnh, tức Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, và Thập Hồi Hướng, cần phải mất một đại A-tăng-kỳ kiếp rồi mới đăng địa (chứng địa vị Sơ Địa). Từ Sơ Địa cho đến Bát Địa, lại phải trải qua một đại A-tăng-kỳ kiếp nữa. Từ Bát Địa cho đến Thập Địa, lại phải mất một đại A-tăng-kỳ kiếp. Thường nói là “tam kỳ tu phước huệ, bách kiếp tu tướng hảo, thí đắc thành Phật” (ba đại A-tăng-kỳ kiếp tu phước huệ, trăm kiếp tu tướng hảo thì mới được thành Phật). Trước khi đắc Bất Thoái Chuyển, thường là có lúc tiến, có lúc lùi, phải là sau khi đã đăng địa thì mới đảm bảo không thoái chuyển (tức A Bệ Bạt Trí). Đây là một đường lối Bồ Tát đạo rất khó hành. Vì sao khó khăn dường ấy? Tiếp đó, lời Luận bèn kèm theo phần giải thích nguyên nhân.

“*Ngũ trược chi thế*” (Đời ngũ trược): Bồ Tát sanh nhằm đời ác ngũ trược, muốn tu phước và tu huệ khó lắm! Ngũ Trược là năm thứ Kiếp Trược, Kiến Trược, Phiền Não Trược, Chúng Sanh Trược, và Mạng Trược. Tôi đã giảng giải cận kề ý nghĩa bao hàm trong các danh từ ấy từ trang tám mươi bốn cho đến trang tám mươi bảy trong bộ Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Nghĩa cho nên chẳng nhắc lại.

“*U vô Phật thời*” (Trong lúc không có Phật): Tức là Bồ Tát sanh nhằm lúc trước Phật hay sau Phật; điều này là một trong tám nạn. Do vậy, tu hành khó khăn, đắc Bất Thoái Chuyển khó khăn, chứng quả thành Phật càng khốn khó. Như đức Thích Ca Thế Tôn vào hơn hai ngàn năm trăm năm trước, đã thị hiện giáng sanh tại Ấn Độ. Sau đấy, Ngài thành Phật, thuyết pháp độ sanh, chỉ có tám mươi năm bèn diệt độ. Trước khi Phật giáng sanh và sau khi Phật nhập diệt đều là “*vô Phật thời*” (thời gian không có Phật). Sau khi Phật Thích Ca diệt độ, phải qua năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau mới có Di Lặc Bồ Tát

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

thị hiện sanh trong thế giới này (trên địa cầu) của chúng ta, xuất gia, tu hành thành Phật. Đến khi ấy mới là thời có Phật tại thế. Vì thế, kinh Pháp Hoa có nói: “*Phật nan đắc tri, như Ưu Đàm Bát La hoa, hựu như nhất nhĩn chi quy tri phù mộc khổng*” (Đức Phật khó gặp gỡ như hoa Ưu Đàm Bát La, lại như con rùa một mắt gặp bông cây nổi).

“*Cầu A Bệ Bạt Trí vi nạn*” (Cầu Bất Thoái Chuyển khó khăn): A Bệ Bạt Trí (Avaiivartika) là tiếng Phạn, còn phiên âm là A Duy Bạt Trí. A Bệ Bạt Trí dịch nghĩa là Bất Thoái Chuyển. Bồ Tát mong cầu đạt đến Bất Thoái Chuyển đúng là khó khăn. Bởi lẽ, Bồ Đề tâm dễ phát, nhưng cái tâm dài lâu sẽ khó có. Như trong kinh Đại Bát Niết Bàn, đức Phật đã nói: “*Vô lượng chúng sanh phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, ngộ thiếu vi duyên, ư Vô Thượng Bồ Đề đạo, tức tiện thoái chuyển. Như thủy trung nguyệt, thủy động tắc động. Thí như ngư mẫu, đa hữu thai noãn, thành ngư giả tiến. Như Am-ma-la thụ, hoa đa quả thiếu. Chúng sanh phát tâm, nãi hữu vô lượng, đản kỳ thành tựu, thiếu bất túc ngôn*” (Vô lượng chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, gặp chút duyên trái nghịch liền thoái chuyển nơi đạo Vô Thượng Bồ Đề. Như trăng [hiện bóng] trong nước, hễ nước động, bóng trăng động theo. Ví như cá mẹ có nhiều trứng, trứng nở thành cá con ít ỏi. Như cây Am-ma-la, hoa nhiều, trái ít. Chúng sanh phát tâm số đến vô lượng, nhưng người thành tựu ít ỏi chẳng đáng nhắc tới). Lại như ngài Xá Lợi Phất trong đời quá khứ từng phát tâm Đại Thừa, hành Bồ Tát đạo, trong sáu mươi kiếp, từ Sơ Trụ đạt đến Lục Trụ, lúc tiến, lúc lùi, kết quả là thoái chuyển thành Nhị Thừa Thanh Văn! Do vậy có thể biết, Bồ Tát trước khi đắc Bất Thoái Chuyển được gọi là “*khinh mao Bồ Tát*” (Bồ Tát nhẹ như lông tơ), tức là vật bị gió cuốn, bị chuyển theo cảnh.

Bất Thoái Chuyển có bốn tầng cấp:

1) Thất Trụ trong Biệt Giáo, Thất Tín trong Viên Giáo đã đoạn hết Kiến Tư Hoặc, liễu thoát Phần Đoạn Sanh Tử, vượt thoát tam giới, chẳng còn là phàm phu trong lục đạo. Đây gọi là Vị Bất Thoái.

2) Từ Bát Trụ của Biệt Giáo cho đến viên mãn Thập Hồi Hương, phá vô minh, chứng Pháp Thân, chẳng còn lui mất Bồ Tát hạnh. Đó gọi là Hạnh Bất Thoái.

3) Từ Sơ Địa cho đến Bát Địa của Biệt Giáo, niệm nào cũng đều lưu nhập biển Nhất Thiết Trí, thuận theo Chân Như Pháp Tánh. Đó gọi là Niệm Bất Thoái.

4) Từ Bát Địa cho đến Thập Địa, tam kỳ hạnh (sự tu hành trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp) đã viên mãn, gọi là Đẳng Giác Bồ Tát, đạt được

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

bốn chân đức “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*”, thì gọi là Cứu Cánh Bất Thoái.

Nhìn từ chỗ này, Bồ Tát mong cầu Bất Thoái Chuyển xác thực là rất khó. Sự khó khăn ấy không phải chỉ là thời gian dài lâu, đường neo xa xôi, mà là còn do có nhiều nhân tố. Vì thế, Đàm Loan đại sư nói: “*Thử nan nãi hữu đa đồ, thô ngôn ngữ tam, dĩ thị nghĩa ý*” (Sự khó khăn ấy có nhiều lối, nói thô thiển dăm ba điều để chỉ bày ý nghĩa): “*Thô ngôn*” là nêu ra đại lược năm thứ nhân tố và ý nghĩa khó khăn, chẳng thể nói cặn kẽ nổi!

“*Nhất giả, ngoại đạo tướng thiện, loạn Bồ Tát pháp*” (Một là các điều thiện thuộc về hình tướng của ngoại đạo rồi loạn pháp Bồ Tát): “*Ngoại đạo*” là cầu pháp ngoài tâm thì gọi là ngoại đạo, cũng là nói đến các thứ tôn giáo ngoài Phật giáo. Chữ “*ương*” (相) đọc thành “*tướng*”, tức tướng trạng biểu thị. “*Tướng thiện*” tức là nói hết thấy các tôn giáo đều khuyên mọi người làm lành, nhưng làm bao nhiêu chuyện từ thiện cứu tế, hoặc những tín đồ tôn giáo khác làm lành biểu lộ ra ngoài thường bị người đời ngộ nhận họ là Bồ Tát. Thật ra, bậc Bồ Tát có đại tâm, đại trí, vô ngã, vô chấp, tâm hạnh của Bồ Tát là xả mình hòng lợi người. Chớ nên chẳng hiểu rõ, lẫn lộn với những chuyện làm lành thông thường. Lại còn có những kẻ chẳng hiểu rõ ý nghĩa của [danh xưng] Bồ Tát, coi những thứ thần tượng tô đắp hoặc khắc gỗ đều là Bồ Tát. Hãy nên biết: Nếu có thể biết các thứ công đức nơi Phật quả, phát khởi tâm nguyện mong cầu đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, phải có tinh thần đại vô úy, tận tụy đảm đương chuyện phổ độ chúng sanh hòng đều làm cho họ lìa khổ, được vui, cùng được thành Phật, phải thực hiện sự nghiệp cứu đời, cứu người trong thời gian và không gian vô lượng vô hạn; đấy mới là Bồ Tát.

Những thiện hạnh chẳng rốt ráo do ngoại đạo đã thực hiện trong một lúc, làm sao có thể sánh bằng Bồ Tát hạnh chân thật cho được? Nhưng người đời phần lớn chẳng phân biệt hơn kém, tuân theo tà sư, tin tưởng ngoại đạo, lầm lạc đi vào ngõ rẽ. Tri kiến và hành vi của ngoại đạo trong thế gian đã nhiều loạn pháp môn độ sanh của Bồ Tát, khiến cho Bồ Tát muốn hóa độ chúng sanh, thành tựu phước huệ trang nghiêm trở thành khó khăn. Do vậy nói: “*Ngoại đạo tướng thiện, loạn Bồ Tát pháp*” (Những điều thiện thuộc về hình tướng của ngoại đạo gây rối loạn cho pháp Bồ Tát). Tục ngữ có câu: “*Chỉ lộc vi mã*” (Chỉ nai nói là ngựa), tợ hồ là đúng nhưng sai be bét; đấy chẳng phải là hiện tượng phổ biến trong thế gian đó sao? Huống chi xưa, nay, trong ngoài

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

nước, còn có những phường ngoại đạo xen tạp, ăn bám Phật giáo, vờ vĩnh mượn danh xưng Phật Pháp Tăng và hoằng pháp lợi sanh để tận lực làm những chuyện chẳng phù hợp Phật pháp hoặc giới luật, chẳng hợp nhân quả và pháp Bồ Tát. Hoặc là tu mù luyện đui, hoặc là bày ra những trò lạ lùng để mê hoặc mọi người, hoặc là dối gạt chúng sanh, hoặc là tham cầu danh lợi, hoặc là tà tri tà kiến, tự làm, làm người, kéo nhau vào hầm lửa! Những điều ấy được gọi là “*loạn Bồ Tát pháp*”. Chẳng hạn như có một thiếu số Bồ Tát xuất gia nói:

1) Làm Bồ Tát chẳng sợ sanh tử, chẳng mong liễu sanh tử, cứ mong đời đời kiếp kiếp trụ trong sanh tử hồng vầy vùng độ chúng sanh.

2) Giới luật xuất gia do đức Phật chế định chẳng còn phù hợp thời đại, cần phải phế trừ, phải sửa đổi!

3) Học Phật thì phải học theo Di Lặc Bồ Tát, chẳng tu Thiên Định, chẳng đoạn phiền não.

4) Làm bậc xuất gia Bồ Tát thì cần gì phải đoạn dục? Hãy nên giống như người đời cũng có thể có vợ chồng, gia đình riêng.

5) Xuất gia Bồ Tát chẳng cần phải bó buộc bởi giới luật Thanh Văn, đừng nên chấp tướng, chẳng ngại cùng người đời tranh quyền đoạt lợi, tham gia chánh trị, kinh doanh, chẳng ngại làm chuyện giết, trộm, dâm, dối, hút thuốc phiện, uống rượu!

6) Phật ở trong tâm, chúng ta vốn là Phật, chẳng cần phải trì giới, tu hành, hết thầy phương tiện tùy duyên tự tại; đây mới là Bồ Tát.

Ngoài ra, có một số ít tại gia Bồ Tát thì cho rằng:

1) Tại gia Bồ Tát chẳng cần phải trì trai, ăn chay.

2) Tại gia Bồ Tát cũng là một ngôi trong Tam Bảo (hoặc cho rằng phải nên có Tứ Bảo), có thể làm thầy quy y cho người khác, và làm Trụ Trì của chùa miếu, cho đến làm thầy truyền giới, pháp sư, thầy thế độ, lý sự trưởng của hội Phật giáo v.v...

3) Hàng bạch y ngôi tòa cao, tỳ-kheo ngôi dưới thấp, [bạch y] tiếp nhận người xuất gia lễ bái, cúng dường, cho đến sai khiến người xuất gia làm mọi chuyện thế tục đều được!

4) Tại gia Bồ Tát hành Bồ Tát đạo thuận tiện hơn. Do vậy, phản đối xuất gia tu hành, trở ngại người khác xuất gia, thậm chí khuyến hàng xuất gia phá giới.

5) Nếu xuất gia, xuất gia trong thời gian ngắn thì được, [tức là xuất gia trong vòng] một tuần hay mười ngày, chẳng trở ngại sự nghiệp trong cõi đời, mà cũng có công đức giống như xuất gia suốt đời. Đây mới là thích hợp nhu cầu của người hiện thời.

6) Trụ trì Phật pháp, hoằng dương Phật pháp, hãy nên đi theo hướng xã hội, cần phải hòa lẫn với người đời thành một khối, cần phải chọn phương cách xí nghiệp hóa, hiện đại hóa, nghệ thuật hóa, ca múa, hát xướng, uống rượu, chơi bời, xem tướng, bói toán, kéo bè kết đảng mưu toan riêng tư đều chẳng bị cấm kỵ. Chỉ cốt sao tín đồ ngày càng đông, chẳng nề hà bất cứ thủ đoạn nào! Đây mới là Bồ Tát, mới có thể khiến cho Phật pháp phổ cập.

Tôi nói những điều ấy, chẳng qua là “*nêu ra một góc, để suy ra ba góc*”, thật ra, những kiểu nói và sự tương “*tợ hồ là đúng, nhưng sai be bét*” ấy đã uế tạp, che lấp hạnh Bồ Tát và pháp Bồ Tát chân thật. Nói mãi chẳng xong, kể chẳng hết! Những điều ấy đều có thể gọi là “*ngoại đạo tướng thiện, loạn Bồ Tát pháp*”. Vì những người ấy toàn là nội tâm thật sự ngoại đạo, bề ngoài khoác lấy danh xưng Bồ Tát!

“*Nhị giả, Thanh Văn tự lợi, chướng đại từ bi*” (Hai là Thanh Văn tự lợi, chướng ngại lòng đại từ bi): Thanh Văn tức là tứ chúng đệ tử nghe lời dạy về Tứ Thánh Đế của đức Phật bèn tu hành, chúng Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả của Tiểu Thừa. Vì họ chỉ cầu liễu sanh thoát tử cho chính mình, chẳng có tâm hóa độ chúng sanh, nên nói là “*Thanh Văn tự lợi*”. Bồ Tát khác hẳn, ắt cần phải phát Bồ Đề tâm thì mới có thể gọi là Bồ Tát. Nhưng Bồ Đề tâm ắt cần phải nương vào cái tâm đại từ đại bi làm Thể. Nếu không có tâm từ bi, tức là không có Bồ Đề tâm, sẽ chẳng gọi là Bồ Tát. Do hàng Thanh Văn chỉ vì tự mình liễu thoát, chỉ có tâm xuất ly, chẳng có lòng từ bi, cho nên nói “*chướng đại từ bi*”, cũng chính là chướng ngại phát Bồ Đề tâm, chẳng thể tu Bồ Tát hạnh. Bồ Tát hạnh chính là nguyên nhân để thành tựu Bồ Tát đạo.

“*Tam giả, vô lại ác nhân phá tha thắng đức*” (Ba là kẻ vô lại phá hoại phẩm đức thù thắng của người khác): “*Vô lại*” (無賴) là kẻ chẳng chú trọng chánh nghiệp, chẳng có thiện tâm, buông lung, biếng nhác. Đã không có thiện tâm, tất nhiên sẽ làm ác, nên gọi là “*ác nhân*”. Hạng này có hai loại: Một là thế gian, tức những phần tử bất lương trái phạm pháp luật và kỷ cương, gian trá, trốn thuế trong xã hội. Hai là những kẻ trong Phật môn, tức là những hạng người bại hoại trong Tăng đoàn ăn bám Phật pháp, phá trai, phạm giới. Những kẻ ác ấy tự mình làm ác, lại còn đổ kị bậc hiền thiện, thấy người khác làm lành, trì giới, tu hành, liền đơm đặt, phỉ báng, thậm chí vu vạ, hãm hại người khác, khiến cho người khác thân bại danh liệt, hoặc táng thân mất mạng! Do vậy nói là “*phá tha thắng đức*”. Xưa nay trong ngoài nước, những chuyện như vậy rất nhiều. Như các vị Tử Bách, Hám Sơn đại sư vào cuối đời Minh,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

lão hòa thượng Hư Vân, Từ Hàng Bồ Tát v.v... vào thời Dân Quốc hoặc là bị giam cầm trong lao ngục, hoặc là bị đánh đập, hoặc là bị lưu đày, bị sung quân v.v... chính là sự thật [chứng tỏ những kẻ vô lại đã phá hoại các Ngài].

“*Từ giả, điên đảo thiện quả, năng hoại phạm hạnh*” (Bôn là điên đảo thiện quả, có thể phá hoại phạm hạnh): “*Điên đảo thiện quả*” tức là làm các thiện nghiệp hữu lậu thế gian, sẽ đạt được thiện quả hữu lậu trong thế gian. Chẳng hạn như tuân hành khuôn phép đạo đức thế gian, làm một công dân an phận, vâng giữ pháp luật, hoặc là có thể thọ trì Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện, làm những chuyện từ thiện cứu tế, nhưng chẳng hiểu Phật pháp, chưa phát tâm xuất ly và Bồ Đề tâm, khuyết thiếu tâm từ bi, nhưng vẫn tin tưởng nhân quả thiện ác, chỉ cầu phước báo nhân thiên. Người như thế tuy làm lành, nhưng đều thuộc vào thiện nghiệp hữu lậu, chỉ đạt được phú quý trong nhân gian, cho đến sanh lên trời hưởng phước. Thế nhưng hưởng hết phước lạc, ắt sẽ đọa xuống, khó tránh khỏi đọa trong tam đồ chịu khổ. Điều này được gọi là “*tam thế oán*”. Đời này tạo nhân lành, đời sau hưởng quả lành phú quý. Do phú quý bèn rộng tạo các ác nghiệp, đời sau ắt bị ác báo. Điều này được gọi là “*điên đảo thiện quả*”. Bồ Tát thực hiện sự nghiệp tự lợi, lợi tha, nếu chẳng thể “*tam luân thế không*”, sẽ có sự chấp trước, tham cầu phước lạc thế gian. Vậy thì tuy người ấy có thể làm Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc làm quốc sư của hoàng đế, nhưng chẳng thể thành bậc thánh nhân xuất thế thuộc tam thừa. Do vậy nói là “*năng hoại phạm hạnh*” (có thể phá hoại phạm hạnh).

“*Phạm hạnh*” (梵行) nói theo nghĩa rộng chính là thánh đạo được hành bởi các bậc thánh nhân tam thừa, cho đến các hạnh thanh tịnh nơi tam nghiệp được tu bởi các tín đồ tôn giáo. Nói theo nghĩa hẹp, phạm hạnh là các hạnh nhằm đoạn Ngũ Dục và đắc Thiền Định thế gian. Do [hành các hạnh ấy] có thể sanh lên Phạm Thiên, nên gọi là Phạm Hạnh. Những phạm hạnh dù rộng hay hẹp ấy đều bị mất đi, chẳng đạt được lợi ích xuất thế. Vì vậy nói là “*năng hoại phạm hạnh*” (phạm hạnh có thể hư hoại). Chẳng hạn như Vĩnh thiên sư đời Đường chuyển thế làm Phòng thái úy, một vị Ni tụng kinh Pháp Hoa đời Tống chuyển thế làm Phòng thái úy, một vị Ni tụng kinh Pháp Hoa đời Tống chuyển thân, đọa làm quan kỹ (kỹ nữ chính thức do hệ thống quan quyền quản lý), một vị Tăng ở núi Nhạn Đãng chuyển thế thành gian thần Tàn Cối, hậu thân của ngài Thanh Thảo Đường là Tăng Lỗ Công, hậu thân của Triết thiên sư là một người đại quý, đều thuộc vào trường hợp này.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

“*Ngũ giả, duy thị tự lực, vô tha lực trì*” (Năm, chỉ là tự lực, chẳng có tha lực duy trì): Bồ Tát từ phát Bồ Đề tâm, tu Bồ Tát hạnh, cho đến khi thành Phật, theo đường lối thông thường là phải trải qua nhị đạo ngũ Bồ Đề, hoặc là năm địa vị, mười ba trụ, thời gian là ba đại A-tăng-kỳ kiếp (tôi đã nói tường tận những điều này trong bộ Tâm Kinh Quán Hạnh Giải). Toàn bộ quá trình ấy cạy vào Tam Huệ Văn Tư Tu của chính mình để thực hiện, vì thế nói là “*duy thị tự lực*” (chỉ là tự lực). Trong quá trình tu chứng, tuy có thể đạt được Pháp Thân của chư Phật (do đồng thể với Bồ Tát), và được Tam Bảo ngậm gia hộ, nhưng chẳng có Phật lực rõ rệt (bao gồm nguyện lực, thần thông lực, trí huệ lực, và sức cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn của Phật) gia bị, nhiếp thọ, hộ trì, khiến cho Bồ Tát chẳng đánh mất Bồ Đề tâm, chẳng lui sụt Bồ Tát hạnh, nên nói là “*vô tha lực trì*” (chẳng có tha lực duy trì).

“*Như tư đẳng sự, xúc mục giai thị*” (Những chuyện như vậy chỗ nào cũng đều có): Năm thứ chướng ngại sự tu hành của hàng Bồ Tát như vừa nói trên đây bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào cũng đều có thể thấy được.

“*Thí như lục lộ, bộ hành tắc khổ*” (Ví như đi theo đường bộ, đi bộ thì khổ): Đây là nêu thí dụ. Như người có chuyện phải đi xa, giả sử đi đường bộ, chỉ cạy vào hai chân để bước đi; đây là chuyện hết sức gian nan, khôn khổ. Do vậy, [đường lối này] được gọi là Nan Hành Đạo.

“*Dị hành đạo giả*”, ngược lại, hành Bồ Tát đạo ngoài ra còn có một pháp môn tu trì dễ dàng. Đã giản dị, lại còn thẳng chóng, có thể chứng đắc thánh quả (địa vị Bất Thoái) rất nhanh. Vì thế gọi là Dị Hành Đạo.

“*Đản dĩ tín Phật nhân duyên, nguyện sanh Tịnh Độ*” (Chỉ do nhân duyên tin Phật, nguyện sanh về Tịnh Độ): Dị Hành Đạo như Đàm Loan đại sư đã nói chẳng giống những cách “*khai quan, điểm khiêu*”, hoặc dùng mật chú, vẽ bùa, thần thông, bí quyết chi đó của ngoại đạo! Chỉ cần phát Bồ Đề tâm, tín, nguyện, niệm, hạnh trọn đủ, thì sẽ có thể vãng sanh. Nhất là đối với sự vãng sanh Tịnh Độ, phải có “*lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha*”, niệm hạnh sẽ tự ở trong ấy, không ai chẳng vãng sanh. “*Tin vào nhân duyên của Phật*” là tin vào ba kinh Tịnh Độ do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, tin A Di Đà Phật tu nhân chứng quả, nhiếp hóa, tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ, đủ mọi sức công đức chẳng thể nghĩ bàn! Nhất là phải tin A Di Đà Phật là Pháp Giới Thân vào trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh, “*tâm này làm*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Phật, tâm này là Phật”, Phật Di Đà là Di Đà trong tâm chúng sanh, chúng sanh là chúng sanh trong tâm A Di Đà Phật. Phật Di Đà nghĩ tới chúng sanh như mẹ nghĩ đến con; chúng sanh niệm Phật Di Đà như con nghĩ đến mẹ. Mẹ và con nghĩ đến nhau như thế, ắt được vãng sanh Tịnh Độ, đích thân thấy Phật Di Đà, nghe pháp khai ngộ, đắc Bất Thoái Chuyển. Chỉ cần có tín tâm như thế, dùng cái tâm ấy để niệm Phật Di Đà, hành Thập Thiện, phát nguyện cầu sanh Cực Lạc. Đây là hạnh môn ai nấy đều làm được dễ dàng, thuộc về tự lực của chúng sanh, thành tựu nhân duyên (điều kiện) vãng sanh Cực Lạc, ắt sẽ được sanh về Tịnh Độ. Vì thế nói *“đản dĩ tín Phật nhân duyên, nguyện sanh Tịnh Độ”* (chỉ do nhân duyên tin Phật, nguyện sanh về Tịnh Độ).

“Thừa Phật nguyện lực, tiện đắc vãng sanh bỉ thanh tịnh độ” (Nuơng vào nguyện lực của Phật liền được sanh về cõi thanh tịnh ấy): Năm câu kệ đó thuộc về Tha Lực (sức bốn nguyện của Phật Di Đà), nên nói là *“thừa Phật nguyện lực”* (nuơng vào nguyện lực của Phật). Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Bồn Sư đã vì chúng ta giới thiệu nhân địa của Phật Di Đà: Khi Ngài làm tỳ-kheo Pháp Tạng, đã đối trước Thế Tự Tại Vương Phật, xưng tánh phát ra bốn mươi tám đại nguyện. Trải qua vô lượng kiếp, dùng hạnh để thực hiện nguyện, mỗi nguyện đều có quyết tâm *“nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác”* (nếu chẳng được như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác), khiến cho [những nguyện ấy] hoàn toàn được thực hiện, đạt thành. Vì vậy, bốn mươi tám đại nguyện ấy chính là chiếc thuyền Từ trong biển khổ, là chiếc thuyền cứu độ to lớn khiến cho chúng sanh lìa khổ được vui. Chỉ cần chúng sanh có thể tin tưởng, chịu lên thuyền, không ai chẳng được sanh vào thế giới Cực Lạc là cõi thanh tịnh trang nghiêm của Phật Di Đà, *“chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng những điều vui”*.

“Phật lực trụ trì, tức nhập Đại Thừa Chánh Định chi tụ, Chánh Định tức thị A Bệ Bạt Trí” (Do Phật lực duy trì, liền dự vào Chánh Định Tụ của Đại Thừa. Chánh Định chính là Bất Thoái Chuyển): Đàm Loan đại sư đã căn cứ vào lời dạy trong kinh Vô Lượng Thọ: *“Kỳ hữu chúng sanh, sanh bỉ quốc giả, giai tất trụ u Chánh Định chi tụ. Bỉ Phật quốc trung, vô chư Tà Tụ, cập Bất Định Tụ”* (Nếu có chúng sanh sanh vào cõi ấy, thấy đều trụ trong Chánh Định Tụ. Trong cõi của đức Phật ấy, không có các thứ Tà Định Tụ và Bất Định Tụ), và nguyện thứ mười một trong bốn mươi tám nguyện: *“Quốc trung thiên nhân, bất trụ Định Tụ, tất chí diệt độ giả, bất thủ Chánh Giác”* (Nếu trời người trong nước chẳng trụ trong Định Tụ, ắt đạt đến diệt độ, tôi chẳng giữ lấy ngôi

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Chánh Giác), nêu rõ đạo lý “*đễ đắc Bất Thoái Chuyển, viên mãn Bồ Đề ngay trong một đời*” (“*tất chí diệt độ*”) của pháp môn Tịnh Độ, tức là chúng sanh được sức bổn nguyện công đức của A Di Đà Phật nhiếp thọ và gia trì mà vãng sanh, sẽ đều được an trụ nơi A Bệ Bạt Trí (Bất Thoái Chuyển Bồ Tát), chẳng rơi vào hai loại đệ tử Phật thuộc Tà Định (chẳng tin Đại Thừa) và Bất Định (Đại Tiểu Thừa bất định).

“*Thí như độ hải, thừa thuyền tắc lạc*” (Ví như vượt biển, ngồi thuyền bèn vui): Hai câu này là nêu thí dụ, nhằm so sánh: Theo Dị Hành Đạo, giống như người ngồi thuyền, thuận gió, thuận con nước (nương vào sức bổn nguyện của Phật), chẳng tốn hơi sức, chẳng cần nhiều thời gian, an lạc tự tại, rất nhanh chóng đạt tới đích.

Trên đây, Đàm Loan đại sư đã giải thích luận này, nêu ra nguyên do hành Bồ Tát đạo có hai đường lối khó và dễ khác nhau. Do vậy có thể biết, chúng ta thân ở trong Ngũ Trược, nhằm thuở cõi đời không có Phật, tuy phát Bồ Đề tâm, tu Bồ Tát hạnh, nhưng rất khó thành tựu. Vì thế, ắt cần phải tu Dị Hành Đạo. Cốt lõi của Dị Hành Đạo chính là coi trọng tự lực lẫn tha lực, chẳng phé [một lực nào], nhưng kim chỉ nam cho tự lực lẫn tha lực là chú trọng nơi hai chữ Tín Nguyện. Tín như thế nào? Tin rằng: Theo đường thủy ngồi thuyền sẽ vui. Một khi đã tin, vĩnh viễn chẳng còn ngờ vực nữa! Nguyện như thế nào? Nguyện chịu lên thuyền, nhanh chóng lên bờ kia, chỉ cầu vãng sanh, chẳng nguyện chi khác. Có Tín và Nguyện như thế, lại thêm thân nghiệp thường lễ bái Phật Di Đà, khẩu nghiệp luôn xưng niệm Phật Di Đà, ý nghiệp thường luôn quán tưởng sự thanh tịnh trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của cõi Cực Lạc, tu điều thiện (Thập Thiện) nhiều hay ít, chí tâm hồi hướng, ắt được vãng sanh Tịnh Độ, liễu sanh thoát tử, đắc Bất Thoái Chuyển, rộng độ chúng sanh, thẳng đến khi thành Phật. Do vậy, Thế Thân Bồ Tát tạo bộ luận này, trước hết dùng ba chữ Nguyện Sanh Kệ để đặt tên; Đàm Loan đại sư chú giải luận này, vừa mở đầu liền dùng Dị Hành Đạo để phán giáo, phân định rõ rệt, rất minh bạch bảo chúng ta: Muốn vãng sanh Tịnh Độ, hễ có nguyện sẽ dễ dàng. Chẳng có nguyện, sẽ khó khăn. Nguyện hết thay các vị Bồ Tát, các liên hữu Tịnh Tông, ắt cần phải chân thành, thiết tha phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ. Phải vãng sanh! Quyết định vãng sanh! Ắt được vãng sanh!

2.1.2. Giải thích tựa đề và nêu đại cương

2.1.2.1. Dựa theo tựa đề để trần thuật đại cương

2.1.2.1.1. Giải thích về chỗ y cứ, phán định bản thể của kinh

(Chú) Thử Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá, cái thượng diễn chi cực trí, bất thoái chi phong hàng giả dã. Vô Lượng Thọ thị An Lạc Tịnh Độ Như Lai biệt hiệu. Thích Ca Mâu Ni Phật tại Vương Xá thành cập Xá Vệ quốc, đại chúng chi trung, thuyết Vô Lượng Thọ Phật trang nghiêm công đức, tức dĩ Phật danh hiệu vi kinh thể.

(註)此無量壽經優婆提舍，蓋上衍之極致，不退之風航者也。無量壽是安樂淨土如來別號。釋迦牟尼佛在王舍城及舍衛國，於大眾之中，說無量壽佛莊嚴功德，即以佛名號為經體。

(Chú: Bộ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá này đã bao gồm trọn vẹn chỗ cùng tốt của thượng thừa, là chiếc thuyền buồm chẳng thoái chuyển. Vô Lượng Thọ là biệt hiệu của đức Như Lai trong An Lạc Tịnh Độ. Thích Ca Mâu Ni Phật tại thành Vương Xá và nước Xá Vệ, ở giữa đại chúng, đã nói về công đức trang nghiêm của Vô Lượng Thọ Phật, tức là dùng danh hiệu của Phật làm bản thể của kinh).

“*Thử Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá*”: Trong câu này, Đàm Loan đại sư nêu ra chỗ y cứ của việc đặt tựa đề cho bộ luận này, ý nghĩa bao hàm trong ấy đã được nói trong phần Huyền Đàm trên kia; có thể thấy là [nếu] đem ba chữ Nguyên Sanh Kệ thêm vào cuối danh xưng của bộ luận này sẽ là sai lầm vậy.

“*Cái thượng diễn chi cực trí, bất thoái chi phong hàng giả dã*” (Nêu bày trọn hết chỗ cùng tốt trong thượng thừa, là chiếc thuyền buồm bất thoái): Hai câu này nhằm giải thích chung ý nghĩa đại cương của bộ luận này, mà cũng là lời lẽ tán thán.

“*Thượng diễn chi cực trí*” có nghĩa là mạnh mẽ tiến lên cao, chẳng có tầng cấp, chẳng thể cùng tận được. Bồ Tát nương theo bộ luận này để tu Bồ Tát đạo, liền có thể do phát tâm mà vượt cao hơn, tiến nhập thẳng vào cảnh địa Phật quả (“*cực trí*”, đạt đến chỗ tốt cùng), chẳng cần phải noi theo những thứ Nan Hành Đạo thông thường, [tức là chẳng cần] phải trải qua các địa vị Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa v.v... hướng thượng tăng tấn dần dần, tới cuối cùng mới có thể thành Phật.

“*Bất thoái phong hàng*” (Chiếc thuyền buồm bất thoái): “*Hàng*” (航) chính là thuyền. “*Phong hàng*” (風航) chính là thuyền buồm thời cổ. Nếu ở trong con sông rộng và thẳng, thuận nước xuôi dòng trôi đi, lại được thuận gió, tốc độ của thuyền sẽ nhanh chóng như tên bắn, từ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

mã⁶ khó đuổi kịp, vạ con trâu chẳng kéo lại được, quyết chẳng đến nỗi lui trở lại hoặc chuyển hướng. Dùng điều này để sánh ví [người nghiên cứu, hành theo] bộ luận này, ví như có được chiếc thuyền buồm, chắc chắn vãng sanh Tịnh Độ, đắc Bất Thoái Chuyển. Do vậy, cổ đức gọi [pháp môn Tịnh Độ] là “*kính trung kính hựu kính*” (徑中徑又徑, con đường còn tốt hơn nẻo đường tốt nhất trong các con đường tốt).

“*Vô Lượng Thọ thị An Lạc Tịnh Độ Như Lai biệt hiệu*” (Vô Lượng Thọ là biệt hiệu của đức Như Lai trong An Lạc Tịnh Độ): Qua hai câu này, Đàm Loan đại sư đã dựa theo sự thật để giải thích chữ Vô Lượng Thọ. Như Lai là danh hiệu chung (thông hiệu) của chư Phật, Vô Lượng Thọ là biệt hiệu của đấng giáo chủ trong Tây Phương Cực Lạc (An Lạc) thế giới (Tịnh Độ). Xác thực có vị ấy, có chuyện ấy, chẳng phải là ngụ ngôn hay thần thoại!

“*Thích Ca Mâu Ni Phật tại Vương Xá thành cập Xá Vệ quốc, v đại chúng chi trung, thuyết Vô Lượng Thọ Phật trang nghiêm công đức*” (Thích Ca Mâu Ni Phật tại thành Vương Xá và nước Xá Vệ, ở giữa đại chúng, đã nói về công đức trang nghiêm của Vô Lượng Thọ Phật): Trong bốn câu này, ngài Đàm Loan lại nêu ra sự thật lịch sử nhằm chứng minh các thứ công đức trang nghiêm đã thuật trong bộ luận này chẳng phải do vị Luận Chủ bịa đặt, mà cũng chẳng phải là nghe lỏm, nói mò! Xác thực là muôn ngàn đích xác! Hơn hai ngàn năm trăm năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật sau khi đã thành Phật, trước hết, Ngài bèn nói các kinh điển Đại Tiểu Thừa khác. Lại ở nơi thành Vương Xá (Rājagṛha) và núi Linh Thứu (Gṛdhrakūṭa, Kỳ Xà Quật) nước Ma Kiệt Đề (Maghada), cũng như tại tinh xá Kỳ Viên (Jetavane Anāthapindikassa Ārāma) của nước Xá Vệ (Śrāvastī), trước sau nói ra các bộ Đại Bản Vô Lượng Thọ Kinh, Tiểu Bản A Di Đà Kinh, và Quán Kinh, khiến cho đại chúng nghe kinh đều có thể biết danh hiệu của Vô Lượng Thọ Phật, cũng như bốn nguyện và công đức của Ngài, các thứ trang nghiêm thanh tịnh v.v...

“*Tức dĩ Phật danh hiệu vi kinh thể*” (Tức là dùng danh hiệu của Phật làm bản thể của kinh): Câu này chính là lời phán định của ngài Đàm Loan đối với ba kinh một luận Tịnh Độ, tức là dùng danh hiệu quang thọ vô lượng của A Di Đà Phật làm bản thể của kinh luận, cũng

⁶ Tứ mã (駟馬): Thời cổ, ngựa được chọn kỹ lưỡng, phải có sức mạnh giống nhau, tốc độ chạy giống nhau, ghép thành hai cặp gồm bốn con ngựa để kéo xe. Do đồng bộ, chúng kéo xe chạy rất nhanh, ngựa như vậy được gọi là Tứ Mã.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

dùng điều đó làm cái Thể nơi thân và cõi của đấng Tây Phương giáo chủ, và cũng làm cái Thể cho chúng sanh vãng sanh đắc Bất Thoái Chuyển. Mà nhiệm thay, danh hiệu Di Đà! Lành thay Vãng Sanh Luận! Xác thực là chiếc phi thuyền để chúng sanh thoát khổ thành Phật!

2.1.2.1.2. Giải thích về năng y (người dựa vào kinh tạo luận), và nêu bày hai thứ lực dụng

(Chú) Hậu thánh giả Bà Tẩu Bàn Đậu Bồ Tát, phục ưng Như Lai đại bi chi giáo, bàng kinh tác Nguyên Sanh Kệ, phục tạo Trường Hàng trùng thích.

(註)後聖者婆藪槃頭菩薩，服膺如來大悲之教，傍經作願生偈，復造長行重釋。

(Chú: Về sau, bậc thánh nhân là Bà Tẩu Bàn Đậu Bồ Tát tuân theo giáo pháp đại bi của đức Như Lai, dựa theo kinh, soạn ra Nguyên Sanh Kệ, lại soạn phần văn Trường Hàng để giải thích thêm).

“Hậu thánh giả”, ý nói sau khi đức Phật nhập diệt chín trăm năm (cách hiện thời khoảng một ngàn sáu trăm năm), có một vị đã chứng thánh quả, tức là Thế Thân Bồ Tát, xuất sanh tại vùng Tây Bắc Ấn Độ, có ba anh em. Anh Ngài tên là Vô Trước, em Ngài là Sư Tử Giác, đều là tỳ-kheo xuất gia. Thuở ấy, ngài Thế Thân xuất gia theo Hữu Bộ (Nhất Thiết Hữu Bộ, Sarvāstivāda) thuộc Tiểu Thừa, đã trước tác năm trăm bộ luận Tiểu Thừa. Bộ Câu Xá Luận (Abhidharma-kosābhāsyā) còn gọi là Thông Minh Luận, chính là tác phẩm trứ danh của Ngài. Anh Ngài là Vô Trước biết em mê chấp Tiểu Thừa, muốn hóa độ Ngài hồi Tiểu hướng Đại, vờ nói là ngã bệnh, gửi thư gọi Ngài về gặp mặt, vì Ngài nói giáo nghĩa Đại Thừa. Thế Thân giác ngộ, muốn cắt lười sám hối. Ngài Vô Trước khuyên Thế Thân hoằng dương Đại Thừa để lấy công chuộc tội. Thế Thân bèn dựa theo những manh mối của ngài Vô Trước, soạn năm trăm bộ luận Đại Thừa. Phạm là kinh Đại Thừa, không bộ nào Ngài chẳng xung tán, lưu thông rộng rãi. Thuở ấy, Ngài được gọi là Thiên Bộ Luận Chủ (vị chủ nhân của một ngàn bộ luận), danh tiếng vang dội Ngũ Ấn, để lại tiếng thơm muôn năm. Bộ luận này chính là tác phẩm của Ngài. Do Ngài đã liễu giải tột bậc sâu xa toàn thể Phật pháp, cho nên đối với sự tu trì trong pháp môn Tịnh

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Độ, Ngài có kiến giải tốt bậc khế lý, khế cơ.

Bà Tâu Bàn Đâu (Vasubandhu) là tiếng Phạn, dịch theo lối cũ là Thiên Thân (天親), Huyền Trang đại sư đổi thành Thế Thân (世親). Bà Tâu⁷ là tên một vị thần của Ấn Độ, vị thần ấy thân thiết với người đời, hễ cầu con bèn có con, cầu tài được tài, như cha mẹ trong thế gian yêu thương, che chở con cái. Vì thế, gọi là Thế Thân. Ngài đã do Tiểu Thừa chuyển nhập Đại Thừa, cho nên phát đại Bồ Đề tâm, tự lợi, lợi tha, sau đây, trở thành bậc thánh nhân chứng đắc địa vị Tứ Gia Hạnh (Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất) trong Đại Thừa.

“Phục ưng Như Lai đại bi chi giáo... phục tạo Trường Hàng trùng thích” (Lại vâng theo lời dạy từ bi của đức Như Lai... lại tạo văn Trường Hàng để giải thích thêm): Ngài Đàm Loan đã nêu ra người có thể dựa theo kinh để tạo luận, lại dùng ba câu để chỉ rõ lực dụng “có thể vãng sanh Tịnh Độ” của bộ luận này. Chữ Ứng (膺) nên đọc âm giống như chữ Nhân (因)⁸. *“Phục ưng”* (服膺) có nghĩa là *“tin nhận, phụng hành”*. Như Lai tức là Phật, ở đây nhằm chỉ đức Phật Thích Ca, mà cũng có thể nói tổng quát là mười phương ba đời hết thầy chư Phật. Ngôn giáo do Phật Thích Ca và chư Phật nói ra đều lưu xuất từ tâm đại từ bi, thương xót chúng sanh đang chìm đắm trong sanh tử, muốn khiến cho những ai nghe pháp đều có thể lìa khổ, được vui, liễu sanh thoát tử, không một ai chẳng thành Phật. Do vậy, Tam Tạng mười hai phân giáo do chư Phật đã nói đều có thể gọi là *“giáo pháp đại bi”*.

“Bàng kinh tác Nguyên Sanh Kệ” (Dựa theo kinh để soạn ra Nguyên Sanh Kệ): Chữ Bàng (傍) có cùng ý nghĩa với chữ Y (依, nương theo, dựa vào). *“Bàng kinh”* có nghĩa là nương theo hết thầy các kinh Đại Thừa. *“Tác Nguyên Sanh Kệ”* ý nói ngài Thế Thân trước hết dùng thể loại Kệ tụng [mỗi bài kệ gồm] bốn câu, [mỗi câu] năm chữ để soạn luận, hòng thuyết minh đơn giản, trọng yếu về sự lý, nhân quả của việc phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ.

⁷ Vasu là tên gọi chung của tám vị thần (thường gọi là Aṣṭa-vasu) làm thị giả cho thần Indra (Thiên Đế Thích), hoặc thần Vishnu (Tỳ Nữu Thiên) trong Ấn Độ giáo, có vai trò phù hộ tín đồ được thịnh vượng may mắn. Họ chính là Prithvi (thần đất), Agni (thần lửa), Vayu (thần gió), Varuna (thần nước), Āditya (thần mặt trời, còn gọi là Surya, hoặc Pratyūsha), Dyaus (thần hư không), Chandramas (thần mặt trăng), và Nakstrani (thần tinh tú, tức thần Bắc Cực Tinh).

⁸ Trong tiếng Quan Thoại, Ứng (膺) đọc là yīng, còn Nhân (因) đọc là yīn.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

“*Phục tạo Trường Hàng trùng thích*” (Lại soạn phần văn Trường Hàng để giải thích thêm): “*Tạo*” (造) có nghĩa là trước thuật. Ngài lại dùng thể tài (genre) Trường Hàng (văn xuôi) để trước thuật hồng giải thích cặn kẽ hàm ý trong phần Kệ Tụng.

2.1.2.1.3. Nêu lên tựa đề của bộ luận, giải thích về sự phiên dịch

(Chú) Phạm ngôn Ưu Bà Đề Xá, thử gian vô chánh danh tương dịch. Nhược cử nhất ngung, khả danh vi Luận. Sở dĩ vô chánh danh dịch giả, dĩ thử gian bốn vô Phật cố.

(註)梵言優婆提舍，此間無正名相譯。若舉一隅，可名為論。所以無正名譯者，以此間本無佛故。

(Chú: Từ ngữ Ưu Bà Đề Xá trong tiếng Phạn, cõi này không có chữ tương ứng khít khao để dịch. Nếu chỉ nêu lên một góc (một khía cạnh của nhiều ý nghĩa) thì có thể gọi là Luận. Sở dĩ không có từ ngữ tương ứng khít khao để dịch là vì trong cõi này vốn chẳng có Phật).

“*Phạm ngôn*” tức là Phạm văn. Người Ấn Độ cho rằng đó là ngôn ngữ của Đại Phạm Thiên. Trước khi đức Phật xuất hiện trong thế gian, Ấn Độ vốn tín ngưỡng Bà La Môn, cả xứ Ấn Độ đều tin thờ Bà La Môn giáo, cho rằng giai cấp Bà La Môn thuộc dòng dõi Phạm Thiên (Prajapati Brahmā), sanh từ miệng của Đại Phạm Thiên Vương. Do vậy, ngôn ngữ và văn tự của hàng Bà La Môn được gọi là Phạm văn (Samskr̥tā vāk, ngôn ngữ văn tự của Phạm Thiên). Thuở ấy, toàn thể Ấn Độ đều tin thờ Bà La Môn giáo; do đó, văn tự và ngôn ngữ của Ấn Độ được gọi là “*Phạm văn*”.

“*Ưu Bà Đề Xá, thử gian vô chánh danh tương dịch*” (Ưu Bà Đề Xá, cõi này không có chữ tương ứng khít khao để dịch): Do bốn chữ Ưu Bà Đề Xá (Upadeśa) là tiếng Phạn, là ngôn ngữ của Ấn Độ, tại Trung Hoa chẳng có từ ngữ nào có ý nghĩa phù hợp khít khao để có thể dùng phiên dịch được.

“*Nhược cử nhất ngung, khả danh vi Luận*” (Nếu chỉ nêu lên một góc (một khía cạnh của nhiều ý nghĩa) thì có thể gọi là Luận): “*Ngung*” (隅): Trong không gian, mỗi vật thể đều có mười phương, gọi là “*phương ngung*” (方隅). Một phương diện trong ấy thì gọi là “*nhất ngung*”. Giả sử trong nhiều loại ý nghĩa được bao hàm [trong từ ngữ Ưu Bà Đề Xá] của tiếng Phạn, nêu ra một ý nghĩa để phiên dịch thì có

thê gọi là Luận, hoặc gọi là Luận Nghị.

“*Sở dĩ vô chánh danh dịch giả, dĩ thử gian bốn vô Phật cổ*”: Đây là ngài Đàm Loan nói rõ nguyên nhân chữ Ưu Bà Đề Xá không có từ ngữ tiếng Hán tương ứng khít khao để phiên dịch, không chỉ là vì văn tự, ngôn ngữ sai biệt bất đồng, mà chủ yếu là vì Kinh, Luật, Luận bằng tiếng Phạn phần lớn do đức Phật nói. [Trong đất nước của] người Hoa (“*thử gian*”, cõi này) vốn không có Phật xuất thế thuyết pháp, cho nên cũng chẳng có từ ngữ thích đáng để có thể sử dụng phù hợp với kinh Phật bằng tiếng Phạn.

(Chú) Như thử gian thư, tựu Khổng Tử nhi xưng Kinh, dư nhân chế tác giai danh vi Tử. Quốc sử, quốc kỷ chi đồ, các biệt thể lệ. Nhiên Phật sở thuyết thập nhị bộ kinh trung, hữu luận nghị kinh danh Ưu Bà Đề Xá. Nhược phục Phật chư đệ tử giải Phật kinh giáo, dĩ Phật nghĩa tương ứng giả, Phật diệc hứa danh Ưu Bà Đề Xá, dĩ nhập Phật pháp tướng cố. Thử gian vân Luận, trực thị Luận Nghị nhi dĩ, khởi đắc chánh dịch bỉ danh da? Hựu như nữ nhân, ư tử xưng mẫu, ư huynh vân muội, như thị đẳng sự, giai tùy nghĩa các biệt. Nhược dẫn dĩ nữ danh, phẩm đàm mẫu muội, nãi bất thất nữ chi đại thể, khởi hàm tôn ty chi nghĩa hồ! Thử sở vân Luận, diệc phục như thị. Thị dĩ nhưng tôn Phạm âm, viết: “Ưu Bà Đề Xá”.

(註)如此間書，就孔子而稱經，餘人製作皆名為子。國史國紀之徒，各別體例。然佛所說十二部經中，有論議經名優婆提舍。若復佛諸弟子解佛經教，與佛義相應者，佛亦許名優婆提舍，以入佛法相故。此間云論，直是論議而已，豈得正譯彼名耶？又如女人，於子稱母，於兄云妹，如是等事，皆隨義各別。若但以女名，汎談母妹，乃不失女之大體，豈含尊卑之義乎。此所云論，亦復如是。是以仍存梵音，曰：優婆提舍。

(Chú: Như sách vở trong cõi này, sách của Khổng Tử thì gọi là Kinh, những thứ do người khác tạo ra thì gọi là Tử. Những sách thuộc loại quốc sử, quốc kỷ mỗi thứ đều có thể lệ riêng. Nhưng trong mười hai bộ loại do đức Phật đã nói thì có [một loại] là Luận Nghị Kinh, được gọi là Ưu Bà Đề Xá. Nếu như các đệ tử của đức Phật giải thích kinh giáo mà tương ứng với nghĩa lý của đức Phật thì đức Phật cũng cho phép gọi là Ưu Bà Đề Xá, do đã khế nhập pháp tướng của Phật.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Cõi này nói Luận, nói thẳng ra là Luận Nghị đó thôi, há có thể dịch chính xác danh từ ấy hay sao? Lại như người nữ, đối với con bèn xưng là mẹ, đối với anh bèn xưng là em. Những chuyện như vậy đều tùy theo ý nghĩa mà sai khác. Nếu chỉ dùng danh xưng “nữ” để gọi chung cả mẹ lẫn con thì tuy chẳng mất đại thể của Nữ, nhưng há có thể bao hàm ý nghĩa tôn ty hay chăng? “Luận” được nói ở đây cũng giống như thế đó. Vì lẽ này, vẫn giữ nguyên âm tiếng Phạn mà nói là Ưu Bà Đề Xá).

Trong đoạn văn này, ngài Đàm Loan giảng giải, phân tích đạo lý [vì sao] chẳng thể dịch chữ Ưu Bà Đề Xá trong tiếng Phạn thành Luận trong tiếng Hán:

1) Như Trung Hoa có bộ Tứ Khố Toàn Thư, [nội dung của bộ sách ấy được] chia thành bốn loại là Kinh, Sử, Tử, Tập. Tức là dựa theo Không Tử để nói thì các sách như Luận Ngữ v.v... do các đệ tử ghi chép lại mà thành thì gọi là Kinh. [Những tác phẩm] do những người khác (kể cả những ngôn luận hoặc trước tác của Mạnh Tử và các môn nhân đệ tử) tạo tác thì nhất loạt gọi là Tử (子). Quốc sử, quốc kỷ⁹ của mỗi triều đại như những sách Sử Ký (史紀), Tư Trị Thông Giám v.v... đều gọi chung là Sử (史). Những sách ở ngoài ba loại Kinh, Tử, Sử thì đều gộp vào bộ loại Tập (集). Bốn thứ ấy đều là do dựa theo thể tài sai khác mà phán định, biên tập thành Tứ Khố Toàn Thư, chẳng thể lẫn lộn được. Nhưng trong mười hai bộ kinh do đức Phật đã nói (“bộ” (部) ở đây là thể loại), cố nhiên có một loại là Luận Nghị Kinh, được gọi là Ưu Bà Đề Xá [trong tiếng Phạn]. Giả sử, ngoài ra lại có đệ tử đức Phật dùng miệng nói hoặc viết lách nhằm giải thích kinh giáo do đức Phật dạy, những lời đã nói hoặc câu văn viết ra đều phù hợp nghĩa lý trong kinh Phật, lại còn có thể thích ứng nhu cầu liễu giải kinh Phật của chúng sanh; đối với những loại ngôn ngữ hoặc văn tự giống như vậy, đức Phật cũng cho phép gọi là Luận Nghị, cũng được gọi là Ưu Bà Đề Xá giống y hệt, do chúng đã thuộc về cùng một loại Phật pháp, chẳng có ý nghĩa khác biệt so với pháp tướng do đức Phật đã nói.

Tuy vậy, chữ Luận trong tiếng Hán rất đơn thuần, chỉ bao hàm ý nghĩa “hỏi đáp, bàn luận”, làm sao có thể dùng để dịch chính xác danh xưng Ưu Bà Đề Xá trong tiếng Phạn cho được? Làm sao có thể chỉ dùng hai chữ Luận Nghị bèn gồm thâu chẳng sót các ý nghĩa “dựa theo

⁹ “Quốc kỷ” (國紀) chính là những luật lệ, kỷ cương, pháp tắc, ước chế trong mỗi triều đại.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

kinh để giải thích, phân tích từng câu”, hoặc “tổng hợp nhiều kinh để phát huy ý nghĩa trọng yếu”, “có sự chọn lựa, phân tích, thảo luận” v.v... được bao hàm trong danh xưng Ưu Bà Đề Xá cho được? Vì thế, vẫn giữ nguyên tiếng Phạn vốn có, chẳng phiên dịch.

2) Như nói đến “*nữ nhân*”, đây là danh từ xưng hô phiếm chỉ. Như con cái xưng hô đối với mẹ, chẳng thể gọi mẹ là nữ nhân, phải nên gọi là “*mẫu thân*”. Như anh phải nên gọi em gái là “*muội muội*”. Những chuyện giống như vậy đều tùy theo thân phận và ý nghĩa bất đồng mà đáng nên có sự sai khác như thế. Giả sử chỉ dùng danh xưng “*nữ nhân*” để thay thế cho tiếng xưng hô “*mẹ*” hay “*em gái*”, tuy chẳng thích đáng, nhưng vẫn chẳng mất đại thể, vì mẹ hay em gái xác thực đều là nữ nhân, nhưng hai chữ “*nữ nhân*” trọn chẳng bao hàm ý nghĩa tôn kính của con cái đối với mẹ, em gái đối với anh trong ấy! Hiện thời, chữ “*Luận*” được nhắc tới trong Phật pháp cũng có tình hình giống như vậy. Nếu dịch Ưu Bà Đề Xá thành Luận Nghị, sẽ giống như gọi mẹ là “*nữ nhân*”, tuy chẳng mất đại thể, nhưng đã đánh mất nhiều loại ý nghĩa bao hàm đáng nên có trong danh từ ấy. Do vì duyên có này, cố đức phiên dịch kinh luận vẫn giữ nguyên âm tiếng Phạn là Ưu Bà Đề Xá, chẳng dịch sang tiếng Hán thành hai chữ Luận Nghị.

2.1.2.2. Giảng giải tựa đề của bộ luận

2.1.2.2.1. Giải thích tựa đề của bộ luận

(Chú) Thử luận thử chung phạm hữu nhị trùng: Nhất, thị tổng thuyết phân. Nhị, thị giải nghĩa phân. Tổng thuyết phân giả, tiền ngữ ngôn kê tận thị. Giải nghĩa phân giả, “luận viết” dĩ hạ Trường Hàng tận thị.

(註)此論始終凡有二重：一、是總說分。二、是解義分。總說分者，前五言偈盡是。解義分者，論曰已下長行盡是。

(Chú: Từ đầu đến cuối bộ luận này gồm có hai tầng: Một là phần nói chung (tổng thuyết phân) chính là toàn bộ phần đầu gồm kệ tụng mỗi câu năm chữ. Hai là phần giải nghĩa là toàn bộ phần văn Trường Hàng kể từ chữ “luận nói” trở xuống).

Đây là ngài Đàm Loan dựa theo thể tài của bộ luận này, đã phán định chung toàn thể bộ luận này thành hai tầng. “*Trùng*” (重) tức là

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

“loại”, cũng gọi là “bộ phận”. Một loại là Tổng Thuyết, tức là tất cả các bài kệ tụng trong phần đầu, mỗi bài có bốn câu, mỗi câu năm chữ, đều thuộc về loại này. Loại kia thuộc phần giải thích nghĩa lý, tức là phần văn Trường Hàng từ chữ “luận viết” (luận nói) trở đi cho tới khi bộ luận hoàn tất đều thuộc loại này.

(Chú) Sở dĩ vi nhị trùng giả, hữu nhị nghĩa: Kệ dĩ tụng kinh vi tổng nhiếp cố. Luận dĩ thích kệ vi giải nghĩa cố.

(註)所以為二重者，有二義：偈以誦經為總攝故。論以釋偈為解義故。

(Chú: Sở dĩ chia thành hai tầng là vì có hai nghĩa: Phần Kệ nhằm tán tụng kinh để gồm thâu chung [các ý nghĩa trọng yếu trong kinh]. Phần Luận nhằm giải thích Kệ hồng giảng giải ý nghĩa).

Mấy câu này nhằm nói rõ đạo lý vì sao phán định toàn thể bản luận được chia thành hai loại. Trước tiên, Luận Chủ dùng kệ văn để tán tụng kinh Vô Lượng Thọ, đem các ý nghĩa trọng yếu trong kinh chia thành hai mươi bốn bài kệ tụng, thâu nhiếp trọn vẹn chẳng sót. Lại dùng phần luận văn Trường Hàng giải thích ý nghĩa bao hàm trong từng bài của tất cả các bài kệ tụng, khiến cho từng điều mục trong bộ luận này được phân minh, nghĩa lý rõ rệt.

(Chú) Vô Lượng Thọ giả, ngôn Vô Lượng Thọ Như Lai thọ mạng trường viễn bất khả tư lượng dã. Kinh giả, thường dã. Ngôn An Lạc quốc độ Phật cập Bồ Tát thanh tịnh trang nghiêm công đức, quốc độ thanh tịnh trang nghiêm công đức, năng dĩ chúng sanh tác đại nhiều ích, khả thường hành u thế, cố danh viết: “Kinh”. Ưu Bà Đề Xá thị Phật luận nghị kinh danh.

(註)無量壽者，言無量壽如來壽命長遠不可思量也。經者，常也。言安樂國土佛及菩薩清淨莊嚴功德，國土清淨莊嚴功德，能與眾生作大饒益，可常行於世，故名曰：經。優婆提舍是佛論議經名。

(Chú: Vô Lượng Thọ là nói Vô Lượng Thọ Như Lai thọ mạng lâu xa, chẳng thể nghĩ lường được. “Kinh” là “thường”, nhằm nói đến công đức trang nghiêm thanh tịnh của Phật và Bồ Tát trong quốc độ An Lạc, và công đức trang nghiêm thanh tịnh của cõi nước, có thể tạo

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

lợi ích to lớn cho chúng sanh, có thể thường lưu hành trong cõi đời. Vì thế gọi là Kinh. Ưu Bà Đề Xá là danh xưng của thể loại Luận Nghị Kinh của đức Phật).

Mấy câu này là dựa theo sự thật để giải thích tựa đề của kinh và tựa đề của luận. Do lời văn dễ hiểu, chẳng cần phải nói nhiều!

(Chú) Nguyện thị dục nhạo nghĩa. Sanh giả, Thiên Thân Bồ Tát nguyện sanh bĩ An Lạc Tịnh Độ, Như Lai tịnh hoa trung sanh, cố viết: “Nguyện Sanh”. Kệ thị cú số nghĩa. Dĩ ngũ ngôn cú lược tụng Phật kinh, cố danh vi Kệ.

(註)願是欲樂義。生者，天親菩薩願生彼安樂淨土，如來淨華中生，故曰願生。偈是句數義。以五言句略誦佛經，故名為偈。

(Chú: “Nguyện” có nghĩa là ham muốn, yêu thích. “Sanh” là Thiên Thân Bồ Tát nguyện sanh về An Lạc Tịnh Độ. Sanh trong đóa hoa thanh tịnh của Như Lai, nên gọi là Nguyện Sanh. Kệ có nghĩa là “số câu”. Dùng mỗi câu có năm chữ để trùng tụng đại lược kinh Phật, nên gọi là Kệ).

Trong mấy câu văn này, do trước phần Kệ Tụng trong lời luận có thêm ba chữ Nguyện Sanh Kệ, Đàm Loan đại sư bèn giải thích thêm, khiến cho mọi người biết: Bộ Vãng Sanh Luận này không chỉ là thay Phật khuyên mọi người y theo kinh Vô Lượng Thọ để tu hành, sẽ có thể cùng sanh về cõi An Lạc, mà còn là bằng chứng cho thấy vị Luận Chủ, tức Thiên Thân (Thế Thân) Bồ Tát tự mình phát nguyện vãng sanh cõi An Lạc. Do lời văn dễ hiểu, chẳng cần phải nói nhiều.

2.1.2.2.2. Giải thích về tên của người tạo luận

(Chú) Dịch Bà Tẩu vân Thiên, dịch Bàn Đầu ngôn Thân. Thử nhân tự Thiên Thân, sự tại Phó Pháp Tạng Kinh. Bồ Tát giả, nhược cụ tồn Phạm âm, ung ngôn Bồ Đề Tát Đóa. Bồ Đề giả thị Phật đạo danh. Tát Đóa hoặc vân chúng sanh, hoặc vân dũng kiện. Cầu Phật đạo chúng sanh hữu dũng mãnh kiện chí, cố danh Bồ Đề Tát Đóa. Kim dẫn ngôn Bồ Tát, dịch giả lược nhĩ. Tạo diệc tác dã. Thứ nhân nhân trùng pháp, cố vân: “Mỗ tạo”. Thị cố ngôn: “Vô Lượng Thọ

Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Bà Tầu Bàn Đầu Bồ Tát tạo”.
Giải luận danh mục cánh.

(註)譯婆藪云天，譯槃頭言親。此人字天親，事在付法藏經。菩薩者，若具存梵音，應言菩提薩埵。菩提者是佛道名。薩埵或云眾生，或云勇健。求佛道眾生有勇猛健志，故名菩提薩埵。今但言菩薩，譯者略耳。造亦作也。庶因人重法，故云：某造。是故言：無量壽經優婆提舍願生偈婆藪槃頭菩薩造。解論名目竟。

(*Chú: Bà Tầu dịch là Thiên, Bàn Đầu dịch là Thân. Vị này có tên tự là Thiên Thân, sự tích của Ngài được chép trong Phó Pháp Tạng Kinh. Bồ Tát nếu nói đủ theo âm tiếng Phạn thì phải nên nói là Bồ Đề Tát Đỏa. Bồ Đề là tên của Phật đạo. Tát Đỏa thì dịch là Chúng Sanh, hoặc dịch là Dũng Kiện. Chúng sanh cầu Phật đạo, có chí hướng dũng mãnh, mạnh mẽ, nên gọi là Bồ Đề Tát Đỏa. Nay chỉ nói Bồ Tát là do người dịch nói giản lược vậy. “Tạo” cũng chính là “soạn”. Lại do người nào đó trùng tuyên pháp, nên nói là “người nào đó tạo”. Vì thế nói là Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Bà Tầu Bàn Đầu Bồ Tát tạo. Giải thích danh mục của luận đã xong).*

Ngài Đàm Loan giải thích tên gọi của vị “*năng tạo*” (người trước tác) bộ luận này, tức là Thiên Thân Bồ Tát. Sau thời Huyền Trang đại sư, tất cả các bản dịch đều dịch tên vị Bồ Tát này là Thế Thân. “*Sự tại Phó Pháp Tạng Kinh*” ý nói: Sự tích bình sanh của Thiên Thân Bồ Tát được chép trong kinh Phó Pháp Tạng, nhưng trong Đại Chánh Tạng, tập thứ năm mươi, từ trang hai trăm chín mươi bảy đến trang ba trăm hai mươi mốt, [tức là] trong Phó Pháp Tạng Nhân Duyên Truyện, không ghi chép gì về Thiên Thân Bồ Tát. Chỉ từ trang một trăm tám mươi tám đến trang một trăm chín mươi mốt [của tập năm mươi], có một quyển là Bà Tầu Bàn Đầu Pháp Sư Truyện do Tam Tạng pháp sư Chân Đế từ Ấn Độ sang Trung Hoa dịch ra vào thời Nam Bắc Triều. Có lẽ ngài Đàm Loan muốn nói đến quyển này. “*Bồ Đề thị Phật đạo danh*” (Bồ Đề là tên của Phật đạo): Phật cũng là tiếng Phạn, dịch là Giác.

Do vậy, Bồ Đề dịch theo danh từ sát nghĩa là Giác hoặc Đạo. Những phần kinh văn khác đã được giải thích trong phần trước rồi, chẳng cần phải nhắc lại.

2.2. Chú giải

2.2.1. Giải phần Kế Tụng

2.2.1.1. Phân đoạn kệ tụng thành từng chương, từng môn

(Chú) Kệ trung phân vì Ngũ Niệm Môn, như hạ Trường Hàng sở thích, đệ nhất hàng tứ cú tương hàm hữu tam niệm môn, thượng tam cú thị Lễ Bái, Tán Thán môn, hạ nhất cú thị Tác Nguyện Môn. Đệ nhị hàng Luận Chủ tự thuật: “Ngũ y Phật kinh tạo luận, dĩ Phật giáo tương ứng”. Sở phục hữu tông, hà cố vân thử? Vị thành Ưu Bà Đề Xá danh cố, diệc thị thành thượng tam môn, khởi hạ nhị môn. Sở dĩ thứ chi thuyết, từng đệ tam hàng tận nhị thập tứ hàng, thị Quán Sát Môn. Mạt hậu nhất hàng thị Hồi Hướng Môn. Phân kệ chương môn cánh.

(註)偈中分為五念門，如下長行所釋，第一行四句相含有三念門，上三句是禮拜讚歎門，下一句是作願門。第二行論主自述：我依佛經造論，與佛教相應。所服有宗，何故云此？為成優婆提舍名故，亦是成上三門，起下二門。所以次之說，從第三行盡二十四行，是觀察門。末後一行是迴向門。分偈章門竟。

(Chú: Trong phần Kế chia thành năm niệm môn, như trong phần Trường Hàng sau đó sẽ giải thích. Bốn câu trong bài kệ đầu tiên bao gồm ba niệm môn: Ba câu đầu là Lễ Bái và Tán Thán Môn, câu cuối cùng là Tác Nguyện Môn. Bài kệ thứ hai là vị Luận Chủ tự thuật: “Tôi nương theo kinh tạo luận, tương ứng lời Phật dạy”, [hàm ý] những gì Ngài tin nhận đều có căn cứ. Có sao nói như vậy? Vì để thành tên Ưu Bà Đề Xá, mà cũng là nhằm thành tựu ba môn trước, dẫn khởi hai môn sau. Do vậy, kể đó bèn nói từ bài kệ thứ ba cho đến hết bài kệ thứ hai mươi bốn là Quán Sát Môn. Bài kệ sau cùng là Hồi Hướng Môn. Phân chia phần Kế thành từng chương, từng môn đã xong).

Ngài Đàm Loan đã quy nạp hai mươi bốn kệ tụng (Ngài dùng chữ Hàng (行) để gọi mỗi bài Kệ) do vị Luận Chủ đã soạn thành pháp môn ngũ niệm, vì trong bộ luận, phần Trường Hàng để giải thích sau đó chính là Ngũ Niệm Môn. “Đệ nhất hàng” tức là bài Kệ Tụng thứ nhất, mỗi “hàng” gồm bốn câu.

“Dĩ Phật giáo tương ứng”, ý nói các thứ công đức chân thật

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

được tường thuật trong bộ luận này đều khế hợp (tương ứng) với những lời khai thị và răn dạy của đức Phật trong kinh Vô Lượng Thọ và các bộ kinh Đại Thừa khác.

“*Sở phục hữu tông*” (Những điều tin tưởng đều có căn cứ): Ý nói, vị Luận Chủ soạn bộ luận này nhằm hoàng dương, tán thán, chẳng phải là đề cao một kinh, hoặc là dựa theo một chương, một đoạn kinh văn để soạn luận, mà là tin nhận, phụng hành tất cả các kinh Đại Thừa do đức Phật đã nói, tổng hợp những tướng công đức của Tây Phương Cực Lạc thế giới được nói trong các kinh ấy, quy nạp thành năm niệm môn mà soạn ra bộ luận này, tức là [những điều Ngài viết ra] có căn cứ (ngài Đàm Loan dùng chữ Tông [để chỉ căn cứ ấy]), chẳng phải là do ý kiến của chính mình, mà hoàn toàn phát xuất từ kinh Phật. Những đoạn văn khác dễ hiểu, chẳng cần phải nói nhiều!

2.2.1.2. Giải thích kệ văn

2.2.1.2.1. Luận chủ tự thệ

(Luận) Nguyên Sanh Kệ.

(論)願生偈。

(Luận: Nguyên Sanh Kệ).

Trước phần Kệ Tụng của bộ luận này, có ba chữ Nguyên Sanh Kệ. Đây là vị Luận Chủ trước hết đã đặt ra danh xưng chung cho phần Kệ Tụng, như các bản Tống Tạng (Đại Tạng Kinh đời Tống) v.v... đều xếp chữ Nguyên Sanh Kệ trước phần Kệ Tụng. Đồng thời, vị Luận Chủ tự mình phát thệ, khích lệ, đốc thúc chính mình: Tôi sở dĩ viết ra bộ Vãng Sanh Luận này, nhằm làm chứng thư cho việc phát nguyện vãng sanh An Lạc quốc của chính mình, làm nguyên động lực (động lực chánh yếu) để tu trì hòng đạt thành vãng sanh cho chính mình: Tôi nhất định sẽ nói được bèn làm được! Nguyên vãng sanh, chắc chắn sẽ vãng sanh, nhất định có thể vãng sanh.

2.2.1.2.2. Nói đại lược về phần kệ tụng thuộc Lễ Bái, Tán Thán, và Tác Nguyên Môn

2.2.1.2.2.1. Ba niệm môn

(Luận) Thế Tôn ngã nhất tâm, quy mạng tận thập phương, Vô Ngại Quang Như Lai, nguyện sanh An Lạc quốc.

(Chú) Thế Tôn giả, chư Phật thông hiệu. Luận Trí, tặc nghĩa vô bất đạt; ngữ Đoạn, tặc tập khí vô dư. Trí Đoạn cụ túc, năng lợi thế gian, vị thế tôn trọng, cố viết: “Thế Tôn”. Thử ngôn ý quy Thích Ca Như Lai, hà dĩ đắc tri? Hạ cú ngôn: “Ngã y Tu Đa La”. Thiên Thân Bồ Tát tại Thích Ca Như Lai Tượng Pháp chỉ trung, thuận Thích Ca Như Lai kinh giáo, sở dĩ nguyện sanh. Nguyện sanh hữu Tông, cố tri thử ngôn quy vu Thích Ca. Nhược vị thử ý biến cáo chư Phật, diệc phục vô hiềm. Phù Bồ Tát quy Phật như hiệu tử chi quy phụ mẫu, trung thân chi quy quân hậu. Động tĩnh phi kỷ, xuất một tất do, tri ân báo đức, lý nghi tiên khải. Hựu sở nguyện bất khinh, nhược Như Lai bất gia oai thần, tương hà dĩ đạt? Khất gia thần lực, sở dĩ ngưỡng cáo.

(論)世尊我一心，歸命盡十方，無礙光如來，願生安樂國。

(註)世尊者，諸佛通號。論智，則義無不達；語斷，則習氣無餘。智斷具足，能利世間，為世尊重，故曰：世尊。此言意歸釋迦如來，何以得知？下句言：我依脩多羅。天親菩薩在釋迦如來像法之中，順釋迦如來經教，所以願生。願生有宗，故知此言歸于釋迦。若謂此意遍告諸佛，亦復無嫌。夫菩薩歸佛如孝子之歸父母，忠臣之歸君后。動靜非己，出沒必由，知恩報德，理宜先啟。又所願不輕，若如來不加威神，將何以達？乞加神力，所以仰告。

(Luận: Thế Tôn con nhất tâm, quy mạng trọn mười phương, Vô Ngại Quang Như Lai, nguyện sanh cõi An Lạc.

Chú: Thế Tôn là danh hiệu chung của chư Phật. Luận định về Trí, Phật không có nghĩa nào chẳng thông đạt. Bàn về Đoạn thì chẳng còn thừa sót tập khí. Trí Đoạn đầy đủ, sẽ có thể lợi lạc thế gian. Do được cõi đời tôn trọng, nên gọi là Thế Tôn. Ở đây có ý nói quy hướng Thích Ca Như Lai, vì có sao biết vậy? Câu kế tiếp viết: “Con nương theo Kinh Tạng”. Thiên Thân Bồ Tát sống trong thời Tượng Pháp của Thích Ca Như Lai, thuận theo kinh giáo của Thích Ca Như Lai, cho nên nguyện sanh. Nguyện sanh có căn cứ; do vậy, biết lời này quy vào đức Phật Thích Ca. Nếu cho rằng câu ấy có ý nói “trọn khắp các đức Phật” thì cũng chẳng ngại gì. Bồ Tát quy hướng Phật như đưa con

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

hiếu thảo hướng về cha mẹ, như tôi trung quy hướng về vua, vương hậu. Động hay tĩnh chẳng do ý mình, ra hay vào ắt phải do mạng lệnh, biết ân báo đức thì theo đúng lý phải tâu trình trước. Lại nữa, điều đã nguyện chẳng phải nhẹ, nếu chẳng được Như Lai oai thần gia hộ, làm sao có thể đạt cho được? Do cầu xin thần lực gia hộ, cho nên phải thưa bảm, kính ngưỡng).

Thế Tôn: Tiếng Phạn là Bạc Già Phạm (Bhagavān, 薄伽梵), hoặc [còn phiên âm là] Bà Già Bà (婆伽婆), bao hàm các ý nghĩa “*tôn quý, cát tường, sung túc*”, là thông hiệu của hết thầy các đức Phật. Hễ là Phật bèn trọn đủ mười đức, từ Như Lai cho đến Thiên Nhân Sư v.v... Vì thế, Ngài được hết thầy trời người trong thế gian tôn trọng, cung kính. Mười đức của Phật có thể quy nạp thành “*trí đoạn trọn đủ*”. Luận về trí huệ thì Ngài nhập Tâm Chân Như Môn, có Như Lý Trí, có thể biết rõ tổng tướng của các pháp (tánh Không), nhập Tâm Sanh Diệt Môn bèn có Như Lượng Trí, có thể liễu đạt biệt tướng của các pháp (duyên khởi). Điều này được gọi là “*không có nghĩa lý nào chẳng thấu đạt*”. Nói đến chuyện đoạn Hoặc thì Ngài đoạn sạch các phiền não Kiến, Tư, Trần Sa, Vô Minh, ngay cả chủng tử của tập khí cũng rút ráo chẳng còn. Đây là “*tập khí chẳng còn thừa sót*”. Nói thông thường, Tụ Giác là “*Hoặc hết, trí vẹn*”, Giác Tha là độ chúng sanh vô lượng. Giác Hạnh Viên Mãn thì mới có thể lợi ích thế gian, được cõi đời tôn trọng, được gọi là Thế Tôn.

“*Ngã nhất tâm quy mạng*” (Con nhất tâm quy mạng): Câu này có nghĩa là vị Luận Chủ trước khi tạo luận, trước hết, dốc trọn lòng cung kính quy mạng đức Phật Thích Ca. “*Quy mạng*” chính là chữ Nam-mô trong tiếng Phạn. “*Nhất tâm*” là tâm chí chuyên nhất, quy hướng, tin tưởng Phật, nương theo vị thầy là đức Phật, ắt cần phải toàn bộ thân tâm đều tin tưởng, ngưỡng mộ, quy phục, như kinh Lăng Nghiêm đã dạy: “*Tương thủ thân tâm phụng trần sát, thị tắc danh vi báo Phật ân*” (Đem thân tâm này phụng sự Phật trong các cõi nhiều như vi trần, đó gọi là báo ân đức Phật). Tín đồ Phật giáo trải qua sự quyết định chọn lựa bằng lý trí, hễ quy hướng, tin tưởng, sẽ nhất tâm dốc cạn lòng thành, hoàn toàn tin tưởng, ngưỡng mộ, quy phục, không còn chừa lại gì. Nếu chỉ tin một vị Phật, chỉ tin một phần [những lời dạy của Ngài], những điều khác chẳng tin, sẽ chẳng thể gọi là “*quy tín*” (quy hướng, tin tưởng) được.

Từ câu “*hà dĩ đắc tri?*” (vì có sao biết vậy?) trở xuống là chú

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

giải, ngài Đàm Loan đã dựa theo “*hạ cú ngôn*” (câu kệ tiếp bèn nói) trong bộ luận này, tức là trong bốn câu kệ tiếp có nói “*ngã y Tu Đa La*” (Tu Đa La là Khế Kinh) để thuyết minh: Vị Luận Chủ sanh trong thời Tượng Pháp của Phật Thích Ca, tín thuận di giáo của Thích Ca Như Lai. Cho nên Ngài đã nhất tâm quy mạng, soạn luận, phát nguyện vãng sanh Cực Lạc quốc. Luận Chủ ra đời sau khi đức Phật Thích Ca nhập diệt chín trăm năm, nhằm đúng thời Tượng Pháp của đức Bổn Sư. Pháp vận của Phật Thích Ca vốn bao gồm Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, và Mạt Pháp một vạn năm. Chỉ vì chấp thuận nữ nhân xuất gia, Chánh Pháp giảm thiểu, chỉ còn năm trăm năm. Từ năm trăm lẻ một năm trở đi, bèn bước vào thời kỳ Tượng Pháp. Luận Chủ soạn luận này, phát nguyện vãng sanh là có lai lịch (căn cứ, ở đây Ngài dùng chữ Tông để biểu thị căn cứ ấy), cho nên có thể biết Ngài nhất tâm quy mạng là quy mạng đức Phật Thích Ca. “*Nhược vị thử ý biến cáo chư Phật, diệc phục vô hiềm*” nghĩa là nếu nói “*nhất tâm quy mạng*” là [nhất tâm quy mạng] trọn khắp hết thấy chư Phật thì cũng được.

“*Phù Bồ Tát quy Phật... khát gia thần lực, sở dĩ cáo ngưỡng*” (Bồ Tát quy hướng Phật... cầu xin được thần lực gia hộ, cho nên phải thưa bảm, kính ngưỡng): Đoạn này nhằm giải thích dụng ý nhất tâm quy mạng của vị Luận Chủ, tức là như trung thân hoặc hiếu tử trong thế gian, biết ân, báo ân, mỗi lời nói, mỗi hành vi, động, tĩnh, ra, vào, ắt trước hết bảm báo với vua hoặc cha, chẳng tự ý mình định đoạt, ắt đều do mạng lệnh của vua hoặc cha. Đồng thời, phát nguyện vãng sanh An Lạc quốc là chuyện trọng đại; vì thế, phải cầu xin chư Phật (bao gồm vô lượng chư Phật) dùng oai thần và sức công đức gia trì khiến cho sở nguyện thật sự đạt được!

(Chú) “*Ngã nhất tâm*” giả, *Thiên Thân Bồ Tát tự đọc chi từ. Ngôn: “Niệm Vô Ngại Quang Như Lai” nguyện sanh An Lạc, tâm tâm tương tục, vô tha tướng gián tạp. Vấn viết: Phật pháp trung vô ngã, thử trung hà dĩ xưng Ngã? Đáp viết: Ngôn Ngã hữu tam căn bản: Nhất, thị tà kiến ngữ. Nhị, thị tự đại ngữ. Tam, thị lưu bố ngữ. Kim ngôn Ngã giả, Thiên Thân Bồ Tát tự chỉ chi ngôn, dụng lưu bố ngữ, phi tà kiến, tự đại dã.*

(註)我一心者，天親菩薩自督之詞。言：念無礙光如來願生安樂，心心相續，無他想間雜。問曰：佛法中無

我，此中何以稱我？答曰：言我有三根本：一、是邪見語。二、是自大語。三、是流布語。今言我者，天親菩薩自指之言，用流布語，非邪見，自大也。

(*Chú*: “Ngã nhất tâm” (Con nhất tâm) là lời tự đốc thúc của Thiên Thân Bồ Tát. Nói “niệm Vô Ngại Quang Như Lai” chính là nguyện sanh An Lạc, tâm niệm liên tục, không xen tạp những ý tưởng khác. Hỏi: Trong Phật pháp là vô ngã, vì sao ở đây lại nói là Ngã? Đáp: Nói Ngã thì có ba món căn bản: Một là từ ngữ tà kiến. Hai là từ ngữ tự cao tự đại. Ba là từ ngữ thông dụng. Nay nói Ngã chính là tiếng để Thiên Thân Bồ Tát tự chỉ, sử dụng từ ngữ thông dụng, chẳng phải là tà kiến hay tự cao tự đại).

Đoạn văn này nhằm chú giải câu “ngã nhất tâm”. Như thế nào thì được gọi là nhất tâm? Chính là hệ niệm Vô Ngại Quang Như Lai (A Di Đà Phật), phát nguyện nhất định sẽ vãng sanh An Lạc quốc. Ý niệm như vậy giữ sao cho tâm niệm liên tục chẳng dứt, đó gọi là “vô hậu tâm”. Lại còn phải chẳng có ý tưởng nào khác xen tạp trong ấy thì gọi là “vô gián tâm” (tâm chẳng gián đoạn). Nhất định là cần phải trọn đủ vô hậu tâm và vô gián tâm thì mới có thể gọi là “nhất tâm”.

Từ chữ “vấn viết” (hỏi rằng) trở đi là lời lẽ vấn đáp giả thiết nhằm giải thích ý nghĩa [vì sao] vị Luận Chủ xưng là Ngã. “Tam căn bản” chính là nói đến dụng ý căn bản vì sao trong thế gian có ba loại người xưng là Ngã. Một là cách xưng hô Ngã của những kẻ bình phàm, chấp có một cái Ngã thật sự tồn tại. Đây là cách nói tà kiến, chẳng phải là lời lẽ chánh kiến. Hai là cách nói của ngoại đạo, như Hồi giáo gọi Ngã là Chân Tể, hoặc Gia Tô Giáo gọi Ngã là Thượng Đế. Xưng là Ngã như vậy hoàn toàn là chứng bệnh cuồng tự cao tự đại. Loại thứ ba chính là Phật, Bồ Tát, và các đệ tử xưng là Ngã do thuận theo cách nói thông dụng của thế tục, giả nói là có Ngã, chẳng phải là tà kiến chấp thật sự có Ngã, mà cũng chẳng phải là cái Ngã theo kiểu nói tự cao tự đại.

(*Chú*) “Quy mạng tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai” giả, “quy mạng” tức thị Lễ Bái Môn. “Tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai” tức thị Tán Thán Môn. Hà dĩ tri quy mạng thị lễ bái? Long Thọ Bồ Tát tạo A Di Đà Như Lai Tán trung, hoặc ngôn: “Khể thủ lễ”, hoặc ngôn: “Ngã quy mạng”, hoặc ngôn: “Quy mạng

lễ”. Thử luận Trường Hàng trung, diệc ngôn tu ngũ niệm môn. Ngũ niệm môn trung, lễ bái thị nhất. Thiên Thân Bồ Tát ký nguyện vãng sanh, khởi dung bái lễ? Cổ tri quy mạng tức thị lễ bái. Nhiên lễ bái dẫn thị cung kính, bái tất quy mạng; quy mạng tất thị lễ bái. Nhược dĩ thử thôi, quy mạng vi trọng; kệ thân kỹ tâm, nghi ngôn: “Quy mạng”. Luận giải kệ nghĩa, phẩm đàm lễ bái. Bĩ thử tương thành, ư nghĩa di hiển. Hà dĩ tri “tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai” thị Tán Thán Môn? Hạ Trường Hàng trung ngôn: “Vân hà Tán Thán Môn? Vị xưng bĩ Như Lai danh. Như bĩ Như Lai quang minh, trí tướng, như bĩ danh nghĩa, dục như thật tu hành tương ứng cố”. Y Xá Vệ quốc sở thuyết Vô Lượng Thọ Kinh, Phật giải A Di Đà Như Lai danh hiệu, hà cố hiệu A Di Đà? “Bĩ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại. Thị cố hiệu A Di Đà”. Hựu “bĩ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, cố danh A Di Đà”.

(註)歸命盡十方無礙光如來者，歸命即是禮拜門。盡十方無礙光如來即是讚歎門。何以知歸命是禮拜？龍樹菩薩造阿彌陀如來讚中，或言：稽首禮，或言：我歸命，或言：歸命禮。此論長行中，亦言修五念門。五念門中，禮拜是一。天親菩薩既願往生，豈容不禮？故知歸命即是禮拜。然禮拜但是恭敬，不必歸命；歸命必是禮拜。若以此推，歸命為重；偈申己心，宜言：歸命。論解偈義，汎談禮拜。彼此相成，於義彌顯。何以知盡十方無礙光如來是讚歎門？下長行中言：云何讚歎門？謂稱彼如來名。如彼如來光明智相，如彼名義，欲如實修行相應故。依舍衛國所說無量壽經，佛解阿彌陀如來名號，何故號阿彌陀？彼佛光明無量，照十方國，無所障礙。是故號阿彌陀。又彼佛壽命。及其人民無量無邊阿僧祇劫，故名阿彌陀。

(Chú: “Quy mạng tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai”: “Quy mạng” chính là Lễ Bái Môn. “Tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai” chính là Tán Thán Môn. Vì sao biết “quy mạng” là “lễ bái”? Trong bài A Di Đà Như Lai Tán do Long Thọ Bồ Tát soạn, hoặc nói là “dập đầu lễ”, hoặc nói “con quy mạng”, hoặc nói “quy mạng lễ”.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Trong phần Trường Hàng của luận này, cũng nói tu năm niệm môn, mà lễ bái là một môn trong năm niệm môn. Thiên Thân Bồ Tát đã nguyện vãng sanh, lễ đâu chẳng lễ? Vì thế biết “quy mạng” chính là “lễ bái”. Nhưng lễ bái chỉ là cung kính, chưa chắc đã quy mạng; quy mạng ắt phải là lễ bái. Nếu dùng chuyện này để suy luận thì quy mạng là trọng yếu. Dùng kệ tụng để bày tỏ cái tâm của chính mình thì phải nên nói là “quy mạng”. Trong phần giải thích về ý nghĩa của bài kệ, luận đã bàn rộng về sự lễ bái. Đôi bên thành tựu lẫn nhau, ý nghĩa càng rõ. Vì sao biết “thập phương Vô Ngại Quang Như Lai” là Tán Thán Môn? Trong phần Trường Hàng thuộc phần sau có nói: “Như thế nào là Tán Thán Môn? Chính là xưng danh hiệu đức Như Lai ấy. Do như quang minh và trí tướng của đức Như Lai ấy, như danh nghĩa của Ngài, mà muốn như thật tu hành tương ứng”. Theo kinh Vô Lượng Thọ do đức Phật đã nói tại nước Xá Vệ, đức Phật đã giải thích danh hiệu A Di Đà Như Lai, “vì sao hiệu là A Di Đà? Đức Phật ấy quang minh vô lượng, chiếu mười phương cõi, chẳng bị chướng ngại. Vì thế hiệu là A Di Đà”. Hơn nữa, “đức Phật ấy và nhân dân trong cõi ấy có thọ mạng là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên Ngài tên là A Di Đà”).

“Quy mạng” có ý nghĩa lễ bái. Do vậy, “ngã nhất tâm quy mạng” chính là Lễ Bái Môn. “Tán thập phương Vô Ngại Quang Như Lai”: Vô Ngại Quang cũng chính là Vô Lượng Quang Như Lai, tiếng Phạn là A Di Đà Bà Da (Amitabhaya). Đây chính là chỗ Luận Chủ nhất tâm quy mạng, cũng chính là tán thán quang minh và trí tướng của A Di Đà Phật, thuộc về Tán Thán Môn.

Từ câu “hà dĩ tri quy mạng thị lễ bái?” (vì sao biết quy mạng là lễ bái?) chính là ngài Đàm Loan trích dẫn kệ tán thán A Di Đà Phật của Long Thọ Bồ Tát, các kinh Đại Tiểu Bản A Di Đà, và những câu văn thuộc phần Trường Hàng của luận này để chứng minh bài kệ này xác thực đã bao gồm hai môn Lễ Bái và Tán Thán. Ngài Đàm Loan nói “Long Thọ Bồ Tát tạo A Di Đà Như Lai tán trung”, tức là nói trong Thập Trụ Tỷ Bà Sa Luận có bài kệ tán thán A Di Đà Phật, [trích dẫn] đại lược như sau: “Nhược nhân nguyện tác Phật, tâm niệm A Di Đà, ứng thời vị hiện thân, thị cố ngã quy mạng... Thị cố ngã khể thủ... Ngã kim quy mạng lễ... Thị cố lễ Phật túc” (Nếu ai nguyện làm Phật, tâm niệm A Di Đà, Phật lập tức hiện thân, vì thế, con quy mạng... Vì thế, con dập đầu... Con nay quy mạng lễ... Do vậy, lễ chân Phật).

“Như Lai” trong tiếng Phạn là Đa Đà A Già Đà (Tathāgata).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

“Nhu” là Chân Như, Thật Tướng, có các ý nghĩa “*tương đồng, bình đẳng, bất biến, chẳng thể phân biệt*” v.v... tức là Tâm Chân Như Môn. “Lai” nghĩa là “*duyên khởi, độ sanh, có đến đi, hành động, sai biệt*”, tức là Tâm Sanh Diệt Môn. Chứng đắc nhất tâm nhị môn, sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng trái nghịch bốn nguyện, đến độ chúng sanh. Vì thế gọi là Như Lai. Như Đại Trí Độ Luận nói: “*Thừa như thật đạo, lai thành Chánh Giác, lai độ chúng sanh, cố danh Như Lai*” (Nương theo đạo như vậy để đến thành Chánh Giác, đến độ chúng sanh, nên gọi là Như Lai).

“*Vô Ngại Quang Phật*” chính là như kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã bảo ngài A Nan: “*Vô Lượng Thọ Phật, oai thần quang minh, tối tôn đệ nhất... Thị cố Vô Lượng Thọ Phật, hiệu Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật... Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật*” (Vô Lượng Thọ Phật oai thần, quang minh, tôn trọng bậc nhất... Vì thế, Vô Lượng Thọ Phật hiệu là Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật... Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật). Tổng cộng có mười hai thứ quang minh, bao gồm thân quang và trí quang. Dựa theo mười hai thứ quang minh khác nhau, mà lập ra mười hai thứ danh hiệu khác nhau. Chư Phật chẳng có chuyện này!

Ngài Đàm Loan còn soạn một tác phẩm khác, có tên là Tán A Di Đà Phật Kệ gồm một quyển, được ghi trong tập bốn mươi bảy của Đại Chánh Tạng, trong ấy tán thán rằng: “*Quang vân vô ngại như hư không, cố Phật hựu xưng Vô Ngại Quang. Nhất thiết hữu ngại môn quang trạch, thị cố danh lễ Nan Tư Nghị*” (Mây quang minh vô ngại như hư không, vì thế Phật còn được gọi là Vô Ngại Quang. Hết thấy những thứ có chướng ngại được quang minh ấy thấm đẫm. Vì thế, con đánh lễ bậc Khó Nghĩ Bàn).

“*Quang vân vô ngại như hư không*” (Mây quang minh chẳng chướng ngại như hư không) là tán thán thân quang và trí quang của A Di Đà Phật đều như hư không, chiếu trọn khắp mười phương, chẳng bị vật chất ngăn trở, như kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có nói: “*Vô Lượng Thọ Phật hữu bát vạn tứ thiên tướng, nhất nhất tướng trung, các hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo, nhất nhất hảo trung, phục hữu bát vạn tứ thiên quang minh, nhất nhất quang minh biến chiếu thập phương thế giới niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả*” (Vô Lượng Thọ Phật có tám vạn bốn ngàn tướng. Trong mỗi tướng đều có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Trong mỗi hảo, lại có tám vạn bốn ngàn quang minh. Mỗi quang minh chiếu trọn khắp chúng sanh niệm Phật trong

mười phương thế giới, nhiếp thủ chẳng bỏ).

Do vậy, Luận Chủ nhất tâm quy mạng thập phương Vô Ngại Quang Như Lai chính là dùng hai hành pháp quy mạng (lễ bái) và tán thán để được quang minh vô ngại của Phật Di Đà nhiếp thủ chẳng bỏ mà được sanh về cõi An Lạc.

(Chú) Văn viết: Nhược ngôn Vô Ngại Quang Như Lai quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc độ vô sở chướng ngại giả, thử gian chúng sanh hà dĩ bất môn quang chiếu? Quang hữu sở bất chiếu, khởi phi hữu ngại da? Đáp viết: Ngại thuộc chúng sanh, phi quang ngại dã. Thí như nhật quang châu tứ thiên hạ, nhi manh giả bất kiến, phi nhật quang bất châu dã. Diệc như mặt vân hồng chú, nhi ngoan thạch bất nhuận, phi vũ bất hiệp dã. Nhược ngôn nhất Phật chủ lãnh tam thiên đại thiên thế giới, thị Thanh Văn luận trung thuyết. Nhược ngôn chư Phật biến lãnh thập phương vô lượng vô biên thế giới, thị Đại Thừa luận trung thuyết. Thiên Thân Bồ Tát kim ngôn: “Tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai”, tức thị y bỉ Như Lai danh, như bỉ Như Lai quang minh trí tướng tán thán. Cố tri thử cú thị Tán Thán Môn.

(註)問曰：若言無礙光如來光明無量，照十方國土所障礙者，此間眾生何以不蒙光照？光有所不照，豈非有礙耶？答曰：礙屬眾生：非光礙也。譬如日光周四天下：而盲者不見，非日光不周也。亦如密雲洪霖，而頑石不潤，非雨不洽也。若言一佛主領三千大千世界，是聲聞論中說。若言諸佛遍領十方無量無邊世界，是大乘論中說。天親菩薩今言：盡十方無礙光如來，即是依彼如來名，如彼如來光明智相讚歎。故知此句是讚歎門。

(Chú: Hỏi: Nếu nói “Vô Ngại Quang Như Lai quang minh vô lượng, chiếu mười phương quốc độ chẳng bị chướng ngại”, có sao chúng sanh trong cõi này chẳng được quang minh chiếu thấu? Quang minh có chỗ chẳng chiếu thấu, há chẳng phải là có chướng ngại ư? Đáp: Chướng ngại thuộc về phía chúng sanh, chẳng phải là quang minh bị chướng ngại. Ví như ánh sáng mặt trời trọn khắp tứ thiên hạ, nhưng kẻ mù chẳng thấy, chẳng phải là ánh sáng mặt trời không trọn khắp. Cũng như mây dày tuôn đẫm mưa, nhưng tảng đá chẳng bị thấm ướt, chẳng phải là mưa chẳng tưới xối. Nếu nói một vị Phật thống lãnh

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

một tam thiên đại thiên thế giới thì đó là cách nói trong luận của hàng Thanh Văn. Nếu nói chư Phật thống lãnh trọn khắp mười phương vô lượng vô biên thế giới thì là cách nói trong luận Đại Thừa. Nay Thiên Thân Bồ Tát nói “tận mười phương Vô Ngại Quang Như Lai” tức là dựa theo danh hiệu của đức Như Lai ấy, đúng như quang minh và trí tướng của đức Như Lai ấy mà tán thán. Vì thế biết câu này chính là Tán Thán Môn).

Qua đoạn văn và phần vấn đáp này, ngài Đàm Loan giải trừ các mối nghi, và lập tiêu kết: Bài kệ thứ nhất chính là hai môn Lễ Bái và Tán Thán. Do lời văn dễ hiểu, chẳng cần phải nói nhiều.

(Chú) Nguyên sanh An Lạc quốc giả, thử nhất cú thị Tác Nguyên Môn, Thiên Thân Bồ Tát quy mạng chi ý dã. Kỳ An Lạc nghĩa cụ tại hạ Quán Sát Môn trung.

(註)願生安樂國者，此一句是作願門，天親菩薩歸命之意也。其安樂義具在下觀察門中。

(Chú: “Nguyên sanh An Lạc quốc”: Câu này là Tác Nguyên Môn, thể hiện ý quy mạng của Thiên Thân Bồ Tát. Ý nghĩa của chữ An Lạc sẽ được giải thích đầy đủ trong Quán Sát Môn thuộc phần sau).

“Quốc” (國) nghĩa là thế giới. “An Lạc quốc”, tiếng Phạn là Tu Ma Đề (Sukhāvātī), có thể dịch là An Lạc, An Dưỡng, Thanh Thái, hoặc Cực Lạc quốc. “Nguyên sanh An Lạc quốc” thể hiện ý nghĩa: Vị Luận Chủ phát nguyện quy mạng, dốc lòng nương cậy A Di Đà Phật, phát nguyện mong mọi vãng sanh thế giới An Lạc, chẳng mong ở trong thế giới Sa Bà ngũ trược nữa. An Lạc có hàm ý như thế nào? Sẽ được nói tường tận trong Quán Sát Môn thuộc phần sau của Kệ Tụng, nay tạm thời chẳng bàn đến.

(Chú) Vấn viết: Đại Thừa kinh luận trung, xú xú thuyết chúng sanh tất cánh vô sanh như hư không, vân hà Thiên Thân Bồ Tát ngôn “nguyên sanh” da? Đáp viết: Thuyết “chúng sanh vô sanh như hư không”, hữu nhị chủng. Nhất giả, như phàm phu sở vị: Thật chúng sanh, như phàm phu sở kiến thật sanh tử. Thử sở kiến sự, tất cánh vô sở hữu, như quy mao, như hư không. Nhị giả, vị chư pháp nhân duyên sanh cố, tức thị bất sanh, vô sở hữu như hư không.

Thiên Thân Bồ Tát sở nguyện sanh giả, thị nhân duyên nghĩa. Nhân duyên nghĩa cố, giả danh sanh, phi như phàm phu vị hữu thật chúng sanh, thật sanh tử dã. Vấn viết: Y hà nghĩa thuyết vãng sanh? Đáp viết: Ư thử gian, giả danh nhân trung tu ngũ niệm môn, tiền niệm dữ hậu niệm tác nhân. Uế độ giả danh nhân, Tịnh Độ giả danh nhân, bất đắc quyết định nhất, bất đắc quyết định dị. Tiền tâm, hậu tâm, diệc phục như thị. Hà dĩ cố? Nhược nhất, tắc vô nhân quả. Nhược dị, tắc phi tương tục. Thị nghĩa “quán nhất dị môn”, luận trung ủy khúc. Thích đệ nhất hàng tam niệm môn cánh.

(註)問曰：大乘經論中，處處說眾生畢竟無生如虛空，云何天親菩薩言願生耶？答曰：說眾生無生如虛空，有二種。一者，如凡夫所謂：實眾生，如凡夫所見實生死。此所見事，畢竟無所有，如龜毛，如虛空。二者，謂諸法因緣生故，即是不生，無所有如虛空。天親菩薩所願生者，是因緣義。因緣義故，假名生，非如凡夫謂有實眾生，實生死也。問曰：依何義說往生？答曰：於此間，假名人中修五念門，前念與後念作因。穢土假名人，淨土假名人，不得決定一，不得決定異。前心後心，亦復如是。何以故？若一，則無因果。若異，則非相續。是義觀一異門，論中委曲。釋第一行三念門竟。

(Chú: Hỏi: Trong kinh luận Đại Thừa, chỗ nào cũng đều nói “chúng sanh rốt ráo vô sanh như hư không”, có sao Thiên Thân Bồ Tát nói “nguyện sanh” vậy? Đáp: Nói “chúng sanh vô sanh như hư không” thì có hai loại. Một là như phàm phu cho rằng thật sự có chúng sanh, như phàm phu thấy thật sự có sanh tử. Chuyện trông thấy ấy rốt ráo vô sở hữu, như lông rùa, như hư không. Hai là nói đến các pháp được sanh bởi nhân duyên, thì chúng là bất sanh, vô sở hữu như hư không. Thiên Thân Bồ Tát nguyện sanh, chính là [nguyện sanh] theo ý nghĩa nhân duyên. Do thuận theo ý nghĩa nhân duyên, nên là giả danh sanh, chẳng phải như phàm phu cho rằng thật sự có chúng sanh, thật sự sanh tử. Hỏi: Do nương theo nghĩa nào mà nói vãng sanh? Đáp: Nương theo “người” giả danh trong thế gian này mà tu năm niệm môn, niệm trước làm cái nhân cho niệm sau. “Người” giả danh trong uế độ và “người” giả danh trong Tịnh Độ chẳng thể nói dứt khoát là một, chẳng thể nói dứt khoát là khác. Tâm trước và tâm sau cũng giống như

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

thế. Vì sao vậy? Nếu là một thì không có nhân quả. Nếu là khác thì chẳng liên tục. Nghĩa này chính là môn “quán một, khác”, trong luận sẽ trình bày cặn kẽ. Giải thích về ba niệm môn trong bài kệ thứ nhất đã xong).

Trong đoạn văn này, ngài Đàm Loan vận dụng hai lượt vấn đáp để giải thích chân nghĩa “*phát nguyện vãng sanh*” của vị Luận Chủ chính là “*nhân duyên sanh, sanh chính là vô sanh, giả danh vãng sanh*”, lại còn chỉ ra: Pháp môn Tịnh Độ nói vãng sanh là do nương theo Thế Tục Đế [để nói như vậy]. Chúng sanh giả danh chẳng thật trong thế giới Sa Bà tu pháp môn ngũ niệm, tiền niệm làm cái nhân cho hậu niệm. Tịnh niệm liên tục như thế cho đến khi mạng chung, cái tịnh niệm của chúng sanh giả danh trong Sa Bà sẽ là cái nhân tịnh niệm cho chúng sanh giả danh trong Cực Lạc; cho nên sẽ có thể thọ sanh trong thế giới Cực Lạc. Nhưng chẳng thể nói quyết định chúng sanh giả danh trong Sa Bà ướ độ (lời chú giải gọi chúng sanh giả danh là “*người*”) và chúng sanh giả danh trong Cực Lạc Tịnh Độ là một, hay là khác. Vì cái thân hư giả do Tứ Đại và Ngũ Uẩn hòa hợp trong ướ độ đã diệt, còn báo thể liên hoa hóa sanh trong Tịnh Độ vừa mới thành, sanh diệt nối tiếp, đương nhiên là chẳng một, chẳng khác! Lại nói, tịnh niệm của chúng sanh giả danh trong ướ độ làm cái nhân cho tịnh niệm của chúng sanh giả danh trong Tịnh Độ, niệm trước trong Sa Bà vừa diệt, niệm sau trong Tịnh Độ liền sanh, cũng chẳng thể nói quyết định là một hay là khác!

Từ câu “*hà dĩ có?*” (vì có sao?) trở đi, ngài Đàm Loan đã dựa theo ý nghĩa ẩn tàng trong môn thứ sáu, tức “*quán nhất dị môn*” của Thập Nhị Môn Luận do Long Thọ Bồ Tát trước tác: “*Nếu là một thì chẳng có nhân quả, nếu là khác thì chẳng liên tục*”, hòng thuyết minh chuyện Luận Chủ và hết thấy Tịnh Tông liên hữu phát nguyện vãng sanh sẽ đều có thể được vãng sanh, tức là lấy ý niệm “*niệm Phật nguyện sanh*” trong Sa Bà làm cái nhân, dùng cái niệm “*thọ sanh thấy Phật*” trong Tịnh Độ làm quả. Nhân và quả chẳng phải là một; do liên tục, nên chẳng phải là khác, chẳng một, chẳng khác. Vì thế nói: “*Thị nghĩa tại quán nhất dị môn, luận trung ủy khúc*” (Nghĩa này sẽ được luận trình bày cặn kẽ trong môn “*quán một, khác*”). Do có sanh mà đạt được vô sanh, tịnh niệm liên tiếp, nhân quả duyên thành. Pháp vốn là như thế! Hành nhân niệm Phật, lâm chung thấy Phật, ngồi đài hoa sen, vãng sanh Cực Lạc, ở trong Tịnh Độ liên hoa hóa sanh. Đây cũng là

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

“liên hoa tức là tướng tịnh niệm”, tịnh niệm trước sau liên tục duyên thành, chẳng phải một, chẳng phải khác. Nếu không có cái nhân tịnh niệm, làm sao có thể thọ sanh trong Tịnh Độ cho được? Bài Kệ Tụng thứ nhất nói đại lược ba niệm môn, “ngã nhất tâm quy mạng” là Lễ Bái Môn, “tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai” là Tấn Thán Môn, “nguyện sanh An Lạc quốc” là Tác Nguyện Môn, đã được giải thích viên mãn.

2.2.1.2.2.2. Thành tựu các môn trước, khởi đầu các môn sau

(Chú) Thứ thành Ưu Bà Đề Xá danh, hựu thành thượng khởi hạ Kệ.

(註)次成優婆提舍名，又成上起下偈。

(Chú: Ké đến là phần nói về sự thành lập danh xưng Ưu Bà Đề Xá, cũng chính là phần Kệ lập thành các môn trên, dẫn khởi các môn dưới).

Qua hai câu văn này, ngài Đàm Loan đã nêu ra cách phân chia khoa mục.

(Luận) Ngã y Tu Đa La, chân thật công đức tướng, thuyết nguyện kệ tổng trì, dữ Phật giáo tương ứng.

(Chú) Thứ nhất hàng, vân hà thành Ưu Bà Đề Xá danh? Vân hà thành thượng tam môn, khởi hạ nhị môn? Kệ ngôn: “Ngã y Tu Đa La, dữ Phật giáo tương ứng”, Tu Đa La thị Phật kinh danh. Ngã luận Phật kinh nghĩa dữ kinh tương ứng, dĩ nhập Phật pháp tướng cố, đắc danh Ưu Bà Đề Xá, danh thành cánh.

(論)我依修多羅，真實功德相，說願偈總持，與佛教相應。

(註)此一行，云何成優婆提舍名？云何成上三門，起下二門？偈言：我依修多羅。與佛教相應，修多羅是佛經名。我論佛經義與經相應，以入佛法相故，得名優婆提舍，名成竟。

(Luận: “Con nương theo Khế Kinh, tướng công đức chân thật, nói nguyện kệ tổng trì, tương ứng lời Phật dạy”.

Chú: Bài kệ này nhằm nói vì sao [bộ luận này] được gọi là Ưu

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Bà Đề Xá? Thành tựu ba môn trước, dẫn khởi hai môn sau như thế nào? Kệ nói: “Con nương Tu Đa La, tương ứng lời Phật dạy”. Tu Đa La chính là tên của kinh Phật. Con luận định ý nghĩa của kinh Phật tương ứng với kinh Phật vì đã nhập pháp tướng của Phật, nên được tên gọi là Ưu Bà Đề Xá. Phần [giải thích vì sao] danh xưng được thành lập đã xong).

Ngài Đàm Loan đã dựa trên bài kệ thứ hai trong phần Kệ Tụng của bộ luận này để thuyết minh nó chính là phần thành tựu danh xưng Ưu Bà Đề Xá. Đồng thời, nó cũng thành tựu ba niệm môn trước đó và phát khởi hai niệm môn sau đó. Do vậy nói bài kệ này là “*thành thượng khởi hạ kệ*” (bài kệ thành tựu ba môn trước, phát khởi hai môn sau). Vì sao vậy? Vì Luận Chủ nói “*ngã y Tu Đa La, thuyết nguyện kệ tổng trì, dĩ Phật giáo tương ứng*” (con nương theo Khế Kinh, nói nguyện kệ tổng trì, tương ứng lời Phật dạy). Tu Đa La (Sūtra) là tiếng Phạn, dịch nghĩa là Khế Kinh (契經). Luận Chủ tạo luận này nhằm tỏ lộ ý nghĩa trọng yếu trong kinh Phật, hoàn toàn khế hợp (tương ứng) nghĩa lý trong kinh Phật, mà cũng là nhập tướng công đức chân thật của Phật pháp. Vì thế, luận này được gọi là Ưu Bà Đề Xá (Luận Nghi), thành tựu danh xưng của bộ luận này.

(Chú) Thành thượng tam môn, khởi hạ nhị môn, hà sở y? Hà cố y? Vân hà y? Hà sở y giả, y Tu Đa La. Hà cố y giả? Dĩ Như Lai tức chân thật công đức tướng cố. Vân hà y giả? Tu ngũ niệm môn tương ứng cố. Thành thượng khởi hạ cánh.

(註)成上三門，起下二門，何所依？何故依？云何依？何所依者，依修多羅。何故依者？以如來即真實功德相故。云何依者？修五念門相應故。成上起下竟。

(Chú: “Thành tựu ba môn trước, phát khởi hai môn sau” nương tựa vào đâu? Vì sao mà nương tựa? Nương tựa như thế nào? “Nương tựa vào đâu” là nương vào Khế Kinh. Vì sao nương tựa? Là vì Như Lai chính là tướng công đức chân thật. Nương tựa như thế nào? Do tu năm niệm môn mà tương ứng. [Phần luận định] về “thành tựu ba môn trước, phát khởi hai môn” sau đã xong).

Phần chú giải tiếp tục thuyết minh về ý nghĩa “*thành tựu các môn trước, phát khởi các môn sau*”. Phần này dựa vào đâu? Vì sao

phải nương dựa? Nương dựa như thế nào? Nói theo ba phương diện ấy. Đệ tử Phật soạn luận, ắt cần phải nương theo kinh điển do đức Phật đã nói, điều này được gọi là Thánh Ngôn Lượng, tức là [căn cứ theo] Tu Đa La. Do vậy, kệ nói: “*Ngã y Tu Đa La*”, đây chính là nói rõ căn cứ để dựa vào. Vì sao phải dựa theo kinh Phật? Vì Phật là bậc thánh nhân chứng đắc Chân Như Thật Tướng. Thân giáo và ngôn giáo của Phật chính là tướng công đức chân thật, chẳng phải là lời lẽ thù dật vô ý nghĩa hoặc hý luận. Đệ tử Phật soạn luận làm như thế nào thì mới có thể xác thực tương ứng với kinh Phật, tương ứng với lời Phật dạy? Luận Chủ soạn luận này, đề ra chuyện tu tập pháp môn Ngũ Niệm. Như thế thì chủ thể thực hiện hành vi nương tựa vào (năng y) và pháp để nương tựa vào (sở y) đều chẳng có gì sai lầm, không thích hợp. Nói quy nạp lại, Luận Chủ soạn luận này, “năng y” là pháp môn Ngũ Niệm, “sở y” là Khế Kinh Đại Thừa. Bộ luận được soạn với Năng và Sở khế hợp thì chính là tướng công đức chân thật của Như Lai, chẳng phải là vị Luận Chủ đàm luận vô căn cứ, vọng tưởng, đoán mò! Vì thế, có thể thành tựu ba niệm môn trước đó, phát khởi hai niệm môn sau đó viên mãn, chẳng thiếu khuyết. Do vậy nói: “*Thành tựu môn trước, phát khởi môn sau đã xong*”.

(Chú) Tu Đa La giả, thập nhị bộ kinh trung trực thuyết giả, danh Tu Đa La, vị Tứ A Hàm Tam Tạng đẳng. Tam Tạng ngoại Đại Thừa chư kinh diệc danh Tu Đa La. Thử trung ngôn “y Tu Đa La” giả, thị Tam Tạng ngoại Đại Thừa Tu Đa La, phi A Hàm đẳng kinh dã.

(註)修多羅者，十二部經中直說者，名修多羅，謂四阿含三藏等。三藏外大乘諸經亦名修多羅。此中言依修多羅者，是三藏外大乘修多羅，非阿含等經也。

(Chú: Tu Đa La là phân nói trực tiếp trong mười hai thể loại kinh, tức là nói đến Tam Tạng Tứ A Hàm v.v... Các kinh Đại Thừa ở ngoài Tam Tạng cũng gọi là Tu Đa La. Ở đây nói “y Tu Đa La” chính là Tu Đa La của Đại Thừa ở ngoài Tam Tạng, chẳng phải là các kinh A Hàm này nọ vậy).

Ngài Đàm Loan giải thích chữ Tu Đa La, chỉ rõ “y Tu Đa La” như trong luận đã nói chính là [nương theo] kinh Đại Thừa, chẳng phải là Tam Tạng Tứ A Hàm của Tiểu Thừa. Bất quá, chúng ta đối với [các

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

từ ngữ] Tu Đa La và “mười hai bộ kinh”, hãy nên có sự liễu tri chính xác. Tu Đa La nói theo nghĩa rộng, chính là nói đối ứng với Luật và Luận, chẳng phải là bao gồm toàn bộ Tam Tạng Kinh, Luật, Luận. Nói theo nghĩa hẹp, thì mới là nói đến phần tản văn (văn xuôi) Trường Hàng trong mười hai phần (bộ) do đức Phật đã nói. Luận nói “*ngā y Tu Đa La*” là nói theo nghĩa rộng.

“*Thập nhị bộ kinh*” là danh xưng ngụ ý hết thảy các kinh được chia thành mười hai chủng loại. Đại Trí Độ Luận quyển thứ ba mươi ba giảng:

1) Tu Đa La (修多羅, Sūtra): Cõi này (Trung Hoa) dịch là Khế Kinh (契經), tức là loại văn Trường Hàng nói thẳng thừng các pháp nghĩa trong kinh điển. Khế Kinh nghĩa là kinh điển khế lý, mà cũng là khế hợp căn cơ.

2) Kỳ Dạ (祇夜, Geya): Dịch nghĩa là Ứng Tụng (應頌), còn dịch là Trùng Tụng (重頌). Đối ứng với phần kinh văn Trường Hàng trước đó mà trùng tuyên ý nghĩa thì là Kệ Tụng.

3) Già Đà (伽陀, Gāthā): Dịch là Phúng Tụng (諷頌), còn dịch là Cô Khởi Tụng (孤起頌), chẳng dựa theo Trường Hàng, là những câu văn trực tiếp sử dụng thể loại kệ tụng, như kinh Pháp Cú chẳng hạn.

4) Ni Đà Na (尼陀那, Nidāna): Dịch là Nhân Duyên. Trong kinh nói đến nhân duyên thấy Phật nghe pháp, và nhân duyên đức Phật thuyết pháp giáo hóa, như phẩm Tụ của các kinh.

5) Y Đế Mục Đa (伊帝目多, Itivrtaka): Dịch là Bản Sự (本事). Đức Phật nói những chuyện nhân duyên trong đời quá khứ của các đệ tử đức Phật, như phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự trong kinh Pháp Hoa.

6) Xà Đa Già (闍多伽, Jātaka): Dịch là Bản Sanh (本生), là phần kinh văn do đức Phật tự nói nhân duyên trong đời quá khứ.

7) A Phù Đạt Ma (阿浮達摩, Adbhuta-dharma), còn có tên là A Tỳ Đạt Ma, dịch thành Vị Tăng Hữu (未曾有), là những kinh văn nói những chuyện đức Phật hiện các thứ thần lực chẳng thể nghĩ bàn.

8) A Ba Đà Na (阿波陀那, Avadāna): Dịch là Thí Dụ (譬喻), chính là những chỗ nói thí dụ trong kinh.

9) Ưu Bà Đề Xá (優婆提舍, Upadeśa): Dịch là Luận Nghĩa (論義), là những phần kinh văn dùng pháp lý để luận nghị, vấn đáp.

10) Ưu Đà Na (優陀那, Udāna): Dịch là Tự Thuyết (自說), tức là những phần kinh văn do đức Phật không ai hỏi mà tự nói, chẳng hạn

như kinh A Di Đà.

11) Tỳ Phật Lược (毘佛略, Vaipulya): Dịch là Phương Quảng (方廣), là những kinh văn nói về những chân lý rộng lớn chánh đáng.

12) Hòa Già La (和伽羅, Vyākaraṇa): Dịch là Thọ Ký (授記), là những kinh văn đức Phật thọ ký cho các đệ tử hoặc hàng Bồ Tát thành Phật.

Trong mười hai bộ loại ấy, từ một đến ba là các thể tài thuộc kinh văn, từ bốn cho đến mười hai là dựa theo những chuyện khác biệt được ghi chép mà đặt tên.

(Chú) “Chân thật công đức tướng” giả, hữu nhị chủng công đức: Nhất giả, tùng hữu lậu tâm sanh, bất thuận Pháp Tánh, sở vị: Phàm phu nhân thiên chư thiện. Nhân thiên quả báo, nhược nhân, nhược quả, giai thị điên đảo, giai thị hư ngụy. Thị cố danh bất thật công đức. Nhị giả, tùng Bồ Tát trí huệ thanh tịnh nghiệp khởi, trang nghiêm Phật sự, y Pháp Tánh nhập thanh tịnh tướng. Thị pháp bất điên đảo, bất hư ngụy, danh vi chân thật công đức. Vân hà bất điên đảo? Y Pháp Tánh, thuận Nhị Đế cố. Vân hà bất hư ngụy? Nhiếp chúng sanh nhập tất cánh tịnh cố.

(註)真實功德相者，有二種功德：一者，從有漏心生，不順法性，所謂：凡夫人天諸善。人天果報，若因若果，皆是顛倒，皆是虛偽。是故名不實功德。二者，從菩薩智慧清淨業起，莊嚴佛事，依法性入清淨相。是法不顛倒，不虛偽，名為真實功德。云何不顛倒？依法性，順二諦故。云何不虛偽？攝眾生入畢竟淨故。

(Chú: “Tướng công đức chân thật” thì có hai loại công đức. Một là sanh từ tâm hữu lậu, chẳng thuận Pháp Tánh, tức là nói đến các điều thiện của phàm phu trời người. Quả báo của trời người, dù nhân hay quả đều là điên đảo, đều là hư ngụy. Vì thế, gọi là công đức chẳng thật.

Hai là từ nghiệp trí huệ thanh tịnh của Bồ Tát mà khởi, trang nghiêm Phật sự, nương theo Pháp Tánh mà nhập tướng thanh tịnh. Pháp ấy chẳng điên đảo, chẳng hư ngụy, được gọi là công đức chân thật. Vì sao chẳng điên đảo? Do nương theo Pháp Tánh, thuận Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế). Vì sao chẳng hư ngụy? Do nhiếp chúng sanh vào thanh tịnh rốt ráo).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Đây là ngài Đàm Loan giải thích câu kệ “*chân thật công đức tướng*”. Ngài bảo “*hữu nhị chủng công đức*” (có hai loại công đức). Nếu dựa theo những điều đã được giải nghĩa, đáng lẽ phải là “*công đức hữu nhị chủng*” (công đức có hai loại) thì mới là phù hợp. Hai loại như vừa nói đó thì một là dùng thiện tâm của phàm phu (hữu lậu) để làm công đức, hai là dùng tấm lòng Bồ Tát (bao gồm Phật và đệ tử thuộc tam thừa), nương vào nghiệp thanh tịnh trí huệ (vô lậu, chẳng xen tạp các phiền não tham, sân, si v.v..., chẳng có Ngã Chấp, Ngã Kiến, và các tà kiến đoạn, thường v.v...) khởi lên (tạo tác) các thứ công đức Phật sự được trang nghiêm bởi hai thứ phước và trí. Loại thứ nhất là điên đảo, hư ngụy; đây là công đức chẳng chân thật. Loại sau là chẳng điên đảo, chẳng hư ngụy, mới có thể gọi là công đức chân thật.

Ngài Đàm Loan lại thuyết minh thêm “*chẳng điên đảo là gì?*” Có thể nương theo Trung Đạo Pháp Tánh, thuận theo Chân Đế và Tục Đế thì gọi là “*chẳng điên đảo*”. Trung Đạo Pháp Tánh, Chân Đế, Tục Đế là gì vậy? Chúng ta phải nên biết: Các kinh Đại Thừa nói Trung Đạo Pháp Tánh chính là “*nhất tâm nhị môn*”. Tâm Chân Như Môn là Không, Tâm Sanh Diệt Môn là Hữu, đều cùng là tánh nhất tâm, còn gọi là Pháp Tánh. Không chẳng trở ngại Hữu, Hữu chẳng trở ngại Không. Tuy Hữu mà chính là Không, tuy Không mà chính là Hữu. Đó gọi là “*Chân Không Diệu Hữu, Diệu Hữu Chân Không, tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, duyên khởi tánh Không, tánh Không duyên khởi*”. Trung Đạo Pháp Tánh (tâm tánh), pháp vốn là Chân Như như thế đó. Có thể nương theo Pháp Tánh ấy mà tu các thứ thiện pháp phước huệ, tất nhiên công đức đạt được sẽ là chân thật, chẳng điên đảo, nhân và quả phù hợp, chẳng sai lầm. Vì thế gọi là “*chẳng điên đảo*”. Như thế nào thì mới là thuận theo Chân Đế và Tục Đế? Chân Đế cũng chính là Tâm Chân Như Môn vừa nói trên đây, tức Tánh Không Môn. Tục Đế cũng chính là Tâm Sanh Diệt Môn được nói trên đây, tức Duyên Khởi Môn.

Tánh nhất tâm trọn đủ hai Đế (Chân Đế và Tục Đế), tánh Không duyên khởi viên dung vô ngại. Có thể thuận theo tâm tánh ấy để tu hết thảy các thiện pháp thì gọi là “*thuận theo Nhị Đế*”. Như kinh Kim Cang đã dạy: “*Dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả, nhi tu nhất thiết thiện pháp, tức đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*” (Dùng vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả để tu hết thảy các thiện pháp, sẽ liền đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Vô ngã tu thiện là nhân, đắc Chánh Đẳng Giác là quả, nhân và quả phù

hợp, nên gọi là “*chẳng điên đảo*”.

Công đức chẳng hư ngụy là gì? Ngài Đàm Loan giải thích: “*Nhiếp chúng sanh nhập tất cánh thanh tịnh cố*” (Vì nhiếp thọ chúng sanh nhập vào thanh tịnh rốt ráo). Tức là nói những công đức đã tu đều có thể nhiếp hóa, nhiếp thọ hết thấy chúng sanh cùng chứng đắc (“*nhập*”) Pháp Tánh rốt ráo thanh tịnh (tâm tánh). Trung Đạo Pháp Tánh thanh tịnh ấy chính là lìa hết thấy phiền não, vọng tưởng, chấp trước, cho nên là rốt ráo thanh tịnh, chẳng có tướng điên đảo. Bất luận là có Phật xuất thế thuyết pháp hay không, pháp vốn là như vậy, thường trụ trong thế gian, chẳng bị biến đổi. Do vậy, nó là tướng rốt ráo chân thật, chẳng hư ngụy.

Chúng ta nói quy nạp lại thì sẽ là: Công đức thanh tịnh vô lậu của Phật và Bồ Tát cùng với các thứ công đức thanh tịnh trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của thế giới Cực Lạc chính là sự rốt ráo, viên mãn, vô lậu của A Di Đà Phật và các vị Bồ Tát trong Cực Lạc, đích xác là cùng với Trung Đạo Pháp Tánh khế hợp lẫn nhau. Tướng công đức chân thật viên dung Nhị Đế pháp vốn là như thế, chân thật như thế đó. Vì đức Phật do chứng pháp mà nói ra giáo pháp, Ngài là bậc chân ngữ, thật ngữ, bất dị ngữ, bất cuồng ngữ. Trong kinh, đức Phật đã nói các thứ tướng công đức chân thật như thế, tức là chân thật, chẳng hư giả. Chúng ta hãy nên tin sâu, chẳng nghi, liễu giải chẳng sai lầm, cầu chứng chẳng lười nhác!

(Chú) “*Thuyết nguyện kệ tổng trì, dữ Phật giáo tương ứng*”
giả: Trì, danh bất tán, bất thất. Tổng, danh dĩ thiểu nhiếp đa. Kệ, ngôn ngữ ngôn cú số. Nguyện, danh dục nhạo vãng sanh. Thuyết, vị thuyết chư kệ luận. Tổng nhi ngôn chi, thuyết sở nguyện sanh kệ, tổng trì Phật kinh, dữ Phật giáo tương ứng. Tương ứng giả, thí như hàm cái tương xứng dã.

(註)說願偈總持，與佛教相應者：持，名不散不失。總，名以少攝多。偈，言五言句數。願，名欲樂往生。說，謂說諸偈論。總而言之，說所願生偈，總持佛經，與佛教相應。相應者，譬如函蓋相稱也。

(Chú): “*Nói nguyện kệ tổng trì, tương ứng lời Phật dạy*”: “*Trì*” tức là *chẳng tán loạn, chẳng mất đi*. “*Tổng*” là dùng ít để gồm nhiều. “*Kệ*” là nói các câu, mỗi câu có năm chữ. “*Nguyện*” là ưa muốn vãng sanh. “*Thuyết*” là nói ra các bài kệ để luận định. Nói tóm

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

lại, sẽ là “nói ra bài kệ phát nguyện vãng sanh, thâu tóm [giáo nghĩa trọng yếu trong] các kinh, tương ứng với lời Phật dạy”. “Tương ứng” là ví như hộp và nắp tương xứng vậy).

Qua đoạn văn này, ngài Đàm Loan chú giải phần kệ tụng “*thuyết nguyện kệ tổng trì, dữ Phật giáo tương ứng*” (nói nguyện kệ tổng trì, tương ứng lời Phật dạy). Do lời văn dễ hiểu, chẳng cần phải nói nhiều. Hãy nên biết: Luận Chủ đã đem các tướng công đức chân thật được nói rải rác trong các kinh Đại Thừa thâu tóm thành hai mươi một bài kệ tụng. Phần kệ văn ấy nhất trí với giáo pháp do đức Phật đã nói, chẳng hề trái nghịch, giống như cái hộp và nắp hộp trong thế gian, hộp to thì nắp sẽ to, quyết định xứng hợp. Đây là vị Luận Chủ phát xuất từ tâm đại từ bi, thuyết minh ý tạo luận của Ngài: Chẳng phải nhằm cầu an lạc cho chính mình, mà là chỉ nguyện cho chúng sanh được lìa khổ. Ngài nương theo kinh để tạo luận, khiến cho hết thầy đệ tử Phật đều có thể tu ngũ niệm môn hồng vượt thoát tam giới theo chiều ngang, đắc Bất Thoái Chuyển. Ngài lại sợ người đời và các đệ tử Phật đời sau đối với lời xưng dương tán thán công đức chân thật chẳng thể nghĩ bàn của An Lạc Tịnh Độ do mười phương chư Phật và vị Luận Chủ đã nói, có thể sẽ hoài nghi, chẳng tin tưởng, [đến nỗi] đánh mất điều lợi ích to lớn chân thật “*có thể liễu sanh tử, thành Phật viên mãn ngay trong một đời*”, cho nên đặc biệt nêu ra ngay trong phần đầu của Kệ Tụng, nhằm chỉ bày mọi người: Phần kệ luận này chính là đề cương toát yếu, nương theo kinh giáo do đức Phật đã nói, vốn do công đức chân thật kết hợp với chân lý, giống hệt như lời đức Phật nói. Phàm những ai thấy nghe, tin nhận, vâng làm, không một ai chẳng thành Phật, chớ nên ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ!

Bài kệ tụng này nhằm thành tựu các môn trước, phát khởi các môn sau, tức là thành tựu các môn được nhắc đến đại lược trong phần trước, tức ba môn Lễ Bái, Tán Thán, và Tác Nguyện, phát khởi phần dưới, nhằm rộng nói Quán Sát Môn và Hồi Hương Môn. Vì sao có thể thành tựu năm niệm môn? Chính là do “*ngã y Tu Đa La, chân thật công đức tướng*” (con nương theo Khế Kinh, tướng công đức chân thật). Ngàn kinh muôn luận nhắc đến Vô Lượng Thọ Phật, và các thứ trang nghiêm thanh tịnh trong quốc độ An Lạc, công đức chân thật hồng tu tập cảnh chẳng thể nghĩ bàn trong pháp môn ngũ niệm. Lễ Bái chính là lễ bái vị Phật do công đức chân thật chẳng thể nghĩ bàn tạo thành. Xưng Danh là tán thán danh hiệu Phật có công đức chân thật

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

chẳng thể nghĩ bàn. Tác Nguyên là phát nguyện mong sanh về quốc độ do công đức chẳng thể nghĩ bàn tạo thành. Quán Sát chính là quan sát quốc độ An Lạc có mười bảy thứ trang nghiêm bởi công đức chân thật, A Di Đà Phật có tám loại trang nghiêm bởi công đức chân thật, và Bồ Tát trong cõi ấy có bốn thứ công đức chánh tu hành chân thật. Hồi Hướng chính là đem sức công đức chân thật do tu bốn môn trước mà hồi hướng Phật quả Bồ Đề, hồi hướng hết thấy chúng sanh, hồi hướng vãng sanh An Lạc quốc. Năm môn như thế đều nương theo công đức chân thật của đức Phật ấy và sự trang nghiêm của quốc độ đó để thành tựu cảnh, hạnh, quả Đại Thừa, thành tựu đại lợi ích vãng sanh thành Phật. Hãy nên biết: Nếu chẳng có tướng công đức chân thật của Phật A Di Đà và quốc độ Cực Lạc, thì sẽ chẳng thể thành tựu pháp môn ngũ niệm!

* Hỏi: Những phùng ngu phu ngu phụ chẳng hiểu kinh giáo, chỉ biết “*chí tâm tin ưa, thật thà niệm Phật*”, lâm chung đều được Phật Di Đà tiếp dẫn vãng sanh, có liên quan gì đến chuyện tu hành pháp môn ngũ niệm hay không?

Đáp: Ngu phu ngu phụ niệm Phật có thể được vãng sanh cũng chẳng lìa pháp môn ngũ niệm này! Vì sao vậy? Người chân thành xưng danh niệm Phật, tất nhiên thường xuyên lễ bái Phật. Niệm Phật chính là tán thán Phật (xưng niệm danh hiệu Như Lai chính là tán thán công đức của Như Lai. [Bởi lẽ], chư Phật đều dùng công đức để đặt danh hiệu). Có thể được vãng sanh, chắc chắn là do có phát nguyện vãng sanh. Chẳng có nguyện, chắc chắn sẽ chẳng được vãng sanh. Những kẻ ngu phu ngu phụ có thể vãng sanh ắt gặp thiện tri thức khai thị pháp môn Tịnh Độ, tin tưởng sâu xa lời mười phương chư Phật ca ngợi Phật Di Đà và các thứ công đức chẳng thể nghĩ bàn của cõi Cực Lạc. Xác thực là như thế thì mới chịu nhất tâm quy mạng Phật Di Đà, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Cực Lạc.

Đối với Phật Di Đà và sự thanh tịnh trang nghiêm của Cực Lạc bèn nhớ rõ chẳng quên, thường xuyên nghĩ nhớ; đây chính là đã thành tựu Quán Sát Môn. Còn đối với Hồi Hướng Môn thì chính là phát Bồ Đề tâm. Người ấy đời này có thể là chưa phát, nhưng trong đời quá khứ, chắc chắn là đã phát. Phạm là người đã phát Bồ Đề tâm, trải qua nhiều kiếp, vĩnh viễn chẳng mất đi! Đó gọi là “*nhất lịch thức điền, vĩnh vi đạo chủng*” (một phen ghi vào ruộng thức, sẽ vĩnh viễn là hạt giống đạo). Kinh Pháp Hoa có nói thí dụ “*hệ châu*” (hạt châu buộc nơi chéo áo), và ngài A Nan với đức Phật cùng phát Bồ Đề tâm nơi đức Phật

Không Vương trong quá khứ. Vì thế, ngài A Nan được đức Phật thọ ký chính là vì như vậy đó. Chúng ta chẳng có Túc Mạng Thông, Thiên Nhân Thông, cho nên chẳng biết những phùng ngu phu ngu phụ ấy đều đã phát Bồ Đề tâm cả rồi!

2.2.1.2.3. Phần kệ rộng lớn về Quán Sát Môn và Hồi Hương Môn

2.2.1.2.3.1. Quán Sát Môn

2.2.1.2.3.1.1. Quán sát công đức thanh tịnh của khí thể gian

2.2.1.2.3.1.1.1. Công đức thanh tịnh

(Luận) Quán bỉ thể giới tướng, thắng quá tam giới đạo.

(Chú) Thử dĩ hạ, thị đệ tứ Quán Sát Môn. Thử môn trung, phân vi nhị biệt: Nhất giả, quán sát khí thể gian trang nghiêm thành tựu. Nhị giả, quán sát chúng sanh thể gian trang nghiêm thành tựu. Thử cú dĩ hạ chỉ “nguyện sanh bỉ A Di Đà Phật quốc”, thị quán khí thể gian trang nghiêm thành tựu. Quán khí thể gian trung, phục phân vi thập thất biệt, chỉ văn đương mục. Thử nhị cú tức thị đệ nhất sự, danh vi “quán sát trang nghiêm thanh tịnh công đức thành tựu”. Thử thanh tịnh thị tổng tướng.

(論)觀彼世界相，勝過三界道。

(註)此已下，是第四觀察門。此門中，分為二別：一者，觀察器世間莊嚴成就。二者，觀察眾生世間莊嚴成就。此句已下至願生彼阿彌陀佛國，是觀器世間莊嚴成就。觀器世間中，復分為十七別，至文當目。此二句即是第一事，名為觀察莊嚴清淨功德成就。此清淨是總相。

(Luận: Quán tướng thể giới ấy, vượt hơn tam giới đạo.

Chú: Từ chỗ này trở đi là môn thứ tư, tức Quán Sát Môn. Trong môn này, chia làm hai phần riêng biệt. Một là quán sát sự thành tựu trang nghiêm nơi khí thể gian. Hai là quán sát sự thành tựu trang nghiêm nơi chúng sanh thể gian. Từ câu này trở đi cho đến câu “nguyện sanh cõi Phật A Di Đà” là phần quán sát sự thành tựu trang nghiêm nơi khí thể gian.

Trong phần quán sát khí thể gian, lại chia thành mười bảy điều riêng, đến phần kinh văn của từng điều, sẽ phân định rõ đề mục. Hai câu này chính là chuyện thứ nhất, được gọi là quán sát sự thanh tịnh trang nghiêm được thành tựu bởi công đức. Sự thanh tịnh ấy chính là

tổng tướng).

Trong đoạn văn này, ngài Đàm Loan đã xét thấy hai mươi bốn bài kệ tụng do Luận Chủ đã nói, tổng trì pháp môn ngũ niệm, từ bài Kệ Tụng thứ ba cho đến bài Kệ Tụng thứ hai mươi ba đều là quan sát A Di Đà Phật và quốc độ An Lạc, tức là [quan sát] dựa trên tướng công đức trang nghiêm nơi y báo và chánh báo. Vì thế, Ngài phán định phần này là môn thứ tư, tức Quán Sát Môn trong Ngũ Niệm Môn, và chia phần Quán Sát Môn thành hai khoa mục lớn. “*Nhị biệt*” tức là hai khoa mục lớn khác biệt. Trong hai khoa mục lớn, điều được quan sát trong khoa mục lớn thứ nhất là khí thể gian, chia ra chi tiết sẽ là mười bảy tiểu mục, các thứ công đức sai biệt khác nhau. Khi Ngài chú giải đến mỗi bài kệ tụng, sẽ nêu ra các khoa mục khác biệt. Vì thế nói là “*chỉ văn đương mục*”.

“*Thử cú dĩ hạ*” (Từ câu này trở đi), tức là từ câu “*quán bỉ thế giới tướng, thắng quá tam giới đạo*” (quán tướng thế giới ấy, vượt xa tam giới đạo) do vị Luận Chủ đã nói cho đến câu “*nguyện sanh bỉ A Di Đà Phật quốc*” thuộc về đại khoa thứ nhất. Nhưng hai câu ấy chính là chuyện thứ nhất được quan sát trong mười bảy tiểu mục, được gọi là “*quán sát trang nghiêm thanh tịnh công đức thành tựu*”. Cái được thành tựu bởi công đức thanh tịnh chính là quốc độ An Lạc; do vậy, điều này được gọi là tổng tướng của Tịnh Độ. Các phần kệ tụng nói về mười sáu tiểu mục kia chính là biệt tướng. Ví như nói “*người*” thì đó là tổng tướng; nam, nữ, già, trẻ, Trương Tam, Lý Tứ, mỗi người mỗi khác thì đó là biệt tướng.

“*Trang nghiêm thanh tịnh công đức thành tựu*” cũng chính là như kinh Di Đà đã nói: “*Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm*” (Quốc độ Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế), tức là quán sát sự trang nghiêm thanh tịnh nơi hết thảy y báo và chánh báo trong quốc độ Phật ấy đều được thành tựu bởi công đức chân thật vô lậu do A Di Đà Phật và chúng sanh trong cõi ấy đã tu tập, chẳng phải là từ trong Không mà sanh ra Có, [chẳng phải là] không nhân mà có quả, hoàn toàn là “*tịnh nghiệp là nhân, Tịnh Độ là quả*”. Do vậy mà được thành tựu viên mãn.

(Chú) Phật bốn sở dĩ khởi thử trang nghiêm thanh tịnh công đức giả, kiến tam giới thị hư ngụy tướng, thị luân chuyển tướng, thị vô cùng tướng, như xích oách tuần hoàn, như tầm kiến tự phục. Ai

tai! Chúng sanh để thử tam giới, điên đảo, bất tịnh. Dục trí chúng sanh u bất hư nguy xứ, u bất luân chuyển xứ, u bất vô cùng xứ, đắc tất cánh an lạc đại thanh tịnh xứ. Thị cố khởi thử thanh tịnh trang nghiêm công đức dĩ.

(註)佛本所以起此莊嚴清淨功德者，見三界是虛偽相，是輪轉相，是無窮相，如蜈蚣循環，如蠶繭自縛。哀哉！眾生締此三界，顛倒不淨。欲置眾生於不虛偽處，於不輪轉處，於不無窮處，得畢竟安樂大清淨處。是故起此清淨莊嚴功德也。

(Chú: Sở dĩ đức Phật vốn khởi lên công đức trang nghiêm thanh tịnh này là vì Ngài thấy tam giới là tướng hư nguy, là tướng luân chuyển, là tướng vô cùng, như sâu xích oách¹⁰ quấn quanh, như tằm tự kéo kén trói buộc. Thương thay! Chúng sanh buộc chặt trong tam giới, điên đảo, bất tịnh. [Đức Phật] muốn đặt chúng sanh nơi chẳng hư nguy, nơi chẳng luân chuyển, nơi chẳng vô cùng, đạt được chốn đại thanh tịnh rất ráo an lạc. Vì thế, Ngài dậy lên công đức trang nghiêm thanh tịnh này).

Ngài Đàm Loan giải thích: Vì sao Luận Chủ phải dùng hai câu kệ này để thâm nhiếp chung công đức thanh tịnh của thế giới An Lạc? Đây hoàn toàn là nương theo bốn nguyện của A Di Đà Phật mà dậy lên. Nếu hỏi: Vì sao A Di Đà Phật lại phải phát ra bốn mươi tám đại nguyện (bốn nguyện) khi Ngài thành Phật, sẽ thành tựu thế giới trang nghiêm, thanh tịnh như thế ấy? Điều này hoàn toàn xuất phát từ căn bản là tâm đại bi của Phật. Ngài trông thấy lục đạo chúng sanh ở trong tam giới, thoát chìm, thoát nổi, chẳng có thở nào xong, giống như con trùng Xích Oách hết co lại duỗi, từ đầu đến cuối, cứ tiến một bước rồi lại lùi một bước ở nguyên một chỗ, cứ tuần hoàn chẳng ngừng. Lại như con tằm nhả tơ kéo kén, tự nhốt trói mình, chẳng thoát ra được. Như trong kinh nói: “*Tam giới thượng hạ pháp, duy thị nhất tâm tác*” (Pháp trên dưới trong tam giới, chỉ do nhất tâm tạo). Tam giới lục đạo đều là do phiền não và vọng tưởng của chúng sanh tạo thành, hoàn toàn là hư nguy, chẳng thật, tức là giống như sự tướng trong mộng. Người đang nằm mộng ngỡ [những sự tướng ấy] có thật, đến khi tỉnh khỏi giấc

¹⁰ Xích Oách (蜈蚣) chính là ấu trùng của Xích Oách Nga (蜈蚣蛾, một loại bướm đêm, ta thường gọi chung là Nắc Nẻ, geometer moth).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

mộng lớn, mới bừng tỉnh giác ngộ: Đây vốn là từ trong Không mà sanh ra Có, là huyền tướng hư ngụy. Do vậy, trong kinh có nói: “*Sanh tử như mộng huyền, tam giới như hoa đóm trong hư không*”. Các phàm phu và những ngoại đạo khác đều chấp trước “thân, tâm, thế giới” trước mắt đều luôn thường hằng như thế, con người chết rồi vẫn sanh làm người trong nhân gian, thế giới ta đang ở là “*thiên trường, địa cửu*”, vĩnh viễn là như vậy. Điều này được gọi là Thường Kiến. Hoặc chấp trước Duy Vật Luận, chúng sanh chết rồi giống như vật phẩm, hủy hoại, thiêu đi, sẽ giống như hư không. Điều này được gọi là Đoạn Diệt Kiến. Do hai thứ tà kiến Đoạn và Thường này mà chẳng tin sự thật nhân quả và luân hồi trong thế gian, bèn sanh khởi phiền não tham, sân, si v.v... Do phiền não mà tạo đủ mọi ác nghiệp, cảm thọ khổ quả sanh tử, tự làm, tự chịu, như tầm kéo kén tự trói, thật đáng thương xót!

A Di Đà Phật trông thấy các thứ điên đảo ấy của chúng sanh, trái nghịch tâm tánh vốn sẵn thanh tịnh, thuận theo nhân duyên thiện ác ô nhiễm, nhân nhân quả quả, luân hồi trong lục đạo, sanh tử tiếp nối, chẳng có điểm khởi đầu, mà cũng chẳng có điểm kết thúc. Ba đời vô cùng, giống như đêm dài mờ mịt, khi nào mới được thấy mặt trời, thật hết sức đáng buồn, đáng than! Trong tình thế bất đắc dĩ, vì mong đặt yên chúng sanh đáng thương xót trong tam giới lục đạo ở nơi không hư vọng (nơi không có phiền não vọng tưởng), chẳng có luân hồi (sanh tử khổ báo), chẳng có khá nhiều cảnh giới sanh tử vô cùng (tam giới), khiến cho họ được rốt ráo không có các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui, lại là chỗ y báo và chánh báo (thân, tâm, thế giới) trang nghiêm thanh tịnh vô lậu. Do vậy, Ngài mới phát khởi bốn mươi tám đại nguyện, nương theo nguyện mà tu các công đức, dùng công đức ấy thành tựu quốc độ An Lạc trang nghiêm thanh tịnh. A Di Đà Phật có hoài bão vĩ đại, hành vi vĩ đại thay! Ngài Đàm Loan đã hoàn toàn phơi bày, bảo ban những chúng sanh còn đang mê muội, hồ đồ trong tam giới, chúng ta há còn nên chấp mê chẳng ngộ hay chẳng? Há có nên chẳng biết ân, báo ân, nhất tâm quy mạng Phật Di Đà, nương theo pháp môn Ngũ Niệm này mà tu tập chuyên ròng cho đến khi xả báo thân, cầu sanh Cực Lạc ư?

Lại nói: Chúng sanh và chư Phật, tam giới và Tịnh Độ, đều là tướng thế gian đối đãi, được gọi là “*giả thi thiết*” (假施設, hư giả đặt bày), thuộc về Thế Tục Đế, là tướng trạng của pháp thế gian được sanh khởi bởi Tâm Sanh Diệt Môn, chính là tướng thế giới. Nếu nói theo Thắng Nghĩa Đế, tức Tâm Chân Như Môn, thì sẽ chẳng có giả tướng

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

tam giới lục đạo, cho nên nói là “*thắng quá*” (勝過, vượt xa). Như trong phẩm Như Lai Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa có nói: “*Như Lai như thật tri kiến tam giới chi tướng, vô hữu sanh tử, nhược thoái, nhược xuất, phi thật, phi hư, phi như, phi dị, bất như tam giới, kiến ư tam giới*” (Như Lai như thật thấy biết tướng tam giới, chẳng có sanh tử, hoặc thoái, hoặc xuất, chẳng thật, chẳng hư, chẳng như, chẳng khác, chẳng như tam giới, chẳng thấy tam giới). Cũng như trong kinh Kim Cang đã nói: “*Chúng sanh tức phi chúng sanh, thị danh chúng sanh*” (Chúng sanh tức là chẳng phải chúng sanh thì gọi là chúng sanh). Kinh Tịnh Danh nói: “*Tuy tri chư Phật quốc, cập dữ chúng sanh không, nhi thường tu Tịnh Độ, lợi ích chư chúng sanh*” (Tuy biết các cõi Phật, và chúng sanh đều không, nhưng thường tu Tịnh Độ, nhằm lợi ích các chúng sanh). Có thể quán như vậy, chẳng chấp trước tam giới là có thật, cũng chẳng giữ lấy tướng Không, chẳngỡ thấy chúng sanh khổ, duyên khởi tâm đại bi, tu các công đức trang nghiêm tam giới, thanh tịnh tam giới, thì mới là ý thú chân thật như Luận Chủ đã nói: “*Quán bỉ thế giới tướng, thắng quá tam giới đạo*” (Quán tướng thế giới ấy, vượt xa thế giới đạo). Thế giới Cực Lạc của A Di Đà là như thế đó, hết thấy các Tịnh Độ của chư Phật, cũng không cõi nào chẳng phải là như vậy, đều là quả báo do trọn đủ bốn duyên mà sanh ra:

- 1) Tâm đại bi là Thân Nhân Duyên.
- 2) Duyên theo chúng sanh đang khổ chính là Sở Duyên Duyên.
- 3) Phát nguyện tu hành thành Phật là Tăng Thượng Duyên.
- 4) Tu các công đức, liên tục tăng thượng cho đến khi thành Phật quả, chính là Vô Gian Duyên.

Luận này trần thuật mười bảy món công đức trang nghiêm nơi khí thế gian, đều dựa theo bốn duyên mà thành tựu. Trong phần sau, khi giảng giải về mười sáu món công đức, sẽ chẳng nhắc lại nữa!

(Chú) Thành tựu giả, ngôn thử thanh tịnh bất khả phá hoại, bất khả ô nhiễm, phi như tam giới thị ô nhiễm tướng, thị phá hoại tướng dã.

(註)成就者，言此清淨不可破壞，不可污染，非如三界是污染相，是破壞相也。

(Chú: “Thành tựu” là nói sự thanh tịnh ấy chẳng thể phá hoại, chẳng thể nhuộm bẩn được, chẳng như tam giới là tướng ô nhiễm, là tướng phá hoại).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Đây là ngài Đàm Loan giải thích ý nghĩa bao hàm trong hai chữ “*thành tựu*”. Vì trong phần văn Trường Hàng thuộc phần sau, Luận Chủ có nói: Quan sát quốc độ Cực Lạc có tất cả mười bảy thứ công đức trang nghiêm, mỗi thứ đều có hai chữ Thành Tựu. Như thế nào thì mới có thể nói là thành tựu? Ngài Đàm Loan nói: Loại thứ nhất là công đức trang nghiêm thanh tịnh cho đến loại công đức trang nghiêm thứ mười bảy, đều là chẳng thể phá hoại, chẳng thể bị ô nhiễm. Vì thế gọi là “*thành tựu*”. Chẳng như tam giới trong quốc độ Sa Bà, hoàn toàn là tướng ô nhiễm và tướng phá hoại. Tướng phá hoại, tướng ô nhiễm là gì? Ngài Đàm Loan chẳng nói rõ thêm. Chúng ta dựa theo những điều khai thị trong kinh Phật sẽ có thể hiểu rõ. Phạm những gì là pháp tướng hữu vi sanh diệt vô thường thì gọi là “*tướng có thể phá hoại*”. Như chánh báo trong tam giới lục đạo nơi thế gian này thì sanh, lão, bệnh, tử, y báo thì thành, trụ, hoại, không, đều là tướng vô thường sanh diệt, có thể phá hoại. Nhưng A Di Đà Phật và nhân dân của Ngài đều là vô lượng thọ. Quốc độ Phật ấy kiến lập thường hằng, đó gọi là “*tướng chẳng thể phá hoại*”. Chúng ta có thể nêu lên kinh văn để chứng minh, như trong kinh Vô Lượng Thọ có nói: “*Sở tu Phật quốc, khai khuếch quảng đại, siêu thắng độc diệu, kiến lập thường nhiên, vô suy, vô biến*” (Quốc độ Phật do Ngài đã tu tập rộng lớn minh mông, thù thắng vượt xa, hay khéo duy nhất, kiến lập thường hằng, chẳng suy đồi, chẳng biến đổi). Kinh A Di Đà nói: “*Bỉ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, cố danh A Di Đà*” (Đức Phật ấy và nhân dân của Ngài có thọ mạng vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, cho nên gọi là A Di Đà).

Lại nói, hễ có phiền não xen tạp trong ấy, thì hết thấy các nghiệp thiện ác đã làm đều là ô nhiễm, chẳng thanh tịnh, cảm vùi quả báo và quốc độ để nương tựa cũng ô nhiễm, chẳng thanh tịnh cũng giống hệt như vậy. Thế giới Cực Lạc khác hẳn, nó đã do công đức chân thật vô lậu của A Di Đà Phật tạo thành, đương nhiên là chẳng có những ô trược, tạp nhiễm phiền não, nên nói là “*tướng chẳng thể ô nhiễm*”. Loại công đức “*chẳng thể phá hoại, chẳng thể ô nhiễm*” ấy chính là nhân tố thành tựu đủ mọi thứ trang nghiêm trong quốc độ Phật ấy; hễ thiếu khuyết [nhân tố ấy] thì sẽ chẳng thể thành tựu. Vì thế gọi là thành tựu công đức thanh tịnh, cho đến hết thấy sở cầu đều được thành tựu bởi công đức. Có thể vượt xa tam giới cũng là vì chỗ này, như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Bỉ Phật quốc độ, thanh tịnh an lạc, vi diệu khoái lạc, thứ ư vô vi Nê Hoàn chi đạo. Kỳ chư Thanh Văn, Bồ Tát, thiên*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

nhân, trí huệ cao minh... phi thiên, phi nhân, giai thọ tự nhiên hư vô chi thân, vô cực chi thể” (Quốc độ Phật ấy thanh tịnh, an lạc, vui sướng vi diệu, chỉ kém đạo Niết Bàn vô vi. Các vị Thanh Văn, Bồ Tát và trời người trong cõi ấy trí huệ cao minh... chẳng phải là người, chẳng phải là trời, đều hưởng tám thân hư vô tự nhiên, bản thể vô cực). Đây chính là kinh văn chứng minh sự “*thành tựu*” của mười bảy loại trang nghiêm thanh tịnh và sự thù thắng vượt xa tam giới lục đạo. Do thế giới Cực Lạc gần với vô vi, lại là tám thân hư vô, là cái thể vô cực (hư không), cho nên chẳng thể phá hoại, chẳng có ô nhiễm. Đã gần với Nê Hoàn (Đại Niết Bàn), đương nhiên là sẽ thành tựu tứ chân đức, tức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, sẽ là chẳng thể phá hoại, chẳng thể ô nhiễm. Chúng sanh trong cõi ấy đã là trí huệ cao minh, chẳng phải là trời, chẳng phải là người, quốc độ được tạo ra tất nhiên thù thắng vượt xa cõi Tịnh Độ của chư Phật trong tam giới. Nhân như thế nào, quả như thế ấy, hoàn toàn được thành tựu bởi vô lượng công đức do Pháp Tạng Bồ Tát đã tu.

(Chú) “Quán” giả, quán sát dã. Bỉ giả, bỉ An Lạc quốc dã. Thế giới tướng giả, bỉ An Lạc thế giới thanh tịnh tướng dã. Kỳ tướng biệt tại hạ.

(註) 觀者，觀察也。彼者，彼安樂國也。世界相者，彼安樂世界清淨相也。其相別在下。

(Chú: “Quán” là quan sát. “Bỉ” là cõi An Lạc. “Tướng thế giới” chính là tướng thanh tịnh của thế giới An Lạc. Tướng ấy sẽ được nói [thành từng mục] riêng biệt trong phần sau).

Trong đoạn văn này, ngài Đàm Loan chú thích đơn giản câu thứ nhất, tức câu “*quán bỉ thế giới tướng*”. Tướng ấy sẽ được biện định riêng biệt dưới đây. Câu chú giải này có ý nói mười bảy thứ sai biệt của tướng thanh tịnh ấy sẽ được nói chi tiết rõ ràng trong phần kệ văn sau đó.

(Chú) “Thắng quá tam giới đạo”: Đạo giả, thông dã. Dĩ như thử nhân, đắc như thử quả; dĩ như thử quả, thù như thử nhân. Thông nhân chí quả, thông quả thù nhân, cố danh vi đạo. Tam giới giả: Nhất, thị Dục Giới, sở vị: Lục Dục Thiên, tứ thiên hạ nhân, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục đẳng thị dã. Nhị, thị Sắc Giới, sở vị: Sơ

Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên Thiên đẳng thị dã. Tam, thị Vô Sắc Giới, sở vị: Không Xứ, Thức Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên đẳng thị dã. Thử tam giới cái thị sanh tử phàm phu lưu chuyển chi ám trạch, tuy phục khổ lạc tiểu thù, tu đoãn tạm dị, thông nhi quán chi, mặc phi hữu lậu, ý phục tương thừa, tuần hoàn vô tế, tạp sanh xúc thọ, tứ đảo trường câu, thả nhân, thả quả, hư nguy tương tập.

(註)勝過三界道。道者，通也。以如此因，得如此果；以如此果，酬如此因。通因至果，通果酬因，故名為道。三界者：一、是欲界，所謂：六欲天，四天下人，畜生，餓鬼，地獄等是也。二、是色界，所謂：初禪，二禪，三禪，四禪天等是也。三、是無色界，所謂：空處，識處，無所有處，非想非非想處天等是也。此三界蓋是生死凡夫流轉之閻宅，雖復苦樂小殊，脩短暫異，統而觀之，莫非有漏，倚伏相乘，循環無際，雜生觸受，四倒長拘，且因且果，虛偽相襲。

(Chú: “Thắng quá tam giới đạo” (Vượt xa tam giới đạo): “Đạo” là thông. Do cái nhân như thế nào thì sẽ đắc quả như thế ấy, dùng quả như thế ấy để đối ứng cái nhân như thế ấy. Thông từ nhân đến quả, thông từ quả tương ứng với nhân; nên gọi là “đạo”. “Tam giới” thì một là Dục Giới, có nghĩa là sáu tầng trời thuộc cõi Dục, cõi người thuộc tứ thiên hạ, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục v.v... Hai là Sắc Giới, tức là các tầng trời Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên... Ba là Vô Sắc Giới, tức là các cõi trời Không Xứ, Thức Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ... Ba cõi ấy chính là nhà tối của phàm phu lưu chuyển trong sanh tử. Tuy là khổ hay sướng sai khác chút ít, dài hay ngắn tạm thời khác nhau, nhưng nhìn chung, không gì chẳng phải là hữu lậu, nương tựa, chứa đựng lẫn nhau mà tuần hoàn không ngừng, xen tạp, sanh ra Xúc Thọ, bị bốn món điên đảo nắm giữ mãi. Nhân lẫn quả đều hư nguy, tiếp nối lẫn nhau).

Trong đoạn văn này, ngài Đàm Loan giải thích câu kệ “thắng quá tam giới đạo” (vượt xa tam giới đạo), phần đầu lời giải thích dễ hiểu. Từ câu “thử tam giới cái thị sanh tử phàm phu lưu chuyển chi ám trạch” (ba cõi ấy chính là nhà tối của phàm phu lưu chuyển trong sanh

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

tử) thì cần phải giảng giải thêm. “*Lưu chuyển*” chính là tướng luân hồi. “*Ám trạch*” (Nhà tối) chính là tướng phiền não ô nhiễm. Đã lưu chuyển thì sẽ có tướng vô cùng. Nếu theo như kinh Pháp Hoa đã nói: “*Tam giới vô an, do như hỏa trạch*” (Ba cõi chẳng yên, ví như nhà lửa), thì [sẽ thấy tam giới] có tướng phá hoại, bất an, đau khổ, hoảng sợ.

“*Khổ, lạc tiểu thù, tu, đoãn tạm dị*” (Khổ hay sướng sai khác chút ít, dài hay ngắn tạm thời khác nhau), hai câu chú giải này là nói địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh trong tam giới là chỗ thọ khổ. Chư thiên trong tam giới hưởng lạc, nhưng vẫn có khổ, tức là khi tướng ngũ suy hiện ra, khó tránh khỏi đau khổ, kinh hoảng. Loài người và A Tu La thì khổ vui chen lẫn, hoặc là khổ nhiều vui ít. Chúng sanh thuộc lục đạo trong tam giới tùy theo nghiệp mà thọ báo, có thể là chịu khổ hưởng vui bất đồng đôi chút (“*tiểu thù*”). Thọ mạng của báo thể đạt được có khi là trăm năm, ngàn năm (“*tu*” (脩) ở đây là “khá dài”), cũng có khi là mấy chục năm, hoặc mấy tháng, mấy ngày (ở đây gọi là “*đoãn*”). Thọ mạng ngắn hay dài tạm thời cũng có chỗ bất đồng (“*dị*”, sai khác). Nhưng nhìn chung, mà cũng là nói chung, thì chúng sanh phàm phu trong lục đạo không ai chẳng phải là do Hoặc, nghiệp, khổ cùng kết hợp, chẳng có gì sai khác hết. Do Hoặc (còn gọi là Lậu), tạo thành nghiệp nhân hữu lậu. Do nghiệp nhân hữu lậu ấy mà cảm vơi khổ quả hữu lậu trong tam giới lục đạo. Nhân và quả hữu lậu ấy nương tựa lẫn nhau mà thành tựu, đó gọi là “*ương ý*” (相倚). Khi cái nhân hiện ra thì trong ấy có ngầm chứa cái quả; khi cái quả chín muồi, trong ấy lại ngầm chứa cái nhân, điều này gọi là “*ương phục*” (相伏). Chúng sanh phàm phu cảm nghiệp khổ, làm nhân quả lẫn cho nhau, nên nói là “*nhân nhân quả quả, quả quả nhân nhân*”; điều này gọi là “*ương thừa*” (相乘). “*Thừa*” có nghĩa là chuyên chở. Do nhân mà chuyên đến quả, từ quả lại chuyên đến nhân, tuần hoàn như thế chẳng dứt; vì thế gọi là “*ý phục ương thừa, tuần hoàn vô tế*” như vòng lửa xoay, không đầu, không đuôi.

“*Tạp sanh Xúc Thọ*” ý nói chúng sanh trong lục đạo do tám thức tạp nhiễm, dẫn sanh lục căn tiếp xúc lục trần, bèn sanh khởi lục thọ (sáu thứ cảm nhận nơi sáu căn), và ba món cảm thọ (cảm nhận) là Khổ, Lạc, và Xả. Thuận thọ (cảm thọ vừa ý mình) bèn dấy lòng tham; nghịch thọ (cảm thọ trái ý) bèn dấy lòng sân. Tham và sân chính là si. Đã có ba căn bản phiền não, sẽ dẫn sanh hết thảy các chi mạng phiền não, tạo hết thảy nghiệp hữu lậu, cảm thọ khổ quả trong tam giới lục đạo. Báo thể

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

của cái quả này do vì vô minh phiền não tạo thành, cho nên điên đảo thị phi, ngũ bất tịnh là thanh tịnh, coi khổ là lạc, coi vô thường là thường. Thân tâm do Tứ Đại Ngũ Uẩn giả hợp vốn là vô ngã, thế mà khăng khăng chấp trước có một cái Tự Ngã, hoặc là Thần Ngã.

Chúng sanh phàm phu do có bốn thứ điên đảo ấy cho nên Hoặc nghiệp khổ luân hồi chẳng dứt. Đấy chính là mười hai nhân duyên lưu chuyển sanh tử, trói buộc chúng sanh dài lâu, [khiến họ] chẳng được giải thoát. Vì thế nói là “*tứ đảo trường câu*” (bốn món điên đảo móc giữ lâu dài). Nhân hoặc quả của loại sanh tử luân hồi này đều chẳng có tánh chất thực tại, chẳng có tánh chất bất biến, chẳng có tánh chất độc lập, hoàn toàn là do nhân duyên hòa hợp mà có. Nếu chẳng có nhân duyên, sẽ không có nhân quả sanh tử. Do vậy, sanh tử chỉ là nhân duyên hữu lậu hòa hợp hư ngụy, chẳng thật; vì thế nói là “*hư ngụy tương tập*”. Trên đây là ngài Đàm Loan đã dùng tướng xấu hèn của nhà lửa tam giới để thuyết minh.

(Chú) An Lạc thị Bồ Tát từ bi chánh quán chi do sanh, Như Lai thần lực bổn nguyện chi sở kiến. Thai, noãn, thấp sanh, duyên tư cao áp, nghiệp hệ trường duy, từng thử vĩnh đoạn. Tục quát chi quyền bất đãi khuyến nhi loan cung, lao khiêm thiện nhượng tề Phổ Hiền nhi đồng đức, thắng quá tam giới ức thị cận ngôn.

(註)安樂是菩薩慈悲正觀之由生，如來神力本願之所建。胎卵濕生，緣茲高揖，業繫長維，從此永斷。續括之權不待勸而彎弓，勞謙善讓齊普賢而同德，勝過三界抑是近言。

(Chú: An Lạc là do chánh quán từ bi của Bồ Tát mà sanh khởi, được kiến lập bởi bổn nguyện thần lực của Như Lai. Do vậy bèn giả biệt thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, nghiệp ràng buộc dài lâu từ đây vĩnh viễn đoạn dứt. Đối với phương tiện quyền biến để bản tên xa hơn, chẳng cần phải đợi người khác khuyến bảo kéo căng dây cung, siêng năng tu tập, khiêm tốn, khéo nhường nhịn, có đức bằng với Phổ Hiền. [Nói] “vượt xa tam giới đạo” chỉ là nói nông cạn đó thôi).

Trong đoạn văn này, ngài Đàm Loan đã chỉ ra nguyên nhân và tình huống thực tế khiến cho quốc độ An Lạc vượt xa tam giới:

1) Một là do Pháp Tạng Bồ Tát và tất cả các vị Bồ Tát trong quốc độ ấy đều vì tấm lòng từ bi mà tu phước, dùng chánh hạnh Chỉ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Quán đê tu huệ, thành tựu phước huệ nhị nghiêm (được trang nghiêm bằng phước và huệ) mà [quốc độ ấy được] sanh khởi.

2) Một nguyên nhân khác là do thân lực vốn có nơi quả địa và sức bốn nguyện nơi nhân địa của Di Đà Như Lai.

Do hai thứ nhân duyên ấy mà kiến lập [cõi Cực Lạc]. Đây là chỗ hoàn toàn bất đồng so với tam giới trong cõi này (Sa Bà). Cõi này chính là quả báo do “Hoặc, nghiệp, khổ” của lục đạo chúng sanh cảm vời. Vì thế, hết thấy chúng sanh trong thế giới An Lạc đều là liên hoa hóa sanh (trừ những kẻ nghi hoặc, vô trí, thì sanh ở ngoài biên địa), chẳng có nhân duyên của thai sanh, noãn sanh, và thấp sanh. Do vậy, từ tạ, dứt bật, chẳng còn thọ thân thai sanh, noãn sanh, và thấp sanh. Vì thế nói: “*Duyên tư cao áp*” (Do bởi lẽ này mà từ tạ). “*Cao áp*” (高揖) là vòng hai tay đưa lên cao, hướng về người khác từ tạ, tức là “cảm ơn quý vị”. Chẳng còn ba sợi thừng “Hoặc, nghiệp, khổ” trói buộc chúng sanh trong lao ngục sanh tử của tam giới trải bao kiếp dài lâu, không có cách nào liễu thoát! Chỉ cần có thể sanh về quốc độ An Lạc, nhất định sẽ vĩnh viễn chẳng bị “Hoặc, nghiệp, khổ” ràng buộc, nhuộm bẩn, chỉ có hưởng thụ sự vui sướng giải thoát thanh tịnh. Vì thế nói là “*nghiệp hệ trường duy, từng thử vĩnh đoạn*” (sự trói buộc dài lâu của nghiệp từ đây vĩnh viễn đoạn).

“*Tục quát chi quyền, bất đãi khuyến nhi loan cung*” (Đối với phương tiện quyền biến để bắn tên xa hơn, chẳng cần phải đợi người khác khuyên bảo kéo căng dây cung): Hai câu này có ý nói, ví như có người giương cung bắn tên, chót đuôi của mũi tên đặt ở chính giữa dây cung. Hễ tận lực liên tục kéo căng dây cung về phía sau, càng kéo căng thì càng có sức bật để bắn mũi tên đi [xa hơn]. Đây là phương tiện quyền biến xảo diệu để giương cung bắn tên, nên nói là “*tục quát chi quyền*”. Tác dụng và mục đích của loại phương tiện bắn tên ấy là bắn mũi tên đi cho xa nhằm trúng mục tiêu. Đây là sự tùy ý tự nhiên, chẳng cần người khác khuyên bảo kẻ ấy làm như vậy. Vì thế nói “*bất đãi khuyến nhi loan cung*” (chẳng đợi [người khác] khuyên kéo căng dây cung). Chuyện này nhằm sánh ví chúng sanh hễ sanh về thế giới An Lạc sẽ đều là vô lượng thọ, đều đắc Bất Thoái Chuyển (đó gọi là “*tục quát chi quyền*”). Do vậy, tùy ý tự nhiên, chẳng cần ai khác khuyên bảo mà tinh tấn tu phước, tu huệ, hành Bồ Tát đạo, viên mãn Bồ Đề ngay trong một đời, cùng thành Phật đạo, chẳng cần Phật khuyên nhủ tu hành thành Phật như thế nào!

“*Lao khiêm thiện nhượng, tề Phổ Hiền nhi đồng đức*” (Siêng

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

năng tu tập, khiêm tốn, khéo nhường nhịn, có đức bằng với Phổ Hiền), ý nói hàng Bồ Tát trong cõi Cực Lạc (lời chú giải dùng chữ “*chúng sanh*” [để chỉ các vị Bồ Tát ấy]) tuy khăng khăng tu các công đức (đó là “*lao*”, 勞) hòng trang nghiêm quốc độ, nhưng họ đều có thể “*tam luân thể không*”¹¹, chẳng chấp trước công lao, hết sức khiêm hư, chẳng nghĩ chính mình đang làm công đức tuyệt diệu như thế nào. Bất luận làm thiện nghiệp lớn hay nhỏ, đều cho là công của người khác, quyết chẳng hề ghen ghét thiện hạnh, thiện sự của người khác. Như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Tôi diệt tận tâm, bất kỳ thắng cố*” (Diệt trừ cái tâm ganh ghét vì không có tâm đố kỵ người khác hơn mình). Lại nói: “*Sanh bị Phật quốc chư Bồ Tát đẳng... ư kỳ quốc độ, sở hữu vạn vật, vô ngã sở tâm, vô nhiễm trước tâm. Khứ, lai, tán chi, tình vô sở hệ, tùy ý tự tại, vô sở thích mặc. Vô bỉ, vô ngã, vô cạnh, vô tụng... cứu cánh nhất thiết Bồ Tát sở hành, cụ túc thành tựu vô lượng công đức... cứu cánh Nhất Thừa, chí ư bỉ ngạn, trí huệ như đại hải, tam-muội như sơn vương*” (Các vị Bồ Tát sanh về cõi Phật ấy... đối với tất cả muôn vật trong quốc độ ấy, không có tâm “của ta”, không có tâm đắm nhiễm. Tới lui, đi, dừng (cư xử), không bị ràng buộc bởi tình kiến, tùy ý tự tại, không có gì là yêu hay ghét. Không có kẻ khác, không có ta, không đua tranh, không tranh cãi... rất ráo những điều sở hành của hàng Bồ Tát, thành tựu trọn đủ vô lượng công đức... rất ráo Nhất Thừa, đạt tới bờ kia, trí huệ như biển cả, tam-muội như núi chúa). Do vậy, ngài Đàm Loan tán thán rằng: “*Lao khiêm thiện nhượng, tề Phổ Hiền nhi đồng đức. Thắng quá tam giới ức thị cận ngôn!*” (Siêng năng tu tập, khiêm tốn, khéo nhường nhịn, có đức bằng với Phổ Hiền. [Nói] “*vượt xa tam giới đạo*” là nói nông cạn đó thôi!)

Lại như trong phần Tựa của kinh Vô Lượng Thọ có nói: “*Giai tuân Phổ Hiền đại sĩ chi đức, cụ chư Bồ Tát vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức chi pháp, du bộ thập phương, hành quyền phương tiện, nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn. Ư vô lượng thế giới, hiện thành Đẳng Giác*” (Đều tuân theo phẩm đức của Phổ Hiền đại sĩ, trọn đủ vô lượng hạnh nguyện của hàng Bồ Tát, an trụ trong hết thảy các pháp công đức, dạo chơi mười phương, hành phương tiện

¹¹ Tam luân thể không: Không thấy có ta là người hành, không thấy có sự việc được hành, không thấy có người tiếp nhận hành vi ấy. Chẳng hạn như bố thí thì không thấy ta là người đang thí, không thấy có người nhận vật thí, và không thấy có vật thí. “Không thấy” có nghĩa là biết thể tánh của những thứ ấy chính là Không.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

quyền biến, vào trong pháp tạng của Phật, rốt ráo đạt đến bờ kia. Trong vô lượng thế giới, hiện thành bậc Đẳng Giác). Bồ Tát trong quốc độ An Lạc ([lời chú giải gọi các Ngài là] “*chúng sanh*”) đều bằng với Phổ Hiền Bồ Tát, có đức hạnh giống hệt, được gọi là Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát. Đã có sự thù thắng vượt xa như vậy, cho nên lời kệ mới ghi là: “*Thắng quá tam giới đạo*” (Vượt xa tam giới đạo); đây vẫn là nói nông cạn đó thôi!

Trong một tác phẩm khác cũng do ngài Đàm Loan biên soạn, tức bộ *Lược Luận An Lạc Tịnh Độ Nghĩa*, có nói: “*Hỏi: Trong tam giới, An Lạc quốc thuộc về giới nào? Đáp: Như trong Thích Luận (tức bộ Thích Ma Ha Diễn Luận do Long Thọ Bồ Tát soạn) đã nói: Do cõi Tịnh Độ ấy chẳng thuộc vào tam giới, vì sao vậy? Vô dục (không có nam nữ dâm dục, không có ham muốn danh lợi) cho nên chẳng phải là Dục Giới. Do ở trên mặt đất, nên không phải là Sắc Giới. Do có hình sắc, nên chẳng phải là Vô Sắc Giới. Kinh nói (tức kinh Vô Lượng Thọ): ‘Vốn khi A Di Đà Phật hành Bồ Tát đạo... đã phát ra hồng thệ đại nguyện thấu nhiếp các Tịnh Độ, trong vô lượng kiếp đúng như lời phát nguyện mà hành các Ba La Mật, muôn điều thiện viên mãn, thành Vô Thượng Đạo’. Do nghiệp khác mà đạt được, nên chẳng phải là tam giới vậy*”. Đây cũng là một lý do để giải thích vì sao Cực Lạc vượt xa tam giới!

2.2.1.2.3.1.1.2. Lượng công đức

(Luận) Cứu cánh như hư không, quảng đại vô biên tế.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm lượng công đức thành tựu”. Phật bản sở dĩ khởi thử trang nghiêm lượng công đức giả, kiến tam giới hiệp tiểu, đạo hình bồi chữ, hoặc cung quán bách trách, hoặc thổ điền bức ải, hoặc chí cầu lộ xúc, hoặc sơn hà cách chướng, hoặc quốc giới phân bộ, hữu như thử đẳng chủng chủng cử cấp sự. Thị cố Bồ Tát hưng thử trang nghiêm lượng công đức nguyện, nguyện ngã quốc độ như hư không, quảng đại vô tế.

(論) 究竟如虛空，廣大無邊際。

(註) 此二句，名莊嚴量功德成就。佛本所以起此莊嚴量功德者，見三界狹小，墮陁陪階，或宮觀迫迮，或土田逼隘，或志求路促，或山河隔障，或國界分部，有如此等

種種舉急事。是故菩薩興此莊嚴量功德願，願我國土如虛空，廣大無際。

(Luận: Rốt ráo như hư không, rộng lớn không ngăn mé.

Chú: Hai câu này được gọi là “trang nghiêm lượng công đức thành tựu”. Đức Phật vốn dấy lên môn trang nghiêm lượng công đức này là vì Ngài thấy tam giới hẹp nhỏ, đường núi sụp lở, non cao, bãi bồi, hoặc cung điện, đền đài chật chội, hoặc là ruộng đất nhỏ hẹp, kém xấu, hoặc mong mỗi [đường sá] rộng rãi, khoáng khoáng, nhưng đường sá ngắn hẹp, hoặc bị núi sông cách trở, hoặc là bờ cõi phân chia, có đủ mọi thứ gò bó như thế. Vì vậy, [Pháp Tạng] Bồ Tát khởi lên nguyện trang nghiêm lượng công đức này, nguyện quốc độ của tôi như hư không, rộng lớn không ngăn mé).

Đối với hai câu này, trong mười bảy loại công đức được nêu ra trong phần Kế Tụng, đây là loại thứ hai, được gọi là “trang nghiêm lượng công đức thành tựu”. Vì sao phải có lượng được trang nghiêm bởi công đức thành tựu? Không gì chẳng phải là vì khi A Di Đà Phật đang hành Bồ Tát đạo, Ngài trông thấy tất cả thế giới trong uế độ hết sức hẹp nhỏ; do vậy, phát nguyện muốn tu món công đức trang nghiêm thành tựu này, tức là [phát nguyện] cõi Tịnh Độ “*cứu cánh như hư không, quảng đại vô biên tế*” (rốt ráo như hư không, rộng lớn không ngăn mé).

Ngài Đàm Loan đã căn cứ trên sự thật, nêu ra tướng trạng chật hẹp, kém cõi của cõi này: “Đọa” (墮) là thành trì hay gò đồng bị sụp lở. “Hình” (陁) là vách núi cheo leo, gập ghềnh. “Bồi” (陪) là bùn đất chùng chất cao ngất, hoặc non cao chót vót. “Chử” (渚) là bãi bồi trong sông, chằng chịt ngòi rãnh, trợn khắp mọi nơi. Hoặc là tuy có cung điện, lầu, đền, nhưng đều là chật chội, chen chúc quá mức, hoặc là tuy có đất đai, ruộng, vườn, nhưng cũng chẳng rộng rãi (điều này được gọi là Bức, 逼), lại còn toàn là cát sỏi, gai góc (điều này được gọi là Ái (隘), tức là kém xấu). Hoặc là mong có con đường lớn bằng phẳng, thẳng thớm, khoáng khoáng (ngài Đàm Loan dùng chữ “*chỉ câu*” để diễn tả điều này), nhưng chỉ thấy đường nhỏ ngoằn ngoèo, ngắn ngủi. Hoặc mong cầu thường được gặp mặt thân hữu, nhưng núi sông cách tuyệt chướng ngại, tuy gần nhau mà khó gặp gỡ! Hoặc là muốn “*thiên hạ vi công, thế nhân đại đồng*”, nhưng các nước chia cắt, mỗi nước đều có giới hạn, thậm chí nước này xâm lược, chiếm đoạt nước kia, diễn ra

những cuộc chiến tranh lớn nhỏ trên quốc tế. Có đủ mọi chuyện trở ngại, hạn cuộc như thế, cho nên ước độ là hẹp nhỏ, rất chẳng lý tưởng. Do Pháp Tạng Bồ Tát trông thấy tình hình này, bèn phát nguyện ta sẽ trang nghiêm thế giới hẹp hòi, kém cõi này, cốt sao quốc độ khi ta thành Phật sẽ rộng rãi như hư không, rộng lớn không ngăn mé.

(Chú) Như hư không giả, ngôn lai sanh giả tuy chúng, do nhược vô dã. “Quảng đại vô tế” giả, thành thượng “như hư không” nghĩa. Hà cố như hư không? Dĩ quảng đại vô tế cố. “Thành tựu” giả, ngôn thập phương chúng sanh vãng sanh giả, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh, tuy vô lượng vô biên, tất cánh thường như hư không, quảng đại vô tế, chung vô mãn thời. Thị cố ngôn: “Cứu cánh như hư không, quảng đại vô biên tế”.

(註)如虛空者，言來生者雖眾，猶若無也。廣大無際者，成上如虛空義。何故如虛空？以廣大無際故。成就者，言十方眾生往生者，若已生，若今生，若當生，雖無量無邊，畢竟常如虛空，廣大無際，終無滿時。是故言：究竟如虛空，廣大無邊際。

(Chú: “Như hư không” là nói người sanh về [Cực Lạc] tuy đông, nhưng dường như không có. “Rộng lớn không ngăn mé” là thành tựu ý nghĩa “như hư không” trên đây. Vì sao như hư không? Do rộng lớn không ngăn mé. “Thành tựu” là nói mười phương chúng sanh vãng sanh, hoặc đã sanh, hoặc nay sanh, hoặc sẽ sanh, tuy vô lượng vô biên, rộng rãi thường như hư không, rộng lớn không ngăn mé, trọn chẳng có lúc nào đầy tràn. Vì thế nói: “Rộng rãi như hư không, rộng lớn không ngăn mé”).

Trong lời kệ có nói “*như hư không*”, tức là nói chúng sanh vãng sanh thế giới Cực Lạc, tuy rất nhiều, nhưng giống như chẳng có một ai. Vì sao vậy? Vì sanh về Cực Lạc, đều tự nhiên nhận lấy tâm thân hư vô, cái thể vô cực. Chuyện này giống như hương thơm của hoa, như ánh nắng mặt trời, dầu nhiều mà “có nhưng dường như không có”. Vì thế nói là “*như hư không*”, tuy có, nhưng chẳng có vật thể!

“*Chung vô mãn thời*” (Trọn chẳng có lúc đầy tràn): Câu này nói theo sự tướng. Do hư không rộng lớn không có ngăn mé, cho nên trong hư không dầu nước mưa, mây, sương mù nhiều đến mấy đi nữa, quyết

định chẳng có khi nào tràn ngập, chẳng thể chứa đựng được! Lại như biển cả, nước trong thế gian dầu nhiều, chảy vào biển cả, nhưng nước trong biển cả chẳng tăng, chẳng giảm, chắc chắn sẽ chẳng có chuyện biển cả không chứa nổi các dòng nước. Nói theo lý tánh, trong pháp tánh Không, chẳng phân biệt thời gian và không gian, thường nói là “*tột cùng theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang*”, há có sự đầy ắp để có thể nói được ư? Giả sử có sự đầy ắp, vậy thì sẽ có giới hạn giữa mười phương ba đời, đây chẳng phải là Pháp Tánh! Pháp Tánh không có giới hạn, chẳng tăng, chẳng giảm, cho nên nói: “*Chung vô mãn thời*” (Trọn chẳng có lúc tràn đầy). Tôi thường nói: “Thế giới Cực Lạc là cảnh giới Đại Niết Bàn”. Đại Niết Bàn cũng là Pháp Tánh, Phật Tánh, đương nhiên là “*cứu cánh như hư không, quảng đại vô biên tế*” (rót ráo như hư không, rộng lớn không ngăn mé).

(Chú) Vấn viết: Như Duy Ma phương trượng bao dung hữu dư, hà tất quốc giới vô ty, nãi xưng quảng đại? Đáp viết: Sở ngôn quảng đại, phi tất dĩ huê, uyển vi dụ! Đản ngôn: “Như không”, diệc hà luy phương trượng? Hựu phương trượng chi sở bao dung tại hiệp nhi quảng, hạch luận quả báo, khởi nhược tại quảng nhi quảng da?

(註)問曰：如維摩方丈苞容有餘，何必國界無貲，乃稱廣大？答曰：所言廣大，非必以畦，畹為喻！但言：如空，亦何累方丈？又方丈之所苞容在狹而廣，覈論果報，豈若在廣而廣耶？

(Chú: Hỏi: Như cái thất vuông một trượng của ngài Duy Ma chứa trọn chẳng sót, cần gì phải là bờ cõi không lường thì mới gọi là “rộng lớn”? Đáp: Nói “rộng lớn” chẳng cần phải dùng huê (năm mươi mẫu), hay uyển (ba mươi mẫu) để sánh ví! Chỉ nói “như hư không”, cũng chẳng cần phiền đến cái thất to một trượng vuông! Hơn nữa, cái thất một trượng vuông chứa đựng [khắp cả] là ở nơi hẹp mà thành rộng; nếu xét căn kẽ theo quả báo, há có lẽ nào bằng được “ở nơi rộng mà lại rộng rãi” ư?)

Sau khi đã giải thích bài Kệ về lượng công đức, ngài Đàm Loan sợ có kẻ nghi ngờ, cho nên lại từ bi nêu ra lời vấn đáp, khiến cho mọi người liễu giải cảnh giới của quốc độ An Lạc là cảnh giới Đại Niết Bàn Lý Sự viên dung bất nhị, xa lìa hết thảy phân biệt, chấp trước, cho nên được gọi là “*chẳng thể nghĩ bàn*” được hết thảy chư Phật đều hộ niệm.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Trong câu hỏi được nêu ra, có nhắc tới chuyện kinh Phật nói cư sĩ Duy Ma Cật (Vimalakīrti, dịch nghĩa là Vô Cấu Xung, hoặc dịch là Tịnh Danh), căn phòng Ngài ở bốn bề chỉ vừa đúng một trượng, nên gọi là “*phương trượng*”. Nhưng có một lần Ngài ngã bệnh, đức Bồ Sư bèn sai các vị đại Bồ Tát và đệ tử Thanh Văn đến căn phòng Ngài đang ở để thăm bệnh. Khi mọi người đều đến đó, căn phòng ấy liền biến thành rất rộng lớn, trong ấy chứa đựng một vạn tòa sư tử, mà vẫn rất rộng rãi, trống trải. Mọi người ngồi lên tòa sư tử, bèn cùng với cư sĩ Duy Ma Cật đàm luận đạo lý Bất Nhị trong Đại Thừa Phật pháp. Cư sĩ Duy Ma Cật cũng xứng tánh hướng về đại chúng nói ra rất nhiều nghĩa lý tinh vi trong Đại Thừa Phật pháp. Về sau [những lời vấn đáp ấy] được kết tập thành một bộ [kinh điển], được đức Phật ấn khả, trở thành kinh Duy Ma Cật, còn gọi là kinh Tịnh Danh, hoặc kinh Vô Cấu Xung.

Nay ý nghĩa trong lời hỏi là dùng ngay câu chuyện căn phòng một trượng vuông của ngài Duy Ma Cật (chữ Bao (苞) chính là Bao (包), “*bao dung*” (包容, là dung nạp) có thể dung nạp rất nhiều nhân vật, mà còn rất nhiều chỗ trống. Dùng thí dụ ấy để làm tiền đề [rời chất vấn rằng] thế giới Cực Lạc lại cần gì phải là quốc giới vô ty (無費, có nghĩa là chẳng thể tính đếm được) như thế thì mới gọi là rộng lớn ư? Trọng điểm trong lời đáp là căn cứ trên “*Lý Sự viên dung bất nhị*”. Nói đến rộng lớn thì có Sự và Lý. Nói theo sự tướng, lớn là so với nhỏ mà nói, như ruộng đất trong thế gian vào thời cổ tại Trung Hoa, cứ năm mươi mẫu¹² thì gọi là một Huê (畝), ba mươi mẫu là một Uyển (畹). So giữa Uyển và Huê, thì Uyển nhỏ Huê lớn. Nhưng ruộng đất từ năm mươi mẫu trở lên đem so với Huê thì Huê sẽ là nhỏ bé. Do vậy, sự đo lường lớn nhỏ trong thế gian không gì chẳng phải là giả danh tương đối. Nay Luận Chủ nói đến sự rộng lớn của thế giới Cực Lạc thì chính là chân Hiện Lượng, chẳng phải là giả danh đối đãi. Vì thế, chẳng thể dùng Tỷ Lượng của thế gian để thí dụ cảnh Hiện Lượng của Cực Lạc được!

¹² Mẫu (畝) là đơn vị đo ruộng đất của Trung Hoa. tùy theo thời đại mà có độ lớn khác nhau. Chẳng hạn như dưới thời Tần thì khoảng ruộng mỗi bề rộng một trăm bước chân thì gọi là một Mẫu, sang thời Hán thì kích thước mỗi bề là hai trăm bốn mươi bước. Theo quy định hiện thời tại Trung Hoa và Đài Loan, một Mẫu là 667 mét vuông. Khái niệm này khác với đơn vị Mẫu dùng tại Việt Nam. Tại Bắc Việt, một mẫu là 3.600 m² (thường gọi là Mẫu ta), còn tại miền Nam, một mẫu là mười ngàn mét vuông. Như vậy, một mẫu tại miền Nam Việt Nam bằng với một hecta (mẫu Tây) của Pháp.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Do vậy, Luận Chủ chỉ nói “*cứu cánh như hư không*” (rốt ráo như hư không), hư không cố nhiên là rộng lớn. Sự to lớn của hư không chính là sự to lớn trong Hiện Lượng, chẳng phải là sự to lớn theo Tỷ Lượng. Chuyện này khác với sự to lớn nơi căn phòng một trượng vuông của ngài Duy Ma. Phương trượng là to theo ý nghĩa Tỷ Lượng. Vì thế, ngài Đàm Loan nói: “*Đản ngôn hư không, diệc hà luy phương trượng?*”, tức là nói: Làm sao có thể coi sự to lớn như hư không ngang hàng với sự to lớn của phương trượng cho được? Phương trượng vốn là hẹp nhỏ, nhưng dùng thần lực biến thành rộng lớn. Chuyện này giống như trong kinh Pháp Hoa, đức Bồ Sư đã ba lượt biến uest độ thành tịnh độ. Nhưng Cực Lạc Tịnh Độ chẳng phải là do A Di Đà Phật biến uest độ thành tịnh, mà xác thực là cõi Thật Báo Trang Nghiêm thanh tịnh. Cõi ấy so với cõi Tịnh Độ do đức Bồ Sư biến hiện là từ không mà bỗng có, đã có rồi trở về không, hoàn toàn chẳng giống nhau.

Vì thế, ngài Đàm Loan nói: “*Hạch luận quả báo*” (Xét quả báo theo nghĩa chân thật), tức là nói theo phương diện quả báo, cũng là nói theo chân lý: Phương trượng của ngài Duy Ma từ nhỏ biến thành lớn. Vậy là chẳng bằng thế giới Cực Lạc thường hằng rộng lớn, chính là sự rộng lớn tương xứng pháp tánh, như hư không theo chiều dọc thì tột cùng, theo chiều ngang thì trọn khắp, rộng lớn không bờ, không mé, Lý Sự viên dung bất nhị. Điều này được gọi là “*tại quảng nhi quảng*” (sự rộng rãi ở trong rộng rãi). Do vậy, từ Thế Thân Bồ Tát, ngài Đàm Loan truyền đến Đạo Xước đại sư, lại truyền đến Thiện Đạo đại sư đời Đường (Nhị Tổ của Tịnh Tông), đều phán định thế giới Cực Lạc là Báo Độ (“*cứu cánh như hư không, quảng đại vô biên tế*”), chẳng phải là Hóa Độ (quốc độ biến hóa ra).

Vì thế, vào đời Đường, trong bộ Tây Phương Quyết Nghi Thông Quy, Khuy Cơ đại sư cũng nói: “*Bỉ phương (Cực Lạc) tinh vi (báo độ), dục vãng thật nan, Phật lực gia trì, khứ chi thậm dị*” (Muốn đến chỗ tinh vi (cõi Thật Báo) của cõi ấy (Cực Lạc) thật khó, nhưng do Phật lực gia trì, đến đó rất dễ). Chúng sanh phàm phu có thể đời nghiệp vãng sanh hoàn toàn là do bốn nguyện nơi nhân địa và thần lực nơi quả địa của Phật Di Đà gia trì, nhiếp thọ.

Vì thế, bất luận ba bậc chín phẩm đều cùng sanh về Cực Lạc. Trong quyển thượng của bộ Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Nghĩa, trong khoa Quốc Độ Bảo Nghiêm (quốc độ trang nghiêm bằng các thứ báu), tôi đã nói thí dụ một vị thánh vương hạ chiếu luận định, mọi người chẳng ngại tham khảo thử xem!

2.2.1.2.3.1.1.3. Tánh công đức

(Luận) Chánh đạo đại từ bi, xuất thế thiện căn sanh.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm tánh công đức thành tựu”. Phật bốn hà cổ khởi thử trang nghiêm? Kiến hữu quốc độ dĩ ái dục cố, tắc hữu Dục Giới. Dĩ phan yếm Thiên Định cố, tắc hữu Sắc, Vô Sắc Giới. Thử tam giới giai thị hữu lậu tà đạo sở sanh, trường tầm đại mộng, mạc tri hy xuất. Thị cố hưng đại bi tâm, nguyện ngã thành Phật, dĩ vô thượng chánh kiến đạo, khởi thanh tịnh độ xuất ư tam giới.

(論)正道大慈悲，出世善根生。

(註)此二句，名莊嚴性功德成就。佛本何故起此莊嚴？見有國土以愛欲故，則有欲界。以攀厭禪定故，則有色無色界。此三界皆是有漏邪道所生，長寢大夢，莫知怖出。是故興大悲心，願我成佛，以無上正見道，起清淨土出於三界。

(Luận: Chánh đạo đại từ bi, căn lành xuất thế sanh.

(Chú: Hai câu này là “trang nghiêm tánh công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật khởi lên sự trang nghiêm này? [Do Ngài thấy] có quốc độ vì có ái dục mà có Dục Giới, có cõi do Thiên Định duyên theo Yếm (chán ngán) nên có Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Tam giới đều do hữu lậu tà đạo sanh ra, ngủ mê mệt trong giấc mộng lớn, chẳng biết mong thoát ra. Vì thế, Ngài dậy lòng đại bi, nguyện khi tôi thành Phật, sẽ dùng đạo vô thượng chánh kiến để khởi lên cõi thanh tịnh vượt khỏi tam giới).

Trong đoạn văn này, ngài Đàm Loan chú giải điều được nói trong lời luận: Nhân tố sanh khởi (tánh) của Cực Lạc Tịnh Độ chính là “chánh đạo đại từ bi, xuất thế thiện căn sanh”, điều này được gọi là “tánh công đức thành tựu”. Trong khi tu nhân, Phật Di Đà thấy có những quốc độ, chúng sanh trong ấy thành tựu nghiệp lực hữu lậu bất thiện, nhiễm ô, trái nghịch Pháp Tánh thanh tịnh và Bát Chánh Đạo; điều này được gọi là “tà đạo”. Do vậy, bèn có y báo là tam giới ứ trước. Sanh tử luân hồi trong tam giới ấy, giống như mộng say trong đêm dài. Trong khi đang nằm mộng, chẳng biết tam giới là nhà lửa, chỉ chạy nhảy Đông Tây đùa giỡn, chẳng biết cầu (“hy”, 怖) thoát khỏi tam

giới, thật là đáng buồn, đáng thương xót! Do vậy, [Pháp Tạng Bồ Tát] chẳng nỡ thấy chúng sanh đau khổ, duyên khởi đại bi tâm, phát nguyện “khi tôi thành Phật, sẽ dùng Bồ Đề giác đạo vô thượng chánh kiến bao gồm ba mươi bảy đạo phẩm và Lục Độ, vạn hạnh để nhiếp thọ, hóa độ chúng sanh, khiến cho họ đều có thể tùy thuận Pháp Tánh thanh tịnh, tu tập công đức thiện căn xuất thế vô lậu (chẳng có phiền não), thành tựu chánh báo và Tịnh Độ xuất thế (vượt thoát tam giới) của thánh hiền tam thừa”.

(Chú) Tánh thị bốn nghĩa, ngôn thử Tịnh Độ tùy thuận Pháp Tánh, bất quai pháp bốn. Sự đồng Hoa Nghiêm Kinh Bảo Vương Như Lai Tánh Khởi nghĩa. Hựu ngôn: “Tích tập thành tánh”, chỉ Pháp Tạng Bồ Tát, tập chư Ba La Mật, tích tập sở thành. Diệc ngôn: “Tánh giả thị thánh chủng tánh”. Tự Pháp Tạng Bồ Tát ư Thế Tự Tại Vương Phật sở, ngộ Vô Sanh Pháp Nhân. Nhĩ thời, vị danh thánh chủng tánh. Ư thị tánh trung, phát tứ thập bát đại nguyện, tu khởi thử độ, tức viết An Lạc Tịnh Độ. Thị bỉ nhân sở đắc, quả trung thuyết nhân, cố danh vi tánh. Hựu ngôn: “Tánh thị tất nhiên nghĩa”, bất cải nghĩa, như hải tánh nhất vị, chúng lưu nhập giả, tất vi nhất vị, hải vị bất tùy bỉ cải dã. Hựu như nhân thân tánh bất tịnh cố, chủng chủng diệu hảo sắc hương, mỹ vị nhập thân, giai vi bất tịnh. An Lạc Tịnh Độ chư vãng sanh giả, vô bất tịnh sắc, vô bất tịnh tâm, tất cánh giai đắc thanh tịnh bình đẳng vô vi Pháp Thân. Dĩ An Lạc quốc độ thanh tịnh tánh thành tựu cố.

(註)性是本義，言此淨土隨順法性，不乖法本。事同華嚴經寶王如來性起義。又言：積習成性，指法藏菩薩，集諸波羅蜜，積習所成。亦言：性者是聖種性。序法藏菩薩於世自在王佛所，悟無生法忍。爾時，位名聖種性。於是性中，發四十八大願，修起此土，即曰安樂淨土。是彼因所得，果中說因，故名為性。又言：性是必然義，不改義，如海性一味，眾流入者，必為一味，海味不隨彼改也。又如人身性不淨故，種種妙好色香美味入身，皆為不淨。安樂淨土諸往生者，無不淨色，無不淨心，畢竟皆得清淨平等無為法身。以安樂國土清淨性成就故。

(Chú: Tánh có nghĩa là gốc, ý nói cõi Tịnh Độ này tùy thuận

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Pháp Tánh, chẳng trái nghịch cội pháp. Chuyện này có cùng ý nghĩa [với những giáo nghĩa trong phẩm] Bảo Vương Như Lai Tánh Khởi của kinh Hoa Nghiêm. Lại nói là “do tích tập mà thành tánh”, ý nói Pháp Tạng Bồ Tát do tu tập các Ba La Mật mà tích tập thành [tánh của cõi Cực Lạc]. Cũng nói “tánh là thánh chủng tánh”, tức là nói Pháp Tạng Bồ Tát do ngộ Vô Sanh Pháp Nhãn nơi Thế Tự Tại Vương Phật, địa vị trong lúc ấy được gọi là “thánh chủng tánh”. Trụ trong tánh ấy, phát ra bốn mươi tám đại nguyện, tu tập tạo thành cõi này, nên gọi là An Lạc Tịnh Độ. Cõi đó do cái nhân mà đạt được, từ trong cái quả mà nói đến cái nhân, cho nên gọi là Tánh. Lại nói “tánh có nghĩa là tất nhiên”, hoặc nghĩa là “chẳng thay đổi”. Như đặc tánh của biển là một vị, các dòng nước đổ vào biển, ắt đều thành một vị, [biển] chẳng thuận theo các dòng nước ấy mà thay đổi mùi vị. Lại như tánh chất của thân thể con người là bất tịnh, cho nên đủ loại sắc hương, mỹ vị tốt đẹp nhất, hễ vào trong thân đều trở thành bất tịnh. Những người vãng sanh An Lạc Tịnh Độ, không ai có sắc bất tịnh, hoặc có tâm bất tịnh, rốt ráo đều đạt được Pháp Thân thanh tịnh bình đẳng vô vi, là vì quốc độ An Lạc được thành tựu bởi tánh thanh tịnh).

Ngài Đàm Loan tấm lòng đau đáu khẩn thiết, lại bốn lượt giải thích nhân tố (tánh) thành tựu An Lạc Tịnh Độ, tức là bốn hữu tánh (tánh vốn có), huân tập thành tánh, thánh chủng tánh, và tất nhiên tánh, bốn loại tánh!

1) Lần thứ nhất, [Ngài giảng] “*tánh thị bốn nghĩa*” (tánh có nghĩa là vốn như vậy), tức là nói theo phương diện “*tánh vốn sẵn có*”. Đây là nói quốc độ An Lạc do chúng tử vốn sẵn thanh tịnh vô lậu như thể đã sẵn có trong Pháp Tánh mà sanh khởi, thuận theo Pháp Tánh thanh tịnh, chẳng trái nghịch (lời chú giải gọi sự trái nghịch là “*quai*”) chủng tánh thanh tịnh vô lậu vốn sẵn trọn đủ. “*Sự đồng Hoa Nghiêm Kinh Bảo Vương Như Lai Tánh Khởi nghĩa*”: Câu này có ý nói trong kinh Lục Thập Hoa Nghiêm được dịch vào đời Tấn, trong quyển ba mươi ba, những sự lý được nói trong phẩm Bảo Vương Như Lai Tánh Khởi đều là sự đầy khởi hiện hành của vô lượng chủng tử vô lậu vốn sẵn có trong Pháp Tánh. Sự sanh khởi của An Lạc Tịnh Độ cũng giống như thế đó.

2) Lần thứ hai, “*hựu ngôn tích tập thành tánh*” (lại nói là tích tập thành tánh), tức là nói theo phương diện “*huân tập thành tánh*”. Đây là nói trong khi A Di Đà Phật tu nhân, làm Pháp Tạng Bồ Tát, Ngài đã tu

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

tập Lục Độ, vạn hạnh, các Ba La Mật, tích tập rất nhiều chủng tử mới sanh do đại bi đại trí huân tập, do huân tập thành tánh bèn thành tựu. Tánh vốn sẵn có và huân tập thành tánh chính là nhân tố khiến cho An Lạc Tịnh Độ có cõi Thường Tịch Quang và cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nếu không có hai tánh ấy, sẽ không có hai cõi ấy, pháp vốn là như vậy đó! Nhưng hai tánh ấy chính là Thể và Dụng của tâm tự tánh thanh tịnh. Chúng sanh và chư Phật bình đẳng trọn đủ [hai tánh ấy], chỉ vì chúng sanh vô minh chẳng giác, bèn khởi Hoặc tạo nghiệp, trái Tánh, nghịch Dụng, cho nên tuy sẵn có [hai tánh ấy] mà chẳng sanh khởi, hiện thành thánh quả. Chư Phật, Bồ Tát thuận theo hai tánh ấy, từ tánh khởi tu, toàn tu tại tánh, cho nên chúng tử có thể hiện hành, huân tập, thành tựu thân Phật và Tịnh Độ.

3) Lần thứ ba là *“diệt ngôn tánh giả, thị thánh chủng tánh”* (cũng nói tánh là thánh chủng tánh). Đây chính là trần thuật trong vô lượng kiếp trước, có một vị là Pháp Tạng Bồ Tát ở chỗ Thế Tụ Tại Vương Phật, nghe pháp, xuất gia, phát Bồ Đề tâm, tu hành pháp môn Tịnh Độ, ngộ chứng Vô Sanh Pháp Nhãn. Do Ngài phát tâm Bồ Đề, phục tâm Bồ Đề, chứng nhập minh tâm Bồ Đề, tức là địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo, được gọi là *“thánh chủng tánh Bồ Tát”*. Sau đây, Ngài xứng tánh phát ra bốn mươi tám đại nguyện, những nguyện ấy được gọi là *“bốn nguyện”*. Ngài lại nương theo nguyện mà từ tánh khởi tu, đạt đến Bồ Đề, trải qua nhiều kiếp dài lâu tích lũy công đức, tu hành viên mãn, thành tựu (tu thành) quốc độ An Lạc. Quốc độ An Lạc là do Pháp Tạng Bồ Tát tu hành minh tâm kiến tánh, phá vô minh, chứng Pháp Thân, thành tựu thánh chủng tánh làm cái nhân. Tịnh Độ là quả báo, quả do nhân khởi, từ quả mà nói đến cái nhân, tức một nhân tố của An Lạc Tịnh Độ chính là thánh chủng tánh. Vì thế, gọi là *“tánh công đức thành tựu”*.

4) Lần thứ tư, *“hựu ngôn tánh giả, thị tất nhiên nghĩa, bất cải nghĩa”* (lại nói “tánh” có nghĩa là tất nhiên, nghĩa là chẳng biến đổi): Ngài Đàm Loan đã nêu lên các thí dụ về biển cả và thân người. *“Nhu hải tánh nhất vị”* (Như đặc tánh của biển là một vị), điều này ví như Pháp Tánh, tâm tánh vốn thanh tịnh, bình đẳng, chẳng có sai biệt. Nước từ hết thủy các dòng sông sai khác đổ vào biển cả, tất nhiên đều trở thành nước biển một vị, một tánh, chẳng có gì bất đồng! Nước biển trọn chẳng thuận theo dòng sông nào mà thay đổi tánh hay vị của nó. Điều này ví như chúng sanh bất đồng trong chín pháp giới do nương theo nghiệp mà thọ báo, [thành ra có] chín phẩm khác nhau. Nhưng

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

chúng sanh thuộc chín phẩm ấy vãng sanh Tịnh Độ, “*vô bất tùng thử pháp giới (tánh) lưu xuất, diệc vô bất hoàn quy thử pháp giới*” (không ai chẳng từ pháp giới (tánh) này lưu xuất, mà cũng không ai chẳng trở về pháp giới này). Đã sanh vào Tịnh Độ, tất nhiên là có cùng một Pháp Tánh với Tịnh Độ (tánh thanh tịnh). Pháp Tánh cũng chẳng hề thuận theo chín phẩm sai khác mà có biến đổi. Đây chính là tánh tất nhiên “*duyên khởi tánh Không, tánh Không duyên khởi, tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên*”. Tánh chẳng thay đổi, tức là bản tánh (nhân tố) thành tựu của quốc độ An Lạc là như thế đó, chẳng phải do Phật hay bất cứ ai khác miễn cưỡng làm cho nó giống như vậy!

Lại như thân thể của một người, giả sử tâm thân này (bao gồm thân, khẩu, ý) thanh tịnh, vậy thì lục căn, lục trần, lục thức của người ấy sẽ đều thanh tịnh. Giả sử chẳng thanh tịnh, vậy thì lục trần dẫu tốt đẹp đến mấy đi nữa, hễ tiếp xúc với thân người ấy, sẽ đều trở thành bất tịnh! Đây là sánh ví quốc độ An Lạc giống như thân thể của một người thanh tịnh, chúng sanh vãng sanh trong chín phẩm thì tất nhiên là tất cả mười tám giới nơi thân thể họ tất nhiên đều thanh tịnh, quyết định chẳng có gì là không thanh tịnh, rốt ráo đều đắc thanh tịnh bình đẳng vô vi Pháp Thân, tức là rốt ráo thành Phật. Vì sao? Vì thế giới An Lạc được thành tựu bởi Pháp Tánh thanh tịnh. Trong kinh có nói: “*Một điều thanh tịnh thì hết thấy đều thanh tịnh*” chính là do đạo lý ấy, tất nhiên là như thế, quyết định chẳng bị biến đổi.

Do điều này có thể biết, cõi Tịch Quang trong quốc độ An Lạc được thành tựu bởi tánh sẵn có, cõi Thật Báo và cõi Phương Tiện được thành tựu bởi huân tập thành tánh và thánh chủng tánh. Phẩm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ được thành tựu bởi tất nhiên tánh và bất cải tánh (tánh không thay đổi). Có các tánh như thế (bốn thứ nhân tố) thì mới có thể thành tựu cái quả như thế (bốn loại Tịnh Độ), pháp vốn là như vậy. Vì thế nói là “*tánh công đức thành tựu*”, chẳng phải là không có nhân mà có quả, cũng chẳng phải là tà nhân hư vọng mà có thể sanh khởi chánh quả được! Hoàn toàn dựa theo Bát Chánh Đạo do tam thừa cùng tu, cho đến ba mươi bảy đạo phẩm, cũng như do lòng đại từ bi bất cộng của Đại Thừa sanh khởi, hoàn toàn là tích tập vô lượng công đức thanh tịnh vô lậu xuất thế làm thiện căn. Do thiện căn ấy mà sanh khởi An Lạc Tịnh Độ.

(Chú) “Chánh đạo đại từ bi, xuất thế thiện căn sanh” giả, bình đẳng đại đạo dã. Bình đẳng đạo sở dĩ danh vì chánh đạo giả, bình

đẳng thị chư pháp thể tướng. Dĩ chư pháp bình đẳng, cố phát tâm đẳng. Phát tâm đẳng, cố đạo đẳng. Đạo đẳng, cố đại từ bi đẳng. Đại từ bi thị Phật đạo chánh nhân, cố ngôn: “Chánh đạo đại từ bi”. Từ bi hữu tam duyên: Nhất giả, chúng sanh duyên thị tiểu bi. Nhị giả, pháp duyên thị trung bi. Tam giả, vô duyên thị đại bi. Đại bi tức xuất thế thiện dã. An Lạc Tịnh Độ tùng thử đại bi sanh cố. Cố vị thử đại bi vi Tịnh Độ chi căn. Cố viết: “Xuất thế thiện căn sanh”.

(註)正道大慈悲，出世善根生者，平等大道也。平等道所以名為正道者，平等是諸法體相。以諸法平等，故發心等。發心等，故道等。道等，故大慈悲等。大慈悲是佛道正因，故言：正道大慈悲。慈悲有三緣：一者，眾生緣是小悲。二者，法緣是中悲。三者，無緣是大悲。大悲即出世善也。安樂淨土從此大悲生故。故謂此大悲為淨土之根。故曰：出世善根生。

(Chú: “Chánh đạo đại từ bi, xuất thế thiện căn sanh” là đại đạo bình đẳng. Sở dĩ đạo bình đẳng được gọi là chánh đạo là vì bình đẳng chính là thể tướng của các pháp. Do các pháp bình đẳng, phát tâm bèn bình đẳng. Do phát tâm bình đẳng, đạo bèn bình đẳng. Do đạo bình đẳng, đại từ bi bèn bình đẳng. Do đại từ bi là chánh nhân của Phật đạo, nên nói “chánh đạo đại từ bi”. Từ bi có ba duyên: Một là chúng sanh duyên, chính là tiểu bi. Hai là pháp duyên thì là trung bi. Ba là vô duyên thì là đại bi. Đại bi chính là điều thiện xuất thế, An Lạc Tịnh Độ sanh bởi lòng đại bi này. Vì thế nói lòng đại bi này chính là cội gốc của Tịnh Độ; bởi đó nói: “Sanh từ thiện căn xuất thế”).

Ngài Đàm Loan lại thuyết minh giản lược ý nghĩa bao hàm trong hai câu “chánh đạo đại từ bi, xuất thế thiện căn sanh”. “Chánh đạo” là gì? Đạo bình đẳng thì được gọi là “chánh đạo”. Vì bình đẳng là Thật Tướng (thể tướng) của các pháp, cho nên kinh Kim Cang dạy: “Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ” (Pháp này bình đẳng, chẳng có cao, thấp), kinh Hoa Nghiêm nói: “Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt, ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo” (Tâm, Phật, và chúng sanh là ba món chẳng sai khác, nên quán tánh pháp giới, hết thảy do tâm tạo). Kinh Pháp Hoa nói: “Tự chứng vô thượng đạo, Đại Thừa bình đẳng pháp... Như Lai đản dĩ nhất Phật Thừa cố, vị chúng sanh thuyết pháp, vô hữu dư thừa, nhược nhị, nhược tam. Thị chư

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

chúng sanh từng chư Phật văn pháp, cứu cánh giai đắc Nhất Thiết Chủng Trí” (Tự chứng đạo vô thượng, pháp bình đẳng Đại Thừa... Như Lai chỉ dùng một Phật Thừa để thuyết pháp cho chúng sanh, chẳng có thừa nào khác, hoặc hai, hoặc ba thừa. Các chúng sanh ấy nghe pháp từ chư Phật, rốt ráo đều đắc Nhất Thiết Chủng Trí). Lại nói: *“Nhược hữu văn pháp giả, vô nhất bất thành Phật”* (Nếu có người nghe pháp, không một người nào chẳng thành Phật). Do vậy có thể biết, pháp bình đẳng được gọi là pháp Đại Thừa. Pháp Đại Thừa là Bồ Đề đạo để thành Vô Thượng Chánh Đẳng. Trong kinh Pháp Hoa còn có thí dụ một vị trưởng giả bình đẳng ban cho các con cỗ xe lớn, khiến cho người thấy nghe Pháp Hoa đều có thể do thí dụ ấy mà liễu giải: *“Bình đẳng”* là Thật Tướng của các pháp, là nghĩa lý rốt ráo của Đại Thừa Phật pháp. Giáo, Hạnh, Lý, Quả đều rốt ráo bình đẳng. Nếu chẳng bình đẳng, sẽ chẳng thể gọi là Bồ Đề chánh đạo để thành Phật. Tôi viết Pháp Hoa Kinh Giảng Nghĩa, từ trang ba trăm tám mươi bốn đến trang ba trăm chín mươi, có thuyết minh và dẫn chứng tường tận, [quý vị] có thể tham khảo.

“Dĩ chư pháp bình đẳng, cố phát tâm đẳng. Phát tâm đẳng, cố đạo đẳng. Đạo đẳng, cố đại từ bi đẳng” tức là nói: Do vì tâm tánh tự thanh tịnh, các pháp chỉ là nhất tâm, bình đẳng, không sai biệt. Do hết thấy chúng sanh đều có tâm, hễ có tâm thì chính là có Phật tánh (giác tánh). Xét theo sự tướng, phát tâm tu hành có ba thừa bất đồng, nhưng tâm thể của sự phát tâm (tức giác tánh) lại là bình đẳng, chẳng có sai biệt. Tâm thể của sự phát tâm đã là bình đẳng, đương nhiên Bồ Đề đạo phát tâm tu hành của tam thừa hay ngũ thừa cũng là bình đẳng, chẳng có bất đồng. Đây chính là đạo lý *“khai Quyền hiển Thật, hội tam quy nhất, vạn thiện tất thành Phật”* (chỉ ra phương tiện quyền biến để dẫn về Đệ Nhất Nghĩa chân thật, gom ba thừa vào Nhất Thừa, do muôn điều thiện mà đều thành Phật) của kinh Pháp Hoa. Cứ theo đó mà suy, giro tay, cúi đầu, thiện sự lớn hay nhỏ đều là tư lương để thành Phật. Vậy thì đại từ bi là chánh nhân để thành Phật cũng bình đẳng giống như hết thấy các thiện sự, đều là thiện pháp thuộc thiện căn xuất thế, bình đẳng, chẳng có sai biệt. Lại từ nhân mà suy ra quả, đại từ bi (Bồ Đề tâm chính là chánh nhân để thành Phật) đã là bình đẳng, thì đại Bồ Đề (thành Phật có hai quả là Bồ Đề và Niết Bàn) cũng tất nhiên là bình đẳng. Do vậy nói: Chúng sanh chẳng có ai không có tâm, kẻ có tâm đều sẽ thành Phật. Thường Bất Khinh Bồ Tát trong kinh Pháp Hoa chính là một chứng thực. Đại từ bi đã là chánh nhân để thành tựu Phật đạo; hễ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

có tâm đại từ bi, thì sẽ có thể phát khởi đại Bồ Đề tâm. Hễ có đại Bồ Đề tâm, vậy thì hết thảy thiện nghiệp đã tu đều thuộc về thiện căn xuất thế, có thể sanh khởi các thứ hoa quả “*y báo và chánh báo*” của chư Phật, Bồ Tát. Do vậy, trong phần kệ văn, Luận Chủ đã viết: “*Chánh đạo đại từ bi, xuất thế thiện căn sanh*”.

“*Từ bi hữu tam duyên... vô duyên thị đại bi*” (Từ bi có ba duyên ... vô duyên là đại bi): Mấy câu này nhằm giải thích các loại từ bi sai khác:

1) Một là Chúng Sanh Duyên, tức là tâm duyên theo chúng sanh đang chịu khổ mà dấy lòng Bi, muốn dẹp trừ khổ nạn cho chúng sanh. Đây là tâm bi nhỏ nhen. Như các tôn giáo và những nhà từ thiện, cho đến những đệ tử Phật mới gia nhập Phật môn chẳng hiểu Phật pháp thực hiện những chuyện cứu tế, từ thiện đều thuộc về loại này, được gọi là “*tiểu bi*”.

2) Hai là Pháp Duyên, tức là chính mình đã thấy nghe Phật pháp, liễu giải quả báo khổ hay lạc của chúng sanh được cảm vơi bởi nghiệp nhân thiện hay ác mà họ đã gây tạo. Vì muốn dẹp trừ khổ quả cho chúng sanh, ắt cần phải thuyết pháp giáo hóa chúng sanh biết nhân hiệu quả, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Chẳng gieo khổ nhân thì sẽ chẳng có khổ quả. Đây là dùng Phật pháp làm duyên để sanh khởi từ bi tâm, nên gọi là Pháp Duyên, tốt đẹp hơn loại trước, được gọi là “*trung bi*”.

3) Ba là Vô Duyên. Còn có một loại nhân sĩ có đại tâm (tức bậc Địa Thượng Bồ Tát) biết hết thảy khổ lạc của chúng sanh đều do nhân duyên sanh ra, chúng chẳng có thể tánh thật tại để có thể đạt được. Tuy dùng đủ mọi phương tiện, như Tài Thí, Pháp Thí, hoặc Vô Úy Thí để dẹp trừ hết thảy các khổ nạn cho chúng sanh (bao gồm chín pháp giới), nhưng chẳng chấp trước có ngã, có chúng sanh, [hành bố thí mà] có thể tam luân thể không, chẳng vướng mắc, suốt ngày độ chúng sanh, mọi nơi, mọi lúc đều dẹp khổ ban vui cho chúng sanh, nhưng trong tâm chẳng có tướng chúng sanh, chẳng chấp trước những công đức đã làm, đối với những gì đã tu, đã làm cũng đều thấy chúng là do nhân duyên sanh, tức là chúng chẳng thật sự tồn tại, chẳng thể được (đấy gọi là Không, cũng gọi là Vô Duyên). Như kinh Kim Cang đã dạy: “*Phước đức tức phi phước đức, thị danh phước đức* (giả danh vô thật)” (Phước đức chính là chẳng phải phước đức thì gọi là phước đức, giả danh chẳng có thật). Lòng Bi này thuộc về chư Phật, Bồ Tát, được gọi là đại bi. Chỉ có loại đại bi này thì mới là thiện căn xuất thế thật sự. Tiểu bi và

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

trung bi như đã nói trên đây đều chẳng thể khiến cho chúng sanh rốt ráo liễu sanh tử, chứng Phật quả Bồ Đề. Vì thế, chúng đều chẳng phải là thiện căn xuất thế thật sự.

“*An Lạc Tịnh Độ, từng thử đại bi sanh cố, cố vị thử đại bi vi Tịnh Độ chi căn, cố viết xuất thế thiện căn sanh*” (An Lạc Tịnh Độ sanh từ lòng đại bi này. Vì thế, lòng đại bi này chính là cội gốc của Tịnh Độ; cho nên nói là “sanh bởi thiện căn xuất thế”). Mấy câu này nhằm tổng kết những điều đã nói trên đây, chỉ ra An Lạc Tịnh Độ hoàn toàn do bốn mươi tám đại nguyện mà A Di Đà Phật đã phát khi Ngài còn đang tu nhân, những bốn nguyện ấy đều do nương theo tâm đại bi mà phát khởi. Đã phát nguyện rồi bèn trải qua vô lượng kiếp tu hành thành tựu Tịnh Độ, có thể nói xác thực là do tâm đại bi sanh khởi, như trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có nói: “*Y đại bi tâm, sanh Bồ Đề tâm, nhân Bồ Đề tâm thành Đẳng Chánh Giác* (thân Phật và Tịnh Độ)” (Nương vào tâm đại bi mà sanh tâm Bồ Đề. Do tâm Bồ Đề mà thành Đẳng Chánh Giác). Đại bi xác thực là căn cội sanh khởi An Lạc Tịnh Độ; do đó, phần kệ tụng bèn nói: “*Xuất thế thiện căn sanh*”.

2.2.1.2.3.1.1.4. Hình tướng công đức

(Luận) Tịnh quang minh mãn túc, như kính, nhật nguyệt luân.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm hình tướng công đức thành tựu”, Phật bản sở dĩ khởi thử trang nghiêm công đức giả, kiến nhật hành tứ vực, quang bất châu tam phương, đình liệu tại trạch, minh bất mãn thập nhân. Dĩ thị cố, khởi mãn tịnh quang minh nguyện, như nhật, nguyệt, quang luân mãn túc tự thể.

(論)淨光明滿足，如鏡日月輪。

(註)此二句，名莊嚴形相功德成就，佛本所以起此莊嚴功德者，見日行四域，光不周三方，庭燎在宅，明不滿十仞。以是故，起滿淨光明願，如日月光輪滿足自體。

(Luận: Quang minh sạch trọn đủ, như gương, vàng nhật nguyệt.

Chú: Hai câu này là “trang nghiêm hình tướng công đức thành tựu”. Vốn đức Phật phát khởi món công đức trang nghiêm này vì Ngài thấy mặt trời đi khắp bốn phương, nhưng ánh sáng chẳng chiếu trọn

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

khắp ba phương, đốt đình liệu¹³ trong nhà, ánh sáng chẳng chiếu xa hơn mười nhân. Do vậy, Ngài bèn khởi lên nguyện quang minh thanh tịnh, viên mãn như vàng ánh sáng của mặt trời, mặt trăng tròn đủ nơi tự thế).

Đây là món thứ tư trong mười bảy thứ trang nghiêm của An Lạc quốc độ, được gọi là “*trang nghiêm hình tướng công đức*”, tức là hình sắc và tướng mạo đều dùng quang minh thanh tịnh để trang nghiêm. Vì sao phải có món trang nghiêm này? Không gì chẳng phải là do khi Phật Di Đà lúc đang tu nhân, từ thuở bắt đầu phát Bồ Đề tâm, cho đến khi xứng tánh phát ra bốn mươi tám đại nguyện, Ngài luôn thấy y báo và chánh báo của chúng sanh trong thế giới Sa Bà chẳng lý tưởng. Cho nên Ngài mong kiến lập một thế giới lý tưởng, viên mãn, an lạc, thanh tịnh, vô lậu, trang nghiêm nhất, tương đương với thế giới Đại Niết Bàn, khiến cho mười phương chúng sanh cùng ở, cùng tu, cùng chứng Vô Thượng Bồ Đề. Đấy chính là nguyên nhân căn bản khiến cho A Di Đà Phật phát khởi các thứ công đức trang nghiêm. Phật Di Đà thấy cõi này là một tiểu thế giới (địa cầu), trong hư không có mặt trời và mặt trăng, vận hành suốt ngày đêm trong tứ thiên hạ (lời chú giải gọi tứ thiên hạ là “*tứ vực*” (四域), cũng chính là bốn phương). Nhưng quang minh của mặt trời và mặt trăng chỉ chiếu một phương nơi chúng chuyển động đến đó, chẳng thể chiếu trọn khắp ba phương kia, như Đông bán cầu là ban ngày thì Tây bán cầu là ban đêm; đây là chẳng lý tưởng. Lại thấy trong cõi Sa Bà, chúng sanh có phước báo sai khác, mỗi khi đêm xuống, khắp nơi là một bầu hắc ám! Tuy nghĩ trọn đủ mọi biện pháp, nơi nhà cửa cư trú bèn đốt đèn, thắp đuốc, hoặc dùng đèn điện để chiếu sáng, nhưng ánh đèn vẫn là chiếu gần, chẳng chiếu xa, tối đa là có thể chiếu xa trong khoảng một trăm thước. Vì thế nói là “*minh bất mãn thập nhân*” (chẳng sáng trọn khoảng cách mười Nhân). Theo cách tính toán của Trung Hoa thời cổ, một Nhân (仞) là tám thước [Tàu].

Do vậy, Phật Di Đà phát nguyện thế giới khi Ngài thành Phật sẽ khắp nơi là quang minh viên mãn, lại còn đều là sáng ngời thanh tịnh,

¹³ Đình liệu (庭燎) theo nghĩa gốc trong Lễ Ký là một dụng cụ để chiếu sáng trong khi tế lễ. Dụng cụ này làm bằng sắt, có cán cầm, phía trên buộc củi bằng gỗ thông, đốt lên để soi sáng giống như đuốc khi tế lễ. Về sau, chữ Đình Liệu được dùng để chỉ chung các loại đèn đuốc. Thậm chí đốt đồng lửa lớn để soi sáng trong sân cũng gọi là “đốt đình liệu”.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

khiến cho chúng sanh nhìn vào chẳng bị nhức mắt, thân được tiếp xúc sẽ cảm thấy thanh lương, lại còn có công năng “*diệt ác sanh thiện, tâm được giải thoát*”. Loại quang minh ấy có bản thể như mặt trời, mặt trăng, tự nhiên là vàng sáng tròn đủ, tự nhiên hiển lộ, phát khởi từ trong tự thể của chúng sanh và tất cả muôn vật, chiếu tròn khắp mười phương, chẳng hề chướng ngại lẫn nhau, chẳng cần con người tạo tác, chẳng hề gián đoạn.

Theo bản dịch đời Hán của kinh này, tức kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác có nói: “*Cực Lạc thế giới, kỳ nhật, nguyệt, tinh thần, giai tại hư không trung trụ, diệc bất hồi chuyển vận hành, diệc vô hữu tinh quang*” (Mặt trời, mặt trăng, các vì sao trong thế giới Cực Lạc đều đứng yên trên hư không, cũng chẳng xoay chuyển, vận hành, mà cũng chẳng tỏa sáng), vì bản thân của muôn vật thuộc y báo và chánh báo trong quốc độ An Lạc đều có quang minh rất lớn. Do đó, tuy có mặt trời, mặt trăng, và các tinh tú, nhưng chúng đều chẳng tỏa sáng. Luận Chủ dùng mặt trời, mặt trăng trong cõi này để sánh ví quang minh của chúng, [dùng chữ] “*kính quang*” (ánh sáng phát ra từ gương) để sánh ví sự thanh tịnh của chúng. [Dùng những điều ấy] để sánh ví cõi Phật ấy chỗ nào, lúc nào cũng đều có quang minh thanh tịnh, viên mãn tròn đủ, chẳng khiếm khuyết mảy may!

(Chú) Bĩ An Lạc Tịnh Độ tuy phục quảng đại vô biên, thanh tịnh quang minh vô bất sung túc. Cổ viết: “Tịnh quang minh mãn túc, như kính, nhật nguyệt luân”.

(註)彼安樂淨土雖復廣大無邊，清淨光明無不充塞。
故曰：淨光明滿足，如鏡日月輪。

(Chú: Cõi An Lạc Tịnh Độ ấy tuy rộng lớn vô biên, nhưng quang minh thanh tịnh không đâu chẳng tràn ngập. Vì thế nói là: “Quang minh sạch tròn đủ, như gương, vàng nhật nguyệt”).

Ngài Đàm Loan dùng câu này để kết luận. Tuy An Lạc Tịnh Độ rộng lớn tận hư không khắp pháp giới, chẳng có ngăn mé, nhưng những hình sắc trông thấy, lớn, nhỏ, vuông, tròn, màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, và hình tướng của hết thảy muôn vật, bản thể của chúng hoàn toàn tràn ngập thanh tịnh vô lậu, quang minh trí huệ tự tại vô ngại, có tánh chất thường hằng bất biến, dung nhập lẫn nhau, không gì chẳng tràn trề, chẳng thiếu sót, chẳng dư thừa, giống như cái lưới kết bằng các

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

hạt châu của Phạm Vương, hoặc một ngàn ngọn đèn trong một căn nhà. Tuy hạt châu và đèn mỗi thứ mỗi khác, nhưng ánh sáng chiếu soi lẫn nhau, chứa đựng, thâm nhiếp lẫn nhau, chẳng trở ngại nhau, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc tốt cùng ba đời. Đây chính là hình tướng của thế giới Hoa Tạng, mà cũng là cảnh giới Đại Niết Bàn, mà cũng như là Thiên Tông đã hình dung “*viên đà đà, quang lượng lượng*” (tròn xoe xoe, sáng ngời ngời), hoặc như Tịnh Độ Tông thành tựu “*vô lượng quang, vô lượng thọ*”.

Hãy nên biết: Điều lục đạo chúng sanh mong mỏi chỉ là quang minh thanh tịnh. Mọi người cầu sanh thiên quốc hay thiên đường, cũng là cầu sanh về một xứ sở quang minh thanh tịnh, thoát ly hoàn cảnh tội ác, hắc ám! Người Hoa nói “*tri thiên, tắc thiên, kính thiên, úy thiên, nhạo thiên, hạo thiên*” v.v... đều nhằm khuyên lơn, sách tấn chúng ta phải hiểu biết (tri), bắt chước (tắc), tôn trọng (kính), kiêng dè (úy), yêu thích (nhạo) sự thanh tịnh vốn sẵn có, quang minh chiếu trọn khắp (hạo), vui sướng tự tại, khôi phục tánh đức “*chí cao vô thượng, bình đẳng, bác ái, đại công vô tư, thanh thản, không khởi đầu, không kết thúc*” của nhân loại (còn gọi là thiên tánh, hay Phật tánh) thì mới có thể không hổ thẹn làm con người xứng cùng với trời đất, hợp xưng là Tam Tài.

Phật pháp tại thế gian, chẳng lìa thế gian giác. Sở dĩ Phật Di Đà muốn kiến lập một Tịnh Độ quang minh thanh tịnh, sở dĩ đức Bổn Sư khuyên chúng ta phải chán lìa Sa Bà, cầu sanh Cực Lạc, những điều ấy hoàn toàn nhằm thích ứng khít khao nhu cầu bức thiết trước mắt của chúng sanh, khai phát lương tri và lương năng sẵn có của chúng sanh, khiến cho chúng sanh từ đức tánh của trời người mà viên thành Phật tánh, Phật quả. Đây gọi là “*ngưỡng chỉ tại Phật Đà, hoàn thành tại nhân cách*” (kính nhờ đức Phật chỉ dạy, nhưng để hoàn thành thì do nhân cách [của mỗi cá nhân]), nguyện sanh về Tịnh Độ, quang minh thanh tịnh trọn đủ! Đây là sự lý nhân quả chân thật trong hiện thực vậy.

2.2.1.2.3.1.1.5. Chung chũng sự công đức (công đức nơi mọi sự)

(Luận) Bị chư trần bảo tánh, cụ túc diệu trang nghiêm.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm chũng chũng sự công đức thành tựu”. Phật bổn hà cố khởi thử trang nghiêm? Kiến hữu quốc độ, dĩ nê thổ vi cung sức, dĩ mộc thạch vi hoa quán, hoặc điều kim lữ ngọc, ý nguyện bất sung. Hoặc doanh bị bách thiên, cụ thọ

tân khô. Dĩ thử cố, hưng đại từ bi tâm, nguyện ngã thành Phật, tất sử trân bảo cụ túc nghiêm lệ, tự nhiên tương vong ư hữu dư, tự đắc ư Phật đạo.

(論)備諸珍寶性，具足妙莊嚴。

(註)此二句，名莊嚴種種事功德成就。佛本何故起此莊嚴？見有國土，以泥土為宮飾，以木石為華觀，或彫金鏤玉，意願不充。或營備百千，具受辛苦。以此故，興大悲心，願我成佛，必使珍寶具足嚴麗，自然相忘於有餘，自得於佛道。

(Luận: Đủ tánh các trân bảo, đầy đủ diệu trang nghiêm.

Chú: Hai câu này là “trang nghiêm các thứ sự công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật khởi lên sự trang nghiêm này? Do Ngài thấy có quốc độ dùng đất bùn để trang hoàng cung điện, dùng gỗ đá để làm đèn đài đẹp đẽ, hoặc là chạm vàng khắc ngọc mà vẫn chẳng thỏa ý nguyện. Hoặc phải lo liệu trăm ngàn thứ, chịu đủ mọi nỗi nhọc nhằn. Vì thế, Ngài khởi lòng đại từ bi, nguyện lúc ta thành Phật, ắt khiến cho [cõi Phật ấy] trân bảo đầy đủ, trang nghiêm tráng lệ, [đến mức] tự nhiên quên hết những thứ thừa thãi khác, tự đạt được Phật đạo).

Đây chính là món thứ năm trong mười bảy thứ [trang nghiêm], được gọi là “*trang nghiêm chủng chủng sự công đức thành tựu*”.

“*Bị chư trân bảo*” tức là không phải chỉ có bảy báu, mà là trọn đủ hết thấy bảo vật trân quý để thành tựu Tịnh Độ trang nghiêm vi diệu. Vì sao phải có sự trang nghiêm này? Ấy là vì A Di Đà Phật do lòng đại từ bi hưng khởi, do Bồ Đề tâm sai khiến, do Ngài thấy có những quốc độ mà cơm áo, nơi ăn ở, vật dụng của chúng sanh trong ấy, không gì chẳng phải là bùn, đất, gỗ, đá, thô thiển, kém cõi khôn kham! Lại còn mong cầu những thứ chạm vàng khắc ngọc (“*lũ*” (鏤) là khắc) thì tám chín phần mười là chẳng vừa ý mọi người. Vì thế nói “*ý nguyện bất sung*” (chẳng thỏa ý nguyện) chính là Cầu Bất Đắc Khô. Thường là phải trải qua trăm ngàn lo toan, tính toán để chuẩn bị, tạo tác, chịu đựng hết mọi nỗi nhọc nhằn. Thường nói là “*đời người luôn bận bịu vì cơm áo*”, ta cũng chẳng tránh khỏi bị phiền lụy bởi cái thân. Từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, mưu tính lẽ sanh nhai cho gia đình, bạc cả đầu vì những nỗi thị phi. Thơ Đường cũng có câu: “*Liệt nhật chánh đương*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

ngộ, hân trích hòa hạ thổ, tu tri bàn trung xan, lạp lạp giai tân khổ” (Giữa trưa nắng gay gắt, mồ hôi thấm đất mạ, hãy biết mâm thức ăn, từng hạt đều vất vả). Xưa nay, trong ngoài nước, không đâu chẳng như vậy.

Do vậy, đức Di Đà chẳng nở thấy chúng sanh đau khổ, duyên khởi đại bi tâm, cho nên Ngài phát nguyện muốn thành tựu một Tịnh Độ mà mọi sự đều vi diệu trang nghiêm khiến cho chúng sanh được hưởng cơm áo tự nhiên, chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui. Như trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Pháp Tạng tỳ-kheo cụ túc ngũ kiếp, tư duy nhiếp thủ trang nghiêm Phật quốc chi hạnh*” (Tỳ-kheo Pháp Tạng trọn đủ năm kiếp, tư duy, nhiếp thủ hạnh trang nghiêm cõi Phật). Ngài thấy có thế giới Phật trang nghiêm bằng bảy báu, ngày đêm thường có quang minh thanh tịnh, bèn phát nguyện rằng: Khi tôi thành Phật, thế giới thường có quang minh trang nghiêm thanh tịnh cũng sẽ giống như thế. Ngài thấy có thế giới hết thấy chúng sanh đều hành Thập Thiện, có đại trí huệ, cơm áo thuận theo ý nghĩ mà có, bèn phát nguyện rằng: Khi tôi thành Phật, chúng sanh trong quốc độ [của tôi] cũng sẽ giống như vậy. Vô lượng thế giới Phật như thế, các thứ trang nghiêm nguyện đều đạt được; do vậy bèn gọi là “*tư duy nhiếp thủ vô lượng hạnh trang nghiêm cõi Phật*”. Nguyện tu hành thế giới thanh tịnh trang nghiêm như thế, sau đây bèn thành tựu An Lạc quốc độ nay đang ở Tây Phương.

Vì thế, được trân bảo trọn đủ, trang nghiêm mỹ lệ, các vật cần dùng cho cuộc sống tự nhiên mà có, chẳng cần phải lo toan, khiến cho hết thấy chúng sanh sẽ đều sanh vào hoàn cảnh có các thứ trang nghiêm mỹ hảo ấy. Đây kia đều dường như thiên quang thủy sắc¹⁴, chẳng vướng mắc, chẳng trở ngại, quên bẵng tất cả, chẳng có nhân ngã thị phi, sẽ được hưởng niềm vui tự nhiên. Những thứ cần dùng hằng ngày sẽ như gió mát, trăng thanh, sử dụng bất tận, dùng mãi chẳng cạn kiệt, sẽ có thể như Quán Âm, Thế Chí nắm tay nhau cùng hành Phật sự hóa độ chúng sanh. Đồi bên cùng đạt được Phật quả Niết Bàn rốt ráo. Đây chính là điều được thành tựu bởi công đức từ nguyện thứ hai mươi bảy, ba mươi hai, và ba mươi tám trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật.

¹⁴ “*Thiên quang thủy sắc*” (天光水色) là thành ngữ hình dung quang cảnh tươi mát, sạch sẽ, trong lành sau khi mưa.

(Chú) Thử trang nghiêm sự, tủng sử Tỳ Thủ Yết Ma, công xưng diệu tuyệt, tích tư kiệt tướng, khởi năng thủ đồ!

(註)此莊嚴事，縱使毘首羯磨，工稱妙絕，積思竭想，豈能取圖！

(Chú: Sự trang nghiêm này dẫn cho Tỳ Thủ Yết Ma [vốn là người] được xưng tụng là “tài nghệ tuyệt vời”, [dẫu ông ta] vắt cạn tâm trí suy tưởng cũng chẳng thể thực hiện được!)

Đoạn này nói sự tương của các thứ trang nghiêm trong Cực Lạc Tịnh Độ hay khéo đến nỗi thợ trời chẳng sánh bằng, chẳng phải là những thứ trong nhân gian hay cõi trời mà hòng có được. Dẫn cho vị trời Tỳ Thủ Yết Ma (bây tôi của vua Đế Thích)¹⁵ tận hết tâm lực, vắt cạn trí óc, tính toán, tạo tác đủ mọi vật phẩm hay khéo, vì ông ta có kỹ thuật cao minh, tay nghề vô song, những sản phẩm làm ra đều hay khéo tuyệt đỉnh, nhưng nếu muốn thiết kế, chế tạo những vật phẩm trang nghiêm như ý giống như trong thế giới An Lạc, sẽ tuyệt đối chẳng thể làm được!

(Chú) Tánh giả, bản nghĩa dã. Năng sanh ký tịnh, sở sanh yên đắc bất tịnh? Cổ kinh ngôn: “Tùy kỳ tâm tịnh, tác Phật độ tịnh”. Thị cổ ngôn: “Bị chư trần bảo tánh, cụ túc diệu trang nghiêm”.

(註)性者，本義也。能生既淨，所生焉得不淨？故經言：隨其心淨，則佛土淨。是故言：備諸珍寶性，具足妙莊嚴。

(Chú: “Tánh” có nghĩa là “gốc”. Chủ thể để sanh (năng sanh) đã tịnh thì cái được sanh ra (sở sanh) lẽ nào chẳng tịnh? Vì thế, kinh dạy: “Thuận theo cái tâm tịnh mà cõi Phật tịnh”. Do vậy, [Vãng Sanh Luận] viết: “Đủ tánh các trần bảo, đầy đủ diệu trang nghiêm”).

Đây chính là phần kết luận của ngài Đàm Loan. Các thứ trang nghiêm nơi mặt Sự trong cõi Phật ấy được thành tựu bởi công đức nơi

¹⁵ Tỳ Thủ Yết Ma (Vishvakarman), còn phiên âm là Tỳ Tháp Phục Yết Ma Thiên, hoặc dịch nghĩa là Xảo Diệu Thiên, Tự Tại Thiên Vương, hoặc Công Xảo Thiên, được coi là người có tay nghề chế tạo cung điện, thành trì, và mọi vật tinh xảo nhất. Trong Ly Câu Phệ Đà (Rig Veda), vị thần này được đồng nhất với Brahman (đáng sáng tạo vũ trụ).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

bản tánh. Công đức nơi bản tánh là gì? Chính là “*tánh công đức*” đã được nhắc đến trong phần trước:

- Một là tánh vốn sẵn có, tức là như Duy Thức Tông đã nói: “*Ai nấy đều sẵn có chủng tử thanh tịnh vô lậu, pháp vốn là như thế*”.

- Hai là do huân tập mà thành tánh, tức là các chủng tử mới được sanh ra do trí huân tập.

Hai loại chủng tử này có bản tánh thanh tịnh, là cái nhân sanh ra Tịnh Độ của chư Phật. Quốc độ An Lạc là cái quả được sanh [bởi cái nhân ấy]. Cái nhân (năng sanh) đã thanh tịnh thì cái quả (sở sanh) lẽ nào chẳng thanh tịnh ư? Do vậy, kinh Duy Ma Cật đã dạy: “*Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh*” (Thuận theo cái tâm thanh tịnh mà cõi Phật thanh tịnh). Đây là nhân quả pháp vốn là như vậy, lẽ tất nhiên là như thế.

“*Bị*” (備) có nghĩa là thành tựu viên mãn. Hết thấy trên bảo trang nghiêm trong cõi Tịnh Độ ấy đều được thành tựu viên mãn bởi bản tánh thanh tịnh trang nghiêm, cho nên chúng có thể trọn đủ hết thấy sự trang nghiêm vi diệu. Đây là nhân quả xứng tánh vô lậu, pháp vốn là như thế, vượt xa nhân quả hữu lậu do các hàng trời người tạo tác. Trời người chẳng thể tạo tác, thành tựu được!

2.2.1.2.3.1.1.6. Diệu sắc công đức

(Luận) Vô cấu quang diễm xī, minh tịnh diệu thể gian.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm diệu sắc công đức thành tựu”. Phật bốn hà cổ khởi thử trang nghiêm? Kiến hữu quốc độ, ưu liệt bất đồng. Dĩ bất đồng cố, cao hạ dĩ hình. Cao hạ ký hình, thị phi dĩ khởi. Thị phi ký khởi, trường luân tam hữu. Thị cố, hưng đại bi tâm, khởi bình đẳng nguyện, nguyện ngã quốc độ quang diễm xī thịnh, đệ nhất vô tỷ.

(論)無垢光燄熾，明淨曜世間。

(註)此二句，名莊嚴妙色功德成就。佛本何故起此莊嚴？見有國土，優劣不同。以不同故，高下以形。高下既形，是非以起。是非既起，長淪三有。是故，興大悲心，起平等願，願我國土光燄熾盛，第一無比。

(Luận: Vô cấu quang hìng hực, sáng sạch rạng thể gian.

Chú: Hai câu này được gọi là “trang nghiêm diệu sắc công đức

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật khởi lên sự trang nghiêm này? Do Ngài thấy có quốc độ hơn kém khác nhau. Do khác nhau, nên có hình tướng cao thấp. Hình tướng đã cao thấp thì thị phi bèn dấy lên. Thị phi đã dấy lên, bèn chìm đắm mãi trong ba cõi. Vì thế, đức Phật dấy tâm đại bi, khởi nguyện bình đẳng, nguyện quốc độ của tôi quang minh chói ngời rực rỡ, bậc nhất khôn sánh).

Trước hết, nêu ra nguyên nhân khiến cho An Lạc Tịnh Độ diệu sắc công đức trang nghiêm, cũng không gì chẳng phải là như đã nói trong phần trước: Chính là do Phật Di Đà hưng khởi tâm đại bi. Do tâm đại bi mà Ngài hưng khởi cái nguyện bình đẳng, thành tựu diệu sắc công đức trang nghiêm. Nếu hỏi “Phật Di Đà lại do nhân duyên nào mà hưng khởi tâm đại bi, lập nguyện bình đẳng?” Chính là do Ngài thấy có những quốc độ thù thắng hay hèn kém khác biệt. Do có sự khác biệt, cho nên có “*ta, người, cao, thấp, đúng, sai, yêu, ghét*”. Do cái tâm bất bình đẳng, bèn nảy sanh các thứ phiền não tham, sân, si v.v... tạo nghiệp hữu lậu, hứng chịu khổ quả sanh tử luân hồi trong tam giới ([tam giới] còn gọi là “*tam hữu*”), thoát chìm, thoát nổi, chẳng có thuở nào xong, thật đáng thương xót! Đây chính là nhân duyên khiến cho Phật Di Đà khi còn đang tu nhân đã phát khởi tâm đại bi, mà cũng là nguyên nhân khiến cho Ngài phát nguyện bình đẳng, trang nghiêm thành tựu quốc độ của Ngài. Ngài mong thành tựu cõi Phật của Ngài, khắp nơi đều bình đẳng, có quang minh rực rỡ chiếu rạng ngời khắp thế gian.

Trong hết thảy các cõi Phật, [Cực Lạc] được xưng tụng là Tịnh Độ bậc nhất khôn sánh. Như lời kệ tụng trong kinh Vô Lượng Thọ có đoạn như sau: “*Linh ngã tác Phật, quốc độ đệ nhất, kỳ chúng kỳ diệu, đạo tràng siêu tuyệt, quốc như Nê Hoàn, nhi vô đẳng song*” (Khiến tôi thành Phật, quốc độ bậc nhất, đại chúng kỳ diệu, đạo tràng tuyệt vời, cõi như Niết Bàn, độc nhất vô nhị).

Trong phần kinh văn [của kinh Vô Lượng Thọ] lại nói: “*Bỉ quốc thiên nhân đại chúng giai thị tự nhiên hư vô chi thân, vô cực chi thể, dung sắc vi diệu, phi thiên, phi nhân. Sanh bỉ quốc giả, giai hữu tam thập nhị tướng, giai đương cứu cánh Nhất Sanh Bồ Xứ*” (Đại chúng trời người trong cõi ấy đều là thân hư vô tự nhiên, có bản thể vô cực, dung nhan, hình tướng vi diệu, chẳng phải là trời, chẳng phải là người. Người sanh về cõi ấy đều có ba mươi hai tướng, đều sẽ rốt ráo là bậc Nhất Sanh Bồ Xứ). Đây chính là sự thật về các món kỳ diệu trong cõi

ấy.

Kinh lại nói: “Kỳ đạo tràng thụ cao tứ bách vạn lý, chi diệp tứ bố các nhị thập vạn lý, chúng bảo hợp thành nhị trang nghiêm chi. Vô lượng quang diễm, chiếu diệu vô cực. Nhất thiết trang nghiêm tùy ứng nhi hiện” (Cây đạo tràng nơi ấy cao bốn trăm vạn dặm, cành lá xòe ra bốn phía, mỗi phía rộng hai mươi vạn dặm, do các thứ báu hợp thành để trang nghiêm. Vô lượng ánh quang minh chói ngời chiếu sáng rực vô cực. Hết thấy các sự trang nghiêm đều ứng theo lòng mong mà hiện). Đây chính là tình huống thật sự về đạo tràng thù thắng vượt xa.

Kinh lại nói: “*Bi Phật quốc độ thanh tịnh an ổn, vi diệu khoái lạc, thứ u vô vi Nê Hoàn chi đạo*” (Quốc độ Phật ấy thanh tịnh an ổn, vui sướng vi diệu, chỉ kém đạo Niết Bàn vô vi). Đây chính là chứng minh cho [câu kệ] “*quốc như Nê Hoàn, nhi vô đẳng song*” (cõi như Niết Bàn, độc nhất vô nhị). Do có những chuyện như vậy trong quốc độ An Lạc như vừa nói trên đây, [cõi Cực Lạc] đúng là thanh tịnh vi diệu chẳng thể nghĩ bàn! Trong hết thấy các cõi Phật, cõi ấy bậc nhất khôn sánh, “*vô cấu quang diễm xí, minh tịnh diệu thế gian*” (vô cấu quang hừng hực, sáng sạch rạng thế gian). Đây là Luận Chủ nói đại lược đó thôi!

(Chú) Bất như nhân thiên kim sắc năng hữu đoạt giả. Nhược vi tương đoạt, như minh kính tại kim biên tắc bất hiện. Kim nhật thời trung kim, tử Phật tại thời kim tắc bất hiện. Phật tại thời kim, tử Diêm Phù Na kim tắc bất hiện. Diêm Phù Na kim tử đại hải trung Chuyển Luân Vương đạo trung kim sa, tắc bất hiện. Chuyển Luân Vương đạo trung kim sa, tử Kim Sơn tắc bất hiện. Kim Sơn tử Tu Di Sơn kim tắc bất hiện. Tu Di Sơn kim tử Tam Thập Tam Thiên anh lạc kim tắc bất hiện. Tam Thập Tam Thiên anh lạc kim tử Diễm Ma Thiên kim tắc bất hiện. Diễm Ma Thiên kim tử Đâu Suất Đà Thiên kim tắc bất hiện. Đâu Suất Đà Thiên kim tử Hóa Tự Tại Thiên kim tắc bất hiện. Hóa Tự Tại Thiên kim tử Tha Hóa Tự Tại Thiên kim tắc bất hiện. Tha Hóa Tự Tại Thiên kim tử An Lạc quốc trung quang minh tắc bất hiện. Sở dĩ giả hà? Bỉ độ kim quang, tuyệt tùng cấu nghiệp sanh cố, thanh tịnh vô bất thành tựu cố. An Lạc Tịnh Độ thị Vô Sanh Nhân Bồ Tát tịnh nghiệp sở khởi, A Di Đà Như Lai pháp vương sở lãnh, A Di Đà Như Lai vi tăng thượng duyên cố. Thị cố ngôn: “Vô cấu quang diễm xí, minh tịnh diệu thế gian”. “Diệu thế gian” giả, diệu nhị chủng thế gian dã.

(註)不如人天金色能有奪者。若為相奪，如明鏡在金邊則不現。今日時中金，比佛在時金則不現。佛在時金，比閻浮那金則不現。閻浮那金比大海中轉輪王道中金沙，則不現。轉輪王道中金沙，比金山則不現。金山比須彌山金則不現。須彌山金比三十三天瓔珞金則不現。三十三天瓔珞金比皀摩天金則不現。皀摩天金比兜率陀天金則不現。兜率陀天金比化自在天金則不現。化自在天金比他化自在天金則不現。他化自在天金比安樂國中光明則不現。所以者何？彼土金光，絕從垢業生故，清淨無不成就故。安樂淨土是無生忍菩薩淨業所起，阿彌陀如來法王所領，阿彌陀如來為增上緣故。是故言：無垢光皀熾，明淨曜世間。曜世間者，曜二種世間也。

(*Chú*: “*Chẳng như kim sắc của trời người có thể bị lấn át*”: Nếu là bị lấn át lẫn nhau thì như gương sáng¹⁶ ở cạnh vàng thì [quang minh] của gương sẽ [ảnh mất] chẳng hiện. Vàng trong hiện thời đem so với vàng thuở đức Phật tại thế thì [vàng hiện thời] sẽ chẳng hiện. Vàng thuở đức Phật tại thế nếu đem so với vàng Diêm Phù Na thì [vàng thuở đức Phật tại thế] sẽ chẳng hiện. Vàng Diêm Phù Na đem so với cát vàng trong đường sá của Chuyển Luân Vương thì [vàng Diêm Phù Na] sẽ chẳng hiện. Cát vàng nơi đường sá của Chuyển Luân Vương đem so với Kim Sơn thì [cát vàng nơi đường sá của Chuyển Luân Vương] sẽ chẳng hiện. Kim Sơn so với vàng trong núi Tu Di thì [Kim Sơn] sẽ chẳng hiện. Vàng trong núi Tu Di so với vàng nơi chuỗi anh lạc của Tam Thập Tam Thiên thì [vàng trong núi Tu Di] sẽ chẳng hiện. Vàng trong chuỗi anh lạc của Tam Thập Tam Thiên so với vàng của Diêm Ma Thiên thì [vàng trong chuỗi anh lạc của Tam Thập Tam Thiên] sẽ chẳng hiện. Vàng trong Diêm Ma Thiên so với vàng của Đâu Suất Đà Thiên thì [vàng trong Diêm Ma Thiên] sẽ chẳng hiện. Vàng của Đâu Suất Đà Thiên so với vàng của Hóa Tự Tại Thiên thì [vàng của Đâu Suất Đà Thiên] sẽ chẳng hiện. Vàng của Hóa Tự Tại Thiên so với vàng của Tha Hóa Tự Tại Thiên thì [vàng của Hóa Tự Tại Thiên] sẽ chẳng hiện. Vàng của Tha Hóa Tự Tại Thiên so với quang minh trong cõi An Lạc thì [vàng của Tha Hóa Tự Tại Thiên] sẽ chẳng hiện. Vì có sao thế?

¹⁶ Gương sáng thời cổ làm bằng tám đồng mài bóng.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Vì kim quang trong cõi ấy trọn chẳng do cấu nghiệp mà sanh, do thanh tịnh nên không gì chẳng thành tựu. An Lạc Tịnh Độ phát khởi từ nghiệp thanh tịnh của Vô Sanh Nhân Bồ Tát, được đức pháp vương A Di Đà Như Lai thống lãnh, được A Di Đà Như Lai làm tăng thượng duyên. Vì thế nói: “Vô cấu quang chói rực, sáng sạch rạng thế gian”. “Rạng thế gian” là chiếu sáng hai loại thế gian).

Trong đoạn văn này, trước hết nói đến quang minh của An Lạc quốc vượt xa tất cả quang minh trong tam giới của cõi này (cõi Sa Bà), chẳng giống như tất cả kim quang của trời người trong tam giới này có thể bị lấn át bởi những thứ kim quang khác mà đánh mất quang minh của chính mình. Bị lấn át như thế nào vậy? Như cái gương sáng sạch có quang minh, nhưng đặt nó bên cạnh vàng ròng, ánh sáng của gương sẽ bị ánh sáng của vàng lấn át, chẳng hiện ra quang minh được nữa! Theo đó mà suy, có đến mười hai lần thí dụ ánh sáng của các thứ vàng lấn át lẫn nhau.

Đây là những thí dụ được nói trong kinh Phật, lần lượt so sánh để hiển thị sự thù thắng, dùng những điều ấy để thuyết minh diệu sắc của quang minh trong cõi An Lạc xác thực là vi diệu siêu thắng! Từ câu “*sở dĩ giả hà?*” (vì có sao vậy?) trở đi, ngài Đàm Loan đã dựa trên sự lý, nhân quả để nói ra duyên có vì sao thù thắng vượt xa:

1) Quang minh trong cõi ấy (bao gồm quang minh của các thứ báu trang nghiêm và muôn vật) được sanh bởi nghiệp tuyệt đối vô cấu của hàng Bồ Tát, hết thảy các thứ thanh tịnh không gì chẳng thành tựu. Đây chính là quang minh diệu sắc và sự trang nghiêm sanh khởi từ sự hòa hợp của chúng tử vốn sẵn vô lậu thanh tịnh “pháp vốn là như thế” và chúng tử vô cấu do trí Bát Nhã huân tập mà sanh ra, đương nhiên là chẳng giống với quang minh trong tam giới của cõi này. [Quang minh trong cõi này] đều do nghiệp hữu lậu, hữu cấu sanh khởi, thuộc về Thân Nhân Duyên và Vô Gián Duyên trong bốn thứ duyên sanh khởi của các pháp.

2) An Lạc Tịnh Độ được thành tựu (sanh khởi) bởi hàng Bồ Tát thuộc vào thánh vị nơi nhân địa (đã đắc Vô Sanh Nhân) dựa trên nhất tâm nhị môn của cái tâm tự tánh thanh tịnh mà tu tập vô lượng công đức thanh tịnh vô lậu xứng tánh (nghiệp). Lại do nương theo tam thân tứ trí của đức Di Đà Như Lai nơi quả địa (lời chú giải gọi chuyện này là “*lãnh*”), xét theo chiều ngang, sẽ có bốn loại Tịnh Độ:

- Đồng Cư Độ và Phương Tiện Độ là những cõi biến hóa để Ứng

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Hóa Thân của Phật nương nự, do sức đại từ bi của Thành Sở Tác Trí, thuận theo các hữu tình chưa đăng địa (chưa chứng nhập Sơ Địa) mà hóa ra cõi Phật hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc tịnh, hoặc uế, có thể biến chuyển trước hoặc sau.

- Thật Báo Độ chính là Pháp Tánh Độ để Tự Thọ Dụng Báo Thân nơi Phật quả nự. Cõi này do Vô Cấu Thức tương ứng với Đại Viên Kính Trí mà hiện ra. Thân, quốc độ, tướng hảo đều vô lượng. Nếu như là Tha Thọ Dụng Báo Thân của Phật thì cũng nự trong Pháp Tánh Độ, nhưng do sức đại từ bi của Bình Đẳng Tánh Trí thích ứng với hàng Bồ Tát trụ địa (từ Sơ Địa cho đến Thập Địa) mà hiện hiện Tịnh Độ hoặc thù thắng, hoặc kém cõi, có thể biến đổi trước sau. Thân lượng và tướng hảo của Phật cũng chẳng có hạn định.

- Tịch Quang Độ chính là Pháp Tánh Độ, chỉ có Thường Lạc Ngã Tịnh chân thật, là công đức vô vi, [công đức ấy] là chỗ nương tựa cho các điều thiện, không có Tướng và Dụng sai khác như sắc, tâm, thân, quốc độ; nhưng sự trang nghiêm trong ba cõi trước chẳng ra ngoài Tịch Quang Độ. Tịch Quang Độ cũng chẳng ở ngoài ba cõi trên. Thường nói là “*chẳng một, chẳng khác; một chính là ba, ba chính là một; sai biệt mà chẳng sai biệt, chẳng sai biệt mà sai biệt*”. [Tịch Quang Độ] là Tịnh Độ chỉ có Phật và Phật nự. Xét theo Lý thì là vô danh, vô tướng; nói theo Sự thì là có đủ hết thảy các pháp, hết thảy trang nghiêm. Kinh Nhân Vương có nói: “*Tam Hiền Thập Thánh trụ quả báo, chỉ một mình Phật ở trong Tịnh Độ*” đây chính là nói về điều này.

Do vậy, An Lạc Tịnh Độ xét theo chiều ngang có trọn đủ bốn cõi Tịnh Độ, cho đến hết thảy vi diệu trang nghiêm đều là sở y (chỗ nương vào) của tam thân Phật Di Đà (Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân), tứ trí (Đại Viên Kính Trí, Thành Sở Tác Trí, Diệu Quan Sát Trí, và Bình Đẳng Tánh Trí) làm duyên, hoàn toàn là cảnh giới của Phật, nương theo Phật mà có. Vì thế nói: “*A Di Đà Như Lai pháp vương sở lãnh, Di Đà vi tăng thượng duyên cố*” (Do được thông lãnh bởi đấng A Di Đà Như Lai pháp vương, Phật Di Đà làm tăng thượng duyên). Điều này thuộc về Sở Duyên Duyên và Tăng Thượng Duyên trong bốn duyên. Nói đơn giản, hết thảy mọi thứ trong An Lạc Tịnh Độ đều nương vào Phật quả của A Di Đà Phật mà hiện hiện, chẳng phải là bỗng dưng xuất hiện! Có thể nói như thế này: Nếu không có A Di Đà Phật, sẽ chẳng có thế giới Cực Lạc! Nay chúng ta vẫn là phàm phu nghiệp nặng, khi báo hết, có thể được vãng sanh cõi Cực Lạc nơi Phật quả, [Cực Lạc] bao gồm bốn

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

cõi theo chiều ngang, hưởng thụ các thứ trang nghiêm vi diệu, cùng hưởng phước vui sướng tột bậc bằng với chư Phật. Những điều này hoàn toàn do đại bi, đại trí, đại nguyện (bốn nguyện), đại hạnh của A Di Đà Phật ban tặng, lẽ nào chẳng cảm ân, chẳng mong báo đáp A Di Đà Phật ư?

“*Diệu thế gian*” (Chiếu rạng ngời thế gian) là nói tới quang minh vi diệu nơi y báo và chánh báo chiếu rạng ngời cõi ấy và vô lượng hữu tình thế gian trong mười phương thế giới (bao gồm chúng sanh trong chín pháp giới). Đồng thời cũng chiếu rạng ngời vô lượng quốc độ thế gian (khí thế gian) trong mười phương. Như kinh Vô Lượng Thọ có nói: “*Phật cáo A Nan: Vô Lượng Thọ Phật oai thần, quang minh, tối tôn đệ nhất, chư Phật quang minh, sở bất năng cập... nãi chiếu Đông phương Hằng sa Phật sát, Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, thượng hạ, diệc phục như thị. Phật ngôn: Ngã thuyết Vô Lượng Thọ Phật quang minh oai thần, nguy nguy thù diệu, trú dạ nhất kiếp, thượng vị năng tận*” (Đức Phật bảo ngài A Nan: “Oai thần và quang minh của A Di Đà Phật tôn quý bậc nhất, quang minh của chư Phật đều chẳng bằng được... bèn chiếu các cõi Phật nhiều như cát sông Hằng ở phương Đông. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, trên và dưới cũng giống như thế”. Đức Phật nói: “Ta nói quang minh và oai thần của A Di Đà Phật suốt ngày đêm trọn hết một kiếp, vẫn chưa thể hết được”). Vì thế, trong bộ luận này, vị Luận Chủ đã viết: “*Vô cấu quang diễm xí, minh tịnh diệu thế gian*”.

2.2.1.2.3.1.1.7. Xúc công đức

(Luận) Bảo tánh công đức thảo, nhu nhuễn tử hữu toàn, xúc giả sanh thắng lạc, quá Ca Chiên Lô Đà.

(Chú) Thử tứ cú, danh “trang nghiêm xúc công đức thành tựu”. Phật bốn hà cố khởi thử trang nghiêm? Kiến hữu quốc độ, tuy bảo trọng kim ngọc, bất đắc vi y phục. Tuy trân ngoạn minh kính, vô nghị ư phu cụ. Tư duyên duyệt ư mục, bất tiện ư thân dã. Thân nhân nhị tình, khởi phát mâu thuẫn hồ? Thị cố nguyện ngôn: Sở ngã quốc độ nhân thiên lục tình, hòa ư thủy nhũ, tốt khứ Sở Việt chi lao. Sở dĩ thất bảo nhu nhuễn, duyệt mục, tiện thân.

(論)寶性功德草，柔軟左右旋，觸者生勝樂，過迦旃隣陀。

(註)此四句，名莊嚴觸功德成就。佛本何故起此莊嚴？見有國土，雖寶重金玉，不得為衣服。雖珍玩明鏡，無議於數具。斯緣悅於目，不便於身也。身眼二情，豈弗矛盾乎？是故願言：使我國土人天六情，和於水乳，卒去楚越之勞。所以七寶柔軟，悅目便身。

(Luận: Cỏ công đức tánh báu, mềm mại xoay trái phải, chạm vào vui thù thắng, hơn Ca Chiên Lô Đà.

Chú: Bốn câu này được gọi là “trang nghiêm xúc công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dậy lên sự trang nghiêm này? Do Ngài thấy có quốc độ tuy có vàng ngọc đáng quý trọng, nhưng chẳng thể làm thành y phục. Tuy có đồ trân ngoạn, gương sáng, nhưng chẳng thể bàn đến chuyện [làm thành] đồ trải phủ được. Như vậy là các thứ ấy chỉ sướng mắt, nhưng chẳng thuận tiện cho thân. Hai tình thức nơi thân và mắt há chẳng mâu thuẫn ư? Vì thế, nguyện rằng: Khiến cho trong cõi nước của tôi, sáu tình hòa hợp như nước với sữa, diệt hết nỗi nhọc nhằn giữa Sở và Việt. Vì thế, bảy báu mềm mại, vừa đẹp mắt, vừa thuận tiện cho thân thể).

Vì sao A Di Đà Phật muốn có “xúc công đức trang nghiêm”? Vì Ngài thấy có những quốc độ, tuy có vàng, ngọc, bảy báu đáng quý trọng nhất, mọi người thật sự yêu thích, nhưng chất báu có đặc tánh kiên cố, chỉ có thể làm thành những món đồ vật để trang hoàng, chẳng thể chế thành y phục để mặc. Ngay như trân châu kể ra rất nổi tiếng quý báu, cũng chỉ có thể dùng làm gương sáng, hoặc đồ trân ngoạn cho mọi người, trọn chẳng thể dùng làm những thứ mềm đệm để trải lên giường ngũ hầu thân thể mệt mỏi nghỉ ngơi được! Những món vật trân ngoạn ấy chỉ có thể khiến cho người ta nhìn vào đẹp lòng, chẳng thể khiến cho thân thể con người có được cảm xúc vui sướng. Ngược lại, đụng phải chúng, có thể gây tổn thương, có hại cho thân thể! Nhìn như vậy, đối với thân thể và tròng mắt của con người, trân bảo chẳng thể đồng thời tạo cảm xúc vui sướng và tạo lợi ích được, há chẳng trở thành mâu thuẫn lẫn nhau ư?

Do có nguyện nhân ấy, đức Di Đà đã phát nguyện, khiến cho trong quốc độ khi Ngài thành Phật, sáu căn (lời chú giải dùng chữ “lục tình” để chỉ sáu căn) của hết thầy đại chúng trời người hễ tiếp xúc sáu trần, sẽ đồng thời đều có cảm nhận vui sướng, hài hòa, chẳng có cảm

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

xúc đau khô, chống trái, giống như nước và sữa hòa lẫn vào nhau, chẳng phân đây, kia. Căn bản là chẳng có mâu thuẫn sướng hay khổ, hoặc tình huống vừa có lợi vừa có hại.

Không chỉ là như vậy, mà còn có thể khiến cho hết thảy những ai vãng sanh cõi ấy, đều đắc lục căn thanh tịnh, trọn đủ sáu món thần thông vi diệu. Chính mình có thể đạt được lợi ích yên vui, lại còn có thể tạo lợi ích trọn khắp cho người khác, chẳng khiến cho ta và người chống trái, chẳng có khuyết điểm coi trọng bên này, thờ ơ bên kia. Vì thế nói “*tốt khừ Sở Việt chi lao*” (dứt tuyệt nỗi nhọc nhằn giữa Sở và Việt). Vào thời cổ, tại Trung Hoa, nước Sở và nước Việt¹⁷ đối địch lẫn nhau. Quý vị muốn giúp đỡ nước Sở, sẽ gây bất lợi cho nước Việt. Quý vị muốn đồng thời giúp đỡ hai nước, tất nhiên là sẽ uổng công vô ích, đối với đôi bên đều chẳng tốt đẹp gì! Ngài Đàm Loan dùng sự thật này

¹⁷ Sở và Việt đều là nước chư hầu dưới triều đại nhà Châu. Nước Sở vào thời cực thịnh bao gồm địa bàn các tỉnh Hồ Bắc, An Huy, Hà Nam, Hồ Nam, Giang Tô, Thượng Hải, Chiết Giang, Giang Tây, một phần Trùng Khánh, Quý Châu, và miền Đông tỉnh Sơn Tây. Nước Sở được thành lập khi Châu Thành Vương phong cho Hùng Dịch tước Tử, ban thái ấp ở đất Sở Man, đóng đô ở Đan Dương. Đến thời Xuân Thu, nước Sở dưới sự lãnh đạo của Sở Trang Vương (Hùng Lữ) hùng mạnh, diệt hết các nước tiểu chư hầu thuộc lưu vực sông Trường Giang, xung bá Trung Nguyên. Đến cuối thời Xuân Thu, nước Sở lâm vào cảnh nội loạn, Ngô Vương Hạp Lư đánh bại quân Sở, vây hãm Dĩnh Đô, nhờ quân Tần cứu giúp mới không bị diệt vong. Sau đó, vào các đời Sở Tuyên Vương và Sở Oai Vương, nước Sở lại khôi phục. Đến năm 223 trước Công Nguyên, nước Sở bị Tần Thủy Hoàng diệt quốc. Nước Việt còn gọi là U Việt, hoặc Đại Việt, do hậu duệ của nhà Hạ là Tử Vô Du sáng lập, lãnh thổ từ phía Đông của nước Sở cho đến tận biển Đông, thuộc địa bàn tỉnh Chiết Giang, Giang Tô, An Huy và Giang Tây hiện thời. Kinh đô thay đổi nhiều lần, nổi tiếng nhất là kinh đô Cô Tô (trước đó là kinh đô Côi Kê). Nguồn gốc của người ở quốc gia này cho đến giờ vẫn đang còn tranh luận. Đa phần cho rằng họ là một bộ lạc của Bách Việt thời đó, vì họ cũng có thói quen búi tóc xăm mình giống như Lạc Việt, cũng như sở hữu kỹ thuật đúc đồng, đặc biệt là rìu đồng rất tinh xảo, kỹ thuật chế tác đồ đá cũng rất cao. Hơn nữa, các thanh cổ kiếm trứ danh của Trung Hoa đa phần xuất phát từ nước Việt. Có thuyết cho rằng họ là hậu duệ của người Tam Miêu. Sử quan Trung Hoa ít chép về nước Việt. Họ chỉ chép về nước Việt sau khi vua Ngô là Phù Sai xâm lăng nước Việt, và vua nước Việt là Câu Tiễn đã chịu cảnh nằm gai nếm mật, chịu đủ mọi nỗi nhục để phục hưng nước Việt, cuối cùng đánh bại Phù Sai, chiếm lãnh nước Ngô. Vua cuối cùng của nước Việt là Tự Vô Cương bị quân Sở giết chết và lãnh thổ nước Việt bị sát nhập vào nước Sở. Về sau, dưới thời Tần Thủy Hoàng, do vùng Ngô Việt liên tục nổi lên chống đối, Tần Thủy Hoàng đã đặt tên cho vùng này là Côi Kê Quận, cấm dùng danh xưng Đại Việt để gọi vùng này.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

để làm thí dụ: Quý vị muốn cho các thứ trần bảo trong cõi [Sa Bà] này có thể đồng thời có lợi ích và tạo cảm nhận vui sướng cho nhãn căn và thân căn thì sẽ tuyệt đối chẳng thể được! Chỉ có người ở trong cõi nước được thành tựu bởi bốn nguyện của Phật Di Đà thì mới có thể “*một căn đối với trọn khắp hết thấy các trần, một trần khiến cho hết thấy các căn đều vui sướng*”. Căn và trần không gì chẳng xứng tánh dung thông, tự tại vô ngại, chỉ hưởng các niềm vui, chẳng hứng chịu đau khổ. Do vậy, bảy báu trong cõi ấy cho đến vô lượng các thứ báu đều sẵn có bản tánh mềm mại, khiến cho mọi người đã được thưởng ngoạn sướng mắt, lại còn có thể khoác mặc trên thân thể, đồng thời có sự thọ dụng trang nghiêm vui sướng.

(Chú) Ca Chiên Lân Đà giả, Thiên Trúc nhu nhuyễn thảo danh dã, xúc chi giả, năng sanh lạc thọ, cố dĩ vi dụ.

(註)迦旃隣陀者，天竺柔軟草名也，觸之者，能生樂受，故以為喻。

(Chú: Ca Chiên Lân Đà là tên của một thứ cỏ mềm mại bên Thiên Trúc, chạm vào sẽ có cảm giác vui sướng, nên dùng nó làm thí dụ).

Ca Chiên Lân Đà (Kācalindikāka) là tiếng Phạn, ngài Đàm Loan giải thích đó là tên một thứ cỏ mềm mại tại Ấn Độ (Thiên Trúc). Loại cỏ ấy chạm vào thân thể con người, sẽ khiến cho sáu căn của quý vị đều có sự cảm nhận vui sướng rất thoải mái. Do vậy, dùng nó để sánh ví trần bảo trong cõi ấy (cõi Cực Lạc) có thể khiến cho sáu căn của con người đồng thời đạt được cảm giác vui sướng. Nhưng trong kinh Chánh Pháp Niệm Xứ, quyển thứ ba mươi, có chép: “*Ca Chiên Lân Đà, diệc danh Ca Chiên Lân Đề, Ca Chân Lân Đà, Ca Giá Lân Địa, Ca Lân Đà, Ca Lân Đề đẵng, hải trung điều danh, xúc chi đại lạc. Hữu Luân Vương xuất, thử điều tắc hiện*” (Ca Chiên Lân Đà còn gọi là Ca Chiên Lân Đề, Ca Chân Lân Đà, Ca Giá Lân Địa, Ca Lân Đà, Ca Lân Đề v.v... là tên một loài chim trong biển, chạm vào nó sẽ hết sức vui sướng. Khi có Luân Vương ra đời, loài chim này sẽ xuất hiện). Theo sách Pháp Uyển Châu Lâm¹⁸, quyển thứ hai mươi lăm: “*Chim Ca*

¹⁸ Pháp Uyển Châu Lâm (法苑珠林) là tác phẩm do ngài Đạo Thế soạn vào đời Đường. Sách được hoàn thành vào năm Tổng Chương nguyên niên (668). Kể từ năm Hiên Khánh thứ tư (659) đời Đường Cao Tông, ngài Đạo Thế đã dựa theo bộ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Chiên Lân Đà sống trong biển, ôm hoặc chạm vào nó, thân tâm vui sướng thỏa thích còn hơn lục dục". Lại theo sách Huệ Lâm Âm Nghĩa¹⁹, quyển thứ hai mươi lăm thì: "*Ca Lân Đề, côi này dịch là Thật Khả Ái, ý nói loài thủy điểu này thuộc loại yên ương*". Quyển thứ mười chín của bộ sách ấy lại chép: "*Ca Chi Lật Đề, còn gọi là Ca Chân Lân Đề Ca, là tên một loài chim tốt lành. Thân nó có lông mềm mịn, hết sức nhẹ nhàng, đẹp đẽ, dùng làm áo, hoặc se thành sợi, Chuyển Luân Thánh Vương mới có thể dùng loại y phục ấy*". Từ những lời giải thích vừa trích dẫn trên đây, vậy thì [Ca Chiên Lân Đà] không phải là tên một loài cỏ, mà là tên một loài chim.

Lời kệ của Luận Chủ viết: "*Bảo tánh công đức thảo, nhu nhuyễn tả hữu toàn, xúc giả sanh thắng lạc, quá Ca Chiên Lân Đà*" (Cỏ báu tánh công đức, mềm mại trái phải xoay, chạm vào vui thù thắng, hơn Ca Chiên Lân Đà), nhằm nói đại địa và muôn vật do các thứ báu hợp thành trong quốc độ An Lạc được thành tựu bởi công đức nơi bồn nguyện của Phật Di Đà. Thể tánh của chúng là vô cấu, thanh tịnh, lại còn nhu thuận, chẳng ương ngạnh, cứng cỏi. Lại như nước trong côi ấy có tánh chất có thể lên xuống, có thể tùy thuận ý muốn của con người; giống như loại cỏ mềm mại, có thể thuận theo ý của con người mà xoay sang phía trái hoặc xoay sang phía phải, chẳng chĩa ngược lên, đâm vào lòng bàn chân người ta, khiến cho họ cảm thấy đau khổ. Khi tiếp xúc

Kinh Luật Di Tạng biên soạn thành tác phẩm Chư Kinh Tập Yếu, về sau lại tăng bổ, soạn thành bộ Pháp Uyển Châu Lâm. Trong tác phẩm này, Ngài đã trích dẫn hơn 400 bộ kinh sách của Phật giáo, Đạo giáo, các sách sấm vĩ và trước tác cổ. Bộ sách này có thể coi như một bộ bách khoa từ điển về Phật học. Sách trích dẫn nhiều bộ kinh sách đã thất truyền tại Trung Hoa như Phật Bản Hạnh Kinh, Bồ Tát Bản Hạnh Kinh, Quán Phật Tam Muội Kinh, Tây Vực Chí, Trung Thiên Trúc Hành Ký v.v...

¹⁹ Huệ Lâm Âm Nghĩa (慧琳音義) vốn có tên gốc là Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa, do ngài Huệ Lâm (737-820) biên soạn, gồm 100 quyển. Do trước đó, ngài Thích Huyền Ứng có viết một tác phẩm khác trùng tên, nên bản của ngài Huyền Ứng thường được gọi là Đại Đường Chúng Kinh Âm Nghĩa, còn bản của ngài Huệ Lâm được gọi là Huệ Lâm Âm Nghĩa. Đây là một tác phẩm tổng hợp tất cả những tác phẩm trước đó như Tân Dịch Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Âm Nghĩa, Đại Bát Niết Bàn Kinh Âm Nghĩa, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Âm Huấn, Đại Đường Chúng Kinh Âm Nghĩa v.v... tham khảo các sách Tự Thư, Vận Thư, Vận Thuyên, Khảo Thanh Thiết Vận, Thuyết Văn, Nhĩ Nhã, Phương Ngôn, Thích Danh, Ngọc Thiên, Tập Huấn, Cổ Kim Chánh Tự v.v... nhằm biện định âm đọc và ý nghĩa của các từ tiếng Phạn hoặc danh tướng trong kinh Phật để người đọc kinh Phật hiểu đúng ý nghĩa của các thuật ngữ chuyên dụng trong Phật giáo.

loại cỏ ấy, chỉ sanh khởi niềm vui mâu nhiệm thù thắng. Đây là nêu ra một loại cỏ mềm mại để làm đại biểu, nhằm sánh ví hết thấy các thứ trên bảo trang nghiêm trong cõi ấy đều khiến cho con người chẳng hứng chịu các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui.

Niềm vui sướng ấy khó thể hình dung, [chỉ đành] so sánh: Lông chim Ca Chiên Lân Đà mềm mại đáng yêu nhất tại Ấn Độ vào thuở ấy, đem dệt thành vải rồi may thành y phục quý giá, khi mặc trên thân thể, sẽ đạt được niềm vui sướng vi diệu, [nhưng niềm vui sướng do chạm vào các thứ trên bảo trong Cực Lạc] còn vượt xa [cảm giác ấy].

(Chú) Chú giả ngôn: Thử gian thổ, thạch, thảo, mộc, các hữu định thể, dịch giả hà duyên mục bỉ bảo vì thảo da? Đương dĩ kỳ lam, nhung, quynh, miểu, cố dĩ thảo mục chi nhĩ. Dư nhược tham dịch, đương biệt hữu đồ.

(註)註者言：此間土石草木各有定體：譯者何緣目彼寶為草耶？當以其蘆，茸，蔡，藪，故以草目之耳。余若參譯，當別有途。

(Chú: Người chú giải cho rằng: Đất, đá, cỏ, cây trong cõi này mỗi thứ đều có hình thể nhất định, vì duyên cớ nào mà dịch giả lại gọi các chất báu trong cõi kia là cỏ? Do vì thấy chúng lá lướt, môn môn, mềm mại xoay chuyển, mịn màng, bèn gọi chúng là cỏ đó thôi. Nếu tôi tham gia dịch thuật, thì sẽ có cách khác).

Trong đoạn văn này, ngài Đàm Loan nói rõ Ngài có cách nhìn khác đối với lời dịch. Ngài cho rằng: Trong thế giới này của chúng ta, mỗi thứ trong muôn vật đều có hình thể nhất định, mỗi thứ khác nhau, chẳng thể biến đổi được! Vị đại đức phiên dịch bộ luận này vì sao lại coi các thứ báu trang nghiêm trong quốc độ An Lạc giống hệt như cỏ mềm mại? Hãy nên hiểu đó là [vì nhìn theo] hình dạng khi cỏ bị gió lùa, điều này gọi là Lam (蘆). Cỏ có dáng vẻ xoay chuyển về bên trái, hoặc bên phải, điều này gọi là Quynh (蔡); cỏ mọc rất mịn thì gọi là Miểu (藪). Có mấy loại tình hình như vậy, cho nên dịch thành “*bảo tánh công đức thảo*” (cỏ báu tánh công đức), [tức là] dùng danh xưng “*cỏ*” để gọi các thứ trên bảo. Giả sử Đàm Loan tôi được tham dự phiên dịch bộ luận này, tôi sẽ đổi thành lời dịch khác. Vì thế, nói là “*đương biệt hữu đồ*” (sẽ có cách khác). Nhưng ngài Đàm Loan chẳng nói thêm, tôi thử thay Ngài đổi lời dịch thành bốn câu như sau: “*Bảo tánh như*

thủy tánh, công đức sở thành tựu. Xúc giả sanh thắng lạc, quá Ca Chiên Lô Đà” (Chất báu tánh như nước, do công đức thành tựu. Chạm vào vui thù thắng, hơn chim Thật Khả Ái). Vì Địa, Thủy, Hỏa, Phong đều thuộc về Xúc Trần, lại thuộc vào Ngũ Căn. Căn và Trần tiếp xúc, sẽ có lạc thọ, khổ thọ, và xả thọ. Nhưng nước trong thế giới Cực Lạc là nước tám công đức, chỉ có lạc thọ. Lại có nghĩa là “*tùy thuận thanh tịnh, ly dục, tịch diệt*”, tùy thuận đạo được hành bởi hàng Bồ Tát và Thanh Văn. Do vậy, dùng nước tám công đức để tượng trưng cho các thứ báu trong cõi ấy, sẽ là thích hợp nhất, không chi hơn được! Chẳng biết Luận Chủ và ngài Đàm Loan có cho là đúng hay không?

(Chú) *Sanh thắng lạc giả, xúc Ca Chiên Lô Đà sanh niềm trước lạc. Xúc bỉ nhuyển bảo, sanh pháp hỷ lạc. Nhị sự tương huyền, phi thắng như hà? Thị cố ngôn: “Bảo tánh công đức thảo, nhu nhuyển tả hữu toàn, xúc giả sanh thắng lạc, quá Ca Chiên Lô Đà”.*

(註) 生勝樂者，觸迦旃隣陀生染著樂。觸彼軟寶，生法喜樂。二事相懸，非勝如何？是故言：寶性功德草，柔軟左右旋，觸者生勝樂，過迦旃隣陀。

(Chú: “*Sanh niềm vui thù thắng*”: Chạm vào Ca Chiên Lô Đà sẽ sanh ra niềm vui đắm nhiễm, còn chạm vào chất báu mềm mại trong cõi kia, sẽ sanh ra niềm vui pháp hỷ. So sánh giữa hai chuyện này, nếu chẳng phải là thù thắng thì còn là gì nữa? Vì thế nói: “*Cỏ công đức tánh báu, mềm mại xoay trái phải, chạm vào vui thù thắng, hơn Ca Chiên Lô Đà*”).

Đây là ngài Đàm Loan nói rõ nguyên do chạm vào chất báu sẽ có thể sanh ra sự vui sướng thù thắng. Giả sử chạm vào quần áo tốt đẹp nhất trong thế gian này, chúng sẽ chỉ khiến cho con người sanh khởi lòng tham đắm, và chấp trước niềm vui sướng nơi sáu trần là có thật. Đây chính là Thân Nhân Duyên khiến cho Tam Độc tham, sân, si sanh khởi, mà cũng là Tăng Thượng Duyên của sanh tử luân chuyển. Kết quả vẫn là “*lạc cực sanh bi*” (vui quá hóa buồn), thoát chìm thoát nổi trong tam đồ lục đạo, chịu khổ vô cùng. Nếu chạm vào các thứ báu mềm mại trong cõi kia, chúng nó có thể khiến cho người ta sanh khởi niềm vui sướng pháp hỷ sung mãn, liền có thể đạt được pháp lạc nơi Bồ Đề Giác, nơi Phật quả và niềm vui Niết Bàn tịch tĩnh. So sánh giữa hai sự kiện ấy, đúng là khác biệt trời vực một trời một vực! Diệu bảo trong

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Cực Lạc vượt xa diệu y trong thế gian này. Đây là chuyện thiên kinh địa nghĩa²⁰, ai có thể nói chúng không thù thắng vượt xa u? Do vậy, Luận Chủ dùng bốn câu “*bảo tánh công đức thảo...*” để tán thán.

Theo như kinh Vô Lượng Thọ có nói: “*Vi phong từ động, xuy chư bảo thụ, diễn xuất vô lượng diệu pháp âm thanh. Kỳ thanh lưu bố, biến chư Phật quốc. Văn kỳ âm giả, đắc thâm Pháp Nhãn, trụ Bất Thoái Chuyển, chỉ thành Phật đạo, nhĩ căn thanh triệt, bất tao khổ hoạn. Mục đồ kỳ sắc, tỵ tri kỳ hương, khẩu thường kỳ vị, thân xúc kỳ quang, tâm dĩ pháp duyên, giai đắc thâm thâm Pháp Nhãn, trụ Bất Thoái Chuyển. Chỉ thành Phật đạo, lục căn thanh triệt, vô chư não hoạn. A Nan! Nhược bỉ quốc độ thiên nhân kiến thử thụ giả (bảo thụ), đắc tam Pháp Nhãn: Nhất giả, Âm Hưởng Nhãn. Nhị giả, Nhu Thuận Nhãn. Tam giả, Vô Sanh Pháp Nhãn. Thử giai Vô Lượng Thọ Phật oai thần lực cố, bốn nguyện lực cố, mãn túc nguyện cố, minh liễu nguyện cố, kiên cố nguyện cố, cứu cánh nguyện cố*” (Gió nhẹ thổi động, thổi qua các cây báu, vang ra vô lượng âm thanh diệu pháp. Tiếng ấy lan truyền trọn khắp các cõi Phật. Người nghe âm thanh ấy, đắc Pháp Nhãn sâu, trụ Bất Thoái Chuyển, cho đến khi thành Phật, nhĩ căn trong sáng, thấu suốt, chẳng gặp các nỗi khổ sở, hoạn nạn. Mắt thấy hình sắc của cây, mũi ngửi mùi hương, miệng nếm vị nó, thân chạm ánh sáng của nó, tâm duyên theo pháp, đều đắc Pháp Nhãn rất sâu, trụ Bất Thoái Chuyển. Cho đến khi thành Phật, sáu căn trong sáng, thấu suốt, không có các phiền não gây họa. Này A Nan! Nếu hàng trời người trong cõi ấy trông thấy cây đó (cây báu), sẽ đắc ba món Pháp Nhãn: Một là Âm Hưởng Nhãn. Hai là Nhu Thuận Nhãn. Ba là Vô Sanh Pháp Nhãn. Những điều này đều là do sức oai thần, sức bốn nguyện, do nguyện tròn đủ, do nguyện hiểu rõ, do nguyện kiên cố, do nguyện rốt ráo của Vô Lượng Thọ Phật).

Chúng ta đọc đoạn kinh văn này, sẽ có thể tin sâu lời vị Luận Chủ nói: Cỏ báu trong quốc độ An Lạc có tánh chất công đức, chạm vào nó, sẽ sanh khởi niềm vui thù thắng, chắc chắn là như thế!

2.2.1.2.3.1.1.8. Ba thứ công đức

2.2.1.2.3.1.1.8.1. Công đức của nước

²⁰ Thiên kinh địa nghĩa: Kinh có nghĩa là nguyên tắc, còn Nghĩa là chánh lý. “*Thiên kinh địa nghĩa*” là một thành ngữ hàm ý “lẽ đương nhiên, hoặc đạo lý chẳng thể thay đổi được”.

(Luận) Bảo hoa thiên vạn chủng, di phú trì lưu tuyền, vi phong động hoa diệp, giao thác quang loạn chuyển.

(Chú) Thử tứ cú, danh “trang nghiêm thủy công đức thành tựu”. Phật bốn hà cổ khởi thử nguyện? Kiến hữu quốc độ, hoặc vân nịch, hồng đào, tử mạt kinh nhân, hoặc ngưng tư giáp diệp, xúc già hoài đại, hướng vô an duyệt chi tình. Bối hữu khủng trị chi lực. Bồ Tát kiến thử, hưng đại bi tâm.

(論)寶華千萬種，彌覆池流泉，微風動華葉，交錯光亂轉。

(註)此四句，名莊嚴水功德成就。佛本何故起此願？見有國土，或溼溺洪濤，滓沫驚人，或凝澌澹滌，蹙加懷憊，向無安悅之情。背有恐值之慮。菩薩見此，興大悲心。

(Luận: Hoa báu ngàn vạn thứ, che rợp ao, suối chảy, gió nhẹ lay cánh hoa, ánh sáng xen tạp chuyển.

Chú: Bốn câu này được gọi là “trang nghiêm thủy công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dậy lên nguyện này? Do Ngài thấy có quốc độ, chết đuối nơi sóng cả trong sông ngòi, bọt nước cáu bẩn rợn người, hoặc băng đông thành khối trôi nổi, thúc bách, chộn rộn, thuận theo [những tình cảnh ấy] sẽ chẳng có tâm tình an vui. Tránh né chúng thì lo âu sẽ gặp nạn. Bồ Tát trông thấy những lẽ ấy, bèn dậy lòng đại bi như thế đó).

Món thứ tám trong mười bảy món trang nghiêm được gọi là “tam chủng công đức thành tựu” (ba thứ công đức thành tựu). Luận Chủ nêu ra ba thứ, tức là ao nước, đất liền, và hư không. Bài tụng này chính là [nói đến] thủy công đức. Vì sao Phật Di Đà phải có sự trang nghiêm bằng nước tám công đức? Ấy là vì Ngài thấy có những quốc độ, chẳng hạn như quả địa cầu này của chúng ta, nước trong sông ngòi, biển cả, sóng mòi cuồn cuộn, mười phần đáng sợ! Chữ “溼” đọc là Vân (雲), “vân nịch” (溼溺) là chết đuối trong sóng cả nơi sông ngòi. “Hồng đào” (洪濤, sóng cả): Hoặc là vùi thân nơi sóng cả nơi biển khơi. Vì thế nói là “vân nịch hồng đào, tử mạt kinh nhân” (chết đuối bởi sóng cả trong sông ngòi, biển khơi, bọt nước cáu bẩn rợn người). Chữ “滓” đọc là Tê (宰), tức là những vật chìm lắng trong nước bẩn. Chữ “沫” đọc là Mạt (末), tức là bọt nước.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Chữ “凝” đọc là Ngung, chữ “澌” đọc là Tư (司). Ngung Tư (凝澌) là băng trôi. Chữ “浹” đọc là Giáp (甲), chữ “漂” đọc là Điệp (牒), “giáp điệp” (浹漂) là băng đông thành từng khối. Những khối băng trôi ngang, va đụng nhau, sẽ gây ra tai nạn. Vì thế nói là “ngung tư giáp điệp”.

“Xúc già hoài đại” (蹙枷懷岱): Chữ “蹙” đọc là Xúc (促), chữ “恹” đọc là Đại (代), chính là nỗi sợ hãi thất thường. Mắt thấy nước như thế; quý vị mong thân cận nó (lời chú giải dùng chữ “hướng” (向) để diễn tả ý “thân cận”), ắt sẽ chẳng có tâm tình an ổn vui sướng (安悅, an duyệt). Quý vị muốn tránh né nó (背, bội) thì cũng sẽ ôm nỗi lo sầu, sợ hãi vạn nhất sẽ gặp phải nó! Sóng cả, băng trôi đem lại tai hại cho nhân loại, cỗ nhân hình dung là “hồng thủy mãnh thú” (nước lụt như thú dữ), “vũ trụ hồng hoang”, “thập thất cửu không” (mười nhà chín căn trống rỗng), “khuyh gia đặng sản” (tan cửa nát nhà). Phạm là bậc Bồ Tát đã phát Bồ Đề tâm trông thấy, tất nhiên sẽ sanh khởi tâm đại bi, muốn khiến cho nước có lợi, vô hại, khiến cho chúng sanh lìa khổ được vui.

(Chú) Nguyện ngã thành Phật, sở hữu lưu tuyền, trì, chiếu, dĩ cung điện tương xứng (sự xuất kinh trung), chủng chủng bảo hoa bố vi thủy sức. Vi phong từ phiến, ánh phát hữu tự, khai thân duyệt thể, vô nhất bất khả. Thị cố ngôn: “Bảo hoa thiên vạn chủng, di phú trì lưu tuyền, vi phong động hoa điệp, giao thác quang loạn chuyển”.

(註)願我成佛，所有流泉池沼，與宮殿相稱（事出經中），種種寶華布為水飾。微風徐扇，映發有序，開神悅體，無一不可。是故言：寶華千萬種，彌覆池流泉，微風動華葉，交錯光亂轉。

(Chú: Nguyện tôi thành Phật, tất cả các dòng suối, ao, chuôm, đều tương xứng với cung điện (chuyện này xuất phát từ kinh điển), các thứ hoa báu trang hoàng khắp mặt nước. Gió nhẹ thông thả thổi, tỏa sáng theo thứ tự, thoải mái tâm thần, vui sướng thân thể, không gì chẳng thể! Vì thế nói: “Hoa báu ngàn muôn thứ, che rợp ao, suối chảy, gió nhẹ lay cánh hoa, ánh sáng xen tạp chuyển”.

Trong lúc tu nhân, Phật Di Đà trông thấy tình huống như đã nói trên đây, cho nên Ngài phát nguyện: Khi Ngài thành Phật, trong quốc

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

độ, tất cả suối chảy, ao nước, hoặc là hồ, đầm, đều tương xứng với cung điện, lầu, đài trên mặt đất, có sự phối hợp thích đáng, chẳng sâu, chẳng cạn, chẳng lớn, chẳng bé, có thể xứng hợp nhu cầu của con người. Câu “*sự xuất kinh trung*” là nói sự tương ấy phát xuất từ những điều được nói trong kinh Vô Lượng Thọ: “*Kỳ giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu quán... nội ngoại tả hữu, hữu chư dục trì... bát công đức thủy, trạm nhiên doanh mãn. Hoàng kim trì giả, đế bạch ngân sa, nữ chỉ thất bảo, chuyển cộng hợp thành. Tứ sắc liên hoa, di phú thủy thượng*” (Trong, ngoài, trái, phải của giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu, đền, có các ao tắm... Nước tám công đức lắng trong, đầy ắp. Ao bằng vàng ròng, đáy [trái] cát bằng bạc trắng, cho đến bảy báu lần lượt ghép thành. Hoa sen bốn màu che rợp mặt nước).

“*Chủng chủng bảo hoa, bố vi thủy sức*” (Các thứ hoa báu trang hoàng trọn khắp mặt nước): Ý nói phía trên mặt nước, đều có hoa sen bảy báu trọn khắp, trở thành vật trang hoàng cho nước.

“*Vi phong từ phiến*” (Gió nhẹ thông thả thổi) tức là như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Thanh phong thời phát, xuất ngũ âm thanh, vi diệu cung thượng, tự nhiên tương hòa, vi phong từ động xuy chư bảo thụ*” (Gió mát đúng thời nổi lên, vang ra tiếng ngũ âm, réo rắt vi diệu, tự nhiên hài hòa. Gió nhẹ thông thả động, thổi qua các cây báu). “*Phiến*” (扇) có nghĩa là lay động.

“*Ánh phát hữu tự*” tức là màu sắc của các thứ báu trên, dưới, trong, ngoài ao rất có thứ tự, chiếu sáng ngời trong nước. Gió nhẹ thổi qua, phát ra tiếng ngũ âm, đôi bên tự nhiên hài hòa. Những màu sắc, quang minh, và âm thanh ấy đều chẳng tạp loạn.

“*Khai thân duyệt thể*”: Phàm những ai thấy nghe, tiếp xúc với nước ấy, đều được thân tâm an lạc.

“*Vô nhất bất khả*” nghĩa là nước trong cõi ấy chẳng có mảy may khuyết điểm, luôn phù hợp với nhu cầu và sự yêu thích của con người, giúp họ tu hành, thực hiện đạo, đều được thành Phật. Trong quốc độ An Lạc, có các ao nước vi diệu như thế đó, cho nên Luận Chủ bèn viết kệ rằng: “*Bảo hoa thiên vạn chủng, di phú trì lưu tuyên, vi phong động hoa diệp, giao thác quang loạn chuyển*” (Hoa báu ngàn muôn thứ, phủ rợp ao và suối, gió nhẹ lay cánh hoa, ánh sáng xen tạp chuyển).

2.2.1.2.3.1.1.8.2. Công đức nơi đất

(Luận) Cung điện, chư lầu các, quán thập phương vô ngại, tạp

thụ dị quang sắc, bảo lan biến vi nhiều.

(Chú) Thử tứ cú, danh “trang nghiêm địa công đức thành tựu”. Phật bổn hà cố khởi thử trang nghiêm? Kiến hữu quốc độ, tiêu nghiêu tuấn lãnh, khô mộc hoành sâm, trách ngạch hình lân, sao mao doanh hác, mang mang thương hải, vi tuyệt mục chi xuyên, lam lam quảng trách, vi vô tung chi sở. Bồ Tát kiến thử, hưng đại bi nguyện.

(論)宮殿諸樓閣，觀十方無礙，雜樹異光色，寶欄遍圍繞。

(註)此四句，名莊嚴地功德成就。佛本何故起此莊嚴？見有國土，巉嶢峻嶺，枯木橫岑，崖峿崕嶙，菁茅盈壑，茫茫滄海，為絕目之川，嵐嵐廣澤，為無蹤之所。菩薩見此，興大悲願。

(Luận: Cung, điện, các lầu gác, quán mười phương vô ngại, mỗi cây quang sắc khác, lan can báu vây khắp.

Chú: Bốn câu này được gọi là “trang nghiêm địa công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dậy lên sự trang nghiêm này? Do Ngài thấy có quốc độ núi cao chót vót hiểm trở, cây khô vất ngang đỉnh núi, hang sâu hun hút, vách đá cheo leo, cỏ dại rồi bời mọc đầy hang hốc, biển xanh mênh mông, sông rộng trợn chẳng thấy bến bờ, đầm rộng um tùm là nơi không dấu vết. Bồ Tát thấy những điều ấy, bèn dậy lên nguyện đại bi).

Trước hết, nêu ra nguyên nhân vì sao mặt đất cõi ấy phải có các thứ trang nghiêm? Chính là do khi Phật Di Đà còn đang hành Bồ Tát đạo, trông thấy có những quốc độ rất chẳng lý tưởng. Chẳng hạn như cõi này: Chữ “巉” đọc là Tiêu (焦), chữ “嶢” đọc là Nghiêu (堯). “Tiêu nghiêu” (巉嶢) là dáng núi cao. Chữ “峻” đọc là Tuấn (俊). “Tuấn lãnh” (峻嶺) là dáng núi cao chót vót. “Trách ngạch” (崖峿) là dáng vẻ núi hiểm trở. Chữ “崕” đọc là Hình (陁), chữ “嶙” đọc là Lân (隣). “Hình lân” (崕嶙) là dáng vẻ hang sâu, vách đá cheo leo. Không chỉ là non cao, hang thăm, vách đá cheo leo hiểm trở, trên núi khắp nơi lại có những cội cây chết khô. Vì thế, nói là “tiêu nghiêu tuấn lãnh, khô mộc hoành sâm, trách ngạch hình lân” (non cao chót vót, cây khô vất ngang đỉnh núi, hang sâu hun hút, vách núi cheo leo). Quốc độ thuộc loại này khắp nơi là gai góc, ngoắt ngoéo, hoang vu. Vì thế nói là “sao

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

mao doanh hác” (菁茅盈壑, cỏ dại rồi bờ mọc đầy hang hóc). Lại còn có biển xanh mênh mông dãi mắt nhìn mà chẳng thấy bờ, nước lẫn trời tiếp giáp nhau, được gọi là “*tuyết mục chi xuyên*” (sông rộng nhìn chẳng thấu). Lại có hồ đầm bát ngát, muôn ngàn sóng mòi, chẳng có bến bờ, như hồ Động Đình của Trung Hoa chẳng hạn. Những loại biển, hồ ấy vào một, hai ngàn năm trước, chỉ có rất ít thuyền bè có thể qua lại được! Ngoài ra, chẳng thấy có dấu vết của con người. Vì thế nói “*vi vô tung chi sở*” (là nơi không có vết chân người).

Pháp Tạng Bồ Tát trông thấy những tình hình ấy, cho nên Ngài duyên khởi tâm đại bi, phát ra bốn mươi tám nguyện, nương theo nguyện mà tu các công đức, trải qua vô lượng kiếp, trang nghiêm quốc độ khi Ngài thành Phật, sẽ có quả báo thanh tịnh trang nghiêm. Nhân quả vốn là như thế đó!

(Chú) Nguyện ngã quốc độ, địa bình như chưởng, cung, điện, lâu, các, kính nập thập phương, đích vô sở thuộc, diệc phi bất thuộc. Bảo thụ, bảo lan, hồ vi ánh sức. Thị cố ngôn: “Cung điện chư lâu các, quán thập phương vô ngại, tạp thụ dị quang sắc, bảo lan biến vi nhiều”.

(註)願我國土，地平如掌，宮殿樓閣，鏡納十方，的無所屬，亦非不屬。寶樹寶欄，互為映飾。是故言：宮殿諸樓閣，觀十方無礙，雜樹異光色，寶欄遍圍繞。

(Chú: Nguyện cõi nước của tôi đất bằng như lòng bàn tay, cung, điện, lâu, các dựng nập mười phương như hình bóng hiện trong gương, đích xác là chẳng thuộc [vào tam giới] mà cũng chẳng phải là không thuộc [vì là do công đức thành tựu]. Cây báu, lan can báu chiếu rạng ngời, tô điểm lẫn nhau. Vì thế nói: “Cung, điện, các lâu gác, quán mười phương vô ngại, mỗi cây quang sắc khác, lan can báu vây khắp”.

Tiếp đó [ngài Đàm Loan] bèn thuyết minh quốc độ được thành tựu bởi sự phát nguyện của Pháp Tạng Bồ Tát, tức là thế giới Cực Lạc ở phương Tây trong hiện tại, đích xác là đất bằng phẳng như lòng bàn tay. Nếu hỏi: Lòng bàn tay con người há bằng phẳng ư? Đây là nhìn vào bàn tay của quý vị, chứ nếu đức Phật tự nhìn vào lòng bàn tay của chính Ngài, [sẽ thấy] thật sự giống như một tấm gương phẳng phiu. Đây chính là một trong ba mươi hai tướng đại nhân. Hết thấy các kiến

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

trúc trên mặt đất trong cõi ấy, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc cung điện, hoặc lầu gác, đều chẳng chướng ngại lẫn nhau. Lại còn giống như gương sáng, mười phương thể giới đều dung nạp vào trong tường vách hoặc cột trụ của nhà cửa, chỗ nào cũng đều có thể trông thấy mười phương vô lượng thể giới. Điều này thật sự quá hy hữu, lạ lùng, vi diệu.

Như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: *“Kỳ giảng đường, tinh xá, cung, điện, lầu, quán, giai thất bảo trang nghiêm, tự nhiên hóa thành. Phong xuy tán hoa, biến mãn Phật độ, tùy sắc thứ đệ, nhi bất tạp loạn, nhu nhuyễn, quang trạch, hình hương phân liệt. Túc lý kỳ thượng, đạo hạ tứ thốn. Tùy cử túc dĩ, hoàn phục như cổ. Hoa dụng dĩ ngát, địa triếp khai liệt, dĩ thứ hóa một, thanh tịnh vô di. Tùy kỳ thời tiết, phong xuy tán hoa, như thị lục phản. Hựu chúng bảo liên hoa, châu mãn thể giới. Kỳ hoa quang minh, vô lượng chủng sắc, minh diệu nhật nguyệt. Nhất nhất hoa trung, xuất vô lượng quang. Nhất nhất quang trung, xuất vô lượng Phật”* (Giảng đường, tinh xá, cung, điện, lầu, đền, đều trang nghiêm bằng bảy báu, tự nhiên hóa thành. Gió thổi rải hoa đầy khắp cõi Phật, theo thứ tự từng màu [riêng biệt], chẳng tạp loạn. Hoa mềm mại, tươi sáng, thơm ngát ngào ngạt. Chân đạp lên đó, lún xuống bốn tấc; hễ nhắc chân lên, [thảm hoa] trở lại như cũ. Hoa đã dùng xong, đất liền nứt ra, hoa theo thứ tự biến mất, thanh tịnh, chẳng còn sót gì! Tùy theo thời tiết, gió thổi rải hoa, sáu lượt như thế. Lại có các hoa sen báu trọn khắp thể giới. Hoa ấy sáng ngời, vô lượng thứ màu sắc, chói ngời mặt trời, mặt trăng. Trong mỗi đóa hoa, tỏa ra vô lượng ánh sáng. Trong mỗi ánh sáng, xuất hiện vô lượng Phật).

Đây chẳng phải là chuyện ngàn lẻ một đêm, mà là do bốn nguyện của Phật Di Đà thành tựu như thế. Như nguyện thứ ba mươi một trong bốn mươi tám nguyện [đã nói]: *“Thiết ngã đắc Phật, quốc độ thanh tịnh, giai tất chiếu kiến thập phương bất khả tư nghị chư Phật thể giới, do như minh kính, đồ kỳ diện tượng”* (Nếu tôi thành Phật, cõi nước thanh tịnh, thấy đều soi thấy mười phương chẳng thể nghĩ bàn các thể giới chư Phật, ví như gương sáng, trông thấy vẻ mặt). Nguyện thứ ba mươi hai là: *“Thiết ngã đắc Phật, tự địa dĩ thượng, chỉ u hư không, cung, điện, lầu, quán, trì lưu, hoa thụ, quốc độ sở hữu nhất thiết vạn vật, giai dĩ vô lượng thập bảo nhi cộng hợp thành, nghiêm sức kỳ diệu, siêu chư thiên nhân”* (Nếu tôi thành Phật, từ mặt đất trở lên cho đến hư không, cung, điện, lầu, đền, tất cả hết thảy muôn vật trong cõi nước đều do vô lượng thứ báu cùng hợp thành, trang hoàng đẹp đẽ, kỳ diệu, vượt xa trời người). Bốn nguyện của Phật Di Đà là nhân, hết thảy sự trang

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

nghiêm trong quốc độ An Lạc là quả. Có cái nhân như thế thì mới có cái quả như thế, hãy nên tin sâu, đừng nghi!

“*Cung, điện, lầu, các, kính nạp thập phương, đích vô sở thuộc, diệc phi bất thuộc*” (Cung, điện, lầu, gác như gương dung nạp mười phương, đích xác là chẳng thuộc [vào tam giới], mà cũng chẳng phải là không thuộc): Điều này giống như trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần xong, vào trong lầu các của ngài Di Lặc, bất cứ chỗ nào trong lầu các cũng đều giống hệt như thế, đều có thể thấy mười phương thế giới rõ ràng như nhìn về mặt. Lầu các của ngài Di Lặc ở trong thế giới Sa Bà, thuộc vào trong tam giới, mà còn như thế, huống chi An Lạc Tịnh Độ được thành tựu bởi công đức của A Di Đà Phật ư? Đương nhiên là có thể từ cung điện, lầu gác, mà thấy mười phương vô ngại! Chuyện này chẳng thuộc vào tam giới, mà thuộc về phương diện thành tựu bởi công đức. Do vậy nói: “*Diệc phi bất thuộc*” (Cũng chẳng phải là không thuộc).

Kệ Tụng ghi “*tạp thụ dị quang sắc, bảo lan biến thập phương*” (các loài cây khác nhau có quang minh và màu sắc khác nhau, lan can báu trọn khắp mười phương), tức là nói bốn phía của cung điện, nhà cửa trong cõi ấy đều có cây cối do các thứ báu hợp thành, quang minh và màu sắc của mỗi thứ báu khác nhau. Vì thế nói là “*dị quang sắc*” (quang minh và màu sắc khác nhau). Không chỉ là có cây báu, mà còn có lan can bảy báu tầng tầng vây quanh nhà cửa. Những thứ cây báu và lan can báu ấy trang hoàng lẫn nhau, chói ngời tô điểm lẫn nhau, như kinh Di Đà có nói: “*Thất trùng lan thuấn, thất trùng hàng thụ*” (Bảy tầng lan can, bảy tầng hàng cây), trông hết sức trang nghiêm! Giả sử có một căn nhà rất đẹp đẽ, trang nghiêm, nhưng bốn phía chung quanh toàn là một vùng hoang vu bát ngát, rộng tuếch, sẽ chẳng đẹp mắt, giống như những căn biệt thự cao cấp trong hiện thời, đều cần phải có sân vườn, hoa cỏ, cây cối, hồ nước, núi giả, cho đến các thiết bị như hồ bơi có tường bao quanh v.v... thì mới có thể được gọi là trang nghiêm đẹp mắt.

2.2.1.2.3.1.1.8.3. Công đức nơi hư không

(Luận) *Vô lượng bảo giao lạc, la võng biến hư không, chủng chủng linh phát hưởng, tuyên thổ diệu pháp âm.*

(Chú) *Thử tứ cú, danh “trang nghiêm hư không công đức thành tựu”, Phật bốn hà cổ khởi thử trang nghiêm? Kiến hữu quốc*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

độ, yên vân trần vụ, tế chướng thái hư, chấn liệt sâm hoắc, tùng thượng nhi đọa. Bất tường tài nghê, mỗi tự không lai, ưu lự bách đoan, vi chi mao thụ.

(論)無量寶交絡，羅網遍虛空，種種鈴發響，宣吐妙法音。

(註)此四句，名莊嚴虛空功德成就。佛本何故起此莊嚴？見有國土，煙雲塵霧，蔽障太虛，震烈霽霍，從上而墮。不祥裁覓，每自空來，憂慮百端，為之毛豎。

(Luận: Vô lượng báu giảng xen, lưới màn khắp hư không, các thứ linh vang tiếng, tuyên nói diệu pháp âm.

Chú: Bốn câu này được gọi là “trang nghiêm hư không công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dậy lên sự trang nghiêm này? Do Ngài thấy có quốc độ, khói, mây, bụi, sương mù che lấp thái hư, sấm rền, giông tuôn, từ trên cao đổ xuống. Điềm gở, cầu vòng thường xuất hiện trên hư không, âu lo trăm mối, rón cả lông tóc).

Pháp Tạng Bồ Tát thấy có những quốc độ, trên hư không thường có khói, mây, bụi bặm, sương mù, khiến cho diện mục vốn sẵn thanh tịnh của thái hư bị che phủ chẳng hiện, ngăn lấp quang minh của mặt trời, mặt trăng, khiến cho nhân gian chẳng thấy mặt trời. Lại còn có sấm to vang rền. “Sâm hoắc” (霽霍) là mưa to từ trên không trung giáng xuống. “Tài” (裁): Lửa trời chẳng cát tường thì gọi là Tài. Cầu vòng giống như chiếc cung cong cong, lại thường xuất hiện trên hư không. Do vậy khiến cho người trong cõi đời nầy sanh đủ mọi nỗi ưu sầu, lo nghĩ, chỉ sợ tai họa giáng xuống, thường bị [những hiện tượng ấy] dọa dẫm đến nỗi rón da gà, nơm ngời chẳng yên!

(Chú) Bồ Tát kiến thử, hưng đại bi tâm.

(註)菩薩見此，興大悲心。

(Chú: Bồ Tát thấy những điều ấy bèn dậy lòng đại bi).

Đây chính là Thân Nhân Duyên khiến cho Pháp Tạng Bồ Tát trang nghiêm Tịnh Độ. Đó chính là vì chẳng nỡ thấy chúng sanh chịu khổ mà duyên khởi tâm đại bi.

(Chú) Nguyên ngã quốc độ, bảo võng giao lạc, la biến hư

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

không, linh đặc cung thương, minh tuyên đạo pháp, thị chi vô yếm, hoài đạo kiến đức.

(註)願我國土，寶網交絡，羅遍虛空，鈴鐸宮商，鳴宣道法，視之無厭，懷道見德。

(Chú: Nguyên cho quốc độ của tôi lưới báu giảng xen, màn phủ khắp hư không, chuông, linh réo rắt, ngân nga tuyên dương đạo pháp, nhìn không biết chán, nhớ đạo, thấy đức).

Do vậy, Ngài phát nguyện tu các công đức để trang nghiêm thành tựu hư không trong quốc độ khi Ngài thành Phật. Như kinh Vô Lượng Thọ có nói: “Trân diệu bảo võng, la phú kỳ thượng (hư không), nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện” (Lưới báu quý đẹp giảng phủ bên trên (hư không), hết thảy các món trang nghiêm ứng hiện theo lòng mong). “Phục dĩ chân châu, minh nguyệt, ma-ni chúng bảo, dĩ vi giao lạc, la phú kỳ thượng” (Lại dùng các thứ báu như chân châu, minh nguyệt, ma-ni để giảng xen, che phủ bên trên), “vô lượng bảo võng, di phú Phật độ, giai dĩ kim lữ, chân châu, bách thiên tạp bảo, kỳ diệu trân dị, trang nghiêm hiệu sức, châu tạp tứ diện, thù dĩ bảo linh... Tự nhiên đức phong... xuy chư la võng, diễn phát vô lượng vi diệu pháp âm, lưu bố vạn chủng ôn nhã đức hương. Kỳ hữu văn giả, trần lao cấu tập, tự nhiên bất khởi. Phong xúc kỳ thân, giai đắc khoái lạc, thí như tỳ-kheo đắc Diệt Tận tam-muội” (vô lượng lưới báu phủ kín cõi Phật, đều dùng sợi vàng để khâu chân châu, hoặc trăm ngàn thứ báu khác nhau, kỳ diệu, quý lạ để trang hoàng, tô điểm. Trọn khắp bốn mặt, treo rủ các linh báu... Gió đức tự nhiên... lùa qua các lưới màn, phát ra vô lượng pháp âm vi diệu, lan tỏa muôn thứ đức hương dịu dàng, thanh nhã. Những người người thấy thì những tập khí trần lao phiền não tự nhiên chẳng dậy lên. Gió chạm vào thân đều được vui sướng, ví như tỳ-kheo đắc Diệt Tận tam-muội). Đây là những thứ được thành tựu bởi công đức từ bốn nguyện thứ hai mươi bảy, ba mươi hai, và bốn mươi sáu của Phật Di Đà.

Linh (鈴) có hình tròn dài, còn đặc (鐸) có hình vuông và dẹt. Trong hư không, có các lưới màn bằng các thứ báu giảng xen, trên lưới có treo hay móc linh, đặc. Gió thổi động các linh, đặc, tự nhiên phát ngũ âm, tức Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ. [Danh xưng của] năm âm ấy phát xuất từ kinh Thi của Trung Hoa, là âm thanh đẹp đẽ nhất trong nhân gian. Các âm thanh đẹp đẽ ấy đều tuyên dương diệu

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

pháp chánh đạo Vô Thượng Bồ Đề. Trong cõi ấy, chỗ nào cũng đều có thể nghe pháp âm, chẳng như cõi này, không dễ gì nghe pháp!

Lại còn có những thứ đức hương tự nhiên lan tỏa chẳng ngớt. Gió đức tự nhiên thổi qua thân người, cho nên khiến cho chúng sanh trong cõi ấy nhìn chẳng chán, chẳng bị bất cứ lo sầu, sợ hãi gì! Hoặc là ngửi hương, hay được gió lùa qua thân, hoặc là nghe Phật pháp, đều có thể sanh tâm nhớ đạo, tăng tấn đức, mà cũng có thể đạt được sự an lạc tịch tĩnh giống như đấng Diệt Thọ Tướng Định. Do vì như vậy, cõi Phật ấy được gọi là Cực Lạc.

(Chú) Thị cố ngôn: “Vô lượng bảo giao lạc, la võng biến hư không, chủng chủng linh phát hưởng, tuyên thổ diệu pháp âm”.

(註)是故言：無量寶交絡，羅網遍虛空，種種鈴發響，宣吐妙法音。

(Chú: Vì thế nói: “Vô lượng báu giảng xen, lưới màn khắp hư không, các thứ linh vang tiếng, tuyên nói diệu pháp âm”).

Đây là ngài Đàm Loan nhắc lại lời kệ của vị Luận Chủ một lần nữa để làm kết luận cho phần hư không trang nghiêm.

2.2.1.2.3.1.1.9. Vũ công đức

(Luận) Vũ hoa y trang nghiêm, vô lượng hương phổ huân.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm vũ công đức thành tựu”. Phật bản hà cố hưng thử trang nghiêm? Kiến hữu quốc độ, dục dĩ phục sức bố địa diên thỉnh sở tôn, hoặc dục dĩ hương, hoa, danh bảo, dụng biểu cung kính, nhi nghiệp bản cảm bạc, thị sự bất quả! Thị cố hưng đại bi nguyện.

(論)雨華衣莊嚴，無量香普薰。

(註)此二句，名莊嚴雨功德成就。佛本何故興此莊嚴？見有國土，欲以服飾布地延請所尊，或欲以香華名寶用表恭敬，而業貧感薄，是事不果！是故興大悲願。

(Luận: Mưa áo, hoa trang nghiêm, vô lượng hương xông khắp.

Chú: Hai câu này được gọi là “trang nghiêm vũ công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dậy khởi sự trang nghiêm này? Do Ngài thấy có quốc độ, [chúng sanh trong ấy] muốn dùng những thứ y

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

phục để trải đất hồng thỉnh vời người họ tôn quý, hoặc muốn dùng hoa, hương, các thứ quý báu để tỏ lòng cung kính, nhưng do nghiệp nghèo, phước bạc, chuyện ấy chẳng được thỏa nguyện. Vì thế, dấy lên nguyện đại bi).

Nên hiểu chữ Vũ (雨, mưa) như động từ, có ý nghĩa “*từ trên trời rơi xuống*”. Phật Di Đà lúc tu nhân, trông thấy có những chúng sanh trong các quốc độ muốn dùng những tấm vải dài choáng lộn, Ấn Độ gọi [những thứ vải ấy] là “y phục”, trải trên mặt đất, giống như trải thảm trong hiện thời. Đây là phong tục của xứ Ấn. Dùng y trải đất để trang hoàng, hồng nghênh thỉnh Tam Bảo, hoặc quốc vương, sư trưởng, cha mẹ, hoặc mong cảm hương, hoa, trân bảo quý báu để tỏ lộ lòng cung kính cúng dường Tam Bảo. Thế nhưng tấm thân nghèo khổ, chẳng có phước báo, có lòng mà thiếu sức, chẳng thể như nguyện, chẳng có hoa, y, trân bảo, thường cảm thấy áo não, nhứt chí, buồn than! Do vậy, Pháp Tạng Bồ Tát chẳng nỡ thấy chúng sanh có nỗi thống khổ như thế ấy, bèn phát khởi tâm nguyện đại bi dẹp khổ cho chúng sanh, muốn ban vui sướng cho chúng sanh.

(Chú) Nguyện ngã quốc độ, thường vũ thử vật, mãn chúng sanh ý. Hà cố dĩ vũ vi ngôn? Khủng thử trước vân, nhược thường vũ hoa y, diệt ung điền tắc hư không, hà duyên bất phương? Thị cố dĩ vũ vi dụ. Vũ thích thời, tắc vô hồng thao chi hoạn, An Lạc báo khởi hữu luy tình chi vật hồ?

(註)願我國土，常雨此物，滿眾生意。何故以雨為言？恐取著云，若常雨華衣，亦應填塞虛空，何緣不妨？是故以雨為喻。雨適時則無洪滔之患，安樂報豈有累情之物乎？

(Chú: Nguyện cõi nước của tôi thường mưa xuống những vật ấy thỏa ý chúng sanh. Vì sao dùng “mưa” để nói [về chuyện ấy]? Sợ có kẻ chấp trước, nói rằng: Nếu thường mưa hoa, y, thì phải đầy nghẹt hư không, vậy do duyên gì mà chẳng ngại [thường mưa như vậy]? Cho nên dùng mưa làm thí dụ. Mưa đúng thời, ắt không lo bị tràn ngập, quả báo nơi cõi An Lạc há có những thứ gây phiền lụy u?)

Pháp Tạng Bồ Tát phát nguyện, nguyện khi Ngài thành Phật thì quốc độ thường xuyên có những thứ hoa báu, y báu, và những thứ trân

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

bảo khác từ không trung rơi xuống, thỏa mãn tâm ý mong cầu của chúng sanh. Ngài Đàm Loan hỏi: “Vì sao phải gọi là “vũ” (mưa)?” Ngài giải thích chữ Vũ như là một danh từ dùng làm thí dụ. Do sợ chúng sanh có kẻ chấp trước, cho nên gọi là Vũ. Như trong thế gian, hư không tuôn mưa, tuy rất nhiều, nhưng hư không chẳng bị đặc nghẹt, cũng chẳng cần phải chấp trước! Những thứ mưa xuống chính là những gì tôi có, tôi tuôn xuống để ban cho chúng sanh. Dùng tình hình ấy để sánh ví lòng đại từ bi của Phật, Bồ Tát đẹp khổ, ban vui cho chúng sanh, đều là “*tam luân thế không*”, chẳng chấp trước, chẳng chướng ngại, giống như mưa đúng thời, rất phù hợp, chẳng nhiều, chẳng ít. Thường xuyên tuôn xuống, nhưng đại địa chẳng bị thủy tai. Lại nói, y báo của chúng sanh trong quốc độ An Lạc (Địa, Thủy, Hỏa, Phong), quyết định chẳng hề gây liên lụy, làm hại vật phẩm của chúng sanh. Như kinh A Di Đà đã nói: “*Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc*” (Chúng sanh trong cõi ấy chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui). Vì thế nói: “*An Lạc báo khởi hữu lụy tình chi vật hồ?*” (Há quả báo trong cõi An Lạc có những vật gây phiền lụy ư?)

(Chú) Kinh ngôn: “*Nhật dạ lục thời, vũ bảo y, vũ bảo hoa. Bảo chất nhu nhuyễn, lý tiền kỳ thượng tác hạ tứ thôn. Tùy cử túc thời, hoàn phục như cố. Dụng ngật, nhập bảo địa như thủy nhập khảm*”.
Thị cổ ngôn: “*Vũ hoa y trang nghiêm, vô lượng hương phổ huân*”.

(註)經言：日夜六時，雨寶衣，雨寶華。寶質柔軟，履踐其上則下四寸。隨舉足時，還復如故。用訖，入寶地如水入坎。是故言：雨華衣莊嚴，無量香普薰。

(Chú: Kinh nói: “*Ngày đêm sáu thời, mưa y báu, mưa hoa báu. Chất báu mềm mại, chân đạp lên sẽ lún xuống bốn tấc. Khi giờ chân lên, trở lại như cũ. Dùng xong, [hoa và các chất báu] sẽ lọt vào trong đất báu, như nước rút xuống hầm*”. **Vì thế nói:** “*Mưa hoa, y trang nghiêm, vô lượng hương xông khắp*”).

Trong đoạn văn này, ngài Đàm Loan đã dẫn những điều kinh Vô Lượng Thọ đã nói để chứng minh và kết luận. Lời văn gần gũi, dễ hiểu, chẳng cần phải nói nhiều. Kinh ấy còn nói: “*Phật cáo A Nan: - Vô Lượng Thọ quốc, kỳ chư thiên nhân, y phục, ẩm thực, hoa, hương, anh lạc, cung điện, lâu, các, nữ chi vô lượng chúng bảo, tùy ý sở dục, ứng niệm tức chi*” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Các hàng trời người trong

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

cõi Vô Lượng Thọ, đối với y phục, thức ăn, hoa, hương, anh lạc, cung điện, lầu, gác, cho đến vô lượng các thứ báu, thuận theo lòng muốn, vừa nghĩ tới liền có). “*Hựu phong xuy tán hoa, biến mãn Phật độ, nhu nhuyễn quang trạch, hình hương phân liệt... Dĩ thứ hóa một, thanh tịnh vô di, tùy kỳ thời tiết, như thị lục phân*” (Lại nữa, gió thổi rải hoa trọn khắp cõi Phật, mềm mại, tươi sáng, thơm tho ngào ngạt... Theo thứ tự biến mất, thanh tịnh, chẳng còn sót gì, tùy theo thời tiết mà [gió thổi rải hoa] như thế sáu lượt).

Vì thế, Luận Chủ viết kệ rằng: “*Vũ hoa y trang nghiêm, vô lượng hương phổ huân*” (Mưa hoa, áo trang nghiêm, vô lượng hương xông khắp). Đây là điều thành tựu bởi công đức của các lời nguyện thứ hai mươi bốn, ba mươi hai, và ba mươi tám trong Di Đà bản nguyện. Có người cho rằng trong bản dịch đời Ngụy của kinh này, trong phần bốn mươi tám nguyện, không có lời nguyện “*y thực tự nhiên*” (cơm áo tự nhiên), [bèn chê là] chẳng viên mãn cho lắm! Họ trọn chẳng biết đây chính là chỗ hay của bản dịch đời Ngụy. Vì trong phần trần thuật quả báo thù thắng của ngài Pháp Tạng, có mấy đoạn kinh văn đã nói đến [chuyện ấy]. Không chỉ là y phục, thức ăn, mà cho đến hết cả các vật báu, đều tùy tâm mong muốn, vừa nghĩ bèn có, kinh văn đã nói rất cặn kẽ, sao lại có thể nói là chẳng viên mãn cho được? Điều này rất khế hợp căn tánh của người Hoa, kinh văn tận hết sức tránh trùng lặp. Nếu như trong phần bốn mươi tám nguyện cũng có (cũng nhắc tới những chuyện này), há chẳng phải là rườm rà, trùng lặp ư?

Trong mấy tiết trên đây, Luận Chủ đã viết kệ tụng về các thứ trang nghiêm thanh tịnh của quốc độ An Lạc, bao gồm sáu chuyện “*y thực trụ hành dục lạc*” (cơm, áo, ăn ở, dục lạc) của chúng sanh, mà cũng bao gồm sáu trần, tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đều có thể khiến cho đại chúng trời người sống trong cõi ấy không gì chẳng phải là “*sáu căn thường hợp đạo, sáu thức thường thanh tịnh*”, tập khí phiền não tự nhiên chẳng dậy lên, đều như đạt được niềm vui nhập Diệt Tận tam-muội. Lành thay bốn mươi tám nguyện của ngài Pháp Tạng! Mầu nhiệm thay cõi An Lạc! Chỉ có cõi An Lạc là chỗ quy y chân chánh của chúng sanh, hãy nên suốt một đời dâng hiến thân mạng, tin nhận, tu hành pháp môn Tịnh Độ, cùng sanh về Cực Lạc quốc!

2.2.1.2.3.1.1.10. Quang minh công đức

(Luận) Phật huệ minh tịnh nhật, trừ thế si ám minh.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm quang minh công đức thành tựu”. Phật bốn hà cổ hưng thử trang nghiêm? Kiến hữu quốc độ, tuy phục hạng bối nhật quang, nhi vi ngu si sở ám.

(論)佛慧明淨日，除世癡闇冥。

(註)此二句，名莊嚴光明功德成就。佛本何故興此莊嚴？見有國土，雖復項背日光，而為愚癡所闇。

(Luận: Phật huệ nhật sáng sạch, trừ si tối cõi đời.

Chú: Hai câu này được gọi là “trang nghiêm quang minh công đức thành tựu”. Vấn đề vì lẽ nào mà đức Phật dậy lên sự trang nghiêm này? Do Ngài thấy có cõi nước tuy có ánh sáng mặt trời ở ngay trên đỉnh đầu, nhưng [chúng sanh trong cõi ấy] bị ngu si che ám).

Pháp Tạng Bồ Tát thấy có chúng sanh trong những quốc độ tuy trên đỉnh đầu có ánh sáng mặt trời chiếu soi, nhưng chính họ bị ngu si, vô minh che lấp, giống như ở trong phòng tối, trong tâm nhãn chỉ thấy một bầu đen tối, chẳng có tướng quang minh trí huệ. Ngu si vô trí như người đi đêm đã thiếu ánh sáng của đèn, lại chẳng có người hướng dẫn giỏi giang. Đó gọi là “manh nhân hạt mã dạ độ kiều” (người mù cưỡi ngựa đui, vượt cầu vào ban đêm), khó tránh khỏi sập hầm, hoặc rơi xuống nước, táng thân mất mạng, thật đáng thương xót!

(Chú) Thị cố nguyện ngôn: Sử ngã quốc độ, sở hữu quang minh năng trừ si ám, nhập Phật trí huệ, bất vi vô ký chi sự. Diệc vân: An Lạc quốc độ, quang minh tùng Như Lai trí huệ báo khởi, cố năng trừ thế ám minh.

(註)是故願言：使我國土，所有光明能除癡闇，入佛智慧，不為無記之事。亦云：安樂國土，光明從如來智慧報起，故能除世闇冥。

(Chú: Do vậy, nguyện rằng: Khiến cho tất cả quang minh trong quốc độ của tôi có thể trừ sự tối tăm do ngu si, tiến nhập trí huệ của Phật, chẳng phải là một thứ sự vật không thiện không ác. Ngài cũng nói: Quang minh của quốc độ An Lạc xuất phát từ quả báo trí huệ của Như Lai. Vì thế, nó có thể trừ sự tối tăm trong cõi đời).

Do vậy, Pháp Tạng Bồ Tát phát đại nguyện, nguyện cho trong quốc độ khi tôi thành Phật, tất cả muôn vật đều có quang minh. Những

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

quang minh ấy có thể trừ khử hết thảy tội tã vì ngu si trong thế gian, khiến cho hết thảy chúng sanh đều đạt được (tức là “*nhập*”) trí huệ của Phật, nghĩa là rốt ráo thành Nhất Sanh Bồ Xứ, đều sẽ thành Phật. Bất luận quang minh nào, cũng đều chẳng phải chỉ là [một sự việc] có tác dụng vô ký (không thiện, không ác) đối với chúng sanh, trọn chẳng có lợi ích gì! Hãy nên biết: Hết thảy quang minh trong quốc độ An Lạc đều thành tựu từ chánh báo thể của A Di Đà Như Lai, sanh khởi từ trí huệ Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, và Nhất Thiết Chứng Trí. Vì thế, giống như ánh sáng mặt trời sáng sạch, có thể trừ khử tội tã cho thế gian. Đây chính là điều được thành tựu do công đức của các nguyện thứ mười hai, hai mươi bảy, ba mươi ba, và bốn mươi trong bốn nguyện của Phật Di Đà. Như kinh Vô Lượng Thọ đã chép: “*Kỳ hữu chúng sanh, ngộ tư quang giả, tam cầu tiêu diệt... Hựu Vô Lượng Thọ Phật, kỳ đạo tràng thụ... vô lượng quang viên, chiếu diệu vô cực... Hựu chúng bảo liên hoa, châu mãn thế giới. Kỳ hoa quang minh, vô lượng chủng sắc... Quang sắc hách nhiên, minh diệu nhật nguyệt. Nhất nhất hoa trung, xuất tam thập lục bách thiên ức quang. Nhất nhất quang trung, xuất tam thập lục bách thiên ức Phật. Nhất nhất chư Phật, hựu phóng bách thiên quang minh, phổ vị thập phương, thuyết vi diệu pháp*” (Có những chúng sanh gặp ánh sáng này thì tam cầu (tham, sân, si) tiêu diệt... Lại nữa, cây đạo tràng của Vô Lượng Thọ Phật... có vô lượng tia sáng rực rỡ, chiếu sáng ngời chẳng cùng cực... Lại có các thứ hoa sen báu trọn khắp thế giới. Quang minh của hoa, vô lượng các thứ màu... quang minh và màu sắc chói ngời, sáng rực như mặt trời, mặt trăng. Trong mỗi đóa hoa, tỏa ra ba mươi sáu trăm ngàn ức tia sáng. Trong mỗi tia sáng, xuất hiện ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật. Mỗi một vị Phật lại phóng trăm ngàn quang minh, vì khắp mười phương, nói pháp vi diệu). Những đoạn kinh văn như thế đã mô tả tình huống thật sự của “*Phật huệ tịnh minh nhật, trừ thế si ám minh*” (Phật huệ nhật sáng sạch, trừ si tối trong đời).

(Chú) Kinh ngôn: “Hoặc hữu Phật độ, dĩ quang minh vi Phật sự”, tức thị thử dã. Cổ ngôn: “Phật huệ minh tịnh nhật, trừ thế si ám minh”.

(註)經言：或有佛土，以光明為佛事，即是此也。故言：佛慧明淨日，除世癡闇冥。

(Chú: Kinh nói: “Hoặc có cõi Phật dùng quang minh làm Phật

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

sự” chính là nói về chuyện này vậy. Vì thế nói: “Phật huệ nhật sáng sạch, trừ si tối cõi đời”).

Ngài Đàm Loan trích dẫn kinh đề chứng minh, nên nói là “kinh ngôn”, nhưng chưa chỉ ra bộ kinh nào. Trong quyển thứ sáu của Lục Tập Hoa Nghiêm, nơi phẩm Hiền Thủ có nói: “Phóng đại quang minh nan tư nghị, dĩ thử quang minh cứu quần sanh... Hựu phóng quang minh danh Thanh Tịnh, ánh tế nhất thiết thiên nhân quang, trừ diệt nhất thiết chư ám minh, phổ chiếu thập phương vô lượng quốc” (Phóng quang minh lớn khó nghĩ bàn, dùng quang minh ấy cứu quần sanh... Lại phóng quang minh tên Thanh Tịnh, che lấp hết thảy quang trời người, trừ diệt hết thảy các tối tăm, chiếu khắp mười phương các cõi nước). [Trong phẩm ấy], có tất cả bốn mươi ba thứ quang minh thực hiện Phật sự, hóa độ chúng sanh. Chắc là ngài Đàm Loan cũng nói đến chuyện này!

2.2.1.2.3.1.1.11. Diệu thanh công đức

(Luận) Phạm thanh ngộ thâm viễn, vi diệu văn thập phương.

(Chú) Thứ nhị cú, danh “trang nghiêm diệu thanh công đức thành tựu”. Phật bốn hà cố hưng thử nguyện? Kiến hữu quốc độ, tuy hữu thiện pháp, nhi danh thanh bất viễn. Hữu danh thanh tuy viễn, phục bất vi diệu. Hữu danh thanh diệu viễn, phục bất năng ngộ vật, thị cố khởi thử trang nghiêm.

(論) 梵聲悟深遠，微妙聞十方。

(註) 此二句，名莊嚴妙聲功德成就。佛本何故興此願？見有國土，雖有善法，而名聲不遠。有名聲雖遠，復不微妙。有名聲妙遠，復不能悟物，是故起此莊嚴。

(Luận: Tiếng phạm ngộ sâu xa, vi diệu thấu mười phương.

Chú: Hai câu này được gọi là “trang nghiêm diệu thanh công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dấy lên nguyện này? Do Ngài thấy có quốc độ, tuy có thiện pháp, nhưng thanh danh chẳng vang xa! Có quốc độ tuy thanh danh vang xa, vẫn chẳng vi diệu. Có quốc độ thanh danh vi diệu, vang xa, lại chẳng thể giác ngộ chúng sanh. Do đó, dấy lên sự trang nghiêm này).

Phật Di Đà trong lúc tu nhân, thấy có quốc độ, tuy chúng sanh

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

làm lành, chẳng ác, là người lành trong thế gian; nhưng danh xưng (“*thanh*”) của vị thiện nhân ấy truyền bá chẳng xa, chỉ lan đến một làng, một thành, hoặc trong một thời, như các vị chánh nhân quân tử hoặc những bậc từ thiện v.v... trong các thời, các xứ. Ngoài ra, có những người tuy tiếng tăm lan truyền khá xa, nhưng những gì họ đã làm không gì chẳng phải là pháp thế gian, chẳng được coi là “*vi diệu*”. Như Không Tử, Mạnh Tử, Lão Tử, Trang Tử, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Châu Văn Vương, Châu Vũ Vương, Châu Công v.v... của Trung Hoa. Hoặc có người tiếng tăm vừa truyền xa vừa vi diệu, nhưng chẳng thể khiến cho chúng sanh ngộ nhập Thật Tướng của các pháp, chân lý của vũ trụ, vượt thoát tam giới sanh tử luân hồi. Chẳng hạn như người Ấn Độ tin thờ Phạm Vương, người phương Tây tin thờ Thượng Đế Gia Tô. Danh xưng của họ tuy vang xa cõi trời và nhân gian, nhưng Tứ Vi Đà²¹ hoặc Thánh Kinh do họ nói phần lớn là thần thoại, chẳng phù hợp sự lý nhân quả thế gian và xuất thế gian, chẳng phải là chân lý của vũ trụ và nhân sinh, chỉ có thể tín ngưỡng mà thôi, chẳng có triết lý thật sự, chẳng thể khơi mở chánh trí của con người, chẳng thể ngộ nhập “*tâm tánh vốn tự thanh tịnh, các pháp chỉ là nhất tâm*” và chân lý nhất tâm nhị môn, mà cũng chẳng thể khiến cho chúng sanh liễu sanh thoát tử, thoát tam giới! Do có mấy loại nguyên nhân như vừa nói trên đây, cho nên Pháp Tạng Bồ Tát mới phát đại nguyện, muốn dùng công đức diệu thanh để trang nghiêm quốc độ.

(Chú) Thiên Trúc quốc xưng tịnh hạnh vi phạm hạnh, xưng diệu từ vi phạm ngôn. Bỉ quốc quý trọng Phạm Thiên, đa dĩ Phạm vi tán, diệt ngôn: “Trung quốc pháp dĩ Phạm Thiên thông” cố dã.

(註)天竺國稱淨行為梵行，稱妙辭為梵言。彼國貴重梵天，多以梵為讚，亦言：中國法與梵天通故也。

(Chú: Xứ Thiên Trúc gọi “tịnh hạnh” là “phạm hạnh”, gọi lời lẽ hay khéo là “phạm ngôn”. Xứ ấy quý trọng Phạm Thiên, phân nhiều dùng chữ Phạm để ca ngợi, nên cũng nói: “Pháp tại đất nước văn hiến có thể thông với Phạm Thiên”).

²¹ Tứ Vi Đà (Veda, còn phiên âm là Vệ Đà hay Phệ Đà) là bốn thánh điển tối cổ của Bà La Môn giáo. Người Ấn Độ tin các bộ kinh này do các thánh giả được khai thị trong khi nhập Thiên Định rất sâu. Bốn bộ thánh điển là Ly Câu Phệ Đà (Rig Veda), Sa Ma Phệ Đà (Sāmaveda), Dạ Nhu Phệ Đà (Yajurveda), và A Thát Bà Phệ Đà (Atharvaveda).

Đây là chú giải nguồn gốc của hai chữ “*Phạm thanh*”. “*Thiên Trúc quốc*” chính là xứ Ấn Độ hiện thời. Trong quốc gia của họ, vốn tin thờ Bà La Môn giáo, kính trọng Đại Phạm Thiên Vương. Nếu xuất gia tu tập hạnh thanh tịnh theo tôn giáo ấy thì sẽ được gọi là “*tu Phạm hạnh*”. Tất cả ngôn ngữ, văn tự sử dụng trong xứ ấy hay trong tôn giáo ấy được coi là vi diệu nhất trong thế gian, nên được xưng tụng là “*Phạm ngôn*”. Vì quý trọng Phạm Thiên, cho nên hễ tán thán sự vật gì đẹp đẽ, hay khéo, thì đều gọi là Phạm. Do vậy, “*Phạm thanh*” vốn là từ ngữ dùng để tán thán của người Ấn Độ, cũng nhằm biểu thị trung thổ trong nhân gian (người Ấn Độ tự xưng quốc gia của họ ở chính giữa địa cầu) và Phạm Thiên đôi bên có thể dùng ngôn ngữ để giao tiếp với nhau, cho nên ngôn ngữ và văn tự của xứ ấy được gọi là “*Phạm thanh*”.

(Chú) Thanh giả danh dã, danh vị An Lạc độ danh. Kinh ngôn: “Nhược nhân dẫn văn An Lạc Tịnh Độ chi danh, dục nguyện vãng sanh, diệc đắc như nguyện”. Thử danh “ngộ vật” chi chứng dã. Thích Luận ngôn: “Như tư Tịnh Độ, phi tam giới sở nhiếp. Hà dĩ ngôn chi? Vô dục cố, phi Dục Giới. Địa cư cố, phi Sắc Giới. Hữu sắc cố, phi Vô Sắc Giới. Cái Bồ Tát biệt nghiệp sở trí nhĩ”.

(註)聲者名也，名謂安樂土名。經言：若人但聞安樂淨土之名，欲願往生，亦得如願。此名悟物之證也。釋論言：如斯淨土，非三界所攝。何以言之？無欲故非欲界。地居故，非色界。有色故，非無色界。蓋菩薩別業所致耳。

(Chú: “Thanh” là “danh”. Danh là tên gọi của cõi An Lạc. Kinh dạy: “Nếu ai chỉ nghe danh xưng An Lạc Tịnh Độ mà muốn nguyện vãng sanh thì cũng được như nguyện”. Đây chính là bằng chứng về [khả năng] giác ngộ chúng sanh vậy. Thích Ma Ha Diễn Luận nói: “Như cõi Tịnh Độ ấy chẳng thuộc vào tam giới. Vì sao nói như vậy? Do không có dục, nên chẳng phải là Dục Giới. Do ở trên mặt đất, nên chẳng phải là Sắc Giới. Do có sắc tướng, nên chẳng phải là Vô Sắc Giới. Do vì nghiệp riêng của Bồ Tát mà thành ra như vậy”).

Ngài Đàm Loan giải thích, phân tích. Tiếng tăm được xưng tán là “*Phạm âm*” chính là nói về thanh danh của An Lạc Tịnh Độ. Trước

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

hết, Ngài trích dẫn “*kinh ngôn*”, tức là dùng ý nghĩa trong kinh Vô Lượng Thọ để nói: Chỉ cần nghe danh xưng của quốc độ An Lạc, tất nhiên sẽ biết đến A Di Đà Phật trong cõi ấy có bốn nguyện và thần lực chẳng thể nghĩ bàn, hy vọng sẽ được vãng sanh thấy Phật, thì cũng có thể được đúng như sở nguyện sanh về cõi ấy. Điều này có thể gọi là “*thanh danh có thể ngộ vật*”. “*Ngộ vật*” (悟物, giác ngộ chúng sanh) có nghĩa là vãng sanh về cõi ấy, nhất định sẽ “*hoa nở thấy Phật, ngộ Vô Sanh*”. Kế đó, Ngài trích dẫn những điều được nói trong bộ Thích Ma Ha Diễn Luận do Long Thọ Bồ Tát biên soạn: An Lạc Tịnh Độ chẳng thuộc vào tam giới, chẳng nằm trong phạm vi của tam giới. Vì sao vậy? Chúng sanh trong cõi ấy đều là liên hoa hóa sanh, chẳng có dâm dục; cho nên chẳng phải là Dục Giới. Cõi nước Phật ấy vàng ròng và các thứ báu làm đất, thuộc loại Địa Cư, cho nên chẳng phải là Sắc Giới. Tứ Thiên Thiên thuộc Sắc Giới trong cõi này (Sa Bà) đều là Không Cư. Trời người trong cõi ấy dung sắc vi diệu, diện mạo đoan chánh, đều có ba mươi hai tướng, thân sắc như vàng tía được giới mài. Do có hình sắc, cho nên chẳng thuộc vào Vô Sắc Giới. An Lạc Tịnh Độ là biệt nghiệp tu tập lực độ vạn hạnh của Pháp Tạng Bồ Tát, là cõi nước do cái nhân như thế mà cảm được quả báo như thế, đương nhiên là chẳng giống với tam giới trong cõi này, chẳng thuộc vào tam giới, mà tiếng tăm cũng chẳng giống như cõi này.

(Chú) Xuất hữu nhi hữu, viết Vi. Danh năng khai ngộ, viết Diệu. Thị cố ngôn: “Phạm thanh ngộ thâm viển, vi diệu văn thập phương”.

(註)出有而有，曰微。名能開悟，曰妙。是故言：梵聲悟深遠，微妙聞十方。

(Chú: Vượt khỏi Tam Hữu mà là Hữu thì nói là Vi. Danh có thể khai ngộ nên gọi là Diệu. Vì thế nói: “Tiếng Phạm ngộ sâu xa, vi diệu vang mười phương”).

“*Vi diệu*” là gì? Ngài Đàm Loan nói: “*Xuất Hữu nhi Hữu, viết Vi*”. Chữ Hữu nhằm nói đến Tam Hữu, tức là tam giới. Vượt ra ngoài tam giới, chẳng thuộc trong tam giới, thì gọi là “*xuất Hữu*”. “*Nhi Hữu*” (Mà là Hữu), ý nói: Có các Tịnh Độ của chư Phật. Như Đại Trí Độ Luận có nói: “*Xuất tam giới ngoại, hữu Tịnh Độ. Danh năng ngộ vật, cố xưng Diệu*” (Vượt ra ngoài tam giới thì có Tịnh Độ, danh hiệu

có thể khiến cho chúng sanh giác ngộ, nên gọi là Diệu). Điều này có ý nói chúng sanh trong mười phương thế giới chỉ cần nghe danh hiệu A Di Đà Phật và quốc độ An Lạc, chí tâm tin ưa, muốn sanh về cõi ấy, cho đến mười niệm hoặc một niệm, sẽ có thể sanh về Tịnh Độ, ngộ Vô Sanh Nhân. Bồ Đề viên mãn ngay trong một đời, rốt ráo thành Phật. Đây không phải là vi diệu chẳng thể nghĩ bàn ư? Do vậy, kệ tụng viết là: “*Phạm thanh ngộ thâm viên, vi diệu vãng thập phương*” (Tiếng Phạm ngộ sâu xa, vi diệu vang mười phương).

2.2.1.2.3.1.1.12. Chủ công đức

(Luận) Chánh giác A Di Đà, pháp vương thiện trụ trì.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm chủ công đức thành tựu”. Phật bốn hà cổ hưng thử nguyện? Kiến hữu quốc độ, La-sát vi quân, tắc suất thổ tương đạ. Bảo luân trụ điện, tắc tứ vực vô ngu, thí chi phong mỹ, khởi vô bốn da?

(論)正覺阿彌陀，法王善住持。

(註)此二句，名莊嚴主功德成就。佛本何故興此願？見有國土，羅刹為君，則率土相噉。寶輪駐殿，則四域無虞，譬之風靡，豈無本耶？

(Luận: Chánh giác A Di Đà, pháp vương khéo trụ trì.

Chú: Hai câu này được gọi là “trang nghiêm chủ công đức thành tựu”. Vì sao đức Phật dậy lên nguyện này? Do Ngài thấy có quốc độ La-sát làm vua, ắt cả nước sẽ ăn nuốt lẫn nhau. Bánh xe báu [của Chuyển Luân Thánh Vương] dừng lại, ngự trong điện thì bốn phương an vui, ví như cỏ ngã rạp theo gió, há chẳng có căn cội ư?)

Chánh Giác là nói tắt của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mà cũng là thông hiệu (đức hiệu chung) của Phật. Hai câu này nhằm nói A Di Đà Phật là giáo chủ của quốc độ An Lạc, trong hết thảy các pháp Ngài được tự tại, cho nên gọi là Pháp Vương. So sánh với những vị quốc vương thông thường, họ chỉ có thể thống lãnh muôn dân, xử lý mọi chuyện, thì [A Di Đà Phật] càng siêu việt hơn! Điều này được gọi là “*chủ công đức thành tựu*”, vì Phật có thể trụ trì hết thảy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian, khiến cho nhân tánh và Phật tánh trong thế gian chẳng bị mê mất hoặc biến chất. Do vậy nói là “*thiện trụ trì*” (khéo trụ trì). Vì sao Pháp Tạng Bồ Tát phải phát nguyện khi Ngài

thành Phật, quốc độ sẽ do Phật khéo trụ trì? Chính là vì Ngài thấy có những quốc độ mà La-sát làm quốc vương, quốc gia ấy tất nhiên khắp nơi toàn là La-sát ăn thịt người. Chúng sanh trong toàn thể quốc độ ấy (lời chú giải gọi [toàn thể quốc độ] là “suất độ”, 率土) đều hành nghiệp Thập Ác, đây kia sát hại nhau, ăn nuốt lẫn nhau, như thế bèn trở thành La-sát quỷ quốc! Có những quốc độ mà chúng sanh trong đó đều hành Thập Thiện, bèn có Chuyển Luân Thánh Vương xuất thế, an trụ trong cung điện của Luân Vương, cai quản quốc gia. Vậy thì bốn phương tám hướng trong bờ cõi nước ấy, nhất định là gió hòa, mưa thuận, nhân dân an lạc, chẳng ưu lự.

“*Thí chi phong my*”: Câu này dùng chuyện cỏ trên đầu tường ngã rạp theo gió để sánh ví nhân dân trong một quốc gia sẽ thuận theo quốc chúa (vị chủ đất nước) là thiện hay ác mà sẽ làm lành hay làm ác. Do vậy, quốc vương là căn bản khiến cho một quốc gia hưng thịnh hay suy vong, bình trị hay loạn lạc. Lẽ đâu một quốc độ lại có thể chẳng có quốc chúa ư? Như hiện thời các nước trên thế giới, đối với điều kiện để tạo thành một quốc gia, ắt cần phải có bốn điều là quốc độ, lãnh tụ (quốc vương, tổng thống), chủ quyền, và nhân dân. Thiếu một điều thì sẽ chẳng thành quốc gia!

(Chú) Thị cố hưng nguyện: Nguyện ngã quốc độ thường hữu pháp vương, pháp vương thiện lực chi sở trụ trì. Trụ trì giả, như hoàng học trì Tử An, thiên linh cánh khởi, ngư mẫu niệm trì tử, kính học bất hoại. An Lạc quốc vị Chánh Giác thiện trì, kỳ quốc khởi hữu phi Chánh Giác sự da? Thị cố ngôn: “Chánh Giác A Di Đà, pháp vương thiện trụ trì”.

(註)是故興願。願我國土常有法王，法王善力之所住持。住持者，如黃鵠持子安，千齡更起，魚母念持子，逕樂不壞。安樂國為正覺善持，其國豈有非正覺事耶？是故言：正覺阿彌陀，法王善住持。

(Chú: Vì thế, dấy nguyện: Nguyện cho quốc độ của tôi thường có pháp vương, được trụ trì bởi thiện lực của pháp vương. “Trụ trì” là như chim hoàng học giữ Tử An²², ngàn năm lại sống dậy, như cá mẹ vì

²² Đây là một câu chuyện trích từ bộ Liệt Tiên Truyện. Theo đó, có một người học đạo tiên tên là Tử An tìm đến núi Lăng Dương thuộc Tuyên Châu tỉnh An Huy để theo Đạu Tử Minh học đạo tiên. Một ngày nọ, ông ta đi đường, thấy có người bắt

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

gìn giữ cá con, dẫu ở trong rãnh nước hẹp mà [tánh mạng của cá con] chẳng bị hư hoại. Cõi An Lạc được Chánh Giác khéo trụ trì, cõi ấy há có chuyện chẳng phù hợp Chánh Giác ư? Vì thế nói: “Chánh giác A Di Đà, pháp vương khéo trụ trì”).

Đã có những nhân duyên như đã nói trên; do vậy, Pháp Tạng Bồ Tát phát nguyện rằng: Nguyên khi tôi thành Phật, quốc độ chẳng cần quốc vương thống trị, thường xuyên có Phật trụ thế, dùng Phật pháp và nghiệp lực Thập Thiện để nhiếp thọ và giáo hóa chúng sanh liên tục chẳng dứt cho đến tột cùng đời vị lai. Do vậy, khi Ngài thành Phật, thế giới Cực Lạc trước hết có A Di Đà Phật trụ trì. Trải qua vô lượng kiếp sau, hóa thân của Phật Di Đà diệt độ, sẽ do Quán Âm Bồ Tát nối ngôi pháp vương. Cõi ấy đổi tên thành thế giới Nhất Thiết Trân Bảo Sở Thành Trụ, các thứ trang nghiêm vượt xa thế giới Cực Lạc. Phật hiệu là Biến Xuất Nhất Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Vương Như Lai. Lại trải qua vô lượng kiếp sau, hóa thân của Công Đức Sơn Vương Phật nhập diệt, sẽ do Thế Chí Bồ Tát nối ngôi, Phật hiệu là Thiện Trụ Trân Bảo Sơn Vương Như Lai. Nói tiếp như thế, đều có Phật luôn trụ trì cõi ấy, chẳng có tình huống “trước Phật, sau Phật, không có Phật trụ thế”.

Ngài Đàm Loan lại nêu ra hai thí dụ để giảng giải, phân tích ý nghĩa “*bất thối, bất hoại*” (chẳng mất, chẳng hư hoại) của trụ trì, như Hộc quốc có chim Hoàng Hộc nuốt trọn người ta. Người sống trong bụng chim mấy trăm năm mà không chết. Điển cố ấy phát xuất từ những điều được ghi chép trong bộ Thần Dị Kinh vào thời cổ của Trung Hoa: “*Ở ngoài biển Tây có Hộc quốc, nam nữ đều cao bảy tấc, thọ ba trăm năm, mỗi ngày đi ngàn dặm, chỉ sợ loài hải hộc. Dẫu bị chim hộc nuốt, vẫn thọ ba trăm năm. Người ta ở trong bụng chim hộc*

được con chim hoàng hạc (Hộc là chim hạc), nhốt buộc nó rất khổ sở. Do không sẵn tiền, Tử An bèn cởi áo ra chuộc rồi thả cho chim bay đi. Cũng chính ông này đã tạo thành giai thoại cười hoàng hạc đến một ngôi lầu cao ở Vũ Xương, nghỉ chân ở đó. Vì thế, ngôi lầu ấy được đặt tên là Hoàng Hạc Lâu. Vài năm sau, Tử An chết, chôn trong mộ, hoàng hạc mỗi ngày đến bên mộ kêu rờn rã suốt ba năm: “Tử An! Tử An!”. Quả nhiên, sau ba năm, Tử An sống lại. Chim hoàng hạc ngã lăn ra chết, giống như đổi mạng mình cho Tử An vậy. Tương truyền, hoàng hạc sống ngàn năm, cho nên mới viết là “*thiên linh cánh khởi*” (ngàn năm [đổi mạng] lại sống dậy).

mà không chết”. Vì thế nói là “hoàng học trì Tử An, thiên linh bất khởi”.

Lại giống như cá mẹ luôn nghĩ gìn giữ cá con. “*Kính học bất hoại*”: Chữ Học (學) có nghĩa là con suối khô cạn, mùa Hè có nước, mùa Đông thì không. “*Kính học bất hoại*” có nghĩa là: Khi cá mẹ nhằm thời kỳ nước cạn khô, vì muốn tiếp tục duy trì [tánh mạng của] cá con yêu dấu trong bụng, cho nên vẫn có thể sống sót, không bị chết mất.

Quốc độ An Lạc có A Di Đà Phật trụ thế, từ bi chẳng bỏ, giáo hóa chúng sanh. Lại có Quán Âm, Thế Chí, kế tục thành Phật để trụ trì, quyết định chẳng có chuyện không có Tam Bảo trụ trì thế gian. Phật dùng Chánh Giác do chính mình đã chứng đắc để trụ trì thế gian. Vậy thì trong quốc độ ấy, làm sao có chuyện chẳng phù hợp Phật pháp, chẳng phải là Chánh Giác cho được? Vì thế, trong Kệ Tụng mới có câu: “*Chánh Giác A Di Đà, pháp vương thiện trụ trì*”.

Lại nói “*pháp vương thiện trụ trì*” chính là Phật có phương tiện thiện xảo, chẳng rời khỏi đạo tràng, mà ứng hiện trọn khắp mười phương, phổ độ chúng sanh, khiến họ chẳng đọa lạc. Như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*An Lạc quốc độ biến địa bảo hoa. Nhất nhất hoa xuất vô lượng quang, nhất nhất quang xuất vô lượng Phật, nhất nhất Phật hựu phóng bách thiên quang minh, phổ vị thập phương, thuyết vi diệu pháp, an lập chúng sanh u Phật chánh đạo*” (Quốc độ An Lạc khắp nơi là hoa báu, mỗi đóa hoa tỏa ra vô lượng quang. Mỗi quang minh xuất hiện vô lượng Phật, mỗi vị Phật lại phóng trăm ngàn quang minh, khắp vì mười phương nói pháp vi diệu đặt yên chúng sanh nơi chánh đạo của Phật). Như vậy thì mới gọi là “*pháp vương thiện trụ trì*” (pháp vương khéo trụ trì).

Lại nữa, như Bát Thập Hoa Nghiêm có nói mười thứ phương tiện huệ. Trọn đủ những loại huệ ấy thì mới có thể thiện xảo trụ trì chánh pháp, chẳng đến nỗi biến chất. Mười loại nào vậy?

“1) *Khéo tu Không, Vô Tướng, Vô Nguyên tam-muội, nhưng dấy lòng từ bi, chẳng bỏ chúng sanh.*

2) *Đắc pháp bình đẳng của chư Phật, nhưng thường thích cúng dường chư Phật.*

3) *Nhập quán Không trí môn, nhưng siêng tu tập phước đức.*

4) *Xa lìa tam giới, nhưng trang nghiêm tam giới.*

5) *Rốt ráo tịch diệt các ngọn lửa phiền não, mà có thể vì hết thấy chúng sanh khởi diệt lửa tham, sân, si phiền não.*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

6) *Biết các pháp như huyễn, như mộng, tự tánh bất nhị, mà tùy tâm tạo nghiệp vô lượng sai biệt.*

7) *Biết hết thấy quốc độ giống như hư không, nhưng có thể dùng diệu hạnh thanh tịnh để trang nghiêm tịnh độ.*

8) *Biết bản tánh của Pháp Thân chư Phật là không có thân, nhưng dùng tướng hảo để trang nghiêm thân ấy.*

9) *Biết tánh của âm thanh chư Phật là Không, tịch diệt, chẳng thể diễn nói, nhưng có thể nói hết thấy âm thanh sai biệt của chúng sanh.*

10) *Biết ba đời chỉ là một niệm, nhưng thuận theo ý giải của chúng sanh mà phân biệt, dùng các thứ tướng, các thứ thời, để tu các hạnh”.*

Phần Kệ Tụng của luận này nói “*Chánh Giác A Di Đà Phật, pháp vương thiện trụ trì*” chính là tán thán A Di Đà trong quốc độ An Lạc xác thực trọn đủ mười thứ phương tiện huệ thù thắng ấy. Do vậy, Ngài có thể hết sức thiện xảo khiến cho chúng sanh trong cõi ấy đều an trụ trong chánh đạo Nhất Thừa của Phật, đều rốt ráo đắc Nhất Sanh Bồ Xứ, muốn đến thế giới nào không có Phật để bồ xứ thành Phật thì sẽ có thể tùy ý tự tại đến đó làm Phật, trụ trì Phật pháp. Như kinh Pháp Hoa có nói: “*Phàm hữu văn pháp giả, vô nhất bất thành Phật*” (Phàm những ai nghe pháp, không một ai chẳng thành Phật). Đây mới là ý thú chân thật của “*pháp vương thiện trụ trì*”.

2.2.1.2.3.1.1.13. Quyển thuộc công đức

(Luận) Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm quyển thuộc công đức thành tựu”. Phật bốn hà cổ hưng thử nguyện? Kiến hữu quốc độ, hoặc dĩ bào huyết vi thân khí, hoặc dĩ phân niệu vi sanh nguyên, hoặc hòe cửc cao kỳ, xuất sai cuồng chi tử, hoặc thụ tử tỳ phúc xuất trác lạc chi tài. Cơ tiểu do chi hoài hỏa, sỉ nhục duyên dĩ bão băng.

(論)如來淨華眾，正覺華化生。

(註)此二句，名莊嚴眷屬功德成就。佛本何故興此願？見有國土，或以胞血為身器，或以糞尿為生元，或槐棘高圻，出猜狂之子，或豎子婢腹出卓犖之才。譏誚由之懷火，恥辱緣以抱冰。

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

(Luận: Như Lai tịnh hoa chúng, hoa Chánh Giác hóa sanh.

Chú: Hai câu này được gọi là “trang nghiêm quyến thuộc công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dấy lên nguyện này? Do Ngài thấy có quốc độ, [chúng sanh trong ấy] trong ấy dùng thai huyết để làm thân thể, hoặc dùng phân tiểu để làm nguồn sống, hoặc có những người thuộc địa vị cao quý mà sanh ra đũa con bụng dạ ty tiện hoặc cuồng bạo, hoặc là từ kẻ bậy bốt ngu si, hay từ bụng nô tỳ mà sanh ra đũa con tài năng trác tuyệt. Do bị cười chê mà áp lửa, do bị sỉ nhục mà ôm băng).

Phật là giáo chủ, như cha mẹ hoặc gia trưởng trong một nhà, chúng sanh là đệ tử của Phật, giống như con cái trong một gia đình; vì thế gọi là “*quyến thuộc*”. Tam thừa thánh hiền đệ tử được gọi là “*quyến thuộc trang nghiêm*”. Đại chúng sanh trong An Lạc quốc đều là thánh hiền Đại Thừa, đều từ liên hoa hóa sanh. Đặc tánh của hoa sen là sanh từ bùn nhơ mà chẳng bị nhuốm bẩn, có thể nói [hoa sen] là biểu tượng của cái tâm thanh tịnh, mà cũng là tượng trưng cho “nhất tâm nhị môn”. Hoa sen là hoa quả đồng thời²³, tức là có thể sánh ví “nhất tâm nhị môn cùng trọn đủ trong một tâm”. Hết thầy đại chúng trong cõi ấy đều có tâm Bồ Tát, đều thanh tịnh giống như hoa sen, đều đã chứng đắc nhất tâm nhị môn. Vì thế nói: “*Như Lai tịnh hoa chúng*” (Đại chúng của Như Lai như những đóa hoa thanh tịnh). Như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Huệ quang minh tịnh, siêu du nhật nguyệt, thanh bạch chi pháp, cụ túc viên mãn, do như Tuyết Sơn chiếu chư công đức, đẳng nhất tịnh cố... Do như liên hoa, v chư thế gian, vô nhiễm ô cố*” (Quang minh trí huệ sáng suốt, trong sạch, vượt xa mặt trời, mặt trăng, trọn đủ viên mãn pháp trong trắng, ví như Tuyết Sơn vì chiếu các công đức bình đẳng thanh tịnh như nhau... Ví như hoa sen vì ở trong các thế gian chẳng bị nhuốm bẩn).

Lại nữa, hễ là chúng sanh thuộc ba bậc vãng sanh cõi ấy thì đều đã phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác Bồ Đề, chí nguyện trang nghiêm Tịnh Độ, thành thực hữu tình. Tam thừa thánh hiền đều là Bồ Tát. Bồ Tát là nhân hoa, thành Phật là kết quả. Vì thế nói: “*Chánh Giác hoa hóa sanh*” (Hóa sanh từ hoa Chánh Giác). Như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Nhất thiết chư Bồ Tát... cúng dường Vô Lượng*

²³ Hạt sen chính là quả, do trong hoa sen luôn có hạt sen nơi gương sen, nên gọi là “*hoa quả đồng thời*”.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Giác... Ứng thời Vô Lượng Tôn, động dung phát hân tiếu, khẩu xuất vô số quang, biến chiếu thập phương quốc... Phạm thanh do lời chân, đương thọ Bồ Tát ký. Thập phương lai Chánh Sĩ, ngô tất tri bỉ nguyện, chí cầu nghiêm tịnh độ, thọ quyết đương tác Phật... Thông đạt chư pháp tánh, nhất thiết Không, Vô Ngã, chuyên cầu tịnh Phật độ, tất thành như thị lợi” (Hết thấy các Bồ Tát... cúng dường Vô Lượng Giác... Khi đó, Vô Lượng Tôn, lộ vẻ mặt vui cười, miệng phóng vô số quang, chiếu khắp mười phương cõi... Tiếng Phạm như sấm rền, sẽ thọ ký Bồ Tát. Mười phương Chánh Sĩ (Bồ Tát) đến, ta đều biết nguyện họ, cầu trang nghiêm cõi tịnh, thọ ký sẽ thành Phật... Thông đạt tánh các pháp, hết thấy Không, Vô Ngã, chuyên cầu tịnh cõi Phật, tất thành lợi như thế).

Lại nói, chúng sanh trong cõi ấy đều từ hoa sen hóa sanh, ví như tu pháp môn Tịnh Độ, do tu nhân bèn đắc quả, chính là giáo pháp Viên Đốn, Nhất Phật Thừa, là pháp Bất Nhị. Trong Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Nghĩa, từ trang bốn trăm mười hai đến trang bốn trăm mười bốn, tôi đã giải thích rất tường tận, [độc giả] chẳng ngại tham khảo! Vì sao Pháp Tạng Bồ Tát phải phát ra cái nguyện trang nghiêm ấy? Là vì Ngài thấy có những quốc độ mà chúng sanh trong ấy từ trong thai mẹ sanh ra, toàn bộ thân thể không gì chẳng phải là xương, thịt, gân, huyết, trưởng thành từ lá nhau (placenta) của mẹ. Lại còn ở trong bụng mẹ, ở lẫn lộn với phân, tiểu, coi đó là cội nguồn xuất sanh của họ.

Hoặc là trông thấy “*hòe cức cao kỳ*”: “*Hòe cức*” (槐棘): Ở Trung Hoa vào thời cổ, nhà Châu dùng “*tam hòe cửu cức*”²⁴ để ấn định

²⁴ Thành ngữ này xuất phát từ sách Châu Lễ, trong thiên Thu Quan, phần Triều Sĩ có nói về quy định chỗ đứng của các quan: Ở ngoài sân đại điện, trồng ba cây hòe đối diện ngai vua là chỗ đứng của Tam Công. Bên trái trồng chín cây cức (tức là loại táo có gai) làm chỗ đứng cho quan thuộc địa vị cửu khanh, các quan khanh nhỏ hơn đứng sau đó. Bên phải trồng chín cây cức là chỗ đứng cho các vị mang tước công, hầu, bá, tử, nam, các quan nhỏ hơn đứng sau họ. Trịnh Huyền chú thích: “*Cây cức ruột đỏ, ngoài có gai, biểu thị tám lòng trung lương, nhiệt tâm can gián. Chữ Hòe đọc giống như Hoài, ý nói ngôn hoài, tức là sẵn sàng chia sẻ, bày mưu tính kế, dùng những lời hay lẽ thật để giúp vua*”. Thời Châu, Tam Công là Thái Sư, Thái Phó và Thái Bảo, đến đời sau đổi thành Thừa Tướng, Thái Úy, Ngự Sử Đại Phu, rồi đổi thành Thái Úy, Tư Đồ, Tư Không. Đến thời Minh - Thanh lại gọi là Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo như xưa, nhưng thường là các tước vinh dự kèm thêm cho chức quan thật sự, chứ không phải là chức quan thật sự. Cửu Khanh là Thái Thường, Lang Trung Lệnh, Vệ Úy, Thái Bộc, Đình Úy, Điện Khách (về sau đổi thành Đại Hồng Lô), Tông Chánh, và Trị Túc Nội Sứ (tức Đại Tư Nông).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

[chỗ đứng khi vào châu vua của] các quan chức thuộc hàng tam công cửu khanh. “Cao kỳ” (高圻): Chử Kỳ (圻) đồng nghĩa với chữ Kỳ (畿), tức là vào thời cổ, đất phong rộng ngàn dặm thì được gọi là “cao kỳ”. [Câu “hòe cửc cao kỳ xuất sai cuồng chi tử” ngụ ý] những nhân vật cao quý như tam công cửu khanh thường sanh ra những đứa con thần kinh rối loạn, tức là Cuồng, hoặc nghi ngờ, hận thù, đồ kỵ, đó là Sai (猜, đa nghi). Do có những đứa con “sai cuồng” (cuồng dại, nhỏ nhen) như thế ấy, nên nói là “xuất sai cuồng chi tử”. Như đức Bôn Sư sanh ra tỳ-kheo Thiện Tinh²⁵ bài bác chẳng có nhân quả, do [Thiện Tinh] làm ác nên bị đọa địa ngục trong khi còn sống chính là một thí dụ.

Hoặc là trông thấy “thụ tử tỳ phúc”. “Thụ tử” (豎子) là những kẻ ngu si, yếu đuối, chẳng có năng lực gì, hèn hạ, kém cỏi, bị người khác khinh rẻ. “Tỳ” (婢) là nô tỳ, là nữ nhân hạ tiện, nhưng những người ấy thường có thể sanh ra những nhân tài siêu tuyệt xuất chúng (ngài Đàm Loan dùng chữ “trác lạc chi tài” để chỉ các nhân tài ấy). Trong lịch sử Trung Hoa, Cổ Tẩu²⁶ sanh ra vua Thuấn chính là một chứng cứ.

Lời lẽ có xen lẫn ý tứ châm chọc thì là “cơ tiếu” (譏諷). Nếu có tình hình cha con mà trí ngu, sang hèn khác biệt như vừa nói trên đây, gặp người khác thốt lời châm chích, hoặc là bị người khác coi rẻ, đương nhiên là sẽ cảm thấy rất sỉ nhục và hổ thẹn.

“Hoài hỏa, bão băng” (Áp lửa, ôm băng) chính là từ ngữ hình dung sự khắc khổ hòng tự kích lệ. “Cơ tiếu do chi hoại hỏa, sỉ nhục duyên dĩ bão băng” (Do bị chê cười mà áp lửa, vì bị sỉ nhục mà ôm

²⁵ Thiện Tinh: Theo bộ Pháp Hoa Huyền Tán của Khuy Cơ đại sư, thì đức Phật có ba con trai, một là Thiện Tinh, hai là Ưu Bà Ma Da, ba là La Hầu La. Sau khi đức Phật thành đạo, Thiện Tinh theo Phật xuất gia, đã chứng đắc Tứ Thiên, nhưng do thân cận Đề Bà Đạt Đa, bèn khởi ác tâm đối với Phật, đọa vào địa ngục Vô Gian trong khi còn sống. Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, phẩm Ca Diếp Bồ Tát, có một đoạn dài chép về những hành vi chống phá Phật pháp của Thiện Tinh.

²⁶ Cổ Tẩu (瞽叟) có nghĩa là “lão già mù”, không rõ tên thật là gì. Ông là cháu đời thứ tám của vua Hoàng Đế, là con của Kiêu Ngư. Cổ Tẩu tánh tình hung bạo, ngu muội. Có thuyết nói do ông ngu muội, mù quáng nghe theo lời vợ kế đến nỗi không tiếc sức hại con, nên bị người thuở ấy gọi miệt thị là Cổ Tẩu, chứ không phải ông ta bị mù thật sự. Vợ đầu của ông ta là Ốc Đãng sanh được một người con trai (Diêu Trọng Hoa, tức Đế Thuấn) rồi chết sớm. Vợ kế sanh được một trai là Tượng, tính tình xấu xa, nhưng rất được Cổ Tẩu cưng chiều. Nghe lời vợ kế xui siểm, Cổ Tẩu nhiều lần âm mưu giết Trọng Hoa, nhưng Trọng Hoa vẫn một niềm hiếu thuận. Vua Nghiêu biết Trọng Hoa là người có đức hạnh bèn gả con gái là Nga Hoàng và Nữ Anh cho, rồi nhường ngôi cho Trọng Hoa. Trọng Hoa trở thành vua Thuấn.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

băng): Hai câu này là do vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, trong truyện Việt Vương Câu Tiễn Quy Quốc Ngoại Truyện có nói: “*Đông thường bão băng, hạ hoàn ác hỏa, sâu tâm khổ chí, huyền đảm u hộ, xuất nhập thường chi*” (Mùa Đông thường ôm băng, mùa Hạ còn nồm lửa, sâu tâm khổ chí, treo một cái mật trên cửa, ra vào thường nếm). Đây là sự thật về việc “*tuyết si đồ cường*” (mong mỗi mảnh lên để rửa nhục), dùng [những chuyện này] để hình dung quyền thuộc trong cõi này, khó đạt được sự trang nghiêm mỹ mãn, thường bị kẻ khác chê gièm, si nhục, cảm thấy thống khổ và ôm hận.

(Chú) Sở dĩ nguyện ngôn: Sử ngã quốc độ, tất u Như Lai tịnh hoa trung sanh, quyền thuộc bình đẳng, dự đoạt vô lộ. Cố ngôn: “Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh”.

(註)所以願言：使我國土，悉於如來淨華中生，眷屬平等，與奪無路。故言：如來淨華眾。正覺華化生。

(Chú: Cho nên nguyện rằng: Khiến cho trong quốc độ của tôi, do [mọi người] đều sanh từ hoa thanh tịnh của Như Lai, cho nên quyền thuộc bình đẳng, chẳng có cách nào khen ngợi hay hủy nhục. Vì thế nói: “Như Lai tịnh hoa chúng, hoa Chánh Giác hóa sanh”).

Do đã có những nguyên nhân như đã nói trên đây, cho nên Pháp Tạng Bồ Tát chẳng nỡ thấy chúng sanh chịu khổ, duyên khởi tâm đại bi, phát nguyện muốn cho khi Ngài thành Phật, tất cả đại chúng trời, người, và tam thừa thánh hiền trong cõi nước của Ngài hoàn toàn xuất sanh từ tâm thanh tịnh (hoa sen) của nhất tâm nhị môn (Như Lai), chẳng sanh từ cha mẹ. Do đại chúng được sanh từ tịnh tâm “*chúng sanh và Phật bình đẳng*” cho nên có thể đạt được “*quyền thuộc nhất loạt bình đẳng*”, thanh tịnh trang nghiêm, chẳng có thiện, ác, tốt, xấu, trí, ngu, sang, hèn sai khác. “*Dự đoạt vô lộ*” tức là nói: Về căn bản, chẳng có chuyện “*dự*” (與, tức xưng dự (稱譽), ca ngợi), hoặc “*đoạt*” (奪, hủy nhục). Vì thế nói: “*Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh*”.

2.2.1.2.3.1.1.14. Thọ dụng công đức

(Luận) Ái nhạo Phật pháp vị, Thiên tam-muội vi thực.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm thọ dụng công đức

thành tựu”. Phật bốn hà cổ hưng thử nguyện? Kiến hữu quốc độ, hoặc thám sào phá noãn vi mônng nhiều chi thiện, hoặc huyền sa chỉ đại vi tương ủy chi phương. Ô hô! Chư tử thật khả thống tâm.

(論)愛樂佛法味，禪三昧為食。

(註)此二句，名莊嚴受用功德成就。佛本何故興此願？見有國土，或探巢破卵為饑饒之膳，或懸沙指帛為相慰之方。嗚呼！諸子實可痛心。

(Luận: Yêu thích Phật pháp vị, ăn bằng Thiên tam-muội.

Chú: Hai câu này được gọi là “trang nghiêm thọ dụng công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà Phật dậy lên nguyện này? Do thấy có quốc độ, hoặc là có kẻ lục ố phá trứng để làm bữa ăn sang trọng, ê hề, hoặc kẻ nghèo túng, đói khát, chỉ đành dùng niềm mong mỏi được bạn bè giúp đỡ để làm phương cách an ủi chính mình. Than ôi! Các ông thật đáng đau lòng).

Nói đến sự thọ dụng của một cá nhân thì bao gồm các chuyện ăn, mặc, cư trụ, hành xử, dục lạc v.v... Lời Kệ chỉ dùng một chuyện Ăn để đại diện, những chuyện khác cứ theo đó suy ra sẽ biết. Các thứ dinh dưỡng có thể duy trì sanh mạng thì gọi là “thực phẩm”. “Ái nhạo Phật pháp vị” (Yêu thích pháp vị của Phật), điều này được gọi là Pháp Hỷ Thực. “Thiên tam-muội vi thực” (Dùng Thiên Định làm thức ăn), điều này được gọi là Thiên Duyệt Thực. Pháp Hỷ thuộc về Huệ, Thiên Duyệt thuộc về Định, hai thứ này đều được gọi là Pháp Thực.

Pháp Thân huệ mạng của đại chúng trong quốc độ An Lạc được trưởng dưỡng bởi pháp thực Định và Huệ, cho nên lấy Định Huệ làm thọ dụng. Như trong phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký của kinh Pháp Hoa, trong lời thọ ký thành Phật cho ngài Mãn Từ Tử (Phú Lô Na), [đức Phật] cũng nói chúng sanh trong quốc độ khi ngài Phú Lô Na thành Phật sẽ thường dùng hai món thức ăn, một là Pháp Hỷ Thực, hai là Thiên Duyệt Thực, chẳng nghĩ đến những thực phẩm khác. Có thể nói là tương đồng với thế giới Cực Lạc. Không chỉ là một chuyện ăn uống, mà những thứ khác như quốc độ trang nghiêm bằng chất báu, thân trang nghiêm trọn đủ các tướng, thuần nhất là biến hóa sanh ra, chẳng có nữ nhân và ác đạo v.v... đều tương tự như Tây Phương Cực Lạc Tịnh Độ trong hiện tại. Bất quá, phải qua vô lượng kiếp mai sau, ngài Mãn Từ Tử mới thành Phật trong cõi này, mới có quốc độ trang nghiêm như thế đó!

Nghe pháp hoan hỷ, trong tâm có một thứ cảm nhận yêu thích, có thể duy trì huệ mạng, nên nói là “ái nhạo Phật pháp vị” (yêu thích pháp vị của Phật), đây chính là “*pháp hỷ dùng làm thức ăn*”. Nhập Định đạt được sự vui sướng khinh an (an vui nhẹ nhàng) thì cũng có thể duy trì thân mạng, nên nói là “*Thiền tam-muội vi thực*” (Thiền tam-muội làm thức ăn). Như thời Dân Quốc, lão hòa thượng Hư Vân nhập Thiền Định bốn mươi chín ngày chẳng cần ăn uống; đây chính là bằng cứ của “*Thiền duyệt làm thức ăn*”. Trong kinh luận đã nói có nhiều loại ăn khác nhau, như kinh Phật Địa nói có hai loại ăn khác nhau: Một là “*pháp vị rộng lớn*”, hai là “*được duy trì bởi hỷ lạc*”. Đây chính là hai cách ăn giống như luận này đã nói, đều là vô lậu thực, chẳng phải là hữu lậu! Như Nhiếp Đại Thừa Luận nói có bốn cách ăn: Một là chẳng thanh tịnh, hai là thanh tịnh, ba là tịnh bất tịnh, và bốn là thị hiện ăn ở, sinh hoạt. Bốn loại ăn này là do dựa theo người ăn khác nhau mà phân loại. Loại thứ nhất là nói về chúng sanh phàm phu trong uế độ. Loại thứ hai là nói tới tam thừa thánh chúng. Loại thứ ba là ngũ chúng xuất gia²⁷ đệ tử của đức Phật. Loại thứ tư là Phật và các vị Đăng Giác Bồ Tát, như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền. Như kinh Tăng Nhất A Hàm đã nói thì có chín loại ăn:

- Một là đoạn thực, tức là ăn thức ăn [như cách chúng ta cắn, nhai, nuốt thường ngày].

- Hai là xúc thực, tức quý thân dùng sáu căn tiếp xúc những thực phẩm do con người cúng bái.

- Ba là tư thực, như nghĩ đến quả mơ bèn có thể đỡ khát.

- Bốn là thức thực, tức A Lại Da Thức duy trì sanh mạng thể.

- Năm là Thiền thực, tức là dùng Thiền duyệt làm thức ăn.

- Sáu là nguyện thực, tức là dùng nguyện để duy trì tám thân chẳng hư hoại. Như tôn giả Đại Ca Diếp nhập định trong núi Kê Túc đọi Di Lạc Bồ Tát giáng sanh thành Phật.

- Bảy là niệm thực, tức là niệm Tam Bảo cho đến khi đạt tới chẳng có phiền não, vọng tưởng, thân tâm an lạc, chẳng cần ăn uống mà có thể duy trì sanh mạng.

- Tám là giải thoát thực, tức là cảnh giới Chỉ và Quán cùng hiện hữu, Định Huệ viên minh, đoạn hết ngũ trụ phiền não, hai thứ sanh tử

²⁷ Ngũ chúng xuất gia là tỳ-kheo, sa di, tỳ-kheo-ni, sa-di-ni, và thức-xoa-ma-na (học pháp nữ).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

(Phân Đoạn và Biên Dịch) vĩnh viễn mất đi, chứng nhập cảnh giới Đại Niết Bàn (hàng Nhị Thừa bèn chứng Tiểu Thừa Niết Bàn).

- Chín là hỷ thực, tức là Pháp Hỷ Thực.

Trong chín loại ăn ấy, bốn loại đầu đều là hữu lậu, chỉ có năm loại thọ dụng sau đó mới là vô lậu, mà cũng là điều chúng ta cần thiết.

Ngài Đàm Loan đã nêu ra vì sao Phật Di Đà phải phát cái nguyện “*thọ dụng trang nghiêm*” này? Không gì chẳng phải là do Ngài thấy có những chúng sanh trong các quốc độ vì để duy trì sanh mạng của chính mình và đạt được sự hưởng thụ áo cơm phong phú, thường là do chỉ cầu tự lợi mà chẳng nề hà thủ đoạn, khó tránh khỏi “*mạnh ăn thịt yếu*”, giết hại chúng sanh, oan oan tương báo chẳng có thuở nào xong, thật đáng buồn đau!

Phật Di Đà trong lúc tu nhân, do thấy có những người “*thám sào phá noãn*” (lục lợi ổ, phá trứng): “*Sào*” (巢) là chỗ nghỉ ngơi của các loài chim bay, thú chạy, “*noãn*” (卵) là cái đẻ chúng nó thọ sanh hòng tiếp tục sanh mạng thể. “*Thám sào phá noãn*” tức là giết hại cầm thú. Do phá hoại, giết hại chúng sanh để làm thức ăn cho chính mình có thức ăn phong phú; vì thế nói là “*vị mông nhiều chi thiện*” (để làm bữa ăn sang trọng, ê hề). “*Mông nhiều*” (饕餮) chính là thức ăn thuộc loại sơn trân hải vị, đã rất nhiều, mà lại còn có hình dạng rất đẹp đẽ. Cổ nhân nói: “*Châu môn tử nhục xú, lộ hữu đổng tử cốt*” (Cửa sơn²⁸ rượu thịt bỏ hư, kẻ thì đói lạnh xương quặng ngoài đường). Lại nói: “*Nhất gia bão noãn thiên gia oán, bán thế công danh bách thế oan*” (Một nhà no ấm, ngàn nhà oán; nửa kiếp công danh, trăm đời oan). Sự hưởng thụ vinh hoa phú quý trong thế gian đa số là do ác nghiệp mà có. Nếu như quý vị có đại phước báo, sẽ có thể hưởng sự thọ dụng cơm áo rất tốt đẹp, nhưng sự thọ dụng ấy chính là cái lò ấp để tạo ác nghiệp. Ác nghiệp đã thành, khó tránh tam đồ! Đó gọi là “*đời này hưởng phước, đời sau là oán gia*”. Thọ dụng kiêu ấy chẳng đáng ham tí nào! Cổ nhân có một bài thơ răn kiêng giết như sau:

*Mạc đạo quân sanh tánh mạng vi,
Nhất ban cốt nhục, nhất ban bì,
Khuyến quân mạc đả chi đầu điểu,
Tử tại sào trung vọng mẫu quy.
(Đừng cho mạng vật chẳng ra gì,*

²⁸ Khi xưa nhà giàu có sang cả thường có cửa sơn màu đỏ, nên nhà giàu có thường gọi là “*châu môn*” (cửa đỏ như sơn).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Cũng thịt, xương, da, há khác chi,
Khuyên chàng đừng giết chim đầu nhánh,
Trong tổ, chim non ngóng mẹ về).

Do vậy, trong kinh Phạm Võng, đức Phật đã dạy kiêng ăn thịt: *“Nhất thiết chúng sanh nhục bất đắc thực. Thực nhục giả, đoạn đại từ bi Phật tánh chúng tử, nhất thiết chúng sanh kiến nhi xả khứ, thực nhục đắc vô lượng tội”* (Chẳng được ăn thịt hết thảy chúng sanh. Kẻ ăn thịt dứt bật chúng tử Phật tánh đại từ bi. Hết thảy chúng sanh trông thấy sẽ lia bỏ [kẻ ấy]. Ăn thịt sẽ mắc vô lượng tội).

“Huyền sa chỉ đại, vi tương ủy chi phương”: Đây là nói đến những kẻ chẳng có phước báo, chẳng được thọ dụng cơm áo. Tuy suốt đời vất vả, vẫn là thân còm, mặt choắt, cuộc sống nghèo túng, thiếu thốn, suốt ngày ao ước, khao khát sẽ khỏi lo âu vì cơm áo. Đó gọi là *“huyền sa”* (懸沙)²⁹ cũng tức là mong ngóng, khao khát vậy. *“Chỉ đại”* (指代): Chữ Đại (代) đồng nghĩa với chữ Đại (袋, cái dầy). *“Chỉ đại”* có cùng nghĩa với *“chỉ khuân”* (指困)³⁰, có nghĩa là bạn bè giúp đỡ lẫn nhau [bằng tiền bạc, lương thực]. Điển cố này xuất phát từ truyện Lỗ Túc trong Tam Quốc Chí: *“Châu Do đứng đầu vùng Cư Sào (nay là huyện Sào tỉnh An Huy), làm thủ lãnh của mấy trăm người, có ý tới thăm Lỗ Túc, và xin giúp đỡ lương thực. Nhà Lỗ Túc có hai kho gạo, mỗi kho chứa ba ngàn斛 gạo, Lỗ Túc bèn chỉ một kho, đưa cho Châu Do. Châu Do càng hiểu Lỗ Túc là bậc kỳ nhân vậy”*. Vì thế nói: *“Huyền sa chỉ đại, vi tương ủy chi phương”*, tức là nói kẻ bần khổ chẳng được hưởng cơm no áo ấm, chỉ mong ngóng, khát khao trong tương lai sẽ đạt được [cơm no áo ấm], cũng mong mọi bạn bè thân quen có thể ra sức giúp đỡ, dùng điều mơ tưởng ấy để tự an ủi mà thôi!

Đối với những điều vừa nói trên đây, kẻ có phước báo và người không phước báo tuy thọ dụng về cơm áo có sự sướng khổ khác biệt vơi vợi, nhưng nghiệp quả tuần hoàn, luân hồi trong sáu đường, sanh tử vô lượng, không ai chẳng giống nhau! Vì thế, ngài Đàm Loan cảm thán nói: *“Ô hô! Chư tử, thật khả thống tâm!”* (Than ôi! Các ông thật đáng đau lòng). Người có trí huệ giả sử có thể biết “hết thảy các sự hưởng thụ dư dật, tốt đẹp trong thế gian là chẳng tốt đẹp, chẳng viên mãn,

²⁹ Theo đa số các giảng sư, chữ *“huyền sa”* có nghĩa là treo một bịch cát lên giả làm bao đựng thức ăn. Do trong thời đói kém, con đói đòi ăn, mẹ treo bịch cát giả vờ là bao đựng thức ăn để dỗ cho con tạm nín khóc.

³⁰ Khuân (困) có nghĩa là cái kho có hình tròn.

chẳng dài lâu, chẳng rút ráo như thế đó, chúng chẳng thể khiến cho con người tam nghiệp thanh tịnh, mình lẫn người đều được lợi ích liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn hưởng vui sướng”, sẽ thật sự chẳng cần phải truy cầu chẳng ngót, ắt sẽ chẳng tham đắm, chẳng bỏ được. Dầu cầu chẳng được, thì cũng chẳng đến nỗi phải oán trời, hờn người, làm càn, làm quấy, gian dối, trốn thuế, [khiến cho] mình lẫn người đều có hại.

Trong Thập Lai Kệ, đức Phật đã nói: “*Bản cùng giả xan tham trung lai*” (Người nghèo túng là vì do keo tham mà ra). Đời này thọ dụng nghèo túng, thiếu thốn, chính là quả báo do đời trước đã keo tham. Mong cầu chuyên nghèo thành giàu, đạt được sự hưởng thụ tốt đẹp, thì chỉ có cách siêng hành bố thí. Đây chính là nhân quả thế gian. Muốn có một quốc độ an lạc, hết thảy thọ dụng tự nhiên, thì phải tu pháp môn ngũ niệm viên mãn, trọn đủ, [cho đến khi] bỏ báo thân này, vãng sanh Tịnh Độ, tất nhiên là chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng những sự vui. Nhân quả vốn là như vậy đấy, quyết định là như thế đấy!

(Chú) Thị cố hưng đại bi nguyện: Nguyện ngã quốc độ, dĩ Phật pháp, dĩ Thiên Định, dĩ tam-muội vi thực, vĩnh tuyệt tha thực chi lao. “Ái nhạo Phật pháp vị” giả, như Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật thuyết Pháp Hoa kinh lục thập tiểu kiếp, thời hội thánh giả, diệt tọa nhất xứ, lục thập tiểu kiếp, vị như thực khoảnh. Vô hữu nhất nhân, nhược thân, nhược tâm, nhi sanh giải quỵện. “Dĩ Thiên Định vi thực” giả, vị chư đại Bồ Tát thường tại tam-muội, vô tha thực dã. Tam-muội giả, bỉ chư nhân thiên nhược tu thực thời, bách vị gia hào, la liệt tại tiền. Nhãn kiến sắc, tỵ văn hương, thân thọ thích duyệt, tự nhiên bão túc. Ngật dĩ hóa khứ, nhược tu phục hiện. Kỳ sự tại kinh, thị cố ngôn: “Ái nhạo Phật pháp vị, Thiên tam-muội vi thực”.

(註)是故興大悲願。願我國土，以佛法，以禪定，以三昧為食，永絕他食之勞。愛樂佛法味者，如日月燈明佛說法華經六十小劫，時會聽者，亦坐一處，六十小劫，謂如食頃。無有一人，若身若心，而生懈倦。以禪定為食者，謂諸大菩薩常在三昧，無他食也。三昧者，彼諸人天若須食時，百味嘉饈，羅列在前。眼見色，鼻聞香，身受適悅，自然飽足。訖已化去，若須復現。其事在經，是故言：愛樂佛法味，禪三昧為食。

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

(Chú: Vì thế, dấy lên nguyện đại bi: Nguyện quốc độ của tôi dùng Phật pháp, dùng Thiên Định, dùng tam-muội làm thức ăn, vĩnh viễn dứt bỏ nỗi nhọc nhằn vì các thức ăn khác. “Yêu thích pháp vị của Phật” là như Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật nói kinh Pháp Hoa suốt sáu mươi tiểu kiếp. Người nghe trong hội khi ấy cũng ngồi tại một chỗ suốt sáu mươi tiểu kiếp, mà ngỡ là trong khoảng một bữa ăn. Chẳng có một ai dù thân hay tâm sanh lười nhác, mệt mỏi. “Dùng Thiên Định làm thức ăn” là nói các vị đại Bồ Tát thường ở trong tam-muội, không ăn chi khác. “Tam-muội” là các trời, người trong cõi đó, nếu lúc cần ăn, các món ăn ngon trăm vị sẽ bày ra la liệt trước mặt. Mắt thấy sắc, mũi ngửi hương, thân cảm thấy vui thích, tự nhiên no đủ. Ăn xong, [những thứ ấy] biến mất; nếu cần, chúng lại hiện ra. Chuyện này trích từ trong kinh, cho nên nói: “Yêu thích Phật pháp vị, ăn bằng Thiên tam-muội”).

Đã có những nguyên nhân như đã nói trên đây, cho nên Pháp Tạng Bồ Tát hưng khởi tâm nguyện đại bi, nguyện khi Ngài thành Phật, chúng sanh trong cõi nước [của Ngài] chỉ dùng Định Huệ xuất thế làm thức ăn, vĩnh viễn chẳng cần bốn cách ăn hữu lậu như trong các thế gian khác. Ngài Đàm Loan dẫn dụng những điều được nói trong phẩm Tự của kinh Pháp Hoa “trong quá khứ, Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật giảng kinh Pháp Hoa, thính chúng đều đắc Pháp Hỷ Thực” để chứng minh. Đại chúng trong thế giới An Lạc cũng có thể yêu thích pháp vị của Phật y hệt như vậy, chẳng cần những thứ thực phẩm khác! Kế đến, Ngài nói rõ chúng sanh trong cõi ấy đã làm như thế nào để có thể lấy Thiên Định làm thức ăn? Vì họ đều đắc tam-muội, thường ở trong Chánh Định, từ trong Định xuất hiện thức ăn trăm vị, bày đầy trước mặt. Do trong Định, Ý Thức thấy sắc, ngửi hương, thân thể sẽ cảm nhận sự thoải mái, vui sướng, chẳng còn cần những thức ăn khác!

“Kỳ sự tại kinh” (Chuyện này có chép trong kinh), tức là nói chuyện này phát xuất từ kinh Vô Lượng Thọ: “*Chư vãng sanh giả... sở xử cung điện, y phục, ẩm thực, chủng diệu hoa hương, trang nghiêm chi cụ, do Đệ Lục Thiên tự nhiên chi vật. Nhược ẩm thực thời, thất bảo bát khí tự nhiên tại tiền, kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, minh nguyệt, chân châu. Như thị chư bát, tùy ý nhi chí, bách vị ẩm thực, tự nhiên doanh mãn. Tuy hữu thử thực, thật vô thực giả, đản kiến sắc, văn hương, ý dĩ vi thực, tự nhiên bão túc, thân tâm nhu nhuyển, vô sở vị trước. Sự dĩ hóa khứ, thời chí phục hiện. Bỉ Phật quốc*

độ, thanh tịnh an ổn, vi diệu khoái lạc, thứ u vô vi Nê Hoàn chi đạo” (Những người vãng sanh... thì cung điện họ ở, y phục, thức ăn uống, các thứ hoa, hương màu nhiệm, các vật trang nghiêm, ví như những món vật tự nhiên trong Đệ Lục Thiên. Nếu đến lúc ăn uống, bát chén bằng bảy báu tự nhiên hiện ra trước, vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, minh nguyệt, chân châu, những bát như vậy, thuận theo ý nghĩ mà hiện đến. Thức ăn trăm vị tự nhiên đầy ắp [trong chén bát]. Tuy có những thức ăn ấy, nhưng thật sự chẳng ăn, chỉ thấy sắc, ngửi hương, bèn nghĩ là đã ăn, tự nhiên no đủ, thân tâm mềm mại, chẳng tham đắm mùi vị. Xong việc, [những thứ ấy] bèn biến mất, đến thời lại hiện ra. Cõi nước Phật ấy thanh tịnh an ổn, vui sướng vi diệu, chỉ kém đạo vô vi Nê Hoàn).

2.2.1.2.3.1.1.15. Vô chư nạn công đức (công đức không có các nạn)

(Luận) Vĩnh ly thân tâm não, thọ lạc thường vô gián.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm vô chư nạn công đức thành tựu”. Phật bổn hà cố hưng thử nguyện? Kiến hữu quốc độ, hoặc triều dự cổn sủng, tịch hoàng phủ việt. Hoặc ấu xả bồng lê, trưởng liệt Phương Trượng. Hoặc minh già đạo xuất, lịch kinh thời hoàn. Hữu như thị đẳng chủng chủng vi đạt.

(論)永離身心惱，受樂常無間。

(註)此二句，名莊嚴無諸難功德成就。佛本何故興此願？見有國土，或朝預袞寵，夕惶斧鉞。或幼捨蓬藜，長列方丈。或鳴笳道出。歷經催還。有如是等種種違奪。

(Luận: Mãi lìa thân tâm não, thường hưởng vui chẳng ngừng.

Chú: Hai câu này được gọi là “trang nghiêm công đức thành tựu không có các nạn”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dậy lên nguyện này? Do Ngài thấy có cõi nước, sáng vui vì được vua sủng ái, tối đã kinh hoàng vì búa rìu. Hoặc thuở bé lây lát nơi lều tranh, lớn lên dự vào chốn đảo tiên Phương Trượng. Hoặc thổi kèn lên đường [xuất chinh], nhiều lượt bị giục già rút quân về. Có những thứ mất mát ngang trái như vậy).

Bất luận khổ não nơi thân hoặc tâm, quốc độ An Lạc đều chẳng có. Do vậy gọi là “*trang nghiêm công đức thành tựu không có các nạn*”. Đây chính là như kinh A Di Đà đã nói: “*Vô hữu chủng khổ, đản*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

thọ chư lạc” (Chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui). Do là liên hoa hóa sanh, cho nên tâm thân hư vô, bản thể vô cực (chẳng có vật chất). Vì vậy, chẳng có hết thấy các nỗi khổ về cảm nhận nơi thân thể. Tuy có chủng tử phiền não, nhưng thiếu duyên, cho nên [các chủng tử ấy] chẳng khởi [hiện hành]. Vì vậy, chẳng có những khó khăn, phiền não nơi tâm lý. Như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Vô hữu tam đồ khổ nạn chi danh, đản hữu tự nhiên khoái lạc chi âm. Thị cố kỳ quốc danh vi An Lạc*” (Chẳng có danh xưng tam đồ khổ nạn, chỉ có âm thanh vui sướng tự nhiên. Vì thế, cõi ấy có tên là An Lạc).

Lại như trong bốn nguyện, điều nguyện thứ ba mươi chín là: “*Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, sở thọ khoái lạc, bất như Lậu Tận tỳ-kheo giả, bất thủ Chánh Giác*” (Nếu tôi thành Phật mà trời người trong nước chẳng hưởng niềm vui sướng như bậc tỳ-kheo Lậu Tận, tôi sẽ chẳng giữ lấy Chánh Giác). Lại nữa, trong nguyện thứ mười lăm, tức là điều nguyện về tuổi thọ của mỗi người [trong cõi An Lạc] dài hay ngắn thuận theo ý nguyện. Điều nguyện thứ mười là nguyện chẳng dấy khởi ý niệm tham đắm, so đo. Cho nên có thể đạt được sự hưởng lạc đến tột cùng đời vị lai chẳng gián đoạn! Vì sao lúc tu nhân, Phật Di Đà phải phát khởi nguyện trang nghiêm “không có các nạn”? Ngài Đàm Loan đã nêu ra ba nguyện nhân:

1) Thứ nhất là do Ngài trông thấy có các quốc độ, chúng sanh trong ấy trong suốt một đời phải chịu nỗi đau khổ họa phước vô thường. Một loại [đau khổ là] từ giàu chuyển thành nghèo, từ sang trở thành hèn, từ phước trở thành họa! Chẳng hạn như một vị quý nhân làm quan hiển đạt, vào lúc sáng sớm vẫn còn chức vị, tức là ở dưới một người, ở trên muôn người. Đó gọi là “*triều dự cốn sủng*” (sáng được hưởng sự sủng ái của người mặc áo cốn³¹, tức nhà vua), vinh diệu sánh chi bằng? Nhưng thường là đến tối, sẽ vì làm lỗi mà bị bãi chức, thậm chí bị xử tử, đó gọi là “*tịch hoàng phủ việt*” (tối kinh hoàng vì búa rìu), buồn đau chi bằng? Tục ngữ có câu: “*Triều vi tòa thượng tân, tịch tác bệ hạ tù*” (Sáng làm thượng khách tòa cao, tối thành tù tội dưới sân bệ rồng). Lại nói: “*Thiên hữu bất trắc chi phong vân, nhân hữu đản tịch*

³¹ Cốn (袞) là loại lễ phục rộng tay, thêu rồng mà nhà vua thường mặc trong các dịp tế lễ, nhất là khi giỗ kỵ các vị tiên vương. Thời cổ, áo lễ của thiên tử và các vương công đều gọi là Cốn, nhưng về sau, chỉ có lễ phục vua mặc mới gọi là Cốn. Do vậy, chữ Cốn cũng thường dùng để chỉ nhà vua.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

chi họa phước” (Trời thì mưa gió không ngờ, người thì sáng tối tai ương chẳng lường). Thế giới của chúng ta chẳng phải là như vậy đấy ư?

2) Một loại khác là từ nghèo chuyên thành giàu, từ hèn hạ trở thành sang quý. Chẳng hạn như một người tuổi thơ nghèo khổ, sống trong một căn chòi tồi tàn lợp bằng cỏ dại. Về sau, do có nhân duyên phước báo tốt đẹp, đến tuổi trưởng thành, công danh thành tựu, vinh hoa phú quý, chỗ ở giống như tiên đảo (Phương Trượng, Bồng Lai, và Doanh Châu, gọi là ba đảo tiên trong biển). Hưởng lạc như thế ấy. Thế nhưng, vô thường mau chóng, chớp mắt đã chẳng còn gì! Vui quá hóa buồn, cảm nhận nỗi đau khổ càng khó thể hình dung! Do vậy, vị Tổ thứ hai của Tịnh Tông là Thiện Đạo đại sư đã làm bài kệ khuyên đời như sau:

*Tiệm tiệm kê bì hạc phát,
Khán khán hành bộ lung chung,
Túng nhiều kim ngọc mãn đường,
Khởi miễn suy tàn bệnh khổ,
Nhậm nhữ thiên ban khoái lạc,
Vô thường chung thị đáo lai,
Duy hữu kính lộ tu hành,
Đản niệm A Di Đà Phật.
(Dần dần da gà, tóc hạc,
Nhìn xem chân bước liêu xiêu,
Dầu cho vàng ngọc đầy nhà,
Há khởi suy tàn bệnh khổ?
Mặc người khoái lạc muôn vàn,
Rốt cuộc vô thường xảy tới,
Chỉ có đường tắt tu hành,
Chỉ niệm A Di Đà Phật).*

Đấy chẳng phải là lời cảnh cáo hay nhất đấy sao?

3) Tuy không có những nỗi khổ não tốt, xấu, được, mất đột nhiên chuyển biến như vậy, nhưng chuyện khiến cho người ta chẳng vừa ý thì thường là mười chuyện có đến tám chín! Như sanh ly tử biệt v.v... khiến cho thân tâm quý vị cảm nhận “*chi lớn chưa thành, thân đã chết trước, mãi mãi khiến cho anh hùng lệ tuôn đầm áo*”, phải cam đành bi thống, than thở áo não!

Đó gọi là “*minh già đạo xuất, lịch kinh thôi hoàn*” (thôi kèn lên đường xuất chinh, nhiều lần bị giục già rút về): Già (笄) tức là hồ già

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

(胡笳), là một loại ống địch³², dài hai thước bốn tấc, có ba lỗ. “*Minh già*” (鳴笳) tức là thổi ống địch hồ già. Vào thời cổ, hễ ra trận, ban ngày dùng tinh kỳ (旌旗, cờ hiệu) để điều khiển, ban đêm dùng trống sắt, hồ già để làm quân lệnh. Như vị trung thần đời Tống là Nhạc Phi vốn được Tần Cối sai đi đánh dẹp quân Kim, suất lĩnh mấy chục vạn đại quân, ra trận hết sức hùng tráng. Đó gọi là “*minh già đạo xuất*” (thổi hồ già lên đường), nhưng bị Tể Tướng Tần Cối đồ kỵ, giả danh hoàng đế hạ lệnh, liên tiếp ban xuống mười hai tấm kim bài [trong một ngày], giục giã ông phải lui binh. Cuối cùng, [Tần Cối] giết chết Nhạc Phi. Đây không chỉ là “*lịch kinh thối hoàn*” (nhiều lần bị giục giã rút binh), mà còn là táng thân mất mạng. Vào thời Xuân Thu Chiến Quốc tại Trung Hoa, trên dưới giao tranh, công kích lẫn nhau, thường có những tình huống tương tự. Do vậy, ngài Đàm Loan dẫn chứng để làm thí dụ. Lại như vào thời Hán, Vương Chiêu Quân tuân lệnh vua gả cho vua Hung Nô; thưở ấy, có thơ rằng:

*Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi,
Dục bảo tỳ bà thượng mã thôi,
Khuyến quân cánh tận tam bôi tửu,
Tây xuất Dương quan vô cố nhân.*³³

Đây cũng là “*minh già đạo xuất, lịch kinh thối hoàn*”. Loại sanh ly tử biệt này là tình huống đúng là không thể làm sao được! “*Hữu như thị đẳng chủng chủng vi đoạt*” (Có những thứ mất mát ngang trái như thế đó): Câu này là lời tổng kết. Thế gian có đủ mọi thứ chẳng thuận

³² Hồ Già không rõ là nhạc khí của nước nào, nhưng các nhà nghiên cứu đều công nhận nó xuất phát từ các sắc dân du mục ở phương Bắc Trung Hoa, có lẽ phát xuất từ loại sáo Modu Tsuur của Mông Cổ. Hồ già không có lưỡi rung, người thổi phải dùng đầu lưỡi của chính mình để khống chế cao độ của mỗi nốt nhạc.

³³ Ở đây, pháp sư Tánh Phạm viết nhầm. Hai câu đầu là của bài Lương Châu Từ do Vương Hàn sáng tác, tức là: “*Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi, dục bảo tỳ bà thượng mã thôi, túy ngọa sa trường quân mạc tiểu, cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi*”. Trần Trọng San dịch thơ như sau: “*Rượu bồ đào, chén dạ quang, muốn say, đàn đã rền vang giục rồi, sa trường say ngủ ai cười, từ xưa chinh chiến mấy người về đâu?*” Còn hai câu sau trích từ bài thơ Tống Nguyên Nhị Sứ An Tây của Vương Duy: “*Vị Thành triêu vũ áp khinh trần, khách xá thanh thanh liễu sắc tân, khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu, Tây xuất Dương quan vô cố nhân*”. Nam Trân dịch thành: “*Mưa mai thấm bụi Vị Thành, liễu bên quán trọ sắc xanh ngời ngời, khuyên anh hãy cạn chén mời, Dương quan ra khỏi ai người cố tri?*” Cả hai bài ấy đều là thơ đời Đường.

lòng người như thế đó, dòi dôi vô thường, sanh khởi tai nạn khổ não, xác thực là chuyện rất phổ biến, rất đáng đau buồn!

(Chú) Thị cố nguyện ngôn: Sử ngã quốc độ an lạc tương tục, tất cánh vô gián. Thân não giả, cơ, khát, hàn, nhiệt, sát hại đẳng dã. Tâm não giả, thị, phi, đắc, thất, tam độc đẳng dã. Thị cố ngôn: “Vĩnh ly thân tâm não, thọ lạc thường vô gián”.

(註)是故願言：使我國土安樂相續，畢竟無間。身惱者，飢渴寒熱殺害等也。心惱者，是非得失三毒等也。是故言：永離身心惱，受樂常無間。

(Chú: Vì thế nguyện rằng: Khiến cho quốc độ của tôi an vui liên tục, rốt ráo chẳng gián đoạn. “Khổ não nơi thân” là đói, khát, lạnh, nóng, giết hại v.v... “Khổ não nơi tâm” là đúng, sai, được, mất, tam độc v.v... Vì thế nói: “Mãi lìa thân tâm não, thường hưởng vui chẳng ngừng”).

Có những nguyên nhân như vừa nói trên đây, cho nên Pháp Tạng Bồ Tát phát nguyện: Nếu khi Ngài thành Phật, quốc độ của Ngài chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui, lại còn thường hưởng an lạc, chẳng bị vui quá hóa buồn. Đó gọi là “*an lạc tương tục, tất cánh vô gián*” (yên vui liên tục, rốt ráo chẳng bị gián đoạn). Sự khổ não nơi thân là gì? Đói, khát, lạnh, nóng khiến cho thân thể của quý vị có một loại khổ thọ (cảm nhận đau khổ), cho đến bị kẻ khác sát hại, sanh ly tử biệt, nỗi thống khổ ấy càng to! Sự khổ não nơi tâm là gì? Trong các mối quan hệ giữa con người với nhau, thì đúng, sai, được, mất, cho đến Tam Độc tham, sân, si, và hét thảy Kiến, Tư, Vô Minh phiền não đều là nó, nhiều như số lượng vi trần, chẳng chuốc vùi mà cứ xảy đến, đuổi đi chẳng được! Nếu chẳng tu đạo, trọn chẳng thể tránh khỏi.

Do vậy, vào thời Minh, La Trạng Nguyên viết bài thơ Tĩnh Thế (cảnh tĩnh cõi đời) có đoạn: “*Triêu triêu mộ mộ doanh gia kế, thị thị phi phi bạch liễu đầu*” (Sáng tối bon chen lo kiếm sống, đúng đúng sai sai bạch trắng đầu). [Do thấy] những nỗi khổ não nơi thân tâm như thế, ngài Pháp Tạng phát nguyện: Phạm là đại chúng sanh về Cực Lạc quốc, sẽ hoàn toàn chẳng có [những nỗi khổ ấy]. Theo như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Kỳ hữu chúng sanh, sanh bị quốc giả, giai tất cụ túc tam thập nhị tướng*” (Có chúng sanh nào sanh về cõi ấy sẽ đều trọn đủ ba mươi hai tướng). Đã có ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo, đương

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

nhiên là có thể lìa khỏi hết thảy khổ não nơi phương diện thân thể. Kinh lại nói: “*Trí huệ thành mãn... thần thông vô ngại... đắc bất khả kể Vô Sanh Pháp Nhân... giai đương cứu cánh Nhất Sanh Bồ Xứ*” (Trí huệ thành tựu viên mãn... thần thông vô ngại... đạt được chẳng thể tính Vô Sanh Pháp Nhân... sẽ đều rốt ráo Nhất Sanh Bồ Xứ). Điều này còn thù thắng vượt xa sự đại triệt đại ngộ của Thiên Tông, đương nhiên là xa lìa hết thảy khổ não nơi tâm.

Lại nói: “*Nãi chí thành Phật, bất thọ ác thú, thần thông tự tại, thường thức Túc Mạng, nhất thực chi khoảnh, vãng nghệ thập phương vô lượng thế giới, cung kính cúng dường chư Phật. Dĩ vi diệu âm, ca tán Phật đức, thỉnh thọ kinh pháp, hoan hỷ vô lượng, mạc bất tâm giải đắc đạo... Đương tư chi thời, hy di khoái lạc, bất khả thắng ngôn... U kỳ quốc độ, sở hữu vạn vật, vô ngã sở tâm, vô nhiễm trước tâm, khứ lai tấn chí, tình vô sở hệ, tùy ý tự tại, vô sở thích mạc, vô bỉ, vô ngã, vô cạnh, vô tụng... diệt chư phiền não, ly ác thú tâm*” (Cho đến khi thành Phật, chẳng thọ thân trong đường ác, thần thông tự tại, thường biết Túc Mạng. Trong khoảng một bữa ăn, đi đến vô lượng thế giới trong mười phương, cung kính cúng dường chư Phật. Dùng âm thanh vi diệu, ca tụng, tán thán Phật đức, nghe nhận kinh pháp, hoan hỷ vô lượng, không ai mà chẳng tâm thông hiểu, đắc đạo... Ngay trong lúc ấy, khoan khoái, vui sướng, chẳng thể kể xiết... Trong quốc độ ấy, đối với tất cả vạn vật, không có tâm ngã sở, không có tâm đắm nhiễm. Đến, đi, cư xử, không bị tình kiến buộc ràng, tùy ý tự tại, không có yêu ghét, không người, không ta, chẳng tranh giành, chẳng tranh tụng... diệt các phiền não, tâm lìa đường ác).

Trong kinh ấy, đức Bổn Sư khuyến cáo đại chúng rằng: “*Hựu kỳ quốc độ vi diệu an lạc thanh tịnh nhược thử, nghi các cần tinh tấn, nỗ lực tự cầu chi, tất đắc siêu tuyệt khứ, vãng sanh An Lạc quốc, ác đạo tự nhiên bé, thắng đạo vô cùng cực, khả đắc cực trường sanh, thọ lạc vô hữu cực*” (Lại nữa, quốc độ ấy vi diệu an vui thanh tịnh dường ấy, ai nấy hãy nên siêng năng tinh tấn, nỗ lực tự cầu, ắt sẽ được vượt thoát, dứt khỏi (cõi Sa Bà), sanh về cõi An Lạc, đường ác tự nhiên đóng lại, vượt lên Phật đạo chẳng có cùng cực, sẽ có thể đạt được trường sanh tốt bậc, thọ mạng và vui sướng chẳng có cùng cực). Do vậy, Luận Chủ phát nguyện, viết kệ rằng: “*Vĩnh ly thân tâm não, thọ lạc thường vô gián... phổ cộng chư chúng sanh, vãng sanh An Lạc quốc*” (Vĩnh viễn lìa khỏi nỗi khổ nơi thân, tâm, thọ mạng và vui sướng thường chẳng gián đoạn... nguyện cùng khắp các chúng sanh, sanh về cõi An Lạc).

2.2.1.2.3.1.1.16. Đại nghĩa môn công đức

(Luận) Đại Thừa thiện căn giới, đấng vô cơ hiềm danh, nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh.

(Chú) Thử tứ cú, danh “trang nghiêm đại nghĩa môn công đức thành tựu”. Môn giả, thông đại nghĩa chi môn dã. Đại nghĩa giả, Đại Thừa sở dĩ dã. Như nhân tạo thành, đắc môn tắc nhập. Nhược nhân đắc sanh An Lạc giả, thị tắc thành tựu Đại Thừa chi môn dã.

(論)大乘善根界，等無譏嫌名，女人及根缺，二乘種不生。

(註)此四句，名莊嚴大義門功德成就。門者，通大義之門也。大義者，大乘所以也。如人造城，得門則入。若人得生安樂者，是則成就大乘之門也。

(Luận: Giới thiện căn Đại Thừa, trọn không tên chê gièm, nữ nhân và căn khuyết, giống Nhị Thừa chẳng sanh.

Chú: Bốn câu này được gọi là “trang nghiêm đại nghĩa môn công đức thành tựu”. Môn là cửa để thông vào đại nghĩa. “Đại nghĩa” là nguyên do của Đại Thừa vậy. Như người ta xây thành, đến được cửa sẽ vào được thành. Nếu ai được sanh về An Lạc tức là thành tựu cửa của Đại Thừa vậy).

Trước hết, ngài Đàm Loan giải thích, phân tích, vị Luận Chủ nói “đại nghĩa môn công đức thành tựu”. Nói đơn giản, sanh về Cực Lạc là đã thành tựu Đại Thừa nghĩa môn. Đây chính là như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “Kỳ hữu chúng sanh, sanh bỉ quốc giả, giai tất trụ u Chánh Định chi tụ” (Có những chúng sanh sanh về cõi ấy thấy đều trụ trong Chánh Định Tụ). Nói đến Chánh Định Tụ thì là bậc Bồ Tát vắng sanh đắc Bất Thoái Chuyển. Đây chính là công đức thành tựu của nguyện thứ mười một trong bốn nguyện của A Di Đà Phật. Những điều khác dễ hiểu.

(Chú) Phật bản hà cố hưng thử nguyện? Kiến hữu quốc độ, tuy hữu Phật Như Lai hiện thánh đấng chúng, do quốc trước cố, phân nhất thuyết tam, hoặc dĩ thác mi trí tiểu, hoặc duyên chỉ ngữ chiêu cơ.

(註)佛本何故興此願？見有國土，雖有佛如來賢聖等

眾，由國濁故分一說三，或以拓眉致誚，或緣指語招譏。

(Chú: Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dậy lên nguyện này? Do Ngài thấy có quốc độ tuy có Phật Như Lai, các vị hiền thánh v.v... nhưng do cõi nước dơ bẩn, nên tách Nhất Thừa nói thành ba, hoặc do tách [pháp Nhất Thừa] thành pháp Nhị Thừa mà đến nỗi bị chê trách, hoặc do thốt lời chỉ dạy mà chuốc lấy tiếng gièm báng).

Vì sao Phật Di Đà phải phát ra cái nguyện Đại Thừa nghĩa môn? Đây chính là vì do Ngài thấy có quốc độ tuy có Phật và thánh hiền tăng, nhưng vì thế giới họ đang sống là ngũ trược ác thế, đức Phật bất đắc dĩ từ Thật mà hành Quyền, [tức là] phương tiện đem một pháp Nhất Thừa tách ra, nói thành tam thừa. Như trong phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa đã nói: “*Nhược đản tán Phật Thừa (Nhất Thừa), chúng sanh một tại khổ, bất năng tin thị pháp, phá pháp bất tín cố, đọa u tam ác đạo, tâm niệm quá khứ Phật, sở hành phương tiện lực, ngã kim sở đắc đạo, diệc ưng thuyết tam thừa*” (Nếu chỉ tán Phật Thừa (Nhất Thừa), chúng sanh chìm trong khổ, chẳng thể tin pháp này, do phá pháp chẳng tin, đọa trong ba ác đạo, suy nghĩ quá khứ Phật, đều hành sức phương tiện, ta nay đã đắc đạo, cũng nên nói tam thừa). Đây hoàn toàn là vì nhằm thích ứng phù hợp căn cơ, nên bèn có cách nói tam thừa phân biệt khác nhau. “*Hoặc dĩ thác mi trí tiếu*” (Hoặc do tách lông mày ra mà đến nỗi bị cười chê): “*Thác*” (拓) đọc như Thác (託), nghĩa là mở. “*Tiểu*” (誚) là quở trách. “*Thác mi trí tiếu*” có nghĩa là đức Phật do Thật mà khai Quyền, đem pháp Đại Thừa vốn bình đẳng một vị, tách ra thành nhị thừa (như [tách ra thành] hai cái lông mày), hoặc là các pháp sai biệt tam thừa, ngũ thừa, khó tránh bị chư Phật quở trách.

“*Hoặc duyên chỉ ngữ chiêu cơ*” (Hoặc vì thốt lời chỉ dạy mà chuốc lấy tiếng gièm báng): “*Chỉ*” (指) là bảo ban, ý nói những lời chỉ dạy. “*Chỉ ngữ chiêu cơ*” tức là đức Phật trước hết từ Nhất Thừa mà tách ra thành tam thừa; đối với các đệ tử có căn tánh tam thừa, bèn chỉ rõ, bảo ban, giáo hóa pháp tam thừa sai biệt. Về sau, cho đến trong hội Pháp Hoa, Ngài lại khai Quyền hiển Thật (vạch rõ các giáo pháp trước đó là quyền biến, hiển lộ pháp Nhất Thừa chân thật), nói chỉ có một Phật Thừa (Nhất Thừa), không hai (tức Nhị Thừa), mà cũng không ba (Tam Thừa). Lời chỉ dạy như vậy trước sau có mâu thuẫn, sẽ bị người khác chê gièm. Như trong phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa có nói: “*Phật tự trụ Đại Thừa, như kỳ sở đắc pháp, Định Huệ lực trang*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

nghiêm, dĩ thử độ chúng sanh, tự chứng Vô Thượng đạo, Đại Thừa bình đẳng pháp, nhược dĩ Tiểu Thừa hóa, nữ chí u nhất nhân, ngã tắc đạo xan tham, thử sự vi bất khả” (Phật tự trụ Đại Thừa, như pháp Ngài đã đắc, sức Định Huệ trang nghiêm, dùng pháp ấy độ sanh, tự chứng đạo Vô Thượng. Pháp Đại Thừa bình đẳng. Nếu dạy bằng Tiểu Thừa, dầu chỉ dạy một người, ta bèn đạo keo tham, chuyện ấy chẳng thể được).

(Chú) Thị cố nguyện ngôn: Sử ngã quốc độ, giai thị Đại Thừa nhất vị, bình đẳng nhất vị, căn bại chủng tử, tất cánh bất sanh, nữ nhân, tàn khuyết, danh tự diệc đoạn. Thị cố ngôn: “Đại Thừa thiện căn giới, đẳng vô cơ hiểm danh, nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh”.

(註)是故願言：使我國土，皆是大乘一味，平等一味，根敗種子，畢竟不生，女人，殘缺，名字亦斷。是故言：大乘善根界，等無譏嫌名，女人及根缺，二乘種不生。

(Chú: Vì thế nguyện rằng: Khiến cho quốc độ của tôi đều là một vị Đại Thừa, một vị bình đẳng. Căn bại chủng tử, rốt ráo chẳng sanh [vào cõi nước của tôi]. Danh xưng nữ nhân, tàn tật cũng dứt bặt. Vì thế nói: “Giới thiện căn Đại Thừa, bình đẳng, không có tên chê gièm, nữ nhân và căn thiếu, giống Nhị Thừa chẳng sanh”).

Đã có những nguyên nhân như vừa nói trên đây, cho nên trong lúc tu nhân, Phật Di Đà bèn phát nguyện: Khi tôi thành Phật, quốc độ được thành tựu bởi thiện căn Đại Thừa vô lậu. Tất cả những người sanh về đó đều là Bồ Tát đã phát tâm Đại Thừa, cùng hưởng pháp vị Đại Thừa bình đẳng, cùng đạt được bốn thứ Bất Thoái nhất loạt bình đẳng, chẳng có những danh xưng có thể gây nên chê gièm. Tức là không có nữ nhân, kẻ căn khuyết, và hàng Nhị Thừa v.v... [là những hạng người] có thể bị chê gièm. Tất cả đệ tử Thanh Văn đều là hàng Bồ Tát hồi Tiểu hướng Đại sanh về nước của tôi. Đây là công đức trang nghiêm từ nguyện thứ nhất cho đến nguyện thứ mười một, và các nguyện thứ mười sáu, hai mươi, hai mươi một, hai mươi hai, ba mươi chín v.v... trong bốn mươi tám nguyện như kinh Vô Lượng Thọ đã nói.

“*Căn bại chủng tử*” là nói đến những kẻ định tánh Nhị Thừa, hoặc là bậc Thanh Văn từ Đại Thừa lui sụt xuống Tiểu Thừa, khuyết

thiếu Đại Thừa Bồ Đề tâm, chẳng có chánh nhân chủng tử thành Phật, nên chẳng được thành Phật. Trong các kinh Phương Đẳng, Bát Nhã, [đức Phật] đã quở trách [những người đó] là “*tiêu nha bại chủng*” (mầm hư hạt lép). Nữ nhân và người sáu căn tàn khuyết [là những đối tượng] bị người đời chê gièm. Chúng sanh trong quốc độ Cực Lạc đều có ba mươi hai tướng, tức đều là bậc nam tử đại tượng phu, đều đắc Lục Thông, chẳng có xấu hay đẹp, tức là sáu căn viên mãn, một tướng bình đẳng, cho nên không có bốn tướng ta, người v.v... mà cũng chẳng có danh xưng sai biệt để có thể nói, rốt ráo chẳng bị chê gièm.

(Chú) Văn viết: An Vương Xá thành sở thuyết Vô Lượng Thọ kinh, Pháp Tạng Bồ Tát tứ thập bát nguyện trung ngôn: “Thiết ngã đắc Phật, quốc trung Thanh Văn hữu năng kế lượng tri kỳ số giả, bất thủ Chánh Giác”. Thị hữu Thanh Văn nhất chứng dã. Hựu Thập Trụ Tỳ Bà Sa trung, Long Thọ Bồ Tát tạo A Di Đà Tán vân: “Khởi xuất tam giới ngục, mục như liên hoa diệp, Thanh Văn chúng vô lượng, thị cố khê thủ lễ”. Thị hữu Thanh Văn nhị chứng dã. Hựu Ma Ha Diễn Luận trung ngôn: “Phật độ chúng chủng bất đồng, hoặc hữu Phật độ thuần thị Thanh Văn Tăng, hoặc hữu Phật độ thuần thị Bồ Tát Tăng, hoặc hữu Phật độ Bồ Tát, Thanh Văn hội vi Tăng, như A Di Đà An Lạc quốc đẳng thị dã”. Thị hữu Thanh Văn tam chứng dã. Chư kinh trung hữu thuyết An Lạc quốc xứ, đa ngôn hữu Thanh Văn, bất ngôn vô Thanh Văn. Thanh Văn tức thị Nhị Thừa chi nhất. Luận ngôn nãi chí “vô Nhị Thừa danh”, thử vân hà hội?

(註)問曰：案王舍城所說無量壽經，法藏菩薩四十八願中言：設我得佛，國中聲聞有能計量知其數者，不取正覺。是有聲聞一證也。又十住毘婆沙中，龍樹菩薩造阿彌陀讚云：起出三界獄，目如蓮華葉，聲聞眾無量，是故稽首禮。是有聲聞二證也。又摩訶衍論中言：佛土種種不同，或有佛土純是聲聞僧，或有佛土純是菩薩僧，或有佛土菩薩聲聞會為僧，如阿彌陀安樂國等是也。是有聲聞三證也。諸經中有說安樂國處，多言有聲聞，不言無聲聞。聲聞即是二乘之一。論言乃至無二乘名，此云何會？

(Chú: Hỏi: Xét theo kinh Vô Lượng Thọ được nói tại thành

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Vương Xá, trong phần bốn mươi tám nguyện của Pháp Tạng Bồ Tát có nói: “Nếu tôi thành Phật, có người có thể tính toán mà biết số lượng Thanh Văn trong nước thì tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”. Đó là một chứng cứ [cõi Cực Lạc] có Thanh Văn. Lại nữa, trong Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận, Long Thọ Bồ Tát viết bài A Di Đà Tán có đoạn: “Vượt khỏi ngục tam giới, mắt như cánh hoa sen, Thanh Văn đông vô lượng; vì thế, dập đầu lễ”. Đó là chứng cứ thứ hai có Thanh Văn. Lại nữa, trong Ma Ha Diễn Luận có nói: “Cõi Phật có nhiều loại khác nhau, hoặc có cõi Phật thuần là Thanh Văn Tăng, hoặc có cõi Phật thuần là Bồ Tát Tăng, hoặc có cõi Phật, Bồ Tát và Thanh Văn hợp lại làm Tăng, như cõi An Lạc của Phật A Di Đà vậy”. Đó là chứng cứ thứ ba có Thanh Văn. Các kinh hẳn có chỗ nào nói đến cõi An Lạc, phần nhiều là nói “có Thanh Văn”, chẳng nói “không có Thanh Văn”. Thanh Văn là một loại Nhị Thừa. Thậm chí luận nói “không có danh hiệu Nhị Thừa”, dung thông điều này như thế nào?)

Qua văn tự trong lời hỏi này, ngài Đàm Loan đã trích dẫn những điều đã nói trong kinh luận nhằm chứng minh quốc độ An Lạc có Thanh Văn, chẳng nói không có Thanh Văn, nhưng luận này lại nói “Nhị Thừa chủng bất sanh” (chúng tánh Nhị Thừa chẳng sanh về đó), cho đến ngay cả danh tự Nhị Thừa cũng chẳng có. Đây chẳng phải là mâu thuẫn lẫn nhau hay không? Hãy nên biết hội thông như thế nào? Do lời văn dễ hiểu, chẳng cần phải nói nhiều.

(Chú) Đáp viết: Dĩ lý thôi chi, An Lạc Tịnh Độ bất ưng hữu Nhị Thừa. Hà dĩ ngôn chi? Phù hữu bệnh, tắc hữu dược, lý số chi thường dã. Pháp Hoa kinh ngôn: “Thích Ca Mâu Ni Như Lai dĩ xuất ngũ trước thế cố, phân nhất vi tam”. Tịnh Độ ký phi ngũ trước, vô tam thừa minh hỹ. Pháp Hoa kinh hựu thuyết: “Chư Thanh Văn, thị nhân ư hà nhi đắc giải thoát? Đản ly hư vọng (sanh tử), danh vi giải thoát. Thị nhân thật vị đắc nhất thiết giải thoát, dĩ vị đắc Vô Thượng đạo cố”. Hạch thôi thử lý, A La Hán ký vị đắc nhất thiết giải thoát, tất ưng hữu sanh. Thử nhân cánh bất sanh tam giới, tam giới ngoại trừ Tịnh Độ, cánh vô sanh xứ. Thị dĩ, duy ưng ư Tịnh Độ sanh. Như ngôn (như thử lai thuyết) Thanh Văn giả, thị tha phương Thanh Văn lai sanh (An Lạc quốc), nhưng bổn danh cố, xưng vi Thanh Văn. Như Thiên Đế Thích sanh nhân trung thời, tánh Kiều Thi Ca, hậu tuy vi thiên chúa, Phật dục sử nhân tri kỳ do lai, dĩ Đế Thích ngữ

thời, do xưng Kiều Thi Ca. Kỳ (An Lạc quốc đích Thanh Văn) thử loại (dã thị loại thử xưng hô) dã! Hựu thử luận dẫn ngôn “Nhị Thừa chủng bất sanh”, vị An Lạc quốc bất sanh Nhị Thừa chủng tử, diệc hà phương Nhị Thừa lai sanh da? Thí như quất tài bất sanh Giang Bắc (tại Trường Giang dĩ Bắc, tài thực quất chủng, bất hội sanh trưởng), Hà Lạc (tức Hà Nam, Lạc Dương nhất đới, diệc thị Giang Bắc) quả tứ (mại thủy quả đích thương điểm) diệc kiến hữu quất (mại quất tử). Hựu ngôn anh vũ (điều) bất độ Lũng Tây (tức kim Cam Túc tỉnh), Triệu Ngụy giá hành diệc hữu anh vũ (anh vũ sản ư Cam Túc, Tứ Xuyên nhất đới. Bất độ giả, bất sản kỳ tha địa phương. Triệu Ngụy thị Nam Bắc Triều thời đích quốc danh, tại Trung Nguyên đích Đông Bắc phương. Giá hành diệc hữu anh vũ giả, thị Triệu Ngụy địa phương đích phòng ốc, giá lương thượng, huyền quả đích điều lung, diệc hữu tự dưỡng anh vũ). Thử nhị vật dẫn ngôn kỳ chủng bất độ, bỉ (An Lạc quốc) hữu Thanh Văn diệc như thị. Tác như thị giải, kinh luận tắc hội (thông liễu).

(註)答曰：以理推之，安樂淨土不應有二乘。何以言之？夫有病則有藥，理數之常也。法華經言：釋迦牟尼如來以出五濁世故，分一為三。淨土既非五濁，無三乘明矣。法華經又說：諸聲聞，是人於何而得解脫？但離虛妄(生死)，名為解脫。是人實未得一切解脫，以未得無上道故。覈推此理，阿羅漢既未得一切解脫，必應有生。此人更不生三界，三界外除淨土，更無生處。是以，唯應於淨土生。如言(如此來說)聲聞者，是他方聲聞來生(安樂國)，仍本名故，稱為聲聞。如天帝釋生人中時，姓憍尸迦，後雖為天主，佛欲使人知其由來，與帝釋語時，猶稱憍尸迦。其(安樂國的聲聞)此類(也是類此稱呼)也。又此論但言二乘種不生，謂安樂國不生二乘種子，亦何妨二乘來生耶？譬如橘栽，不生江北(在長江以北，栽植橘種，不會生長)。河洛(即河南洛陽一帶，亦是江北)菓肆(賣水果的商店)。亦見有橘(賣橘子)。又言鸚鵡(鳥)不渡壟西(即今甘肅省)。趙魏架桁亦有鸚鵡(鸚鵡產於甘肅四川一帶。不渡者，不產其他地方。趙魏是南北朝時的國名，在中原

的東北方。架桁亦有鸚鵡者，是趙魏地方的房屋架梁上，懸掛的鳥籠，亦有飼養鸚鵡)。此二物，但言其種不渡。彼(安樂國)有聲聞亦如是。作如是解，經論則會(通了)。

(*Chú: Đáp: Suy luận theo Lý, An Lạc Tịnh Độ chẳng nên có Nhị Thừa, có sao nói vậy? Hễ có bệnh thì có thuốc, đó là lẽ thường. Kinh Pháp Hoa nói: “Thích Ca Mâu Ni Như Lai do xuất hiện trong đời ngũ trước, nên chia pháp Nhất Thừa thành ba”. Tịnh Độ đã chẳng phải là ngũ trước, không có tam thừa là chuyện rành rành! Kinh Pháp Hoa lại nói: “Các vị Thanh Văn, những người ấy giải thoát như thế nào? Chỉ là hư vọng (sinh tử) thì gọi là giải thoát. Những người ấy thật sự chưa đạt đến chỗ hết thấy giải thoát, vì chưa đắc đạo Vô Thượng”. Xét kỹ lẽ này, A La Hán đã chưa đạt hết thấy giải thoát, ắt phải có sanh. Các vị ấy lại chẳng sanh trong tam giới, mà ở ngoài tam giới, trừ Tịnh Độ ra, sẽ chẳng có chỗ để sanh! Do vậy, chỉ nên sanh vào Tịnh Độ. Như nói đến (nói như vậy thì) Thanh Văn tức là Thanh Văn từ phương khác sanh về (cõi An Lạc), vẫn giữ tên gốc, nên gọi là Thanh Văn. Như Thiên Đế Thích khi mang thân người, có họ là Kiều Thi Ca, về sau, tuy làm chúa cõi trời, đức Phật muốn cho mọi người biết gốc tích của ông ta, khi nói với Đế Thích, vẫn gọi ông ta là Kiều Thi Ca. (Đối với những vị Thanh Văn trong cõi An Lạc) cũng suy luận giống như vậy (suy ra thì [các vị ấy] cũng được xưng hô giống như vậy). Lại nữa, luận này chỉ nói “giống Nhị Thừa chẳng sanh” là có ý nói cõi An Lạc chẳng sanh ra chúng tử Nhị Thừa, cũng chẳng trở ngại Nhị Thừa sanh về cõi ấy! Ví như quất chẳng mọc tại Giang Bắc (ở phía Bắc Trường Giang mà vun trồng quất thì nó sẽ không mọc được), trong sạp trái cây (tiệm bán trái cây) tại Hà Lạc (tức một giải Hà Nam, Lạc Dương, cũng là vùng Giang Bắc) vẫn thấy có quất (có bán quất). Lại nói chim két chẳng ra khỏi Lũng Tây (nay là tỉnh Cam Túc). Trong lồng treo chim vùng Triệu Ngụy cũng có chim két (chim két sống tại một giải Cam Túc, Tứ Xuyên. “Chẳng ra khỏi” nghĩa là chẳng sống ở nơi khác. Triệu Ngụy là tên một nước thời Nam Bắc Triều, ở phía Đông Bắc của Trung Nguyên. “Lồng chim cũng có chim két”: Trong các nhà tại vùng Triệu Ngụy, lồng chim treo trên kèo nhà cũng có nuôi dưỡng chim két). Chỉ nói hai vật ấy chẳng sanh trưởng [ở nơi khác, chứ không nói chúng chẳng thể tìm thấy ở nơi khác], cõi kia (cõi An Lạc) có Thanh Văn thì cũng giống như vậy. Hiểu như thế thì kinh luận sẽ dung hội thông suốt).*

Đây là ngài Đàm Loan giải đáp, hội thông, tôi mở đầu ngoặc để chú thích cho rõ hơn, vừa đọc bèn liễu giải, chẳng cần phải nói nhiều.

(Chú) Vấn viết: Dĩ danh triệu sự, hữu sự nãi hữu danh. An Lạc quốc ký vô Nhị Thừa, nữ nhân, căn khuyết chi sự, diệc hà tu phục ngôn: “Vô thử tam danh” da? Đáp viết: Như duyên tâm Bồ Tát (diệc danh khinh mao Bồ Tát, tức Biệt Giáo Thập Tín), bất thậm dũng mãnh, cơ ngôn Thanh Văn (bại chủng), như nhân siểm khúc (siểm mị loan khúc, tức bất lão thật), hoặc phục nĩnh nhược (tức nọa nhược), cơ ngôn nữ nhân. Hựu như nhĩn tuy minh, nhi bất thức sự, cơ ngôn manh nhân. Hựu như nhĩ tuy thính, nhi thính nghĩa (đạo lý) bất giải, cơ ngôn lung nhân. Hựu như thiết tuy ngữ, nhi nội khẩu (ngôn ngữ trì độn) kiến ngật (kiến ngật tức thuyết thoại khẩu ngật, ngật ngật trọng ngữ), cơ ngôn á nhân. Hữu như thị đẳng căn (lục căn) tuy cụ túc, nhi hữu cơ hiềm chi danh. Thị cố tu ngôn nãi chi vô (cơ hiềm) danh, minh Tịnh Độ vô như thị đẳng dự đoạt (hảo hoại) chi danh.

(註)問曰：以名召事，有事乃有名。安樂國既無二乘女人根缺之事，亦何須復言：無此三名耶？答曰：如輕心菩薩(亦名輕毛菩薩，即別教十信)，不甚勇猛，譏言聲聞(敗種)，如人諂曲(諂媚彎曲，即不老實)，或復懦弱(即懦弱)，譏言女人。又如眼雖明，而不識事，譏言盲人。又如耳雖聽，而聽義(道理)不解，譏言聾人。又如舌雖語，而訥口(言語遲鈍)謇吃(謇吃即說話口吃，吃吃重語)，譏言瘖人。有如是等根(六根)雖具足，而有譏嫌之名。是故須言乃至無(譏嫌)名，明淨土無如是等與奪(好壞)之名。

(Chú: Hỏi: Dùng danh để triệu vời sự, hễ có sự bèn có danh. Cõi An Lạc đã không có Nhị Thừa, nữ nhân và căn khuyết, vậy thì cũng cần gì phải nói “không có ba danh xưng” ấy? Đáp: Như duyên tâm Bồ Tát (còn gọi là “khinh mao Bồ Tát”, tức Thập Tín trong Biệt Giáo) chẳng dũng mãnh cho lắm, thì bị chê gièm là Thanh Văn (hạt giống hư). Như người siểm khúc (siểm nịnh, cong vạy, tức là chẳng thật thà), hoặc là yếu ớt (tức nhu nhược) thì bị chê gièm là “nữ nhân”. Lại như mắt tuy sáng mà chẳng biết chuyện thì bị chê gièm là “kẻ mù”. Lại như tai tuy nghe tỏ, nhưng nghe nghĩa lý (đạo lý) chẳng hiểu, thì bị chê

gièm là “kẻ điếc”. Lại như lưỡi tuy có thể nói, nhưng lúng búng (ăn nói chậm lụt), lấp bắp (lấp bắp là ăn nói áp úng, chữ dính vào nhau) thì bị chê cười là “đưa câm”. Có những người tuy đầy đủ các căn (sáu căn) như thế, nhưng bị mang tiếng chê gièm. Vì thế cần phải nói “cho đến chẳng có danh xưng (chê gièm)”, nhằm nói rõ Tịnh Độ chẳng có những danh xưng khen chê (tốt xấu) như thế.

Ngài Đàm Loan lại nêu ra lượt hỏi đáp thứ hai, nhằm thuyết minh nguyên do An Lạc Tịnh Độ không có danh xưng chê gièm.

(Chú) Vấn viết: Tàm (y cứ) Pháp Tạng Bồ Tát bốn nguyện, cập Long Thọ Bồ Tát sở tán, giai tự dĩ bỉ quốc Thanh Văn chúng đa vi kỳ, thử hữu hà nghĩa? Đáp viết: Thanh Văn dĩ Thật Tế (tức Ngũ Uẩn giai Không) vi chứng, kế bất ưng cánh năng sanh Phật đạo căn nha. Nhi Phật (Di Đà) dĩ bốn nguyện bất khả tư nghị thần lực, nhiếp linh sanh bỉ (An Lạc Tịnh Độ), tất đương phục dĩ thần lực sanh kỳ Vô Thượng đạo tâm. Thí như trăm điều nhập thủy, ngư bạng hàm tử. Tê ngư xúc chi, tử giả giai hoạt. Như thử bất ưng sanh nhi sanh, sở dĩ khả kỳ. Nhiên ngũ bất tư nghị trung, Phật pháp tối bất khả tư nghị, Phật năng sử Thanh Văn phục sanh Vô Thượng đạo tâm, chân bất khả tư nghị chi chí dã.

(註)問曰：尋(依據)法藏菩薩本願，及龍樹菩薩所讚，皆似以彼國聲聞眾多為奇，此有何義？答曰：聲聞以實際(即五蘊皆空)為證，計不應更能生佛道根芽。而佛(彌陀)以本願不可思議神力，攝令生彼(安樂淨土)，必當復以神力生其無上道心。譬如鵝鳥入水，魚蚌咸死。犀牛觸之，死者皆活。如此不應生而生，所以可奇。然五不思議中，佛法最不可思議，佛能使聲聞復生無上道心，真不可思議之至也。

(Chú: Hỏi: Xét theo (dựa theo) bốn nguyện của Pháp Tạng Bồ Tát và lời tán thán của Long Thọ Bồ Tát, dường như đều coi chuyện hàng Thanh Văn đông đảo trong cõi ấy là điều lạ lùng, điều này có nghĩa gì vậy? Đáp: Thanh Văn dùng Thật Tế (tức là năm uẩn đều không) để chứng, xét ra, họ sẽ chẳng thể sanh khởi mầm rễ đạo Phật, nhưng đức Phật (Di Đà) dùng thần lực chẳng thể nghĩ bàn nơi bốn

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

nguyện để nhiếp thọ họ sanh về cõi đó (An Lạc Tịnh Độ), lại còn ắt dùng thần lực sanh trưởng Vô Thượng đạo tâm cho họ. Ví như chim Trám vào trong nước, cá, sò đều chết, dùng [sùng] tê giác chạm vào, những con vật bị chết ấy đều sống lại. Như vậy, lẽ ra chẳng thể sanh về [Cực Lạc] mà lại sanh về, cho nên coi đó là điều lạ lùng. Nhưng trong năm thứ chẳng thể nghĩ bàn, Phật pháp là chẳng thể nghĩ bàn nhất. Phật có thể khiến cho Thanh Văn lại sanh khỏi Vô Thượng đạo tâm, đúng là chẳng thể nghĩ bàn tột bậc).

Ngài Đàm Loan lại nêu ra lần vấn đáp thứ ba nhằm thuyết minh trong An Lạc Tịnh Độ, chúng Thanh Văn đông đảo chính là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn nhất. Hàng Thanh Văn chứng đắc Ngã Không, bèn coi là những việc làm đã rốt ráo (tức là cho rằng những gì cần phải tu tập đã hoàn tất), có thể nghỉ ngơi nơi Niết Bàn. “Kế” (計) [ở đây phải hiểu là] có nghĩa “vốn là như vậy”. Vốn chẳng thể sanh khỏi rẫy, mầm, hoa, quả thành Phật, nhưng do đại bi bốn nguyện của Phật Di Đà và chư Phật, muốn khiến cho hết thấy chúng sanh đều được thành Phật. Vì thế, dùng thần lực chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho hàng Thanh Văn bất định tánh hồi Tiểu hướng Đại, phát Bồ Đề tâm, tu hạnh Tịnh Độ, nhiếp hóa khiến cho họ sanh về Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ của thế giới Cực Lạc. Đã sanh rồi, Phật ắt lại dùng thần lực, khiến cho họ hành Bồ Tát đạo thành Phật, như trong phẩm Tín Giải của kinh Pháp Hoa đã nói: “*Như phú trưởng giả, tri tử chí liệt, dĩ phương tiện lực, nhu phục kỳ tâm, nhiên hậu nãi phó, nhất thiết tài vật. Phật diệc như thị, hiện hy hữu sự, tri nhạo tiểu giả, dĩ phương tiện lực, điều phục kỳ tâm, nãi giáo đại trí*” (Như trưởng giả giàu, biết con chí hèn, dùng sức phương tiện, điều phục tâm con, sau đây giao phó, hết thấy tài vật. Phật cũng như thế, hiện chuyện hy hữu, biết kẻ ưa thích, đạo pháp Tiểu Thừa, dùng sức phương tiện, điều phục tâm họ, rồi dạy đại trí).

Ngài Đàm Loan lại dùng chim Trám và tê ngu để làm thí dụ. Trám (鵞) là loài chim có chất độc, giống như chim nạn, nhưng màu tía đen. Lòng vũ của nó có chất độc; do vậy, nó vào nước, nước bèn có chất độc, cá lẫn sò đều chết. Thế nhưng chỗ nào có chim Trám, ắt có tê ngu (犀牛, tê giác). Sùng tê ngu có thể giải chất độc của chim Trám. Do vậy nói “*xúc chi tử giả giai hoạt*” (chạm vào thì những con vật đã chết đều có thể sống lại). Dùng những điều này để sánh ví cõi kia sở dĩ có Thanh Văn, tức là như cá lẫn sò có được sùng tê ngu [chạm vào] sẽ sống lại, vốn chẳng thể sống (bị trúng độc chết) mà lại được sống (sống

lại). Điều này hoàn toàn là do cậy vào sức thần lực của Phật Di Đà và chư Phật mà có, cho nên hiếm lạ!

“*Ngũ chủng bất khả tư nghì*” (Năm loại chẳng thể nghĩ bàn) xuất phát từ quyền ba mươi của bộ Đại Trí Độ Luận: “*Một là chúng sanh nhiều hay ít, hai là nghiệp quả báo, ba là sức Thiên Định, bốn là sức rộng, năm là Phật lực*”. Thần lực của Phật và sức của Phật pháp có thể khiến cho bất định tánh Thanh Văn hồi Tiểu hướng Đại, phát khởi Vô Thượng Bồ Đề tâm, tu Bồ Tát hạnh, đều sẽ thành Phật. Đây là cực điểm chẳng thể nghĩ bàn vậy!

* Hỏi: Luận này nói Tây Phương Tịnh Độ là cõi thiện căn Đại Thừa, chẳng có nữ nhân, căn khuyết, và hàng Nhị Thừa, há chẳng phải là trái nghịch bốn nguyện phổ độ chúng sanh của Phật ư?

Đáp: Chẳng phải là nói “Phật không độ những người ấy”, mà là nói chúng sanh về Tây Phương Tịnh Độ, quyết định là chẳng có những hạng người có thể bị chê gièm ấy! Ngay cả những danh xưng bị chê gièm ấy còn chẳng nghe thấy. Vì người sống trong quốc độ Cực Lạc là những người có đại thiện căn, đại phước báo, như kinh Di Đà có nói: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đấng sanh về cõi ấy*”. Thiện căn Đại Thừa chính là phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Người có thể sanh về Tây Phương Tịnh Độ, bất luận là phạm phu hay Nhị Thừa, đều là chúng sanh đã phát Bồ Đề tâm, thuần nhất là chúng sanh có thiện căn Đại Thừa. Do vậy, chẳng có những chuyện như phạm phu, Nhị Thừa v.v... là những điều ở ngoài Đại Thừa có thể bị chê gièm vậy! Đây chính là do công đức nơi bốn nguyện “*phổ độ chúng sanh cùng thành Phật đạo*” của Phật Di Đà mà thành tựu vậy.

* Hỏi: Tây Phương Tịnh Độ là như thế, trong các Tịnh Độ khác của chư Phật, có giống như vậy hay chẳng? Ý nghĩa kiến lập Tịnh Độ là ở chỗ nào?

Đáp: Nay tôi trích lục lời dạy của Thái Hu đại sư trong bộ Vãng Sanh Tịnh Độ Luận Giảng Yêu để đáp như sau:

“*Người đời có kẻ do ác báo hiện tiền, sợ hãi, kinh hoàng, mà cầu sanh Tịnh Độ, có kẻ vì đời rét khốn khổ, cuộc sống bức bách mà cầu sanh Tịnh Độ, có người vì nỗi khổ già, bệnh v.v... bức bách, khổ não mà cầu sanh Tịnh Độ. Những người ấy đều có tâm lý “tránh khổ, hướng đến vui” để làm động cơ vãng sanh Tịnh Độ. Xét kỹ các Tịnh Độ do chư Phật an lập, sở dĩ Thích Ca Thế Tôn nói pháp môn Tịnh Độ, tuy có ý muốn khiến cho chúng sanh chán khổ, ưa vui, nhưng đây chẳng*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

phải là bốn ý kiến lập Tịnh Độ của Phật. Bốn ý của Phật là vì những người thật sự phát Đại Thừa Bồ Đề tâm mà an lập hay tuyên nói.

Cái tâm “tránh khổ, hướng đến vui” của chúng sanh phàm phu là do dốc chí nơi vui sướng, chẳng cầu vĩnh viễn đoạn sanh tử, như chán lìa nỗi khổ tam ác đạo, muốn gìn giữ chẳng mất thân người. Chán lìa nỗi khổ trong đời người, mong cầu sanh lên trời. Chán nỗi khổ trong Dục Giới, cầu sanh vào Sắc Giới. Chán nỗi khổ trong Sắc Giới, cầu sanh vào Vô Sắc Giới. (Đối với những hạng người giống như thế) chỉ cần dùng pháp nhân thiên thừa trong Phật pháp, tức là Ngũ Giới, Thập Thiện, Tứ Thiên Bát Định v.v... để thâm nhiếp (hóa độ). Trì Ngũ Giới có thể gìn giữ chẳng mất thân người. Tu Thập Thiện, Bát Định, được sanh vào thiên đạo, chư Phật cần gì phải an lập Tịnh Độ? Thích Ca Thế Tôn cần gì phải nói pháp môn Tịnh Độ ư?

Còn như hàng Nhị Thừa quán tam giới như lao ngục, coi sanh tử như oan gia, cầu thoát tam giới, đoạn Phân Đoạn Sanh Tử, chỉ cần biết rõ nỗi khổ trong tam giới và những nghĩa “chúng sanh bất tịnh, vô thường, vô ngã” v.v... nương vào ba mươi bảy đạo phẩm như Tứ Niệm Xứ, dấy lên Tứ Chánh Cần, Bát Chánh Đạo v.v... tinh tấn siêng tu, trong một đời tuy chẳng đắc ngay quả A La Hán, cũng có thể đắc quả Tu Đà Hoàn. Đắc Sơ Quả (chỉ có bảy lượt sanh tử), liền vĩnh viễn chẳng thoái chuyển để phải hứng chịu nỗi khổ vì phiền não sanh tử nữa, họ cũng chẳng cần phải nương vào pháp môn Tịnh Độ để cầu sanh Tịnh Độ. Như Tiểu Thừa Phật pháp tại các nước Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan v.v... bèn chuyên cầu đắc quả A La Hán, liễu thoát sanh tử. Vì thế, trong các xứ Tích Lan, Miến Điện v.v... chẳng có pháp môn Tịnh Độ.

Do vậy suy ra, sở dĩ chư Phật an lập Tịnh Độ, sở dĩ Phật Thích Ca tuyên nói pháp môn Tịnh Độ, chẳng phải vì Nhị Thừa, mà thật sự vì chúng sanh phàm phu có căn tánh Đại Thừa, lắng nghe Phật pháp, chẳng cầu phước báo an lạc trong đời sau, chẳng mong tự liễu thoát nỗi khổ não sanh tử trong tam giới, mà vì phát khởi, phổ độ hết thảy chúng sanh là những người có tâm Đại Thừa, phát khởi Bồ Đề tâm (cùng liễu sanh tử, cùng thành Phật đạo) mà an lập, tuyên nói!

Người phát tâm Đại Thừa biết rõ đạo lý các pháp duyên sanh, biết hết thảy các pháp sanh bởi các duyên. Do các pháp sanh bởi các duyên, một pháp chính là hết thảy các pháp. Do chúng sanh được sanh bởi các duyên, một chúng sanh chính là hết thảy chúng sanh, rời ngoài hết thảy chúng sanh, chẳng có một cái Ngã nào khác! Chẳng khiến cho

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

hết thấy chúng sanh đều cùng thành Phật, sẽ không có Phật để có thể thành! Do vậy, phát ra đại nguyện “phổ độ hết thấy chúng sanh cùng thành Phật đạo” này, quyết chẳng có lý nào rời lìa hết thấy chúng sanh để chính mình liễu thoát sanh tử! Do chúng sanh chính là chính mình, chính mình là chúng sanh, chẳng có sự khác biệt giữa chúng sanh và ta. Đó gọi là “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”, chẳng có chuyện lìa ngoài chúng sanh mà có thể độ thoát chính mình!

Bồ Tát đã thấy hết thấy chúng sanh đồng thể bất nhị, mà phát khởi bi nguyện phổ độ hết thấy chúng sanh; nhưng muốn thành tựu viên mãn nguyện ấy, nếu chẳng chứng đắc quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sẽ không thể được! Nếu không, tuy có nguyện ấy, nhưng thật ra trọn chẳng thể có ngày thành tựu. Do phát tâm đại bi muốn độ trọn hết hư không khắp pháp giới chúng sanh, muốn độ vô số chúng sanh, cho nên cần phải đoạn vô tận phiền não, tu học vô lượng pháp môn, thành tựu Phật quả viên mãn vô lượng phước đức trí huệ trang nghiêm, cần phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, vào vô lượng thế giới, độ vô lượng chúng sanh, chẳng phải là chuyện có thể làm được trong một đời. Khởi Tín Luận có nói: “Tín tâm thành tựu, nhập Chánh Định Tu, cần phải qua mười ngàn đại kiếp”. Mười ngàn đại kiếp tức là một vạn đại kiếp mới đắc Đại Thừa tín tâm thành tựu. Khó khăn như thế đó, huống hồ Phật quả ư!

Đã chẳng thể thành Phật trong một đời (tức là Nan Hành Đạo), người đã phát tâm Đại Thừa cần tu Lục Độ. Khi tu Lục Độ, sẽ luôn có những thứ nghịch duyên gây thoái đạo, phá hoại tâm Đại Thừa, có nỗi nguy hiểm đánh mất, hư hoại tâm Đại Thừa. Thế nhưng, mạng người ngắn ngủi, tạm bợ, vô thường xảy đến trong sáng tối, hoặc thăng lên đường lành, hoặc chìm trong nẻo khổ. Lại có nỗi nguy hiểm mê mất tâm Đại Thừa, tức tâm Bồ Đề. Do có các thứ ác duyên như thế, Bồ Tát đã phát tâm Đại Thừa, muốn gìn giữ chẳng lui sụt, quả thật chẳng dễ dàng! Chư Phật có trách nhiệm hộ niệm Bồ Tát, như kinh Kim Cang có nói: “Nhu Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát” (Nhu Lai khéo hộ trì, nghĩ nhớ các Bồ Tát).

Đối với những vị Bồ Tát đã phát tâm Đại Thừa, nhưng chưa thể bất thoái ấy, rốt cuộc sẽ dùng pháp nào để từ bi hộ niệm ngõ hầu họ khỏi đến nỗi gặp phải nguy hiểm “tâm Đại Thừa bị mất đi, hư hoại, hoặc lui sụt, đạo lạc”? Do chư Phật muốn hộ trì, nghĩ nhớ loại Bồ Tát ấy, bèn an lập quốc độ trang nghiêm thanh tịnh. Loại Bồ Tát ấy có

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

duyên với Tịnh Độ nào, sẽ phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ ấy. Tùy theo sự phát nguyện mà dấy lên lòng tin quyết định, chuyên nhất cái tâm (niệm danh hiệu đức Phật kia, và tu các công đức, hồi hướng nguyện sanh về nước ấy) thì khi lâm chung, thuận theo sở nguyện, sẽ vãng sanh cõi Phật Tịnh Độ ấy, nghe pháp bất thoái (vị, hạnh, niệm), trở lại độ hết thảy chúng sanh. Nếu chư Phật chẳng an lập các Tịnh Độ để làm chỗ nương về cho hàng Bồ Tát phát tâm Đại Thừa, một mai họ bị thoái thất, thì các công đức tu tập Lục Độ (vạn hạnh) trước kia sẽ bị phí uổng vô ích. Vì thế, Bồ Tát ắt dùng Tịnh Độ làm chỗ quy túc thì mới chẳng đến nỗi thoái thất tâm Đại Thừa (Bồ Đề tâm) để khỏi phí uổng công lao trước kia! Đây chính là chánh nghĩa vì sao A Di Đà Phật và mười phương chư Phật thành lập Tịnh Độ, mà cũng chính là chân nghĩa vì sao Phật Thích Ca nói ra pháp môn Tịnh Độ này. Người tu pháp môn Tịnh Độ, cần phải chú ý liễu giải sâu xa, thiết thực ý nghĩa này”.

Do vậy, có thể biết An Lạc Tịnh Độ không chỉ chẳng có nữ nhân, căn khuyết, Nhị Thừa (tức là những người thuộc loại định tánh Thanh Văn, chẳng phát tâm Đại Thừa) là những hạng người có thể bị chê gièm, mà cũng chẳng có nỗi nguy hiểm “*thoái thất Bồ Đề tâm, thoái chuyển Bồ Tát hạnh*”. Phạm những ai vãng sanh, sẽ rớt ráo là vô lượng thọ, thành Phật trong một đời, lại có bốn nguyện của Phật Di Đà nhiếp thọ, gia trì, mong sanh về cõi ấy hết sức dễ dàng! Kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác mà có thể phát tâm Đại Thừa, có tín nguyện hạnh, sẽ được Phật nhiếp thọ, đều có thể vãng sanh. Có lợi ích thù thắng như thế, cho nên mười phương chư Phật đều hiện tướng lưỡi rộng dài, nói lời thành thật, khuyên bọn chúng sanh chúng ta hãy nên tin vào pháp môn Tịnh Độ là “*pháp môn chẳng thể nghĩ bàn được hết thảy chư Phật hộ niệm*” này!

2.2.1.2.3.1.1.17. Công đức hết thảy điều mong cầu đều được thỏa mãn

(Luận) Chúng sanh sở nguyện nhạo, nhất thiết năng mãn túc.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm nhất thiết sở cầu mãn túc công đức thành tựu”. Phật bốn hà cố hưng thử nguyện? Kiến hữu quốc độ, hoặc danh cao vị trọng, tiềm xử vô do, hoặc nhân phạm tánh bỉ, hy xuất my lộ, hoặc tu đoản hệ nghiệp, chế bất tại kỷ. Như A Tư Đà tiên nhân loại dã. Hữu như thị đẳng vị nghiệp phong sở xuy, bất đắc tự tại.

(論)眾生所願樂，一切能滿足。

(註)此二句，名莊嚴一切所求滿足功德成就。佛本何故興此願？見有國土，或名高位重，潛處無由，或人凡性鄙，怖出靡路，或脩短繫業，制不在己。如阿私陀仙人類也。有如是等為業風所吹，不得自在。

(Luận: Điều chúng sanh ưa muốn, hết thấy đều thỏa mãn.

Chú: Hai câu này gọi là “sự trang nghiêm hết thấy những điều mong cầu đều được thỏa mãn được thành tựu bởi công đức”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dậy khởi nguyện này? Do Ngài thấy có quốc độ, hoặc [là người có] tiếng tăm, địa vị cao trọng, không có cách nào ở ẩn, hoặc là kẻ tầm thường, tánh tình thô lậu mong ngoi đầu vượt lên mà không có cách nào, hoặc do bị nghiệp buộc ràng mà thọ mạng dài hay ngắn, chính mình chẳng thể quyết định được. Như tiên nhân A Tư Đà [chẳng thể quyết định thọ mạng của chính mình], bị gió nghiệp thổi, chẳng được tự tại).

“Hoặc danh cao vị trọng”: Đây là nói đến những người thuộc tầng lớp phú quý, như quốc vương, Tổng Thống, ủy viên lập pháp trong quốc hội, các đảng viên đang nắm giữ chức vụ v.v... trong hiện thời. “Tiềm xử vô do” có nghĩa là muốn ăn dật, ở một mình mà chẳng thể được. Những cái gọi là chuyện trong đảng, chuyện đất nước, chuyện thiên hạ, chuyện nào cũng cần phải quan tâm, cũng chính là như hoàng đế Thuận Trị đã cảm khái than thở, phiền não vì chuyện lo cho nước, lo cho dân.

“Hoặc nhân phạm tánh bi” là nói tới những kẻ bình dân, hoặc đảng phái chánh trị ở vùng quê. “Hy xuất my lộ” ý nói: Tuy nghĩ trọn hết mọi biện pháp mong được cai quản quốc gia, hoặc để vượt xa người khác, trở thành bậc anh hùng hào kiệt một thuở, nhưng chẳng được thỏa ý, cầu mà chẳng được. Thậm chí có kẻ phải than thở “tráng chí vị thành thân tiên tử, trường sử anh hùng lệ mãn khâm” (chí lớn chưa thành, thân chết trước, đầm áo anh hùng lệ cứ tuôn).

“Hoặc tu đoản hệ nghiệp” là nói thọ mạng của một người dài hay ngắn, chính là do nghiệp lực nhân quả ba đời quyết định (trói buộc) mà có hạn chế dài hay ngắn nhất định, chẳng thể do chính quý vị làm chủ được! Tục ngữ có câu: “Diêm vương yếu nhĩ tam canh khí, bất năng lưu dài đảo ngũ canh” (Diêm vương đòi mạng canh ba, đừng

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

mong nán ná canh năm lia trần). Có những kẻ gặp cảnh bệnh khổ, hoặc bị tai nạn vùi dập, hy vọng chết sớm, nhưng nhiều năm vẫn sống lây lất, đó gọi là “*mong sống chẳng được, cầu chết chẳng xong*”, chỉ đành than thở chẳng biết làm sao được!

A Tư Đà (Asita) là tiếng Phạn, dịch nghĩa là “*vô tỷ đoan chánh*” (đoan chánh khôn sánh). “*Tiên nhân*” là như trong kinh Pháp Hoa đã nói, Đề Bà Đạt Đa trong quá khứ làm tiên nhân A Tư Đà. Lại nữa, khi Thích Ca Thế Tôn mới xuất sanh, cha là Tịnh Phạn Vương thỉnh tiên nhân A Tư Đà xem tướng cho Thái Tử. Hai vị tiên nhân ấy có thể nói là danh vị cao trọng, thường nhân chẳng sánh bằng, nhưng cũng khó tránh khỏi lưu chuyển lục đạo, sanh tử luân hồi, bị nghiệp lực sai sử, chẳng được tự tại. Nói chung là thuộc về Cầu Bất Đắc Khổ. Do vậy nói: Người đời chẳng cần biết là nghèo, giàu, sang, hèn, đều giống như tiên nhân A Tư Đà, đều bị thôi bởi nghiệp phong thiện hay ác do chính mình đã tạo, chẳng được tự tại! Dầu quý vị có tu hành, có triệt ngộ, giả sử chưa đoạn hết phiền hoặc, sẽ cũng bị gió nghiệp thổi quý vị ngã rạp sang trái hay sang phải hết như nhau. Nếu quý vị bị thổi về phía Đông, sẽ không thể nào chẳng ngã sang phía Đông. Như bài thơ TỰ THUẬT của lão hòa thượng Hư Vân có đoạn viết:

*Nghiệp phong xuy tống đảo Vũ Xương,
Nhất thứ kinh qua nhất tạm hoàng.
(Gió nghiệp thổi văng tới Vũ Xương,
Một phen từng trái, một phen rầu).*

Thế gian có tình hình bị nghiệp sai khiến, chẳng thuận theo ý con người như vậy đó! Trong tâm nhãn của Phật, Bồ Tát, tất nhiên sẽ nảy sanh sự đồng tình và thương xót.

(Chú) Thị cố nguyện ngôn: Sử ngã quốc độ, các xứng sở cầu, mãn túc tình nguyện. Thị cố ngôn: “Chúng sanh sở nguyện nhạo, nhất thiết năng mãn túc”.

(註)是故願言：使我國土，各稱所求，滿足情願。是故言：眾生所願樂，一切能滿足。

(Chú: Vì thế, nguyện rằng: Khiến cho quốc độ của tôi, điều mong cầu của mỗi người đều xứng hợp, thỏa mãn ý nguyện. Vì thế nói: “Điều chúng sanh ưa thích, hết thảy đều thỏa mãn”).

Đây là phần tổng kết những điều vừa nói trên đây, mười bảy món

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

trang nghiêm thành tựu vi diệu của An Lạc quốc độ, đều do Phật Di Đà khi còn tu nhân đã phát nguyện: Nguyện khi tôi thành Phật, hết thấy tất cả [mọi sự] trong quốc độ đều có thể thỏa mãn nguyện cầu của chúng sanh. Điều này cũng biểu thị công đức tự lợi lợi tha của A Di Đà Phật đã thành tựu viên mãn. Nói theo phía tự lợi, tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông, quang minh, thọ mạng nơi Phật quả, quốc độ thanh tịnh trang nghiêm, quyền thuộc là A Bệ Bạt Trí, mỗi điều đều viên mãn trọn đủ, lại còn đều là vô lượng. Nói theo phía lợi tha, phàm là chúng sanh sanh vào cõi ấy, đều được rớt ráo là Nhất Sanh Bỏ Xứ, thuận theo lòng muốn đều có thể xứng hợp những điều nguyện cầu khác biệt của mỗi chúng sanh, quyết định chẳng có mây may thiếu khuyết. Do vậy, trong lời Kệ, Luận Chủ đã viết: “*Chúng sanh sở nguyện nhạo, nhất thiết năng mãn túc*” (Điều chúng sanh ưa thích, hết thấy đều thỏa mãn).

2.2.1.2.3.1.2. Tiểu kết thành phát nguyện vãng sanh

(Luận) Thị cố nguyện sanh bỉ, A Di Đà Phật quốc.

(Chú) Thử nhị cú, kết thành thượng quán sát thập thất chủng trang nghiêm quốc độ thành tựu, sở dĩ nguyện sanh, thích khí thế gian thanh tịnh, ngật chi u thượng.

(論)是故願生彼，阿彌陀佛國。

(註)此二句，結成上觀察十七種莊嚴國土成就，所以願生，釋器世間清淨，訖之於上。

(Luận: Vì thế nguyện vãng sanh, cõi A Di Đà Phật.

Chú: Hai câu này để tổng kết sự quán sát các thành tựu nơi mười bảy thứ trang nghiêm quốc độ trên đây, cho nên nguyện sanh [về cõi An Lạc]. Trên đây là phần giải thích về khí thế gian thanh tịnh đã xong).

Luận Chủ dùng hai câu Kệ tụng này để biểu thị: Do Ngài (vị Luận Chủ) quan sát, thấy quốc độ An Lạc có mười bảy loại công đức thành tựu trang nghiêm như đã nói trên, cho nên bèn phát nguyện mong vãng sanh thế giới (“quốc”) thanh tịnh của A Di Đà Phật. Các thứ trang nghiêm trong thế giới ấy chính là cảnh giới Lý Sự vô ngại chẳng thể nghĩ bàn thuộc về Đệ Nhất Nghĩa Đế (Thắng Nghĩa Đế), vọng thức của phàm phu chẳng thể biết rõ được! Ất cần phải có Bát Nhã thì mới có thể quan sát, cũng ắt cần phải có tín nguyện thì mới có thể vãng sanh

cõi ấy. Do vậy, sau phần Kệ Tụng về mười bảy thứ trang nghiêm, vị Luận Chủ đã phát nguyện quyết định muốn sanh về cõi đó. Phần Kệ Tụng về khí thế gian thanh tịnh trong bộ luận này cũng đến đây là hết; vì thế nói là “ngật chi u thượng” (đã xong trong phần trên đây), chẳng cần phải nói thêm nữa!

2.2.1.2.3.1.3. Quan sát công đức thanh tịnh của chúng sanh thế gian
2.2.1.2.3.1.3.1. Hai môn quán sát của chúng sanh thế gian

(Chú) Thứ quán chúng sanh thế gian thanh tịnh. Thứ môn trung phân vi nhị biệt: Nhất giả, quán sát A Di Đà Như Lai trang nghiêm công đức. Nhị giả, quán sát bỉ chư Bồ Tát trang nghiêm công đức. Quán sát Như Lai trang nghiêm công đức trung, hữu bát chủng, chí văn đương mục.

(註)次觀眾生世間清淨。此門中分為二別：一者，觀察阿彌陀如來莊嚴功德。二者，觀察彼諸菩薩莊嚴功德。觀察如來莊嚴功德中，有八種，至文當目。

(Chú: Kế đó, quán chúng sanh thế gian thanh tịnh. Trong môn này, chia thành hai môn riêng biệt: Một là quan sát công đức trang nghiêm của A Di Đà Như Lai. Hai là quan sát công đức trang nghiêm của các vị Bồ Tát trong cõi ấy. Trong phần quan sát công đức trang nghiêm của Như Lai có tám loại, đến phần kinh văn sẽ nêu rõ từng mục).

Ngài Đàm Loan sẽ giải thích tiếp, vị Luận Chủ đã nêu ra sự quan sát chúng sanh thế gian của quốc độ An Lạc có mười hai thứ trang nghiêm thanh tịnh. Trước hết, [ngài Đàm Loan] chia chúng thành hai môn, cũng tức là hai loại. Loại thứ nhất thuộc về công đức trang nghiêm của A Di Đà Phật, loại thứ hai thuộc về công đức trang nghiêm của hàng Bồ Tát sanh trong cõi ấy. Trong loại thứ nhất, có tất cả tám thứ công đức trang nghiêm. Khi tới phần giải thích Kệ Tụng, sẽ tự đối với từng món mà nêu ra tên gọi của tám thứ ấy.

2.2.1.2.3.1.3.2. Giải thích về chúng sanh

(Chú) Văn viết: Hữu luận sư phiếm giải “chúng sanh” danh nghĩa, dĩ kỳ luân chuyển tam hữu, thọ chúng đa sanh tử, cố danh

“chúng sanh”. Kim danh Phật, Bồ Tát vi “chúng sanh”, thị nghĩa vân hà?

(註)問曰：有論師汎解眾生名義，以其輪轉三有，受眾多生死，故名眾生。今名佛菩薩為眾生，是義云何？

(Chú: Hỏi: Đối với danh nghĩa của [từ ngữ] “chúng sanh”, theo cách giải thích chung của các luận sư thì do [hữu tình] luân chuyển trong ba cõi, hứng chịu khá nhiều sanh tử; cho nên gọi là “chúng sanh”. Nay gọi Phật, Bồ Tát là “chúng sanh”, nghĩa ấy là như thế nào?)

Đã muốn quan sát chúng sanh thế gian; trước hết, phải biết định nghĩa của “chúng sanh”. Vì thế, Ngài (Đàm Loan đại sư) giả lập [một đoạn] vấn đáp để thuyết minh. Có người hỏi: Có những vị luận sư (người có thể hiểu pháp nghĩa thì được gọi là Luận Sư). “*Phiếm giải*” (汎解, tức là luận định chung, tức là cách giải nói phổ biến) danh nghĩa của chúng sanh, chính là nói: Hễ thuộc trong tam hữu (tam giới), nhận lấy khá nhiều sanh mạng thế sanh tử luân hồi thì gọi là “chúng sanh”, nhưng nay luận này lại gọi A Di Đà Phật và hàng Bồ Tát trong cõi Ngài là “chúng sanh”. Nói theo Lý, Phật, Bồ Tát đã thoát tam giới, liễu thoát sanh tử, có sao vẫn có thể gọi là “chúng sanh”? Ý nghĩa được bao hàm trong ấy là như thế nào?

(Chú) **Đáp viết: Kinh ngôn, nhất pháp hữu vô lượng danh, nhất danh hữu vô lượng nghĩa, như dĩ thọ chúng đa sanh tử cố, danh vi “chúng sanh” giả. Thử thị Tiểu Thừa gia thích tam giới trung “chúng sanh” danh nghĩa, phi Đại Thừa gia “chúng sanh” danh nghĩa dã. Đại Thừa gia sở ngôn “chúng sanh” giả, như Bất Tăng Bất Giảm kinh ngôn: “Ngôn chúng sanh giả, tức thị bất sanh bất diệt nghĩa. Hà dĩ cố? Nhược hữu sanh, sanh dĩ phục sanh, hữu vô cùng quá cố, hữu bất sanh nhi sanh quá cố. Thị cố vô sanh. Nhược hữu sanh, khả hữu diệt. Kỳ vô sanh, hà đắc hữu diệt? Thị cố vô sanh vô diệt thị chúng sanh nghĩa”. Như kinh trung ngôn: “Ngũ Thọ Ám thông đạt Không, Vô Sở Hữu, thị Khổ nghĩa”. Tư kỳ loại dã.**

(註)答曰：經言，一法有無量名，一名有無量義，如以受眾多生死故，名為眾生者。此是小乘家釋三界中眾生名義，非大乘家眾生名義也。大乘家所言眾生者，如不增

不減經言：言眾生者，即是不生不滅義。何以故？若有生，生已復生，有無窮過故，有不生而生過故。是故無生。若有生，可有滅。既無生，何得有滅？是故無生無滅是眾生義。如經中言：五受陰通達空，無所有，是苦義。斯其類也。

(Chú: Đáp: Kinh dạy, một pháp có vô lượng tên, một tên có vô lượng nghĩa. Nếu coi “do chịu nhiều lần sanh tử nên gọi là chúng sanh” thì đây chính là cách giải nghĩa danh xưng “chúng sanh trong tam giới” của các vị Tiểu Thừa, chẳng phải là cách giải thích ý nghĩa danh xưng “chúng sanh” của các vị Đại Thừa. Đại Thừa nói đến “chúng sanh” thì như kinh Bất Tăng Bất Giảm đã dạy: “Nói đến chúng sanh thì chính là theo nghĩa bất sanh bất diệt. Vì có sao vậy? Nếu là có sanh, thì do đã sanh rồi lại sanh nữa, cho nên mắc lỗi ‘vô cùng’, mắc lỗi ‘có chẳng sanh mà sanh’, cho nên là vô sanh. Nếu có sanh, thì sẽ có diệt. Đã là vô sanh thì làm sao có diệt cho được? Do vậy, vô sanh vô diệt là nghĩa của chúng sanh”. Như trong kinh đã nói: “Thông đạt Ngũ Thọ Ám không, vô sở hữu chính là nghĩa của Khổ”. [Những pháp khác] đều giống như điều này vậy).

Trong lời đáp của đoạn này, trước hết nêu ra điều được nói trong pháp Đại Thừa, “*một pháp có nhiều tên, một tên có nhiều nghĩa*”. Chẳng hạn như “*tâm*” là một pháp, gồm có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, và sáu thức, bảy thức, tám thức, chín thức khác nhau. Lại có nhục đoàn tâm (trái tim bằng máu thịt), duyên lự tâm (cái tâm do suy nghĩ, vọng tưởng, tức vọng tâm gồm tám thức), tập khởi tâm (集起心, chỉ riêng cho A Lại Da Thức), Chân Như tâm v.v... khác nhau. Lại tách ra bèn có năm mươi một loại Tâm Sở Pháp; đều là các tên khác nhau của tâm, mỗi tên đều bao hàm ý nghĩa khác nhau. “*Sách*” là một pháp, bèn có vô lượng tên sách khác nhau, và vô lượng nghĩa lý khác nhau trong mỗi sách. “*Xe*” là một pháp, có rất nhiều tên chủng loại xe khác nhau, và các loại hình thể xe, dáng xe, công dụng v.v... khác nhau. Vì các pháp không gì chẳng phải là do nhân duyên hòa hợp mà có, chẳng có tánh độc lập, chẳng có tánh bất biến, [mỗi pháp] đều có mười Như Thị, cho đến ba ngàn tánh tướng. Do vậy, tất nhiên là một pháp có nhiều tên, một tên có nhiều nghĩa.

Ý nghĩa được bao hàm trong từ ngữ “*chúng sanh*” cũng giống

như thế. Nhận lãnh khá nhiều sanh tử thì gọi là “*chúng sanh*”. Đây là nói theo pháp Tiểu Thừa. Nếu nói theo Đại Thừa Phật pháp, ngài Đàm Loan dẫn ý “*bất sanh bất diệt là ý nghĩa của chúng sanh*” từ kinh Bát Tăng Bất Giảm của Đại Thừa để giải thích [từ ngữ] “*chúng sanh thế gian*” được nói trong bộ luận này. Vì sao bất sanh bất diệt được gọi là chúng sanh? Vì vô sanh vô diệt mới là Thật Tướng của chúng sanh. Nếu có sanh, có diệt, đây là “*giả danh chúng sanh*”, cũng được gọi là “*giả thi thiết*” (假施設, giả đặt bày ra), tức là Thế Tục Đê.

Như kinh Kim Cang nói: “*Chúng sanh tức phi chúng sanh, giả danh chúng sanh*” (Chúng sanh tức chẳng phải là chúng sanh, giả gọi là chúng sanh). Có sanh có diệt thì là Tâm Sanh Diệt Môn, vô sanh vô diệt là Tâm Chân Như Môn. Nhất tâm nhị môn, chẳng một, chẳng khác, pháp vốn là như thế đấy. Đây là tướng chân thật và nghĩa chân thật của các pháp. Do vậy, nói theo pháp Tiểu Thừa, có khá nhiều sanh tử thì gọi là “*chúng sanh*”, tức là nói theo Sanh Diệt Môn, chỉ nói đến tâm một nửa, cho nên gọi là Bán Tự Giáo. Đại Thừa nói vô sanh vô diệt, đây mới là khế hợp tướng chân thật của nhất tâm nhị môn, mà được gọi là Mãn Tự Giáo.

Tâm tánh tự thanh tịnh (vô sanh, vô diệt), các pháp chỉ là nhất tâm (duy tâm sở hiện). Tâm này làm chúng sanh, tâm này là Bồ Tát, Phật. Lục phàm tứ thánh đều do tâm tạo, tam đồ lục đạo do tâm tạo. Hết thảy mọi sự trong thế gian do tâm vẽ, chân tâm rốt ráo không tạo tác. Do vậy, tuy tâm này làm chúng sanh; thật ra, tâm này là chúng sanh. Đây là ý nghĩa chân thật của “*chúng sanh*”. Chín câu từ “*nhược hữu sanh*” (nếu có sanh) cho đến “*hà đắc hữu diệt?*” (làm sao có diệt cho được?) nhằm thuyết minh đạo lý bất sanh bất diệt, lời văn dễ hiểu.

“*Như kinh ngôn*” (Như kinh nói), câu này nhằm nói kinh Bát Tăng Bất Giảm đã dạy: Ngũ Thọ Âm (Ngũ Âm tiếp nhận ngoại cảnh, bèn gọi là Ngũ Thọ Âm), có thể thông đạt chúng đều là Không, vô sở hữu, đây là hàm nghĩa của Khổ. Đây là nói có thể liễu giải cảm thọ khổ hay lạc của mỗi cá nhân đều là do nhân duyên sanh ra, chẳng có thể tánh khổ hay lạc thật tại; vậy thì người ấy có thể thông đạt chân nghĩa của Khổ Thánh Đê. Cảm thọ Ngũ Âm của chúng sanh là Tâm Sanh Diệt Môn. “*Không, vô sở hữu*” là Tâm Chân Như Môn. Nhất tâm nhị môn chẳng một, chẳng khác. Đây là tướng chân thật của Khổ. “*Tư kỳ loại dã*”, câu này chính là đem Ngũ Thọ Âm so sánh với chúng sanh, suy rộng ra cho đến hết thảy các pháp, [sẽ thấy] không gì chẳng phải là như vậy. Vì thế nói “*tư kỳ loại dã*”.

2.2.1.2.3.1.3.3. Quan sát công đức trang nghiêm của A Di Đà Như Lai

2.2.1.2.3.1.3.3.1. Công đức của hoa tòa

(Luận) Vô lượng đại bảo vương, vi diệu tịnh hoa đài.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm tòa công đức thành tựu”. Phật bản hà cố trang nghiêm thử tòa? Kiến hữu Bồ Tát, u mặt hậu thân, phu thảo nhi tọa, thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nhân thiên kiến giả, bất sanh tăng thượng tín, tăng thượng cung kính, tăng thượng ái nạo, tăng thượng tu hành.

(論)無量大寶王，微妙淨華臺。

(註)此二句，名莊嚴座功德成就。佛本何故莊嚴此座？見有菩薩，於末後身，敷草而坐，成阿耨多羅三藐三菩提。人天見者，不生增上信，增上恭敬，增上愛樂，增上修行。

(Luận: Vô lượng đại bảo vương, đài hoa tịnh, vi diệu.

Chú: Hai câu này được gọi là “trang nghiêm tòa công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà Phật trang nghiêm tòa ấy? Do Ngài thấy có Bồ Tát nơi thân sau cùng, trải cỏ mà ngồi để thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. [Do vậy] người, trời trông thấy, chẳng sanh lòng tin tăng thượng, lòng cung kính tăng thượng, lòng yêu thích tăng thượng, tu hành tăng thượng).

Mười bảy thứ trang nghiêm được thành tựu bởi công đức như đã nói trong phần trước chính là quán sự trang nghiêm nơi y báo của quốc độ An Lạc. Từ chỗ này trở đi là quán sự trang nghiêm nơi chánh báo của cõi nước ấy. Trong việc quán chánh báo thì trước hết là quán Phật, có tất cả tám thứ trang nghiêm. Hai câu kệ này là món thứ nhất, được gọi là “*trang nghiêm tòa công đức*”. Trong pháp Tiểu Thừa, tòa ngồi của đức Phật [khi Ngài chứng đạo] chỉ là cỏ Cát Tường, thân Phật cao một trượng sáu thước, có hình tướng của một vị lão tỳ-kheo. Trong pháp Đại Thừa thì khác hẳn: Tòa ngồi của đức Phật bằng bảy báu, cho đến vô lượng thứ báu trang nghiêm. Thân Phật cao ngàn trượng, cho đến cao lớn vô lượng. Các căn, tướng hảo, mỗi mỗi đều vô lượng. Vì sao có sự sai biệt ấy? Thuận theo tâm chúng sanh, ứng theo khả năng nhận biết của họ. Do tâm lượng của chúng sanh [khác nhau] mà cảnh

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

giới bất đồng. Vì thế, trông thấy khác nhau. Chẳng hạn như cùng là nước sạch, cá thấy là nhà cửa, người thấy là nước, chư thiên thấy là chất báu lưu ly. Trông thấy tòa của đức Phật khác nhau cũng giống như thế đó.

A Di Đà Phật khi Ngài còn đang tu nhân (đó là “*bổn*”), trông thấy Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát vào đời cuối cùng (“*mạt hậu thân*” tức là từ đây trở đi chẳng còn thọ thân sanh tử nữa) ngồi trên cỏ Cát Tường mà thành Phật. Như Bốn Sư Thích Ca Thế Tôn chính là như vậy đây. A Nậu Đa La (Anuttarā) dịch là Vô Thượng, Tam Miệu (Samyak) dịch là Chánh Đẳng, Tam Bồ Đề (Sambodhi) dịch là Chánh Giác. Thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tức là thành Phật. Tòa của đức Phật chỉ là cỏ Cát Tường thông thường, thân Phật lại là hình tướng lão tỳ-kheo; như vậy thì sẽ khiến cho khi trời người nhìn vào, chẳng thể sanh khởi lòng tin tăng thượng và lòng cung kính tăng thượng. Đây là thiếu khuyết Tín môn. Chẳng sanh lòng yêu thích tăng thượng; đây là thiếu khuyết Nguyện môn. Chẳng sanh tâm tu hành tăng thượng; đây là thiếu khuyết hai môn Hành và Niệm. Bốn môn như thế đều chẳng viên mãn, nói theo phía chúng sanh, sẽ là tổn thất lớn nhất, mà cũng là chướng ngại lớn nhất để thành Phật. Do vậy, đức Di Đà phát nguyện khi Ngài thành Phật, tòa của Ngài sẽ chẳng phải là cỏ Cát Tường thông thường. Đây là dựa theo nhu cầu của chúng sanh, mà phát Bồ Đề tâm (nguyện), nương theo tâm Bồ Đề mà thành Phật.

(Chú) Thị cố nguyện ngôn: Ngã thành Phật thời, sử vô lượng đại bảo vương, vi diệu tịnh hoa đài dĩ vi Phật tòa.

(註)是故願言：我成佛時，使無量大寶王，微妙淨華臺以為佛座。

(Chú: Vì thế, nguyện rằng: Khi tôi thành Phật, khiến cho vô lượng đại bảo vương, hoa đài thanh tịnh vi diệu làm tòa của đức Phật).

Phật Di Đà phát nguyện, Ngài thành Phật, tòa của Ngài sẽ do vô lượng đại bảo tạo thành, đài hoa sen vi diệu thanh tịnh làm tòa. Hoa sen mọc từ bùn lầy mà chẳng bị nhuốm bẩn, ví như Phật từ phàm phu tu hành thành Phật. Hoa sen là hoa quả đồng thời, ví như Phật tu nhân Nhất Thừa (nhất tâm vạn hạnh), chứng quả Nhất Thừa (vạn hạnh nhất tâm). Nhân bao trùm biến quả, quả thấu triệt nguồn nhân, nhân và quả

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

cùng ở trong một tâm. Pháp vốn là “*bất tức, bất ly*” (chẳng chính là, chẳng lìa). “*Bất tức*” là vô tướng, “*bất ly*” chính là “vô bất tướng” (chẳng phải là không có tướng). Vô tướng, vô bất tướng; đây là Thật Tướng của các pháp. Rốt ráo chứng đắc Thật Tướng của các pháp thì gọi là “*thành Phật*”.

Như kinh Quán Phật Tam Muội đã dạy: “*Phật tòa thị đại hồng bảo liên hoa vương*” (Tòa của Phật là đại hồng bảo liên hoa vương). Đây chính là dùng hoa sen để tượng trưng cho tâm người. Phật là do tu tâm mà thành; tâm chúng sanh tuy là cái tâm hư vọng, phân biệt, nhưng tu hành trọn chẳng thể lìa vọng tâm này.

Do vậy, Thiên Thai Chỉ Quán chính là đốc sức nơi Ý Thức, tức thức thứ sáu (vọng tâm) mà tu tập. Chỉ Quán viên thành, chính là lìa vọng tâm, hiển lộ chân tâm. Điều này được gọi là “*hiển tâm thành trí*”. Cái tâm Chân Như hiển lộ ấy được gọi là “*như như Phật*”. Tứ Trí Bồ Đề được thành tựu thì gọi là “*trí huệ Phật*”. Điều ấy được gọi là “*thành Đẳng Chánh Giác*”.

Trong phần sau, ngài Đàm Loan dẫn kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật để giải thích lời kệ. Đây là phù hợp thích đáng nhất; vì Luận Chủ soạn luận này, đã dựa trên kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh, dùng kinh để dung hội luận thì mới là khít khao, không sai sót!

(Chú) Vô lượng giả, như Quán Vô Lượng Thọ Kinh ngôn: “Thất bảo địa thượng, hữu đại bảo liên hoa vương tòa. Liên hoa nhất nhất diệp, tác bách bảo sắc, hữu bát vạn tứ thiên mạch, do như thiên họa. Mạch hữu bát vạn tứ thiên quang. Hoa diệp tiểu giả, tung quang nhị bách ngũ thập do-tuần. Như thị liên hoa cụ hữu bát vạn tứ thiên diệp (dĩ thượng tổng minh hoa tòa). Nhất nhất diệp gian, hữu bách ức ma-ni châu vương, dĩ vi ánh sức. Nhất nhất ma-ni, phóng thiên quang minh. Kỳ quang như cái, thất bảo hợp thành, biến phú địa thượng (dĩ thượng thị minh hoa diệp trang nghiêm). Thích Ca Tỳ Lăng Già bảo, dĩ vi kỳ đài. Thử liên hoa đài, bát vạn kim cang, Chân Thúc Ca bảo, Phạm ma-ni bảo, diệu chân châu võng, dĩ vi hiệu sức (dĩ thượng minh hoa đài trang nghiêm). Ư kỳ đài thượng, tự nhiên nhi hữu tứ trụ bảo tràng. Nhất nhất bảo tràng, như bách thiên vạn ức Tu Di sơn. Tràng thượng bảo mạn, như Dạ Ma thiên cung. Hữu ngũ bách ức vi diệu bảo châu, dĩ vi ánh sức. Nhất nhất bảo châu, hữu bát vạn tứ thiên quang. Nhất nhất quang, tác bát vạn tứ thiên dị chủng kim sắc (dĩ thượng minh hoa tràng trang nghiêm).

Nhất nhất kim quang, biến An Lạc bảo độ, xứ xứ biến hóa, các tác dị tướng. Hoặc vì kim cang đài, hoặc tác chân châu võng, hoặc tác tạp hoa vân. Ư thập phương diện, tùy ý biến hiện, thi tác Phật sự” (dĩ thượng minh hoa tòa hữu bất khả tư nghị đức dụng). Như thị đấng sự, xuất quá số lượng. Thị cố ngôn: “Vô lượng đại bảo vương, vi diệu tịnh hoa đài”.

(註)無量者，如觀無量壽經言：七寶地上，有大寶蓮華王座。蓮華一一葉，作百寶色，有八萬四千脈，猶如天畫。脈有八萬四千光。華葉小者，縱廣二百五十由旬。如是蓮華具有八萬四千葉(以上總明華座)。一一葉間，有百億摩尼珠王，以為映飾。一一摩尼，放千光明。其光如蓋，七寶合成，遍覆地上(以上是明華葉莊嚴)。釋迦毘楞伽寶，以為其臺。此蓮華臺，八萬金剛，甄叔迦寶，梵摩尼寶，妙真珠網，以為校飾(以上明華臺莊嚴)。於其臺上，自然而有四柱寶幢。一一寶幢，如百千萬億須彌山。幢上寶幔，如夜摩天宮。有五百億微妙寶珠，以為映飾。一一寶珠，有八萬四千光。一一光，作八萬四千異種金色(以上明華幢莊嚴)。一金光，遍安樂寶土，處處變化，各作異相。或為金剛臺，或作真珠網，或作雜華雲。於十方面，隨意變現，施作佛事(以上明華座有不可思議德用)。如是等事，出過數量。是故言：無量大寶王，微妙淨華臺。

(*Chú*: “*Vô lượng*” là như kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã nói: “Trên đất bảy báu, có tòa đại bảo liên hoa vương. Mỗi cánh hoa sen có màu của trăm thứ báu, có tám vạn bốn ngàn đường gân như nét vẽ cõi trời. Mỗi đường gân có tám vạn bốn ngàn quang minh. Cánh hoa nhỏ có kích thước là hai trăm năm mươi do-tuần. Hoa sen như thế có đủ tám vạn bốn ngàn cánh (trên đây là nói tổng quát về hoa tòa). Giữa mỗi cánh hoa, có trăm ức ma-ni châu vương để tô điểm chói ngời. Mỗi viên ma-ni tỏa ra một ngàn tia quang minh. Quang minh ấy như cái lọng, do bảy báu hợp thành, che rợp trên đất (trên đây là nói về sự trang nghiêm nơi cánh hoa). Chất báu Thích Ca Tỳ Lãng Già dùng làm đài hoa. Đài hoa sen ấy có tám vạn kim cang, chất báu Chân Thúc Ca,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

báu Phạm ma-ni, lưới chân châu màu nhiệm dùng để trang hoàng (trên đây là nói về sự trang nghiêm của đài hoa). Ở trên đài ấy, tự nhiên có bốn trụ tràng báu. Mỗi tràng báu như trăm ngàn vạn ức núi Tu Di. Màn báu trên tràng như cung trời Dạ Ma. Có năm trăm ức bảo châu vi diệu để tô điểm chói ngời. Mỗi viên bảo châu có tám vạn bốn ngàn tia quang minh. Mỗi quang minh có tám vạn bốn ngàn sắc vàng khác loại (trên đây là nói về sự trang nghiêm nơi tràng hoa). Mỗi sắc vàng trọn khắp cõi báu An Lạc, biến hóa khắp nơi. Mỗi sắc biến hóa các tướng khác nhau. Hoặc là đài kim cang, hoặc là lưới chân châu, hoặc là mây các thứ hoa khác nhau. Trong mười phương, tùy ý biến hiện, thực hiện Phật sự” (trên đây là nói rõ hoa tòa có đức dụng chẳng thể nghĩ bàn). Những chuyện như vậy đều vượt khỏi số lượng. Vì thế nói: “Vô lượng đại bảo vương, đài hoa tịnh vi diệu”).

“Thích Ca Tỳ Lăng Già” (Śakrābhi lagna-mani-ratna) là tiếng Phạn, là tên của bảo châu, dịch là Năng Thắng (能勝), do loại chất báu này có thể vượt xa hết thảy các thứ báu trong thế gian. Chân Thúc Ca (Kimsuka) là tiếng Phạn, dịch nghĩa là Xích Sắc Bảo (chất báu có màu đỏ). “Vô lượng đại bảo vương” là nói theo kiểu biểu thị pháp, tức là nhất tâm vi diệu hiện tiền của chúng ta trọn đủ ba ngàn tánh tướng. Do trọn đủ về Lý, bèn có vô lượng công dụng về mặt Sự. Làm chúng sanh hay làm Phật, đều do cái tâm này, nên gọi là “đại bảo”. Nương theo tâm mà hiện cảnh, hoa tòa trang nghiêm, chẳng hiện mà hiện, tự tại vô ngại, nên gọi là Vương (王). “Hoa diệp” (華葉) chính là cánh hoa. “Mạch” (脈) chính là đường gân trên cánh hoa, giống như vân tay, cũng giống như đường gân, dường như nét vẽ khéo léo của thiên nhiên. Trên mỗi đường gân, đều tỏa ra tám vạn bốn ngàn tia quang minh. Mỗi cánh hoa to hai trăm năm mươi do-tuần, một do-tuần là bốn mươi dặm, tức là to chừng một vạn dặm. Cánh hoa to ngàn ấy, lại nhiều đến tám vạn bốn ngàn cánh. Đây là nói tổng quát hình dáng và kích thước của tòa hoa sen do A Di Đà Phật ngồi khi Ngài đã thành Phật.

Giữa cánh hoa này và cánh hoa kia, có rất nhiều Như Ý bảo châu để trang nghiêm (kinh văn ghi là “ánh sức”). Mỗi viên châu lại phóng rất nhiều quang minh, giống như dù, lọng, che khắp hoa tòa và đại địa. Đây là thuyết minh về sự trang nghiêm nơi cánh hoa. Chính giữa hoa sen, có một đài sen rất đẹp đẽ, rất lớn, có rất nhiều trân bảo nổi tiếng nhất, quý nhất để trang nghiêm (kinh văn ghi là “hiệu sức”). Đây là nói về sự trang nghiêm nơi hoa đài. Bốn phía của đài hoa sen ấy, tự nhiên

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

có bốn nhánh, tức bốn tràng báu giống như những cái trụ của đài hoa, hết sức cao lớn, khó thể hình dung, [cho nên] miễn cưỡng dùng núi Tu Di để sánh ví. Núi Tu Di dịch nghĩa là núi Diệu Cao. Do bốn báu hợp thành, nên gọi là Diệu (妙); do vượt xa bảy tầng kim sơn, nên là Cao (高). “Mạn” (幔) tức là màn vải. [“Bảo mạn”] là màn vải do châu báu dệt thành, giăng phủ trên bốn trụ hoa tràng. Mỗi một bảo châu đều phóng tám vạn bốn ngàn tia sáng, mỗi một tia sáng lại tỏa ra các thứ sắc vàng khác nhau. Đây là nói về sự trang nghiêm nơi hoa tràng.

Vô lượng quang minh kim sắc, mỗi kim sắc đều là chiếu rọi trọn khắp quốc độ Cực Lạc. Tùy theo căn cơ của chúng sanh trong cõi ấy mà biến hiện các thứ tướng trang nghiêm hy hữu, lạ lùng: Hoặc hiện đài sen bằng chất báu kim cương, hoặc hiện lưới chân châu, mây các thứ hoa, che phủ hoa tòa và toàn thể mặt đất. Lại còn từ bốn phương tám hướng của hoa tòa, tùy ý biến hiện các thứ Phật sự, chẳng hạn như: Tu Lục Độ, hành Tứ Nhiếp, niệm Phật, Pháp, Tăng, giảng kinh, tụng kinh, tọa Thiền, lạy Phật, kinh hành, khát thực v.v... Phàm là những chuyện có thể lợi ích chúng sanh, thuận theo căn tánh, mong muốn, ước nguyện của chúng sanh, xứng hợp những chỗ tốt đẹp, mà hóa hiện những chuyện ấy, khiến cho chúng sanh ngay khi đó đạt được lợi ích. Đây là nói rõ hoa tòa có đức dụng chẳng thể nghĩ bàn, được gọi là “*thi tác Phật sự*” (thực hiện Phật sự).

Ngài Đàm Loan trích dẫn kinh văn của Quán Kinh, tôi đã giảng giải giản lược. “*Như thị đẳng sự, xuất quá số lượng*” (Những chuyện như vậy đều vượt khỏi số lượng): Hai câu này nhằm tổng kết phân quan sát hoa tòa [được nói] trong phần trước, mỗi thứ đều có sự trang nghiêm vượt xa số lượng. Do vậy, lời Kệ ghi là: “*Vô lượng đại bảo vương, vi diệu tịnh hoa đài*” (Vô lượng đại bảo vương, đài hoa tịnh, vi diệu).

Kế đó, Quán Kinh còn nói: “*Như thử diệu hoa, thị bốn Pháp Tạng tỳ-kheo nguyện lực sở thành. Nhược dục niệm bỉ Phật giả, đương tiên tác thử hoa tòa tướng. Tác thử tướng thời, bất đắc tạp quán... Thử tướng thành giả, diệt trừ ngũ vạn ức kiếp sanh tử chi tội, tất định đương sanh Cực Lạc thế giới*” (Hoa màu nhiệm như thế vốn do nguyện lực của tỳ-kheo Pháp Tạng tạo thành. Nếu là người muốn niệm Phật, trước hết hãy nên tưởng hoa tòa này. Khi quán tưởng điều này, đừng nên quán xen tạp... Phép quán tưởng này thành tựu, sẽ diệt trừ tội trong năm vạn ức kiếp sanh tử, nhất định sẽ sanh về thế giới Cực Lạc). Đây là các vị thượng thiện nhân! Hoa tòa của Phật Di Đà có sự trang nghiêm

vi diệu như thế. Từ cái quả mà suy ra cái nhân, có thể biết bốn nguyên công đức của Phật Di Đà xác thực là chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, hãy nên tin sâu: Nếu có chúng sanh chí tâm tin ưa, mười niệm thành công, quyết định được sanh về Cực Lạc.

2.2.1.2.3.1.3.3.2. Công đức nơi thân nghiệp

(Luận) *Tướng hảo quang nhất tâm, sắc tượng siêu quần sanh.*

(Chú) *Thử nhị cú, danh “trang nghiêm thân nghiệp công đức thành tựu”. Phật bốn hà cổ trang nghiêm như thử thân nghiệp? Kiến hữu Phật thân, thọ nhất trượng quang minh, u nhân thân quang, bất thậm siêu tuyệt. Như Chuyển Luân Vương tướng hảo diệc đại đồng, Đề Bà Đạt Đa sở giảm duy nhị, trí linh A Xà Thế vương dĩ tư hoặc loạn, San Xà Da đẳng cảm như đang lang, hoặc như thử loại dã. Thị cổ trang nghiêm như thử thân nghiệp.*

(論) 相好光一尋，色像超群生。

(註) 此二句，名莊嚴身業功德成就。佛本何故莊嚴如此身業？見有佛身，受一丈光明，於人身光，不甚超絕。如轉輪王相好亦大同，提婆達多所減唯二，致令阿闍世王以茲惑亂，刪闍耶等敢如螻蛄，或如此類也。是故莊嚴如此身業。

(Luận): *Tướng hảo quang một tâm, hình sắc vượt quần sanh.*

Chú: Hai câu này gọi là “trang nghiêm thân nghiệp công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà Phật trang nghiêm thân nghiệp như thế? Do Ngài thấy có những vị Phật thân có quang minh [chiếu xa] một trượng, đối với quang minh nơi thân con người thì chẳng trội hơn cho lắm! Như [đem tướng hảo của Phật so sánh với] tướng hảo của vua Chuyển Luân thì cũng gần giống như nhau. Đề Bà Đạt Đa chỉ ít hơn hai trượng, [thế mà ông ta có thể] dùng [những trượng] đó khiến cho vua A Xà Thế bị mê hoặc. Những kẻ như San Xà Da v.v... dám [vênh váo] như bọ ngựa, hoặc là các sự việc giống như vậy. Vì thế, trang nghiêm thân nghiệp như thế).

Vì sao A Di Đà Phật phải trang nghiêm thân Phật? Theo lời giải thích của ngài Đàm Loan, vì khi Phật Di Đà còn thuộc địa vị Bồ Tát, trông thấy có vị Phật, thân quang (quang minh nơi thân) là một trong ba mươi hai tướng, còn gọi là “thường quang”, hoặc “viên quang” chỉ có

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

(lời chú giải dùng chữ Thọ, 受) một trọng. So sánh với người thế gian, sẽ chẳng có sự thù thắng hơn hẳn (lời chú giải dùng chữ Tuyệt (絕) để diễn tả điều này) rất lớn. Chẳng hạn như: Chuyển Luân thánh vương trong thế gian cũng có ba mươi hai tướng giống như vậy, bất quá chẳng rõ ràng như Phật mà thôi! Lại như em họ của Thích Ca Thế Tôn là Đề Bà Đạt Đa (Devadatta), [tên vị này] dịch là Thiên Nhiệt, cũng có ba mươi tướng, chỉ giảm bớt hai tướng là tướng nhục kế trên đỉnh đầu và tướng bạch hào giữa hai mày.

Do vậy, khiến cho vua A Xà Thế (Ajātasatru) nước Ma Kiệt Đà (Magadha) thưở đó tâm thần mê hoặc, làm lạc, kính phụng Đề Bà Đạt Đa như Phật. Lại như ông San Xà Da (Samjaya Vairāṣṭrikaputra), dịch nghĩa là Đẳng Thắng, là một ngoại đạo chủ trương tự nhiên trong lục sư ngoại đạo³⁴, cho rằng chẳng cần tu hành, tròn tám vạn kiếp sẽ tự nhiên đắc đạo. Những kẻ theo lục sư ngoại đạo rất đông, vì thế nói là “*San Xà Da đặng*” (San Xà Da v.v...) “*Cảm như đang lang*” (Dám [vênh váo] như con bọ ngựa), chính là nói lục sư ngoại đạo coi thường đức Bổn Sư, chẳng sanh lòng tôn kính, chẳng tự lượng sức, công khai dám đối kháng đức Phật, giống như con bọ ngựa lại dám giương cang ngăn xe, đúng là ngu si không chi hơn!

“*Hoặc như thử loại dã*”: Câu này nhằm nói, hoặc là có những kẻ khác, trông thấy tướng hảo của Phật trọn chẳng đặc biệt siêu tuyệt, cho nên chẳng sanh lòng kính trọng, chẳng có lòng quy ngưỡng, tin tưởng,

³⁴ Lục sư ngoại đạo là sáu luận sư lớn thời đức Phật, có đồ chúng đông đảo, đề ra những triết thuyết trái nghịch Phật pháp:

1) San Xà Da Tỳ La Chi Tử (Samjaya Vairāṣṭrikaputra) chủ trương chủ nghĩa hoài nghi. Chủ trương đối với sự vật đều chẳng thể nào hiểu biết.

2) A Kỳ Đa Xí Xá Khâm Bà La (Ajita-kesakambarin) chủ trương đoạn diệt luận, phủ nhận hành vi thiện ác trong đời này sẽ ảnh hưởng đến quả báo trong đời sau. Con người chết đi tức Tứ Đại chia lìa, không còn gì hết.

3) Mạt Già Lê Câu Xá Lê Tử (Maskarī Gośālīputra), chủ trương Chánh Mạng Luận, tức là khổ vui đều đã định sẵn. Kẻ trí, người ngu, thiện ác gì đi nữa thì sau tám ngàn đại kiếp sẽ đều được giải thoát.

4) Phú Lan Na Ca Diếp (Purāṇa-kāśyapa) phủ nhận giá trị chân thật của thiện ác, do vậy không quý trọng đạo đức. Ông ta chủ trương chẳng cần phải hành thiện để đạt được giải thoát.

5) Ca La Cưu Đà Ca Chiên Diên (Kakudha-kātyāyana) giải thích sự hiện hữu của thế giới thông qua bảy yếu tố cơ bản (địa, thủy, hỏa, phong, khổ, lạc, mạng).

6) Ni Kiền Đà Nhã Đề Tử (Niganṭha-Jñatiputra): người sáng lập Kỳ Na giáo (Jain), theo chủ thuyết tương đối.

những kẻ như San Xà Da đáng thương, đáng tiếc quá! Do có các nguyên nhân như vừa nói trên đây; cho nên Phật Di Đà trong lúc tu nhân, phát nguyện sẽ trang nghiêm thân nghiệp chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho hết thảy chúng sanh tin kính, tôn trọng, quy hướng đức Phật bèn được liễu sanh thoát tử, cùng thành Phật đạo. Đây cũng là hoàn toàn phát xuất từ tâm đại từ bi đồng thể.

(Chú) Ấn thử gian hõ huân, lục xích viết Tầm. Như Quán Vô Lượng Thọ Kinh ngôn: “A Di Đà Như Lai, thân cao lục thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần, Phật viên quang như bách ức tam thiên đại thiên thế giới”. Dịch giả dĩ Tầm nhi ngôn, hà kỳ hõi hồ? Lý xá gian nhân, bất giản tung hoành, trường đoản, hàm vị hoành thư lưỡng thủ tý vi Tầm. Nhược dịch giả hoặc thủ thử loại, dụng chuẩn A Di Đà Như Lai thư tý vi ngôn, cố xưng “nhất tầm” giả, viên quang diệp ưng kính lục thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần. Thị cố ngôn: “Tướng hảo quang nhất tầm, sắc tượng siêu quần sanh”.

(註)案此間詰訓，六尺曰尋。如觀無量壽經言：阿彌陀如來，身高六十萬億那由他恒河沙由旬，佛圓光如百億三千大千世界。譯者以尋而言，何其晦乎？里舍間人，不簡縱橫長短，咸謂橫舒兩手臂為尋。若譯者或取此類，用準阿彌陀如來舒臂為言，故稱一尋者，圓光亦應徑六十萬億那由他恒河沙由旬。是故言：相好光一尋，色像超群生。

(Chú: Xét theo cách giảng giải trong thể gian này thì sáu thước gọi là một Tầm. Như kinh Quán Vô Lượng Thọ có nói: “Thân của A Di Đà Như Lai cao sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần, viên quang của Phật như trăm ức tam thiên đại thiên thế giới”. Dịch giả dùng chữ Tầm để nói mới mờ mịt làm sao? Người ở chốn quê mùa không phân biệt ngang, dọc, dài, ngắn, đều nói hễ giang hai cánh tay ngang ra thì gọi là một Tầm. Nếu dịch giả dùng kiểu nói ấy, chuẩn theo A Di Đà Như Lai giang tay để nói, cho nên bảo là “một tầm” thì viên quang [của Ngài] cũng phải rộng đến sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần. Vì thế nói: “Tướng hảo quang một tầm, hình sắc vượt quần sanh”).

Đôi với lời Kệ “tướng hảo quang nhất tầm”, chiếu theo cách

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

“*hồ huẩn*” của Trung Hoa, tức là dùng ngôn ngữ đã biết trong hiện thời để giải thích các từ ngữ chưa biết thời cổ, [điều ấy] được gọi là Hồ Huẩn (詁訓), thì chỉ có sáu thước là một Tầm. Nói theo kiểu ấy thì thân quang của Phật Di Đà chỉ có sáu thước, thật sự là quá nhỏ! Như Quán Kinh có nói: “*Thân A Di Đà Như Lai cao sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần, viên quang của Phật như trăm ức tam thiên đại thiên thế giới*”. Na-do-tha (Nayutah) là tiếng Phạn, dịch là Úc. Cát trong một sông Hằng đã là Vô Ương Số (無央數, dịch nghĩa của chữ A-tăng-kỳ), huống hồ là sáu mươi vạn ức sông Hằng. Cát trong các sông Hằng nhiều ngàn ấy, chẳng có cách nào tính toán được! Coi một hạt cát là một do-tuần, một do-tuần (Yojanā) là bốn mươi dặm. Vì thế, thân quang của Phật Di Đà rộng lớn vô lượng, chẳng thể tính toán. Nhưng vị đại đức phiên dịch bộ luận này dùng một Tầm để nói, “*hà kỳ hối hồ*”? Chữ Hối (晦) đọc là Hối (誨). Mỗi tháng có ba mươi ngày; [ngày cuối tháng], đêm đen không có trăng được gọi là Hối. Dịch thân quang của Phật Di Đà là [to rộng] “*một Tầm*”, sao mà lại tối tăm, chẳng trong sáng ngàn ấy, khiến cho người ta mê hoặc, chẳng hiểu như vậy?

Thường là những người sống ở nông thôn (lý xá gian, 里舍間), chẳng có kiến thức để phân biệt độ rộng ngang, dọc, dài, ngắn, chỉ gọi [khoảng cách giữa] hai cánh tay duỗi thẳng sang hai bên là một Tầm để tính toán dài ngắn. Nếu như vị đại đức phiên dịch có thể cũng dùng [khoảng cách khi] Phật Di Đà duỗi ngang hai tay để hình dung thân quang của Ngài là [chiều xa] một Tầm, vậy thì viên quang (thân quang) cũng phải nên có độ lớn với đường kính là sáu mươi vạn ức Hằng hà sa do-tuần; sự to lớn ấy đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Nói theo ý nghĩa ấy: Phật Di Đà có vô lượng tướng, vô lượng hảo, viên quang của Ngài là một Tầm, thân thể sắc tượng ấy đích xác là vượt xa hết thầy quần sanh, vậy thì vẫn có thể nói suông sẽ được!

(Chú) Văn viết: - Quán Vô Lượng Thọ kinh ngôn: “Chư Phật Như Lai thị pháp giới thân, nhập nhất thiết chúng sanh tâm tướng trung. Thị cố nhữ đẳng tâm tướng Phật thời, thị tâm tức thị tam thập nhị tướng, bát thập tùy hình hảo. Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật, chư Phật Chánh Biến Tri hải tòng tâm tướng sanh”. Thị nghĩa vân hà?

(註)問曰：觀無量壽經言：諸佛如來是法界身，入一切眾生心想中。是故汝等心想佛時，是心即是三十二相，

八十隨形好。是心作佛，是心是佛，諸佛正遍知海從心想生。是義云何？

(Chú: Hỏi: - Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, vào trong tâm tưởng của hết thầy chúng sanh. Vì thế, khi tâm các ông tưởng Phật, tâm này chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biển Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tưởng”. Nghĩa ấy là như thế nào?)

Đoạn này dựa theo [những điều] kinh [Quán Vô Lượng Thọ Phật] đã nói để lập ra lời hỏi, nghĩa ấy rất sâu; nay sẽ giải thích đơn giản, trọng yếu như sau: Chư Phật dùng gì làm thân thể? Chính là dùng pháp giới làm Thể. Pháp giới là gì? Chính là cái tâm thanh tịnh mà chư Phật và chúng sanh có cùng một Thể, còn gọi là Pháp Thân, hoặc Pháp Tánh. Tâm ấy tạo đủ hết thầy các pháp y báo và chánh báo thuộc mười pháp giới (lục phàm tứ thánh). “*Tâm trọn đủ*” là Thể, là Chân Như Môn. “*Tâm tạo*” là Dụng, là Sanh Diệt Môn. Nhất tâm nhị môn, Thể và Dụng chẳng tách lìa, Thể là Tổng Tướng chẳng khác, đều gọi là “*pháp*”. Dụng là Biệt Tướng chẳng một, mỗi mỗi đều có giới hạn. Pháp nào cũng đều có Tổng, Biệt, Thể, Dụng, chẳng khác, chẳng một, thường giống như nhau mà thường khác. Vì thế gọi là “*pháp giới*”. Đã là chúng sanh và Phật đồng thể, chẳng khác, chẳng một, cho nên chúng sanh và Phật trọn khắp lẫn nhau, thân Phật vào trong tâm chúng sanh, tâm chúng sanh cũng nhập vào tâm của chư Phật. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tâm, Phật và chúng sanh, ba điều ấy chẳng sai khác*”. Có thể liễu giải các pháp trong mười giới chẳng ra ngoài nhất tâm nhị môn. Vậy thì trong lúc quý vị dùng tâm thanh tịnh để quán tưởng thân Phật, đây là Tâm Sanh Diệt Môn, thuận theo tịnh duyên mà khởi tác dụng. Tâm sanh thì pháp sanh; cái tâm ấy ngay lập tức bèn có tướng hảo nơi thân Phật hiển hiện.

Ví như một người, trong khi người ấy chuyên nhất cái tâm, nghĩ nhớ cha mẹ của mình, hình tượng của cha mẹ tất nhiên sẽ xuất hiện trong tâm người ấy. [Hình dáng] cha mẹ xuất hiện chẳng phải là giả, mà là thật. Phật hiện trong tâm cũng giống như vậy. Đức Phật được hiện chính là chân Phật. Điều này gọi là “*thị tâm tác Phật*” (tâm này làm Phật). “*Tác*” chính là quán tưởng. Quán tưởng thì mới có, chẳng quán tưởng sẽ không có. Thế nhưng, các pháp trong mười giới hoàn toàn do nhất tâm hiển hiện, lìa cái tâm thì chắc chắn chẳng có các pháp.

Đó gọi là “*thị tâm thị Phật*” (tâm này là tâm Phật); tâm này là hết thấy các pháp. Do vậy có thể biết, chư Phật và muôn pháp hết thấy hữu tình, vô tình, đều từ nhất tâm có cùng một Thể mà duyên khởi xuất sanh. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: “*Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (Nên quán tánh pháp giới, hết thấy chỉ tâm tạo). Sách Đại Thừa Chi Quán cũng nói: “*Tâm tánh tự thanh tịnh, các pháp chỉ một tâm, tâm này là chúng sanh. Tâm này, Bồ Tát, Phật, ví như nước biển cả, trọn đủ các kho báu*”.

Nếu có thể khôi phục tâm tánh vốn sẵn thanh tịnh, chẳng có phiền não, vọng tưởng, chấp trước, tự tại vô ngại của chúng ta, chứng nhập biển tánh Chân Như. Đây gọi là “*Phật*” (giác), cũng có thể tùy theo duyên khởi khác nhau, mà hoặc gọi nó là “*người*”, hoặc gọi bằng những danh tướng khác đều được, vì là đồng thể, chẳng có gì bất đồng. Do vậy, tổ sư Thiên Tông có nói: “*Lư cước thân thời, Phật thủ khai*” (Khi lừa duỗi chân, Phật xò tay ra). Khi quý vị đã khai ngộ, đích thân chứng các pháp đồng thể, bình đẳng bất nhị, tùy duyên dấy lên tác dụng, hoặc làm tay Phật, hoặc là chân lừa v.v... đều có thể được. Phạm là hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, đều thuận theo tâm chúng sanh, thích ứng với các danh tướng mà chúng sanh đã biết để gọi nó. Một pháp có ngàn tên gọi, tùy duyên mà đặt tên, nhưng thể tánh của nó chẳng có gì bất đồng.

Nếu có thể thông đạt hết thấy các pháp, đều là “*tâm tác*”, chẳng bỗng dưng [mà có], Sanh Diệt Môn đầy nhé. “*Tâm thị*” (Tâm là) chẳng phải là nhân duyên, Chân Như Môn đầy nhé. Nhất tâm nhị môn, Chân Tục nhị đế viên dung vô ngại. Chính từ “*tâm thị*” (tâm là) mà “*tâm tác*” (tâm làm); cho nên chẳng phải là một. Đó gọi là “*toàn tánh khởi tu*”. Ngay từ “*tâm tác*” mà là “*tâm thị*”, cho nên chẳng khác. Đó gọi là “*toàn tu tại tánh*”. Như thế thì sẽ có thể lia lổi chấp trước “*nhị biên*” (hai bên) của ngoại đạo, tức là [chấp trước] Đoạn, Thường, sanh, diệt, một, khác, đến, đi v.v... Đây là Chánh Đẳng Chánh Giác của Phật, còn gọi là “*biển Chánh Biến Tri của chư Phật*”. Chánh Biến Tri ấy ở trong nhất tâm nhị môn thanh tịnh của mỗi người, viên mãn trọn đủ, xuất sanh ngay từ đó. Vì thế, Quán Kinh nói: “*Biển Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tướng*”. Ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo của Phật, xin hãy tra trong Phật Học Từ Điển, chẳng cần phải nói nhiều!

(Chú) Đáp viết: Thân danh tập thành, giới danh Sự biệt. Như

Nhân Giới duyên Căn, Sắc, Không, Minh, Tác Ý, ngũ nhân duyên sanh, danh vi Nhân Giới. Thị Nhân dẫn tự hành kỹ duyên, bất hành tha duyên, dĩ Sự biệt cố. Nhĩ, Tỵ, đẳng giới diệc như thị. Ngôn: “Chư Phật Như Lai thị pháp giới thân” giả, pháp giới thị chúng sanh tâm pháp dã. Dĩ tâm năng sanh thế gian xuất thế gian nhất thiết chư pháp, cố danh tâm vi pháp giới. Pháp giới năng sanh chư Như Lai tướng hảo thân, diệc như Sắc đẳng năng sanh Nhân Thức. Thị cố Phật thân danh pháp giới thân. Thị thân bất hành tha duyên, thị cố nhập nhất thiết chúng sanh tâm tưởng trung. Tâm tưởng Phật thời, thị tâm tức thị tam thập nhị tướng, bất thập tùy hình hảo giả. Đương chúng sanh tâm tưởng Phật thời, Phật thân, tướng hảo, hiển hiện chúng sanh tâm trung dã. Thí như thủy thanh tác sắc tượng hiện. Thủy chi dữ tượng, bất nhất, bất dị, cố ngôn: “Phật tướng hảo thân tức thị tâm tưởng dã”. Thị tâm tác Phật giả, ngôn tâm năng tác Phật dã. Thị tâm thị Phật giả, tâm ngoại vô Phật dã. Thí như hỏa tùng mộc xuất, hỏa bất năng ly mộc dã. Dĩ bất ly mộc cố, tác năng thiêu mộc. Mộc vị hỏa thiêu, mộc tức vi hỏa dã. Chư Phật Chánh Biến Tri hải tùng tâm tưởng sanh giả, Chánh Biến Tri giả, chân chánh như pháp giới nhi tri dã. Pháp giới vô tướng, cố chư Phật vô tri dã. Dĩ vô tri, cố vô bất tri dã. Vô tri nhi tri giả, thị Chánh Biến Tri dã. Thị tri thâm quảng bất khả trắc lượng, cố thí hải dã.

(註)答曰：身名集成，界名事別。如眼界，緣根，色，空，明，作意，五因緣生，名為眼界。是眼但自行己緣，不行他緣，以事別故。耳，鼻等界亦如是。言：諸佛如來是法界身者，法界是眾生心法也。以心能生世間出世間一切諸法，故名心為法界。法界能生諸如來相好身，亦如色等能生眼識。是故佛身名法界身。是身不行他緣，是故入一切眾生心想中。心想佛時，是心即是三十二相，八十隨形好者。當眾生心想佛時，佛身相好，顯現眾生心中也。譬如水清則色像現。水之與像，不一。不異，故言：佛相好身即是心想也。是心作佛者，言心能作佛也。是心是佛者，心外無佛也。譬如火從木出，火不能離木也。以不離木故，則能燒木。木為火燒，木即為火也。諸佛正遍知海從心想生者，正遍知者，真正如法界而知也。法界無

相，故諸佛無知也。以無知，故無不知也。無知而知者，是正遍知也。是知深廣不可測量，故譬海也。

(*Chú: Đáp: Thân là do [các duyên] tập hợp thành, Giới là do các sự khác biệt [mà chia riêng thành từng nhóm]. Như Nhãn Giới duyên theo năm nhân duyên là Căn, Sắc, Không, Minh, và Tác Ý mà sanh ra, bèn gọi là Nhãn Giới. Nhãn ấy chỉ tự hành theo duyên của chính mình, chẳng hiện hành theo các duyên khác, bởi các sự khác biệt. Các giới như Nhĩ Giới, Tỵ Giới v.v... cũng giống như vậy. Nói “chư Phật Như Lai là thân pháp giới” vì pháp giới là tâm pháp của chúng sanh vậy. Do tâm có thể sanh hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, nên gọi tâm là “pháp giới”. Pháp giới có thể sanh ra thân và tướng hảo của chư Như Lai, cũng như Sắc v.v... có thể sanh ra Nhãn Thức. Vì thế, thân Phật được gọi là “pháp giới thân”. Thân ấy chẳng hành theo các duyên khác. Vì thế, vào trong tâm tướng của hết thấy chúng sanh. Khi tâm tướng Phật, tâm này chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, tức là ngay trong khi tâm chúng sanh tướng [Phật], thân và tướng hảo của Phật hiển hiện trong tâm chúng sanh. Ví như nước trong thì hình sắc hiện. Nước và hình sắc chẳng một, chẳng khác. Vì thế nói thân và tướng hảo của Phật chính là tâm tướng. “Tâm này làm Phật” là nói “tâm có thể làm Phật”. “Tâm này là Phật”: Ngoài tâm không có Phật. Ví như lửa từ gỗ mà ra, lửa chẳng thể lìa gỗ. Do chẳng thể lìa gỗ, nên có thể đốt gỗ. Gỗ bị lửa thiêu, gỗ chính là lửa. “Biển Chánh Biến Tri của Phật sanh từ tâm tướng”: Chánh Biến Tri là thật sự biết đúng như pháp giới. Pháp giới vô tướng; vì thế, chư Phật vô tri. Do vô tri, cho nên không gì chẳng biết. Không biết mà biết thì là Chánh Biến Tri. Cái biết ấy sâu rộng chẳng thể lường, cho nên sánh ví như biển).*

Đoạn giải đáp này của ngài Đàm Loan phần lớn là theo sự tương để giải thích lời văn trong Quán Kinh. Những điều tôi đã nói trong phần trước phần nhiều là dựa theo sự liễu đạt lý tánh. Lý do Sự hiện, Sự do Lý thành. Lý và Sự viên dung vô ngại thì mới có thể gọi là “đại khai viên giải”. Ngài Đàm Loan giải thích Chánh Biến Tri là “chư Phật vô tri; do vô tri nên không gì chẳng biết”. [Ngài cho rằng] “vô tri mà tri” là Chánh Biến Tri. Đây là vì Ngài đã từng học Lão Trang, nên đã dùng cách nói của Đạo gia: “Vô tri nhi vô sở bất tri, vô vi nhi vô sở bất vi” (Không biết mà không điều gì chẳng biết, không làm mà không

điều gì chẳng làm), dùng điều này để mô tả Chánh Biến Tri của chư Phật là “*vô tri nhi tri*”. Điều này chỉ có thể coi là cách nói theo Tỷ Lượng, chẳng thể coi là cảnh Hiện Lượng được!

Tam Miệu Tam Phật Đà (Samyak Sambuddha) trong tiếng Phạn dịch là Chánh Biến Trí, Chánh Biến Giác, hoặc Chánh Biến Tri. Như quyển thứ hai của Đại Trí Độ Luận có nói: “*Cớ sao gọi là Tam Miệu Tam Phật Đà? Tam Miệu (Samyak) là Chánh, Tam (Sam) là Biến (trọn khắp), Phật (Buddha) là Tri. Do vậy nói là Chánh Biến Tri hết thảy các pháp*”.

Kinh Đại Niết Bàn, quyển thứ mười tám nói: “*Vân hà Chánh Biến Tri? Chánh danh bất điên đảo, Biến Tri giả u tú điên đảo vô bất thông đạt*” (Thế nào là Chánh Biến Tri? Chánh là chẳng điên đảo, Biến Tri là đối với bốn món điên đảo³⁵ không gì chẳng thông đạt). Sách Danh Nghĩa Tập, quyển thứ nhất ghi: “*Tam Miệu Tam Phật Đà, ngài La Thập dịch là Chánh Biến Giác. Ý nói: Do pháp không sai lạc nên bảo là Chánh. Trí không gì chẳng trọn khắp nên gọi là Biến. Do thoát khỏi giấc mộng sanh tử nên gọi là Giác*”. Dựa theo những điều kinh luận đã nói thì chẳng phải là “*không biết mà biết*” bèn gọi là Chánh Biến Tri được! Phải nên là: Tịnh tâm Chân Như Môn của chư Phật có Như Lý Trí, chứng Chân Đế, chẳng phạm lỗi điên đảo, tà kiến, thì gọi là Chánh Tri. Tịnh tâm Sanh Diệt Môn của chư Phật có Như Lượng Trí, chứng Tục Đế, biết trọn các pháp và nhân quả, thường nói là “*bách giới thiên như*”. Đây gọi là Biến Tri. Chánh Biến Tri chính là “*nhất tâm nhị môn, nhị trí*”. Trung Đạo Trí viên dung Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế) thì gọi là Nhất Thiết Chứng Trí, nhiếp trọn hết tất cả trí huệ nơi Phật quả. Do vậy, giác tri linh thông, Bốn Giác tịnh trí viên diệu làm Thể, chẳng thể coi giống như “*vô biết mà biết*” hỗn độn của Đạo gia được!

Do vậy, bộ Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao của tông Thiên Thai có nói: “*Tam trí viên dung mầu nhiệm thì gọi là Chánh Biến Tri. Do vô lượng rất sâu, nên ví như biển. Đây chính là đại giác viên minh rất rạo, chẳng hai, chẳng khác với cái Thể của tâm ta (Bốn Giác). Nay dựa theo Đốn giáo (Thập Lục Quán Kinh), từ ngay tam Hoặc nhiệm (Kiến*

³⁵ Tứ điên đảo là bốn quan niệm điên đảo đối với các pháp của chúng sanh, tức là:

1. Vô thường cho là thường, cho rằng thường là vô thường.
2. Khổ cho là vui, vui tưởng là khổ.
3. Bất tịnh tưởng là tịnh, tưởng tịnh là bất tịnh.
4. Không có ngã mà cho là có ngã, đối với chân ngã lại tưởng là không có ngã.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Tu, Trần Sa, Vô Minh) mà tu cái tâm viên tịnh để quán Phật (nhất tâm tam quán chẳng thể nghĩ bàn), có thể sanh ra biển Chánh Biến Tri của chư Phật. Đây chính là dựa theo Tha Phật (vị Phật ở ngoài tự tâm) để giải thích ‘tâm sanh’. Nếu dựa theo cái tâm này (nhất tâm tam quán) sẽ có thể thành cái quả ngay trong hiện tại (Phật). Đây chính là ước theo vị Phật của chính mình (tự Phật) để giải thích tâm sanh”.

2.2.1.2.3.1.3.3.3. Công đức nơi khẩu nghiệp

(Luận) Như Lai vi diệu thanh, phạm hưởng văn thập phương.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm khẩu nghiệp công đức thành tựu”. Phật bốn hà cổ hưng thử trang nghiêm? Kiến hữu Như Lai, danh tự bất tôn. Như ngoại đạo nhưng nhân xưng Cù Đàm tánh, thành đạo nhật thanh duy triệt Phạm Thiên.

(論)如來微妙聲，梵響聞十方。

(註)此二句，名莊嚴口業功德成就。佛本何故興此莊嚴？見有如來，名似不尊。如外道駘人稱瞿曇姓，成道日聲唯徹梵天。

(Luận: Tiếng Như Lai vi diệu, âm phạm rền mười phương.

Chú: Hai câu này được gọi là “trang nghiêm khẩu nghiệp công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dấy lên sự trang nghiêm này? Do Ngài thấy có Như Lai, danh tự dường như chẳng tôn quý. Như kẻ ngoại đạo đẩy xe gọi [đức Phật] bằng họ là Cù Đàm, âm thanh ngày thành đạo chỉ thấu tới Phạm Thiên).

Do trong lúc tu nhân, Phật Di Đà thấy có những vị Phật mà danh hiệu khi các Ngài thành Phật dường như chẳng tôn quý cho lắm. Chẳng hạn như đức Bồ Sư của chúng ta, khi Ngài thành Phật chẳng bao lâu, một hôm, tĩnh tọa dưới cội cây, bèn có một vị Bà La Môn đang đẩy xe, kẻ ấy được gọi là “*nhưng nhân*” (駘人), đến trước đức Phật bèn rêu họ của Ngài là Cù Đàm (Gautama), ngay cả tên cũng chẳng gọi! Kiểu thái độ khinh thường ấy hết sức vô phép.

Lại nữa, khi đức Bồ Sư vừa mới thành Chánh Giác dưới cội Bồ Đề, chư thiên hoan hỷ, lần lượt bảo ban nhau, nhưng cũng chỉ hạn cuộc trong vòng tam thiên đại thiên thế giới, hoàn toàn chẳng thể danh vang trọn khắp mười phương thế giới; [vì thế nói là “*thành đạo nhật thanh, duy triệt Phạm Thiên*” (âm thanh ngày thành đạo chỉ thấu tới trời Phạm

Thiên)]. Nói theo đạo Bà La Môn của Ấn Độ, từ Vy Nữu Thiên (Vishnu) sanh ra Phạm Thiên (Brahma), từ Phạm Thiên sanh ra tám đứa con³⁶. Đó là khởi nguồn của muôn vật, sanh ra trời đất, nhân dân. Vì thế, Phạm Thiên Vương là chủ của đại thiên thế giới. Do vậy, “*duy triệt Phạm Thiên*” tức chỉ là danh xưng lan truyền trong một đại thiên thế giới.

(Chú) Thị cố nguyện ngôn: Sử ngã thành Phật, diệu thanh hà bố, văn giả ngộ Nhãn. Thị cố ngôn: “Nhu Lai vi diệu thanh, Phạm hưởng văn thập phương”.

(註)是故願言：使我成佛，妙聲遐布，聞者悟忍。是故言：如來微妙聲，梵響聞十方。

(Chú: Vì thế, nguyện rằng: Nếu tôi thành Phật, diệu thanh sẽ lan xa, người nghe [danh hiệu ấy], sẽ ngộ pháp Nhãn. Vì thế nói: “Tiếng Như Lai vi diệu, âm Phạm rền mười phương”).

Ngài Đàm Loan giải thích: Do vậy, Phật Di Đà bèn phát ra nguyện như sau. Nếu như khi Ngài thành Phật, tiếng tăm vi diệu sẽ có thể truyền xa lan rộng (lời chú giải dùng chữ “*hà bố*” (遐布) để diễn tả ý này) thấu tới mười phương vô lượng thế giới, lại còn sẽ khiến cho chúng sanh được nghe danh hiệu Phật, đều có thể ngộ chứng Vô Sanh Pháp Nhãn. Đây chính là điều được thành tựu bởi công đức của nguyện thứ mười bảy và nguyện thứ bốn mươi tám trong bốn mươi tám nguyện. Do vậy nói: “*Nhu Lai vi diệu thanh, Phạm hưởng văn thập phương*” (Tiếng Như Lai vi diệu, âm Phạm rền mười phương).

Bất quá, phần Kệ này cũng có thể giải thích theo cách khác, tức là tiếng nói từ miệng A Di Đà Phật thốt ra có trọn đủ tám loại phạm âm vi diệu, có thể nghe thấu suốt trọn khắp mười phương thế giới. Như vậy thì mới là công đức nơi khẩu nghiệp của A Di Đà Như Lai. Tám loại

³⁶ Truyền thống Ấn Độ giáo giải thích về nguồn gốc của ba vị sáng thế chủ (Vishnu, Brahma và Shiva) khá rắc rối. Họ có nhiều thuyết khác nhau. Ở đây, ngài Tánh Phạm đã nói theo cách nói của những người theo trường phái Vaishnava Puran; theo họ, Brahma (Phạm Thiên) sanh ra trong một bông sen mọc từ rốn của thần Vishnu, và theo lệnh của Shiva, Phạm Thiên đã sáng tạo thế giới. Thông thường, nữ thần Sarasvati (Đại Biện Thiên, hoặc Biện Tài thiên nữ) được coi là vợ của Phạm Thiên. Các con của họ là Jambavan, Manu, Narada, Daksha, Marichi (Ma Lợi Chi thiên)...

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

phạm âm của đức Phật chính là cực hảo âm (tiếng tốt bậc hay đẹp), nhu nhuyễn âm (tiếng êm dịu, không thô ráp), hòa thích âm (tiếng hòa nhã, khiến người nghe thoải mái), tôn huệ âm (tiếng tôn quý, tràn đầy trí huệ), bất nữ âm (tiếng không có cách nói ẻo lả, nũng nịu của giọng nữ), bất ngộ âm (tiếng nói chẳng sai lầm), thâm viễn âm (tiếng nói thăm sâu), bất kiệt âm (âm thanh hùng hồn, không bao giờ hụt hơi, rè đục, hay tắt tiếng), khiến cho người nghe bất luận xa hay gần, âm thanh ấy đều có thể phân minh như ở sát bên tai. Lại có thể khiến cho người nghe tùy theo từng loài đều được liễu giải, ở nhân gian thì [người nghe cảm nhận] là tiếng của loài người, ở loài chim thì là tiếng chim, hoặc nghe nói là Không, hoặc nghe nói là Hữu. Tác dụng của âm thanh ấy vi diệu bí mật chẳng thể nghĩ bàn.

2.2.1.2.3.1.3.3.4. Công đức nơi tâm nghiệp

(Luận) Đồng địa, thủy, hỏa, phong, hư không vô phân biệt.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm tâm nghiệp công đức thành tựu”. Phật bốn hà cổ hưng thử trang nghiêm? Kiến hữu Như Lai thuyết pháp vân thử hắc, thử bạch, thử bất hắc bất bạch, hạ pháp, trung pháp, thượng pháp, thượng thượng pháp. Hữu như thị đẳng vô lượng sai biệt phẩm, tự hữu phân biệt.

(論) 同地水火風，虛空無分別。

(註) 此二句，名莊嚴心業功德成就。佛本何故興此莊嚴？見有如來說法云此黑，此白，此不黑不白，下法，中法，上法，上上法。有如是等無量差別品，似有分別。

(Luận: Như đất, nước, lửa, gió, hư không chẳng phân biệt.

Chú: Hai câu này được gọi là “trang nghiêm tâm nghiệp công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dậy lên sự trang nghiêm này? Do Ngài thấy có Như Lai thuyết pháp nói pháp này là đen, pháp này là trắng, pháp này chẳng đen chẳng trắng, hạ pháp, trung pháp, thượng pháp, thượng thượng pháp. Do có vô lượng phẩm loại sai biệt như thế, cho nên dường như là có phân biệt).

Tâm nghiệp (ý nghiệp) của Phật Di Đà có sự trang nghiêm như thế nào? Như Quán Kinh nói: “Phật tâm giả, đại từ bi thị” (Tâm Phật là đại từ bi). Tâm đại từ bi chính là tâm rốt ráo bình đẳng. Lời kệ viết: “Đồng địa thủy hỏa phong, hư không vô phân biệt” (Như đất, nước,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

lửa, gió, hư không chẳng phân biệt). Hai câu này nói theo sự tương bình đẳng. Thật ra, tâm Phật là linh linh giác giác, chẳng giống như Ngũ Đại, tức địa, thủy v.v... tối tăm, trơ trơ, vô tri. Phật là chẳng suy nghĩ mà biết, chẳng suy nghĩ mà ứng [khi chúng sanh cảm], giống như trống trời [không ai gõ] mà tự vang ra tiếng. Đó gọi là “*bất động đạo tràng, phổ ứng thập phương*” (chẳng rời đạo tràng mà ứng hiện khắp mười phương), lại còn có thể liễu đạt tướng chân thật của các pháp, tức là “*như thị tướng*” (tướng như thế) cho đến “*như thị bốn mặt cứu cánh*” (góc và ngọn rớt ráo là như thế). Ví như gương sáng đặt trên đài, khi cảnh tượng đưa đến, [gương bèn soi bóng] rành rẽ, phân minh. Khi cảnh tượng qua đi, gương chẳng giữ lại dấu vết. Không lúc nào chẳng chiếu, không vật gì chẳng chiếu. Tâm Phật vô phân biệt, gọi là Vô Phân Biệt Trí. Đây là dựa theo tánh phân biệt của các pháp, tánh Y Tha, tánh chân thật mà tu Đại Thừa Chỉ Quán thành tựu, đích thân chứng “*tâm, Phật, chúng sanh cả ba chẳng sai biệt*”, cùng dùng một tịnh tâm làm Thể, ngoài tâm không có pháp, không có người!

Khi Chỉ hạnh thành tựu, sẽ khế hợp tánh vô nhị của tịnh tâm, [tuy khởi] Dụng mà thường tịch. Chư Phật và chúng sanh cùng viên mãn thân nhất tướng. Tam Bảo vì thế mà đồng thể, chẳng sai biệt; Nhị Đế vì lẽ này mà tĩnh lặng bất nhị. Lặng lẽ lặng trong mà chiếu, bát ngát trong lặng mà tịch. Dụng mà không có tướng của Dụng, Động mà không có tướng động. Do Quán hạnh thành tựu thì tâm hiển lộ tác dụng (Dụng) “*pháp giới vô ngại*”, tịch mà thường dụng, xuất sanh công năng duyên khởi rất sâu. Điều này được diễn tả là “*quang chiếu đại thiên, lục chủng động địa*” (quang minh chiếu khắp tam thiên đại thiên, sáu thứ chấn động đại địa), kéo dài một niệm thành dài cả kiếp, rút gọn cả kiếp lâu dài thành một niệm. Tùy loại hiện thân, phân thân ứng hóa mười phương, thị hiện Ngũ Thông, tam luân thí hóa³⁷, gọi hình bóng nơi môn Trí Huyền, thông linh nơi đạo phương tiện, cho đến tám tướng thành đạo, viên mãn Bồ Đề, trở về cái “*không có gì để đạt được*”. Những điều ấy đều là đại bi, đại trí, đại nguyện, đại hạnh của Phật, pháp vốn là như thế đó.

³⁷ “*Tam luân thí hóa*” tức là bố thí, giáo hóa mà tam luân không tịch, tức là dù bố thí hay giáo hóa chẳng thấy ta là người thực hiện, chẳng thấy có người nhận lãnh, chẳng thấy có giáo pháp, phương tiện hay đồ vật được thí xả trong khi hành bố thí hay giáo hóa.

Ngài Đàm Loan giải thích vì sao Phật Di Đà phải trang nghiêm tâm nghiệp? Đây là vì khi Ngài làm Bồ Tát, do thấy có những vị Phật thuyết pháp, phân biệt nhiều thứ: Đây là hắc nghiệp (tức ác nghiệp), kia là bạch nghiệp (tức thiện nghiệp), đây là nghiệp bất hắc bất bạch (tức là nghiệp có tánh chất vô ký). Những pháp kia là hạ pháp (tức pháp thuộc về Thanh Văn Thừa), những pháp này là trung pháp (tức pháp thuộc Duyên Giác Thừa), những pháp này là thượng pháp (tức pháp Bồ Tát), những pháp kia là thượng thượng pháp (tức Nhất Thừa Phật pháp). Đường như là có vô lượng phẩm loại sai biệt như thế, tợ hồ là có tâm phân biệt giống như người đòi!

(Chú) Thị cố nguyện ngôn: Sử ngã thành Phật, như địa hà phụ, vô khinh trọng chi thù. Như thủy nhuận trường, vô sao quát chi dị. Như hỏa thành thực, vô phương xú chi biệt. Như phong khởi phát, vô miên ngụ chi sai. Như không bao thọ, vô khai tắc chi niệm, đắc chi w nội, vật an w ngoại. Hư vãng thật quy, w thị hồ tức. Thị cố ngôn: “Đồng địa, thủy, hỏa, phong, hư không vô phân biệt”.

(註)是故願言：使我成佛，如地荷負，無輕重之殊。如水潤長，無芻蕘之異。如火成熟，無芳臭之別。如風起發，無眠寤之差。如空苞受，無開塞之念，得之於內，物安於外。虛往實歸，於是乎息。是故言：同地，水，火，風，虛空無分別。

(Chú: Vì thế nguyện rằng: Nếu tôi thành Phật, như đất gánh vác, không có nặng nhẹ khác biệt. Như nước nhuận thấm, sanh trường, không có cỏ dại hay cỏ tốt sai khác. Như lửa nấu chín, không có thơm thối sai biệt. Như gió khởi lên, chẳng màng ngủ thức sai khác. Như không trung chứa đựng, không có ý niệm thông hay tắc. Được [vô phân biệt như thế] ở bên trong thì mọi vật ở bên ngoài sẽ an vui. Rõ ràng ra đi, chân thật trở về, do vậy bèn dứt. Vì thế nói: “Giống địa, thủy, hỏa, phong, hư không chẳng phân biệt”.

Trong đoạn này, ngài Đàm Loan phần lớn dựa theo sự tương của Ngũ Đại để giải thích sự trang nghiêm nơi tâm nghiệp của A Di Đà Phật. Như có đại địa, “hà phụ” (荷負, gánh vác) hết thấy muôn vật, nhưng chẳng phân biệt là nặng hay nhẹ. Tâm như nước mưa, nhuận thấm, sanh trường cỏ cây, nhưng chẳng phân biệt là cỏ dại (sao, 芻) hay

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

cỏ tốt (quát, 菽). Tâm như lửa âm, có thể làm chín hết thảy, nhưng chẳng phân biệt thứ này là thơm, thứ kia là thối. Tâm như gió mát, lùa qua thân người, chẳng phân biệt [người ấy] đang ngủ say hay tỉnh táo, đều có thể khiến cho người ấy cảm giác thoải mái. Tâm như hư không, bao dung, dung nạp vạn hữu, chẳng có ý niệm thông thoáng hay bế tắc. Phạm là khởi tâm động niệm, đều có thể trong là chẳng có phân biệt, ngoài thì khiến cho hết thảy hữu tình và vô tình đều “chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui”.

“*Hư vãng thật quy*” là nói tâm Phật rỗng rang mà đi, đặc đạo bèn trở về. Lại nữa, tâm Phật chẳng chấp trước nơi danh tướng hư vọng của các pháp, mỗi mỗi đều quy vào tự tánh bình đẳng của các pháp, tức là Thật Tế. “*U thị hồ tức*” (Do vậy bèn dứt): “*Tức*” là “*hưu tức*” (休息, nghỉ ngơi). Tâm Phật đã là vô tướng, vô công dụng; do vậy, ngưng dứt hết thảy niệm lự, phân biệt, nhưng hoàn toàn chẳng giống như Ngũ Đại vô tâm. Cổ đức nói: “*Mạc thuyết vô tâm tiện thị đạo, vô tâm còn cách một tầng xa*).

2.2.1.2.3.1.3.3.5. Công đức của đại chúng

(Luận) Thiên nhân bất động chúng, thanh tịnh trí hải sanh.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm đại chúng công đức thành tựu”. Phật bản hà cố khởi thử trang nghiêm? Kiến hữu Như Lai thuyết pháp luân hạ, sở hữu đại chúng, chư căn tánh dụng chủng chủng bất đồng, ư Phật trí huệ, nhược thoái, nhược một, dĩ bất đẳng cố, chúng bất thuần tịnh.

(論) 天人不動眾，清淨智海生。

(註) 此二句，名莊嚴大眾功德成就。佛本何故起此莊嚴？見有如來說法輪下，所有大眾，諸根性欲種種不同，於佛智慧，若退，若沒，以不等故，眾不純淨。

(Luận: Chúng trời người bất động, biển trí thanh tịnh sanh.

Chú: Hai câu này gọi là “trang nghiêm đại chúng công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dậy lên sự trang nghiêm này? Do vì Ngài thấy có Như Lai khi chuyển pháp luân, tất cả đại chúng có các căn tánh và ưa muốn đủ loại bất đồng, đối với trí huệ của Phật, hoặc thoái thất, hoặc chìm mất. Do chẳng giống như nhau, đại chúng

chẳng thuần tịnh).

Trước hết, nêu ra nguyên nhân khiến cho đại chúng trang nghiêm là vì lẽ nào? Chính là vì Ngài trông thấy có những vị Như Lai khi chuyển pháp luân, tất cả loài người và chư thiên nghe pháp trong hội ấy, kể cả thất chúng đệ tử³⁸ bao gồm tại gia và xuất gia, căn tánh, ước nguyện và dục lạc của mỗi người có đủ loại khác nhau. Có người cầu phước báo nhân thiên, có người cầu tự liễu thoát sanh tử, có người chẳng cầu tự độ mà mong độ người khác trước, có người thẳng thừng bỏ pháp phương tiện, chỉ cầu Vô Thượng Đạo. Đại chúng như vậy đối với trí huệ sẵn có của chư Phật như Vô Sư Trí, Tự Nhiên Trí, Nhất Thiết Chủng Trí, Quyền Trí, Thật Trí, thường là có kẻ chưa đắc mà nói là đã đắc, chưa chứng mà khoe là đã chứng, trở thành đại vọng ngữ, đọa lạc địa ngục Vô Gián, như Đề Bà Đạt Đa chẳng hạn. Đó gọi là “mọt” (沒, chìm đắm). Hoặc đạt được chút ít đã cho là đủ, hoặc gặp duyên bèn thoái chuyển, giống như các vị Thanh Văn như ngài Xá Lợi Phất v.v... Đó gọi là “thoái” (退, thoái chuyển, lui sụt). Lại có chánh định, tà định, và bất định ba loại khác nhau. Do trong các vị đệ tử của đức Phật đã chẳng “*thuần nhất không tạp*”, nên cũng sẽ chẳng có sự trang nghiêm nơi thanh tịnh hải chúng được! Như thế là chẳng lý tưởng!

(Chú) Sở dĩ hưng nguyện, nguyện ngã thành Phật, sở hữu thiên nhân, giai tùng Như Lai trí huệ thanh tịnh hải sanh. Hải giả, ngôn Phật Nhất Thiết Chủng Trí thâm quảng vô ngại, bất tức Nhị Thừa tạp thiện trung hạ tử thi, dụ chi như hải. Thị cố ngôn: “Thiên nhân bất động chúng, thanh tịnh trí hải sanh”. Bất động giả, ngôn bí thiên nhân thành tựu Đại Thừa căn, bất khả khuynh động dã.

(註)所以興願，願我成佛，所有天人，皆從如來智慧清淨海生。海者，言佛一切種智深廣無涯，不宿二乘雜善中下死屍，喻之如海。是故言：天人不動眾，清淨智海生。不動者，言彼天人成就大乘根，不可傾動也。

(Chú: Do vậy, dấy lên nguyện khi tôi thành Phật, tất cả trời người đều sanh từ biển trí huệ thanh tịnh của Như Lai. “Biển” nhằm

³⁸ “Thất chúng đệ tử” là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni, thức-xoa-ma-na (học pháp nữ), ưu-bà-tắc (cận sự nam), và ưu-bà-di (cận sự nữ).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

nói Nhất Thiết Chủng Trí của Phật sâu rộng không bờ bến, chẳng chứa đựng xác chết của Nhị Thừa, tạp thiện, trung hạ căn, nên sánh ví như biển. Vì thế nói: “Chúng trời người bất động, biển trí thanh tịnh sanh”. “Bất động” là nói những hàng trời người ấy thành tựu căn tánh Đại Thừa, chẳng thể khuynh đảo, lay động được).

Đã có Phật là vị giáo hóa chủ, ắt phải có đại chúng tiếp nhận sự giáo hóa. Tuy Phật phổ độ chúng sanh trong chín pháp giới, nhưng thân ứng hóa của chư Phật đều thị hiện xuất sanh trong nhân gian. Vì thế, đối tượng hóa độ của chư Phật lấy người và trời làm chánh. Đệ tử Phật thuộc ngũ thừa luôn bao gồm chúng trời người. Đây chính là quyền thuộc Bồ Đề của Phật.

Trong lúc tu nhân, Phật Di Đà phát nguyện, giả sử khi Ngài thành Phật thì quyền thuộc Bồ Đề đều là các vị Bồ Tát thuần nhất, không xen tạp, thấu hiểu thông suốt thần thông, trí huệ thanh tịnh. Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ mười một là nguyện “*chánh định, ắt đạt đến Niết Bàn*”, nguyện thứ hai mươi một là nguyện “*đều trọn đủ ba mươi hai tướng*”, nguyện thứ hai mươi hai là nguyện “*rốt ráo Nhất Sanh Bồ Xứ*”. Lại còn được thành tựu bởi công đức của các nguyện thứ hai mươi lăm, hai mươi sáu, hai mươi chín, ba mươi v.v... “*Thiên nhân bất động chúng*” tức là trong cõi nước Phật ấy, hết thầy đại chúng trời người đều là Chánh Định Tụ Bất Thoái Chuyển Bồ Tát, chẳng có Tà Định và Bất Định Tụ, hoặc đại chúng thoái chuyển Bồ Tát đạo. Như kinh Vô Lượng Thọ quyền hạ có chép: “*Chư Phật cáo Bồ Tát, linh cận An Dưỡng Phật, văn pháp nhạo thọ hành, tât đắc thanh tịnh xứ, chí bỉ nghiêm tịnh quốc, tiện tốc đắc thần thông, tât u Vô Lượng Tôn, thọ ký thành Đăng Giác. Kỳ Phật bốn nguyện lực, văn danh dục vãng sanh, giai tât đáo bỉ quốc, tự trí bất thoái chuyển*” (Chư Phật bảo Bồ Tát, hãy quán An Dưỡng Phật, nghe pháp, thích nhận, hành, mau đạt chỗ thanh tịnh, đến cõi nghiêm tịnh ấy, nhanh chóng đắc thần thông, ắt Vô Lượng Thọ Phật, thọ ký thành Đăng Giác. Do sức bốn nguyện Phật, nghe tên mong vãng sanh, thầy đều đến cõi ấy, tự đạt bất thoái chuyển). Đối với Tam Tụ Giới (“*tụ*” là loại), trong bộ Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Nghĩa, nơi trang hai trăm hai mươi lăm và hai trăm hai mươi sáu, tôi đã giảng giải cận kẽ, xin hãy tự tra duyệt.

“*Thanh tịnh trí hải sanh*”, điều này có hai thuyết:

- 1) Sanh từ biển trí thanh tịnh của A Di Đà Phật.
- 2) Từ trong cái tâm tự tánh thanh tịnh vốn sẵn có của chúng sanh

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

mà xuất sanh. Trí thanh tịnh tâm ấy ví như hoa sen, cho nên chúng sanh trong cõi Cực Lạc đều là hoa sen hóa sanh.

Lại sánh ví Nhất Thiết Chúng Trí của Phật như biển rộng sâu không bến bờ, trọn đủ hết thảy các món báu thần thông, trí huệ, công đức Đại Thừa. Ở trong biển Nhất Thiết Chúng Trí, chẳng lưu giữ xác chết của Nhị Thừa và trung hạ căn tạp thiện của trời người. Vì thế nói “*thiên nhân bất động chúng, thanh tịnh trí hải sanh*” (chúng trời người bất động, biển trí thanh tịnh sanh).

* Hỏi: Thiên nhân thuộc loại phàm phu sanh tử ô trược, có sao lại sanh từ tâm trí thanh tịnh? Ví như nói lửa từ nước mà ra, há chẳng phải là lời nói dối trá ư?

Đáp: Câu này có thể chia thành hai phương diện để nói.

1) Nói theo sự tương, tất cả danh tướng trong quốc độ An Lạc chẳng thể xem giống như những danh tướng trong thế giới này của chúng ta. Tuy đức Bồ Sư đã vì chúng ta giới thiệu tất cả sự trang nghiêm thanh tịnh trong thế giới Cực Lạc như thế nào, nhưng những thứ ấy đều là nói theo các danh tướng mà chúng ta biết, như cây báu, ao sen, giảng đường, tinh xá, y phục, thức ăn, Thanh Văn, Bồ Tát, đại chúng trời người, bạch hạc, khổng tước v.v... Những thứ ấy là những danh tướng mà chúng ta có thể liễu giải. Thật ra, những sự vật được bao hàm trong các danh tướng ấy tuyệt nhiên bất đồng giữa Sa Bà và Cực Lạc! Như kinh A Di Đà nói: “*Kỳ Phật quốc độ, thượng vô ác đạo chi danh, hà hưởng hữu thật! Thị chư chúng điều, giai thị A Di Đà Phật dục linh pháp âm tuyên lưu biến hóa sở tác*” (Cõi nước Phật ấy còn không có cái tên ác đạo, hưởng là thật sự có! Những loài chim ấy đều do A Di Đà Phật muốn cho pháp âm tuyên dương, lưu truyền mà biến hóa ra).

Lại như trong quyển thượng của kinh Vô Lượng Thọ có chép: “*Kỳ chư Thanh Văn, Bồ Tát, thiên, nhân trí huệ cao minh, thần thông đồng đạt, hàm đồng nhất loại, hình vô dị trạng, đản nhân thuận dư phương (kỳ tha thế giới), cố hữu thiên nhân chi danh. Nhan mạo đoan chánh, siêu thế hy hữu, dung sắc vi diệu, phi thiên, phi nhân, giai thọ tự nhiên hư vô chi thân, vô cực chi thể*” (Các vị Thanh Văn, Bồ Tát, trời, người trí huệ cao minh, thấu suốt thần thông, đều là cùng một loại, hình dạng chẳng khác nhau, chỉ vì thuận theo phương khác (các thế giới khác) mà có tên gọi là trời hay người. Dung mạo của họ đoan chánh, vượt xa cõi đời, hiếm có, dung sắc vi diệu, chẳng phải trời, chẳng phải người, đều nhận lãnh cái thân hư vô, bản thể vô cực).

2) Nói theo sự biểu thị pháp, quốc độ An Lạc là cảnh giới Viên Giáo Nhất Thừa, mà cũng là cảnh giới Sự Sự vô ngại, điều này được diễn tả là: “*Khi mê thì toàn thể chân trở thành vọng, hễ giác thì toàn thể vọng chính là chân*”, hoặc “*tâm, Phật, và chúng sanh là ba thứ không sai biệt*”. Tự tánh thanh tịnh tâm, ai nấy vốn sẵn có, chúng sanh và Phật đồng thể. Tâm này là chúng sanh (trời, người), tâm này là Bồ Tát, Phật. Toàn thể chân trở thành vọng, giả danh là trời, người, phàm phu. Toàn thể vọng chính là chân, thì gọi là chư Phật, Bồ Tát. Chân và vọng bất nhị, chúng sanh và Phật cùng nguồn. Do vậy, trong kinh có nói: “*Phiền não chính là Bồ Đề. Sanh tử chính là Niết Bàn. Chúng sanh chính là Phật*”. Vĩnh Gia đại sư cũng viết trong bài Chứng Đạo Ca như sau: “*Vô minh thật tánh tức Phật tánh, huyền hóa không thân tức Pháp Thân*”. Nếu có thể liễu đạt như thế, vậy thì chúng trời người bất động được sanh từ biển trí thanh tịnh chính là biểu thị “*toàn thể vọng tức là chân, từ ngay nơi mê mà giác, cùng viên thành Chứng Trí*”. Giơ tay, cúi đầu, đều đã thành Phật. Đó gọi là pháp tánh bình đẳng, cũng gọi là Nhất Chân pháp giới, là pháp môn Bất Nhị. Đây chẳng phải là cảnh giới mà hàng phàm phu Nhị Thừa cho đến Quyền Giáo Bồ Tát có thể thấu hiểu được. Lại nói, “*thanh tịnh trí hải*” chính là Tâm Chân Như Môn, “*thiên nhân bất động chúng*” chính là Tâm Sanh Diệt Môn. Do Chân Như mà có sanh diệt, tuy sanh diệt mà chẳng lìa Chân Như. Nhất tâm nhị môn, chúng sanh và Phật bình đẳng trọn đủ, thường sai biệt mà thường tương đồng, pháp vốn là như thế đó. Vì thế nói “*thiên nhân bất động chúng, thanh tịnh trí hải sanh*” (chúng trời người bất động, biển trí thanh tịnh sanh).

2.2.1.2.3.1.3.3.6. Công đức của thượng thủ

(Luận) Như Tu Di sơn vương, thắng diệu vô quá giả.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm thượng thủ công đức thành tựu”. Phật bốn hà cổ khởi thử nguyện? Kiến hữu Như Lai chúng trung, hoặc hữu cường lương giả, như Đề Bà Đạt Đa lưu tỷ. Hoặc hữu quốc vương dĩ Phật tịnh trị, bất tri thậm thối Phật. Hoặc hữu thỉnh Phật, dĩ tha duyên phế vong. Hữu như thị đẳng, tự thượng thủ lực bất thành tựu.

(論)如須彌山王，勝妙無過者。

(註)此二句，名莊嚴上首功德成就。佛本何故起此

願？見有如來眾中，或有強梁者，如提婆達多流比。或有國王與佛並治，不知甚推佛。或有請佛，以他緣廢忘。有如是等，似上首力不成就。

(Luận: Như núi chúa Tu Di, thắng diệu không chi hơn.

Chú: Hai câu này gọi là “trang nghiêm thượng thủ công đức thành tựu”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dậy lên nguyện này? Do Ngài thấy trong đại chúng của Như Lai, hoặc là có kẻ vọng ngạnh giống như hạng người Đề Bà Đạt Đa. Hoặc là có quốc vương cùng Phật trị vì, chẳng biết nhún nhường đối với Phật. Hoặc là có kẻ thỉnh Phật, nhưng vì duyên có khác bèn quên bẵng. Có những [khuyết điểm] như thế ấy, cho nên sức thượng thủ dường như chẳng thành tựu).

Chư Phật xuất hiện trong nhân gian, đây là chuyện hiếm có, khó được! Như trong phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương của kinh Pháp Hoa có chép: “*Thiện tai phụ mẫu! Nguyện thời vãng nghệ Phật sở, thân cận cúng dường. Sở dĩ giả hà? Phật nan đắc trị, như Ưu Đàm Bát La hoa. Hựu như nhất nhân chi quy, trị phù mộc không... Chư Phật nan trị, thời diệt nan ngộ... Kỳ vương tức thời dĩ quốc phó đệ, dĩ phu nhân nhị tử, tịnh chư quyền thuộc, ư Phật pháp trung, xuất gia tu đạo... đắc Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm tam-muội*” (Lành thay, thưa cha mẹ! Xin hãy ngay lập tức đi đến chỗ đức Phật để thân cận, cúng dường. Vì lẽ nào vậy? Phật khó gặp gỡ, như hoa Ưu Đàm Bát La. Lại như con rùa một mắt gặp bông cây nôi... Chư Phật khó gặp, thời cũng khó gặp... Vị vua ấy ngay lập tức giao đất nước cho em trai, cùng phu nhân và hai con với các quyền thuộc, xuất gia tu đạo trong Phật pháp... đắc Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm tam-muội). Đây là tấm gương gặp Phật xuất gia, trở thành đệ tử thượng thủ. Được gọi là “*thượng thủ*” thì là vua của một nước, hoặc là bậc đức cao vọng trọng trong đại chúng, như các vị Xá Lợi Phất, Đại Ca Diếp dưới tòa của đức Bổn Sư, hoặc Quán Âm, Thế Chí dưới tòa của A Di Đà Phật. Như núi Diệu Cao (núi Tu Di) đã cao lớn thù thắng, nhiệm màu, lại vòi vọi bất động, chẳng có gì có thể vượt hơn được!

Ngài Đàm Loan chỉ ra: Trong lúc tu nhân, Phật Di Đà đã thấy có những vị Như Lai mà trong đại chúng có kẻ hiền, người dữ chẳng giống nhau. Chẳng hạn trong các đệ tử môn hạ của đức Bổn Sư, trong số ấy có những kẻ chống trái đức Phật, chẳng tuân hành luật nghi đạo đức, chẳng tin theo kinh giáo, tôn sùng thế lực, ương ngạnh chẳng thể

điều phục được. Những kẻ đó được gọi là “*cường lương*” (強梁), giống như hạng người Đề Bà Đạt Đa, vốn cũng là đệ tử thượng thủ của đức Phật, nhưng làm nhiều chuyện bất nghĩa, ắt có ác báo. Vì thế, đọa vào địa ngục Vô Gián ngay trong khi còn sống. Lão Tử của Trung Hoa cũng nói: “*Cường lương giả, bất đắc kỳ tử*” (Kẻ ương ngạnh sẽ chẳng chết yên lành). Hoặc có quốc vương muốn cùng đức Phật cai trị đất nước, chẳng biết dốc hết lòng thành, vét cạn lòng kính tôn trọng đức Phật, như vua Tần Bà Sa La (Bimbisāra)³⁹ chẳng hạn. Hoặc có kẻ thỉnh Phật kết hạ an cư trong đất nước của họ, sẽ hằng ngày đem thức ăn đến cúng dường, nhưng quốc vương A Kỳ Đạt Bà La Môn do vì có chuyện nhân duyên khác, rốt cuộc quên bẵng chẳng nhớ, chẳng cúng dường, khiến cho đức Phật và năm trăm vị tỳ-kheo suốt ba tháng chỉ ăn lúa mạch dành cho ngựa cho qua ngày. Những loại đệ tử thượng thủ của đức Phật giống như vậy, tuy thuộc địa vị đứng đầu trong đại chúng, nhưng chẳng có đức hạnh và công sức đáng nên có của một vị Thượng Thủ, chẳng thể giúp Phật giáo hóa. Vì thế nói là “*tự Thượng Thủ lực bất thành tựu*” (dường như là sức Thượng Thủ chẳng thành tựu).

(Chú) Thị cố nguyện ngôn: Ngã vi Phật thời, nguyện nhất thiết đại chúng, vô năng sanh tâm cảm dữ ngã đẳng, duy nhất pháp vương, cánh vô tặc vương. Thị cố ngôn: “Nhu Tu Di sơn vương, thắng diệu vô quá giả”.

(註)是故願言：我為佛時，願一切大眾，無能生心敢與我等，唯一法王，更無俗王。是故言：如須彌山王，勝妙無過者。

(Chú: Vì thế, nguyện rằng: Khi tôi làm Phật, nguyện hết thảy đại chúng chẳng ai có thể sanh tâm dám bằng tôi, duy nhất một vị pháp

³⁹ Tần Bà Sa La (558-491 trước Công Nguyên, còn gọi là Bình Sa Vương) là vua của vương quốc Ma Kiệt Đà (Magadha) thuộc vương triều Ha Lê (Haryanka). Ông lên ngôi từ năm mười lăm tuổi, và là đệ tử đầu tiên của đức Phật trong hàng quốc vương. Ông là người kiến tạo kinh đô Vương Xá và dâng vườn trúc Veluvana để kiến tạo thành tinh xá Trúc Lâm. Chánh hậu của ông chính là bà Vi Đề Hy (Vaidehy, công chúa xứ Kiều Tát La, Kosala). Con trai nhà vua là Thái Tử A Xà Thế (Ajātasatru) do nghe lời xúi giục của Đề Bà Đạt Đa, đã bắt giam nhà vua và bỏ đói cho đến chết, giam kín mẹ trong hậu cung. Trước tình cảnh ngang trái ấy, bà Vi Đề Hy đã cầu thỉnh đức Phật dạy phương pháp thoát khổ, và đức Phật đã nói kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

vuông, chẳng có vua thế tục. Vì thế nói: “Như núi chúa Tu Di, thắng diệu không chi hơn”).

Vì thế, Phật Di Đà phát nguyện: Trong thế giới Cực Lạc khi tôi thành Phật, chỉ có Phật làm pháp vương, chẳng có hết thầy thiên vương và nhân vương của thế tục. Hết thầy đại chúng ai nấy đều ngưỡng vọng đức Phật, rớt ráo hoàn thành đức học, rớt ráo đạt thành Nhất Sanh Bồ Xứ như núi Tu Di cao lớn vòi vọi, nên nói “*như Tu Di sơn vương, thắng diệu vô quá giả*” (như núi chúa Tu Di, thắng diệu không chi hơn). Tuy ai nấy đều là như thế, nhưng lại có thể trông lòng mà ra đi, đắc đạo bèn trở lại, quyết định chẳng có kẻ nào sanh tâm dám sánh bằng đức Phật.

2.2.1.2.3.1.3.3.7. Chủ công đức

(Luận) Thiên nhân trượng phu chúng, cung kính nhiều chiêm ngưỡng.

(Chú) Thử nhị cú, danh “trang nghiêm chủ công đức thành tựu”. Phật bốn hà cổ khởi thử trang nghiêm? Kiến hữu Phật Như Lai, tuy hữu đại chúng, chúng trung diệc hữu bất thậm cung kính. Như nhất tỳ-kheo ngữ Thích Ca Mâu Ni Phật: “Nhược bất dĩ ngã giải thập tứ nạn, ngã đương cánh học dư đạo”. Diệc như Cư Ca Ly báng Xá Lợi Phất, Phật tam ngữ nhi tam bất thọ. Hựu như chư ngoại đạo bôi, giả nhập Phật chúng, nhi thường ty cầu Phật đoán. Hựu như Đệ Lục Thiên Ma thường ư Phật sở tác chư lưu nạn. Hữu như thị đẳng chủng chủng bất cung kính tướng.

(論)天人丈夫眾，恭敬繞瞻仰。

(註)此二句，名莊嚴主功德成就。佛本何故起此莊嚴？見有佛如來，雖有大眾，眾中亦有不甚恭敬。如一比丘語釋迦牟尼佛：若不與我解十四難，我當更學餘道。亦如居迦離謗舍利弗，佛三語而三不受。又如諸外道輩，假入佛眾，而常伺求佛短。又如第六天魔常於佛所作諸留難。有如是等種種不恭敬相。

(Luận: Chúng trượng phu trời người, cung kính nhiều chiêm ngưỡng.

Chú: Hai câu này gọi là “trang nghiêm chủ công đức thành

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

tự”. Phật vốn vì lẽ nào mà dấy lên sự trang nghiêm này? Do Ngài thấy có Phật Như Lai, tuy có đại chúng, nhưng trong đại chúng cũng có kẻ chẳng cung kính cho lắm. Như một tỳ-kheo nói với Thích Ca Mâu Ni Phật: “Nếu Ngài chẳng giải đáp cho tôi mười bốn điều vấn nạn, tôi sẽ học theo đạo khác”. Cũng như Cư Ca Ly báng bỏ ngài Xá Lợi Phất, đức Phật nói ba lần mà cả ba lượt ông ta đều chẳng nghe theo. Lại như phường ngoại đạo giả vờ theo làm đệ tử Phật mà thường bói tìm những khuyết điểm của đức Phật. Hoặc như Đệ Lục Thiên Ma thường gây nên các chương nạn cho đức Phật. Có đủ mọi tướng chẳng cung kính như thế đó”).

Chữ Chủ (主) được nói ở đây tức là “*Phật là giáo chủ*”. Trong lúc tu nhân, Phật Di Đà thấy có những quốc độ trong ấy vị giáo chủ tuy có đại chúng đệ tử, nhưng trong đại chúng đó thường có những chuyện chẳng cung kính đối với vị giáo chủ. Đối với vị giáo chủ là bậc “*tam giới đạo sư, tứ sanh từ phụ*” như thế [mà chẳng cung kính như vậy] thì đó là một thứ sai trái, cũng là một kiểu khinh mạn đối với Phật. Chẳng hạn như có một lần đức Bôn Sư đang thuyết pháp, có một tỳ-kheo vốn từ ngoại đạo đi theo Phật môn liền đứng dậy, hướng về đức Phật, nêu ra mười bốn điều cật vấn, lại còn thưa với Phật: “Nếu Ngài chẳng giải đáp cho tôi, tôi sẽ rời bỏ Tăng đoàn, đi học với những giáo môn khác”. Do mười bốn câu cật vấn ấy chính là tà kiến, tà chấp của ngoại đạo, chẳng phải là chánh kiến, chẳng có sự thật, cho nên đức Phật chẳng giải đáp. Ông tỳ-kheo ấy bèn xả giới, hoàn tục, trở về ngoại đạo. Nói về mười bốn điều cật vấn ấy của ngoại đạo thì có hai thuyết:

1) Theo quyển thứ mười chín trong bộ Câu Xá Luận thì:

a) Một là thế giới và Ngã là thường ư? b) Là vô thường ư? c) Là cũng hữu thường mà cũng vô thường ư? d) Chẳng phải là hữu thường mà cũng chẳng phải là vô thường ư? e) Là hữu biên ư? f) Là vô biên ư? g) Vừa là hữu biên vừa là vô biên ư? h) Chẳng phải là hữu biên, chẳng phải là vô biên ư? i) Chết rồi có thần thức ra đi ư? j) Chẳng có thần thức ra đi ư? k) Vừa là có thần thức vừa là vô thần thức ra đi ư? l) Vừa chẳng phải là thần thức vừa chẳng phải là không thần thức ra đi ư? m) Thân đời sau và thần (thần thức) là một hay chẳng? n) Thân và thần là khác ư? Mười bốn câu hỏi này đều thuộc về Thân Kiến và Biên Kiến. Phật pháp nói “*các pháp do nhân duyên mà sanh, các pháp do nhân duyên mà diệt*”, nói là [các pháp] thường trụ bất biến thì chẳng có lẽ ấy! Nói nó là “*đoạn diệt, không, vô*” thì cũng chẳng hợp lý. Do vậy,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

đức Phật chẳng giải đáp cho ông ta. Ví như có người hỏi: “Từ sừng trâu có thể vắt ra bao nhiêu sữa?” Về căn bản là chẳng hề có chuyện ấy, chẳng thể đáp được!

2) Theo phẩm Phật Mẫu trong kinh Đại Phẩm Bát Nhã, từ mười bốn điều vấn nạn mà triển khai thành sáu mươi hai thứ tà kiến của ngoại đạo.

- Một là Sắc (tức thế giới) và Ngã (Ngã chính là thần thức, tách ra thành bốn Uẩn là Thọ, Tưởng, Hành, Thức) là thường hay vô thường v.v... bốn câu, [do từ Sắc cho đến Thức là năm câu, mỗi câu phối ứng với bốn câu “*thường, vô thường...*”] mà hợp thành hai mươi câu. Đây là đối với Ngũ Uẩn trong quá khứ mà dấy lên sự so đo tà vạy.

- Hai là Sắc và Ngã là “*hữu biên, vô biên*” v.v... bốn câu, hợp thành hai mươi câu. Đây là chấp trước đối với Ngũ Uẩn trong hiện tại.

- Ba là Sắc và Ngã “*như khứ*”, “*bất như khứ*” v.v... bốn câu, hợp thành hai mươi câu. Đây là đối với Ngũ Uẩn trong vị lai mà dấy lên tà kiến. “*Như khứ*” là như người sanh trong thế gian, [sau đó chết đi], tuy đã đi rồi nhưng đến đời sau thì vẫn giống như vậy [đó gọi là “*như khứ*”, tức là đã đi rồi (đã chết rồi), đời sau lại sanh ra giống như đời này]. Chấp trước ấy chính là Thường Kiến. “*Bất như khứ*” là quá khứ chẳng từ đâu đến, mà vị lai cũng chẳng đi về đâu. Đây chính là chấp tướng đoạn diệt (Đoạn Kiến). “*Như khứ bất như khứ*” nghĩa là thân và thần thức hòa hợp thành người; chết rồi, thần thức ra đi, thân chẳng đi. Đây chính là tà kiến chấp trước “*Sắc và Tâm chắc chắn là khác*”. “*Phi như khứ phi bất như khứ*” là do thấy lỗi của ba câu trên đây bèn chuyển sang chấp trước câu này. Đây chính là cách luận định vạy vẹo loạn xạ. Do ba đời mà dấy lên mười hai câu ([tách cái tâm thành ra bốn Uẩn cùng với Sắc thành năm món tức Ngũ Uẩn. Mười hai câu nhân với Ngũ Uẩn], sẽ thành sáu mươi câu), lại thêm hai kiến chấp “*thần thức và thân là một*” hay [“*thần thức và thân*”] là khác, sẽ thành mười bốn câu vấn nạn, triển khai ra sẽ thành sáu mươi hai thứ tà kiến của ngoại đạo. Những điều ấy đều là Biên Kiến “*đoạn, thường, hữu, vô*”.

Lại như quyển thứ mười ba của Đại Trí Độ Luận có chép: Có lần, hai vị Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên trên đường gặp phải trận mưa to, đêm ngủ tại nhà một người thợ làm gốm. Trong buồng tối, trước đó đã có một người nữ, nhưng hai vị Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên không biết. Người nữ đó đêm nằm mộng mơ tưởng, tiết dâm dịch, sáng sớm bèn trở dậy tắm rửa, bị đại đệ tử của Đề Bà Đạt Đa là tỳ-kheo Cù Già

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Ly (Kokālika, còn phiên âm là Cư Ca Ly) trông thấy, liền báng bổ hai vị Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên và người nữ ấy làm chuyện bất tịnh. Đức Phật ba lượt quở trách ông ta đừng phỉ báng ngài Xá Lợi Phất, nhưng Cù Già Ly cả ba lượt đều không tiếp nhận lời quở trách của đức Phật, bèn nổi ghê độc mà chết, đọa vào địa ngục Đại Liên Hoa. Thập Tụng Luật quyển ba mươi bảy cũng chép chuyện này. Lại như thuở đức Phật tại thế, có những kẻ ngoại đạo chẳng phải là hạng chân thành tín ngưỡng Phật giáo, họ giả vờ tin Phật, xuất gia, dự vào Tăng đoàn, trở thành chúng tỳ-kheo của đức Phật, thường xuyên bôi móc những khuyết điểm của Phật và các vị đệ tử, mong phá hoại Tăng đoàn, hủy diệt Phật giáo. Đối với đức Phật, căn bản là chẳng có nửa điểm cung kính, tín phụng.

Lại còn có Đệ Lục Thiên thuộc Dục Giới trong cõi này, có tên là Tha Hóa Tự Tại Thiên (Parinirmīta-vaśavartin), còn gọi là Ma Vương Thiên. Những thiên ma ấy thường gây ra đủ mọi chuyện khó khăn, chướng ngại đức Phật. Như khi đức Bồ Đề Sư thành đạo, thiên ma trước hết liền sai ma nữ đến chướng nạn đủ mọi cách; sau đấy, lại suất lãnh ma binh, ma tướng, tạo đủ mọi thứ khủng bố uy hiếp. Những điều này được chép tường tận trong kinh Giảng Ma thuộc bộ Trung A Hàm, và khá nhiều loại ma chướng được nói trong kinh Hư Không Tạng Bồ Tát Sở Vấn đều thuộc loại này.

Cổ đức gọi thế giới này là Ma Hương (quê ma), lại còn viết một bài Quy Khứ Lai Từ (quay về đi thôi): *“Quy khứ lai! Ma hương bất khả đình, khoáng kiếp lai lưu chuyển, lục đạo tận giai kinh, đảo xít vô dư lạc, duy văn sầu than thanh, tất thử sanh bình hậu, nhập Niết Bàn thành!”* (Quay về thôi! Quê ma chẳng thể ở lâu dài, lưu chuyển bao kiếp đã lâu rồi, sáu nẻo đều trải qua hết cả, nơi nào cũng chẳng có yên vui. Chỉ nghe tiếng sầu than, xong một đời này hãy vào thành Niết Bàn). Tốt nhất là khi xả báo thân này, bèn vãng sanh Tịnh Độ, tiến nhập thành trì An Lạc!

“Hữu như thị đẳng, chúng chúng bất cung kính tướng” (Có đủ loại tướng chẳng cung kính như thế): Đây chính là ngài Đàm Loan tổng kết về vị giáo chủ cõi này, ma và ngoại đạo chẳng cung kính Ngài đủ mọi sự tướng như đã kể trên đây, cho nên mới khiến cho đức Di Đà trong khi tu nhân bèn phát nguyện. Trong thế giới mà Ngài sẽ làm giáo chủ khi thành Phật, trọn chẳng có các tình huống tà ma, ngoại đạo chẳng cung kính Ngài. Đây gọi là *“trang nghiêm chủ công đức thành tựu”*.

(Chú) Thị cố nguyện ngôn: Sử ngã thành Phật, thiên nhân đại chúng, cung kính vô quyện. Sở dĩ đản ngôn thiên nhân giả, Tịnh Độ vô nữ nhân, cập bát bộ quý thần cố dã. Thị cố ngôn: “Thiên nhân trượng phu chúng, Cực Lạc nhiều chiêm ngưỡng”.

(註)是故願言：使我成佛，天人大眾，恭敬無倦。所以但言天人者，淨土無女人，及八部鬼神故也。是故言：天人丈夫眾，恭敬繞瞻仰。

(Chú: Vì thế, nguyện rằng: Nếu tôi thành Phật, đại chúng trời người cung kính chẳng mệt mỏi. Sở dĩ chỉ nói đến trời người là vì Tịnh Độ không có nữ nhân và tám bộ quý thần. Do vậy nói: “Chúng trượng phu trời người, cung kính vây quanh chiêm ngưỡng”).

Hết thầy đại chúng trời người trong quốc độ An Lạc đều là bậc đại trượng phu có đủ ba mươi hai tướng, hoàn toàn chẳng có nữ nhân, họ đều có thể cung kính, châu hầu đáng giáo chủ, chẳng có tâm chán mệt. Đây chính là sự trang nghiêm được thành tựu bởi nguyện thứ hai mươi một trong bốn mươi tám nguyện: “*Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, bất tất thành mãn tam thập nhị đại trượng phu tướng giả, bất thủ Chánh Giác*” (Nếu tôi thành Phật mà trời, người trong nước chẳng đều thành tựu viên mãn ba mươi hai tướng đại trượng phu thì tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác). Lại như quyển hạ kinh Vô Lượng Thọ có chép: “*Nhất thiết chư Bồ Tát, các tề thiên diệu hoa, bảo hương, vô giá y, cúng dường Vô Lượng Giác. Hàm nhiên tấu thiên nhạc, sớng phát hòa nhã âm, ca tán tối thắng tôn, cúng dường Vô Lượng Giác. Cung kính nhiều tam táp, khể thủ Vô Thượng Tôn*” (Hết thầy các Bồ Tát, đều cầm hoa trời đẹp, hương báu, áo vô giá, cúng dường Vô Lượng Giác. Thấy đều tấu nhạc trời, thánh thót tiếng hòa nhã, ca ngợi đáng tối thắng, cúng dường Vô Lượng Giác. Cung kính nhiều ba vòng, kính lễ đáng Vô Thượng). “*Nhiều*” (繞) là chấp tay đi vòng quanh Phật, hoặc một vòng, hoặc ba vòng, là lễ tiết thuở ấy tại Ấn Độ, biểu thị sự cung kính nhất. “*Khể thủ*” (稽首, dập đầu lễ sát đất) là sự lễ kính [trân trọng] nhất bằng cách gieo năm vóc xuống đất. Vô Lượng Giác, Vô Thượng Tôn đều là A Di Đà Phật.

2.2.1.2.3.1.3.3.8. Bất hư tác trụ trì công đức

(Luận) Quán Phật bốn nguyện lực, ngộ vô không quá giả,

năng linh tốc mãn túc, công đức đại bảo hải.

(Chú) Thử tứ cú, danh “trang nghiêm bất hư tác trụ trì công đức thành tựu”. Phật bản hà cố khởi thử trang nghiêm? Kiến hữu Như Lai, dẫn dĩ Thanh Văn vi Tăng, vô cầu Phật đạo giả. Hoặc hữu trụ trì Phật, nhi bất miễn tam đồ. Thiện Tinh, Đề Bà Đạt Đa, Cư Ca Ly đẵng thị dã. Hựu nhân văn Phật danh hiệu, phát vô thượng đạo tâm, ngộ ác nhân duyên, thoái nhập Thanh Văn, Bích Chi Phật địa giả. Hữu như thị đẵng không quá giả, thoái một giả.

(論) 觀佛本願力，遇無空過者，能令速滿足，功德大寶海。

(註) 此四句，名莊嚴不虛作住持功德成就。佛本何故起此莊嚴？見有如來，但以聲聞為僧，無求佛道者。或有值佛，而不免三塗。善星，提婆遮多，居迦離等是也。又人聞佛名號，發無上道心，遇惡因緣，退入聲聞，辟支佛地者。有如是等空過者，退沒者。

(Luận: Quán sức bốn nguyện Phật, gặp gỡ chẳng luống uổng, hay nhanh chóng thỏa nguyện, biến công đức báu lớn.

Chú: Bốn câu này gọi là “sự trang nghiêm được thành tựu bởi công đức chẳng uổng công trụ trì”. Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dậy lên sự trang nghiêm này? Do Ngài thấy có Như Lai chỉ dùng Thanh Văn làm Tăng, chẳng có người cầu Phật đạo. Hoặc có kẻ gặp Phật mà chẳng tránh khỏi tam đồ; Thiện Tinh, Đề Bà Đạt Đa, Cư Ca Ly v.v... là hạng người ấy! Lại có người nghe danh hiệu Phật, phát tâm vô thượng đạo, do gặp nhân duyên ác, bèn lui sụt trở lại địa vị Thanh Văn, Bích Chi Phật. Có những kẻ luống uổng và lui sụt như thế đó).

Vì sao gọi là “trụ trì”? “Trụ” là an trụ thế gian, nhưng bất động. “Trì” là chấp trì (nắm giữ) chánh pháp bất biến. Quyển thứ hai mươi bảy của Lục Thập Hoa Nghiêm, trong phần nói về mười thân của Như Lai, có nhắc đến Trụ Trì Thân và Trụ Trì Phật. Đây là do sau khi Ứng Hóa Thân của Phật đã diệt độ, lưu lại xá-lợi trong nhân gian, hoặc vẽ, đắp thành tượng Phật, có thể khiến cho Phật pháp tồn tại lâu dài trong thế gian, thuộc về Phật Bảo trong Trụ Trì Tam Bảo. Trong chương Trụ Trì của Bách Trượng Thanh Quy có nói: “*Chẳng đề cao địa vị của vị ấy thì khôn phép sẽ chẳng nghiêm. Thoạt đầu mời vị sư ấy làm Trụ Trì, do tôn trọng nên gọi là Trưởng Lão*”.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Lại theo Thiên Uyên Thanh Quy⁴⁰ nói: “*Mỗi vị ở một phương, tiếp nối huệ mạng của Phật, vị ấy được gọi là Trụ Trì*”. Ba loại Trụ Trì như đã nói trên đây đều chẳng phải là ý nghĩa của từ ngữ Trụ Trì trong bộ luận này. Phải như kinh Viên Giác đã nói: “*Nhất thiết Như Lai, quang nghiêm trụ trì*” (Hết thấy Như Lai dùng báo thân trụ trì thế gian). Lại như Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận đã nói: “*Do Phật lực trụ trì liền thuộc vào Chánh Định Tụ của Đại Thừa*”. “*Quang nghiêm trụ trì*” (光嚴住持) là Báo Thân của Phật trụ trì thế gian. “*Phật lực trụ trì*” chính là nói sức bốn nguyện của Phật trụ trì. Đây mới là ý nghĩa bao hàm trong từ ngữ “*trụ trì*” của bộ luận này.

Thế nào là trụ trì chẳng uổng công thực hiện? Chính là Báo Thân của Phật Di Đà trụ trì thế giới Cực Lạc, lại có sức công đức của bốn mươi tám nguyện nhiếp thọ chúng sanh, như nam châm hút sắt, quyết định chẳng bị thất lạc, có thể khiến cho chúng sanh nghe danh Ngài rồi xưng niệm, vãng sanh Cực Lạc, nghe pháp, được thọ ký, đều có thể đạt được đại lợi ích “*liạ khổ được vui, liễu sanh thoát tử, thành Phật, làm Tổ*”. Đây gọi là “*bất hư tác trụ trì*” (sức trụ trì chẳng luống công thực hiện). Sức công đức bốn nguyện của Phật Di Đà có thể quy nạp thành hai loại, gọi là lực dụng của “*bất hư tác trụ trì*”:

1) Phạm là chúng sanh đã vãng sanh An Lạc quốc, ai này đều thành tựu công đức lợi ích đúng như bốn mươi tám nguyện đã nói, tuyệt đối chẳng có một điều nào luống qua, chẳng đạt được lợi ích như thế.

⁴⁰ Thiên Uyên Thanh Quy (禪苑清規) là một tác phẩm về những thanh quy (quy củ giúp cho đại chúng thanh tịnh) dành riêng cho Thiên Tông do ngài Tông Trách biên soạn, dựa theo tinh thần của Bách Trượng Thanh Quy. Tác phẩm này được hoàn thành vào năm Sùng Ninh thứ hai (1103) đời Tống Huy Tông. Do vậy, tác phẩm này còn được gọi là Sùng Ninh Thanh Quy hoặc gọi gọn là Thiên Quy. Nguyên do hình thành bộ sách này là do vào đời Tống, những quy củ trong tông lâm nhà Thiên đã rối ren lộn xộn vì nguyên bản của Bách Trượng Thanh Quy đã bị tam sao thất bản, ngài Tông Trách muốn phục hưng tinh thần của Bách Trượng Thanh Quy nên dựa theo những bản tàn khuyết của Bách Trượng Thanh Quy cũng như các bài kệ về hành pháp của chư cổ đức, chọn lấy những điểm tinh yếu, biên tập thành bộ sách này gồm mười quyển. Đến năm Chí Nguyên thứ tư (1338) đời Nguyên, ngài Đông Dương Đức Huy đã đem bộ Tông Lâm Giáo Định Thanh Quy Tông Yếu của ngài Duy Miên đối chiếu, so sánh với bộ Thiên Uyên Thanh Quy để gạt bỏ những chỗ rườm rà, đính chính những chỗ in chép sai lạc để tạo thành phiên bản Bách Trượng Thanh Quy như trong hiện thời.

2) Chúng sanh thuộc ba bậc chín phẩm trong mười phương thế giới chỉ cần được nghe danh hiệu Di Đà, muốn sanh về cõi ấy, chí tâm tin ưa, cho đến niệm A Di Đà Phật mười niệm, khi lâm chung liền được A Di Đà Phật xòe tay tiếp dẫn, vãng sanh cõi ấy. Bất luận công hạnh cạn hay sâu, bất luận có đoạn Hoặc hay không, đã đạt được nhất tâm hay chưa, cũng chẳng cần biết là nam, nữ, già, trẻ, xuất gia, tại gia, nghèo, giàu, sang, hèn, chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch và phi báng chánh pháp, đều có thể được bốn nguyện của Phật Di Đà nhiếp thọ, từ bi tiếp dẫn, được sanh về Tịnh Độ. Tuyệt đối chẳng bỏ sót một người nào không được vãng sanh. Phật lực [của Phật A Di Đà] có thể gia trì vô lượng, chúng sanh được gia trì bèn đạt lợi ích cũng vô lượng (vãng sanh thành Phật) như hộp to thì nắp to; đó gọi là “*bát hu tác trụ trì*”.

Ngài Đàm Loan giải thích vì sao Phật Di Đà phải có sự trang nghiêm “*bát hu tác trụ trì*” này? Đây là vì Ngài trông thấy có vị Phật chỉ có Thanh Văn Tăng, chẳng có Bồ Tát Tăng, cũng chính là chẳng có chúng sanh đại tâm cầu vô thượng Phật đạo. Đây là chẳng viên mãn, chẳng rốt ráo. Như trong giáo pháp của đức Thích Ca, tín đồ Phật giáo Nam Truyền là như thế đó. Họ chỉ có Tiểu Thừa Thanh Văn Tăng, chỉ cầu chứng quả A La Hán, cho đó là mục đích học Phật đã đạt được rồi. Như thế là đã đánh mất ý nghĩa chân thật của chuyện Phật pháp trụ trì thế gian, đáng gọi là “*hu tác trụ trì*”.

Lại có kẻ gặp Phật xuất thế, theo Phật xuất gia, thế nhưng không chỉ là chẳng chứng quả liễu sanh tử, mà còn ngược ngạo đọa lạc tam đồ. Đây chẳng phải là quá oan uổng ư? Như con trai của đức Bổn Sư khi Ngài làm Thái Tử tên là Thiện Tinh (Sunakṣatra). Sau khi xuất gia, vị này chứng đắc Tứ Thiên; do thân cận bạn ác, bèn thoái thất Tứ Thiên, dấy lên tà kiến bài bác cho là không có nhân quả, còn khởi ác tâm đối với đức Phật, bị đọa vào địa ngục Vô Gián ngay trong khi còn sống. Theo như Khuy Cơ đại sư đời Đường đã viết trong bộ Pháp Hoa Huyền Tán thì đức Phật có ba con trai, một là Thiện Tinh, hai là Ưu Bà Ma Da (Upamaana), ba là La Hâu La (Rahula). Lại như Đề Bà Đạt Đa (Devadatta), dịch nghĩa là Thiên Nhiệt, hoặc là Thiên Thọ, là con của Hộc Phạn Vương (Dronodana)⁴¹, là anh ruột của A Nan, là em họ của

⁴¹ Sư Tử Giáp Vương (Simhahanu) là ông nội của đức Phật, có nhiều người con, trong đó con cả là Tịnh Phạn Vương (Suddhodana) là cha của đức Phật. Em kế của Tịnh Phạn Vương là Hộc Phạn Vương (Dhotodana, hoặc Dronodana), và một người em nữa [của vua Tịnh Phạn] là Cam Lộ Phạn Vương (Amitodana) cũng thường được kinh nhắc đến.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

đức Phật, thân có đủ ba mươi tướng. Sau khi xuất gia, ông có thể tụng sáu vạn pháp tạng, vì lợi dưỡng mà tạo tội Ngũ Nghịch. Theo Pháp Hoa Văn Cú, quyển thứ tám [thì Đề Bà Đạt Đa đã tạo những tội như sau]:

1) Dụ dỗ năm trăm vị tỳ-kheo, lập riêng năm pháp để phá hòa hợp Tăng. Năm pháp là (1) Chẳng ăn năm vị (2) Không ăn thịt (3) Không ăn muối (4) Chẳng nhận y do cắt xén (5) Chẳng ở trong chùa bên cạnh xóm làng.

2) Quăng đá lớn làm thân Phật chảy máu.

3) Bảo vua A Xà Thế thả voi say giẫm Phật.

4) Đám chết tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc.

5) Bỏ chất độc trong mười móng tay, muốn do lễ dưới chân Phật bèn [cào chân Phật để chất độc] tổn thương Phật.

Do vậy, ông ta cũng đọa vào địa ngục trong khi còn sống. Lại còn có tỳ-kheo Cừ (Câu) Ca Ly như đã nói trong phần trước, do phỉ báng ngài Xá Lợi Phất mà đọa vào địa ngục. Ba người như thế thật sự là quá đáng buồn, đáng than!

Lại có vị như ngài Xá Lợi Phất, trong đời quá khứ nghe danh hiệu Phật, phát vô thượng Bồ Đề tâm, trong sáu mươi kiếp hành Bồ Tát đạo. Về sau, do nhân duyên gặp phải một Bà La Môn hướng về Ngài xin mắt, ngài Xá Lợi Phất liền móc một mắt cho. Người xin nhận lấy con mắt, chê là hôi thối, vứt xuống đất, lại còn giày xéo. Do vậy, ngài Xá Lợi Phất thoái thất Bồ Tát đạo, hồi Đại hướng Tiểu, trở thành hàng Thanh Văn, liễu thoát sanh tử cho riêng mình. Những trường hợp như vậy đều là có Phật trụ thế, chúng sanh có thể gặp Phật, thậm chí theo Phật xuất gia tu đạo, kết quả là luống uổng một đời, thậm chí đọa lạc trong tam đồ. Đây chính là Phật hư tác trụ trì. Phật Di Đà thấy trong sự thị hiện giáo hóa suốt một đời của đức Bổn Sư có những khuyết điểm ấy; do vậy, Ngài phát nguyện sẽ trang nghiêm công đức bất hư tác trụ trì để đạt thành nguyện vọng tối cao “*hễ có ai thấy nghe, không một ai chẳng thành Phật*”.

(Chú) Thị cố nguyện ngôn: Sử ngã thành Phật thời, trị ngộ ngã giả, giai tốc tạt mãn túc vô thượng đại bảo. Thị cố ngôn: “Quán Phật bốn nguyện lực, ngộ vô không quá giả, năng linh tốc mãn túc, công đức đại bảo hải”. Trụ trì nghĩa như thượng, quán Phật trang nghiêm bát chủng công đức, ngật chi ư thượng.

(註)是故願言：使我成佛時，值遇我者，皆速疾滿足

無上大寶。是故言：觀佛本願力，遇無空過者，能令速滿足，功德大寶海。住持義如上，觀佛莊嚴八種功德，訖之於上。

(Chú: Vì thế, nguyện rằng: Nếu khi tôi thành Phật, người gặp gỡ tôi sẽ đều nhanh chóng đầy đủ của báu lớn vô thượng. Vì thế nói: “Quán sức bốn nguyện Phật, gặp gỡ chẳng luống uổng, hay nhanh chóng thỏa nguyện, biến công đức báu lớn”. Nghĩa trụ trì như trên đây, phân quán tám thứ công đức trang nghiêm của Phật đến đây là xong).

“Giai tốc tạt mãn túc vô thượng đại bảo” (Đều nhanh chóng đầy đủ của báu lớn vô thượng): Câu này nói rõ nguyên do vì sao pháp môn Tịnh Độ là Di Hành Đạo hoàn toàn là do sức bốn nguyện của Phật Di Đà có thể nhiếp thọ hết thảy chúng sanh phàm phu nghiệp chướng nặng nề đời nghiệp vãng sanh, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, liễu sanh thoát tử, viên mãn Bồ Đề trong một đời, thành tựu hết thảy công đức đại bảo nơi Phật quả. Cũng chỉ có như vậy thì mới là “*bát hư tác trụ trì*” của chư Phật. “*Trụ trì nghĩa như thượng*” là nói ý nghĩa của Trụ Trì như đã được giảng giải trong phần trên. Bất quá, dựa theo lời giải thích nơi đoạn văn Trường Hàng thuộc phần sau luận này thì “*tức kiến bỉ Phật, vị chứng tịnh tâm Bồ Tát, tạt cánh đắc chứng bình đẳng Pháp Thân, dữ tịnh tâm Bồ Tát vô dị; dữ Thượng Địa chư Bồ Tát tạt cánh đồng đắc tịch diệt bình đẳng cố*” (tức là thấy đức Phật ấy thì hàng Bồ Tát chưa chứng tịnh tâm sẽ rốt ráo chứng đắc Pháp Thân bình đẳng, chẳng khác tịnh tâm Bồ Tát, vì cùng với các vị Bồ Tát thượng địa rốt ráo cùng đắc tịch diệt bình đẳng). Đó gọi là “*bát hư tác trụ trì*”. Đợi đến khi giảng giải phần văn Trường Hàng, tôi sẽ nói lại đoạn văn này. Luận này nói quan sát A Di Đà Phật có tám loại công đức trang nghiêm tự lợi và lợi tha, trước là tự lợi, sau là lợi tha, đến đây đã kết thúc viên mãn.

2.2.1.2.3.1.3.4. Quan sát công đức trang nghiêm các vị Bồ Tát cõi ấy

2.2.1.2.3.1.3.4.1. Nêu chung bốn loại công đức

(Chú) Thứ quán An Lạc quốc chư đại Bồ Tát tứ chủng trang nghiêm công đức thành tựu.

(註)次觀安樂國諸大菩薩四種莊嚴功德成就。

(Chú: Kế đó là quan sát bốn thứ công đức trang nghiêm thành

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

tự của hàng Bồ Tát trong cõi An Lạc).

2.2.1.2.3.1.3.4.2. Vấn đáp trừ nghi

(Chú) Vấn viết: Quán Như Lai trang nghiêm công đức, hà sở khuyết thiếu, phục tu quán Bồ Tát công đức da?

(註)問曰：觀如來莊嚴功德，何所闕少，復須觀菩薩功德耶？

(Chú: Hỏi: Quán công đức trang nghiêm của Như Lai có chỗ nào thiếu sót mà lại cần phải quan sát công đức của Bồ Tát vậy?)

Có lẽ, sẽ có người hỏi: Trong phần trên là quan sát công đức của A Di Đà Như Lai chính là quan sát công đức của Chúng Sanh Thế Gian trong quốc độ An Lạc, có thể nói là đã rất viên mãn, chẳng khuyết thiếu tí nào, lại cần gì phải quan sát công đức của hàng Bồ Tát nữa ư?

(Chú) Đáp viết: Như hữu minh quân, tắc hữu hiền thần, Nghiêu Thuấn chỉ xưng vô vi, thị kỳ tỷ dã. Nhược tiện dân hữu Như Lai pháp vương, nhi vô đại Bồ Tát pháp thần, ư dục tán đạo, khởi túc viên mãn? Diệc như tân tích tiểu, tắc hỏa bất đại.

(註)答曰：如有明君，則有賢臣，堯舜之稱無為，是其比也。若便但有如來法王，而無大菩薩法臣，於翼讚道，豈足云滿？亦如薪積小，則火不大。

(Chú: Đáp: Như có các vị vua sáng, ắt có tôi hiền. Vua Nghiêu, vua Thuấn được xưng tụng là vô vi, đó là do so sánh [với quần thần] mà ra. Giả sử chỉ có đấng Như Lai pháp vương, không có hàng Bồ Tát là bầy tôi nơi chánh pháp để giúp đỡ, tán trợ đạo thì sao đáng nói là viên mãn cho được? Cũng như chất chứa ít củi thì lửa chẳng lớn).

Ngài Đàm Loan giải đáp: Ví như một quốc gia trong thế gian, đã có vị quân chủ thánh minh, ắt phải có quần thần phụ tá hiền năng. Chẳng hạn, thánh vương thời cổ Trung Hoa như vua Nghiêu, vua Thuấn, trong lịch sử họ đều được ca ngợi “vô vi nhi trị”, quốc thái dân an, thiên hạ hòa thuận. Đây là vì vua Nghiêu, vua Thuấn có bầy tôi hiền năng phụ tá, cho nên đạt được quốc gia bình trị, chẳng loạn, chính trị thuận lợi, không có thói tệ, nhân dân thì vui sướng, không lo âu. Có thể

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

so sánh điều này với sự giáo hóa cõi đời, độ người của Phật, Bồ Tát cũng giống như thế. Giả sử chỉ có Phật là đáng pháp vương, chẳng có các vị đại Bồ Tát giúp Phật giáo hóa, thì cũng giống như chỉ có mình quân, mà chẳng có bầy tôi hiền năng thì đối với sự phù tá (lời chú giải dùng chữ Dực (翼) để diễn tả ý này), tán trợ đạo giáo hóa, sẽ chẳng viên mãn, chẳng lý tưởng. Lại giống như chất chứa củi rất ít, chỉ có một hai que, vậy thì lửa đốt lên sẽ chẳng thể rất lớn được! Do vậy, đức Phật có nói: “*Một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật hộ trì*”, tất nhiên là sẽ có rất nhiều vị đại Bồ Tát đồng thời ứng thế (xuất hiện trong cõi đời) giúp Phật giáo hóa.

(Chú) Như kinh ngôn: “A Di Đà Phật quốc, hữu vô lượng vô biên chư đại Bồ Tát, như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đẳng, giai đương nhất sanh ư tha phương thứ bố Phật xứ”. Nhược nhân xưng danh ức niệm giả, quy y giả, quán sát giả, như Pháp Hoa Kinh Phổ Môn phẩm thuyết, vô nguyện bất mãn. Nhiên Bồ Tát ái nhạo công đức, như hải thôn lưu, vô chỉ túc tình.

(註)如經言：阿彌陀佛國，有無量無邊諸大菩薩，如觀世音，大勢至等，皆當一生於他方次補佛處。若人稱名憶念者，歸依者，觀察者，如法華經普門品說，無願不滿。然菩薩愛樂功德，如海吞流，無止足情。

(Chú: Như kinh nói: “Cõi A Di Đà Phật có vô lượng vô biên các vị đại Bồ Tát, như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí v.v... đều sẽ trong một đời sẽ được bổ làm Phật kế tiếp nơi phương khác”. Nếu có người nghĩ nhớ, quy y, quán sát họ, sẽ như trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa, Kinh Phổ Môn đã nói, không nguyện nào chẳng được thỏa. Nhưng Bồ Tát yêu thích công đức, như biển nuốt các dòng nước, chẳng cảm thấy là đủ).

“*Như kinh ngôn*” (Như kinh nói) được nhắc đến ở đây chính là như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Phật cáo A Nan: ‘Bỉ quốc Bồ Tát giai đương cứu cánh Nhất Sanh Bố Xứ Bồ Tát (tức thị giai đương nhất sanh ư tha phương thứ bố Phật xứ). Hữu nhị Bồ Tát, tối tôn đệ nhất, oai thần quang minh, phổ chiếu tam thiên đại thiên thế giới’. A Nan bạch Phật: ‘Bỉ nhị Bồ Tát, kỳ hiệu vân hà?’ Phật cáo: - Nhất danh Quán Thế Âm, nhị danh Đại Thế Chí. Thử nhị Bồ Tát, ư thử quốc độ tu Bồ Tát hạnh, mạng chung chuyển hóa, sanh bỉ Phật quốc. Bỉ quốc Bồ Tát, giai tất cụ*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

túc tam thập nhị tướng, trí huệ thành mãn, thâm nhập chư pháp, cứu sống yếu diệu, thần thông vô ngại, chư căn minh lợi, đắc bất khả kể Vô Sanh Pháp Nhân... cứu cánh nhất thiết Bồ Tát sở hành, cụ túc thành tựu vô lượng công đức” (Đức Phật bảo ngài A Nan: ‘Bồ Tát trong cõi ấy đều sẽ rốt ráo là Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát (tức là sẽ đều ở phương khác, kế tiếp thành Phật). Có hai vị Bồ Tát tôn quý bậc nhất, oai thần, quang minh chiếu trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới’. Ngài A Nan bạch Phật: ‘Hai vị Bồ Tát ấy danh hiệu như thế nào?’ Đức Phật bảo: ‘Vị thứ nhất tên là Quán Thế Âm, vị thứ hai tên là Đại Thế Chí. Hai vị Bồ Tát ấy tu Bồ Tát hạnh trong quốc độ này, sau khi mạng chung, chuyển hóa, sanh về cõi Phật kia. Hàng Bồ Tát trong cõi ấy thấy đều trọn đủ ba mươi hai tướng, trí huệ thành tựu viên mãn, thâm nhập các pháp, hiểu thông suốt rốt ráo những điều trọng yếu, huyền nhiệm, thần thông vô ngại, các căn sáng suốt nhạy bén, đạt được chẳng thể tính toán Vô Sanh Pháp Nhân... rốt ráo hết thấy sở hành của Bồ Tát, và thành tựu trọn đủ vô lượng công đức’).

Thế giới Cực Lạc có vô lượng vô biên đại Bồ Tát đều là bậc Bồ Xứ Bồ Tát giống như Quán Âm, Thế Chí, đều có lục thông tự tại, Ngũ Nhân viên minh, tứ trí trọn đủ. Kinh Vô Lượng Thọ còn nói hai mươi thí dụ để hình dung sự thù thắng nhiệm màu của bậc Bồ Xứ Bồ Tát. Do vậy, kinh Di Đà cũng có nói: “*Cực Lạc quốc độ, chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí, kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, đản khả dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ (Vô Ương Số) thuyết”* (Chúng sanh sanh về quốc độ Cực Lạc đều là A Bệ Bạt Trí, trong ấy có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ. Số ấy rất nhiều, chẳng thể dùng toán số mà hông biết được, chỉ có thể dùng vô lượng vô biên A-tăng kỳ (Vô Ương Số) để nói). Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật bảo ngài A Nan: “*Bỉ chư Bồ Tát, thành tựu như thị vô lượng công đức, ngã đản vị nhữ lược ngôn chi nhĩ. Nhược quảng thuyết giả, bách thiên vạn kiếp bất năng cùng tận”* (Các vị Bồ Tát ấy thành tựu vô lượng công đức như thế, ta chỉ vì ông nói đại lược đó thôi. Nếu nói rộng ra thì trăm ngàn vạn kiếp vẫn chẳng thể nói hết được).

“*Nhược nhân ức niệm giả, quy y giả, quán sát giả, như Pháp Hoa kinh Phổ Môn phẩm thuyết, vô nguyện bất mãn”* (Nếu có người nghĩ nhớ, quy y, quán sát thì như phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa đã nói, không nguyện gì chẳng được thỏa mãn): Mấy câu văn này đã trích dẫn phẩm Phổ Môn để chứng minh.

Lại còn như kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã nói: “*Quán Âm*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Bồ Tát thủ chương hữu vô lượng quang sắc, phổ chiếu nhất thiết. Dĩ thử bảo thủ, tiếp dẫn chúng sanh (vãng sanh Cực Lạc). Tác thị quán giả, bất ngộ chư họa, tịnh trừ nghiệp chương. Như thử Bồ Tát, đản văn kỳ danh, hoạch phước vô lượng, hà huống đế quán... Đản văn Phật danh, nhị Bồ Tát danh, trừ vô lượng kiếp sanh tử chi tội, hà huống ỷc niệ. Đương tri thử nhân tác thị nhân trung Phân Đà Lợi Hoa (bạch liên hoa), Quán Âm, Thế Chí vi kỳ thắng hữu, đương tọa đạo tràng, sanh chư Phật gia” (Bàn tay của Quán Âm Bồ Tát có vô lượng quang minh và màu sắc, chiếu trọn khắp hết thấy. Ngài dùng tay báu ấy để tiếp dẫn chúng sanh (vãng sanh Cực Lạc). Tu phép Quán này, sẽ chẳng gặp các tai họa, trừ sạch nghiệp chương. Bạc Bồ Tát như vậy, chỉ nghe danh hiệu Ngài, sẽ được vô lượng phước, huống hồ là quán chắc thật... Chỉ nghe danh hiệu của Phật, danh hiệu của hai vị Bồ Tát, sẽ trừ tội trong vô lượng kiếp sanh tử, huống hồ là nghĩ nhớ. Hãy nên biết người ấy chính là hoa Phân Đà Lợi (hoa sen trắng) trong loài người, Quán Âm, Thế Chí là bạn thù thắng của người ấy, người ấy sẽ ngồi đạo tràng (thành Chánh Giác), sanh trong nhà chư Phật). [Những điều này] có thể dùng để chứng minh, để có thể quan sát công đức trang nghiêm của các vị đại Bồ Tát trong quốc độ An Lạc [hòng nhận biết] lợi ích lớn nhất là “sẽ được thành Phật”.

“Nhiên Bồ Tát ái nhạo công đức, như hải thôn lưu, vô chỉ tức tình” (Nhưng Bồ Tát yêu thích công đức như biển nuốt các dòng chảy, chẳng cảm thấy ngưng đủ): Đây là nói các vị đại Bồ Tát trong cõi ấy đều trọn đủ hạnh Phổ Hiền, đức Phổ Hiền, có thể trong thời gian và không gian vô tận mà yêu thích, tu tập hết thấy công đức, giống như biển cả dung nạp các dòng nước, vĩnh viễn chẳng có ngày trọn đủ. Những điều nói trong phẩm Phổ Môn và Quán Kinh chỉ nhằm tán thán chút ít phần công đức của các Ngài mà thôi!

(Chú) Diệt như Thích Ca Mâu Ni Như Lai văn nhất mục ám tỳ-kheo hu ngôn: “Thùy ái công đức, vị ngã duy chiêm”. Nhĩ thời, Như Lai tùng Thiên Định khởi, lai đáo kỳ sở, ngữ ngôn: “Ngã ái phước đức”, toại vị kỳ duy chiêm. Nhĩ thời, thất minh tỳ-kheo ám văn Phật ngữ thanh, kinh hỷ giao tập, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thế Tôn công đức do vị mãn da?” Phật báo ngôn: “Ngã công đức viên mãn, vô sở phục tu, đản ngã thử thân tùng công đức sanh, tri công đức ân phần cố. Thị cố ngôn ái”. Như sở vấn quán Phật công đức, thật vô nguyện bất sung. Sở dĩ phục quán Bồ Tát công đức giả, hữu

như thượng chủng chủng nghĩa cố nhĩ.

(註)亦如釋迦牟尼如來聞一目闍比丘呬言：誰愛功德，為我維鍼。爾時，如來從禪定起，來到其所，語言：我愛福德。遂為其維鍼。爾時，失明比丘暗聞佛語聲，驚喜交集，白佛言：世尊！世尊功德猶未滿耶？佛報言：我功德圓滿，無所復須，但我此身從功德生，知功德恩分故。是故言愛。如所問觀佛功德，實無願不充。所以復觀菩薩功德者，有如上種種義故耳。

(*Chú: Cũng như Thích Ca Mâu Ni Như Lai nghe một vị tỳ-kheo mù mất than thở: “Ai yêu công đức hãy xỏ kim giúp tôi”. Lúc bấy giờ, đức Như Lai từ Thiền Định khởi, đến chỗ vị ấy, bảo rằng: “Ta yêu phước đức”, liền vì vị ấy xỏ kim. Khi đó, vị tỳ-kheo mù ấy nghe ra tiếng nói của đức Phật, vui sợ lẫn lộn, bạch đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Công đức của Thế Tôn còn chưa viên mãn ư?” Đức Phật đáp: “Công đức của ta viên mãn, chẳng còn gì phải tu nữa, chỉ vì thân này của ta sanh từ công đức, do biết ơn công đức, cho nên nói là Yêu”. Như trong câu hỏi thuộc phần trên, quán công đức của Phật thì quả thật không nguyện nào chẳng thỏa. Sở dĩ lại quán công đức của Bồ Tát là do có các thứ nghĩa như trên đây vậy).*

Ngài Đàm Loan trích dẫn chuyện đức Thích Ca xâu kim, mọi người đều biết rành chuyện này. “*Mục ám tỳ-kheo*” tức là một vị xuất gia cả hai mắt đều mù. “*Duy châm*” (維鍼) là dùng chỉ xuyên qua cái lỗ nhỏ ở trên kim. Đức Phật nói “*chỉ vì thân này của ta sanh từ công đức*”. Đây là như Đại Trí Luận đã nói: “*Pháp Thân của Phật là lý pháp tu, Báo Thân của Phật là trí pháp tu, Hóa Thân của Phật là công đức pháp tu*”. Thích Ca Thế Tôn thị hiện thành Phật tại Ấn Độ là Hóa Thân Phật. Tuy là do nhân duyên cha mẹ mà sanh ra, nhưng chúng tử thật sự có thể sanh ra [Hóa Thân Phật] thì chính là công đức vô lậu do đức Phật đã tu, mà cũng là chúng tử vô lậu thanh tịnh pháp vốn là như thế, và cũng là chúng tử công đức do trí huệ huân tập vừa mới sanh, hòa hợp lại mà sanh ra Hóa Thân Phật. Vì thế nói là “*sanh từ công đức*”. Những điều khác dễ hiểu!

2.2.1.2.3.1.3.4.3. Nói riêng bốn loại công đức

2.2.1.2.3.1.3.4.3.1. Công đức ứng hóa bất động

(Luận) *An Lạc quốc thanh tịnh, thường chuyển vô cấu luân, hóa Phật, Bồ Tát nhật, như Tu Di trụ trì.*

(Chú) *Phật bốn hà cố khởi thử trang nghiêm? Kiến hữu Phật độ, dẫn thị tiểu Bồ Tát, bất năng ư thập phương thế giới quảng tác Phật sự, hoặc dẫn Thanh Văn nhân thiên, sở lợi hiệp tiểu.*

(論) 安樂國清淨，常轉無垢輪，化佛菩薩日，如須彌住持。

(註) 佛本何故起此莊嚴？見有佛土，但是小菩薩，不能於十方世界廣作佛事，或但聲聞人天，所利狹小。

(Luận: Cõi An Lạc thanh tịnh, thường chuyển vô cấu luân, hóa Phật, Bồ Tát nhật, như Tu Di trụ trì.

Chú: *Vốn vì lẽ nào mà đức Phật lên sự trang nghiêm này? Do Ngài thấy có cõi Phật chỉ là tiểu Bồ Tát, chẳng thể rộng làm Phật sự trong mười phương pháp giới, hoặc chỉ là Thanh Văn, người, trời, lợi ích hẹp nhỏ).*

Bốn tiết (tiểu mục) từ đây trở đi đều là Luận Chủ bảo chúng ta phải quan sát công đức chánh hạnh tu hành “*tự lợi, lợi tha*” của các vị đại Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc như thế nào? Phạm đức thuộc loại thứ nhất là bất động bản xứ (chẳng rời khỏi chỗ mình) mà ứng hóa trong mười phương. Vì sao A Di Đà Phật phải có loại công đức trang nghiêm dành cho hàng Bồ Tát này? Vì trong khi tu nhân, Ngài thấy có những cõi Phật chỉ có tiểu Bồ Tát, tức là phạm phu Bồ Tát, hoặc chỉ có nhân thiên Nhị Thừa, căn bản là chẳng có Bồ Tát. Như vậy thì tất nhiên là đã đánh mất đại lợi ích “*phổ độ chúng sanh trong vô lượng thế giới*” của Phật pháp, đây cũng chẳng phải là bồn hoài xuất thế của chư Phật!

(Chú) *Thị cố hưng nguyện: Nguyên ngã quốc trung, hữu vô lượng đại Bồ Tát chúng, bất động bản xứ, biến chí thập phương, chủng chủng ứng hóa, như thật tu hành, thường tác Phật sự. Thí như nhật tại thiên thượng, nhi ảnh hiện bách xuyên, nhật khởi lai da? Khởi bất lai da? Như Đại Tập Kinh ngôn: “Thí như hữu nhân thiện trị đê đường, lượng kỳ sở nghi, cập phóng thủy thời, bất gia tâm lực. Bồ Tát diệc như thị, tiên trị nhất thiết chư Phật cập chúng sanh ưng cúng dường, ưng giáo hóa chủng chủng đê đường, cập nhập tam-muội thân tâm bất động, như thật tu hành, thường tác Phật sự”. Như thật tu hành giả, tuy thường tu hành, thật vô sở tu*

hành dã. Thị cố ngôn: “An Lạc quốc thanh tịnh, thường chuyển vô cầu luân, hóa Phật, Bồ Tát nhất, như Tu Di trụ trì”.

(註)是故興願。願我國中，有無量大菩薩眾，不動本處，遍至十方，種種應化，如實修行，常作佛事。譬如日在天上，而影現百川，日豈來耶？豈不來耶？如大集經言：譬如有人善治堤塘，量其所宜，及放水時，不加心力。菩薩亦如是，先治一切諸佛及眾生應供養，應教化種種堤塘，及入三昧身心不動，如實修行，常作佛事。如實修行者，雖常修行，實無所修行也。是故言：安樂國清淨，常轉無垢輪，化佛菩薩日，如須彌住持。

(Chú: Vì thế, dấy lên nguyện. Nguyên trong nước của tôi có vô lượng các vị đại Bồ Tát, chẳng rời chỗ mình mà đến khắp mười phương, đủ mọi cách ứng hóa, tu hành như thật, thường làm Phật sự. Ví như mặt trời ở trên bầu trời, mà hiện bóng nơi trăm sông, há mặt trời có đến đó hay không? Há mặt trời chẳng đến đó hay chăng? Như kinh Đại Tập nói: “Ví như có người giỏi đắp bờ đê, ước lượng thích đáng, đến khi tháo nước vào, chẳng mất công suy nghĩ thêm. Bồ Tát cũng giống như vậy, trước hết khéo đắp cho xong các thứ bờ đê ‘đáng nên cúng dường’ chư Phật, ‘đáng nên giáo hóa’ chúng sanh, và nhập tam-muội, thân tâm bất động, như thật tu hành, thường làm Phật sự”. “Như thật tu hành” là tuy thường tu hành, nhưng thật sự chẳng có gì để tu hành. Vì thế nói: “Cõi An Lạc thanh tịnh, thường chuyển pháp luân vô cầu, vàng mặt trời hóa Phật, Bồ Tát, như núi Tu Di trụ trì”).

Trong đoạn văn này, trước hết ngài Đàm Loan nêu ra pháp đề nói, sau đó, dùng thí dụ để chỉ rõ, lại nêu lên những điều được nói trong kinh; cuối cùng là kết hợp với pháp. Khi tu nhân, Phật Di Đà đã phát nguyện, nguyện quốc độ khi Ngài thành Phật, có vô lượng các vị đại Bồ Tát. “Đại” ở đây chẳng phải là do đối với Tiểu mà nói là Đại, mà là Đại do tương xứng với pháp giới, như sự to lớn của hư không trọn khắp hết thảy mọi nơi, là chúng sanh và Phật, tâm và cảnh, y báo và chánh báo, tánh và tướng, Lý và Sự, nhân và quả, Bi và Trí, nguyện và hạnh, tự lợi và lợi tha, đều là sự to lớn rốt ráo bình đẳng bất nhị, là sự to lớn do thanh tịnh vô ngại, viên mãn chẳng khuyết, thường trụ bất biến, là sự to lớn của thời gian và không gian vô tận, là sự to lớn của Phổ Hiền

hạnh. Tức là sự to lớn “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm bao trùm hư không, lượng trọn khắp các cõi có số lượng nhiều như cát). Chẳng phải là sự to lớn mà hàng nhân thiên, Nhị Thừa, Quyền Tiểu Bồ Tát có thể tưởng tượng được. Như nguyện thứ hai mươi hai trong bốn mươi tám nguyện có nói: “*Thiết ngã đắc Phật, tha phương Phật độ chư Bồ Tát chúng, lai sanh ngã quốc, cứu cánh tất chí Nhất Sanh Bồ Xứ, trừ kỳ bốn nguyện, tự tại sở hóa. Vị chúng sanh cố, bị hoàng thệ khai, tích lũy đức bốn, độ thoát nhất thiết, du chư Phật quốc, tu Bồ Tát hạnh, cúng dường tha phương chư Phật Như Lai, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sanh, sử lập vô thượng chánh chân chi đạo, siêu xuất thường luân chư địa chi hạnh, hiện tiền tu tập Phổ Hiền chi đức. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác*” (Nếu tôi được thành Phật, các vị Bồ Tát trong các cõi Phật ở phương khác sanh vào nước tôi, rất ráo ắt đạt đến Nhất Sanh Bồ Xứ, trừ khi họ có nguyện riêng tự tại giáo hóa. Do vì chúng sanh mà mặc áo giáp hoàng thệ, tích lũy cội đức, độ thoát hết thảy, dạo chơi các cõi Phật, tu hạnh Bồ Tát, cúng dường chư Phật Như Lai trong mười phương, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sanh, khiến cho họ an trụ nơi đạo vô thượng chánh chân, vượt xa các hạnh thuộc những địa vị thông thường, hiện tiền tu tập phẩm đức Phổ Hiền. Nếu chẳng như vậy, tôi sẽ chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Lại còn có nguyện thứ hai mươi ba, tức là “*nguyện cùng lúc cúng dường trọn khắp chư Phật*”, nguyện thứ hai mươi bốn tức là nguyện “*những thứ vật cúng đều đúng như ý nguyện*”, nguyện thứ hai mươi lăm là nguyện “*Bồ Tát diễn Nhất Thiết Trí*”, nguyện thứ ba mươi là nguyện “*trí huệ biện tài chẳng có hạn lượng*”, nguyện thứ bốn mươi là nguyện “*tùy ý thấy các cõi Phật*”. Do công đức của các nguyện như thế, chúng đại Bồ Tát được trang nghiêm thành tựu, đương nhiên là có thể bất động trong cõi Cực Lạc, mà phân thân vô số, đèn trọn khắp mười phương thế giới, làm các thứ sự nghiệp giáo hóa chúng sanh thích ứng với căn cơ, như núi Tu Di vôi vôi bất động, quang minh chiếu trọn khắp bốn phương, bốn châu. Các vị đại Bồ Tát trong cõi ấy từ trong lợi tha mà thành tựu tự lợi, từ trong tùy thuận hết thảy mà vượt xa hết thảy. Điều này được gọi là “*như thật tu hành, thường làm Phật sự*”.

Tất cả những Phật sự ứng hóa của các vị đại Bồ Tát ấy ví như mặt trăng (hoặc mặt trời) in bóng trong ngàn sông, [mặt trời, mặt trăng] không đến [các dòng sông] mà cũng chẳng không đến, như kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “*Bồ Tát thanh lương nguyệt, thường du tất cánh không, chúng sanh tâm cầu tịnh, Bồ Tát ảnh hiện trung*” (Vàng trắng

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

trong mát của Bồ Tát thường dạo trong cái Không rớt ráo. Tâm chúng sanh hết sạch phiền não thì hình bóng Bồ Tát thường hiện trong ấy).

Lại như có một người rất thiện xảo đắp một cái ao có đập ngăn kiên cố để trữ nước cần dùng. Khi người ấy cần dùng nước, sẽ chẳng cần phải lo không có nước để dùng. Giống như tại Đài Loan trong hiện thời, trên đỉnh những cao ốc ở khắp mọi nơi đều có những tháp nước lớn nhỏ khác nhau, thường tích trữ những khối nước cần dùng, lại còn lắp đặt những chôt bơm nước tự động, có thể tùy tâm dùng nước, lấy mãi chẳng hết, dùng mà chẳng cạn kiệt. Các vị đại Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc cũng giống như thế. Họ trước hết tu bỏ hết thủy bờ đề tam-muội (chánh định) thế gian và xuất thế gian. Sau đấy, nhập vào tam-muội, có thể trên là cúng dường vô lượng chư Phật, dưới là hóa độ vô lượng chúng sanh, tự tại vô ngại, thời gian và không gian vô tận, giống như vàng thái dương bất động trên hư không mà có thể chiếu sáng đại địa, hết thủy chúng sanh đều cùng thấy mặt trời.

“*Như thật tu hành*” tức là xứng hợp Thật Tướng nhất tâm nhiệm đề tu hành. Tuy nương theo Tâm Sanh Diệt Môn, thường xuyên duyên khởi Lục Độ vạn hạnh, nhưng lại chẳng lìa Tâm Chân Như Môn, vô trí mà cũng vô đắc, nhưng chẳng chấp trước những gì đã tu, đã hành. Như trong phẩm An Lạc Hạnh của kinh Pháp Hoa có nói: “*Nhu hòa thiện thuận nhi bất tốt bạo, tâm diệc bất kinh, hựu phục ư pháp vô sở hành, nhi quán chư pháp như Thật Tướng, diệc bất hành, bất phân biệt. Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát hành xứ*” (Nhu hòa, khéo tùy thuận, chẳng bộp chộp, tâm cũng chẳng kinh sợ, lại còn đối với các pháp [tuy hành mà thấy] chẳng có pháp gì để hành, quán các pháp đúng như Thật Tướng, cũng chẳng hành, chẳng phân biệt. Đó gọi là hành xứ của Bồ Tát Ma Ha Tát). Lại như trong phẩm Pháp Sư có nói: “*Nhược nhân thuyết thử kinh, ưng nhập Như Lai thất, trước ư Như Lai y, nhi tọa Như Lai tòa, xử chúng vô sở úy, quảng vị phân biệt thuyết. Đại từ bi vi thất, nhu hòa nhẫn nhục y, chư pháp không vi tòa, xử thử vị thuyết pháp*” (Nếu ai nói kinh này, nên vào nhà Như Lai, khoác mặc y Như Lai, ngồi trên tòa Như Lai, trong đại chúng chẳng sợ, rộng vì họ phân biệt. Đại từ bi làm nhà, áo nhu hòa nhẫn nhục, các pháp không làm tòa, ở nơi đó thuyết pháp). Lại như kinh Vô Lượng Thọ nói: “*Bỉ quốc Bồ Tát ư kỳ quốc độ, sở hữu vạn vật, vô ngã sở tâm, vô nhiễm trước tâm, khứ lai tán chi, tình vô sở hệ, tùy ý tự tại, vô sở thích mặc, vô bỉ, vô ngã, vô cạnh, vô tụng, ư chư chúng sanh, đắc đại từ bi nhiều ích chi tâm*” (Hàng Bồ Tát trong cõi ấy đối với tất cả muôn vật trong cõi nước ấy,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

không có tâm “của ta”, tâm không đắm nhiễm, đến, đi, tiến, dừng, không bị vướng mắc trong tình kiến, tùy ý tự tại, không có yêu, ghét, không người, không ta, không cạnh tranh, không tranh cãi, đối với chúng sanh, đạt được cái tâm đại từ bi tạo lợi ích). Những điều ấy đều là sự tu hành “*tự lợi, lợi tha*” như thật của các vị đại Bồ Tát trong cõi ấy, nếu chúng ta quán sát như thật thì sẽ có thể phát khởi đạo tâm “*kiến hiện tu tề*” (thấy người hiện bèn mong được bằng), sanh khởi nguyện tâm “ham [Tịnh Độ], chán [Sa Bà]” thiết thực. Như kinh Di Đà nói: “*Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (Chúng sanh được nghe, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy. Vì có sao vậy? Được cùng các vị thượng thiện nhân như thế nhóm họp một chỗ). Đây mới là ý thú chân thật của việc quán công đức trang nghiêm của các vị Bồ Tát ấy.

Nếu dựa theo lời giải thích trong phần văn Trường Hàng ở phía sau bộ luận này, còn có một câu “*khai chư chúng sanh ú nê hoa cố*” (vì nở hoa từ trong bùn lầy cho chúng sanh). Đây là nói các vị đại Bồ Tát trong cõi ấy đều như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc, Địa Tạng v.v... đều có thể tùy loại hiện thân, ứng hóa làm Phật, hoặc làm Bồ Tát, đồng thời đến mười phương vô lượng thế giới phổ độ chúng sanh. Bồ Tát giống như ánh mặt trời chiếu tròn khắp trên không trung, chúng sanh giống như hoa sen mọc trong bùn lầy hôi thối được ánh mặt trời chiếu đến, bèn có thể vượt khỏi bùn lầy mà nở hoa, kết quả. Do vậy, Báo Thân của các vị đại Bồ Tát trong cõi ấy vẫn ở trong cõi đó, như núi chúa Tu Di thường trụ bất động, mà hóa thân thị hiện mười phương, ứng theo căn cơ mà giáo hóa, độ hết thấy chúng sanh, cùng sanh về cõi An Lạc, cùng được liên hoa hóa sanh, cùng thân cận Phật Di Đà, cùng được thọ ký, cùng thành Phật đạo, lại cùng độ chúng sanh. Như thế lần lượt hóa độ vô tận, đền nối tiếp đền, có lực dụng và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn như thế ấy. Vì thế, kệ tụng ghi là: “*An Lạc quốc thanh tịnh, thường chuyển vô cầu luân (thanh tịnh Đại Thừa pháp luân), hóa Phật Bồ Tát nhật, như Tu Di trụ trì*” (Cõi An Lạc thanh tịnh, thường chuyển pháp luân vô cầu (pháp luân thanh tịnh Đại Thừa), vằng mặt trời hóa Phật, Bồ Tát, như núi Tu Di trụ trì).

2.2.1.2.3.1.3.4.3.2. Công đức đồng thời đến trọn khắp

(Luận) Vô cầu trang nghiêm quang, nhất niệm cập nhất thời,

phổ chiếu chư Phật hội, lợi ích chư quần sanh.

(Chú) Phật bốn hà cổ khởi thử trang nghiêm? Kiến hữu Như Lai quyền thuộc, dục cúng dường tha phương vô lượng chư Phật, hoặc dục giáo hóa vô lượng chúng sanh, thử một, bỉ xuất, tiên Nam, hậu Bắc, bất năng dĩ nhất niệm, nhất thời phóng quang phổ chiếu, biến chí thập phương thế giới, giáo hóa chúng sanh, hữu xuất một tiền hậu tướng cố.

(論)無垢莊嚴光，一念及一時，普照諸佛會，利益諸群生。

(註)佛本何故起此莊嚴？見有如來眷屬，欲供養他方無量諸佛，或欲教化無量眾生，此沒彼出，先南後北，不能以一念，一時放光普照，遍至十方世界，教化眾生，有出沒前後相故。

(Luận: Sáng trang nghiêm không như, một niệm và một thời, chiếu khắp các Phật hội, lợi ích các quần sanh.

Chú: Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dậy lên sự trang nghiêm này? Do Ngài thấy có Như Lai mà quyền thuộc muốn cúng dường vô lượng chư Phật ở phương khác, hoặc muốn giáo hóa vô lượng chúng sanh, biến mất nơi đây, xuất hiện ở nơi kia, trước Nam, sau Bắc, chẳng thể trong một niệm hoặc một thời phóng quang chiếu trọn khắp, đến trọn khắp mười phương thế giới giáo hóa chúng sanh, cho nên có tướng hiện ra, mất đi, trước, sau).

Đây là loại công đức trang nghiêm thứ hai của các vị đại Bồ Tát trong quốc độ An Lạc: Thân ứng hóa của các Ngài có thể trong hết thảy các thời, dùng một niệm tâm phóng đại quang minh, chiếu trọn khắp mười phương lợi ích quần sanh. Đó gọi là công đức “đồng thời đến trọn khắp”. Vì sao A Di Đà Phật phải có công đức trang nghiêm này? Chính là vì trong khi tu nhân, Ngài trông thấy có những vị Như Lai, mà các vị Bồ Tát là pháp quyền của các Ngài, trước khi đăng địa (trước khi chứng Sơ Địa), muốn cúng dường vô lượng chư Phật ở những thế giới khác, hoặc là muốn đến những cõi Phật khác giúp Phật giáo hóa chúng sanh, thân nghiệp báo hoặc là ý sanh thân⁴² của họ tất nhiên là có tướng

⁴² Ý Sanh Thân (意生身): Hàng Bồ Tát Thông Giáo đăng địa, đắc Như Huyền tam-muội, có năng lực thị hiện vô lượng thân thông tự tại, vào khắp các cõi Phật, tùy ý vô ngại, ý muốn đến nơi nào, thân bèn theo đến nơi ấy, cho nên gọi là Ý Sanh

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

sai biệt hiện ra, biên mất, trước, sau, đến, đi, chẳng thể đồng thời đến trọn khắp, công dụng chẳng lớn. Không chỉ là chẳng khế hợp tâm đại từ bi độ chúng sanh của Bồ Tát, mà cũng chẳng thể thuận hợp Chân Như pháp tánh tột cùng theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang. Đây là chẳng đủ lý tướng, chẳng rất viên mãn!

(Chú) Thị cố hưng nguyện: Nguyên ngã Phật độ chư đại Bồ Tát, u nhất niệm, thời khoảnh, biên chí thập phương, tác chủng chủng Phật sự. Thị cố ngôn: “Vô cấu trang nghiêm quang, nhất niệm cập nhất thời, phổ chiếu chư Phật hội, lợi ích chư quần sanh”.

(註)是故興願。願我佛土諸大菩薩，於一念，時頃，遍至十方，作種種佛事。是故言：無垢莊嚴光，一念及一時，普照諸佛會，利益諸群生。

(Chú: Vì thế, phát nguyện. Nguyên các vị đại Bồ Tát trong cõi Phật của tôi trong khoảng thời gian một niệm đến trọn khắp mười phương, làm các thứ Phật sự. Vì thế nói: “Sáng trang nghiêm không nhơ, một niệm và một thời, chiếu khắp các Phật hội, lợi ích các quần sanh”).

Đã có những nguyên nhân chẳng viên mãn như vừa nói trên đây, trong khi tu nhân, A Di Đà Phật bèn phát nguyện, trong thế giới khi Ngài thành Phật, tất cả chúng sanh vãng sanh cõi ấy, ai nấy đều “*hoa nở thấy Phật, ngộ Vô Sanh*”, đều đã phá vô minh, đã phân chứng Pháp Thân, cho đến bậc đại Bồ Tát Nhất Sanh Bồ Xứ đều có thể cùng lúc cúng dường trọn khắp vô lượng chư Phật, đều có thể diễn nói Nhất Thiết Trí, đều có tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông. Chỉ có như vậy thì mới có thể trong hết thảy thời, trong khoảng một niệm, thị hiện thân ứng hóa của Phật, trong mười phương thế giới làm đủ mọi Phật sự độ sanh. Đây chính là những điều được thành tựu bởi công đức của các nguyện từ nguyện thứ hai mươi hai cho đến nguyện thứ hai mươi lăm trong bốn nguyện của Phật Di Đà.

“*Vô cấu trang nghiêm quang*” (Quang minh trang nghiêm vô cấu): Đây là nói về quang minh nơi Báo Thân thanh tịnh viên mãn. Chúng sanh trong chín pháp giới chẳng thể thấy Tự Thọ Dụng Báo

Thân. Nói chi tiết thì có ba loại Ý Sanh Thân như kinh Lăng Già quyển thứ ba đã nói.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Thân của Phật. Phạm phu, Nhị Thừa, và Địa Tiên Bồ Tát (các địa vị Bồ Tát trước khi chứng Sơ Địa) cũng chẳng thể thấy Tha Thọ Dụng Báo Thân! Chỉ có bậc Địa Thượng Bồ Tát đã phá vô minh, phần chứng Pháp Thân và Báo Thân là có thể thấy, và cũng có thể do phần chứng Báo Thân mà dấy lên Ứng Hóa Thân, thị hiện Ứng Hóa Phật. Do vậy, có thể trong “*nhất niệm cập nhất thời*” (một niệm và một thời), tỏa ra quang minh trang nghiêm vô cầu, đồng thời chiếu trọn khắp trăm, ngàn, vạn, ức đại hội của ứng hóa Phật.

Như trong phẩm Như Lai Thọ Lượng kinh Pháp Hoa có nói: “*Ngã thường tại thử Sa Bà thuyết pháp giáo hóa, diệc u dư xứ bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ quốc đạo lợi chúng sanh*” (Ta thường ở trong cõi Sa Bà này thuyết pháp giáo hóa, cũng ở trong trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ cõi ở những nơi khác để hướng dẫn, lợi lạc chúng sanh). Ứng Hóa Phật không chỉ là thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh, mà cũng có thể phóng quang, hiện thần thông, dùng đủ mọi phương tiện diệt trừ hết thảy sự khổ ách của chúng sanh, khiến cho chúng sanh liễu sanh thoát tử, đều được thành Phật. Vì thế nói: “*Lợi ích chư quần sanh*”.

(Chú) Vấn viết: Thượng chương vân “thân bất động dao, nhi biến chí thập phương, bất động nhi chí”, khởi phi thị “nhất thời” nghĩa da? Dĩ thử nhược vi sai biệt? Đáp viết: Thượng dẫn ngôn: “Bất động nhi chí”, hoặc dung hữu tiền hậu. Thử ngôn: “Vô tiền, vô hậu”, thị vi sai biệt, diệc thị thành thượng bất động nghĩa. Nhược bất nhất thời, tắc thị vãng lai; nhược hữu vãng lai, tắc phi bất động. Thị cố vi thành thượng bất động nghĩa cố, tu quán nhất thời.

(註)問曰：上章云身不動搖，而遍至十方，不動而至，豈非是一時義耶？與此若為差別？答曰：上但言：不動而至，或容有前後。此言：無前無後，是為差別，亦是成上不動義。若不一時，則是往來；若有往來，則非不動。是故為成上不動義故，須觀一時。

(Chú: Hỏi: Chương trước nói “thân chẳng lay động mà đến trọn khắp mười phương”, “bất động mà đến”, há chẳng phải là ý nghĩa “nhất thời” ư? Có gì khác biệt với chỗ này? Đáp: Phần trước chỉ nói “bất động mà đến”, có thể là có trước sau. Ở đây nói là “chẳng trước, chẳng sau”, đó là chỗ sai biệt, mà cũng là để thành tựu ý nghĩa “bất

động” trong phần trước. Nếu chẳng phải là một thời, sẽ là đến, đi, tức là chẳng phải bất động. Vì thế, để thành tựu ý nghĩa “bất động” trong phần trên thì cần phải quán “nhất thời”).

Trong đoạn văn này, ngài Đàm Loan giả lập một đoạn văn đáp để giải thích sự khác biệt giữa “bất động” và “nhất thời”, lời văn dễ hiểu. Nay tôi nêu ra hai thí dụ:

1) Như là một khối vàng ròng chẳng biến động, nhưng tùy thuộc người thợ kim hoàn có thể chế thành các đồ vật. Những món đồ vật được chế tạo ra, tất nhiên là có thứ tự trước sau bất động, chẳng thể đồng thời cùng trên một khối vàng mà chế thành rất nhiều món đồ.

2) Như một tấm gương sáng cũng chẳng biến động, có thể tùy thuộc các đồ vật soi vào mà hiện ra các hình ảnh. Các hình ảnh không có trước sau, cùng một lúc hiển hiện trong tấm gương sáng.

Vàng ròng và gương sáng đều bất động, nhưng có “trước sau” và “chẳng trước, chẳng sau” sai biệt. Các vị đại Bồ Tát trong cõi ấy làm Phật sự cũng giống như thế. Nói theo địa vị thì từ Sơ Địa cho đến những địa vị Bồ Tát cao hơn đều có phẩm đức “bất động mà ứng hóa”, nhưng từ Bát Địa Bồ Tát trở lên và hóa thân của Phật thì mới có phẩm đức “đồng thời đến trọn khắp”.

2.2.1.2.3.1.3.4.3.3. Công đức cúng dường tán thán không thừa sót

(Luận) Vũ thiên nhạc, hoa y, diệu hương đảnh cúng dường, tán chư Phật công đức, vô hữu phân biệt tâm.

(Chú) Phật bốn hà cổ khởi thử trang nghiêm? Kiến hữu Phật độ, Bồ Tát nhân thiên chí thú bất quảng, bất năng biến chí thập phương vô cùng thế giới, cúng dường chư Phật Như Lai đại chúng, hoặc dĩ kỹ độ uest trước, bất cảm hướng nghệ tịnh hương, hoặc dĩ sở cư thanh tịnh, bỉ bạc uest độ. Dĩ như thử đảnh chửng chửng cục phận, u chư Phật Như Lai sở, bất năng châu biến cúng dường, phát khởi quảng đại thiện căn.

(論)兩天樂華衣，妙香等供養，讚諸佛功德，無有分別心。

(註)佛本何故起此莊嚴？見有佛土，菩薩人天志趣不廣，不能遍至十方無窮世界，供養諸佛如來大眾，或以己

土穢濁，不敢向詣淨鄉，或以所居清淨，鄙薄穢土。以如此等種種局分，於諸佛如來所，不能周遍供養，發起廣大善根。

(Luận: Mưa nhạc trời, áo hoa, hương màu để cúng dường, khen công đức chư Phật, chẳng có tâm phân biệt.

Chú: Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dậy lên sự trang nghiêm này? Do Ngài thấy có cõi Phật, Bồ Tát, người, trời [trong cõi ấy] chí thú chẳng rộng, chẳng thể đến trọn khắp vô cùng thế giới trong mười phương để cúng dường chư Phật Như Lai và đại chúng, hoặc vì cõi nước của mình uế trước, chẳng dám hướng đến quê hương thanh tịnh, hoặc do ở chốn thanh tịnh mà chê bai cõi uế. Do có các thứ hạn cuộc như thế, đối với các nơi chốn của chư Phật Như Lai, chẳng thể đến trọn khắp để cúng dường, phát khởi thiện căn rộng lớn).

Đoạn này nói về phẩm đức “cúng dường, tán thán chẳng thừa sót” của hàng Bồ Tát trong cõi ấy, tức là nói các Ngài đã dùng vô lượng sự cúng dường rộng lớn để cung kính, tán thán chư Phật trong hết thảy các thế giới chẳng thiếu sót mảy may. Như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên đã nói: “Ư nhất trần trần số Phật, các xứ Bồ Tát chúng hội trung, vô tận pháp giới trần diệc nhiên, thâm tín chư Phật giai sung mãn, các dĩ nhất thiết âm thanh hải, phổ xuất vô tận diệu ngôn từ, tận ư vị lai nhất thiết kiếp, tán Phật thậm thâm công đức hải, dĩ chư tối thắng diệu hoa man, kỹ nhạc, đồ hương, cập tán cái, như thị tối thắng trang nghiêm cụ, ngã dĩ cúng dường chư Như Lai. Tối thắng y phục, tối thắng hương, mạn hương, thiêu hương, dĩ đặng chúc, nhất nhất giai như Diệu Cao tỳ, ngã tất cúng dường chư Như Lai. Như thị hư không giới tận... ngã cúng nãi tận, nhi hư không giới vô hữu tận cố, ngã thử cúng dường diệc vô hữu tận, niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp, vô hữu bì yếm” (Trong mỗi vi trần, có chư Phật nhiều như vi trần, mỗi vi đều ở trong hội của các vị Bồ Tát. Trong các vi trần của vô tận pháp giới cũng giống như vậy, tin sâu chư Phật đều đầy ấp. [Ở chỗ mỗi đức Phật], đều dùng biển hết thảy âm thanh, phát ra trọn khắp vô tận ngôn từ hay đẹp, cho đến hết thảy các kiếp trọn hết đời vị lai, tán thán biển công đức rất sâu của Phật. Dùng các tràng hoa đẹp thù thắng nhất, kỹ nhạc, hương bôi, và tàn lọng. Những vật trang nghiêm thù thắng nhất như thế, tôi dùng [các món vật ấy] để cúng dường các Như Lai. Y phục tốt đẹp nhất, hương tốt lành nhất, hương

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

bột, hương đốt, và đèn đuốc, mỗi thứ đều chất chứa như núi Diệu Cao, tôi đều cúng dường các Như Lai, trọn hết hư không giới như thế... sự cúng dường của tôi mới hết. Nhưng do hư không giới chẳng cùng tận, sự cúng dường của tôi cũng chẳng cùng tận, niệm niệm tiếp nối, chẳng bị gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp chẳng có mệt chán).

Vì sao Phật Di Đà dậy lên sự trang nghiêm này? Đều là do khi tu nhân, Ngài thấy có cõi Phật, hàng Bồ Tát, đại chúng trời người trong ấy chẳng có chí nguyện và sự mong muốn (lời chú giải dùng chữ “*thú*” (趣) để diễn tả ý này) rộng lớn, lại chẳng có thần thông, trí huệ. Do vậy, chẳng thể cúng dường, tán thán mười phương vô lượng chư Phật và đại chúng Tăng chẳng sót, nhất là do ôm lòng phân biệt: Hoặc là do [e ngại] chỗ ở của chính mình là uế độ, chẳng dám đến Tịnh Độ của chư Phật để tu cúng dường. Hoặc cho rằng chính mình là người trong Tịnh Độ, làm sao có thể đến cúng Phật trong uế độ cho được? Đủ thứ phân biệt hạn cuộc như thế, đương nhiên là chẳng thể cúng dường trọn khắp hết thầy chư Như Lai, mà cũng là chẳng thể phát khởi thiện căn rộng lớn của hạnh nguyện Phổ Hiền. Đây chính là chẳng khéo hành Bồ Tát đạo. Do có lỗi lầm như thế, Phật Di Đà mới phải trang nghiêm hàng Bồ Tát trong cõi ấy: Ai nấy đều có công đức cúng dường tán thán chư Phật xứng với pháp giới.

(Chú) Thị cố nguyện ngôn: Ngã thành Phật thời, nguyện ngã quốc độ nhất thiết Bồ Tát, Thanh Văn, thiên, nhân đại chúng, biến chí thập phương nhất thiết chư Phật đại hội xứ sở, vũ thiên nhạc, thiên hoa, thiên y, thiên hương, dĩ xảo diệu biện từ, cúng dường tán thán chư Phật công đức. Tuy thán uế độ Như Lai đại từ khiêm nhẫn, bất kiến Phật độ hữu tạp uế tướng; tuy thán Tịnh Độ Như Lai vô lượng trang nghiêm, bất kiến Phật độ hữu thanh tịnh tướng. Hà dĩ cố? Dĩ chư pháp đẳng cố, chư Như Lai đẳng. Thị cố chư Phật Như Lai danh vi Đẳng Giác. Nhược u Phật độ khởi ưu liệt tâm, giả sử cúng dường Như Lai, phi pháp cúng dường dã. Thị cố ngôn: “Vũ thiên nhạc, hoa y, diệu hương đẳng cúng dường, tán chư Phật công đức, vô hữu phân biệt tâm”.

(註)是故願言：我成佛時，願我國土一切菩薩，聲聞，天人大眾，遍至十方一切諸佛大會處所，雨天樂，天華，天衣，天香，以巧妙辨辭，供養讚歎諸佛功德。雖歎穢土如來大慈謙忍，不見佛土有雜穢相；雖歎淨土如來無

量莊嚴，不見佛土有清淨相。何以故？以諸法等故，諸如來等。是故諸佛如來名為等覺。若於佛土起優劣心，假使供養如來，非法供養也。是故言：雨天樂華衣，妙香等供養，讚諸佛功德，無有分別心。

(Chú: Vì thế, nguyện rằng: Khi tôi thành Phật, nguyện hết thấy Bồ Tát, Thanh Văn, đại chúng trời người trong quốc độ của tôi sẽ đến trọn khắp nơi chốn của hết thấy đại hội chư Phật trong mười phương, mưa nhạc trời, hoa trời, áo trời, hương trời, dùng ngôn từ biện tài hay khéo để cúng dường, tán thán công đức của chư Phật. Tuy ca ngợi đức đại từ khiêm hòa, nhẫn nại của Như Lai trong uế độ, chẳng thấy cõi Phật có tướng xen tạp, ô uế; tuy tán thán vô lượng sự trang nghiêm của Như Lai trong Tịnh Độ, nhưng chẳng thấy cõi Phật có tướng thanh tịnh. Vì sao vậy? Do các pháp bình đẳng, nên các Như Lai bình đẳng. Vì thế, chư Phật Như Lai được gọi là Đẳng Giác. Nếu đối với cõi Phật mà dấy lên tâm [phân biệt] hơn kém, giả sử cúng dường Như Lai, sẽ chẳng phải là pháp cúng dường vậy. Vì thế nói: “Mưa nhạc trời, áo hoa, hương nhiệm màu cúng dường, khen công đức chư Phật, chẳng có tâm phân biệt”).

Do những nguyên nhân như đã nói trên đây, cho nên trong bốn nguyện của Phật Di Đà có nguyện thứ hai mươi hai, “ngã thành Phật thời, quốc trung Bồ Tát, cúng dường thập phương chư Phật, khai hóa vô lượng chúng sanh, hiện tiền tu tập Phổ Hiền chi đức” (Khi tôi thành Phật, hàng Bồ Tát trong nước cúng dường mười phương chư Phật, khai hóa vô lượng chúng sanh, hiện tiền tu tập phẩm đức Phổ Hiền), nguyện thứ hai mươi ba “quốc trung Bồ Tát, thừa Phật oai lực, cúng dường chư Phật, nhất thực chi khoảnh, bất năng biến chí vô lượng chư Phật quốc giả, bất thủ Chánh Giác” (hàng Bồ Tát trong nước nương theo oai lực của Phật, cúng dường chư Phật, trong khoảng một bữa ăn, chẳng thể đến trọn khắp vô lượng các cõi Phật, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác), nguyện thứ bốn mươi “tùy ý dục kiến thập phương vô lượng Phật độ, ứng thời như nguyện, u bảo thụ trung, giai tất chiếu kiến. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác” (tùy ý muốn thấy mười phương vô lượng cõi Phật, sẽ ngay lập tức như nguyện, từ nơi cây báu, thấy đều trông thấy rõ ràng. Nếu chẳng được vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác), nguyện thứ bốn mươi hai, “giai tất đãi đắc thanh tịnh giải thoát tam-muội, trụ thị tam-muội, nhất phát ý khoảnh, cúng

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

*dường vô lượng bất khả tư nghị chư Phật, nhi bất thất định ý” (thầy đều đạt được tam-muội thanh tịnh giải thoát, trụ trong tam-muội ấy, trong khoảng phát ý, cúng dường vô lượng chẳng thể nghĩ bàn chư Phật mà chẳng đánh mất định ý). Đã phát nguyện, sau đây nương theo nguyện đề tu các công đức, thành tựu Phật quả, đồng thời cũng thành tựu bốn thứ công đức trang nghiêm của hàng Bồ Tát trong cõi An Lạc. Như phần kinh văn trong quyển hạ của kinh Vô Lượng Thọ có nói về phẩm đức cúng dường, tán thán Phật của hàng Bồ Tát trong nước ấy như sau: “*Bi quốc Bồ Tát, thừa Phật oai thần, nhất thực chi khoảnh, vãng nghệ thập phương vô lượng thế giới, cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn, tùy tâm sở niệm hoa, hương, kỹ nhạc, y, cái, tràng phan, vô số vô lượng cúng dường chi cụ, tự nhiên hóa sanh, ứng niệm tức chí, trân diệu thù đặc, phi thế sở hữu, triếp dĩ phụng tán chư Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng, tại hư không trung, hóa thành hoa cái, quang sắc dục thược, hương khí phổ huân. Kỳ hoa... nãi phủ tam thiên đại thiên thế giới, tùy kỳ tiên hậu, dĩ thứ hóa một. Kỳ chư Bồ Tát thiên nhiên hân duyệt, ư hư không trung, cộng tấu thiên nhạc, dĩ vi diệu âm, ca tán Phật đức, thỉnh thọ kinh pháp, hoan hỷ vô lượng, cúng dường Phật dĩ, vị thực chi tiên, hốt nhiên khinh cử, hoàn kỳ bốn quốc”* (Bồ Tát trong cõi ấy nương vào oai thần của Phật, trong khoảng một bữa ăn, đi tới vô lượng thế giới trong mười phương, cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn, tùy theo lòng nghĩ mà hoa, hương, kỹ nhạc, áo, lọng, tràng phan, vô số vô lượng vật cúng dường tự nhiên hóa sanh, vừa nghĩ liền có, quý báu, đẹp đẽ, thù thắng đặc biệt, cõi đời chẳng thể có được. [Bồ Tát] liền lấy [những thứ ấy] để dâng rải chư Phật và các vị Bồ Tát, Thanh Văn. Ở trong hư không, hóa thành lọng hoa, quang minh và màu sắc rực rỡ, mùi thơm xông khắp. Hoa ấy bèn phủ trọn tam thiên đại thiên thế giới, theo thứ tự trước sau mà biến mất. Các vị Bồ Tát ấy hài hòa, vui sướng, ở trong hư không cùng tấu nhạc trời, dùng âm thanh vi diệu, ca ngợi công đức của Phật, nghe nhận kinh pháp, hoan hỷ vô lượng. Đã cúng dường Phật xong, trước bữa ăn, bỗng nhẹ nhàng cất mình lên, trở về nước mình).*

Như trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có nói: “*Nhất nhất trần trung hữu trần số Phật, nhất nhất Phật sở giai hữu Bồ Tát hải hội vi nhiều, ngã đương tất dĩ thậm thâm thắng giải hiện tiền tri kiến, các dĩ xuất quá Biện Tài thiên nữ vi diệu thiết căn. Nhất nhất thiết căn, xuất vô tận âm thanh hải. Nhất nhất âm thanh, xuất nhất thiết ngôn từ hải, xưng dương, tán thán nhất thiết Như Lai chư công đức hải, cùng vị lai*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

tế, tương tục bất đoạn, tận u pháp giới, vô bất châu biến” (Trong mỗi một vi trần, có chư Phật nhiều như số lượng vi trần. Nơi mỗi đức Phật đều có Bồ Tát đông nhiều như biển vây quanh, tôi sẽ thấy đều dùng hiện tiền tri kiến, kiến giải thù thắng rất sâu, đều dùng cái lưỡi vi diệu vượt xa [cái lưỡi của] Biện Tài Thiên Nữ⁴³, mỗi cái lưỡi đều phát ra vô lượng biển âm thanh. Mỗi âm thanh phát ra hết thấy biển ngôn từ để xung tưng, ca ngợi biển các công đức của hết thấy Như Lai cho đến tột cùng đời vị lai, liên tục chẳng dứt, trọn hết pháp giới, không đâu chẳng trọn khắp). Bồ Tát trong nước ấy do tâm vô phân biệt, dùng ngôn từ biện tài thiện xảo vi diệu để ca tụng, tán thán công đức của Phật. Điều này thuộc về Pháp Cúng Đường. Trong các thứ cúng dường, Pháp Cúng Đường tối thắng nhất; vì thế gọi là phẩm đức “*cúng dường không thừa sót*”.

“*Tán uestộ Như Lai đại từ khiêm nhẫn*” (Tán thán lòng đại từ, khiêm hòa, nhẫn nại của Như Lai trong uestộ): Câu này là như trong kinh Di Đà đã nói: “*Bi chư Phật đẳng, diệc xưng tán ngã bất khả tư nghị công đức, nhi tác thị ngôn: - Thích Ca Mâu Ni Phật năng vi thậm nan hy hữu chi sự, năng u Sa Bà quốc độ, ngũ trược ác thế... đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị chư chúng sanh, thuyết thị nhất thiết thế gian nan tín chi pháp*” (Các vị Phật ấy cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta, mà nói như thế này: “Thích Ca Mâu Ni Phật có thể làm chuyện hiếm có rất khó, [tức là] có thể ở trong quốc độ Sa Bà nhằm đời ác ngũ trược... đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sanh nói pháp mà hết thấy thế gian khó tin tưởng này”). Đức Bổn Sư thành Phật trong uestộ, lại có thể vì chúng sanh trong uestộ mà nói pháp môn Tịnh Độ là pháp khó tin. Đấy chính là lòng đại từ đại bi chân thật. Đức Thích Ca ôm tấm lòng “*ta không vào*

⁴³ Biện Tài Thiên Nữ (Sarasvatī), còn dịch là Biện Tài Thiên, hoặc Diệu Âm Thiên Nữ, vốn là một vị nữ thần trong Bà La Môn giáo, chuyên trông coi y dược, thơ ca, giàu có, trí tuệ, vẻ đẹp, và âm nhạc. Bà cũng là một vị thần hộ pháp của Phật giáo. Theo kinh Kim Quang Minh, phẩm Đại Biện Tài Thiên Thần (do ngài Đàm Vô Sấm dịch) có chép: “Lúc bấy giờ, Biện Tài Thiên Nữ bạch cùng đức Phật: “*Thưa Thế Tôn! Con sẽ tặng trưởng Nhạo Thuyết Biện Tài cho người nói pháp này, khiến cho những điều người ấy đã nói đều là khéo đạt đại trí, có thứ lớp. Nếu đối với câu chữ, ý nghĩa trong kinh văn mà quên mất hoặc hiểu nhớ sai, con sẽ khiến cho vị tỳ-kheo thuyết pháp ấy nhớ lại đúng thứ tự, tổng trì chẳng quên mất...*” Bà được coi là một trong mười tám vị thần tài bảo trong Phật giáo theo truyền thống Tây Tạng, được gọi là Diệu Âm Phật Mẫu, và được coi là phối ngẫu của Văn Thù Bồ Tát. Bà thường được tạc tượng dưới hình thức một thiếu nữ xinh đẹp ôm đàn tỳ bà.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

địa ngục thì ai sẽ vào địa ngục”, khiêm tốn, chẳng kể công, kiên nhẫn bất thoái, có tinh thần gánh vác lớn lao và đại vô úy ấy, cho nên Ngài có thể làm chuyện hiếm có, rất khó. Do vậy, được mười phương chư Phật đồng thanh tán thán.

“*Bất kiến Phật độ hữu uế tướng*” (Chẳng thấy cõi Phật có tướng xen tạp, như uế): Vì Phật đã chứng đắc Căn Bản Vô Phân Biệt Trí, chẳng như, chẳng tịnh, bình đẳng nhất tướng, cho nên trong tâm nhãn của chư Phật, trọn chẳng thấy quốc độ nơi đức Bồ Đê đang ở là ngũ trược ác thế tạp nhiễm, cấu uế. Như trong phẩm Hiện Bảo Tháp của kinh Pháp Hoa đã chép: Chư Phật là phân thân của đức Bồ Đê trong mười phương nhóm họp tại Linh Sơn, trông thấy thế giới Sa Bà là một cõi Phật hoàn toàn thanh tịnh. Các vị Bồ Tát trong cõi ấy (Cực Lạc) cũng giống như vậy.

“*Tuy tán Tịnh Độ Như Lai vô lượng trang nghiêm, bất kiến Phật độ hữu thanh tịnh tướng*” (Tuy ca ngợi vô lượng sự trang nghiêm của đức Như Lai trong Tịnh Độ, nhưng chẳng thấy cõi Phật có tướng thanh tịnh). Hai câu này nhằm nói các vị Bồ Tát trong cõi ấy do tâm vô phân biệt, dẫn tán thán Tịnh Độ của chư Phật trang nghiêm như thế nào đi nữa, vẫn có thể liễu đạt Diệu Hữu Chân Không, đúng như Tâm Kinh đã dạy: “*Thị chư pháp Không tướng... bất cấu, bất tịnh...*” (Tướng Không của các pháp chẳng như, chẳng sạch...), cũng như kinh Duy Ma Cật đã chép: “*Tuy tri chư Phật quốc, cập dĩ chúng sanh Không, nhi thường tu Tịnh Độ, lợi ích chư quần sanh*” (Tuy biết các cõi Phật và chúng sanh là Không, nhưng thường tu Tịnh Độ hòng lợi ích các chúng sanh).

Mấy câu từ câu “*hà dĩ cố?*” (vì có sao?) trở đi là ngài Đàm Loan đã dùng “*các pháp bình đẳng*” để giải thích nguyên do của câu kệ “*vô hữu phân biệt tâm*” (chẳng có tâm phân biệt). Vì hàng Bồ Tát trong nước ấy đều đã chứng đắc tánh Không của các pháp bình đẳng, cho nên cái tâm có thể chẳng phân biệt. Như các dòng nước đổ vào biển, sẽ có cùng một tướng, một vị như nhau, chẳng còn có tự tướng bất đồng mỗi dòng một vị nữa. Như trong quyển hạ của kinh Vô Lượng Thọ có chép: “*Do như Tuyết sơn, đẳng nhất tịnh cố. Khoáng nhược hư không, đại từ đẳng cố*” (Ví như núi Tuyết bình đẳng thanh tịnh giống hết như nhau. Rộng rãi dường hư không, do đại từ bình đẳng). Lại như phẩm Dược Thảo Dụ của kinh Pháp Hoa đã ghi: “*Như Lai tri thị nhất tướng, nhất vị chi pháp, sở vị giải thoát tướng, ly tướng, diệt tướng, cứu cánh Niết Bàn thường tịch diệt tướng, chung quy u Không*” (Như Lai biết là một

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

tướng, một vị, tức là tướng giải thoát, tướng lìa, tướng diệt, tướng Niết Bàn rốt ráo thường tịch diệt, rốt cuộc quy vào Không). Cũng như trong Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn đã viết: “*Tâm tánh tự thanh tịnh, chư pháp duy nhất tâm. Thử tâm thị chúng sanh, thử tâm Bồ Tát, Phật... Nhất tâm nhi tác nhị, nhị hoàn vô nhị tướng, thí như đại hải thủy, cụ túc chúng bảo tạng*” (Tâm tánh tự thanh tịnh, các pháp chỉ là một tâm. Cái tâm ấy là chúng sanh, cái tâm ấy là Phật, Bồ Tát... Nhất tâm mà coi là hai, tuy hai mà vẫn chẳng có hai tướng. Ví như nước biển cả, trọn đủ các kho báu). Do các pháp bình đẳng là nhất tâm nhị môn, do là Tâm Chân Như Môn, nên đều là tánh Không lìa tướng. Do là Tâm Sanh Diệt Môn, nên đều là duyên khởi các tướng. Tánh Không mà duyên khởi, duyên khởi mà tánh vẫn là Không; đây chính là hết thấy các pháp bình đẳng bất nhị. Chư Phật bình đẳng chứng nhập nhất tâm nhị môn, nên gọi là Đẳng Giác. Hàng Bồ Tát trong cõi ấy đã ngộ nhất tâm nhị môn này, cho nên cái tâm có thể chẳng phân biệt. Nếu đối với sự trang nghiêm nơi Tịnh Độ của chư Phật mà chẳng thể quy vào Tâm Chân Như Môn, chỉ trụ nơi tướng sai biệt thuộc về Tâm Sanh Diệt Môn, dấy lên cái tâm phân biệt có hơn, có kém; vậy thì dầu quý vị có thể cúng dường rộng lớn, vẫn chẳng phải là pháp cúng dường, tức chẳng phải là công đức cúng dường và tán thán chẳng còn thừa sót vốn có của hàng Bồ Tát trong cõi ấy! Vì thế, lời kệ mới ghi là: “*Vũ thiên nhạc, hoa y.... vô hữu phân biệt tâm*” (Mưa nhạc trời, áo hoa... chẳng có tâm phân biệt).

2.2.1.2.3.1.3.4.3.4. Công đức thị hiện Tam Bảo trọn khắp

(Luận) Hà đẳng thế giới vô, Phật pháp công đức bảo, ngã nguyện giai vãng sanh, thị Phật pháp như Phật.

(Chú) Phật bản hà cố khởi thử nguyện? Kiến hữu nhuyển tâm Bồ Tát, dẫn nhạo hữu Phật quốc độ tu hành, vô từ bi kiên lao tâm.

(論)何等世界無，佛法功德寶，我願皆往生，示佛法如佛。

(註)佛本何故起此願？見有軟心菩薩，但樂有佛國土修行，無慈悲堅牢心。

(Luận: Thế giới nào chẳng có, báu công đức Phật pháp, tôi nguyện đều vãng sanh, dạy Phật pháp như Phật.

Chú: Vốn vì lẽ nào mà đức Phật dấy lên nguyện này? Do Ngài

thấy có hàng nguyện tâm Bồ Tát chỉ thích tu hành trong quốc độ có Phật, không có tâm từ bi cứng chắc).

“*Nhuyễn tâm Bồ Tát*” chính là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín. Chẳng hạn như ngài Xá Lợi Phất đã trải qua sáu mươi kiếp hành Bồ Tát đạo, chứng nhập Đệ Lục Tâm trong Thập Tín; về sau, gặp phải một Bà La Môn xin mắt, bèn thoái thất Bồ Đề tâm, hồi Đại hướng Tiểu, chỉ thích tu hành đạo Thanh Văn trong quốc độ có Phật, chỉ niệm Không, Vô Tướng, Vô Tác, đối với pháp Bồ Tát như thần thông du hý, trang nghiêm quốc độ, thành thực chúng sanh, chẳng sanh một niệm tâm ưa thích. Vì thế nói: “*Vô từ bi kiên lao tâm*” (Không có tâm từ bi cứng chắc). Kinh Nhân Vương có nói: “*Thập Thiện Bồ Tát phát đại tâm, trường biệt tam giới khổ luân hải*” (Thập Thiện Bồ Tát phát tâm Đại Thừa, già biệt mãi mãi biển khổ trong tam giới) cũng chính là nói về hàng nguyện tâm Bồ Tát này!

(Chú) Thị cố hưng nguyện: Nguyện ngã thành Phật thời, ngã độ Bồ Tát giai từ bi dũng mãnh, kiên cố chí nguyện, năng xả thanh tịnh độ, chí tha phương vô Phật Pháp Tăng xứ, trụ trì trang nghiêm Phật Pháp Tăng Bảo, thị như hữu Phật, sử Phật chủng xứ xứ bất đoạn. Thị cố ngôn: “Hà đẳng thế giới vô, Phật pháp công đức bảo, ngã nguyện giai vãng sanh, thị Phật pháp như Phật”. Quán Bồ Tát tứ chủng trang nghiêm công đức thành tựu, ngật chi u thượng.

(註)是故興願。願我成佛時，我土菩薩皆慈悲勇猛，堅固志願，能捨清淨土，至他方無佛法僧處，住持莊嚴佛法僧寶，示如有佛，使佛種處處不斷。是故言：何等世界無，佛法功德寶，我願皆往生，示佛法如佛。觀菩薩四種莊嚴功德成就，訖之於上。

(Chú: Vì thế dấy nguyện: Nguyện khi tôi thành Phật, hàng Bồ Tát trong cõi tôi đều có chí nguyện từ bi, dũng mãnh, kiên cố, có thể bỏ cõi thanh tịnh, đến những chỗ không có Phật Pháp Tăng ở phương khác để trụ trì trang nghiêm Phật Pháp Tăng Bảo, thị hiện như là [cõi ấy] có Phật, khiến cho chủng tánh của Phật chẳng bị ngưng dứt ở khắp mọi nơi. Vì thế nói: “Thế giới nào chẳng có, báu công đức Phật pháp, tôi đều nguyện vãng sanh, dạy Phật pháp như Phật”. Quán bốn thứ công đức trang nghiêm thành tựu của hàng Bồ Tát đến đây là xong).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Phần này là quan sát các vị đại Bồ Tát trong cõi ấy, các Ngài có thể trong trọn khắp những chốn không có Tam Bảo, thị hiện Tam Bảo trụ trì thế gian, tạo lợi ích cho chúng sanh, khiến cho Phật chúng có thể trong mọi lúc, mọi nơi đều chẳng bị đoạn diệt. “*Phật chúng*” là gì? Chính là chúng tử có thể sanh khởi Phật quả. Nói đại lược thì là phát Vô Thượng Bồ Đề Tâm, đó gọi là Phật chúng! Nói rộng thì:

1) Lục độ vạn hạnh của Bồ Tát hạnh chính là Phật chúng. Như quyển thứ mười một của bộ Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký đã ghi: “*Bồ Tát sở hành, danh vi Phật chúng*” (Những điều thực hành của Bồ Tát thì gọi là Phật chúng). Đây gọi là duyên nhân Phật chúng.

2) Đắc Vô Sanh Nhân thì gọi là Phật chúng. Như La Thập đại sư chú giải kinh Tịnh Danh đã viết: “*Chúng tánh của Phật chính là Vô Sanh Nhân, vì đắc Vô Sanh Nhân ắt sẽ tiếp nối dòng giống Phật*”. Đây là liễu nhân⁴⁴ Phật chúng.

3) Giác tánh nơi tâm của chúng sanh thì gọi là Phật chúng, như trong phẩm Phật Đạo của kinh Tịnh Danh có nói: “*Lục thập nhị kiến cập nhất thiết phiền não, giai thị Phật chúng*” (Sáu mươi hai kiến và hết thảy các phiền não đều là Phật chúng), cũng như Vĩnh Gia đại sư đã nói trong Chứng Đạo Ca: “*Thật tánh của vô minh chính là Phật tánh, huyền hóa không thân chính là Pháp Thân*”. Đây chính là chánh nhân Phật chúng.

“*Sử Phật chúng xứ xứ bất đoạn*” (Khiến cho Phật chúng chẳng bị ngưng dứt ở khắp mọi nơi): Đây là nói theo phương diện phát Bồ Đề tâm, tu Bồ Tát hạnh, đắc Vô Sanh Pháp Nhân, mà cũng là giáo hóa chúng sanh, khiến cho họ biết giác tánh của chính mình chẳng sai khác với Phật. Tâm này đã là Phật, bèn lập chí “*tâm này làm Phật*”, sẽ có thể khiến cho Phật chúng ở khắp mọi nơi chẳng bị đoạn dứt.

Tam Bảo là gì? Tam Bảo chính là Phật, Pháp, Tăng. Ba thứ ấy đều tôn quý, hiếm có, được thế gian quý chuộng nhất. Vì thế gọi là Bảo (寶, của báu). Tam Bảo có bốn loại khác nhau:

1) Nhất Thể Tam Bảo (一體三寶), còn gọi là Đồng Thể Tam Bảo (同體三寶), tức là cái tâm tự tánh thanh tịnh mà chúng sanh và Phật có

⁴⁴ Liễu nhân (了因) là cái nhân gián tiếp giúp cho cái quả thành tựu. Sách Nhân Minh Đại Sớ quyển thượng giảng: “*Nhân xét về bản thể có hai loại, một là sanh nhân, hai là liễu nhân. Như hạt giống có thể nảy mầm, do có tác dụng sanh khởi nên gọi là sanh nhân. Như đèn chiếu vật, có thể hiển hiện cái quả, nên gọi là liễu nhân*”.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

cùng một Thể. Cái tâm ấy linh giác, đó là Phật. Tâm tánh vốn trọn đủ hết thảy các pháp, tức là Pháp. Tâm tánh tùy duyên hòa hợp với các pháp thì chính là Tăng. Nói “*nhất thể*” thì nơi Tam Bảo, mỗi một ngôi [trong Tam Bảo] đều trọn đủ Tam Bảo. Phật xét về Thể thì có ý nghĩa “*giác chiếu*”, đó là Phật Bảo. Có ý nghĩa khuôn phép thì là Pháp Bảo. Chẳng chống trái, tranh chấp thì là Tăng Bảo. Phật do Pháp mà sanh, nên Pháp chính là Phật Bảo. Chấp trì thì gọi là Pháp, nên Pháp chính là Pháp Bảo. Các pháp làm nhân duyên cho nhau, hòa hợp chẳng tranh chấp, nên chính là Tăng Bảo. Tăng thì có Quán Trí, đó chính là Phật Bảo. Tăng có khuôn phép, nên là Pháp Bảo. Hòa hợp chẳng chống trái nên là Tăng Bảo.

2) Đồng Tướng Tam Bảo (同相三寶): Như Như Trí khế hợp Như Như Lý, bình đẳng, có cùng một tướng, đây chính là Chân Như xuất triền (Chân Như thoát khỏi các trói buộc), được gọi là Ngũ Phần Pháp Thân, đó chính là Phật Bảo. Diệt Đế Niết Bàn là Pháp Bảo. Hoặc (phiền não, cấu chướng) hết, trí viên mãn, Đoạn và Chứng chẳng hai; đây là Tăng Bảo.

3) Biệt Tướng Tam Bảo (別相三寶), còn gọi là Hóa Tướng Tam Bảo (化相三寶), hoặc Biệt Thể Tam Bảo (別體三寶). Trong ấy có Đại Thừa và Tiểu Thừa khác nhau. Đại Thừa Tam Bảo thì tam thân của Phật là Phật Bảo, Lục Độ các Ba La Mật là Pháp Bảo, Tam Hiền Thập Thánh Bồ Tát là Tăng Bảo. Tiểu Thừa Tam Bảo thì Hóa Thân cao một trượng sáu thước của Phật là Phật Bảo, pháp Tứ Đế và Thập Nhị Nhân Duyên là Pháp Bảo, Tứ Hướng, Tứ Quả, và Bích Chi Phật là Tăng Bảo.

4) Trụ Trì Tam Bảo (住持三寶): Sau khi đức Phật diệt độ, những loại hình tượng Phật khắc, đắp, vẽ vờn tồn tại trong thế gian chính là Phật Bảo. Tam Tạng kinh điển, giáo chỉ Tam Thừa chính là Pháp Bảo. Tăng ni đã thọ giới thì là Tăng Bảo.

Trong bốn loại ấy, Nhất Thể và Đồng Thể Tam Bảo là Lý Thể. Có Phật xuất thế hay không, pháp vốn trọn sẵn có như thế đấy, tức là Tánh Đức vô tu, vô chứng, như như bất biến. Đồng Tướng Tam Bảo hễ có Phật xuất thế thì mới có, chính là Tu Đức nhân viên quả mãn của bản thân đức Phật. Biệt Tướng Tam Bảo là Tam Bảo thật sự xuất hiện trong thế gian, hạn cuộc trong lúc Phật trụ thế, chẳng thông với trước khi Phật ra đời, hay sau khi Phật nhập diệt. Trụ Trì Tam Bảo thông cả ba đời. “*Biến thị Tam Bảo*” (Thị hiện Tam Bảo trọn khắp) được nói

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

trong phần này chính là Biệt Tướng và Trụ Trì Tam Bảo, có thể tạo lợi ích to lớn cho chúng sanh.

Hàng Bồ Tát trong nước ấy đều từ bi, dũng mãnh, chí nguyện kiên cố, đây là sự trang nghiêm được thành tựu bởi công đức của các nguyện từ nguyện hai mươi hai cho đến nguyện hai mươi sáu, và nguyện thứ ba mươi sáu. Như kinh Vô Lượng Thọ đã nói về ba bậc vãng sanh như sau: “*Thử đẳng chúng sanh, lâm thọ chung thời, Vô Lượng Thọ Phật dữ chư đại chúng, hiện kỳ nhân tiền, tức tùy bỉ Phật, vãng sanh kỳ quốc, tiện ư thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh, trụ Bất Thoái Chuyển, trí huệ dũng mãnh, thân thông tự tại*” (Các chúng sanh ấy khi lâm chung, Vô Lượng Thọ Phật và các đại chúng hiện ra trước người ấy, [người ấy] liền theo đức Phật ấy vãng sanh nước đó, bèn ở trong hoa bảy báu, tự nhiên hóa sanh, trụ Bất Thoái Chuyển, trí huệ dũng mãnh, thân thông tự tại). Lại như Quán Kinh nói về Thượng Phẩm Thượng Sanh như sau: “*Sanh bỉ quốc dĩ, tức ngộ Vô Sanh Pháp Nhân, kinh tu du gian, lịch sự chư Phật, biến thập phương giới, ư chư Phật tiền, thứ đệ thọ ký*” (Đã sanh về nước ấy liền ngộ Vô Sanh Pháp Nhân, trong khoảnh khắc lần lượt phụng sự chư Phật trong trọn khắp mười phương thế giới, ở trước chư Phật lần lượt được thọ ký).

Đối với bốn loại công đức trang nghiêm của hàng Bồ Tát trong cõi nước ấy như đã trình bày trên đây, thì loại thứ nhất và loại thứ hai là chung cho cả thế giới có Phật hay không có Phật. Loại thứ ba nói về thế giới có Phật, còn phần này nói về thế giới không có Phật, tức là chỗ không có Phật, Pháp, Tăng. Chẳng hạn như hiện thời trên địa cầu, khá nhiều quốc gia có Phật giáo, tuy đức Thích Ca đã diệt độ, nhưng hãy còn có Trụ Trì Tam Bảo trong thế gian, chúng sanh vẫn có thể nghe pháp tu hành, thậm chí chứng quả. Đây chẳng gọi là “thế giới không có Phật”. Chỉ có [nơi nào] về căn bản là chỗ không có Phật pháp, chúng sanh chẳng có Phật pháp để nghe, chẳng được thân cận Tam Bảo. Đây chính là “*biên địa*”, tức một trong tám nạn. Đó gọi là “thế giới không có Phật”, nỗi khổ ấy giống như trong địa ngục.

Hàng Bồ Tát từ mười phương thế giới vãng sanh Cực Lạc, vì độ chúng sanh mà sanh vào Tịnh Độ, đều sẵn lòng đại bi, đã phát Bồ Đề tâm, lại được “*hoa nở thấy Phật, ngộ Vô Sanh*”; đương nhiên là chẳng trái nghịch bốn nguyện độ chúng sanh, bèn bỏ cõi thanh tịnh, sanh về chỗ không có Phật, Pháp, Tăng để hoằng dương Phật pháp, kiến lập Trụ Trì Tam Bảo. Các Ngài trụ trì trang nghiêm Tam Bảo, hoàn toàn chẳng khác gì Tam Bảo được kiến lập bởi mười phương chư Phật. Vì thế nói

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

là “*thị Phật pháp như Phật*” (thị hiện Phật pháp giống như đức Phật). Do vậy có thể biết: Phạm là đệ tử của Phật mong báo ân Phật, thì phải nên dũng mãnh, kiên cố, đến chỗ không có Tam Bảo để kiến lập Tam Bảo, hoằng pháp lợi sanh. Như kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “*Túng sử đánh đỏi kinh trần kiếp, thân vi sàng tòa biến đại thiên, nhược bất thuyết pháp độ chúng sanh, tất cánh vô năng báo Phật ân*” (Dẫu cho đời [chư Phật] trên đầu trải qua số kiếp nhiều như vi trần, thân làm giường, tòa [cho chư Phật ngồi hay nằm] khắp tam thiên đại thiên, nếu chẳng thuyết pháp độ chúng sanh, rốt ráo chẳng thể báo ân Phật).

Các liên hữu Tịnh Tông ơi! Cần phải biết: Chúng ta phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ, chính là để thấy Phật, nghe pháp, thành tựu công đức, thần thông, trí huệ để độ chúng sanh. Sau đây, đến bất cứ nơi đâu không có Tam Bảo để thực hiện công đức làm Phật, thuyết pháp, độ Tăng, trụ trì trang nghiêm Tam Bảo. Ở mọi lúc, mọi nơi, sẽ đều thấp sáng ngời ngọn đèn Tam Bảo, giống như tòa tháp hải đăng trong biển cả mênh mông, chiếu sáng rục nhân gian, phổ độ hữu tình đều thành Phật. Vì thế nói là “*sử Phật chủng xứ xứ bất đoạn*” (khiến cho Phật chủng chẳng đoạn dứt ở mọi nơi). Bài tụng của vị Luận Chủ về bốn thứ công đức trang nghiêm thành tựu của hàng Bồ Tát trong quốc độ An Lạc đã giải thích xong! Chúng ta muốn được sanh về Tịnh Độ, hãy nên quan sát như thế, hãy học tập các vị Bồ Tát trong cõi ấy. Khoa thứ ba trong phần giải thích lời kệ là “*Quảng Kệ Quán Sát Hồi Hướng Môn*” (kệ tụng nói rộng về hai môn Quán Sát và Hồi Hướng), phần Quán Sát Môn trong ấy đến đây giải thích xong toàn bộ, dưới đây là phần Hồi Hướng Môn.

2.2.1.2.3.2. Hồi Hướng Môn

(Luận) Ngã tác luận thuyết kệ, nguyện kiến Di Đà Phật, phổ cộng chư chúng sanh, vãng sanh An Lạc quốc.

(Chú) Thứ tứ cú, thị Luận Chủ Hồi Hướng Môn. Hồi hướng giả, hồi kỷ công đức phổ thí chúng sanh, cộng kiến A Di Đà Như Lai, sanh An Lạc quốc.

(論)我作論說偈，願見彌陀佛，普共諸眾生，往生安樂國。

(註)此四句，是論主迴向門。迴向者，迴己功德普施眾生，共見阿彌陀如來，生安樂國。

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

(Luận): Tôi soạn luận, nói kệ, nguyện thấy Phật Di Đà, cùng khắp các chúng sanh, vãng sanh cõi An Lạc.

Chú: Bốn câu này là phần Hồi Hương Môn của vị Luận Chủ. “Hồi hương” là đem công đức của chính mình thí khắp chúng sanh được cùng thấy A Di Đà Như Lai, sanh vào cõi An Lạc).

Vị Luận Chủ đem công đức và lợi ích của việc trước tác bộ luận này và nói kệ Nguyện Sanh hồi hương cho hết thấy chúng sanh cùng được thấy Phật Di Đà, cùng sanh về Cực Lạc, cùng thành Phật đạo, cùng hóa độ chúng sanh. Nay chúng ta giảng giải, lắng nghe bộ luận này, cũng phải nên hồi hương như thế.

2.2.1.3. Tổng kết Kệ Tụng

(Luận) Vô Lượng Thọ Tu Đa La chương cú, ngã dĩ kệ tụng tổng thuyết cánh.

(論)無量壽修多羅章句，我以偈誦總說竟。

(Luận): Đối với chương cú của kinh Vô Lượng Thọ tôi đã dùng kệ tụng nói tổng quát xong).

Qua hai câu văn này, vị Luận Chủ đã tổng kết, nhằm nói rõ: Đối với tất cả nội dung, chương cú trong kinh Vô Lượng Thọ (Tu Đa La), tôi đã gom lấy những điều thiết yếu nhằm nói tổng quát thành hai mươi bốn bài Kệ Tụng, đã nói viên mãn rồi!

2.2.1.4. Vấn đáp để trừ nghi hoặc (tám lượt vấn đáp)

(Chú) Vấn viết: Thiên Thân Bồ Tát hồi hương chương trung, ngôn “phổ cộng chư chúng sanh, vãng sanh An Lạc quốc”, thử chỉ cộng hà đẳng chúng sanh da? **Đáp viết:** Án Vương Xá thành sở thuyết Vô Lượng Thọ kinh, Phật cáo A Nan: “Thập phương Hằng hà sa chư Phật Như Lai giai cộng xưng tán Vô Lượng Thọ Phật, oai thần, công đức bất khả tư nghị. Chư hữu chúng sanh văn kỳ danh hiệu, tín tâm hoan hỷ, nãi chí nhất niệm, chí tâm hồi hương, nguyện sanh bỉ quốc, tức đắc vãng sanh, trụ Bất Thoái Chuyển, duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp”. Án thử nhi ngôn: “Nhất thiết ngoại phạm thiên nhân, giai đắc vãng sanh”.

(註)問曰：天親菩薩迴向章中，言普共諸眾生往生安樂國，此指共何等眾生耶？答曰：案王舍城所說無量壽經，佛告阿難：十方恒河沙諸佛如來皆共稱嘆無量壽佛，威神功德不可思議。諸有眾生聞其名號，信心歡喜，乃至一念，至心迴向，願生彼國，即得往生，住不退轉，唯除五逆，誹謗正法。案此而言：一切外凡天人，皆得往生。

(*Chú: Hỏi: Trong chương Hồi Hướng, Thiên Thân Bồ Tát đã nói “cùng khắp các chúng sanh, vãng sanh cõi An Lạc”, đây là nói “cùng chung với loại chúng sanh nào” vậy? Đáp: Theo kinh Vô Lượng Thọ được nói tại thành Vương Xá, đức Phật bảo ngài A Nan: “Mười phương Hằng hà sa chư Phật Như Lai đều cùng xưng dương, tán thán Vô Lượng Thọ Phật, oai thần, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh trong các cõi nghe danh hiệu của Ngài, cho đến một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh về cõi ấy, liền được vãng sanh, trụ Bất Thoái Chuyển, chỉ trừ phường Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp”. Dựa theo lời ấy, bèn nói “hết thấy trời, người, ngoại đạo, phàm phu đều được vãng sanh”).*

Ngài Đàm Loan nêu ra tám lượt vấn đáp nhằm [khiến cho độc giả] cởi gỡ lòng nghi, sanh lòng tin, dụng ý là khuyên lơn, khích lệ những ai được thấy nghe, sẽ đều nương theo pháp môn Ngũ Niệm được nói trong bộ luận này để thành tựu Tịnh nghiệp, vãng sanh Tịnh Độ. LỜI HỎI trong lượt thứ nhất là do [người đọc thấy] Luận Chủ hồi hướng cho khắp các chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ, bèn hỏi chẳng biết những loại chúng sanh nào sẽ có thể được vãng sanh? Trước hết, ngài Đàm Loan dẫn chứng kinh văn trong quyển Hạ của kinh Vô Lượng Thọ “trừ kẻ Ngũ Nghịch, phỉ báng ra, hết thấy chúng sanh nếu có Tín, Nguyện, Hạnh, sẽ đều được vãng sanh”. Đây chính là căn cứ [để chứng tỏ] “pháp môn Tịnh Độ, độ trọn khắp ba căn, gồm thâu trọn vẹn lợi căn và độn căn”, chúng ta vẫn chẳng thể tin tưởng ư? Hãy nên biết: Danh hiệu Di Đà chính là tự tánh thanh tịnh tâm mà chúng sanh và Phật đều bình đẳng. “Danh” chính là vô lượng thọ, vô lượng quang, vô lượng thanh tịnh bình đẳng giác. Danh ấy chính là cội nguồn của chư Phật, là căn bản của hết thấy chúng sanh. Do vậy, hết thấy phàm phu, ngoại đạo nghe danh hiệu Di Đà, trọn đủ ba món tư lương Tín, Nguyện, Hạnh, cho đến tới thiểu là một niệm, đều được vãng sanh, trụ nơi Bất Thoái

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Chuyên. Đây chính là do công đức của các nguyện thứ mười tám, nguyện thứ mười chín, nguyện thứ hai mươi, và nguyện thứ hai mươi bảy trong bốn nguyện của đức Di Đà thành tựu.

“Tín tâm hoan hỷ, nãi chí nhất niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc” (Tín tâm hoan hỷ, cho đến một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh về cõi ấy): Bốn câu kinh văn này chính là điều kiện tất yếu để vãng sanh. Tín tâm là gì? Chính là cái tâm chí thành, chuyên tín (tín tưởng chuyên ròng), như trong quyển Thượng của kinh Vô Lượng Thọ có nói: *“Thí như đại hải, nhất nhân đấu lượng, kinh lịch kiếp số, thượng khả cùng để, đặc kỳ diệu bảo. Nhân hữu chí tâm tinh tấn, cầu đạo bất chí, hội đương khắc quả, hà nguyện bất đắc”* (Ví như biển cả, một người dùng đấu để đong. Trải qua kiếp số, còn có thể [mức đến] tận đáy, đạt được của báu mâu nhiệm trong ấy. Người có chí tâm, tinh tấn, cầu đạo chẳng ngại, ắt sẽ đắc quả, có nguyện nào mà chẳng đạt được). Quốc phụ Tôn Trung Sơn tiên sinh cũng nói: *“Có chí thường hằng chính là cái gốc để thành công”*. Lúc lâm chung, tổ sư Liên Trì răn dạy: *“Thật thà niệm Phật, đừng thay đổi đề mục”*. Đây đều là những lời khai thị hay nhất về tín tâm. Trong Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Nghĩa, từ trang một trăm chín mươi lăm đến trang hai trăm lẻ một, và từ trang hai trăm ba mươi chín đến trang hai trăm bốn mươi lăm, từ trang ba trăm tám mươi chín đến trang ba trăm chín mươi hai, tôi cũng đã giải nói, xin hãy tra duyệt, thì sẽ hiểu rõ ràng rành mạch ý nghĩa của đoạn kinh văn này.

(Chú) Hựu như Quán Vô Lượng Thọ Kinh, hữu cứu phẩm vãng sanh. Hạ hạ phẩm sanh giả, hoặc hữu chúng sanh, tác bất thiện nghiệp, Ngũ Nghịch, Thập Ác, cụ chư bất thiện, như thử ngu nhân, dĩ ác nghiệp cố, ung đọa ác đạo, kinh lịch đa kiếp, thọ khổ vô cùng. Như thử ngu nhân, lâm mạng chung thời, ngộ thiện tri thức chủng chủng an ủi, vị thuyết diệu pháp, giáo linh niệm Phật. Thử nhân khổ bức, bất hoàng niệm Phật, thiện hữu cáo ngôn: “Nhữ nhược bất năng niệm giả, ung xưng Vô Lượng Thọ Phật”. Như thị chí tâm linh thanh bất tuyệt, cụ túc thập niệm, xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Xưng Phật danh cố, u niệm niệm trung, trừ bất thập ức kiếp sanh tử chi tội, mạng chung chi thời, kiến kim liên hoa do như nhật luân, trụ kỳ nhân tiền, như nhất niệm khoảnh, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới. U liên hoa trung, mãn thập nhị đại kiếp, liên hoa phương khai (đương u thử tiêu Ngũ Nghịch tội dã). Quán Thế

Âm, Đại Thế Chí, dĩ đại bi âm thanh, vị kỳ quảng thuyết chư pháp Thật Tướng, trừ diệt tội pháp. Văn dĩ hoan hỷ, ứng thời tức phát Bồ Đề chí tâm. Thị danh Hạ Phẩm Hạ Sanh giả. Dĩ thử kinh chứng minh, tri hạ phẩm phạm phu, dẫn linh bất phỉ báng chánh pháp, tín Phật nhân duyên, giai đắc vãng sanh.

(註)又如觀無量壽經，有九品往生。下下品生者，或有眾生，作不善業，五逆十惡，具諸不善，如此愚人，以惡業故，應墮惡道，經歷多劫，受苦無窮。如此愚人，臨命終時，遇善知識種種安慰，為說妙法，教令念佛。此人苦逼，不遑念佛，善友告言：汝若不能念者，應稱無量壽佛。如是至心令聲不絕，具足十念，稱南無阿彌陀佛。稱佛名故，於念念中，除八十億劫生死之罪，命終之時，見金蓮華猶如日輪，住其人前，如一念頃，即得往生極樂世界。於蓮華中，滿十二大劫，蓮華方開(當於此消五逆罪也)。觀世音，大勢至，以大悲音聲，為其廣說諸法實相，除滅罪法。聞已歡喜，應時即發菩提之心。是名下品下生者。以此經證明，知下品凡夫，但令不誹謗正法，信佛因緣，皆得往生。

(Chú: Lại như kinh Quán Vô Lượng Thọ có chín phẩm vãng sanh. Người sanh trong hạ hạ phẩm là nếu có chúng sanh, tạo nghiệp bất thiện, Ngũ Nghịch, Thập Ác, đủ các điều bất thiện. Kẻ ngu như thế do vì ác nghiệp, đáng đọa trong ác đạo trải qua nhiều kiếp, chịu khổ vô cùng. Kẻ ngu như thế khi lâm chung, gặp thiện tri thức an ủi đủ cách, vì người ấy nói diệu pháp, dạy người ấy niệm Phật. Người ấy bị khổ sở bức bách, chẳng rảnh để niệm Phật, bạn lành bảo rằng: “Nếu người chẳng thể niệm, hãy nên xưng danh Vô Lượng Thọ Phật”. Chí tâm như thế khiến cho tiếng niệm Phật chẳng dứt, đầy đủ mười niệm, xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật, trong mỗi niệm trừ tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Khi mạng chung, thấy hoa sen vàng như vàng mặt trời ở trước mặt người ấy, như trong khoảng một niệm, liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Ở trong hoa sen trọn mười hai đại kiếp, hoa sen mới nở (ở trong ấy để tiêu trừ tội Ngũ Nghịch), Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng âm thanh đại bi vì người ấy nói rộng về Thật Tướng của các pháp và pháp trừ diệt tội. Nghe rồi hoan hỷ, ngay

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

lập tức phát tâm Bồ Đề. Đó gọi là Hạ Phẩm Hạ Sanh. Dùng kinh ấy để chứng minh, bèn biết hạ phẩm phạm phu chỉ cần chẳng phỉ báng chánh pháp, do nhân duyên tin Phật, sẽ đều được vãng sanh).

Ngài Đàm Loan lại viện dẫn phần kinh văn nói về Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Quán Kinh để chứng minh “*hết thầy phạm phu, ngoại đạo, cho đến kẻ Ngũ Nghịch cực ác, chỉ cần chẳng phỉ báng chánh pháp, do nhân duyên tin Phật, có ba tư lương Tín, Nguyện, Hạnh, đều có thể vãng sanh*”. Ngũ Nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, và phá hòa hợp Tăng. Thập Ác là “giết, trộm, tà dâm” nơi thân nghiệp, “nói dối, ác khẩu, nói dối chiều, nói thêu dệt” nơi khẩu nghiệp, và “tham, sân, si (tà kiến)” nơi ý nghiệp. “*Cụ chư ác nghiệp*” (Đủ các ác nghiệp) là nói về các thứ chuyện ác lớn hay nhỏ khác. Kẻ ác lúc lâm chung, may mắn gặp được thiện tri thức tại gia hay xuất gia là người chuyên tu pháp môn Tịnh Độ, dùng đủ mọi phương pháp an ủi người ấy và thuyết pháp, đồng thời dạy người ấy hãy chí thành, khẩn thiết sám hối, chuyên tâm niệm Phật.

“*Bất hoàng niệm Phật*” (Chẳng rảnh rỗi để niệm Phật) là nói kẻ ác đau đớn, kinh hoảng, tâm tư hoảng loạn, chẳng thể nào lắng lòng niệm Phật được! Thiện tri thức bèn dạy kẻ ấy hãy niệm “*nam-mô A Di Đà Phật*” ra tiếng. Dùng cái tâm hết sức mạnh mẽ, sắc bén, chân thành, chuyên nhất để niệm, khiến cho mỗi câu Phật hiệu đều từ tâm phát ra, từ miệng vang ra tiếng, lại theo tai lọt vào. Văng vặc phân minh, từng tiếng liên tiếp, mười niệm chẳng dứt. Ngay trong lúc người ấy xưng niệm danh hiệu Phật, câu nào cũng đều trừ diệt trọng tội trong nhiều kiếp sanh tử. Các tội như sương móc, huệ nhật có thể tiêu trừ, vừa xưng niệm Phật, vạn tội diệt. Tội diệt, thiện sanh, quả báo “đáng lẽ phải đọa tam đồ” bèn chuyển biến thành “sanh vào Cực Lạc”. Chỉ cần tin tưởng, phát nguyện, niệm Phật, ai nấy đều có thể làm được, ai ai cũng đều có thể vãng sanh.

Lợi ích do niệm Phật như thế đúng là “*đạp phá thiết hài vô mịch xứ, đắc lai toàn bất phí công phu*” (giẫm nát hài sắt tìm chẳng thấy, đạt được hoàn toàn chẳng tốn công). Kẻ ác ấy lâm chung trông thấy hoa sen hiện ra trước mắt, giống như vàng thái dương (“*nhật luân*”) tròn xoe, sáng ngời. Thần thức xả báo thân sẽ trong khoảng sát-na, thuận theo viên quang liên hoa mà nhanh chóng sanh sang Cực Lạc. Điều này thuộc về Tự Lực. Do thần lực của bốn nguyện và công đức nơi quả địa của A Di Đà Phật gia trì, nhiếp thọ, kẻ ác ấy chẳng bị đọa xuống thấp

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

hơn, lại dẫn dắt kẻ ấy sanh về cõi An Lạc, cũng giống như chiếc thuyền to chở đá bụi an ổn, đáng tin cậy như vậy đó! Điều này thuộc về Tha Lực.

Pháp môn Tịnh Độ chính là do lực dụng chẳng thể nghĩ bàn của Tự Lực và Tha Lực hợp thành, khiến cho ba bậc chín phẩm đều có thể vãng sanh. Còn như sau khi vãng sanh, hoa sen nở, thấy Phật Di Đà, nghe diệu pháp, ngộ Vô Sanh Nhân v.v... sẽ tùy thuộc công hạnh tịnh nghiệp của mỗi người sâu hay cạn, tuy có sớm hay trễ khác nhau, nhưng đều đã hết Phần Đoạn Sanh Tử, vượt khỏi lục đạo luân hồi, rốt ráo chẳng bị thoái chuyển, mãi cho đến khi thành Phật thì đều nhất loạt bình đẳng, chẳng hề sai khác!

(Chú) Vấn viết: Vô Lượng Thọ Kinh ngôn: “Nguyện vãng sanh giả, giai đắc vãng sanh, duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp”. Quán Vô Lượng Thọ Kinh ngôn: “Tác Ngũ Nghịch, Thập Ác, cụ chư bất thiện, diệc đắc vãng sanh”. Thử nhị kinh vân hà hội? Đáp viết: Nhất kinh dĩ cụ nhị chủng trọng tội: Nhất giả, Ngũ Nghịch. Nhị giả, phỉ báng chánh pháp. Dĩ thử nhị chủng tội cố, sở dĩ bất đắc vãng sanh. Nhất kinh dẫn ngôn tác Thập Ác, Ngũ Nghịch đẳng tội, bất ngôn phỉ báng chánh pháp. Dĩ bất báng chánh pháp cố, thị cố đắc sanh.

(註)問曰：無量壽經言：願往生者，皆得往生，唯除五逆，誹謗正法。觀無量壽經言：作五逆十惡，具諸不善，亦得往生。此二經云何會？答曰：一經以具二種重罪：一者，五逆。二者，誹謗正法。以此二種罪故，所以不得往生。一經但言作十惡五逆等罪，不言誹謗正法。以不謗正法故，是故得生。

(Chú: Hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Kẻ nguyện vãng sanh sẽ đều được vãng sanh, chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp”. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Kẻ tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, trọn đủ các thứ bất thiện, cũng được vãng sanh”. Dung thông hai kinh ấy như thế nào? Đáp: Một kinh thì nói kẻ ấy trọn đủ hai thứ trọng tội: Một là Ngũ Nghịch. Hai là phỉ báng chánh pháp. Do hai thứ tội ấy, cho nên chẳng được vãng sanh. Một kinh chỉ nói tạo các tội Thập Ác, Ngũ Nghịch v.v... chẳng nói phỉ báng chánh pháp. Do chẳng báng bỗ chánh pháp, cho nên được vãng sanh).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Đây là lượt vấn đáp thứ hai. Liên quan đến điều được nói trong kinh Vô Lượng Thọ “*mười niệm đều được vãng sanh, chỉ trừ Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp*”, và như Quán Kinh nói “*Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng được vãng sanh*”, phải hội thông câu hỏi này như thế nào? Ngài Đàm Loan giải đáp đơn giản, trọng yếu, không chi hay hơn được nữa. Trong bộ Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Nghĩa từ trang hai trăm bốn mươi cho đến trang hai trăm bốn mươi hai, tôi cũng đã giải thích, [độc giả] chẳng ngại tra duyệt, sẽ có thể giúp giải trừ nghi hoặc. Nay tôi lại trích lục một đoạn trong Thập Nghi Luận do Trí Giả đại sư trước tác hòng có thể khiến cho quý vị tin tưởng đích xác: Chỉ cần chẳng phi báng chánh pháp, dẫu tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung có thể mười niệm niệm Phật, nương theo nguyện lực của Phật, cũng có thể được vãng sanh.

Mỗi nghi thứ tám trong Thập Tín Luận [như sau]: “*Hỏi: Chúng sanh từ vô thủy đến nay tạo vô lượng nghiệp, đời này suốt cuộc đời chẳng gặp thiện tri thức, lại tạo hết thảy tội nghiệp, không điều ác nào chẳng tạo, lẽ nào lâm chung mười niệm thành tựu liền được vãng sanh, vượt khỏi tam giới? Đối với các nghiệp đã kết, làm sao nói cho suông được? Đáp: Chúng sanh từ vô thủy đến nay, thiện ác nghiệp chủng nhiều, ít, mạnh, yếu, trợn chẳng biết được, nhưng lúc lâm chung có thể gặp thiện tri thức, mười niệm thành tựu thì đều là do thiện nghiệp đời trước mạnh mẽ, cho nên mới được gặp gỡ thiện tri thức, mười niệm thành tựu. Nếu là kẻ ác nghiệp nhiều, thiện tri thức còn chẳng thể gặp, làm sao có thể bàn luận chuyện mười niệm thành tựu cho được?... Ví như sợi dây thừng to mười vòng ôm, ngàn người đàn ông chẳng bứt đứt được, nhưng đưa bé trai vung quom, trong khoảnh khắc, [dây thừng] đứt làm đôi. Lại như củi chất chứa ngàn năm, dùng một đóm lửa bé bằng hạt đậu để đốt, trong một thời gian ngắn sẽ cháy sạch. Lại như có người suốt đời tu Thập Thiện Nghiệp, đáng được sanh lên trời. Khi lâm chung, dấy lên một niệm tà kiến quyết định, liền đọa trong địa ngục A Tỳ. Ác nghiệp hư vọng, do mạnh mẽ, nhạy bén, mà còn có thể xóa sạch thiện nghiệp trong một đời, khiến [cho người lâm chung ấy] đọa ác đạo. Huống chi khi lâm chung, tâm dừng mãi niệm Phật, thiện nghiệp chân thật chẳng gián đoạn, lại chẳng thể trừ sạch vô thủy ác nghiệp, được sanh về Tịnh Độ, chẳng có lẽ ấy!*”

Lại nói: “*Một niệm niệm Phật, diệt tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, là vì lúc niệm Phật cái tâm mạnh mẽ, nhạy bén, chế phục, diệt trừ ác nghiệp, quyết định được vãng sanh, chẳng cần phải ngờ vực!*”

Do vậy, kẻ chẳng phỉ báng chánh pháp, ắt do sức thiện nghiệp mạnh mẽ trong các đời trước, cho nên mới có thể lâm chung chí tâm niệm Phật, mới được bốn nguyện của Phật nhiếp thọ, vãng sanh Cực Lạc, chẳng phải là do may mắn mà đạt được đâu nhé!

(Chú) Vấn viết: Giả sử nhất nhân cụ Ngũ Nghịch tội, nhi bất phỉ báng chánh pháp, kinh hứa đắc sanh. Phục hữu nhất nhân, dẫn phỉ báng chánh pháp, nhi vô Ngũ Nghịch chư tội, nguyện vãng sanh giả, đắc sanh dữ phủ? Đáp viết: Dẫn linh phỉ báng chánh pháp, tuy cánh vô dư tội, tất bất đắc sanh. Hà dĩ ngôn chi? Kinh ngôn: “Ngũ Nghịch tội nhân, đọa A Tỳ đại địa ngục trung, cụ thọ nhất kiếp trọng tội. Phỉ báng chánh pháp nhân, đọa A Tỳ đại địa ngục trung, thử kiếp nhược tận, phục chuyển chí tha phương A Tỳ đại địa ngục trung. Như thị triển chuyển, kinh bách thiên A Tỳ đại địa ngục, Phật bất ký đắc xuất thời tiết. Dĩ phỉ báng chánh pháp tội cực trọng cố”. Hựu chánh pháp giả, tức thị Phật pháp. Thử ngu si nhân ký sanh phỉ báng, an hữu nguyện sanh Phật độ chi lý? Giả sử dẫn tham bỉ độ an lạc nhi nguyện sanh giả, diệc như cầu phi thủy chi băng, vô yên chi hỏa, khởi hữu đắc lý?

(註)問曰：假使一人具五逆罪，而不誹謗正法，經許得生。復有一人，但誹謗正法，而無五逆諸罪，願往生者，得生以不？答曰：但令誹謗正法，雖更無餘罪，必不得生。何以言之？經言：五逆罪人，墮阿鼻大地獄中，具受一劫重罪。誹謗正法人，墮阿鼻大地獄中，此劫若盡，復轉至他方阿鼻大地獄中。如是展轉，經百千阿鼻大地獄，佛不記得出時節。以誹謗正法罪極重故。又正法者，即是佛法。此愚癡人既生誹謗，安有願生佛土之理？假使但貪彼土安樂而願生者，亦如求非水之冰，無煙之火，豈有得理？

(Chú: Hỏi: Giả sử có một người trọn đủ tội Ngũ Nghịch, nhưng chẳng phỉ báng chánh pháp, kinh chấp thuận người ấy được vãng sanh. Lại có một người, chỉ phỉ báng chánh pháp, nhưng không có các tội Ngũ Nghịch mà nguyện vãng sanh, thì có được vãng sanh hay không? Đáp: Chỉ phỉ báng chánh pháp, tuy không có các tội khác, ắt chẳng được vãng sanh. Vì sao nói vậy? Kinh nói: “Tội nhân Ngũ Nghịch đọa

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

trong đại địa ngục A Tỳ thọ trọn một kiếp trọng tội. Kẻ phỉ báng chánh pháp đọa vào đại địa ngục A Tỳ, nếu kiếp ấy đã hết, sẽ lại chuyển sang ở trong đại địa ngục A Tỳ nơi phương khác. Lần lượt xoay vần như thế, trải qua trăm ngàn đại địa ngục A Tỳ, Phật chẳng thọ ký có lúc được thoát ra, vì tội phỉ báng chánh pháp tội bậc nặng nề!” Lại nữa, chánh pháp chính là Phật pháp. Kẻ ngu như thế đã sanh lòng phỉ báng, lẽ nào có chuyện nguyện sanh về cõi Phật cho được? Giả sử chỉ vì tham sự yên vui trong cõi ấy mà nguyện sanh về thì cũng như cầu băng chẳng có nước, cầu lửa chẳng có khói, lẽ nào mà có được?)

Đây là lượt vấn đáp thứ ba, nêu rõ kẻ phỉ báng chánh pháp tuy không có các tội khác, cũng quyết định chẳng sanh về An Lạc Tịnh Độ được! Vì sao? Vì kẻ ấy đã chẳng tin Phật pháp, chẳng tin nhân quả, chỉ là tham sống sợ chết, hy vọng sanh về thế giới Cực Lạc để hưởng lạc. Điều này giống như cầu băng không có nước, hoặc cầu lửa chẳng có khói, quyết định sẽ là xôi hỏng bỏng không, chẳng thể đạt được!

(Chú) Vấn viết: Hà đẳng tướng thị phỉ báng chánh pháp? Đáp viết: Nhược ngôn vô Phật, vô Phật pháp, vô Bồ Tát, vô Bồ Tát pháp, như thị đẳng kiến, nhược tâm tự giải, nhược tùng tha thọ, kỳ tâm quyết định, giai danh phỉ báng chánh pháp.

(註)問曰：何等相是誹謗正法？答曰：若言無佛，無佛法，無菩薩，無菩薩法，如是等見，若心自解，若從他受，其心決定，皆名誹謗正法。

(Chú: Hỏi: Những tướng như thế nào thì là phỉ báng chánh pháp? Đáp: Nếu nói không có Phật, không có Phật pháp, không có Bồ Tát, không có Bồ Tát pháp, những kiến giải như vậy, nếu do tâm tự hiểu, hoặc do tiếp nhận từ người khác rồi sanh tâm quyết định thì đều gọi là phỉ báng chánh pháp).

Đây là lượt vấn đáp thứ tư, chỉ rõ phỉ báng chánh pháp là như thế nào? Giả sử quý vị tự cho rằng “ta là người có trí huệ, kiến thức”, tự cây thông minh, trong tâm sanh khởi một loại tà kiến, hoặc do được người khác truyền dạy, cho rằng loại tà kiến ấy quyết định chẳng sai lầm. Do thứ tà kiến ấy, phỉ báng Tam Bảo, nói “quyết định chẳng có Phật, Bồ Tát”, phủ định hết thầy kinh điển Phật giáo, nói Phật pháp là mê tín gạt người! Chẳng hạn như nói “không có A Di Đà Phật, mà cũng

chẳng có Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Đây gọi là phỉ báng chánh pháp. Những chuyện giống như vậy trong thế gian thường có! Những [kẻ chủ trương hoặc tin theo] duy vật luận, vô thần luận, hay nhất thần luận đều chẳng tin Phật pháp, nói “không có Phật, không có Phật pháp, không có Bồ Tát, Phật giáo là mê tín”, thì đều là những kẻ phỉ báng chánh pháp!

(Chú) Vấn viết: Như thị đẳng kế, dân thị kỷ sự, ư chúng sanh hữu hà khổ não, du ư Ngũ Nghịch trọng tội da? Đáp viết: Nhược vô chư Phật, Bồ Tát thuyết thế gian xuất thế gian thiện đạo, giáo hóa chúng sanh giả, khởi tri hữu nhân, nghĩa, lễ, trí, tín da? Như thị thế gian nhất thiết thiện pháp giai đoạn, xuất thế gian nhất thiết hiền thánh giai diệt. Nhữ dân tri Ngũ Nghịch tội vi trọng, nhi bất tri Ngũ Nghịch tội tòng vô chánh pháp sanh. Thị cố, báng chánh pháp nhân kỳ tội tối trọng.

(註)問曰：如是等計，但是己事，於眾生有何苦惱，踰於五逆重罪耶？答曰：若無諸佛菩薩說世間出世間善道，教化眾生者，豈知有仁義禮智信耶？如是世間一切善法皆斷，出世間一切賢聖皆滅。汝但知五逆罪為重，而不知五逆罪從無正法生。是故謗正法人其罪最重。

(Chú: Hỏi: Những so đo, chấp trước như vậy chỉ là chuyện của chính mình, đối với chúng sanh có [gây ra] khổ não gì đâu mà lại nặng hơn trọng tội Ngũ Nghịch? Đáp: Nếu không có chư Phật, Bồ Tát nói thiện đạo thế gian và xuất thế gian, giáo hóa chúng sanh, há [chúng sanh] biết có nhân, nghĩa, lễ, trí, tín ư? Như thế thì hết thấy thiện pháp thế gian đều đoạn, hết thấy hiền thánh xuất thế gian đều diệt. Ông chỉ biết tội Ngũ Nghịch là nặng, nhưng chẳng biết tội Ngũ Nghịch sanh từ [sự gièm báng] “không có chánh pháp”. Do vậy, kẻ báng Chánh Pháp tội nặng nhất).

Đây là lượt vấn đáp thứ năm, nói rõ người phỉ báng chánh pháp, tội ấy nặng nhất, vượt xa Ngũ Nghịch. Vì người báng chánh pháp đã dấy lên tà kiến, so đo tà vạy, phủ định “chẳng có Phật, Bồ Tát, chẳng có Phật pháp”, liên đới thì tất nhiên cũng [sẽ cho rằng] chẳng có hết thấy nhân quả thế gian lẫn xuất thế gian, phủ định hết thấy báo ứng thiện ác và sự thật luân hồi của chúng sanh. “*Như thị đẳng kế*” (So đo

như thế ấy) đều là có thể tự hại mình, lại còn có thể hại người khác, thường nói là “*kẻ đui dẫn người mù, kéo nhau vào hố lửa*”, đối với thế đạo nhân tâm có mối quan hệ cực lớn! Giả sử chẳng có Phật, Bồ Tát xuất hiện trong nhân gian thuyết pháp giáo hóa chúng sanh, người thế gian chẳng biết phải tuân thủ khuôn phép đạo đức “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín”. Vì Ngũ Giới do đức Phật nói chính là Ngũ Thường của Nho gia; Ngũ Giới và Ngũ Thường tương đồng.

Quân tử và thánh hiền trong thế gian, đại đa số đều là Phật, Bồ Tát ứng hóa, dùng thân để nêu bày khuôn mẫu. Do vậy nói: “Nếu không có Phật, Bồ Tát, không có Phật pháp, tất nhiên cũng chẳng có thiện sự nhân nghĩa trung hiếu trong thế gian, cũng tức là chẳng có thiện nhân, quân tử, chẳng có bậc hiền thánh, hào kiệt có thể khiến cho người khác kính ngưỡng, làm khuôn mẫu cho người khác”. Đây gọi là “*phá hư con mắt của chúng sanh*”, khiến cho chúng sanh chẳng biết thiện là gì, ác là gì, làm xằng, làm bậy, cho nên có những chuyện như Ngũ Nghịch, Thập Ác v.v... Những tội lỗi ấy đều là do phỉ báng chánh pháp dẫn sanh, tội ấy to lớn, đúng là trời đất chẳng thể dung nổi!

(Chú) Vấn viết: Nghiệp Đạo kinh ngôn: “Nghiệp đạo như xứng, trọng giả tiên khiên”. Như Quán Vô Lượng Thọ Kinh ngôn: “Hữu nhân tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, cụ chư bất thiện, ưng đọa ác đạo, kinh lịch đa kiếp, thọ vô lượng khổ. Lâm mạng chung thời, ngộ thiện tri thức, giáo xưng Nam Mô A Di Đà Phật, như thị chí tâm linh thanh bất tuyệt, cụ túc thập niệm, tiện đắc vãng sanh An Lạc Tịnh Độ, tức nhập Đại Thừa Chánh Định chi tụ, tất cánh bất thoái, dữ tam đồ chư khổ vĩnh cách. “Tiên khiên” chi nghĩa, ư lý như hà? Hựu khoáng kiếp dĩ lai, bị tạo chư hạnh hữu lậu chi pháp, hệ thuộc tam giới, dẫn dĩ thập niệm, niệm A Di Đà Phật, tiện xuất tam giới, “hệ nghiệp” chi nghĩa, phục dục vân hà?

(註)問曰：業道經言：業道如秤，重者先牽。如觀無量壽經言：有人造五逆十惡，具諸不善，應墮惡道，經歷多劫，受無量苦。臨命終時，遇善知識，教稱南無阿彌陀佛，如是至心令聲不絕，具足十念，便得往生安樂淨土，即入大乘正定之聚，畢竟不退，與三塗諸苦永隔。先牽之義，於理如何？又曠劫已來，備造諸行有漏之法，繫屬三界，但以十念，念阿彌陀佛，便出三界，繫業之義，復欲

云何？

(Chú: Hỏi: Kinh [Thập Thiện] Nghiệp Đạo nói: “Nghiệp đạo như cái cân, bên nào nặng sẽ lồi đi trước”. Như kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Có kẻ tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, trọn đủ các điều bất thiện, đáng đọa vào ác đạo trải qua nhiều kiếp, chịu vô lượng khổ. Khi lâm chung, gặp thiện tri thức, dạy xưng niệm Nam-mô A Di Đà Phật. Chí tâm như thế khiến cho âm thanh chẳng dứt, trọn đủ mười niệm, liền được vãng sanh An Lạc Tịnh Độ, liền dự vào Chánh Định Tụ của Đại Thừa, rốt cuộc bất thoái, vĩnh viễn cách biệt các nỗi khổ trong tam đồ”. Ý nghĩa “lồi đi trước” xét theo Lý thì là như thế nào? Lại nữa, từ bao kiếp lâu xa đến nay, tạo đủ pháp hữu lậu nơi các hạnh, bị trói buộc trong tam giới, chỉ do mười niệm niệm A Di Đà Phật bèn thoát khỏi tam giới, còn nói về ý nghĩa “trói buộc bởi nghiệp” như thế nào được nữa?)

Đây là lần thứ sáu nêu ra nghi vấn, do kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, hai kinh nói khác nhau. Đã là “nghiệp nặng bèn lồi đi trước” và “bị trói buộc trong tam giới”, há lẽ nào có thể khi lâm chung chỉ mười niệm Di Đà liền được vãng sanh Tịnh Độ ư?

(Chú) Đáp viết: Nhữ vị Ngũ Nghịch, Thập Ác, hệ nghiệp đẳng vi trọng, dĩ hạ hạ phẩm nhân thập niệm vi khinh, ưng vị tội sở khiên, tiên đọa địa ngục, hệ tại tam giới giả. Kim đương dĩ nghĩa, giáo lượng khinh trọng chi nghĩa, tại tâm, tại duyên, tại quyết định, bất tại thời tiết cứu cận, đa thiếu dã. Vân hà tại tâm? Bĩ tạo tội nhân, tự y chỉ hư vọng điên đảo kiến sanh. Thử thập niệm giả, y thiện tri thức phương tiện an ủy, văn Thật Tướng pháp sanh. Nhất thật, nhất hư, khởi đắc tương tỷ? Thí như thiên tuế ám thất, quang nhược tạt chí, tức tiện minh lãng, ám khởi đắc ngôn tại thất thiên tuế nhi bất khứ da? Thị danh tại tâm. Vân hà tại duyên? Bĩ tạo tội nhân, tự y chỉ vọng tưởng tâm, y phiến não hư vọng quả báo chúng sanh sanh. Thử thập niệm giả, y chỉ vô thượng tín tâm, y A Di Đà Như Lai phương tiện trang nghiêm, chân thật thanh tịnh, vô lượng công đức danh hiệu sanh. Thí như hữu nhân bị độc tiễn sở trúng, tiết cân phá cốt, văn Diệt Trừ dược cổ, tức tiễn xuất độc trừ (Thủ Lăng Nghiêm kinh ngôn: “Thí như hữu dược, danh viết Diệt Trừ. Nhược đấu chiến thời, dụng dĩ đồ cổ, văn cổ thanh giả, tiễn xuất độc trừ. Bồ Tát Ma

Ha Tát diệt phục như thị, trụ Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, văn kỳ danh giả, tam độc chi tiền, tự nhiên bạt xuất”), khởi khả đắc ngôn bỉ tiền thân, độc lệ, văn cổ âm thanh, bất năng bạt tiền khứ độc da? Thị danh tại duyên. Vân hà tại quyết định? Bỉ tạo tội nhân, y chỉ hữu hậu tâm, hữu gián tâm sanh. Thử thập niệm giả, y chỉ vô hậu tâm, vô gián tâm sanh. Thị danh quyết định. Giáo lượng tam nghĩa, thập niệm giả trọng, trọng giả tiên khiên, năng xuất Tam Hữu, lưỡng kinh nhất nghĩa nhĩ!

(註)答曰：汝謂五逆十惡，繫業等為重，以下下品人十念為輕，應為罪所牽，先墮地獄，繫在三界者。今當以義校量，輕重之義，在心，在緣，在決定，不在時節久近多少也。云何在心？彼造罪人，自依止虛妄顛倒見生。此十念者，依善知識方便安慰，聞實相法生。一實一虛，豈得相比？譬如千歲閻室，光若暫至，即便明朗，閻豈得言在室千歲而不去耶？是名在心。云何在緣？彼造罪人，自依止妄想心，依煩惱虛妄果報眾生。此十念者，依止無上信心，依阿彌陀如來方便莊嚴，真實清淨，無量功德名號生。譬如有人被毒箭所中，截筋破骨，聞滅除藥鼓，即箭出毒除(首楞嚴經言：譬如有藥，名曰滅除。若鬪戰時，用以塗鼓，聞鼓聲者，箭出毒除。菩薩摩訶薩亦復如是，住首楞嚴三昧，聞其名者，三毒之箭，自然拔出)，豈可得言彼箭深毒厲，聞鼓音聲，不能拔箭去毒耶？是名在緣。云何在決定？彼造罪人，依止有後心，有間心生。此十念者，依止無後心，無間心生。是名決定。校量三義，十念者重，重者先牽，能出三有，兩經一義耳。

(Chú: Đáp: Ông cho rằng Ngũ Nghịch, Thập Ác, bị trói buộc bởi nghiệp v.v... là nặng, coi mười niệm của người thuộc hạ hạ phẩm là nhẹ, đáng bị tội lôi kéo, trước hết đọa vào địa ngục, bị trói buộc trong tam giới. Nay tôi dùng ý nghĩa để so lường thì ý nghĩa nặng hay nhẹ là do tại tâm, tại duyên, tại quyết định, chẳng do thời tiết lâu hay mau, [niệm Phật] nhiều hay ít vậy. Thế nào là tại tâm? Kẻ tạo tội ấy tự nương theo kiến giải hư vọng điên đảo mà sanh, còn mười niệm ấy là do nương theo phương tiện an ủi của thiên tri thức và nghe pháp Thật

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Tướng mà sanh. Một đấng thật, một đấng hư, há so sánh được ư? Ví như nhà tối ngàn năm, nếu ánh sáng tạm chiếu đến, bèn ngay lập tức sáng sủa, há có thể nói là do tối tăm đã ở trong nhà ngàn năm bèn chẳng tản đi ư? Đó gọi là tại tâm. Thế nào là tại duyên? Kẻ tạo tội ấy tự nương tựa cái tâm hư vọng, nương theo phiền não, quả báo hư vọng và chúng sanh mà sanh. Còn mười niệm này chính là nương cậy tín tâm vô thượng, nương theo phương tiện trang nghiêm, và danh hiệu vô lượng công đức thanh tịnh chân thật của A Di Đà Như Lai mà sanh. Ví như có người bị trúng tên độc, đứt gân, vỡ xương, nghe tiếng cái trống thuốc Diệt Trừ, mũi tên độc liền bị rút ra, chất độc bị trừ hết (kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Ví như có chất thuốc tên là Diệt Trừ. Nếu trong lúc chiến đấu, dùng thuốc bôi lên trống, kẻ nghe tiếng trống, mũi tên sẽ rút ra, chất độc bị trừ. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, trụ trong Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, kẻ nghe tên Ngài, mũi tên tam độc tự nhiên rơi ra”), há có thể nói là vì mũi tên ghim sâu, chất độc dữ dội, nghe tiếng trống mà chẳng thể nhổ tên, trừ độc ư? Đây gọi là tại duyên. Thế nào là tại quyết định? Kẻ tạo tội ấy nương cậy cái tâm hữu hậu, tâm có gián đoạn mà sanh. Còn mười niệm ấy thì nương cậy vô hậu tâm, tâm chẳng gián đoạn mà sanh. Đó gọi là quyết định. So lường cả ba nghĩa thì mười niệm là nặng, “nặng thì sẽ lôi đi trước, có thể thoát khỏi Tam Hữu (ba cõi, tam giới)”, hai kinh có cùng một ý nghĩa vậy!)

Lời giải đáp của ngài Đàm Loan đã dựa theo ba phương diện là tâm, duyên và quyết định để giải thích hàm nghĩa “tạo nghiệp nặng hay nhẹ” hồng thuyết minh mười niệm lúc lâm chung chính là trọng nghiệp, cho nên phù hợp với nghĩa “cái nào nặng sẽ kéo đi trước”, có thể thoát khỏi tam giới, được sanh về Tịnh Độ.

“*Tại tâm*” là kẻ ác lúc lâm chung có thể niệm Phật mười niệm, tức là nương theo sự chỉ bảo, hướng dẫn của bậc thiện tri thức trong Phật môn, nghe nói danh hiệu và công đức, bốn nguyện của A Di Đà Phật, là pháp Thật Tướng chân thật chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, sanh lòng tin, phát nguyện niệm Phật; đây chính là tịnh tâm, tịnh nghiệp chân thật cực trọng.

“*Tại duyên*” là chúng sanh tạo tội, đều do nhân duyên Hoặc Nghiệp Khổ hư vọng sai khiến. Mười niệm niệm Phật thì nương cậy tín tâm đối với vô thượng Phật pháp làm nhân, nương vào danh hiệu công đức của A Di Đà Phật làm duyên, nhân duyên hòa hợp bèn có mười

niệm. Mười niệm ấy giống như âm thanh của cái trống thuộc Diệt Trừ, có thể dẹp trừ hết thảy trọng tội, vãng sanh Tịnh Độ.

“*Tại quyết định*” là lâm chung mười niệm niệm Phật, tức là mười niệm cuối cùng trong một đời người, hết một báo thân ấy, chẳng có tâm niệm nào khác nữa, nên gọi là “*vô hậu tâm*”. Mười niệm ấy lại cực kỳ dừng mãnh, nhạy bén, chuyên nhất, khẩn thiết, cầu nguyện vãng sanh, chẳng có ý niệm nào khác xen tạp, vì thế gọi là “*vô gián tâm*”. Mười niệm vô hậu, vô gián như thế chính là “*chí tâm tin ưa*”, còn gọi là “*chí tâm tinh tấn*”, là “*trọng tâm, trọng nghiệp*”, đương nhiên là cái nào nặng sẽ lôi đi trước, chuyên ác báo trong tam đồ thành liên hoa hóa sanh nơi Tịnh Độ. Nhân quả vốn là như thế! Do vậy, đức Bồ Đề nói ra pháp môn Tịnh Độ nhằm dạy phụ vương và hết thảy chúng sanh đều phải nên nương theo một pháp “*chí tâm niệm Phật*” này, hòng lìa khổ, được vui, liễu sanh thoát tử, cho đến thành Phật, làm Tổ. Đây chính là nhân duyên vô thượng do đức Thế Tôn đã ban cho hết thảy chúng sanh lợi ích chân thật vậy. Đây là đại sự duy nhất.

(Chú) Vấn viết: *Kỷ thời danh vi nhất niệm? Đáp viết: Bách nhất sanh diệt, danh nhất sát-na. Lục thập sát-na danh vi nhất niệm. Thử trung vân “niệm” giả, bất thủ thử thời tiết dã. Dẫn ngôn ức niệm A Di Đà Phật, nhược tổng tướng, nhược biệt tướng, tùy sở quán duyên, tâm vô tha tướng, thập niệm tương tục, danh vi “thập niệm”. Dẫn xưng danh hiệu, diệc phục như thị.*

(註)問曰：幾時名為一念？答曰：百一生滅，名一剎那。六十剎那名為一念。此中云念者，不取此時節也。但言憶念阿彌陀佛，若總相，若別相，隨所觀緣，心無他想，十念相續，名為十念。但稱名號，亦復如是。

(Chú: Hỏi: Bao lâu thì gọi là “một niệm”? Đáp: Một trăm lẻ một lần sanh diệt thì gọi là một sát-na, sáu mươi sát-na thì gọi là một niệm. “Niệm” được nói ở đây chẳng theo cách hạn định thời khắc ấy! Chỉ nói ức niệm A Di Đà Phật dù là tổng tướng hay biệt tướng, tùy theo cái duyên để quán, tâm chẳng tướng chi khác, mười niệm liên tục thì gọi là “thập niệm”. Chỉ xưng danh hiệu cũng giống như thế).

Đây là lần vấn đáp thứ bảy nhằm nói rõ như thế nào thì gọi là “*thập niệm*”. Nói đến “*một niệm*” thì thời gian cực ngắn. Kinh luận nói mỗi thứ mỗi khác. Nói theo quyền Thượng của kinh Nhân Vương Bát

Nhã thì chín mươi sát-na là một niệm. Một sát-na là [thời gian] trải qua chín trăm lần sanh diệt. Quyển ba của bộ Đại Trí Độ Luận thì nói: Trong khoảng khảy ngón tay một cái bèn có sáu mươi niệm. Ngài Đàm Loan nói: Sáu mươi sát-na gọi là một niệm. Nay một niệm được nói trong “*mười niệm niệm Phật*” trọn chẳng phải là nói theo những kiểu thời khắc ấy. Giả sử là quán tưởng niệm Phật thì trong tâm ức niệm tổng tướng (toàn thân tử kim dung), hay biệt tướng (tướng bạch hào, tướng nhục kế v.v...) của A Di Đà Phật, chú tâm quán tưởng rành rẽ phân minh, trong tâm chẳng có niệm nào khác. Như thế thì gọi là “*một niệm*”. Khi quán tưởng như thế mà cảm thấy chẳng phân minh, thì lại tác ý trụ tâm quán tưởng sao cho rành rẽ phân minh. Mười lượt quán tưởng Phật Di Đà liên tục chẳng gián đoạn như thế thì gọi là “*thập niệm*”. Nếu là trì danh niệm Phật, chỉ xưng danh hiệu, vậy thì do tâm và miệng chuyên nhất, xưng danh hiệu Di Đà, buộc tâm nơi danh hiệu Di Đà, rành rẽ phân minh, chẳng niệm danh hiệu nào khác thì là “*một niệm*”. Mười niệm niệm Phật liên tục chẳng gián đoạn như thế cũng gọi là “*thập niệm*”.

(Chú) Vấn viết: Tâm nhược tha duyên, nhiếp chi linh hoàn, khả tri niệm chi đa thiểu, dẫn tri đa thiểu, phục phi vô gián. Nhược ngưng tâm chú tướng, phục y hà khả đắc ký niệm chi đa thiểu? Đáp viết: Kinh ngôn thập niệm giả, minh nghiệp sự thành biện nhĩ, bất tất tu tri đầu số dã. Như ngôn huệ cô bất thức xuân thu, y trùng khởi tri Châu Dương chi tiết hồ? Tri giả ngôn chi nhĩ, thập niệm nghiệp thành giả, thị diệc thông thân giả ngôn chi nhĩ. Dẫn tích niệm tương tục, bất duyên tha sự tiện bãi, phục hà hạ tu tri niệm chi đầu số dã. Nhược tất tu tri, diệc hữu phương tiện, tất tu khẩu thọ, bất đắc đề chi bút điểm.

(註)問曰：心若他緣，攝之令還，可知念之多少，但知多少，復非無間。若凝心注想，復依何可得記念之多少？答曰：經言十念者，明業事成辦耳，不必須知頭數也。如言螻蛄不識春秋，伊蟲豈知朱陽之節乎？知者言之耳，十念業成者，是亦通神者言之耳。但積念相續，不緣他事便罷，復何暇須知念之頭數也。若必須知，亦有方便，必須口授，不得題之筆點。

(Chú: Hỏi: Nếu tâm duyên theo sự khác, bèn gom tâm trở lại, sẽ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

có thể biết là bao nhiêu niệm. Chỉ biết là bao nhiêu thì sẽ chẳng còn là không gián đoạn nữa! Nếu lắng lòng dốc ý quán tưởng thì lại dựa vào đâu để nhớ bao nhiêu niệm? Đáp rằng: Kinh nói “mười niệm” là nói đến nghiệp sự đã hoàn thành (tức là do tịnh nghiệp đã thành tựu bền có thể vãng sanh), chẳng cần phải biết số lượng! Như nói ve sầu chẳng biết trời Xuân hay tiết Thu, như con trùng Y Oai há biết tiết giao mùa giữa Hạ và Thu? Nói “biết” tức là nói “mười niệm đã thành”, đây cũng là nói để khuyên người nghe hãy lãnh hội đó thôi. Chỉ tích lũy niệm liên tục, chẳng duyên theo chuyện khác là được rồi, hơi đâu mà cần phải biết số lượng của niệm chi nữa! Nếu cứ ắt cần phải biết thì cũng có phương tiện, nhưng cần phải dạy truyền khẩu [trực tiếp], chứ không ghi ra được).

Đây là lượt vấn đáp thứ tám. Lời hỏi là dùng tâm để niệm, nếu như tâm duyên theo chuyện khác thì phải thu nhiếp [cái tâm] trở lại, như thế thì sẽ có thể biết ý niệm niệm Phật của chính mình có bao nhiêu niệm. Giả sử lắng lòng chuyên chú, hoặc quán tưởng, hoặc trì danh, vậy thì làm sao còn có thể phân tâm để biết có bao nhiêu niệm? Ngài Đàm Loan giải đáp, đã dựa theo kinh Vô Lượng Thọ dạy “*cho đến một niệm, hoặc mười niệm*”, [tức là] chẳng hạn định số lần niệm nhiều hay ít, chỉ cần dựa theo tiêu chuẩn “*Tịnh nghiệp thành tựu sẽ liền có thể vãng sanh*”, chẳng cần phải xác định số lượng ý niệm niệm Phật. Chẳng hạn như kinh nói: “*Chí tâm tin nhạo, dục sanh ngã quốc, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh Giác*” (Chí tâm tin ưa, muốn sanh về nước ta, cho đến mười niệm, nếu như chẳng sanh, ta chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác). Lại nói: “*Văn kỳ danh hiệu, tín tâm hoan hỷ, nãi chí nhất niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc, tức đắc vãng sanh, trụ Bất Thoái Chuyển*” (Nghe danh hiệu của Ngài, chí tâm hoan hỷ, cho đến một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh về cõi Ngài, liền được vãng sanh, trụ Bất Thoái Chuyển).

Kinh văn đã nói rất minh bạch, “*nãi chí nhất niệm, thập niệm*” (cho đến một niệm hoặc mười niệm). “*Nãi chí*” (乃至) tức là chẳng xác định số lượng ý niệm niệm Phật. Luôn luôn là nước chảy thành dòng, nói [theo kiểu] “*thành tựu Tịnh nghiệp thì biết sẽ được vãng sanh*”. Bất luận quán tưởng hoặc trì danh, chỉ có thể niệm đâu thì chú tâm vào đó, nhớ rõ, chẳng quên, liên tục chẳng dứt, chẳng duyên theo chuyện khác là được rồi, cần gì phải biết số lượng niệm Phật để rồi trở ngại “*tịnh niệm liên tục*”.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Ngài Đàm Loan lại nêu ra hai chuyện để làm thí dụ hòng làm cho [độc giả] thấu hiểu. Ví như nói: “*Huệ cô bất thức Xuân Thu*”. Câu này xuất phát từ bài Tiêu Dao Du của Trang Tử. “*Huệ cô*” (蟋蟀) chính là con ve vào mùa Hè, sanh vào mùa Hạ, chết vào mùa Thu. Do thọ mạng ngắn ngủi, nên nó chẳng biết Xuân, Thu. Lại ví như nói: “*Y trùng khởi tri Châu Dương chi tiết*”. Y Oai (伊威) là tên của một loài trùng, câu này trích từ kinh Thi “*Y Oai tại vọng*” (con trùng Y Oai trông ngóng). Y trùng⁴⁵ vào lúc giao mùa giữa Hạ và Thu, sống ở chỗ đất ẩm dưới tường vách hoặc dưới đáy lu vại, màu trắng xám, thân hình tròn dài, có nhiều cặp chân. Y Oai Trùng tuy sống vào cuối Hạ đầu Thu, nó trọn chẳng biết đến tiết khí Châu Dương. Châu Dương (朱陽)⁴⁶ là từ ngữ để hình dung tiết khí Hạ Thu.

Ve sầu và Y trùng đích xác là có thời tiết sanh trưởng, nhưng chúng trọn chẳng có quan niệm thời tiết. Nói đến các mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông thì chỉ con người mới có cách nói ấy. Dùng hai chuyện ấy để sánh ví “*thập niệm niệm Phật, thành tựu Tịnh nghiệp*” cũng giống như thế. Tuy có thời khắc để hoàn thành, nhưng chẳng thể dùng quan niệm thời khắc thông thường để đo lường được, mà cũng chớ nên chấp trước số lượng niệm nhiều hay ít, càng chớ nên chấp đầy là lúc bình thường, hoặc đầy là lúc lâm chung. Chỉ có thể hiểu ý, chẳng thể truyền dạy được. Vì thế nói: “*Thị diệc thông thân (hiểu ý) giả ngôn chi nhĩ*” (Đầy cũng là nói để lãnh hội ý nghĩa đó thôi).

Ngài Đàm Loan rất từ bi, Ngài bảo: Nếu quý vị cứ nhất định muốn biết “như thế nào thì mới là mười niệm thành công”, Ngài cũng có phương tiện có thể giúp cho quý vị nhận biết. Bất quá, phương pháp ấy chẳng thể sử dụng văn tự để viết ra được, ắt cần phải truyền miệng trực tiếp. Đây chính là như Thiên Tông Trung Hoa nói “*dĩ tâm ấn tâm*”. Chẳng hạn như Lục Tổ ấn chứng cho người khác bèn nói: “*Như*

⁴⁵ Y Trùng, gọi đủ là Y Oai Trùng, còn gọi là Triều Trùng, là tên gọi chung của nhiều loại côn trùng có hình tròn dẹp, mà người Anh thường gọi là Sowbug, Pill bug, hay Woodlouse. Chúng sống nơi ẩm thấp, màu xám nâu, hay xám trắng, nhiều chân, có vỏ cứng, khi gặp nguy hiểm thường cuộn tròn lại (nhưng khác với loài cuốn chiếu, millipede), vì Y Trùng không có chân kếp như loài cuốn chiếu, và cuốn chiếu có thân hình dài, thon, tròn (gần giống như rết), trong khi Y Trùng thì dẹp và phình to.

⁴⁶ Châu Dương vốn là từ ngữ để chỉ mặt trời, vì mặt trời lúc mới mọc có sắc đỏ. Về sau, từ ngữ Châu Dương được dùng để chỉ mùa Hạ, nhưng khi nói đến “*Châu Dương tiết*” thì là lúc giao mùa giữa Hạ và Thu.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

thị, như thị, như như thị, ngã diệc như thị” (Như thế đây, như thế đây, ông là như thế đây, mà tôi cũng là như thế đây). Đây cũng là nói: Chỉ có thể đối với người đã thành tựu Tịnh nghiệp mà nói, chẳng thể nói với mọi người được!

2.2.2. Giảng giải phần Luận Thích

2.2.2.1. Nêu chung

(Luận) Luận viết.

(Chú) “Luận viết” dĩ hạ, thử thị giải nghĩa phân.

(論)論曰。

(註)論曰已下，此是解義分。

(Luận: Luận nói...

Chú: Từ chữ “luận nói” trở đi chính là phần giải nghĩa).

Từ đây trở đi, Luận Chủ giải thích tường tận bài Nguyễn Sanh Kệ, nên gọi là Giải Nghĩa Phần.

2.2.2.1.1. Chia thành các chương

(Chú) Thử phân trung, nghĩa hữu thập trùng: Nhất giả, nguyện kệ đại ý. Nhị giả, khởi quán sanh tín. Tam giả, quán hạnh thể tướng. Tứ giả, tịnh nhập nguyện tâm. Ngũ giả, thiện xảo nhiếp hóa. Lục giả, ly Bồ Đề chướng. Thất giả, thuận Bồ Đề môn. Bát giả, danh nghĩa nhiếp đối. Cửu giả, nguyện sự thành tựu. Thập giả, lợi hành mãn túc.

(註)此分中，義有十重：一者，願偈大意。二者，起觀生信。三者，觀行體相。四者，淨入願心。五者，善巧攝化。六者，離菩提障。七者，順菩提門。八者，名義攝對。九者，願事成就。十者，利行滿足。

(Chú: Trong phần này, ý nghĩa được chia thành mười tầng: Một là đại ý của bài Nguyễn Sanh Kệ. Hai là dấy lên sự quán tưởng, sanh khởi lòng tin. Ba là thể tướng của quán hạnh. Bốn là thanh tịnh tiến nhập nguyện tâm. Năm là sự nhiếp hóa hay khéo. Sáu là lìa những thứ chướng ngại Bồ Đề. Bảy là các pháp thuận từng Bồ Đề. Tám là phối hợp tương ứng giữa danh tướng và nghĩa lý. Chín là nguyện sự thành

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

tựu. Mười là viên mãn các hạnh tạo lợi lạc).

Trong phần Giải Nghĩa thuộc phần Trường Hàng của bộ luận này, tổng cộng có mười tầng nghĩa lý. Ngài Đàm Loan bèn chia thành mười khoa (chương), khiến cho ý chính vừa được nêu ra, các ý nghĩa chi tiết đều hiển lộ, thứ lớp phân minh.

2.2.2.1.2. Giải thích kinh văn

(Chú) Luận giả, nghị dã. Ngôn nghị kệ sở dĩ dã. Viết giả, từ dã, chỉ hạ chư cú, thị nghị thích kệ từ dã. Cố ngôn: “Luận viết”.

(註)論者，議也。言議偈所以也。曰者，詞也，指下諸句，是議釋偈詞也。故言：論曰。

(Chú: “Luận” là bàn bạc, ý nói: Bàn định những nguyên do trong phần Kệ. “Viết” (nói) là diễn tả bằng ngôn từ, ý nói các câu tiếp theo phần này chính là những lời lẽ nhằm biện định, giải thích ý nghĩa trong lời kệ. Vì thế bảo là “luận nói”).

“Luận” là nghị luận. Lời nghị luận do nương theo nghĩa lý để phân tích các ý nghĩa được bao hàm trong Nguyên Sanh Kệ.

2.2.2.2. Giải thích ý nghĩa

2.2.2.2.1. Đại ý của bài Nguyên Sanh Kệ

(Chú) Nguyên kệ đại ý giả.

(Luận) Thử nguyên kệ minh hà nghĩa? Thị hiện quán bỉ An Lạc thế giới, kiến A Di Đà Như Lai, nguyên sanh bỉ quốc cố.

(註)願偈大意者。

(論)此願偈明何義？示現觀彼安樂世界，見阿彌陀如來，願生彼國故。

(Chú: Đại ý của bài Nguyên Sanh Kệ.

Luận: Bài kệ Nguyên Sanh này nói lên ý nghĩa gì? Dạy quán thế giới An Lạc trong hiện tại, thấy A Di Đà Như Lai, nguyên sanh về cõi ấy).

“Nguyên kệ đại ý” là nói đến đại ý của hai mươi bốn bài kệ tụng

do vị Luận Chủ đã nói trong phần trước. Luận Chủ tự mình gạn hỏi: Nguyên Sanh Kệ gồm hai mươi bốn bài tụng trong phần trước nhằm để tỏ rõ tông chỉ và nghĩa lý gì vậy? Ngài tự giải đáp: Đại ý là vì khai thị [hành nhân hỷ] quán Tây Phương An Lạc thế giới trong hiện tại, hai mươi chín món công đức trang nghiêm [trong hai mươi bốn bài kệ ấy] được chia thành ba loại [rành rẽ phân minh] như đối trước mắt, khiến cho người quán tưởng thấu hiểu rành rẽ phân minh, đích thân thấy A Di Đà Phật, tín tâm kiên định, phát nguyện vãng sanh quốc độ An Lạc, thành tựu công đức “tự lợi, lợi tha”, viên mãn Bồ Đề ngay trong một đời. Do có nhân duyên lợi ích như vậy, cho nên Ngài viết Nguyên Sanh Kệ.

2.2.2.2.2. Khởi quán sanh tín

(Chú) Khởi quán sanh tín giả, thử phần trung, hựu hữu nhị trùng: Nhất giả, thị ngũ niệm lực. Nhị giả, xuất ngũ niệm môn.

(註)起觀生信者，此分中，又有二重：一者，示五念力。二者，出五念門。

(Chú: “Khởi quán sanh tín”: Trong phần này, lại có hai tầng: Một là chỉ ra ngũ niệm lực. Hai là nêu ra ngũ niệm môn).

Phần “khởi quán sanh tín” được ngài Đàm Loan chia thành hai khoa, tức là thành tựu tín tâm Tịnh Độ; sau đây, phát khởi quán hạnh. Trong phần này, lại chia thành hai đoạn, một là nêu chung ngũ niệm môn có thể thành tựu những lực dụng nào để khiến cho quý vị sanh lòng tin; hai là nêu chung danh tướng của ngũ niệm môn.

2.2.2.2.2.1. Chỉ ra ngũ niệm lực

(Chú) Thị ngũ niệm lực giả.

(Luận) Vân hà quán? Vân hà sanh tín tâm? Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, tu ngũ niệm môn hạnh thành tựu, tất cánh đắc sanh An Lạc quốc độ, kiến bỉ A Di Đà Phật.

(註)示五念力者。

(論)云何觀?云何生信心?若善男子，善女人，修五念門行成就，畢竟得生安樂國土，見彼阿彌陀佛。

(Chú: Chỉ bày năm niệm lược.

Luận: Quán như thế nào? Sanh tín tâm như thế nào? Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu ngũ niệm môn hạnh thành tựu, rốt ráo được sanh về quốc độ An Lạc, thấy A Di Đà Phật).

Chúng sanh trong thời Mạt Pháp ngũ trược, tâm thô tán loạn, nhưng y báo và chánh báo của Tịnh Độ tột bậc tinh vi, phải tu quán như thế nào thì mới thành tựu Tịnh nghiệp, vãng sanh Tịnh Độ? Như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu, trưởng dưỡng nhất thiết chư thiện căn*” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức, nuôi lớn hết thảy các thiện căn). Như Đại Trí Độ Luận đã nói: “*Biển cả Phật pháp, do tín bèn có thể vào, do trí bèn có thể độ*”. Do vậy, trước khi tu Quán, ắt phải thành tựu tín tâm Tịnh Độ trước đã. Chúng ta lại phải sanh khởi tín tâm như thế nào? Luận Chủ đã khai thị rất đơn giản: “*Nam tử, nữ nhân chỉ cần ba nghiệp thanh tịnh, phát tâm thượng cầu hạ hóa, đều có thể gọi là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Loại chúng sanh có thiện căn Đại Thừa ấy nếu có thể nương theo pháp môn ngũ niệm được nói trong luận này để tu hành, chủ yếu là quan sát tướng công đức chân thật của Tịnh Độ, không chỉ là có thể sanh khởi tín tâm hoan hỷ yêu thích, lại còn có thể thành tựu tín tâm Bất Thoái của Đại Thừa, rốt ráo được sanh về quốc độ An Lạc, thấy A Di Đà Phật, nghe pháp, thọ ký*”. Dựa theo những điều Khởi Tín Luận đã nói, từ phát tâm tu Bồ Tát đạo, cho đến [khi chứng nhập] địa vị Thập Tín thì mới thành tựu tín tâm Đại Thừa. Thế nhưng, nếu có thể tu pháp môn Ngũ Niệm, sẽ có thể thành tựu ngay trong một đời, đấy chính là vì pháp môn Ngũ Niệm có lực dụng chẳng thể nghĩ bàn.

Năm thứ pháp môn ấy đều gọi là Niệm, có thể thấy chữ Niệm chính là mấu chốt để thành tựu năm pháp. Vì cái tâm vô niệm chỉ Phật mới có, chúng sanh không ai chẳng có tâm; hễ có tâm, ắt có niệm. Mỗi khi niệm khởi lên, ắt rơi vào mười pháp giới. Chẳng niệm Phật giới, chắc chắn sẽ niệm giới khác. Niệm thiên thì sanh thiên, niệm Phật thì thành Phật. Công dụng của niệm Phật là có thể chuyển phàm tâm thành Phật tâm, từ ngay bốn trí (chúng sanh vốn sẵn có) mà thành Phật trí. Đúng là điểm sắt thành vàng, là linh phù diệu thuật để thoát thai hoá cốt. Luận này nói đến Niệm thì không phải là chuyên dùng miệng để niệm, mà phải là trong tâm ức niệm, tâm đặt nơi một cảnh, ức niệm chẳng quên. Tâm tâm niệm niệm đều chẳng lìa nguyện sanh An Lạc quốc. Năm môn từ lễ bái cho đến hồi hương đều là như thế; niệm đâu

chú tâm tại đó thì gọi là Niệm, nhớ rõ chẳng quên là Úc. Úc niệm liên tục như thế, sẽ có thể thành tựu pháp môn Ngũ Niệm và tín tâm Đại Thừa, trọn chẳng có bí quyết nào khác cả!

2.2.2.2.2.2. Nêu ra ngũ niệm môn

2.2.2.2.2.2.1. Nêu chung ngũ niệm môn

(Luận) Hà đẳng ngũ niệm môn? Nhất giả, Lễ Bái Môn. Nhị giả, Tán Thán Môn. Tam giả, Tác Quán Môn. Tứ giả, Quán Sát Môn. Ngũ giả, Hồi Hướng Môn.

(Chú) Môn giả, nhập xuất nghĩa giả, như nhân đắc môn, tắc nhập xuất vô ngại. Tiền tứ niệm, thị nhập An Lạc Tịnh Độ môn, hậu nhất niệm, thị xuất từ bi giáo hóa môn.

(論)何等五念門？一者，禮拜門。二者，讚歎門。三者，作願門。四者，觀察門。五者，迴向門。

(註)門者，入出義也，如人得門，則入出無礙。前四念，是入安樂淨土門，後一念，是出慈悲教化門。

(Luận: Ngũ niệm môn là những gì? Một là Lễ Bái Môn. Hai là Tán Thán Môn. Ba là Tác Quán Môn. Bốn là Quán Sát Môn. Năm là Hồi Hướng Môn.

Chú: “Môn” có nghĩa là ra vào, như người có được cửa, sẽ ra vào vô ngại. Bốn môn niệm đầu là môn để nhập An Lạc Tịnh Độ, môn sau cùng là môn phát khởi từ bi, giáo hóa).

Trước hết, Luận Chủ nêu chung năm niệm môn, tức là năm loại hạnh môn để vãng sanh An Lạc Tịnh Độ, bao hàm “tín, nguyện, niệm, hạnh”. Môn thứ nhất và môn thứ hai thuộc về Hạnh, môn thứ ba thuộc về Nguyện, môn thứ tư là Niệm, môn thứ năm là Tín. Lễ Bái Môn thuộc về thân nghiệp, Tán Thán Môn thuộc về khẩu nghiệp. Ba môn sau đều thuộc về ý nghiệp, cũng là hành pháp để tu từ bi Định Huệ. Tác Nguyện có thể đắc Định, Quán Sát có thể đắc Huệ, Hồi Hướng có thể đạt được công đức đại từ đại bi. Năm thứ hành pháp như thế có thể khiến cho ba nghiệp của Tịnh nghiệp hành nhân thanh tịnh, Tam Học trọn đủ, Chỉ và Quán cùng vận dụng, phước và huệ cùng tu. Có thể nói là đã tổng trì cương yếu của Bồ Tát đạo và hành pháp Tịnh nghiệp chẳng sót. Vì thế, có thể nhanh chóng thành tựu tư lương vãng sanh,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

ngay trong đời này được thấy A Di Đà Phật, được sanh về An Lạc Tịnh Độ.

Luận Chủ vì thỏa nguyện “khiến cho chúng sanh cùng sanh về An Lạc quốc” mà đặc biệt dựa theo kinh để soạn luận, đề ra pháp tu ngũ niệm môn. Dựa theo năm môn ấy, soạn ra Ngũ Niệm Sanh Kế gồm hai mươi bốn bài kệ để bao gồm chung các nghĩa lý trọng yếu trong ấy. Hai bài kệ đầu chính là Luận Chủ trần thuật ý nghĩa quy mạng, và soạn kệ tụng đại lược về ba môn Lễ Bái, Tán Thán, và Tác Nguyện. Hai mươi một bài kệ kế tiếp là kệ tụng chi tiết về Quán Sát Môn. Bài kệ cuối cùng là Hồi Hướng Môn. Lại dùng văn từ Trường Hàng để giải thích pháp môn Ngũ Niệm ấy. Có thể biết năm niệm môn ấy chính là tâm yếu từ đầu đến cuối của bộ luận này, mà cũng là pháp môn bất nhị để vãng sanh Tịnh Độ. Bỏ năm môn ấy, chắc chắn là trên chẳng thể vãng sanh An Lạc, viên thành Phật đạo; dưới là chẳng thể thấu gồm trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, phổ độ quần sanh. Vì thế, ngài Đàm Loan chú giải rằng: “*Như nhân đắc môn, tắc xuất nhập vô ngại*” (Như người có được cửa, ra vào vô ngại). Vào cửa An Lạc Tịnh Độ, thì trên là cầu Phật đạo, ra khỏi cửa bèn từ bi giáo hóa; tức là “*dưới hóa độ chúng sanh*”. Nương theo năm môn ấy, quyết định có thể thượng cầu hạ hóa, đều được tự tại vô ngại, thành tựu viên mãn.

2.2.2.2.2.2. Giải thích từng môn trong năm môn

2.2.2.2.2.2.1. Lễ Bái Môn

(Luận) Vân hà lễ bái? Thân nghiệp lễ bái A Di Đà Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vị sanh bỉ quốc ý cố.

(Chú) Chư Phật Như Lai đức hữu vô lượng. Đức vô lượng cố, đức hiệu diệc vô lượng. Nhược dục cụ đàm, chỉ bút bất năng tải dã. Thị dĩ chư kinh, hoặc cử thập danh, hoặc đăng tam hiệu, cái tồn chí tông nhi dĩ, khởi thử tận da? Sở ngôn tam hiệu, tức thử Như Lai Ứng Chánh Biến Tri dã. Như Lai giả, như pháp tướng giải, như pháp tướng thuyết. Như chư Phật an ổn đạo lai, thử Phật diệc như thị lai, cánh bất khởi hậu hữu trung, cố danh Như Lai. Ứng giả, Ứng Cúng dã. Phật kết sử trừ tận, đặc nhất thiết trí huệ, ưng thọ nhất thiết thiên địa chúng sanh cúng dường, cố viết Ứng dã. Chánh Biến Tri giả, tri nhất thiết chư pháp thật bất hoại tướng, bất tăng, bất giảm. Vân hà bất hoại? Tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ đạo đoạn. Chư pháp như Niết Bàn tướng bất động, cố danh Chánh Biến Tri. Vô

Ngại Quang nghĩa, như tiền kệ trung giải. “Vị sanh bỉ quốc ý cố”, hà cô ngôn thử? Bồ Tát chi pháp, thường dĩ trú tam thời, dạ tam thời, lễ thập phương nhất thiết chư Phật, bất tất hữu nguyện sanh ý. Kim ưng thường tác nguyện sanh ý, cố lễ A Di Đà Như Lai dã.

(論)云何禮拜？身業禮拜阿彌陀如來應正遍知，為生彼國意故。

(註)諸佛如來德有無量。德無量故，德號亦無量。若欲具談，紙筆不能載也。是以諸經，或舉十名，或騰三號，蓋存至宗而已，豈此盡耶？所言三號，即此如來應正遍知也。如來者，如法相解，如法相說。如諸佛安穩道來，此佛亦如是來，更不去後有中，故名如來。應者，應供也。佛結使除盡，得一切智慧，應受一切天地眾生供養，故曰應也。正遍知者，知一切諸法實不壞相，不增不減。云何不壞？心行處滅，言語道斷。諸法如涅槃相不動，故名正遍知。無礙光義，如前偈中解。為生彼國意故，何故言此？菩薩之法，常以晝三時，夜三時，禮十方一切諸佛，不必有願生意。今應常作願生意，故禮阿彌陀如來也。

(Luận: Lễ bái là như thế nào? Thân nghiệp lễ bái A Di Đà Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vì có ý muốn sanh về cõi nước ấy.

Chú: Chư Phật Như Lai có vô lượng đức. Do đức vô lượng, nên đức hiệu cũng vô lượng. Nếu muốn bàn luận trọn hết thì giấy bút chẳng thể ghi chép được. Do vậy, các kinh hoặc là nêu ra mười tên, hoặc chỉ nêu ba hiệu. Đây là vì để nêu lên những nghĩa lý tốt cùng [trong các đức hiệu] đó thôi, há có thể [nêu ra] trọn hết [các đức hiệu của Phật] ư? Nói đến ba hiệu thì chính là “Như Lai Ứng Chánh Biến Tri” như trong luận này. Như Lai là hiểu đúng pháp tướng, nói năng đúng như pháp tướng. Như chư Phật an ổn mà đến, vị Phật này cũng đến như thế, trọn chẳng đi nhận lấy thân đời sau. Vì thế gọi là Như Lai. Ứng là Ứng Cúng. Phật đã trừ hết kết sử, đạt được hết thấy trí huệ, đáng nhận sự cúng dường của hết thấy chúng sanh trong trời đất, nên nói là Ứng. Chánh Biến Tri là biết tướng thật sự chẳng hoại, chẳng tăng, chẳng giảm của hết thấy các pháp. Bất hoại là gì? Tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ dứt bặt. Các pháp như tướng Niết Bàn bất động; vì thế gọi là

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Chánh Biến Tri. Ý nghĩa của Vô Ngại Quang thì như trong phần kệ trước đó đã giải thích. “Vì có ý muốn sanh về cõi ấy”, vì sao nói như vậy? Pháp của Bồ Tát thường là ngày ba thời, đêm ba thời, lễ mười phương hết thấy chư Phật, nhưng chưa chắc đã có ý nguyện sanh về. Nay thì ứng với chuyện thường phát nguyện, mong vãng sanh, cho nên lễ A Di Đà Như Lai).

Danh chiêu vời đức. Chư Phật đã có vô lượng công đức “tự hành, hóa độ người khác”, cho nên các Ngài cũng đáng nên có vô lượng danh hiệu. Nếu như muốn hoàn toàn nói trọn hết chẳng còn thừa sót các danh hiệu mà chư Phật vốn sẵn có, vậy thì dùng giấy, nghiên, bút, mực, chất đóng như núi, vẫn chẳng viết xong! Do vậy, trong Tam Tạng giáo điển thường hoặc là có mười thứ danh hiệu làm thông hiệu của hết thấy chư Phật. Như kinh Pháp Hoa v.v... đã nói Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Hàm ý của mười loại thông hiệu này trong bộ Pháp Hoa Kinh Giảng Nghĩa từ trang một trăm năm mươi sáu cho đến trang một trăm năm mươi tám, tôi đã giải thích đại lược, xin hãy tự tra duyệt. Hoặc là chỉ nêu ra ba thứ đức hiệu, như trong bộ luận này. Những danh hiệu ấy không gì chẳng ngoài việc nêu lên đại lược những điều tông yếu trong chí đức chí danh của Phật mà thôi! Há có nên tưởng là Phật chỉ có những danh hiệu ấy ư?

Luận này nói ra ba danh hiệu của Phật, tức là “*Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri*”. “*Như Lai*”: “*Như pháp tướng giải, như pháp tướng thuyết, cố danh Như Lai*” (Thông hiểu đúng như pháp tướng, nói năng đúng như pháp tướng, nên gọi là Như Lai). Đây chính là cách giảng giải [danh hiệu Như Lai] trong bộ Đại Trí Độ Luận. Chư Phật Như Lai đích xác là liễu giải thông đạt đúng như tướng chân thật duyên khởi của các pháp; sau đây, lập bày ngôn giáo, khai thị chúng sanh. “*Như chư Phật an ổn đạo lai, cánh bất khứ hậu hữu trung, cố danh Như Lai*” (Như chư Phật an ổn mà đến, trọn chẳng đến nhận lấy thân đời sau, nên gọi là Như Lai): Đây chính là điều được nói trong Thành Thật Luận, [chư Phật] nương theo đạo như thật (lời chú giải dùng chữ “*an ổn*” để diễn tả điều này) để thành Chánh Giác giống như nhau. Đây chính là như kinh Kim Cang đã nói: “*Vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ; cố danh Như Lai*” (Không từ đâu đến, mà cũng không đi về đâu; nên gọi là Như Lai).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

“*Ứng Cúng*”: Chư Phật đã hết Hoặc (phiền não), trí viên mãn, đáng nhận lãnh hết thảy chúng sanh cúng dường. Đây chính là cách nói trong Du Già Sư Địa Luận, tức nghĩa lý “*dĩ đắc ưng đắc*” (đã đạt được điều đáng nên đạt được, tức “*Hoặc tận, trí viên*”), đáng làm phước điền vô thượng (A La Hán cũng gọi là Ứng Cúng, nhưng chẳng phải là vô thượng), đáng nên được hết thảy (chúng sanh trong chín pháp giới) cúng dường.

“*Chánh Biến Tri*” là biết tướng thật sự chẳng hoại của hết thảy các pháp (tánh Không). Đây là Như Lý Trí của Phật, được gọi là Chánh Tri. Biết các pháp duyên khởi, chẳng tăng, chẳng giảm, đây là Như Lượng Trí của chư Phật, nên gọi là Biến Tri. Chư Phật đều có Như Lý Trí và Như Lượng Trí, tức là Quyền Trí và Thật Trí. Cái được [chư Phật] chứng đắc chính là Chân Đế và Tục Đế, nhất tâm nhị môn, duyên khởi tánh Không, cho nên gọi là Chánh Biến Tri, còn gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. [Nói là “*Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”] nhằm vạch rõ chẳng phải là sự giác ngộ của hàng Bồ Tát hãy còn có cái vượt hơn, chẳng phải là sự giác ngộ thiên lệch chẳng bình đẳng của hàng Nhị Thừa, chẳng phải là tà giác bất chánh của ngoại đạo, cũng như phạm phu mê muội chẳng giác.

Bốn câu từ “*vân hà bất hoại?*” (bất hoại là như thế nào?) trở đi tương đương với điều được nói trong phẩm Dược Thảo Dụ của kinh Pháp Hoa: “*Như Lai tri thị nhất tướng, nhất vị chi pháp, sở vị giải thoát tướng, ly tướng, diệt tướng, cứu cánh Niết Bàn thường tịch diệt tướng, chung quy u Không*” (Như Lai biết là pháp một tướng, một vị, tức là tướng giải thoát, tướng lìa, tướng diệt, tướng rốt ráo Niết Bàn thường tịch diệt, rốt cuộc đều quy về Không). Trong Pháp Hoa Kinh Giảng Nghĩa từ trang năm trăm bảy mươi sáu cho đến trang năm trăm bảy mươi bảy, tôi đã thuyết minh tường tận, [độc giả] chẳng ngại tra duyệt, tham khảo.

“*Vị sanh bỉ quốc ý cố*” (Do ý muốn sanh về cõi ấy): Đây chính là ý thú chân thật của việc vì sao Luận Chủ lại gọi năm thứ hành môn là Ngũ Niệm Môn. Nói thông thường: Lễ Bái là năm vóc gieo xuống đất, cung kính hướng đến chân của đức Phật mà ta đang lạy, hoặc ở dưới tượng Phật, điều này chỉ thuộc về thân nghiệp. Pháp môn đáng phải nên hành trì của mỗi vị Bồ Tát chính là ban ngày lẫn ban đêm, trong mười hai thời, lễ bái mười phương chư Phật. Tuy lễ Phật, trọn chẳng có ý tưởng nguyện sanh về cõi nào. Thế nhưng, nay tu pháp môn Tịnh Độ bèn khác hẳn; ắt cần phải tập trung tinh thần, khiến cho hai nghiệp thân

và ý thống nhất nơi việc “nguyện sanh về quốc độ An Lạc của A Di Đà Phật”, kiên cố chẳng dời! Đây mới có thể gọi là Lễ Bái Môn trong ngũ niệm môn. Do vậy mới có thể thành tựu Tịnh nghiệp, được thấy Phật Di Đà, được sanh về Tịnh Độ. Từ Lễ Bái cho đến Hồi Hướng, không gì chẳng phải là như vậy. Do vậy, Tịnh nghiệp hành nhân phải thường xuyên lễ bái A Di Đà Phật, hoặc Tây Phương Tam Thánh, chẳng cần phải lễ bái mười phương chư Phật, hoặc những vị Phật, Bồ Tát khác. Tuy chỉ có lễ bái, cũng có thể sanh về Cực Lạc. Đây chẳng phải là thiên chấp, chủ yếu là “*chuyên nhất chẳng tạp*”. Đã tu pháp môn Tịnh Độ, vậy thì cần phải lập chí, đời này ắt cần phải đạt thành mục đích “vãng sanh thế giới An Lạc”, chẳng thể nào không như vậy! Tôi có soạn một đôi câu đối như sau: “*Nhất thiết hạnh môn quy Cực Lạc, kim sanh đại sự thác liên trì*” (Hết thấy hạnh môn quy Cực Lạc, đại sự đời này phó ao sen). Nguyện các Tịnh Tông liên hữu hãy gắng lên!

2.2.2.2.2.2.2. Tán Thán Môn

(Luận) Vân hà tán thán? Khẩu nghiệp tán thán, xưng bỉ Như Lai danh, như bỉ Như Lai quang minh trí tướng, như bỉ danh nghĩa, dục như thật tu hành tương ứng cố.

(Chú) “Tán” giả, tán dương dã. “Thán” giả, ca thán dã. Tán thán phi khẩu bất tuyên, cố viết khẩu nghiệp dã. “Xưng bỉ Như Lai danh” giả, vị xưng Vô Ngại Quang Như Lai danh dã. “Như bỉ Như Lai quang minh trí tướng” giả, Phật quang minh thị trí huệ tướng dã. Thử quang minh chiếu thập phương thế giới vô hữu chướng ngại, năng trừ thập phương chúng sanh vô minh hắc ám, phi như nhật, nguyệt, châu quang, dẫn phá không huyệt trung ám dã.

(論)云何讚歎？口業讚歎，稱彼如來名，如彼如來光明智相，如彼名義，欲如實修行相應故。

(註)讚者，讚揚也。歎者，歌歎也。讚歎非口不宣，故曰口業也。稱彼如來名者，謂稱無礙光如來名也。如彼如來光明智相者，佛光明是智慧相也。此光明照十方世界無有障礙，能除十方眾生無明黑闇，非如日月珠光，但破空穴中闇也。

(Luận: Như thế nào là “tán thán”? Khẩu nghiệp tán thán, xưng danh đức Như Lai kia, đúng như quang minh trí tướng của đức Như

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Lai ấy, đứng như danh nghĩa của Ngài, do vì muốn tu hành như thật tương ứng.

Chú: “Tán” là tán dương. “Thán” là ca ngợi. Tán thán chẳng do miệng sẽ chẳng thể tuyên dương được, nên nói là “khẩu nghiệp”. “Xưng danh hiệu của đức Như Lai ấy” tức là xưng danh hiệu của Vô Ngại Quang Như Lai. “Như quang minh trí tướng của đức Như Lai ấy”: Quang minh của Phật chính là tướng trí huệ. Quang minh ấy chiếu mười phương thế giới, chẳng có chướng ngại, có thể trừ sự hắc ám vô minh cho chúng sanh trong mười phương, chẳng phải như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, hoặc bảo châu, chỉ trừ được sự tối tăm trong huyết rỗng).

Tịnh Độ Tông dùng ngữ nghiệp phát ra tiếng xưng dương, tán thán danh hiệu A Di Đà Phật, tức là thuộc về Tán Thán Môn trong năm niệm môn. Thông thường thì tán thán có tán thán tướng hảo, công đức, thần thông, trí huệ v.v... của Phật, đủ mọi thứ khác nhau. Nhưng môn Tán Thán này chỉ hạn cuộc trong xưng thán danh hiệu của Vô Ngại Quang (A Di Đà) Như Lai, chẳng cần phải tán thán chi khác. Vì sao là như thế? Vì danh hiệu của A Di Đà Phật chính là vô lượng, còn gọi là “*vạn đức hồng danh*”. Cho nên xưng dương danh hiệu của A Di Đà Phật, sẽ giống như tán thán vô lượng công đức, tướng hảo, thần thông, trí huệ của A Di Đà Phật, hết thảy đều có. Nhất là danh hiệu của A Di Đà Phật trọn đủ mười hai thứ quang minh như là Vô Ngại Quang, Trí Huệ Quang v.v... Những quang minh ấy đều do trí vô lậu thanh tịnh phát ra, cho nên ngay trong khi quý vị xưng niệm danh hiệu của Phật, sẽ có thể khế hợp mười hai tướng quang minh trí huệ của Phật, có thể trừ khử hết thảy vô minh hắc ám của chúng sanh đang trì danh niệm Phật, có thể tiêu trừ tam chướng các phiền não, có thể đạt được trí huệ thật sự hiểu rõ. Bậc thượng căn thì trong đời hiện tại có thể phá vô minh, chứng Pháp Thân. Kẻ hạ căn cũng có thể chế phục Hoặc khiến nó chẳng dậy khởi, đời nghiệp vãng sanh. Đây chính là trì danh niệm Phật có thể khiến cho [các chúng sanh thuộc] tam căn (thượng, trung, hạ) đều đạt được lợi ích chân thật, tức là liễu sanh thoát tử.

Như kinh A Di Đà đã nói: “*Bỉ Phật hà cố hiệu vi A Di Đà? Xá Lợi Phát, bỉ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại, thị cố hiệu vi A Di Đà*” (Vì lẽ nào mà đức Phật ấy hiệu là A Di Đà? Đây Xá Lợi Phát! Đức Phật ấy quang minh vô lượng, chiếu mười phương cõi chẳng bị chướng ngại. Vì thế, hiệu là A Di Đà). Như

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Quán Kinh nói: “*Vô Lượng Thọ Phật hữu bát vạn tứ thiên tướng. Nhất nhất tướng trung, các hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo. Nhất nhất hảo trung, phục hữu bát vạn tứ thiên quang minh. Nhất nhất quang minh, biến chiếu thập phương thế giới niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả*” (Vô Lượng Thọ Phật có tám vạn bốn ngàn tướng. Trong mỗi tướng đều có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Trong mỗi hảo, lại có tám vạn bốn ngàn quang minh. Mỗi một quang minh chiếu các chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới, nhiếp thủ chẳng bỏ).

Lại như quyển Thượng của kinh Vô Lượng Thọ có nói: “*Kỳ hữu chúng sanh, ngộ tư quang giả, tam cầu tiêu diệt... Nhược tại tam đồ cực khổ chi xứ, kiến thử quang minh, giai đắc hựu tức, vô phục khổ não, thọ chung chi hậu, giai mộng giải thoát... Nhược hữu chúng sanh, văn kỳ quang minh oai thần công đức, nhật dạ xưng thuyết (trì danh niệm Phật), chí tâm bất đoạn, tùy ý sở nguyện, đắc sanh kỳ quốc*” (Nếu có chúng sanh gặp quang minh ấy, tam cầu tiêu diệt... Nếu ở trong chỗ khổ sở tội bậc nơi tam đồ, trông thấy quang minh này, thấy đều được ngưng nghỉ, chẳng còn khổ não. Sau khi hết tuổi thọ, đều được giải thoát... Nếu có chúng sanh nghe công đức oai thần của quang minh ấy, ngày đêm xưng nói (trì danh niệm Phật), chí tâm chẳng dứt, sẽ tùy theo ý nguyện mà được sanh trong cõi ấy). Trong ba kinh như đã dẫn trên đây, đều là xưng niệm (tán thán) danh hiệu A Di Đà Phật, có đủ ý nghĩa đặc thù. Phạm là liên hữu trì danh niệm Phật, ắt cần phải liễu tri danh nghĩa của đức Phật ấy, tác nguyện (phát nguyện) và ức niệm đích xác như thế đó! Như thế thì mới được coi là như thật tu hành Trì Danh Niệm Phật, mới là Tán Thán Môn như luận này đã nói.

(Chú) “Nhu bĩ danh nghĩa, dục như thật tu hành tương ứng” giả, bĩ Vô Ngại Quang Như Lai danh hiệu, năng phá chúng sanh nhất thiết vô minh, năng mãn chúng sanh nhất thiết chí nguyện, nhiên hữu xưng danh, ức niệm, nhi vô minh do tại, nhi bất mãn sở nguyện giả, hà giả? Do bất như thật tu hành, dữ danh nghĩa bất tương ứng cố dã.

(註)如彼名義，欲如實修行相應者，彼無礙光如來名號，能破眾生一切無明，能滿眾生一切志願，然有稱名憶念，而無明猶在，而不滿所願者，何者？由不如實修行，與名義不相應故也。

(Chú): “Đúng như danh nghĩa ấy, muốn như thật tu hành tương

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

ứng” chính là danh hiệu Vô Ngại Quang Như Lai có thể phá hết thấy vô minh của chúng sanh, có thể thỏa mãn hết thấy chí nguyện của chúng sanh; nhưng có kẻ xưng danh, ước niệm, nhưng vô minh vẫn còn, điều mong nguyện chẳng được thỏa mãn là vì lẽ nào? Do chẳng như thật tu hành, chẳng tương ứng với danh nghĩa vậy).

Ngài Đàm Loan đã chỉ ra giản lược sự được mất do “như thật tu hành tương ứng” và “chẳng như thật, chẳng tương ứng” khiến cho Tịnh nghiệp hành nhân có cái để [chọn lựa] lấy hay bỏ. “Như thật tu hành và tương ứng với danh hiệu” thì sẽ có thể phá hết thấy vô minh, thỏa mãn hết thấy nguyện cầu. “Chẳng như thật, chẳng tương ứng” thì vô minh vẫn còn, chẳng thể thỏa nguyện được!

Như thế nào thì mới là đúng với danh nghĩa ấy? Nói giản lược thì Phật là giác. Giác là nhất tâm nhị môn, chẳng một, chẳng khác. Phạm phu trái nghịch Chân Như Môn (Không), ứng hợp Sanh Diệt Môn (Hữu); đây chính là trái nghịch giác, xuôi theo trần lao, gọi là “*phàm phu*”. Phật thì trái nghịch Sanh Diệt Môn, ứng hợp Chân Như Môn, thường biết rõ “hết thấy các pháp là Không”, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Đây chính là trái nghịch trần, xuôi theo giác, cũng chính là quang minh trí tướng, được gọi là Phật. Nay tôi đem phương pháp “*đúng như danh nghĩa ấy, như thật tu hành tương ứng*”, chiếu theo lời văn trong quyển Nhập Hương Quang Thất của pháp sư Liễu Nhiên, viết thành một bài Niệm Phật Nhiếp Yếu Tụng hồng ném hòn ngói để dẫn ra ngọc, kính thỉnh [độc giả] tham khảo. Bài tụng như sau:

*Phật hiệu như nhật phóng quang minh,
Tỳ bi hàm dưỡng hảo an cư,
Viên quang chiếu diệu vô biên tế,
Lịch lịch minh minh độc tự tri,
Lục tự hồng danh tương tục niệm,
Thanh thanh giá trị thắng ma-ni.
Tương lai lâm chung Phật tiếp dẫn,
Kính vãng Tây Phương thất bảo trì.
(Phật hiệu vàng dương tỏa sáng ngời,
Tỳ bi nuôi nấng trụ yên vui,
Viên quang chiếu rọi không ngần mé,
Vàng vạc phân minh tự biết thôi,
Sáu chữ hồng danh liên tục niệm,
Mỗi câu giá trị vượt ma-ni,*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Mai sau xả báo Phật nghênh tiếp,
Ao báu Tây Phương đèn khó gì).

Nếu có thể xung tán vạn đức hồng danh của Phật Di Đà như thế thì mới là như thật tu hành tương ứng. Hãy nên biết: Danh hiệu A Di Đà Phật được thành tựu bởi nguyện thứ mười hai, tức nguyện “*quang minh chiếu trọn khắp mười phương*” trong bốn nguyện. Như quyển Thượng của kinh Vô Lượng Thọ đã chép: “*Ngã kiến siêu thế nguyện, tất chí vô thượng đạo, tư nguyện bất mãn túc, thế bất thành Đăng Giác... Thần lực diễn đại quang, phổ chiếu vô tế độ, tiêu trừ tam cấu minh, minh tế chúng ách nạn... Bế tắc chư ác đạo, thông đạt thiện thú môn, công tộ thành mãn túc, oai diệu lãn thập phương, nhật nguyệt tập trùng huy, thiên quang ẩn bất hiện*” (Tôi lập nguyện hơn đời, ắt đạt đạo vô thượng, nguyện này chẳng thỏa mãn, thế chẳng thành Đăng Giác... Thần lực phóng đại quang, chiếu khắp khôn ngần cõi, tiêu trừ tối tam cấu, cứu tế các ách nạn... Đóng lấp các đường ác, thông đạt cửa đường lành, công phước thành trọn vẹn, oai sáng ngời mười phương, nhật nguyệt mất ánh sáng, quang minh của cõi trời, thấy ẩn mất chẳng hiện).

Sự đặc thù của danh hiệu A Di Đà Phật chính là ở chỗ trọn đủ mười hai loại quang minh như vô lượng quang, vô ngại quang... Đây là chỗ khác biệt đối với danh hiệu của chư Phật. Người niệm Phật thì nhiều, kẻ vãng sanh ít ỏi, nguyên nhân là do chẳng biết “danh hiệu của Phật chính là tướng trí huệ của Phật, giống như mặt trời tỏa ra quang minh, chẳng có tâm phân biệt, chiếu trọn khắp đại địa, từ bi nuôi dưỡng muôn vật, khiến cho chúng nó được sanh trưởng, an cư rất tốt đẹp”. Do vậy, tuy trì danh niệm Phật, nhưng chẳng như thật tương ứng với danh hiệu của A Di Đà Phật. Hạnh đã sai lệch, tín nguyện chẳng có sức, chẳng đạt được lợi ích vãng sanh! Ví như muôn vật không có ánh nắng, há được sanh trưởng ư? Nếu thế gian chẳng có quang minh, sẽ là một bầu đen kịt, há có thể an cư ư?

Cứ từ đó mà suy, A Di Đà Phật giống như ánh sáng mặt trời, từ bi nuôi nấng hết thảy chúng sanh, khiến cho họ lìa khổ được vui, chỉ hưởng các sự vui. Ngài tiếp dẫn chúng sanh an cư nơi cõi Cực Lạc, ban cho chúng sanh được thành tựu địa vị Bồ Xứ ngay trong một đời. Ân ấy, đức ấy, thiên địa, cha mẹ, há có thể sánh bằng ư? Do vậy, Tịnh nghiệp hành nhân hãy nên dùng cái tâm “*biết ân, báo ân*” để niệm Phật. Mỗi khi niệm một câu Phật hiệu, phải quán tưởng trí huệ của Phật giống như quang minh của mặt trời, mặt trăng, chiếu sáng ngời cảnh

giới mười phương. Niệm nào cũng đều như vậy, tiếng nào cũng đều như vậy, liên tục chẳng dứt, trước mắt là một bầu quang minh chiếu sáng ngời vô biên. Không ta, không người, không kia, không đây, âm thanh và quang minh hòa thành một khối, tâm và Phật hòa thành một khối. Lâu ngày thuần thực, tự nhiên căn, thân, thế giới nhất thời nhanh chóng thoát lìa, chúng nhập Đại Quang Minh Tạng, Nhất Chân pháp giới lặng trong thường trụ, mới biết chính mình và A Di Đà Phật vốn chẳng hai, Sa Bà và Cực Lạc cũng chẳng khác! Muốn thấy A Di Đà Phật, liền có thể thấy, muốn sanh về Tịnh Độ liền được vãng sanh, vui sướng chi bằng? Tự tại chi bằng? Thẳng cho đến khi lâm chung, chỉ có quang minh của đức Di Đà và Tây Phương thánh cảnh hiện rành rành trước mắt, mặc sức tự nhiên, thượng phẩm thượng sanh, mau chóng đến liên trì, há có trở ngại gì?

Thiên Thai Tông có vị cư sĩ là Trần Quán đã viết bài Quán Tâm Di Ký Ca như sau: *“Tâm không tức thái không, hoát nhiên vô khả xúc. Nhất Chân pháp giới trung, linh chiếu thường an trụ”* (Tâm không tức hư không, rỗng rang chẳng thể chạm. Trong Nhất Chân pháp giới, linh chiếu thường an trụ). Ý cảnh niệm Phật của chúng ta cũng phải nên như thế. Trong cái tâm thanh tịnh *“buông xuống muôn duyên, chẳng vướng mắc mây may”*, dấy lên một câu danh hiệu A Di Đà Phật vô lượng quang minh rành rẽ phân minh, linh linh giác giác, chẳng tán loạn, mà cũng chẳng hôn trầm, ngay khi ấy, một bầu quang minh chiếu rạng ngời mười phương, chẳng có phân biệt. Đây là Phật danh, hay là Phật quang? Đây chính là quang minh của Phật, hay là quang minh của tự tâm? Chỉ cần biết tâm như hư không, Phật niệm liên tục, niệm nào cũng đều như thế, niệm nào cũng đều thành phiến, chẳng cầu nhất tâm mà tự đạt được nhất tâm. Nhị Tổ của Tịnh Độ Tông là Thiện Đạo đại sư, Ngũ Tổ là Thiều Khang đại sư, đều là những tấm gương *“đúng như quang minh trí tướng của đức Như Lai ấy, đúng như danh nghĩa ấy mà trì danh niệm Phật tương ứng”*.

(Chú) Vân hà vi “bất như thật tu hành, dĩ danh nghĩa bất tương ứng”? Vị bất tri Như Lai thị Thật Tướng thân, thị vị vật thân. Hựu hữu tam chủng bất tương ứng. Nhất giả, tín tâm bất thuần, nhược tồn, nhược vong cố. Nhị giả, tín tâm bất nhất, vô quyết định cố. Tam giả, tín tâm bất tương tục, dư niệm gián cố. Thử tam cú triển chuyển tương thành. Dĩ tín tâm bất thuần, cố vô quyết định. Vô quyết định cố, niệm bất tương tục. Diệc khả niệm bất tương tục, cố bất đắc

quyết định tín. Bất đắc quyết định tín, cố tâm bất thuần. Dữ thử tương vi, danh “như thật tu hành tương ứng”. Thị cố, Luận Chủ kiến ngôn: “Ngã nhất tâm”.

(註)云何為不如實修行，與名義不相應？謂不知如來是實相身，是為物身。又有三種不相應。一者，信心不淳，若存若亡故。二者，信心不一，無決定故。三者，信心不相續，餘念間故。此三句展轉相成。以信心不淳，故無決定。無決定故，念不相續。亦可念不相續，故不得決定信。不得決定信，故心不淳。與此相違，名如實修行相應。是故，論主建言：我一心。

(Chú: Như thế nào là chẳng như thật tu hành, chẳng tương ứng với danh nghĩa? Chính là vì chẳng biết Như Lai là thân Thật Tướng, là thân vì chúng sanh. Lại có ba thứ chẳng tương ứng: Một là tín tâm chẳng thuần, vì lúc còn, lúc mất. Hai là tín tâm chẳng chuyên nhất, do chẳng quyết định. Ba là tín tâm chẳng liên tục, do các niệm khác xen vào. Ba câu ấy lần lượt thành tựu lẫn nhau. Do tín tâm chẳng thuần, cho nên chẳng quyết định. Do chẳng quyết định, niệm chẳng liên tục. Cũng có thể là do niệm chẳng liên tục, cho nên chẳng đạt được lòng tin quyết định. Do chẳng đạt được lòng tin quyết định, cho nên tâm chẳng thuần. Trái nghịch những điều ấy thì gọi là “như thật tu hành tương ứng”. Vì thế, Luận Chủ mới nói: “Con nhất tâm”).

Thế nào là “chẳng như thật tu hành, chẳng tương ứng với danh nghĩa của A Di Đà Phật”? Nói theo Lý, niệm Phật mà chẳng biết A Di Đà Phật từ vô lượng kiếp trước, vốn là Pháp Thân (Thật Tướng Thân) thành Phật. Vì thế, tên là Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ, chỉ biết Hóa Thân Phật từ khi Ngài thành Phật đến nay đã trải qua mười kiếp; đức Phật được niệm chỉ là Hóa Thân Phật (Vị Vật Thân) do cha mẹ sanh ra, chẳng niệm Pháp Thân thanh tịnh chân thật của Phật và Báo Thân Phật trí huệ viên mãn. Đó gọi là “chẳng như thật, chẳng tương ứng”. Như trong phẩm Như Lai Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa có nói: “Ngã thật thành Phật dĩ lai, vô lượng vô biên bách thiên vạn ức na-do-tha kiếp” (Ta thật sự thành Phật cho đến nay là vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp). Đây là Pháp Thân (Thật Tướng Thân) Phật. “Ngã trí lực như thị, cứu tu nghiệp sở đắc, huệ quang chiếu vô lượng, thọ mạng vô số kiếp” (Trí lực của ta như thế đó là do nghiệp đã

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

tu từ lâu mà đạt được, huệ quang chiếu vô lượng, thọ mạng vô số kiếp). Đây chính là Báo Thân Phật. “*Ngã thiếu xuất gia, đắc vô thượng Bồ Đề*” (Ta xuất gia không lâu bèn đắc Vô Thượng Bồ Đề); đây là Hóa Thân Phật. Như kinh A Di Đà có nói: “*A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, u kim thập kiếp*” (A Di Đà Phật thành Phật cho đến nay đã là mười kiếp). Đây là nói theo Hóa Thân Phật. Giả sử niệm Phật, chỉ biết Hóa Thân của A Di Đà Phật, vậy là chẳng niệm chân Phật; như thế thì chẳng phải là như thật tu hành, chẳng tương ứng với danh nghĩa của Phật Di Đà. Nói theo Sự, hàng Bồ Tát tu hành Tịnh Độ Tông, nếu chẳng thể thành tựu tín tâm đối với Đại Thừa và pháp môn Tịnh Độ, hạng người ấy gọi là “*khinh mao Bồ Tát*” (hàng Bồ Tát như chiếc lông nhẹ), theo gió cuốn, trôi nổi thoát đàng Đông, thoát đàng Tây. Vậy là sẽ có ba thứ chẳng như thật tương ứng:

1) Tu hành mà tín tâm chẳng thuần hậu, kiên cố, lúc có, lúc không, hoặc còn, hoặc mất.

2) Tín tâm chẳng chuyên nhất, hoặc tin Đại Thừa, hoặc tin Tiểu Thừa. Hoặc tin pháp môn Tịnh Độ, hoặc tin theo những pháp môn khác, do chẳng có sự quyết định.

3) Tín tâm chẳng liên tục, vì khi niệm Phật bèn có những vọng tưởng khác xen tạp.

Ba câu ấy lần lượt thành tựu lẫn nhau. Tín tâm chẳng thuần hậu, kiên cố, cho nên chẳng quyết định. Do chẳng quyết định, nên chẳng liên tục. Do vì chẳng liên tục, cho nên chẳng có quyết định. Do không quyết định, nên chẳng thuần hậu, kiên cố.

Nói đơn giản, trọng yếu thì: Nếu chẳng thể nhất tâm chánh niệm, tín tâm thanh tịnh, nương theo năm niệm môn này mà tu hành, sẽ có ba thứ chẳng như thật, chẳng tương ứng! Nói ngược lại, nếu có thể nhất tâm chánh niệm, tín tâm thanh tịnh, nương theo năm niệm môn này tu hành thì gọi là “*như thật tu hành*”, tương ứng với danh nghĩa của A Di Đà Phật, tương ứng với pháp môn Tịnh Độ, tương ứng với hết thầy Đại Thừa Phật pháp.

Do vậy, vừa mở đầu, Luận Chủ bèn nói: “*Thế Tôn ngã nhất tâm (nhất tâm chánh niệm, tín tâm thanh tịnh), quy mạng tận thập phương, Vô Ngại Quang Như Lai. Nguyện sanh An Lạc quốc, ngã y Tu Đa La, chân thật công đức tướng, thuyết nguyện kệ tổng trì, dĩ Phật giáo tương ứng*” (Thế Tôn, con một lòng (nhất tâm chánh niệm, lòng tin thanh tịnh), quy mạng trọn mười phương, Vô Ngại Quang Như Lai, nguyện sanh cõi An Lạc. Con nương theo Khế Kinh, tướng công đức

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

chân thật, nói nguyện kệ tổng trì, tương ứng lời Phật dạy).

Nói quy nạp lại thì tiền đề để tu hành và thành tựu pháp môn Ngũ Niệm chính là “có tín tâm duy nhất chẳng hai hay không?” Ba kinh một luận của Tịnh Độ không gì đều chẳng nhằm làm cho chúng ta từ Văn Tư Huệ, phát khởi lòng tin sâu xa đối với pháp môn Tịnh Độ, tiến đến trì danh hay quán tưởng niệm Phật, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Đấy gọi là ba tư lương của Tịnh Độ. Do vậy, trong luận này, trong phần Trường Hàng nhằm giải thích ý nghĩa [của phần Kệ Tụng], vừa mở đầu, vị Luận Chủ bèn chỉ dạy chúng ta: Quán như thế nào? Sanh tín tâm như thế nào? Tín tâm trọn đủ, sẽ như thật tu hành, như thật tương ứng. Nếu chẳng có tín tâm, thì tu Ngũ Niệm Môn sẽ đều chẳng như thật, sẽ đều chẳng tương ứng.

Như Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận đã nói: “*Nghi thì hoa chẳng nở. Người tín tâm thanh tịnh, hoa nở liền thấy Phật*”. Như kinh Vô Lượng Thọ có nói: “*Nhược hữu chúng sanh, dĩ nghi hoặc tâm, tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc, bất liễu Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại Thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Ư thử chư trí, nghi hoặc bất tín, nhiên do tín tội phước, tu chư thiện bản, nguyện sanh kỳ quốc. Thử chư chúng sanh, sanh bỉ cung điện, thọ ngũ bách tuế, thường bất kiến Phật, bất văn kinh pháp, bất kiến Bồ Tát, Thanh Văn thánh chúng. Thị cố ư bỉ quốc độ, vị chi thai sanh. Nhược hữu chúng sanh, minh tín Phật trí, nãi chí thắng trí, tác chư công đức, tín tâm hồi hướng, thử chư chúng sanh, ư thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh... Thân tướng quang minh, trí huệ, công đức như chư Bồ Tát cụ túc thành tựu... Kỳ hữu Bồ Tát, sanh nghi hoặc giả, vi thất đại lợi. Thị cố ưng đương minh tín chư Phật vô thượng trí huệ*” (Nếu có chúng sanh do tâm nghi hoặc, tu các công đức, nguyện sanh về cõi kia, nhưng chẳng hiểu rõ Phật trí, trí chẳng thể nghĩ bàn, trí chẳng thể diễn tả, trí Đại Thừa rộng lớn, trí tối thượng thù thắng không gì sánh bằng được. Đối với các trí ấy, nghi hoặc chẳng tin, nhưng vẫn tin tội phước, tu các cội lành, nguyện sanh về cõi ấy. Các chúng sanh đó sanh trong cung điện của cõi ấy, thọ năm trăm năm, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy các vị Bồ Tát, Thanh Văn. Vì thế đối với quốc độ ấy, họ được gọi là “thai sanh”. Nếu có chúng sanh, tin hiểu rõ ràng Phật trí cho đến thắng trí, làm các công đức, tín tâm hồi hướng, những chúng sanh ấy sẽ tự nhiên hóa sanh trong hoa bảy báu... Thân tướng, quang minh, trí huệ, công đức thành tựu trọn đủ như các vị Bồ Tát... Có những Bồ Tát sanh lòng nghi hoặc thì đánh mất lợi ích to lớn.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Vì thế, hãy nên tin rõ trí huệ vô thượng của chư Phật).

Như kinh Đại Bảo Tích nói: *“Nhược tha phương chúng sanh, văn Vô Lượng Thọ Như Lai danh hiệu, nãi chí năng phát nhất niệm tịnh tín, hoan hỷ ái nhạo. Sở hữu thiện căn, hồi hướng nguyện sanh kỳ quốc giả, tùy nguyện vãng sanh, đắc Bất Thoái Chuyển”* (Nếu chúng sanh ở phương khác nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ Như Lai, cho đến có thể phát ra một niệm tịnh tín, hoan hỷ, ưa thích, tất cả thiện căn đều hồi hướng nguyện sanh về cõi ấy, sẽ thuận theo ý nguyện mà vãng sanh, đắc Bất Thoái Chuyển).

Lại như Thanh Lương quốc sư đời Đường, đã trả lời câu hỏi của Thuận Tông⁴⁷ hoàng đế: “Luân Quán⁴⁸ của các kinh liễu nghĩa từ đầu đến cuối là như thế nào?” Ngài đáp: *“Thứ nhất, biết rõ cảnh chẳng thể nghĩ bàn (Thật Tướng Thân, tự tánh thanh tịnh tâm), khiến cho tin hiểu, nghĩ nhớ. Thứ hai, thật sự phát tâm Bồ Đề, ngõ hầu dốc chí nơi cao thượng. Thứ ba là khéo an trụ trong Chỉ Quán, tu muôn hạnh để bổ trợ. Thứ tư là hồi hướng Bồ Đề, nhân quả viên mãn. Do bốn mối như trên, từ phàm cho đến thánh, từ đầu đến cuối đều rành rành”*.

Do vậy có thể biết, pháp môn Ngũ Niệm nói trong luận này, trước hết cũng là muốn cho [hành nhân] biết rõ cảnh chẳng thể nghĩ bàn, tức là A Di Đà Phật và quốc độ An Lạc đều là cảnh chân thật chẳng thể nghĩ bàn! Trì danh niệm Phật như thế, sẽ là tán thán Thật Tướng Thân của A Di Đà Phật. Do vậy, sẽ kiến lập tín tâm Đại Thừa và lòng tin thanh tịnh đối với pháp môn Tịnh Độ, phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Sau đây, dùng Tác Nguyện Môn để tu Chỉ, dùng Quán Sát Môn để

⁴⁷ Đường Thuận Tông tên thật là Lý Tụng. Ông là vị vua có thời gian trị vì ngắn nhất, chỉ có 184 ngày! Lý Tụng là con trai của Đường Đức Tông (Lý Quát), vốn là người khoan dung và nhân ái, biết chiêu hiền đãi sĩ, nhưng chẳng may bị đột quỵ (stroke) khi đang còn làm Thái Tử đến nỗi không nói được và cử động rất khó khăn. Tuy thời gian cầm quyền ngắn ngủi, ông đã tận lực cùng các đại thần như Vương Thúc Văn, Vi Chấp Nghị, Hàn Diệp, Liễu Tông Nguyên... mưu toan trừ khử những gã gian thần thời Đức Tông và tiêu trừ thế lực của bọn hoạn quan đang những loạn triều chính. Thế nhưng, do Vương Thúc Văn chuyên quyền, bất hòa với Vi Chấp Nghị, khiến cho bọn hoạn quan thừa cơ đắc thế, suất lãnh quân thần dâng sớ ép vua phải nhường ngôi cho thái tử Lý Thuần (tức Đường Hiến Tông).

⁴⁸ Luân Quán (論貫) theo ý nghĩa gốc chính thì là các trước tác về luân lý, nhưng nếu xét theo ý nghĩa thông dụng trong các bản chú sớ thì Luân Quán chính là phần Huyền Nghĩa (trương đương với Ngũ Trùng Huyền Nghĩa) nhằm giải thích biện định những ý nghĩa tổng cương như thể tướng, lực dụng, giáo tướng, tông chỉ v.v... của một bản kinh hay một bộ luận.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

tu Quán, thì là “*khéo an trụ nơi Chỉ Quán*”. Cuối cùng, dùng Hồi Hướng Môn để hồi hướng chúng sanh cùng chúng Vô Thượng Bồ Đề, nhân quả viên mãn. Đây chính là tâm yếu từ đầu đến cuối của bộ luận này và ba kinh Tịnh Độ, là tu hành pháp môn Bất Nhị.

Muốn thấy A Di Đà Phật, muốn sanh về Cực Lạc Tịnh Độ, muốn được thượng cầu hạ hóa, nhân quả viên mãn, thì đối với pháp môn Tịnh Độ, đối với tướng quang minh trí huệ của A Di Đà Phật, há còn nên nghi hoặc, chẳng sanh tín tâm ư? Vì thế, cần phải tin sâu chẳng nghi, lấy hết mạng làm hạn, cậy vào tín tâm chí thành chẳng ngưng dứt để làm định nghiệp cho pháp môn Ngũ Niệm. Dùng cái tâm hữu tướng, trọn đủ lòng yêu thích [Cực Lạc] và chán nhàm [Sa Bà], nương theo tâm vô tướng, lý quán tương ứng. Bậc thượng căn sẽ có thể thông đạt duyên khởi tánh Không, kẻ hạ căn cần phải học làm kẻ ngu si, thẳng thắn.

Tín tự (nhớ Phật, niệm Phật, sẽ nhất định thấy Phật), tín tha (bổn nguyện của đức Di Đà), tín nhân (pháp môn Ngũ Niệm), tín quả (vãng sanh thành Phật), tín Sự (y báo và chánh báo của Cực Lạc), tín Lý (tâm làm Phật, tâm là Phật), nhất là phải tin: Có sanh ắt có tử, mạng người vô thường, đường luân hồi nguy hiểm, thời gian ở trong nẻo khổ lâu dài, lời Phật chẳng hư vọng, thật sự có Tịnh Độ, nguyện sanh liền sanh. Hễ sanh bèn Bất Thoái, thành Phật trong một đời, pháp vốn duy tâm. Hoặc là dựa theo những điều đã nói trong quyển thứ nhất của Long Thư Tịnh Độ Văn để dấy khởi lòng tin đối với Tịnh Độ. Sanh lòng tin như thế, tu năm môn này, ắt sẽ được “*vạn người tu, vạn người đến*”. Nay tôi trích lục bài thơ Khuyến Tu Tịnh Độ của Tinh Am đại sư, tức vị Tổ thứ mười một của Tịnh Tông như sau:

*Hưu ngôn Cực Lạc khổ nan sanh,
Tài thuyết nan sanh thị chương môn,
Phật lực tự năng trừ nghiệp lực,
Tín căn đoan khả bạt nghi căn,
Thâm đào tư trái tàng vương phủ,
Hiện thọ quan hình ngộ thánh ân.
Tảo văn tương tòng khóa lương khí,
Thử sanh chung bất phụ Từ Tôn.
(Đừng kêu Cực Lạc khó sanh về,
“Khó sanh” vừa thốt, chương môn khai,*

(Chương môn có ba thứ: Một là ngờ nghiệp lực sâu nặng. Hai là ngờ phước lực mỏng ít. Ba là ngờ công phu tu hành cạn cợt. Có ba mỗi

*nghi ấy, sẽ chẳng thể vãng sanh)*⁴⁹.

Phật lực đương nhiên trừ nghiệp lực,

Tín căn chắc chắn đoạn nghi căn,

Nợ riêng ôm trốn trong vương phủ,

(“Nợ riêng” chính là oán nghiệp, “vương phủ” chính là Cực Lạc. Sanh về Cực Lạc bèn thoát khỏi oán nghiệp).

Đặc xá trong khi sắp tử hình,

(Đích thân nhờ Phật lực, cõi âm chẳng thể bắt giữ).

Sáng tối lương khô luôn sắp sẵn,

Đòi này trọn chẳng phụ Từ Tôn).

Các Tịnh Tông liên hữu, hãy nên suy đi nghĩ lại lời này! Lại hãy nên đọc quyển thứ hai của bộ Tây Quy Trục Chỉ trong An Sĩ Toàn Thư, đây là kim chỉ nam về các mối nghi vấn. Quyển thứ ba [trong bộ sách ấy] khơi gợi lòng tin, [giải đáp các] vấn nạn, sẽ có thể khiến cho quý vị đoạn nghi sanh tín.

(Chú) Vấn viết: Danh vi pháp chỉ, như chỉ chỉ nguyệt. Nhược xưng Phật danh hiệu, tiện đắc mãn nguyện giả, chỉ nguyệt chi chỉ ưng năng phá ám. Nhược chỉ nguyệt chi chỉ bất năng phá ám, xưng Phật danh hiệu, diệc hà năng mãn nguyện da? Đáp viết: Chư pháp vạn sai bất khả nhất khái! Hữu danh tức pháp, hữu danh dị pháp. Danh tức pháp giả, chư Phật, Bồ Tát danh hiệu, Bát Nhã Ba La Mật, cập Đà La Ni chương cú, cảm chú âm từ đẳng thị dã. Như cảm thũng từ vân: “Nhật xuất Đông phương, sạ xích, sạ hoàng” đẳng cú. Giả sử Đậu Hối hành cảm, bất quan nhật xuất, nhi thũng đắc sai. Diệc như hành sư đối trận, dẫn nhất thiết xỉ trung, tụng: “Lâm binh đầu giả, giai trần liệt tại tiền”. Hành tụng thử cứu tự, ngũ binh chi sở bất trúng, Bão Phác Tử vị chi yếu đạo giả dã. Hựu khổ chuyển cân giả, dĩ mộc qua đối hỏa, uất chi tắc dĩ. Phục hữu nhân dẫn hô mộc qua danh diệc dĩ, ngô thân đắc kỳ hiệu dã. Như tư cận sự, thế gian cộng tri, hưởng bất khả tư nghị cảnh giới giả hồ! Diệt Trừ được đồ cổ chi dụ, phục thị nhất sự. Thử dụ dĩ chương ư tiền, cố bất trúng dẫn. Hữu danh dị pháp giả, như chỉ chỉ nguyệt đẳng danh dã.

⁴⁹ Đây là những chú thích do người biên tập bộ Tịnh Độ Thi ghi vào và được pháp sư Tánh Phạm ghi kèm sau mỗi câu thơ tương ứng, chúng tôi đưa vào phần dịch nghĩa chứ không ghép sau nguyên văn của bài thơ để độc giả dễ đọc nguyên tác hơn.

(註)問曰：名為法指，如指指月。若稱佛名號，便得滿願者，指月之指應能破闇。若指月之指不能破闇，稱佛名號，亦何能滿願耶？答曰：諸法萬差不可一概，有名即法，有名異法。名即法者，諸佛菩薩名號，般若波羅蜜，及陀羅尼章句，禁呪音辭等是也。如禁腫辭云：日出東方，乍赤乍黃等句。假使酉亥行禁，不關日出，而腫得差。亦如行師對陣，但一切齒中，誦：臨兵闘者，皆陳列在前。行誦此九字，五兵之所不中，抱朴子謂之要道者也。又苦轉筋者，以木瓜對火，熨之則愈。復有人但呼木瓜名亦愈，吾身得其效也。如斯近事，世間共知，況不可思議境界者乎。滅除藥塗鼓之喻，復是一事。此喻已彰於前，故不重引。有名異法者，如指指月等名也。

(Chú: Hỏi: Danh là để chỉ pháp, như ngón tay chỉ mặt trăng. Nếu xưng danh hiệu Phật bèn được mãn nguyện thì lẽ ra ngón tay chỉ mặt trăng phải có thể trừ tối. Nếu ngón tay chỉ mặt trăng chẳng thể trừ tối tăm thì xưng danh hiệu Phật cũng làm sao có thể mãn nguyện cho được? Đáp: Các pháp sai khác muôn vàn, chẳng thể nói nhất loạt như nhau được! Có danh xưng chính là pháp, có danh xưng khác với pháp. “Danh chính là pháp” là như danh hiệu của chư Phật, Bồ Tát, Bát Nhã Ba La Mật, và các chương cú Đà La Ni, các âm thanh, từ ngữ thuộc về cấm chú v.v... Như lời chú để trị bệnh thũng là các câu như: “Mặt trời mọc từ phương Đông, chột đỏ, chột vàng...” Giả sử vào giờ Dậu hoặc giờ Hợi mà thực hành cấm chú ấy, chẳng liên quan gì đến mặt trời mọc, mà bệnh thũng vẫn khỏi.

Lại như xuất quân ra trận, chỉ dạy hết thầy [quan quân] tụng thâm qua kẻ rằng: “Lâm binh đấu giả giai trần liệt tại tiền” (Những kẻ ra trận chiến đấu đều xếp hàng trước mặt)⁵⁰. Tụng chín chữ ấy, năm thứ binh khí chẳng đâm trúng được. Bão Phác Tử⁵¹ nói đó là “đạo

⁵⁰ Đạo gia dùng bài chú này làm chú hộ thân (còn gọi là Lục Giáp Bí Chú) để đối phó với ma quỷ khi vào vùng hoang vu. Khi họ xướng mỗi chú đều phải có một loại thủ ấn tương ứng. Chẳng hạn như xướng chữ Lâm bèn kết ấn Độc Cô, xướng chữ Bình bèn kết ấn Đại Kim Cang Luân...

⁵¹ Bão Phác Tử là hiệu của Cát Hồng (283-343), sống vào đời Tấn. Ông từng ra làm quan, làm đến chức Phục Ba Tướng Quân, tước Quan Nội Hầu. Về sau, ông theo

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

trọng yếu” vậy. Lại nữa, khổ sở vì bị trặc gân, dùng đu đủ hơi lửa đem chườm thì sẽ hết. Lại có người chỉ gọi tên đu đủ thì cũng lành. Tôi đã đích thân cảm nhận sự công hiệu ấy. Những chuyện gần gũi trong thế gian như vậy, thế gian đều cùng biết, huống hồ cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ư? Thí dụ về chất thuốc Diệt Trừ đem bôi trống lại là một chuyện nữa. Thí dụ ấy đã được nói rõ trong phần trước, cho nên không trích dẫn lại nữa. Có danh khác với pháp thì là như danh xưng “ngón tay chỉ mặt trăng”).

Đoạn vấn đáp này nhằm giải trừ mọi nghi “xưng danh hiệu Phật có thể thỏa mãn hết thảy sở nguyện”. Lời hỏi như thế này: Lấy ngón tay chỉ mặt trăng làm thí dụ, ngón tay đã chẳng phải là mặt trăng, danh hiệu Phật giống như ngón tay, làm sao có công dụng thỏa nguyện cho được? Lời đáp như sau: Đối với các pháp, có sự bất đồng, có những danh xưng chính là pháp, có những danh xưng khác với pháp. Xưng danh hiệu Phật thì danh chính là pháp, cho nên có công dụng về pháp, chớ nên sanh nghi!

Trước hết, Ngài lấy Phật pháp để thuyết minh. Chẳng hạn như A Di Đà Phật là tiếng Phạn, dịch thành Vô Lượng Giác Giả, bao hàm [các ý nghĩa] vô lượng quang minh, thọ mạng, trí huệ, thần thông, công đức v.v... Đã là hết thảy vô lượng, cho nên có thể thỏa mãn nguyện cầu của chúng sanh. “*Quán Thế Âm Bồ Tát*” là như kinh Pháp Hoa đã nói: “*Quán Thế Âm Bồ Tát, dĩ hà nhân duyên danh Quán Thế Âm? Nhược hữu vô lượng chúng sanh, thọ chư khổ não, văn thị Quán Thế Âm Bồ Tát, nhất tâm xưng danh, Quán Thế Âm Bồ Tát tức thời quán kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát*” (Quán Thế Âm Bồ Tát do nhân duyên nào mà tên là Quán Thế Âm? Nếu có vô lượng chúng sanh chịu các nỗi khổ não, nghe nói đến vị Quán Thế Âm Bồ Tát này, bèn nhất tâm xưng danh, Quán Thế Âm Bồ Tát ngay lập tức quán âm thanh ấy [khiến cho] họ đều được giải thoát). Đây là nguyên do danh hiệu Quán Thế Âm có thể dẹp trừ hết thảy khổ nạn cho chúng sanh. Như Bát Nhã Ba La Mật cũng là tiếng Phạn, dịch thành “*trí huệ đáo bỉ ngạn*” [trong tiếng Hán]. Thuở đức Phật tại thế, Đế Thích và chư thiên giao chiến với A Tu La,

thứ sử Kê Hàm xuống Quảng Châu, giữ chức Tham Quân. Sau khi Kê Hàm bị hại, ông ẩn cư tại núi La Phù, tu đạo ở đây. Ông tôn Thái Thú Nam Hải là Bào Tịnh làm thầy, học tập luyện đan, lại cưới con gái Bào Tịnh là Bào Cô làm vợ. Ông trước tác bộ Bão Phác Tử nhằm trình bày triết thuyết của mình cũng như dạy các phép luyện đan.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

đức Phật dạy Đê Thích hãy sắc truyền chư thiên cùng tụng Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa, A Tu La ngay lập tức tan tác rút chạy. Phật giáo truyền nhập Trung Hoa chẳng lâu, Huyền Trang đại sư sang Ấn Độ thỉnh kinh, giữa đường bị thiếu nước, hoặc gặp ác thú, hoặc gặp giặc cướp, thường tụng Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, thì ngay lập tức có nước, thoát nạn. Những điều ấy đều là sự thật đích xác [chứng tỏ kinh điển và danh hiệu Phật] có thể mãn nguyện. Lại như Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Chương Cú, gọi tắt là chú Đại Bi, kiền thành tụng chú ấy, đích xác là có các thứ lực dụng trị bệnh, trừ ma, tiêu tai v.v... chẳng thể nghĩ bàn. Những chuyện linh cảm xưa nay rất nhiều.

Lại nêu ra mấy trường hợp trong dân gian Trung Hoa: Một là Cẩm Thũng Từ (chú trị bệnh thũng), bất luận sáng tối, chỉ cần đối trước người bệnh thũng, miệng tụng mấy câu “*nhật xuất Đông phương, sạ xích, sạ hoàng*” v.v... bệnh thũng bèn tiêu trừ. Hai là như xuất quân sắp giao chiến, lúc quân trận đối địch, mọi người trong miệng cùng tụng “*lâm binh đầu giả, giai trần liệt tại tiền*”. Tụng chín chữ ấy, năm loại binh khí chẳng thể đâm trúng. Theo Hán Thư ghi chép, “*ngũ binh*” là năm thứ binh khí tức mâu, kích, cung, kiếm, giáo. Trong sách Bão Phác Tử do Cát Hồng biên soạn vào đời Tấn, câu ấy được coi là đạo trọng yếu trong cách dụng binh. Ba là như người bị rút gân, đầu cổ chẳng thể chuyển động, cảm thấy đau khổ, hãy lấy trái đu đủ dùng lửa nướng cho nóng, áp vào chỗ bị rút gân, sẽ có thể trị lành. Hoặc có lúc chẳng tìm được đu đủ, chỉ gọi tên đu đủ, dùng khăn tay hơi nóng không ngừng xoa bóp chỗ bị rút gân thì cũng có thể trị lành.

Ngài Đàm Loan lấy chính mình làm chứng, nói chính Ngài đã đạt được hiệu quả như vậy. Những chuyện giống như vậy mọi người Hoa đều cùng hay biết, chẳng thể ngờ vực được! Huống chi xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật chính là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chỉ có Phật mới có thể biết công dụng vi diệu của Ngài. Như Dược Sư Như Lai Bổn Nguyện Công Đức Kinh có nói: “*Xưng niệm nhất Phật danh hiệu, tiện năng đắc như thị công đức lợi ích. Thử thị Phật sở hành xứ (cảnh giới)*” (Xưng niệm danh hiệu của một vị Phật bèn đạt được công đức lợi ích như thế đó. Đây chính là hành xứ (tức cảnh giới) của Phật vậy). Há có nên sanh nghi chẳng tin? Lời hỏi của ông, dùng ngón tay chỉ mặt trăng làm thí dụ, đây chính là danh khác với pháp! Ngón tay và mặt trăng căn bản là bất đồng, sẽ không có công dụng trừ tối hoặc mãn nguyện được, đó là lẽ đương nhiên!

2.2.2.2.2.2.3. Tác Nguyện Môn

(Luận) Vân hà tác nguyện? Tâm thường tác nguyện, nhất tâm chuyên niệm, tất cánh vãng sanh An Lạc quốc độ, dục như thật tu hành Xa Ma Tha cố.

(Chú) Dịch Xa Ma Tha viết Chỉ. Chỉ giả, chỉ tâm nhất xứ, bất tác ác dã. Thử dịch danh nãi bất quai đại ý, u nghĩa vị mãn. Hà dĩ ngôn chi? Như chỉ tâm tỵ đoan, diệc danh vi Chỉ. Bất Tịnh Quán chỉ tham, Từ Bi Quán chỉ sân, Nhân Duyên Quán chỉ si. Như thị đẳng diệc danh vi Chỉ. Như nhân tương hành bất hành, diệc danh vi Chỉ. Thị tri Chỉ ngữ phù mạn, bất chánh đắc Xa Ma Tha danh dã. Như xuân, chá, du, liễu, tuy giai danh mộc, nhược dẫn vân mộc, an đắc du, liễu da? Xa Ma Tha vân Chỉ giả, kim hữu tam nghĩa: Nhất giả, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Như Lai, nguyện sanh bỉ độ. Thử Như Lai danh hiệu, cập bỉ quốc độ danh hiệu, năng chỉ nhất thiết ác. Nhị giả, bỉ An Lạc độ, quá tam giới đạo. Nhược nhân sanh bỉ quốc, tự nhiên chỉ thân khẩu ý ác. Tam giả, A Di Đà Như Lai Chánh Giác trụ trì lực, tự nhiên chỉ cầu Thanh Văn, Bích Chi Phật tâm. Thử tam chủng Chỉ, tòng Như Lai như thật công đức sanh. Thị cố ngôn: “Dục như thật tu hành Xa Ma Tha cố”.

(論)云何作願？心常作願，一心專念，畢竟往生安樂國土，欲如實修行奢摩他故。

(註)譯奢摩他曰止。止者，止心一處，不作惡也。此譯名乃不乖大意，於義未滿。何以言之？如止心鼻端，亦名為止。不淨觀止貪，慈悲觀止瞋，因緣觀止癡。如是等亦名為止。如人將行不行，亦名為止。是知止語浮漫，不正得奢摩他名也。如椿柘榆柳，雖皆名木，若但云木，安得榆柳耶？奢摩他云止者，今有三義：一者，一心專念阿彌陀如來，願生彼土。此如來名號，及彼國土名號，能止一切惡。二者，彼安樂土，過三界道。若人生彼國，自然止身口意惡。三者，阿彌陀如來正覺住持力，自然止求聲聞辟支佛心。此三種止，從如來如實功德生。是故言：欲如實修行奢摩他故。

(Luận: “Tác nguyện” là như thế nào? Tâm thường phát nguyện,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

nhất tâm chuyên niệm, rớt ráo được sanh về quốc độ An Lạc vì muốn như thật tu hành Xa Ma Tha vậy.

***Chú:** Xa Ma Tha được dịch là Chi. “Chi” là lắng lòng tại một chỗ, chẳng làm ác. Dịch [chữ Xa Ma Tha] bằng danh từ này (Chi) thì chẳng trái nghịch ý nghĩa đại cương, nhưng nghĩa lý chưa trọn. Vì sao nói vậy? Như lắng tâm nơi chót mũi, cũng gọi là Chi. Bất Tịnh Quán ngưng dứt tham, Tỳ Bi Quán ngưng dứt sân, Nhân Duyên Quán ngưng dứt si. Những thứ như thế cũng gọi là Chi. Như người sắp đi mà chẳng đi thì cũng gọi là Chi. Do vậy biết rằng: Nói [Xa Ma Tha] là Chi thì quá mơ hồ, chẳng đạt được ý nghĩa chân chánh của từ ngữ Xa Ma Tha. Như xuân, chá, du, liễu tuy đều là tên các loài cây, nhưng nếu chỉ nói là “cây”, làm sao biết được nó là du hay liễu? Nay nói Xa Ma Tha là Chi, có ba nghĩa: Một là nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Như Lai, nguyện sanh về cõi ấy. Danh hiệu của đức Như Lai ấy và danh hiệu của quốc độ ấy có thể ngưng dứt hết thấy ác. Hai là cõi An Lạc ấy vượt xa tam giới đạo. Nếu ai sanh vào cõi ấy, tự nhiên sẽ ngưng dứt điều ác nơi thân, miệng, ý. Ba là do sức Chánh Giác trụ trì của A Di Đà Như Lai, tự nhiên ngưng dứt cái tâm cầu Thanh Văn và Bích Chi Phật. Ba loại Chi ấy sanh từ công đức chân thật của Như Lai; vì thế nói: “Vì muốn như thật tu hành Xa Ma Tha”).*

“Tác nguyện” là phát nguyện. Phát nguyện gì vậy? Phát ra nguyện tâm quyết định (lời chú giải dùng chữ “tất cánh” (rớt ráo) để diễn tả ý này) mong vãng sanh quốc độ An Lạc. Như thế nào thì sẽ có thể thành tựu viên mãn tâm nguyện ấy? Ất cần phải trong mười hai thời, đi, đứng, nằm, ngồi, thường xuyên phát nguyện, nhất tâm niệm Phật liên tục chẳng gián đoạn, chánh niệm phân minh, trước hết là thành tựu nhất tâm bất loạn nơi Sự, buộc cái tâm nơi danh hiệu Phật và nơi nguyện ước vãng sanh, chẳng để cho cái tâm tán loạn, vọng động. Đây là Chi, còn gọi là “hệ tâm nhất xứ” (buộc tâm vào một chỗ), tâm được an trụ. Đây gọi là “như thật tu hành Chi, có thể thành tựu viên mãn tâm nguyện”.

Ngài Đàm Loan lại còn phân biệt Chi theo cách nói thông thường và “như thật tu Chi” trong bộ luận này. Xa Ma Tha (Śamatha) là tiếng Phạn, dịch là Chi. Chữ này có nghĩa là “lắng lòng một chỗ, chẳng làm ác”. Tuy [dịch như vậy thì] chẳng trái nghịch ý nghĩa tổng quát Phật pháp, nhưng chẳng hoàn toàn khế hợp “tu Chi” được nói trong bộ luận này. Như Đạo gia lắng tâm nơi chót mũi, nhà Phật tu Ngũ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Đình Tâm, đều có thể gọi là Chỉ, nhưng đều chẳng phải là Chỉ được nói trong bộ luận này. Có thể biết một chữ Chỉ rất thông thường, tản mạn, chẳng thật sự diễn tả được ý nghĩa gốc của chữ Xa Ma Tha. Ví như cây Xuân (椿, Toon), cao ba bốn trượng, có thể dùng để chế tạo đồ đạc. Cây Du (榆, Elm) cao tới mười trượng, có thể dùng làm vật liệu xây cất. Hai loại cây ấy đều sanh trưởng tại vùng đất lạnh ở phương Bắc Trung Hoa. Cây Liễu (柳, Willow) tức là cây Tiểu Dương, gọi chung là Dương Liễu, thuộc loại gỗ mềm, dễ gãy. Cây Chá (柘, Cudrang) chính là cây dâu, lá nó dùng để nuôi tằm, gỗ nó có thể chế thành đàn Cầm hoặc đàn Sắt. Hai loại cây này đều mọc ở phương Nam Trung Hoa. Xuân, Chá, Du, Liễu tuy đều có thể gọi là gỗ, nhưng nếu chỉ gọi chúng là gỗ, sẽ chẳng biết Du và Liễu là vật gì! Cứ như vậy mà suy, Xa Ma Tha dịch là Chỉ sẽ giống như gọi “*Xuân, Liễu*” là gỗ, chẳng thể đạt được bản thể của Xuân hay Liễu! Luận này nói “*nư thật tu hành Xa Ma Tha*” có ba ý nghĩa căn bản, không giống với Chỉ như thường nói, chớ nên không biết! Những gì là ba?

1) Nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, nguyện sanh về cõi ấy. Niệm niệm liên tục như thế, chánh niệm phân minh, sẽ có thể đắc Chỉ, [tức là] có thể ngưng dứt cho đến đoạn trừ hết thủy ác.

2) Quốc độ An Lạc vượt xa tam giới trong thế gian này. Nếu sanh về cõi ấy, tự nhiên “*nghiệp tận, tình không*”, cùng nhập biển Đại Niết Bàn tịch diệt.

3) Do sức công đức bốn nguyện của A Di Đà Phật trụ trì, khiến cho những ai được vãng sanh sẽ đều thuộc vào Đại Thừa Chánh Định Tụ, rốt ráo là bậc Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát, tất nhiên sẽ ngưng dứt cái tâm cầu chứng Nhị Thừa.

Ba thứ hàm ý và lực dụng của Chỉ ấy hoàn toàn sanh khởi từ công đức như thật của A Di Đà Phật, mà cũng là được thành tựu bởi công đức như thật tu hành pháp môn Ngũ Niệm của người vãng sanh, trọn chẳng thể nói theo kiểu “*cá mè một lứa*” với các thứ Chỉ thông thường được! Vì thế nói: “*Dục như thật tu hành Xa Ma Tha cố*” (Vì muốn như thật tu hành Xa Ma Tha).

2.2.2.2.2.2.4. Quán Sát Môn

(Luận) Vân hà quán sát? Trí huệ quán sát, chánh niệm quán bỉ, dục như thật tu hành Tỳ Bà Xá Na cố. Bỉ quan sát hữu tam chủng. Hà đẳng tam chủng? Nhất giả, quán sát bỉ Phật quốc độ

trang nghiêm công đức. Nhị giả, quán sát A Di Đà Phật trang nghiêm công đức. Tam giả, quán sát bỉ chư Bồ Tát trang nghiêm công đức.

(Chú) Dịch Tỳ Bà Xá Na viết Quán. Dẫn phẩm ngôn Quán, nghĩa diệt vị mãn. Hà dĩ ngôn chi? Như quán thân vô thường, khổ, không, vô ngã, cửu tướng đẳng, giai danh vi Quán, diệt như thượng mộc danh, bất đắc xuân, chá dã. Tỳ Bà Xá Na vân Quán giả, diệt hữu nhị nghĩa: Nhất giả, tại thử tác tướng, quán bỉ tam chủng trang nghiêm công đức. Thử công đức như thật cố, tu hành giả diệt đắc như thật công đức. Như thật công đức giả, quyết định đắc sanh bỉ độ. Nhị giả, nhất đắc sanh bỉ Tịnh Độ, tức kiến A Di Đà Phật, vị chứng tịnh tâm Bồ Tát, tất cánh đắc chứng bình đẳng Pháp Thân, dữ tịnh tâm Bồ Tát, dữ thượng địa Bồ Tát, tất cánh đồng đắc tịch diệt bình đẳng. Thử cố ngôn: “Dục như thật tu hành Tỳ Bà Xá Na cố”. Tâm duyên kỳ sự, viết Quán. Quán tâm phân minh, viết Sát.

(論)云何觀察？智慧觀察，正念觀彼，欲如實修行毘婆舍那故。彼觀察有三種。何等三種？一者，觀察彼佛國土莊嚴功德。二者，觀察阿彌陀佛莊嚴功德。三者，觀察彼諸菩薩莊嚴功德。

(註)譯毘婆舍那曰觀。但汎言觀，義亦未滿。何以言之？如觀身無常苦空無我九相等，皆名為觀，亦如上木名，不得椿柘也。毘婆舍那云觀者，亦有二義：一者，在此作想，觀彼三種莊嚴功德。此功德如實故，修行者亦得如實功德。如實功德者，決定得生彼土。二者，一得生彼淨土，即見阿彌陀佛，未證淨心菩薩，畢竟得證平等法身，與淨心菩薩，與上地菩薩，畢竟同得寂滅平等。是故言：欲如實修行毘婆奢那故。心緣其事，曰觀。觀心分明，曰察。

(Luận: Quán sát như thế nào? Trí huệ quán sát, chánh niệm quán cõi ấy, vì muốn như thật tu hành Tỳ Bà Xá Na. Sự quán sát ấy có ba thứ. Những gì là ba thứ? Một là quán sát công đức trang nghiêm của cõi Phật ấy. Hai là quán sát công đức trang nghiêm của A Di Đà Phật. Ba là quán sát công đức trang nghiêm của các vị Bồ Tát ấy.

Chú: Tỳ Bà Xá Na dịch là Quán. Chỉ nói Quán chung chung thì

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

nghĩa cũng chưa viên mãn. Vì sao nói vậy? Như quán thân vô thường, khổ, không, vô ngã, chín phép quán tưởng v.v... đều gọi là Quán, thì cũng giống như các loài gỗ đã kể trên đây, [nếu chỉ gọi chung là gỗ], sẽ chẳng biết gỗ Xuân hay gỗ Chá là gì! Nói Tỳ Bà Xá Na là Quán, cũng có hai nghĩa: Một là quán tưởng ở nơi đây, quán ba thứ công đức trang nghiêm ấy. Do các công đức ấy như thật, người tu hành cũng sẽ đắc công đức như thật. “Công đức như thật” chính là quyết định được sanh về cõi ấy. Hai là hễ được sanh về cõi Tịnh Độ ấy, liền thấy A Di Đà Phật, hàng Bồ Tát chưa chứng tịnh tâm sẽ rất ráo chứng Pháp Thân bình đẳng, cùng với tịnh tâm Bồ Tát và bậc Bồ Tát thượng địa rất ráo cùng đạt được sự bình đẳng tịch diệt. Vì thế nói: “Do muốn như thật tu hành Tỳ Bà Xá Na”. Tâm duyên theo Sự là Quán, quán tâm phân minh là Sát).

Hai chữ Quán Sát hiểu theo cách dùng thông thường của mọi người chỉ là tán tâm phân biệt Sự Lý mà thôi. Tu Quán trong Phật pháp thì phải dùng trí huệ (Bát Nhã) để quán chiếu. Hơn nữa, trước khi tu Quán, trước hết cần phải đạt được chánh niệm (Chỉ), sau đấy khởi Quán. Nếu không, quán sát chẳng đạt hiệu quả; đâm ra đầu óc xây xập, hồi hộp, mất ngủ. Chuyện này có dụng ý tương đồng như sách Đại Học của Nho gia Trung Hoa đã nói: “Chỉ nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng lục” (Đã ngưng lặng rồi bèn có thể tĩnh, đã tĩnh rồi bèn có thể suy tưởng). Quán Huệ tuy sanh từ Chỉ, nhưng Thể và Dụng của nó không giống Chỉ. Thể và Dụng của Chỉ thì chỉ có thể ngưng lặng vọng niệm, còn Quán ắt phải dùng trí huệ làm Thể và Dụng, bao hàm các công năng “*phân biệt, suy tìm, chọn lựa dứt khoát*”. Do vậy, lời Luận viết là “*trí huệ quán sát, chánh niệm quán bi*” (trí huệ (chánh niệm) quán sát, chánh niệm quán những điều đó).

Chánh niệm là gì? Có thể buộc tâm vào một cảnh, chánh niệm, chánh tri, chẳng có vọng tưởng hay tạp niệm nào khác. Do vậy khiến cho nội tâm thanh tịnh, phiền não chẳng dậy lên, như nước bình lặng, tỏa ra ánh sáng (tướng trí huệ). Đây gọi là “*đắc chánh niệm*”. Quán sát là gì? Ngài Đàm Loan nói: “*Tâm duyên theo Sự là Quán, quán tâm phân minh là Sát*”. Đây là nói theo kiểu chung chung, thông tục, thuộc loại quán sát thông thường, như Tứ Niệm Xứ Quán, tức “*quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã*”. Hoặc như Cửu Tướng Quán: Thũng Trưởng Tướng (tướng xác chết trương phình), Thanh Ú Tướng (tướng xác chết xanh bầm), Nùng Huyết

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Tường (tường xác chết ứa máu, chảy mủ), Giáng Trấp Tường (tường xác chết tuôn dịch màu đỏ), Trùng Đạm Tường (tường giòi bọ đục khoét xác chết), Cân Triền Tường (tường xác chết rã thịt, các khớp xương chỉ còn dính lỏng lẻo với nhau do dây gân chằng néo), Cốt Tán Tường (tường xương vung vãi), Bạch Cốt Tường (tường xương trắng), và Thiêu Hôi Tường (tường đốt thành tro). Còn có Ngũ Đình Tâm Quán, Tứ Đế Quán, Thập Nhị Nhân Duyên Quán, Ngũ Trùng Duy Thức Quán, Nhất Chân Pháp Giới Quán, Nhất Tâm Tam Quán, Phế Nhị Bất Lập Nhất Trung Quán v.v... đều gọi chung là Quán, nhưng nội dung quán sai khác. Điều này cũng giống như thí dụ đã nêu trong đoạn trước, tức Xuân, Chá, Du, Liễu, nêu đều gọi chung là “gỗ”, sẽ trọn chẳng biết được Thê và Dụng sai khác giữa Xuân và Chá! Do vậy, lời Luận nói: “*Dục như thật tu hành Tỳ Bà Xá Na*” (Muốn như thật tu hành Tỳ Bà Xá Na). Tỳ Bà Xá Na (Vipásyanā) dịch là Quán, đó là gọi chung. Còn tu Quán nói trong Luận này thì có hai loại ý nghĩa đặc biệt như thật:

1) Một là người tu Quán quán tướng trong thế giới Sa Bà này, cảnh để quán chính là ba thứ công đức trang nghiêm, tức A Di Đà Phật, quốc độ, và hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới v.v... Những công đức trang nghiêm ấy đều có Sự và Lý chân thật như thế. Người tu Quán cũng đạt được lợi ích công đức chân thật như thế, chính là quyết định được sanh vào thế giới Cực Lạc, diện kiến A Di Đà Phật, và sẽ cùng các vị đại Bồ Tát nhóm họp một chỗ, hưởng thụ hết thảy sự vui sướng vi diệu trang nghiêm.

2) Mục đích tu Quán là nguyện sanh về cõi ấy; hễ nguyện sanh, bèn có thể sanh về. Hễ được vãng sanh, sẽ liền có thể “*hoa nở thấy Phật, ngộ Vô Sanh*”. Chưa chứng tịnh tâm ([tịnh tâm] tức là tự tánh thanh tịnh tâm mà chúng sanh và Phật đều bình đẳng, còn gọi là Pháp Thân) thì sẽ rất ráo chúng đắc (cổ đức nói: “*Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ*”) Pháp Thân mà chúng sanh và Phật bình đẳng, bằng với bậc Bồ Tát đẳng địa tịnh tâm vừa phá vô minh, vừa chứng Pháp Thân, mà ắt cũng có thể bằng với hàng thượng địa Bồ Tát từ Nhị Địa cho đến Thập Địa, rất ráo ắt đạt đến Nhất Sanh Bồ Xứ, cùng đắc Tịch Diệt Nhãn nơi Phật quả, bình đẳng chẳng sai biệt với chư Phật.

Có hai thứ công dụng thù thắng chân thật như thế thì mới là như thật tu hành Tỳ-bà-xá-na như luận này đã nói. Công đức là gì? “*Công*” là công dụng, hoặc lực dụng. “*Đức*” là thiện nhân, thiện quả. Dùng công sức hòng thành tựu thiện nhân, thiện quả, thì gọi là “*công đức*”.

Quán sát ba thứ trang nghiêm của cõi Phật ấy do đâu mà có, [sẽ thấy] không gì chẳng thành tựu từ thiện nhân, thiện quả vì diệu trang nghiêm do A Di Đà Phật đã tu tập, đều là bốn nguyện của A Di Đà Phật. Do vậy, kinh A Di Đà đã nói: “*Bỉ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm*” (Cõi Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế). Trong thế giới Cực Lạc, các thứ trang nghiêm vì diệu nơi chủ (Phật), bạn (Bồ Tát và đại chúng trời người), và cõi nước đều là tướng chân thật được thành tựu bởi bốn nguyện của A Di Đà Phật và do A Di Đà Phật đã tu tập vô lượng công đức. Phạm là Tịnh nghiệp hành nhân tu hành pháp môn ngũ niệm thì phải như thật quán sát. Đối với mười sáu phép Quán như Quán Kinh đã nói, cũng phải nên tu quán tướng như thế. Đây là chỗ hoàn toàn bất đồng so với các phép tu Quán thông thường.

2.2.2.2.2.2.5. Hồi Hướng Môn

(Luận) Vân hà hồi hướng? Bất xả nhất thiết khổ não chúng sanh, tâm thường tác nguyện, hồi hướng vi thủ, đắc thành tựu đại bi tâm cố.

(Chú) Hồi hướng hữu nhị chủng tướng: Nhất giả, vãng tướng. Nhị giả, hoàn tướng. Vãng tướng giả, dĩ kỹ công đức hồi thí nhất thiết chúng sanh, tác nguyện cộng vãng sanh bỉ A Di Đà Như Lai An Lạc Tịnh Độ. Hoàn tướng giả, sanh bỉ độ dĩ, đắc Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na phương tiện lực thành tựu, hồi nhập sanh tử trừ lâm, giáo hóa nhất thiết chúng sanh cộng hướng Phật đạo. Nhược vãng, nhược hoàn, giai vị bạt chúng sanh độ sanh tử hải. Thị cố ngôn: “Hồi hướng vi thủ, đắc thành tựu đại bi tâm cố”.

(論)云何迴向？不捨一切苦惱眾生，心常作願，迴向為首，得成就大悲心故。

(註)迴向有二種相：一者，往相。二者，還相。往相者，以己功德迴施一切眾生，作願共往生彼阿彌陀如來安樂淨土。還相者，生彼土已，得奢摩他，毘婆舍那方便力成就，迴入生死稠林，教化一切眾生共向佛道。若往，若還，皆為拔眾生渡生死海。是故言：迴向為首，得成就大悲心故。

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

(Luận: Hồi hướng là như thế nào? Chẳng bỏ hết thấy chúng sanh khổ não, tâm thường phát nguyện hồi hướng làm đầu, vì để được thành tựu tâm đại bi.

Chú: Hồi hướng có hai loại tướng: Một là vãng tướng (tướng đi). Hai là hoàn tướng (tướng trở lại). Vãng tướng là dùng công đức của chính mình thí cho hết thấy chúng sanh, phát nguyện cùng vãng sanh An Lạc Tịnh Độ của A Di Đà Như Lai. Hoàn tướng là đã sanh về cõi ấy rồi, đạt được sức phương tiện Xa-ma-tha và Tỳ-bà-xá-na thành tựu, trở vào rừng rậm sanh tử, giáo hóa hết thấy chúng sanh cùng hướng đến Phật đạo. Dù vãng hay hoàn, đều nhằm cứu bạt chúng sanh vượt thoát biển sanh tử. Vì thế nói: “Hồi hướng làm đầu vì để thành tựu tâm đại bi”).

Hồi Hướng Môn được nói trong bộ luận này cũng khác với các loại hồi hướng thông thường. Nói thông thường, hồi tự hướng tha (đem công đức của chính mình hồi hướng cho người khác), hồi nhân hướng quả (đem công đức do tu nhân hướng đến quả), hồi Sự hướng Lý (từ Sự mà hồi hướng hòng đạt được Lý), đều thuộc loại hồi hướng đơn hướng (tức hồi hướng một chiều), cũng chính là vãng tướng hồi hướng. Còn hồi hướng được nói trong luận này bao gồm hai loại: Một là vãng tướng, hai là hoàn tướng, tức là loại hồi hướng song hướng (hồi hướng hai chiều). Tịnh nghiệp hành nhân trước hết đã hiểu rõ cảnh chẳng thể nghĩ bàn (tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai biệt), phát Bồ Đề tâm, thành tựu Đại Thừa tín tâm. Vì thế, tu ngũ niệm môn đều có thể chẳng bỏ hết thấy chúng sanh đang ở trong khổ não. Dem công đức Tịnh nghiệp do chính mình đã tu, tâm tâm niệm niệm phát nguyện thí cho chúng sanh cùng sanh về Cực Lạc. Đồng thời lại phát nguyện: Đã sanh về Tịnh Độ, sẽ trở lại Sa Bà để phổ độ chúng sanh khổ não xuất ly biển khổ sanh tử. Hai thứ hồi hướng ấy đều là dùng cái tâm chẳng phân biệt để duyên theo hết thấy chúng sanh, bình đẳng, chẳng có cảnh để lấy hay bỏ. Do tâm và cảnh bình đẳng, chúng sanh và chư Phật bình đẳng, sanh tử và Niết Bàn bình đẳng, Sa Bà và Cực Lạc bình đẳng, tuy ưa thích [Cực Lạc] và chán nhàm [Sa Bà] trọn đủ, phát nguyện “*nhanh chóng lìa Sa Bà, sớm sanh về Tịnh Độ*”. Vãng sanh! Phải vãng sanh! Nhất định phải vãng sanh! Thế nhưng, đồng thời phát nguyện trở lại cứu độ chúng sanh. Phải trở lại! Đi rồi sẽ lập tức trở lại!

Bình đẳng hồi hướng đôi chiều như thế, sẽ thành tựu tâm đại bi. Như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã nói: “*Chư Phật Như Lai dĩ đại*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

bi tâm vì Thế cố, nhân u chúng sanh nhi khởi đại bi, nhân u đại bi, sanh Bồ Đề tâm. Nhân Bồ Đề tâm, thành Đẳng Chánh Giác... Dĩ u chúng sanh tâm bình đẳng cố, tắc năng thành tựu viên mãn đại bi” (Chư Phật Như Lai do dùng tâm đại bi làm Thế nên có thể khởi lòng đại bi đối với chúng sanh. Do vì đại bi mà sanh Bồ Đề tâm. Do Bồ Đề tâm mà thành Đẳng Chánh Giác... Do tâm bình đẳng đối với chúng sanh nên có thể thành tựu viên mãn đại bi). Như trong bài Đại Hội Hướng Văn có nói: *“Tán ly ngũ trược sanh Tịnh Độ, bất vì An Dưỡng nhập Sa Bà, thiện tri phương tiện độ chúng sanh, xảo bả trần lao vì Phật sự”* (Chóng lìa ngũ trược, sanh Tịnh Độ. Chẳng rời An Dưỡng nhập Sa Bà. Khéo biết phương tiện độ chúng sanh, khéo lầy trần lao làm Phật sự). Đây chính là dù vãng sanh hay trở lại, đều là chân thật hồi hướng, nhằm cứu chúng sanh vượt qua biển sanh tử, cũng chính là nguyên do của việc *“hồi hướng làm đầu, vì được thành tựu tâm đại bi”*. Do vậy có thể biết: Pháp môn Tịnh Độ đích xác là Đại Thừa Bồ Tát đạo, thấu trước, thông sau, xác thực là có thể đặt yên chúng sanh nơi vô thượng chánh chân Phật đạo.

Ngài Đàm Loan chú giải: Đã sanh về cõi ấy, do được thành tựu sức phương tiện của Chỉ Quán, bèn trở vào rừng rậm sanh tử, giáo hóa chúng sanh cùng hướng đến Phật đạo. Đây là do dựa theo những điều đã nói trong quyển Hạ của kinh Vô Lượng Thọ, tức phần kinh văn nói về công đức của các vị Bồ Tát trong cõi ấy: *“Cứu cánh Nhất Thừa, chí u bi ngạn, quyết đoạn si vọng, huệ do tâm xuất. Ư Phật giáo pháp, cai la vô ngoại. Trí huệ như đại hải, tam-muội như sơn vương, huệ quang minh tịnh, siêu du nhật nguyệt, thanh bạch chi pháp, cụ túc viên mãn... Nhân lực, duyên lực, ý lực, huệ lực, nguyện lực, phương tiện chi lực, thường lực, thiện lực, định lực, huệ lực, đa văn chi lực, Thí, Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiên Định, Trí Huệ chi lực, chánh niệm Chỉ Quán, chư thông minh lực, như pháp điều phục chư chúng sanh lực, như thị đẳng lực, nhất thiết cụ túc... viễn ly Thanh Văn, Duyên Giác chi địa”* (Rất rạo Nhất Thừa, đạt tới bờ kia, quyết đoạn lưới si, huệ sanh từ tâm. Đối với giáo pháp của Phật, trọn khắp không thừa sót gì. Trí huệ như biển cả, tam-muội như núi chúa, huệ quang sáng sạch, vượt xa mặt trời, mặt trăng. Pháp sáng sạch trọn đủ viên mãn... Nhân lực, duyên lực, ý lực, huệ lực, nguyện lực, phương tiện lực, thường lực, thiện lực, định lực, huệ lực, đa văn lực, Thí, Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiên Định, Trí Huệ lực, chánh niệm Chỉ Quán, các sức thần thông và tam minh, sức điều phục chúng sanh đúng pháp, các sức như thế, hết thảy đều trọn

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

đủ... xa lìa địa vị Thanh Văn và Duyên Giác). Cũng như phẩm Hóa Thành Dụ của kinh Pháp Hoa có nói: “*Nguyện dữ thử công đức, phổ cập u nhất thiết, ngã đẳng dữ chúng sanh, giai cộng thành Phật đạo*” (Nguyện đem công đức này, thí khắp cho hết thảy, chúng con và chúng sanh, đều cùng thành Phật đạo).

Hỡi Tịnh Tông liên hữu! Ất cần phải hồi hướng phát nguyện như thế, hãy ghi khắc đừng quên!

2.2.2.2.3. Quán Hạnh Thể Tướng

(Chú) Quán hạnh thể tướng giả, thử phần trung hữu nhị thể: Nhất giả, khí thể. Nhị giả, chúng sanh thể.

(註)觀察體相者，此分中有二體：一者，器體。二者，眾生體。

(Chú: Quán hạnh thể tướng: Trong phần này có hai thể: Một là khí thể. Hai là chúng sanh thể).

Từ đây trở đi là phần giải thích của luận này về đối tượng để Quán Sát Môn duyên theo. Ngài Đàm Loan đã lập riêng thành một khoa gọi là Quán Hạnh Thể Tướng. Trong khoa này, có hai loại đối tượng: Một là khí thể gian (ngài Đàm Loan dùng chữ Thể để chỉ “thể gian”), hai là chúng sanh thể gian (tức Chánh Giác thể gian).

2.2.2.2.3.1. Khí Thể

(Chú) Khí phần trung, hựu hữu tam chủng: Nhất giả, quốc độ thể tướng. Nhị giả, thị hiện tự lợi, lợi tha. Tam giả, nhập Đệ Nhất Nghĩa Đê.

(註)器分中，又有三重：一者，國土體相。二者，示現自利利他。三者，入第一義諦。

(Chú: Trong phần Khí Thể, lại có ba tầng: Một là thể tướng của quốc độ. Hai là thị hiện tự lợi lạc và lợi ích người khác. Ba là nhập Đệ Nhất Nghĩa Đê).

Trong khoa Quán Sát Khí Thể Gian, lại có ba tầng hàm nghĩa sai khác: Một là thể tướng của quốc độ (tức mười bảy thứ trang nghiêm), hai là nói rõ tất cả các món trang nghiêm nhằm thành tựu công đức tự

lợi, lợi tha, ba là quy hết thầy các thứ công đức trang nghiêm vào Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế.

2.2.2.2.3.1.1. Quán thể tướng của quốc độ ấy

(Chú) Quốc độ thể tướng giả.

(註) 國土體相者。

(Chú: Thể tướng của quốc độ).

2.2.2.2.3.1.1.1. Nêu chung sự chẳng thể nghĩ bàn

(Luận) Vân hà quán sát bỉ Phật quốc độ trang nghiêm công đức? Bỉ Phật quốc độ trang nghiêm công đức giả, thành tựu bất khả tư nghị lực cố, như bỉ ma-ni như ý bảo tánh, tương tự, tương đối pháp cố.

(Chú) Bất khả tư nghị lực giả, tổng chỉ bỉ Phật quốc độ thập thất chủng trang nghiêm công đức lực, bất khả đắc tư nghị dã.

(論) 云何觀察彼佛國土莊嚴功德? 彼佛國土莊嚴功德者, 成就不可思議力故, 如彼摩尼如意寶性, 相似相對法故。

(註) 不可思議力者, 總指彼佛國土十七種莊嚴功德力, 不可得思議也。

(Luận: Quán sát sự công đức trang nghiêm của cõi nước Phật ấy như thế nào? Công đức trang nghiêm của cõi Phật ấy là do thành tựu sức chẳng thể nghĩ bàn, như tánh chất của báu ma-ni như ý, vì là pháp tương tự, tương đối vậy.

Chú: “Sức chẳng thể nghĩ bàn” là chỉ chung sức công đức của mười bảy thứ trang nghiêm trong cõi Phật ấy đều chẳng thể nghĩ bàn).

Trong phần trước, Luận Chủ đã nêu chung lực dụng và đại ý của pháp môn ngũ niệm. Nay Ngài đặc biệt nêu ra tổng quát: Quốc độ An Lạc được thành tựu bởi sức bốn nguyện của A Di Đà Phật và danh hiệu A Di Đà Phật đều được trang nghiêm bởi sức công đức chẳng thể nghĩ bàn. Khi tu hành pháp môn ngũ niệm, phải như thật quán sát danh hiệu Di Đà chẳng thể nghĩ bàn, quốc độ chẳng thể nghĩ bàn, giống như tánh chất của báu ma-ni như ý trong cõi này, như ý tự tại, có thể thỏa mãn

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

nguyện cầu của hết thảy chúng sanh. Vì thế, chỉ cần một niệm hoặc mười niệm niệm Phật, nguyện vãng sanh bèn được vãng sanh. Đã vãng sanh, sẽ chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng những sự vui, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, thẳng cho đến khi thành Phật. Hãy nên biết chỗ khác biệt giữa Cự Lạc và Sa Bà: Cõi này (Sa Bà) được thành tựu bởi các nghiệp tạp nhiễm do chúng sanh cùng nhau tạo tác, cõi kia được thành tựu bởi sức công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật. Do đó, hết thảy sự trang nghiêm trong cõi ấy đều chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể dùng những sự lý có thể nghĩ bàn thông thường để khảo sát, suy lường, quán sát được!

(Chú) Chư kinh thống ngôn hữu ngũ chủng bất khả tư nghị: Nhất giả, chúng sanh đa thiếu bất khả tư nghị. Nhị giả, nghiệp lực bất khả tư nghị. Tam giả, long lực bất khả tư nghị. Tứ giả, Thiên Định lực bất khả tư nghị. Ngũ giả, Phật pháp lực bất khả tư nghị.

(註) 諸經統言有五種不可思議：一者，眾生多少不可思議。二者，業力不可思議。三者，龍力不可思議。四者，禪定力不可思議。五者，佛法力不可思議。

(Chú: Các kinh đều nói có năm thứ chẳng thể nghĩ bàn: Một là chúng sanh nhiều hay ít chẳng thể nghĩ bàn. Hai là nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn. Ba là sức rồng chẳng thể nghĩ bàn. Bốn là sức Thiên Định chẳng thể nghĩ bàn. Năm là sức của Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn).

Ngài Đàm Loan đã dựa theo điều được nói trong quyển thứ ba mươi của bộ Đại Trí Độ Luận: Có năm thứ chẳng thể nghĩ bàn như vừa dẫn trên đây. Trí Độ Luận lại nói: “*Tiểu Thừa pháp trung vô bất khả tư nghị sự, duy Đại Thừa pháp trung hữu*” (Trong pháp Tiểu Thừa chẳng có chuyện chẳng thể nghĩ bàn, chỉ trong pháp Đại Thừa mới có). Nói “*chẳng thể nghĩ bàn*” thì có hai loại: Một là lý Nhị Không, hai là chuyện thần kỳ. Phạm những gì có thể dùng ngôn ngữ hoặc tư tưởng để phân biệt phạm vi và giới hạn của nó thì đều gọi là “*khả tư nghị*” (có thể nghĩ bàn được). Chẳng thể dùng ngôn ngữ hoặc tư tưởng để hình dung hoặc biết rõ được thì gọi là “*bất khả tư nghị*”.

Có chuyện chẳng thể nghĩ bàn đối với phàm phu, nhưng là có thể nghĩ bàn đối với Nhị Thừa, như sức của loài rồng. Có chuyện là chẳng thể nghĩ bàn đối với Nhị Thừa, nhưng là có thể nghĩ bàn đối với Bồ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Tát, như súc Thiên Định. Có chuyện là chẳng thể nghĩ bàn đối với Bồ Tát, nhưng là chuyện có thể nghĩ bàn đối với Phật, như nghiệp lực, Phật pháp lực, và cảnh giới trong cõi Phật. Như kinh Pháp Hoa đã nói: “*Duy Phật dữ Phật nãi năng cứu tận chư pháp Thật Tướng, sở vị chư pháp như thị tướng, nãi chí như thị bốn mặt cứu cánh đấng*” (Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu tột cùng Thật Tướng của các pháp, tức là các pháp có tướng như thế cho đến gốc ngọn rốt ráo là như thế). Lại nói: “*Bất như tam giới, kiến ư tam giới, phi thật, phi hư, phi như, phi dị*” (Chẳng như tam giới mà thấy tam giới chẳng thật, chẳng hư, chẳng giống như, chẳng khác biệt). Tam giới đều thuộc về danh ngôn giả lập (tức là những danh tướng giả lập ra, không thật); vì thế, có thể nghĩ bàn. Cảnh giới sở hành nơi Phật trí thì chẳng thuộc vào danh ngôn (những sự tướng có thể diễn tả bằng tên gọi), thường nói là “*dứt bật ngôn ngữ, tâm hành xú diệt*”, cho đến Nhất Chân pháp giới hết thảy vô ngại. Vì thế, chẳng thể nghĩ bàn.

Xét theo sự giáo hóa suốt một đời của đức Phật Thích Ca để phân biệt thì:

1) Tạng Giáo là Sanh Diệt Tứ Đế có thể nghĩ bàn. Khổ là “sanh, trụ, dị, diệt”, bốn tướng đối đời. Tập thì chia thành tham, sân, si v.v... bốn tâm lưu chuyển. “Diệt” là diệt cái nhân trong tam giới, nhập cái quả Thiên Chân. Đạo là đối trị phân minh.

2) Thông Giáo là Vô Sanh Tứ Đế có thể nghĩ bàn. Biết rõ Khổ như huyễn, biết Hoặc vô tánh. Do là Không nên chẳng sanh. Do chẳng sanh nên chẳng bị diệt. Năng lẫn Sở đều là Không, chẳng có Đạo để có thể tu.

3) Biệt Giáo là Vô Lượng Tứ Đế chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh vô biên, mỗi người khổ sở khác biệt. Phiền não vô tận, khó thể nghĩ bàn. Pháp môn vô lượng, chỉ có Phật mới liễu đạt rốt ráo. Phật quả vô thượng, chín pháp giới chẳng thể chứng đắc.

4) Viên Giáo là Vô Tác Tứ Đế chẳng thể nghĩ bàn. Pháp nào cũng đều là Như, chúng sanh chính là Phật, phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn. Vạn pháp duy tâm, tâm tánh vốn thanh tịnh, không tu, không đắc.

Hỡi các vị thượng thiện nhân! Quý vị phải biết đức Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn và tứ giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên, đều vẫn là có thể nghĩ bàn. Chỉ có pháp môn Tịnh Độ và danh hiệu A Di Đà Phật là thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, trong kinh Di Đà, đức Phật đã dạy: “*Nhữ đấng đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị, nhất thiết chư*

Phật sở hộ niệm kinh” (Các ông hãy nên tin tưởng kinh ca ngợi chẳng thể nghĩ bàn được hết thấy chư Phật hộ niệm này). Nếu chẳng tin lời Phật, còn nói gì được nữa?

(Chú) Thứ trung Phật độ bất khả tư nghị hữu nhị chủng lực: Nhất giả, nghiệp lực, vị Pháp Tạng Bồ Tát xuất thế thiện căn đại nguyện nghiệp lực sở thành. Nhị giả, Chánh Giác A Di Đà pháp vương, thiện trụ trì lực sở nhiếp. Thứ bất khả tư nghị, như hạ thập thất chủng, nhất nhất tướng giai bất khả tư nghị, chí văn đương thích.

(註)此中佛土不可思議有二種力：一者，業力，謂法藏菩薩出世善根大願業力所成。二者，正覺阿彌陀法王，善住持力所攝。此不可思議，如下十七種，一一相皆不可思議，至文當釋。

(Chú: Trong ấy, cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn có hai loại lực: Một là nghiệp lực, tức là [cõi Cực Lạc] được thành tựu bởi thiện căn đại nguyện nghiệp lực xuất thế của Pháp Tạng Bồ Tát. Hai là được nhiếp thọ bởi sức khéo trụ trì của đấng pháp vương Chánh Giác A Di Đà. Những sự chẳng thể nghĩ bàn ấy như mười bảy thứ [sẽ nói] dưới đây, mỗi tướng đều là chẳng thể nghĩ bàn. Đến phần luận văn nói về từng tướng ấy, tôi sẽ giải thích).

Sở dĩ quốc độ An Lạc chẳng thể nghĩ bàn là do A Di Đà Phật mà có:

1) Một là các chúng tử mới sanh do được trí huân tập, tức là những điều chẳng thể nghĩ bàn được thành tựu bởi nghiệp lực. Đây là nói khi A Di Đà Phật tu nhân, đã dùng trí huệ Bát Nhã xuất thế phát ra bốn mươi tám đại nguyện, nương theo nguyện mà tu hành, huân tập hết thấy thiện căn công đức xuất thế, thành tựu cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh.

2) Hai là chúng tử vốn sẵn vô lậu thanh tịnh được hiển lộ, phát khởi bởi Chánh Giác A Di Đà Phật, vốn sẵn có hết thấy các công năng chẳng thể nghĩ bàn, nhiếp thủ y báo và chánh báo trang nghiêm thanh tịnh, khéo trụ trì ba thứ thế gian (quốc độ, chánh giác, và hữu tình), mỗi thứ đều chẳng thể nghĩ bàn. Chúng tử được huân tập bởi trí là mới sanh ra. Chúng tử vốn sẵn thanh tịnh thì vốn sẵn có. Cái vốn sẵn có là nhân, cái mới sanh ra là duyên. Do nhân duyên hòa hợp, cho nên y báo và

chánh báo trong cõi Cực Lạc có các thứ trang nghiêm thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn!

(Chú) Như bử ma-ni như ý bảo tánh, tương tự, tương đối giả, tá bử ma-ni như ý bảo tánh, thị An Lạc Phật độ bất khả tư nghị tánh dã. Chư Phật nhập Niết Bàn thời, dĩ phương tiện lực, lưu toái thân xá-lợi, dĩ phước chúng sanh. Chúng sanh phước tận, thử xá-lợi biến vi ma-ni như ý bảo châu. Thử châu đa tại đại hải trung, đại long vương dĩ vi thủ sức. Nhược Chuyển Luân thánh vương xuất thế, dĩ từ bi phương tiện, năng đắc thử châu, ư Diêm Phù Đề tác đại nhiều ích. Nhược tu y phục, ẩm thực, đặng minh, nhạc cụ, tùy ý sở dục chủng chủng vật thời, vương tiện khiết trai, trí châu ư trường can đầu, phát nguyện ngôn: “Nhược ngã thật thị Chuyển Luân vương giả, nguyện bảo châu vũ như thử chi vật. Nhược biến nhất lý, nhược thập lý, nhược bách lý, tùy ngã tâm nguyện”. Nhĩ thời, tức tiện ư hư không trung, vũ chủng chủng vật, giai xứng sở tu, mãn túc thiên hạ nhất thiết nhân nguyện. Dĩ thử bảo tánh lực cố, bử An Lạc Phật độ diệc như thị, dĩ an lạc tánh, chủng chủng thành tựu cố.

(註)如彼摩尼如意寶性，相似相對者，借彼摩尼如意寶性，示安樂佛土不可思議性也。諸佛入涅槃時，以方便力，留碎身舍利，以福眾生。眾生福盡，此舍利變為摩尼如意寶珠。此珠多在大海中，大龍王以為首飾。若轉輪聖王出世，以慈悲方便，能得此珠，於閻浮提作大饒益。若須衣服飲食燈明樂具，隨意所欲種種物時，王便潔齋，置珠於長竿頭，發願言：若我實是轉輪王者，願寶珠雨如此之物。若遍一里，若十里，若百里，隨我心願。爾時，即便於虛空中，雨種種物，皆稱所須滿足天下一切人願。以此寶性力故，彼安樂佛土亦如是，以安樂性種種成就故。

(Chú): “Như tánh chất của báu ma-ni như ý, tương tự, tương đối”: Mượn tánh chất của báu ma-ni như ý để chỉ bày tánh chất chẳng thể nghĩ bàn của cõi Phật An Lạc. Khi chư Phật nhập Niết Bàn, [các Ngài] dùng sức phương tiện, lưu lại thân đã nát thành các viên xá-lợi để tạo phước cho chúng sanh. Khi chúng sanh đã hết phước, xá-lợi ấy liền biến thành ma-ni như ý bảo châu. Châu ấy phần lớn ở trong biển cả, đại long vương dùng làm vật trang sức trên đầu. Nếu Chuyển Luân

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

thánh vương xuất thế, do phương tiện từ bi, sẽ có thể đạt được châu ấy, tạo lợi ích to lớn trong cõi Diêm Phù Đề. Nếu có lúc cần đến y phục, thức ăn, đèn sáng, nhạc cụ, các món vật tùy lòng mong muốn, nhà vua bèn thanh khiết, trì trai, đặt viên châu trên đầu sào dài, phát nguyện rằng: “Nếu tôi thật sự là Chuyển Luân vương, nguyện bảo châu hãy tuôn ra các vật như thế, hoặc là trọn khắp một dặm, hoặc mười dặm, hoặc trăm dặm, tùy theo tâm nguyện của tôi”. Lúc bấy giờ, bảo châu liền ở trong hư không tuôn các thứ vật, đều tương xứng với sự cần dùng, thỏa mãn ước nguyện của hết thảy mọi người trong thiên hạ. Do tánh lực của bảo châu ấy [mà được như vậy], cõi Phật An Lạc cũng giống như thế, nó được thành tựu đủ các thứ là do đặc tánh an lạc vậy).

Trong đoạn văn này, ngài Đàm Loan đã giải thích câu “*như bỉ ma-ni như ý bảo tánh, tương tự, tương đối pháp cố*” trong lời Luận. Ngài nói: [Luận Chủ] đã mượn đặc tánh của ma-ni như ý bảo để sánh ví tánh chất “*hết thảy đều như ý chẳng thể nghĩ bàn*” của cõi Phật An Lạc. Hết thảy sự trang nghiêm trong cõi ấy đều thuộc vào cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh như thật quán sát bằng cách nào? Luận Chủ từ bi, đặc biệt nêu ra sự chẳng thể nghĩ bàn trong đặc tánh của như ý bảo châu trong cõi này để sánh ví sự chẳng thể nghĩ bàn trong cõi kia, khiến cho chúng sanh có thể từ sự tương tự mà liễu giải. Vì thế nói là “*tương tự tương đối pháp*” (cách so sánh tương tự tương đối).

Ma-ni (Maṇiratna) là tiếng Phạn, dịch nghĩa là Như Ý. Do cùng nêu danh xưng Hán và Phạn, nên nói là “*ma-ni như ý bảo tánh*”. Có hai thuyết về nhân duyên sanh khởi của loại châu này:

1) Một là như ngài Đàm Loan đã nói trên đây.

2) Theo thuyết thứ hai thì viên châu ấy do trái tim của Đại Bàng Kim Xí Điều (chim Garuda, tức Ca Lô La) tạo thành, bị long vương lấy được, chuyển giao cho Chuyển Luân Thánh Vương đặt trong búi tóc trên đỉnh đầu. Như trong phẩm An Lạc Hạnh của kinh Pháp Hoa đã chép: “*Tùy công thưởng tứ... duy kế trung minh châu bất dĩ dĩ chi. Sở dĩ giả hà? Độc vương đánh thượng hữu thủ nhất châu, nhược dĩ dĩ chi, vương chư quyền thuộc tất đại kinh quái*” (Tùy theo công lao mà ban thưởng... chỉ riêng viên minh châu trong búi tóc là không ban cho. Vì sao vậy? Chỉ riêng trên đỉnh đầu nhà vua là có viên châu ấy. Nếu vua đem thưởng, các quyền thuộc của vua sẽ đều hết sức kinh hãi, lạ lùng). Các bảo vật khác chẳng thể sánh bằng như ý bảo châu. Những bảo vật

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

khác đều có đặc tánh và phạm vi nhất định, còn đặc tánh của như ý bảo châu thì chẳng có phạm vi và hạn định. Thuận theo lòng mong mỏi của chúng sanh, nó có thể hiển hiện hết thảy các bảo vật. Vì thế, gọi là “*chẳng thể nghĩ bàn*”. Nhưng tánh chất của loại báu này là chỉ có chút phần tương tự đặc tánh thành tựu các thứ chẳng thể nghĩ bàn trong cõi Phật An Lạc, chẳng phải là hoàn toàn tương đồng tuyệt đối! Như cổ đức đã ngâm vịnh Tịnh Độ Thi có đoạn như sau:

*Mạc bả danh ngôn hướng ngoại tâm,
Tây Phương cảnh giới tôi cao thâm (bất khả tư nghị),
Chúng chúng bảo vật phi tha vật,
Nhất nhất ba thanh xuất tự tâm.*
(Danh ngôn chớ kiếm ở bên ngoài,
Cảnh giới Tây Phương tột thẳm sâu (chẳng thể nghĩ bàn),
Các món bảo vật nào sai khác,
Tiếng sóng đều phát từ tự tâm).

Lại như kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tâm như công họa sư, năng họa chư thế gian, Ngũ Uẩn tất tùng sanh, vô pháp nhi bất tạo. Nhược nhân tri tâm hạnh, phổ tạo chư thế gian, thị nhân tắc kiến Phật, liễu Phật chân thật tánh*” (Tâm như thợ vẽ khéo, hay vẽ các thế gian, năm uẩn sanh từ đó, không pháp nào chẳng tạo. Nếu ai biết tâm hạnh, tạo khắp các thế gian, người ấy sẽ thấy Phật, hiểu Phật chân thật tánh). Lại như Quán Kinh có nói: “*Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật, chư Phật Chánh Biến Tri hải tùng tâm tướng sanh*” (Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, biển Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tướng). Do vậy có thể biết: Hết thảy sự trang nghiêm trong quốc độ An Lạc sở dĩ chẳng thể nghĩ bàn, hoàn toàn là do tâm tánh thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn đầy khởi. Cho nên có thể như ý, tự tại, thanh tịnh, trang nghiêm, vui sướng. Đây là chẳng thể nghĩ bàn “*dứt bất đối đãi, chẳng thể so sánh*”. Đối với hết thảy sự vật và tất cả danh tướng trong quốc độ An Lạc, chúng ta đều chẳng thể coi chúng giống như sự vật và danh tướng trong cõi này được!

(Chú) Tương tự, tương đối giả, bỉ bảo châu lục, cầu y thực giả, năng vũ y thực đẳng vật, xứng câu giả ý, phi thị bất cầu. Bỉ Phật độ tắc bất nhiên, tánh mãn túc thành tựu cố, vô sở pháp thiếu. Phiến thủ bỉ tánh vi dụ, cố ngôn: “Tương tự, tương đối”. Hựu bỉ bảo dẫn năng dữ chúng sanh y thực đẳng nguyện, bất năng dữ chúng sanh vô thượng đạo nguyện. Hựu bỉ bảo dẫn năng dữ chúng sanh nhất

thân nguyện, bất năng dữ chúng sanh vô lượng thân nguyện. Hữu như thị đẳng vô lượng sai biệt, cổ ngôn: “Tương tự”.

(註)相似相對者，彼寶珠力求衣食者，能兩衣食等物，稱求者意，非是不求。彼佛土則不然，性滿足成就故，無所乏少。片取彼性為喻，故言：相似相對。又彼寶但能與眾生衣食等願，不能與眾生無上道願。又彼寶但能與眾生一身願，不能與眾生無量身願。有如是等無量差別，故言：相似。

(Chú: “Tương tự, tương đối”: Sức của bảo châu ấy là đối với kẻ cầu thức ăn, quần áo, bèn có thể tuôn ra các vật như quần áo, thức ăn v.v.. thỏa ý người cầu, chẳng phải là không cầu [mà tự nhiên tuôn ra]. Cõi Phật kia thì chẳng phải là như vậy, vì nó có tánh chất thành tựu trọn vẹn, [cho nên những vật cần dùng hoặc mong cầu đều] chẳng thiếu khuyết. Chỉ dùng phần nào đặc tánh [thỏa nguyện của bảo châu] để làm thí dụ [cho tánh thỏa nguyện viên mãn của cõi Cực Lạc], cho nên nói là “tương tự, tương đối”. Hơn nữa, chất báu ấy chỉ có thể cho chúng sanh được thỏa nguyện về quần áo, thức ăn v.v... Chẳng thể thỏa nguyện vô thượng đạo cho chúng sanh. Đã thế, vật báu (bảo châu) ấy chỉ có thể thỏa nguyện cho chúng sanh nơi một thân, chẳng thể thỏa nguyện của chúng sanh nơi vô lượng thân. Do có vô lượng sai biệt như vậy, nên nói là “tương tự”).

Ngài Đàm Loan ba lượt giải thích từ ngữ “tương tự, tương đối” trong lời luận.

1) Lần thứ nhất, nói theo phương diện không gian: Như ý bảo châu chỉ có thể mãn nguyện chúng sanh có nhu cầu mong muốn vật chất ngay trong lúc đó, còn cõi Phật kia do được thành tựu bởi bản tánh thỏa mãn như ý, cho nên chẳng cần phải nguyện cầu mà hết thảy đều hiển hiện, thành tựu. Nó chính là cái kho vô tận vậy. Giống như gió mát trên sông, trăng sáng nơi núi non, cũng như ánh sáng mặt trời, không khí, nước, không chỗ nào chẳng có, không thiếu khuyết, có thể lấy bất tận, sử dụng chẳng cạn kiệt. Sở dĩ lời Luận nói “*nhu bỉ ma-ni như ý bảo tánh*” (như tánh chất của báu ma-ni như ý kia) chính là từ trong sự vật khác mà “*phiến thủ*” (片取, lấy một phần) để sánh ví tánh như ý của quốc độ An Lạc. Vì thế nói là “*tương tự tương đối*” (so sánh tương tự).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

2) Lần thứ hai là dựa theo pháp xuất thế để nói. Báu Như Ý chỉ có thể thỏa mãn các ước mong thế gian của chúng sanh như cơm, áo v.v... chẳng thể ban tặng cho chúng sanh thành tựu Phật quả vô thượng xuất thế được, còn cõi ấy (Cực Lạc) thì có thể thỏa mãn đại nguyện Bồ Đề cho chúng sanh rốt ráo thành Phật. Vì thế nói là “*tương tự tương đối*”.

3) Lần thứ ba, dựa theo phương diện thời gian để nói. Báu như ý chỉ có thể thỏa mãn nguyện cầu của chúng sanh trong một thân nơi hiện đời, chẳng thể thỏa mãn nguyện cầu cho vô lượng thân trong đời đời kiếp kiếp. Còn cõi kia thì có thể thỏa mãn nguyện cầu của chúng sanh trong vô lượng thọ đến tận cùng đời vị lai. Lại có thể thỏa mãn nguyện tùy loại ứng hóa, hiện ra vô lượng thân để thực hiện Phật sự, giáo hóa chúng sanh, lại còn có những ước nguyện tự lợi lợi tha vô lượng sai khác nữa, cõi ấy đều có thể thỏa mãn lòng mong cầu của quý vị. Như phần Kệ tụng trong phần trước đã viết: “*Chúng sanh sở nguyện nhạo, nhất thiết năng mãn túc*” (Điều chúng sanh ưa thích, hết thảy đều thỏa mãn). Báu như ý chẳng thể có những chuyện này; vì thế, nói là pháp “*tương tự tương đối*” mà thôi!

2.2.2.2.3.1.1.2. Giải thích chi tiết mười bảy công đức

2.2.2.2.3.1.1.2.1. Nêu chung

(Luận) Quán sát bỉ Phật quốc độ trang nghiêm công đức thành tựu giả, hữu thập thất chủng ưng tri. Hà đẳng thập thất? Nhất giả, trang nghiêm thanh tịnh công đức thành tựu. Nhị giả, trang nghiêm lượng công đức thành tựu. Tam giả, trang nghiêm tánh công đức thành tựu. Tứ giả, trang nghiêm hình tướng công đức thành tựu. Ngũ giả, trang nghiêm chủng chủng sự công đức thành tựu. Lục giả, trang nghiêm diệu sắc công đức thành tựu. Thất giả, trang nghiêm xúc công đức thành tựu. Bát giả, trang nghiêm tam chủng công đức thành tựu. Cửu giả, trang nghiêm vũ công đức thành tựu. Thập giả, trang nghiêm quang minh công đức thành tựu. Thập nhất giả, trang nghiêm diệu thanh công đức thành tựu. Thập nhị giả, trang nghiêm chủ công đức thành tựu. Thập tam giả, trang nghiêm quyền thuộc công đức thành tựu. Thập tứ giả, trang nghiêm thọ dụng công đức thành tựu. Thập ngũ giả, trang nghiêm vô chur nạn công đức thành tựu. Thập lục giả, trang nghiêm đại nghĩa môn công đức thành tựu. Thập thất giả, trang nghiêm nhất thiết sở cầu mãn túc công đức

thành tựu.

(論)觀察彼佛國土莊嚴功德成就者，有十七種應知。何等十七？一者，莊嚴清淨功德成就。二者，莊嚴量功德成就。三者，莊嚴性功德成就。四者，莊嚴形相功德成就。五者，莊嚴種種事功德成就。六者，莊嚴妙色功德成就。七者，莊嚴觸功德成就。八者，莊嚴三種功德成就。九者，莊嚴兩功德成就。十者，莊嚴光明功德成就。十一者，莊嚴妙聲功德成就。十二者，莊嚴主功德成就。十三者，莊嚴眷屬功德成就。十四者，莊嚴受用功德成就。十五者，莊嚴無諸難功德成就。十六者，莊嚴大義門功德成就。十七者，莊嚴一切所求滿足功德成就。

(Luận: Quán sát sự trang nghiêm trong cõi Phật ấy được thành tựu bởi công đức thì có mười bảy thứ, hãy nên biết. Những gì là mười bảy? Một là trang nghiêm thanh tịnh công đức thành tựu. Hai là trang nghiêm lượng công đức thành tựu. Ba là trang nghiêm tánh công đức thành tựu. Bốn là trang nghiêm hình tướng công đức thành tựu. Năm là trang nghiêm các thứ sự công đức thành tựu. Sáu là trang nghiêm diệu sắc công đức thành tựu. Bảy là trang nghiêm xúc công đức thành tựu. Tám là trang nghiêm ba thứ công đức thành tựu. Chín là trang nghiêm vũ công đức thành tựu. Mười là trang nghiêm quang minh công đức thành tựu. Mười một là trang nghiêm diệu thanh công đức thành tựu. Mười hai là trang nghiêm chủ công đức thành tựu. Mười ba là trang nghiêm quyến thuộc công đức thành tựu. Mười bốn là trang nghiêm thọ dụng công đức thành tựu. Mười lăm là trang nghiêm không có các nạn công đức thành tựu. Mười sáu là trang nghiêm đại nghĩa môn công đức thành tựu. Mười bảy là trang nghiêm hết thảy những điều mong cầu đều được thỏa mãn công đức thành tựu).

2.2.2.2.3.1.1.2.2. Nói rõ riêng biệt từng điều

(Chú) Tiên cử chương môn, thứ tục đề thích.

(註)先舉章門，次續提釋。

Chú: Trước hết nêu ra từng chương, từng môn, sau đó sẽ tiếp tục giải thích theo từng đề mục).

Dưới đây, vị Luận Chủ sẽ phân biệt, nói rõ mười bảy thứ trang nghiêm được thành tựu bởi công đức. Đối với mỗi thứ đều là trước hết nêu ra danh xưng của khoa mục (lời chú giải gọi “*khoa mục*” là “*chương môn*”); sau đây, nêu rõ lời kệ đề giải thích. Ngài Đàm Loan đã thuyết minh đơn giản, trọng yếu: Mười bảy thứ ấy đều được thành tựu bởi công đức chẳng thể nghĩ bàn, cho nên được mười phương chư Phật đồng thời hộ niệm, cùng khen ngợi là “*chẳng thể nghĩ bàn*”.

2.2.2.2.3.1.1.2.2.1. Công đức thanh tịnh

(Luận) *Trang nghiêm thanh tịnh công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Quán bỉ thế giới tướng, thắng quá tam giới đạo” cố.*

(Chú) *Thử vân hà bất tư nghị? Hữu phạm phu nhân phiền não thành tựu, diệt đố sanh bỉ Tịnh Độ, tam giới hệ nghiệp, tất cánh bất khiên, tắc thị bất đoạn phiền não, đố Niết Bàn phần, yên khả tư nghị?*

(論)莊嚴清淨功德成就者，偈言：觀彼世界相，勝過三界道故。

(註)此云何不思議？有凡夫人煩惱成就，亦得生彼淨土，三界繫業，畢竟不牽，則是不斷煩惱，得涅槃分，焉可思議？

(Luận): *Sự trang nghiêm thanh tịnh được thành tựu bởi công đức là như kệ viết: “Quán tướng thế giới ấy, vượt xa đạo tam giới”.*

Chú: *Vì sao nói điều này là chẳng thể nghĩ bàn? Có kẻ phạm phu phiền não mà được thành tựu, cũng được sanh Tịnh Độ ấy, rốt ráo chẳng còn bị lôi kéo bởi nghiệp trói buộc trong tam giới, tức là chẳng đoạn phiền não mà có phần nơi Niết Bàn, há có thể nghĩ bàn ư?)*

Đạo được chia thành hai loại là hữu lậu và vô lậu. Chúng sanh do phiền não mà tạo nghiệp, do nghiệp bèn cảm báo, thường nói là “*Hoặc, nghiệp, khổ*”, giống như vòng lửa xoay, quay tròn chẳng ngừng thì gọi là “*hữu lậu đạo*”. Tam thừa đệ tử của đức Phật tu tập thiện căn công đức xuất thế, [công đức ấy] thanh tịnh vô lậu, có thể liễu sanh tử, thoát luân hồi, nên gọi là “*vô lậu đạo*”. A Di Đà Phật đã nương theo đạo vô lậu này mà phát nguyện tu hành, thành tựu thế giới Cực Lạc được trang nghiêm bởi công đức vô lậu để làm diệu pháp độ chúng sanh, giống

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

như chèo thuyền chở người, dùng thuyền làm diệu pháp để độ người khác. Đây là đạo vô lậu chẳng thể nghĩ bàn; vì thế nói là “*thắng quá tam giới đạo*”.

Hơn nữa, cõi Phật ấy chính là báo độ tinh diệu (tinh túy, nhiệm màu). Chúng sanh phàm phu có phiền não vốn chẳng thể sanh vào cõi ấy, nhưng do cậy vào sức nhiếp thọ từ bốn nguyện công đức của A Di Đà Phật mà cũng có thể vãng sanh. Phàm phu đã tạo nghiệp sanh tử, đáng bị trói buộc trong tam giới, nhưng rốt cuộc nghiệp ấy đã mất tác dụng lôi kéo phàm phu trụ trong tam giới. Từ ngay nơi nhiễm mà tịnh, chẳng đoạn phiền não mà đắc tam thừa Niết Bàn. Những điều này đều là lực dụng chẳng thể nghĩ bàn của Đại Thừa Viên Giác, thường nói là “*phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn*”, là cảnh chẳng thể nghĩ lường, chỉ có người chứng tịnh tâm mới biết, há có thể nghĩ bàn nổi ư?

2.2.2.2.3.1.1.2.2.2. Lượng công đức

(Luận) Trang nghiêm lượng công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Cứu cánh như hư không, quảng đại vô biên tế” cố.

(Chú) Thử vân hà bất tư nghị? Bỉ quốc nhân thiên, nhược ý dục cung điện, lâu, các, nhược quảng nhất do-tuần, nhược bách do-tuần, nhược thiên do-tuần, thiên gian, vạn gian, tùy tâm sở thành, nhân các như thử. Hựu thập phương thế giới chúng sanh nguyện vãng sanh giả, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh. Nhất thời, nhất nhật chi khoảnh, toán số sở bất năng tri kỳ đa thiểu, nhi bỉ thế giới thường nhược hư không, vô bách trách tướng. Bỉ trung chúng sanh trụ như thử lượng trung, chí nguyện quảng đại, diệc như hư không vô hữu hạn lượng. Bỉ quốc độ lượng, năng thành chúng sanh tâm hạnh lượng, hà khả tư nghị?

(論)莊嚴量功德成就者，偈言：究竟如虛空，廣大無邊際故。

(註)此云何不思議？彼國人天，若意欲宮殿樓閣，若廣一由旬，若百由旬，若千由旬，千間萬間，隨心所成，人各如此。又十方世界眾生願往生者，若已生，若今生，若當生。一時，一日之頃，算數所不能知其多少，而彼世界常若虛空，無迫迮相。彼中眾生住如此量中，志願廣

大，亦如虛空無有數量。彼國土量，能成眾生心行量，何可思議？

(Luận: Trang nghiêm lượng công đức thành tựu là như kệ nói: “Rốt ráo như hư không, rộng lớn không ngăn mé”.

Chú: Vì sao chuyện này là chẳng thể nghĩ bàn? Trời người trong cõi ấy nếu ý muốn cung, điện, lầu, gác, hoặc rộng một do-tuần, hoặc trăm do-tuần, hoặc ngàn do-tuần, ngàn gian, vạn gian, đều thuận theo tâm nguyện mà thành tựu, ai nấy đều như vậy. Lại nữa, mười phương thế giới chúng sanh nguyện sanh về [Cực Lạc], hoặc là đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, trong khoảng thời gian một thời, hoặc một ngày, dầu tính toán vẫn chẳng thể biết số lượng là bao nhiêu, nhưng thế giới ấy thường giống như hư không, chẳng có tướng chật hẹp. Chúng sanh trong cõi ấy do sống trong “lượng” như thế ấy, chí nguyện rộng lớn, cũng như hư không chẳng có hạn lượng. Phân lượng của quốc độ ấy có thể thành tựu cái lượng [rộng lớn] nơi tâm hạnh của chúng sanh, làm sao có thể nghĩ bàn cho được?)

Trong đoạn này có ba lần giải thích “*lượng bất khả tư nghì*”. Trước hết là nói đại chúng trời người trong thế giới An Lạc do đã đắc bản tâm thanh tịnh, đều là liên hoa hóa sanh, đều là tấm thân hư vô vi diệu, có bản thể thanh tịnh vô cực, cho nên đều có công dụng “*lượng bất khả tư nghì*”. Như tịnh tâm trọn khắp hết thấy mọi nơi, lia hết thấy các tướng, vô lượng, vô ngại, thuận theo tâm của chúng sanh để ứng với khả năng tiếp nhận của họ, mà hiện to, hiện nhỏ, hoặc nhiều, hoặc ít, vừa nghĩ tới liền có. Cung, điện, lầu, gác không gì chẳng xứng hợp tịnh tâm, có thể lớn hoặc nhỏ, thuận theo cái tâm mà thành. Ai nấy đều như thế, chẳng trở ngại lẫn nhau.

Kế đến nói: Trong cõi Phật ấy, thường như hư không, trong thời gian và không gian vô tận, tuy thường có vô lượng chúng sanh từ vô lượng thế giới đã sanh, nay sanh, sẽ sanh, chẳng cần biết là bao nhiêu [người vãng sanh Cực Lạc], nhưng thế giới An Lạc đều chẳng tăng, chẳng giảm, như hư không rộng lớn không có ngăn mé, chẳng có tướng tăng giảm, chẳng có tướng chật hẹp, chen chúc. Chẳng như quốc độ [Sa Bà] của chúng ta, dân số tăng thêm đôi chút, bèn xuất hiện vấn đề: Không gian chật chội, kiếm sống gian nan, thậm chí là hạn chế sanh nở, cưỡng bức phá thai, dẫn đến hành vi chẳng nhân đạo!

Cuối cùng nói: Chúng sanh trong cõi ấy, sống trong cảnh giới

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

quốc độ chẳng thể nghĩ bàn ấy, tâm cũng tự nhiên rộng mở bao la, thành tựu tâm hạnh Bồ Tát. Ai nấy đều phát Tứ Hoàng Thệ nguyện, tu hạnh Phổ Hiền, thành Phổ Hiền đức. Như quyển Hạ của kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Thường năng tu hành, kỳ đại bi giả, thâm viễn vi diệu, mỵ bất phú tái... do như đại phong, hành chư thế gian, vô chướng ngại cố.... Khoáng nhược hư không, đại từ đẳng cố*” (Thường có thể tu hành, lòng đại bi sâu xa vi diệu, không gì chẳng chở che... giống như gió lớn thổi qua các thế gian, chẳng bị chướng ngại... Rộng rãi dường hư không, do đại từ bình đẳng vậy).

Trong Pháp Hoa Kinh Giảng Nghĩa, nơi trang một ngàn một trăm sáu mươi tám, tôi có làm bài tụng như sau:

*Lục căn thanh tịnh bất hy kỳ,
Hoàn hữu Cực Lạc cánh thù thắng,
Tâm tánh bỗng lại vô cấu ngại,
Phàm tâm chuyển xử tức Phật tâm,
Ngũ chủng pháp sư trì kinh lục,
Tâm tịnh cố năng tịnh lục căn,
Nhược năng niệm Phật sanh Tịnh Độ,
Thử thức Di Đà nguyện cánh thâm.*

(Sáu căn thanh tịnh lạ lùng chi,
Cực Lạc thù thắng mới hy kỳ,
Tâm tánh vô cấu, vốn vô ngại,
Phàm tâm chuyển ngay thành Phật tâm,
Năm loại pháp sư trì kinh lục,
Tâm tịnh thường hay tịnh sáu căn,
Nếu siêng niệm Phật sanh Tịnh Độ,
Mới biết Di Đà nguyện càng sâu).

Đây chính là ý thú chân thật của việc cõi Phật ấy có thể thành tựu phân lượng [rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn] nơi tâm hạnh của chúng sanh.

2.2.2.2.3.1.1.2.2.3. Tánh công đức

(Luận) Trang nghiêm tánh công đức thành tựu giả, kệ ngôn:
“Chánh đạo đại từ bi, xuất thế thiện căn sanh” cố.

(Chú) Thử vân hà bất tư nghị? Thí như Ca La Cầu La trùng, kỳ hình vi tiểu, nhược đặc đại phong, thân như đại sơn, tùy phong đại tiểu, vi kỹ thân tướng. Sanh An Lạc chúng sanh, diệt phục như

thị. Sanh bỉ chánh đạo thế giới, tức thành tựu xuất thế thiện căn, nhập Chánh Định Tu, diệt như bỉ phong, phi thân nhi thân, yên khả tư nghị?

(論)莊嚴性功德成就者，偈言：正道大慈悲，出世善根生故。

(註)此云何不思議？譬如迦羅求羅蟲，其形微小，若得大風，身如大山，隨風大小，為己身相。生安樂眾生，亦復如是。生彼正道世界，即成就出世善根，入正定聚，亦如彼風，非身而身，焉可思議？

(Luận: Trang nghiêm tánh công đức thành tựu là như kệ nói: “Chánh đạo đại từ bi, thiện căn xuất thế sanh”.

Chú: Điều này vì sao là chẳng thể nghĩ bàn? Ví như con trùng Ca La Cầu La, thân hình bé tí, nếu có gió lớn, thân nó sẽ như quả núi lớn. Tùy theo gió lớn hay nhỏ để biến đổi thân tướng của chính mình. Chúng sanh sanh trong cõi An Lạc, cũng giống như thế. Sanh vào thế giới chánh đạo ấy, liền thành tựu thiện căn xuất thế, dự vào Chánh Định Tu, cũng giống như trận gió ấy, tuy chẳng phải là thân mà có tác dụng biến đổi thân, há có thể nghĩ bàn ư?)

“Tánh” có nghĩa là “nhân” (因, cái nhân) hoặc “giới” (界, giới hạn, khuôn khổ, phạm vi), như mười tám giới cũng có thể dịch thành “mười tám tánh”. Trong phần trước, đã có nói quốc độ An Lạc có tánh chất như báu ma-ni chẳng thể nghĩ bàn! Nay bèn dẫn lời Kệ “chánh đạo đại từ bi, xuất thế thiện căn sanh”, Bồ Đề chánh đạo và đại từ đại bi chính là thiện căn xuất thế chẳng thể nghĩ bàn, là cái nhân để thành tựu hết thấy sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong cõi ấy. Do vậy, thế giới An Lạc dù nhân hay quả, đều là thanh tịnh vô cấu chẳng thể nghĩ bàn. Tức là như Đại Trí Độ Luận quyển thứ bảy đã nói: “Con trùng Ca La Cầu La (Kalākula) thân nó bé tí, hễ gặp gió sẽ chuyển thành to, càng có gió, nó càng to, cho đến ăn nuốt hết thấy”.

Chúng sanh sống trong An Lạc Tịnh Độ chẳng thể nghĩ bàn cũng giống như thế. Do tâm Bồ Đề đại từ bi làm nhân, công đức vô lậu xuất thế làm duyên, nhân duyên hòa hợp, bèn sanh khởi cái thân hư vô vi diệu, bản thể thanh tịnh vô cực, là thân mà chẳng phải là thân, có thể lớn, có thể nhỏ, tâm bao trùm thái hư, lượng trọn khắp các cõi nhiều như cát, thân ấy cũng giống như vậy. Huống hồ người đã sanh về cõi

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

ấy, chẳng cần biết ba bậc hay chín phẩm, thấy đều được Phật lực trụ trì, liền dự vào Chánh Định Tự trong Đại Thừa. Chánh Định Tự chính là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát, như Thập Nghi Luận có nói:

“*Sanh vào Cực Lạc bèn có năm duyên bất thoái:*

- *Một là do được đại bi nguyện lực của Phật nhiếp trì nên bất thoái.*

- *Hai là do Phật quang thường chiếu, nên Bồ Đề tâm thường tăng tấn bất thoái.*

- *Ba là nước, chim, rừng cây, tiếng gió, âm nhạc đều nói diệu pháp. Người nghe thường khởi tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, cho nên bất thoái.*

- *Bốn là cõi ấy thuần là các Bồ Tát làm bạn lành, chẳng có cảnh duyên ác, ngoài thì không có thần quỷ, ma, tà đạo, trong thì các phiền não như Tam Độc v.v... rớt ráo chẳng dấy lên, cho nên bất thoái.*

- *Năm là sanh vào cõi ấy, liền có thọ mạng bao kiếp dài lâu, bằng với Phật, Bồ Tát, cho nên bất thoái”.*

Có các nhân duyên bất thoái chẳng thể nghĩ bàn như thế ấy, làm sao có thể nghĩ bàn cho được?

2.2.2.2.3.1.1.2.2.4. Hình tướng công đức

(Luận) *Trang nghiêm hình tướng công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Tịnh quang minh mãn túc, như kính, nhật nguyệt luân” cố.*

(Chú) *Thử vân hà bất tư nghị? Phù nhĩn nhục đắc đoan chánh, ngã tâm ảnh hưởng dã. Nhất đắc sanh bỉ, vô sân nhĩn chi thù, nhân thiên sắc tượng, bình đẳng diệu tuyệt, cái tịnh quang chi lực dã. Bỉ quang phi tâm hạnh, nhi vi tâm hạnh chi sự, yên khả tư nghị?*

(論)莊嚴形相功德成就者，偈言：淨光明滿足，如鏡日月輪故。

(註)此云何不思議？夫忍辱得端正，我心影響也。一得生彼，無瞋忍之殊，人天色像，平等妙絕，蓋淨光之力也。彼光非心行，而為心行之事，焉可思議？

(Luận: Trang nghiêm hình tướng công đức thành tựu là như kệ nói: “Quang minh sạch trọn đủ, như gương, vàng nhật nguyệt”.

Chú: Vì sao điều này là chẳng thể nghĩ bàn? Hễ nhĩn nhục sẽ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

được đoan chánh, do tâm ta ảnh hưởng vậy. Hễ sanh vào cõi ấy, sẽ không có sân hận hay nhẫn nhục khác biệt. Hình sắc của trời người đều bình đẳng đẹp đẽ tuyệt vời, đây là vì sức của quang minh thanh tịnh vậy. Quang minh ấy chẳng phải là tâm hạnh, mà là chuyện ảnh hưởng đến tâm hạnh, há có thể nghĩ bàn nổi ư?)

Hình sắc, tướng mạo chẳng thể nghĩ bàn. Đây là nói đến muôn vật trong thế giới Cực Lạc đều lấy quang minh thanh tịnh làm Thể. Quang minh ấy như quang minh của gương, mặt trời, mặt trăng, trọn khắp hết thấy mọi nơi, thanh lương, thoải mái, bình đẳng vi diệu, chẳng có sự sai khác giữa cái này và cái kia!

Thập Lai Kệ có nói: “*Đoan chánh là do nhẫn nhục mà ra*”. Nếu tâm có lòng từ nhẫn, hình tướng ắt đoan chánh, thường nói là “*tướng chuyển theo tâm*”. Thế nhưng, chúng sanh sanh vào Cực Lạc Tịnh Độ, chẳng có sân khuê hay từ nhẫn (từ bi, nhẫn nhục) khác biệt. Ai nấy đều bình đẳng, đều có ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Đây đều là do quang minh thanh tịnh làm Thể, nhưng quang minh ấy trọn chẳng phải là tâm, thế mà có thể làm chuyện ảnh hưởng đến tâm hạnh, khiến cho chúng sanh đều có hình tướng đoan chánh. Chuyện này đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

2.2.2.2.3.1.1.2.2.5. Công đức các thứ sự

(Luận) Trang nghiêm chủng chủng sự công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Bị chư trân bảo tánh, cụ túc diệu trang nghiêm” cố.

(Chú) Thử vân hà bất tư nghị? Bỉ chủng chủng sự, hoặc nhất bảo, thập bảo, bách thiên chủng bảo, tùy tâm xướng ý, vô bất cụ túc, nhược dục linh vô, thúc yên hóa một, tâm đắc tự tại, hữu du thân thông, an khả tư nghị?

(論)莊嚴種種事功德成就者，偈言：備諸珍寶性，具足妙莊嚴故。

(註)此云何不思議？彼種種事，或一寶，十寶，百千種寶，隨心稱意，無不具足，若欲令無，儻焉化沒，心得自在，有踰神通，安可思議？

(Luận: Trang nghiêm các thứ sự công đức thành tựu là như kệ nói: “Đủ tánh các trân bảo, đầy đủ diệu trang nghiêm”.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Chú: Vì sao điều này là chẳng thể nghĩ bàn? Các thứ sự ấy, hoặc là một thứ báu, mười thứ báu, trăm ngàn thứ báu, tùy tâm xứng ý, không gì chẳng trọn đủ. Nếu muốn cho chúng chẳng có nữa, thì chúng sẽ bỗng dưng biến mất, tâm được tự tại, vượt xa thân thông, làm sao có thể nghĩ bàn cho nổi?)

Tất cả muôn vật trong quốc độ An Lạc đều do trân bảo trang nghiêm, hoặc là một thứ báu, mười thứ báu, cho đến trăm ngàn vạn thứ báu, nên nói là “*chúng chúng*” (đủ mọi thứ). Cõi ấy trọn đủ các thứ báu, cho nên có thể trang nghiêm đủ mọi lẽ, thuận theo lòng muốn. Điều này đã là rất hiếm hoi, lạ lùng. Huống chi, nếu nghĩ chẳng cần những vật báu ấy, chúng nó bỗng nhiên biến mất. Ứng theo ý niệm mà có, thuận theo tâm chẳng còn, hết thảy như ý tự tại, vượt xa những chuyện được thực hiện bởi sáu phép thần thông. Chuyện chẳng thể nghĩ bàn này, phạm tình làm sao có thể dò lường được nổi!

2.2.2.2.3.1.1.2.2.6. Diệu sắc công đức

(Luận) Trang nghiêm diệu sắc công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “*Vô cấu quang diệu xí, minh tịnh diệu thế gian*” cổ.

(Chú) Thử vân hà bất tư nghị? Kỳ quang diệu sự, tắc ánh triệt biểu lý. Kỳ quang diệu tâm, tắc chung tận vô minh. Quang vi Phật sự, yên khả tư nghị?

(論)莊嚴妙色功德成就者，偈言：無垢光炎熾，明淨曜世間故。

(註)此云何不思議？其光曜事，則映徹表裏。其光曜心，則終盡無明。光為佛事，焉可思議？

(Luận: Trang nghiêm diệu sắc công đức thành tựu là như kệ nói: “*Vô cấu quang chói rực, sáng sạch rạng thế gian*”.

Chú: Vì sao chuyện này là chẳng thể nghĩ bàn? Quang minh ấy chiếu sáng sự vật liền soi thấu suốt trong lẫn ngoài. Quang minh ấy chiếu sáng cái tâm thì sẽ dứt trọn vô minh. Quang minh làm Phật sự, há có thể nghĩ bàn ư?)

“*Sắc*” thì có hình sắc và hiển sắc sai khác. Dài, ngắn, vuông, tròn thì gọi là “*hình sắc*” (形色). Xanh, vàng, đỏ, trắng thì gọi là “*hiển sắc*” (顯色). “*Công đức diệu sắc*” ở đây là nói đến hiển sắc, cũng chính

là nói đến quang minh thanh tịnh vô cầu. Quang minh sáng sạch trong cõi ấy hết sức rực rỡ, bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào cũng đều hiện hữu, chiếu soi rạng ngời muôn vật, muôn sự, có thể khiến cho quý vị thấy rõ ràng trong ngoài muôn vật, chẳng bị che giấu mảy may. Nếu nó chiếu soi cái tâm của con người, do sức công đức của quang minh ấy, sẽ khiến cho quý vị đoạn sạch hết thảy cấu ô vô minh phiền não. Loại quang minh vi diệu này có thể làm Phật sự, lợi ích các quần sanh, làm sao có thể nghĩ bàn được nổi?

2.2.2.2.3.1.1.2.2.7. Xúc công đức

(Luận) *Trang nghiêm xúc công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Bảo tánh công đức thảo, nhu nhuyễn tả hữu toàn, xúc giả sanh thẳng lạc, quá Ca Chiên Lô Đà” cố.*

(Chú) *Thử vân hà bất tư nghị? Phù bảo lệ kiên cường, nhi thử nhu nhuyễn, xúc lạc ưng trước, nhi thử tăng đạo. Sự đồng Ái Tác, hà khả tư nghị? Hữu Bồ Tát tự Ái Tác, hình dung đoan chánh, sanh nhân nhiễm trước. Kinh ngôn: “Nhiễm chi giả, hoặc sanh thiên thượng, hoặc phát Bồ Đề tâm”.*

(論)莊嚴觸功德成就者，偈言：寶性功德草，柔軟左右旋，觸者生勝樂，過迦旃隣陀故。

(註)此云何不思議？夫寶例堅強，而此柔軟，觸樂應著，而此增道。事同愛作，何可思議？有菩薩字愛作，形容端正，生人染著。經言：染之者，或生天上，或發菩提心。

(Luận: Trang nghiêm xúc công đức thành tựu là như kệ nói: “Cổ công đức tánh báu, mềm mại xoay trái phải, chạm vào vui thù thẳng, hơn Ca Chiên Lô Đà”.

Chú: Vì sao chuyện này là chẳng thể nghĩ bàn? Do chất báu thường là cứng cõi, nhưng chất báu ở đây lại mềm mại. Chạm vào cảm thấy vui sướng thì sẽ sanh lòng đắm nhiễm, nhưng [sự vui sướng do chạm vào các chất báu trong cõi Cực Lạc] lại tăng tấn đạo nghiệp. Chuyện này giống như ngài Ái Tác, làm sao có thể nghĩ bàn cho được? Tức là có một vị Bồ Tát tên là Ái Tác, hình dung đoan chánh, khiến cho người ta sanh lòng đắm nhiễm. Kinh nói: “Người đắm nhiễm [Ái Tác Bồ Tát] sẽ hoặc là sanh lên trời, hoặc là phát tâm Bồ Đề”).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Quốc độ An Lạc được thành tựu bởi các thứ công đức của A Di Đà Phật, cho nên có các thứ báu chẳng giống những thứ báu thông thường cứng ngắt, trơn trượt. Chúng nó mềm mại thích ý, có thể khiến cho ai chạm phải, sẽ sanh khởi niềm vui sướng thù thắng nhiệm mầu. Chúng sanh trong cõi này (Sa Bà), hễ gặp Lạc Thọ (cảm xúc vui sướng), tất nhiên sẽ sanh tâm tham ái lạc cảnh, lại còn chấp trước chẳng bỏ. Nhưng chúng sanh trong cõi kia, hễ có xúc lạc, liền có thể đoạn trừ phiền não, tăng trưởng công đức, thành tựu đạo nghiệp. Chuyện này làm sao có thể nghĩ bàn cho nổi?

Ngài Đàm Loan nói: Chuyện này giống như Ái Tác Bồ Tát, là bậc quốc sắc thiên hương, dung mạo đoan chánh, ai trông thấy sẽ đều sanh tâm tham ái, nhiễm đắm. Kinh dạy: Phạm những ai thân cận, tham ái [Ái Tác Bồ Tát], thì hoặc là sanh lên cõi trời, hoặc là phát tâm Bồ Đề. Đúng là mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được! Chuyện này giống như trong quyển sáu mươi tám của bộ Bát Thập Hoa Nghiêm đã nói: Trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài Đồng Tử, vị thiện tri thức thứ hai mươi lăm là một cô gái có tên là Bà Tu Mật Đa (Vasumitrā). Cô ta bảo Thiện Tài rằng: “*Ta đắc môn giải thoát của Bồ Tát có tên là Ly Tham Dục Tế, thuận theo lòng ham muốn, ưa thích [của chúng sanh] mà hiện thân. Nếu có chúng sanh tạm thời nắm tay ta, sẽ lìa tham dục, đắc Bồ Tát Biến Vãng Nhất Thiết Phật Sát tam-muội (tam muội đến trọn khắp hết thấy các cõi Phật của hàng Bồ Tát)... Nếu có chúng sanh ôm ấp ta, sẽ lìa tham dục, đắc Bồ Tát Nhiếp Nhất Thiết Chúng Sanh Hằng Bất Xả Ly tam-muội (tam-muội nhiếp thọ hết thấy chúng sanh thường chẳng lìa bỏ của hàng Bồ Tát). Nếu có chúng sanh hôn hít môi ta, sẽ lìa tham dục, đắc Bồ Tát Tăng Trưởng Nhất Thiết Chúng Sanh Phước Đức Tạng tam-muội. Phạm là có chúng sanh thân cận ta, hết thấy đều đắc Trụ Ly Tham Tế, nhập môn giải thoát Hết Thấy Trí Địa Hiện Tiền Vô Ngại của hàng Bồ Tát*”. Trong thế giới Cực Lạc, các thứ báu trang nghiêm sanh ra xúc lạc thù thắng, nhiệm mầu, cũng giống như thế đó, đều là nhập cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, há có thể nghĩ bàn được ư?

2.2.2.2.3.1.1.2.2.8. Ba thứ công đức

(Luận) Trang nghiêm tam chủng công đức thành tựu giả, hữu tam chủng sự ưng tri, hà đẳng tam chủng? Nhất giả, thủy. Nhị giả, địa. Tam giả, hư không.

(Chú) Thử tam chủng sở dĩ tịnh ngôn giả, dĩ đồng loại cố dã. Hà dĩ ngôn chi? Nhất giả, lục đại loại, sở vị: Hư không, thức, địa, thủy, hỏa, phong. Nhị giả, vô phân biệt loại, sở vị: Địa, thủy, hỏa, phong, hư không, dẫn ngôn tam loại giả, thức nhất đại thuộc chúng sanh thế gian cố, hỏa nhất đại bị trung vô cố. Tuy hữu phong, phong bất khả kiến cố, vô trụ xứ cố. Thị dĩ lục đại ngũ loại trung, thủ hữu nhi khả trang nghiêm, tam chủng tịnh ngôn chi.

(論) 莊嚴三種功德成就者，有三種事應知，何等三種？一者，水。二者，地。三者，虛空。

(註) 此三種所以并言者，以同類故也。何以言之？一者，六大類，所謂：虛空識地水火風。二者，無分別類，所謂：地水火風虛空，但言三類者，識一大屬眾生世間故，火一大彼中無故。雖有風，風不可見故，無住處故。是以六大五類中，取有而可莊嚴，三種并言之。

(Luận: Trang nghiêm ba thứ công đức thành tựu thì có ba thứ, ba thứ là gì? Một là nước. Hai là đất. Ba là hư không.

Chú: Sở dĩ cùng nói [gộp chung] ba thứ này là vì chúng cùng một loại. Vì sao nói như vậy? Một là cùng thuộc loại Lục Đại, tức là hư không, thức, địa, thủy, hỏa, phong. Hai là chúng đều thuộc loại chẳng phân biệt, tức là địa, thủy, hỏa, phong, hư không. Chỉ nói ba loại vì Thức Đại thuộc Chúng Sanh Thế Gian, còn Hỏa Đại thì trong cõi ấy chẳng có. Tuy có gió, nhưng do chẳng thể thấy, do gió chẳng có trụ xứ, [cho nên không nói đến]. Vì thế, trong năm loại thuộc Lục Đại, chọn lấy ba thứ có thể trang nghiêm để cùng nói).

Ngài Đàm Loan nói rõ trong quốc độ An Lạc, Lục Đại (địa, thủy, hỏa, phong, không, thức), có năm loại, tức địa, thủy, hỏa, phong, hư không đều thuộc về Sắc pháp vô phân biệt. Luận Chủ chỉ chọn lấy ba loại có thể trang nghiêm, tức là địa, thủy và hư không để nói gộp chung. Ngoài ra, Thức Đại thuộc về tâm pháp, Hỏa Đại thì trong thế giới Cực Lạc chẳng có. Hết thấy quang minh trong cõi ấy chẳng phải do Hỏa Đại phát ra, cho nên quang minh ấy thanh lương, dễ chịu, vừa ý. Nghĩ muốn ăn bèn có thức ăn, chẳng cần phải nấu cơm đốt củi. Vì thế không có Hỏa Đại. Phong Đại thì tuy có gió nhẹ, nhưng gió chẳng thể thấy, lại chẳng có trụ xứ. Thật ra, Phong Đại chính là tướng động của hư không mà thôi! Do vậy, Thức, Hỏa, Phong đều chẳng được kê

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

trong công đức trang nghiêm!

2.2.2.2.3.1.1.2.2.8.1. Nước

(Luận) Trang nghiêm thủy công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Bảo hoa thiên vạn chủng, di phú trì lưu tuyền, vi phong động hoa diệp, giao thác quang loạn chuyển” cổ.

(Chú) Thử vân hà bất tư nghị? Bỉ Tịnh Độ nhân thiên phi thủy cốc thân, hà tu thủy da? Thanh tịnh thành tựu, bất tu tẩy trạc, phục hà dụng thủy da? Bỉ trung vô tứ thời, thường điều thích bất phiên nhiệt, phục hà tu thủy da? Bất tu nhi hữu, đương hữu sở dĩ. Kinh ngôn: “Bỉ chư Bồ Tát cập Thanh Văn, nhược nhập bảo trì, ý dục linh thủy một tức, thủy tức một tức. Dục linh chí tất, thủy tức chí tất. Dục linh chí yêu, thủy tức chí yêu. Dục linh chí cảnh, thủy tức chí cảnh. Dục linh quán thân, tự nhiên quán thân. Dục linh hoàn phục, thủy triếp hoàn phục. Điều hòa lãnh noãn, tự nhiên tùy ý, khai thần duyệt thể, dăng trừ tâm cấu. Thanh minh trừng khiết, tịnh nhược vô hình. Bảo sa ánh triệt, vô thâm bất chiếu. Vi lan hồi lưu, chuyển tương quán chú, an tường từ thể, bất trì, bất tật. Ba dương vô lượng, tự nhiên diệu thanh, tùy kỳ sở ưng, mạc bất văn giả. Hoặc văn Phật thanh, hoặc văn Pháp thanh, hoặc văn Tăng thanh, hoặc văn tịch tĩnh thanh, không, vô ngã thanh, đại từ bi thanh, Ba La Mật thanh, hoặc văn Thập Lực, Vô Úy, bất cộng pháp thanh, chư thông huệ thanh, vô sở tác thanh, bất khởi diệt thanh, Vô Sanh Nhân thanh, nãi chí cam lộ quán đảnh, chúng diệu pháp thanh. Như thị đẳng thanh, xứng kỳ sở văn, hoan hỷ vô lượng. Tùy thuận thanh tịnh, ly dục tịch diệt, chân thật chi nghĩa, tùy thuận Tam Bảo lực, vô sở úy, bất cộng chi pháp, tùy thuận thông huệ Bồ Tát Thanh Văn sở hành chi đạo. Vô hữu tam đồ khổ nạn chi danh, đản hữu tự nhiên khoái lạc chi âm. Thị cố, kỳ quốc danh viết An Lạc”. Thử thủy vi Phật sự, an khả tư nghị?

(論)莊嚴水功德成就者，偈言：寶華千萬種，彌覆池流泉，微風動華葉，交錯光亂轉故。

(註)此云何不思議？彼淨土人天非水穀身，何須水耶？清淨成就，不須洗濯，復何用水耶？彼中無四時，常調適不煩熱，復何須水耶？不須而有，當有所以。經言：

彼諸菩薩及聲聞，若入寶池，意欲令水沒足，水即沒足。欲令至膝，水即至膝。欲令至腰，水即至腰。欲令至頸，水即至頸。欲令灌身，自然灌身。欲令還復，水輒還復。調和冷煖，自然隨意。開神悅體，蕩除心垢。清明激潔，淨若無形。寶沙映徹，無深不照。微瀾迴流，轉相灌注，安祥徐逝，不遲不疾。波揚無量，自然妙聲，隨其所應，莫不聞者。或聞佛聲，或聞法聲，或聞僧聲，或聞寂靜聲，空無我聲，大慈悲聲，波羅蜜聲，或聞十力無畏，不共法聲，諸通慧聲，無所作聲，不起滅聲，無生忍聲，乃至甘露灌頂，眾妙法聲。如是等聲，稱其所聞，歡喜無量。隨順清淨，離欲寂滅，真實之義，隨順三寶力，無所畏不共之法，隨順通慧菩薩聲聞所行之道。無有三塗苦難之名，但有自然快樂之音。是故，其國名曰安樂。此水為佛事，安可思議？

(Luận: Trang nghiêm thủy công đức thành tựu là như kệ nói: “Hoa báu ngàn muôn thứ, phủ rợp ao, suối chảy. Gió nhẹ lay cánh hoa, ánh sáng xen tạp chuyển”.

Chú: Vì sao chuyện này là chẳng thể nghĩ bàn? Trời người trong Tịnh Độ ấy chẳng phải là thân [được tăng trưởng và duy trì tánh mạng bằng] cơm nước, sao lại cần nước? Họ được thành tựu thanh tịnh, chẳng cần tắm rửa, lại còn cần dùng nước nữa ư? Trong cõi ấy chẳng có bốn mùa, [khí hậu] thường điều hòa, thích hợp, chẳng bị nóng bức, sao còn cần đến nước? Chẳng cần mà có, đương nhiên là có nguyên do. Kinh dạy: “Các vị Bồ Tát và Thanh Văn đó nếu vào ao báu, ý muốn nước ngập chân, nước liền ngập chân. Muốn nước ngập đến gối, nước liền ngập đến gối. Muốn nước ngập đến eo, nước liền ngập đến eo. Muốn nước ngập đến cổ, nước liền ngập đến cổ. Muốn nước xối thân, tự nhiên xối thân. Muốn nước trở lại như cũ, nước liền trở lại. Điều hòa lạnh ấm, tự nhiên tùy ý, tinh thần sáng suốt, thân thể sáng khoái, gột sạch cấu nhơ trong tâm. Nước trong, sáng, lắng sạch, thanh tịnh dường như vô hình. Cát báu chiếu rực, không chỗ nước sâu nào mà chẳng chiếu thấu. Sóng nhẹ lan tỏa thành vòng tròn, lần lượt tưới rớt, an tường thông thả chảy đi, chẳng chậm, chẳng nhanh. Sóng vỗ vang ra vô lượng âm thanh mâu nhiệm tự nhiên, thuận theo lẽ đáng nên,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

không ai chẳng được nghe. Hoặc là nghe tiếng Phật, hoặc là nghe tiếng Pháp, hoặc là nghe tiếng Tăng, hoặc nghe tiếng tịch tĩnh, tiếng không, vô ngã, tiếng đại từ bi, tiếng Ba La Mật, hoặc nghe tiếng Thập Lực, vô úy bất cộng pháp, tiếng các thông huệ. Tiếng vô sở tác, tiếng chẳng dấy lên diệt mất, tiếng Vô Sanh Nhân, cho đến các thứ tiếng diệu pháp cam lộ quán đảnh. Những tiếng như thế tương xứng với người nghe, khiến cho họ hoan hỷ vô lượng. Tùy thuận nghĩa thanh tịnh ly dục tịch diệt chân thật, tùy thuận Tam Bảo lực, các pháp vô sở úy, bất cộng, tùy thuận đạo được hành bởi bậc thông huệ Bồ Tát và Thanh Văn, chẳng có danh xưng tam đồ khổ nạn, chỉ có tiếng vui sướng tự nhiên. Vì thế, cõi ấy tên là An Lạc”. Nước ấy làm Phật sự, há có thể nghĩ bàn ư?)

Trước hết, ngài Đàm Loan nêu ra tình huống thật sự vốn chẳng cần có nước trong quốc độ An Lạc, chia ra làm ba đặc điểm để thuyết minh:

1) Đại chúng trời người trong cõi ấy đều là liên hoa hóa sanh, chẳng phải là thân thể Tứ Đại giả hợp do nhân duyên cha mẹ sanh ra. Vì thế, chẳng cần đến Thủy Đại.

2) Vạn vật trong cõi ấy, y báo và chánh báo đều thành tựu bản tánh thanh tịnh. Do vậy, chẳng cần dùng nước để gột rửa cấu uế.

3) Trong cõi An Lạc, chẳng có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, bốn mùa đều như mùa Xuân, khí hậu luôn điều hòa, chẳng lạnh, chẳng nóng. Vì thế, chẳng cần dùng nước để điều hòa nhiệt độ của không khí.

Đã chẳng cần thiết, nhưng khắp nơi vẫn có ao nước bảy báu đầy ắp nước tám công đức. Trong ấy, ắt có nguyên nhân đặc biệt. Nguyên nhân gì vậy? Ngài Đàm Loan đã trích dẫn một đoạn kinh văn từ bản dịch đời Ngụy của kinh Vô Lượng Thọ để chứng minh sự trang nghiêm của nước trong cõi Phật ấy, tức là hoàn toàn dùng nước để làm Phật sự tạo lợi ích cho chúng sanh. Chuyện này há có thể nghĩ bàn nổi ư? Trong Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Nghĩa, phần giảng về ao tám bảy báu, từ trang ba trăm năm mươi sáu cho đến trang ba trăm sáu mươi lăm, tôi đã có giải thích cặn kẽ, xin hãy tự tra duyệt, sẽ có thể hiểu rành rẽ ý nghĩa bao hàm trong đoạn kệ văn “*bảo hoa thiên vạn chủng, di phú trì lưu tuyên, vi phong động hoa diệp, giao thác quang loạn chuyển*” (hoa báu ngàn vạn thứ, che phủ ao, suối chảy, gió nhẹ lay cánh hoa, ánh sáng xen tạp chuyển) và diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn của

nước trong ao.

2.2.2.2.3.1.1.2.2.8.2. Đất

(Luận) Trang nghiêm địa công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Cung điện, chư lầu các, quán thập phương vô ngại, tạp thụ dị quang sắc, bảo lan biến vi nhiều” cố.

(Chú) Thử vân hà bất tư nghị? Bỉ chủng chủng sự, hoặc nhất bảo, thập bảo, bách bảo, vô lượng bảo, tùy tâm xướng ý, trang nghiêm cụ túc. Thử trang nghiêm sự, như tịnh minh kính, thập phương quốc độ tịnh uế chư tướng, thiện ác nghiệp duyên, nhất thiết tất hiện. Bỉ trung nhân thiên kiến tư sự cố, thám thang bất cập chi tình, tự nhiên thành tựu, diệc như chư đại Bồ Tát, dĩ chiếu pháp tánh đẳng bảo vi quan. Thử bảo quan trung, giai kiến chư Phật. Hựu liễu đạt nhất thiết chư pháp chi tánh. Hựu như Phật thuyết Pháp Hoa kinh thời, phóng mi gian quang, chiếu u Đông phương vạn bát thiên độ, giai như kim sắc, tòng A Tỳ ngục, thượng chí Hữu Đảnh, chư thế giới trung lục đạo chúng sanh, sanh tử sở thú, thiện ác nghiệp duyên, thọ báo hảo xú, u thử tất kiến, cái tư loại dã. Thử ảnh vi Phật sự, an khả tư nghị?

(論)莊嚴地功德成就者，偈言：宮殿諸樓閣，觀十方無礙，雜樹異光色，寶欄遍圍遶故。

(註)此云何不思議？彼種種事，或一寶，十寶，百寶，無量寶隨心稱意，莊嚴具足。此莊嚴事，如淨明鏡，十方國土淨穢諸相，善惡業緣，一切悉現。彼中人天見斯事故，探湯不及之情，自然成就，亦如諸大菩薩，以照法性等寶為冠。此寶冠中，皆見諸佛。又了達一切諸法之性。又如佛說法華經時，放眉間光，照於東方萬八千土，皆如金色，從阿鼻獄，上至有頂，諸世界中六道眾生，生死所趣，善惡業緣，受報好醜，於此悉見，蓋斯類也。此影為佛事，安可思議？

(Luận: Trang nghiêm địa công đức thành tựu là như kệ nói: “Cung điện, các lầu gác, quán mười phương vô ngại, mỗi cây quang sắc khác, lan can báu vây khắp”.

Chú: Vì sao chuyện này là chẳng thể nghĩ bàn? Đủ mọi sự trong

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

ấy, hoặc là một thứ báu, mười thứ báu, trăm thứ báu, vô lượng thứ báu, tùy tâm xứng ý, trang nghiêm trọn đủ. Những sự trang nghiêm ấy như gương sáng sạch, các tướng tịnh hay uế của mười phương cõi nước, nghiệp duyên thiện ác, hết thấy đều hiện. Trời, người trong cõi ấy do thấy những chuyện ấy, tự nhiên thành tựu tâm ý “nhanh chóng tránh né điều ác” và “chỉ sợ không kịp làm lành”, cũng như các vị đại Bồ Tát dùng các thứ báu chiếu soi pháp tánh để làm mẫu. Từ trong mẫu báu ấy, đều thấy chư Phật. Lại còn liễu đạt tánh của hết thấy các pháp. Lại như khi đức Phật nói kinh Pháp Hoa, Ngài phóng quang minh giữa hai mày, chiếu thấu đến một vạn tám ngàn cõi ở phương Đông, đều như sắc vàng, từ địa ngục A Tỳ cho đến trên là trời Hữu Đảnh, lục đạo chúng sanh trong các thế giới, tiến hướng vào sanh tử, nghiệp duyên thiện ác, chịu báo tốt xấu, từ trong quang minh đều thấy rõ. Chuyện ấy [và các hình tượng trang nghiêm trong cõi Cực Lạc] cũng là cùng một loại. Những hình ảnh ấy làm Phật sự, há có thể nghĩ bàn ư?)

Trên đại địa của quốc độ An Lạc chẳng thể nghĩ bàn như thế nào? Trong Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Nghĩa từ trang ba trăm hai mươi một cho đến trang ba trăm ba mươi một, và từ trang ba trăm bốn mươi bốn cho đến trang ba trăm năm mươi lăm, tôi đã có giải thích. Như kinh nói: “Hạnh nghiệp quả báo bất khả tư nghị, chư Phật thế giới diệc bất khả tư nghị (Di Đà bốn nguyện công đức lực). Kỳ chư chúng sanh công đức thiện lực, trụ hạnh nghiệp chi địa, cố năng nhĩ nhĩ” (Hạnh nghiệp quả báo chẳng thể nghĩ bàn, thế giới của chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn (sức bốn nguyện công đức của Phật Di Đà). Do sức công đức của chúng sanh trong cõi ấy trụ nơi địa vị thuộc hạnh nghiệp, cho nên có thể được như vậy). Trong cõi ấy, đại địa có các thứ trang nghiêm thanh tịnh, có thể chiếu tỏ vô lượng thế giới trong mười phương, dù tịnh hay uế, dù thiện hay ác, hết thấy đều hiện. Huống chi, khắp cõi đất lại có các hoa sen báu trọn khắp thế giới. Trong mỗi đóa hoa tỏa ra ba mươi sáu trăm ngàn ức quang minh. Trong mỗi quang minh, xuất hiện ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật. Mỗi vị Phật lại phóng trăm ngàn quang minh, vì khắp mười phương nói pháp vi diệu, đặt yên vô lượng chúng sanh nơi chánh đạo của Phật. Những điều này đều được thành tựu bởi công đức của các nguyện hai mươi bảy, hai mươi tám, ba mươi một, ba mươi hai v.v... trong bốn nguyện của A Di Đà Phật. Vì thế, có thể có những sự chẳng thể nghĩ bàn như vậy!

Ngài Đàm Loan nói, đại chúng trời người trong cõi ấy, do từ

quốc độ đó mà trông thấy những chuyện chẳng thể nghĩ bàn nơi y báo, chánh báo, và nhân quả của mười phương thế giới bèn “*thăm thang bất cập chi tình, tự nhiên thành tự*” (tự nhiên thành tự tâm ý “thăm dò canh” và “chẳng kịp”). Hai câu này phát xuất từ truyện Phạm Bàng⁵² trong Hậu Hán Thu⁵³, Trọng Ni (Không Tử) nói: “*Kiến thiện như bất cập, kiến ác như thăm thang*” (Thấy điều lành bèn [sốt sắng] như sợ chẳng kịp [làm lành], thấy điều ác bèn như thăm dò canh nóng). Như người thử thăm dò canh nóng, [do sợ bỏng], ắt nhanh chóng rút tay lại! Dùng điều này để sánh ví “thấy chuyện ác bèn nhanh chóng rời bỏ”. Dùng hai câu ấy để hình dung chúng sanh trong cõi nước Cực Lạc tự nhiên thành tự đức hạnh “*trừ bỏ hết sạch điều ác, chỉ sợ tu thiện chẳng kịp*”. Đó là điều chẳng thể nghĩ bàn nói theo mặt Sự.

Ngài Đàm Loan lại nói: “*Diệc như chư đại Bồ Tát, dĩ chiếu pháp tánh bảo vi quan, tại bảo quan trung, giai kiến chư Phật, cập nhất thiết chư pháp chi tánh*” (Cũng như các vị đại Bồ Tát dùng các chất báu có thể chiếu soi pháp tánh để làm mào. Từ trong mào báu ấy, đều trông thấy chư Phật và tánh của hết thấy các pháp): Đây là dùng mào báu của Bồ Tát để sánh ví quốc độ ấy có thể hiển hiện pháp tánh Trung Đạo của chư Phật và các pháp, tức là “*nhất tâm nhị môn, Chân Không Diệu Hữu, sắc và tâm bất nhị*”. Đây là điều chẳng thể nghĩ bàn nói theo mặt Lý. Dù Sự hay Lý, đều chẳng thể nghĩ bàn như thế, như kinh Pháp Hoa

⁵² Phạm Bàng (137-169), tự là Mạnh Bác, quê ở huyện Chinh Khang, quận Nhữ Nam, từng làm đến chức Thái Thú quận Nhữ Nam. Dưới đời Hán Linh Đế, bọn Thập Thường Thị hoành hành. Nguyên do là vì Hán Linh Đế u mê, sủng ái, hoàn toàn mù quáng tin cậy mười tên thái giám (Trương Nhượng, Triệu Trung, Hạ Uẩn, Quách Thắng, Tôn Chương, Tất Lam v.v...); do chúng đều giữ chức Trung Thường Thị, nên sử sách gọi chúng là đảng Thập Thường Thị. Vua cho bọn chúng can dự triều chánh, có đặc quyền xem tấu chương, đàn hạch các quan. Chúng thừa cơ ton hót, xúi vua phong cho anh em, cháu chắt của chúng giữ trọng quyền trong các phiên trấn, vu cáo, hãm hại các bậc trung lương. Do chống đối bè đảng Thập Thường Thị, Phạm Bàng nhiều lần bị tù đày. Đốc Bưu quận Nhữ Nam là Ngô Đạo khi nhận được chiếu chỉ bắt giam Phạm Bàng đã ôm chiếu chỉ khóc ròng, không muốn đi. Phạm Bàng tự vào nhà giam, huyện lệnh Nhữ Nam liền tháo bỏ ấn tín của chính mình, khuyên Phạm Bàng cùng bỏ trốn, nhưng ông cự tuyệt. Về sau, Phạm Bàng chết trong ngục.

⁵³ Hậu Hán Thu là tác phẩm biên niên sử được xếp vào trong hai mươi lăm bộ sử của Trung Hoa. Sách do Phạm Việp (398-445) biên soạn vào đời Lưu Tống, chép lịch sử nhà Hán từ lúc Hán Quang Vũ Đế diệt Vương Mãng, tái lập nhà Hán cho đến khi Hán Hiến Đế bị ép nhường ngôi cho Tào Phi (lập ra nhà Ngụy).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

đã nói: Khi đức Bôn Sư nói kinh Pháp Hoa, trước hết, Ngài nói kinh Vô Lượng Nghĩa. Nói xong, Ngài nhập Vô Lượng Nghĩa Xứ tam-muội, từ tướng bạch hào giữa hai mày, phóng ra quang minh chiếu khắp một vạn tám ngàn cõi ở phương Đông. Tất cả các thế giới trong ấy, tất cả chúng sanh, hết thấy quả báo, hết thấy nghiệp duyên, đều trông thấy ngay trong một lúc.

Xét theo Sự thì “*một là vô lượng, vô lượng là một*”, chẳng thể nghĩ bàn như thế đó! Xét theo Lý thì nhất tâm vạn hạnh (Sanh Diệt môn), vạn hạnh nhất tâm (Chân Như môn), chẳng thể nghĩ bàn như thế đó, đều là cùng một loại. Trong quốc độ An Lạc, chuyện chẳng thể nghĩ bàn như các hình ảnh hiện ra trong gương, và chuyện chẳng thể nghĩ bàn “do phóng quang hiện ra các hình tướng” trong kinh Pháp Hoa, đều là dùng hình ảnh để làm Phật sự, làm sao có thể nghĩ bàn cho được?

2.2.2.2.3.1.1.2.2.8.3. Hư không

(Luận) Trang nghiêm hư không công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Vô lượng bảo giao lạc, la võng biến hư không, chủng chủng linh phát hưởng, tuyên thổ diệu pháp âm” cổ.

(Chú) Thử vân hà bất tư nghị? Kinh ngôn: “Vô lượng bảo võng, di phú Phật độ, giai dĩ kim lữ, chân châu, bách thiên tạp bảo, kỳ diệu trân dị, trang nghiêm hiệu sức. Châu tạp tứ diện, thù dĩ bảo linh, quang sắc hoảng diệu, tận cực nghiêm lệ. Tự nhiên đức phong, từ khởi vi động. Kỳ phong điều hòa, bất hàn, bất thử, ôn lương nhu nhuyễn, bất trì, bất tật, xuy chur la võng, cập chúng bảo thụ, diễn phát vô lượng vi diệu pháp âm, lưu bố vạn chủng ôn nhã đức hương. Kỳ hữu văn giả, trần lao cấu tập, tự nhiên bất khởi. Phong xúc kỳ thân, giai đắc khoái lạc”. Thử thanh vi Phật sự, yên khả tư nghị?

(論)莊嚴虛空功德成就者，偈言：無量寶交絡，羅網遍虛空，種種鈴發響，宣吐妙法音故。

(註)此云何不思議？經言：無量寶網，彌覆佛土，皆以金縷真珠，百千雜寶，奇妙珍異，莊嚴校飾。周匝四面，垂以寶鈴，光色晃耀，盡極嚴麗。自然德風，徐起微動。其風調和，不寒不暑，溫涼柔軟，不遲不疾，吹諸羅網，及眾寶樹，演發無量微妙法音，流布萬種溫雅德香。

其有聞者，塵勞垢習，自然不起。風觸其身，皆得快樂。此聲為佛事，焉可思議？

(Luận: Trang nghiêm hư không công đức thành tựu là như kệ nói: “Vô lượng báu giảng xen, lưới màn khắp hư không, các thứ linh vang tiếng, tuyên nói diệu pháp âm”.

Chú: Vì sao chuyện này là chẳng thể nghĩ bàn? Kinh nói: “Vô lượng lưới báu che phủ khắp cõi Phật, đều dùng sợi vàng xỏ chân châu, trăm ngàn các thứ báu khác nhau để trang nghiêm tô điểm. Trọn khắp bốn mặt, treo rủ linh báu, quang minh và màu sắc chói ngời, trang nghiêm, rực rỡ tốt bậc. Tự nhiên gió đức thông thả nhẹ khởi, gió ấy điều hòa, chẳng lạnh, chẳng nóng, dịu dàng, mát mẻ, mềm mại, chẳng chậm, chẳng nhanh, thổi qua các lưới màn và các cây báu, phát ra vô lượng pháp âm vi diệu, lan tỏa muôn thứ đức hương dịu dàng, thanh nhã. Có ai nghĩ thấy thì phiền não và tập khí như bản tự nhiên chẳng dậy lên. Gió chạm vào thân đều được vui sướng”. Những âm thanh ấy làm Phật sự, há có thể nghĩ bàn ư?)

Ngài Đàm Loan trích dẫn kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ để giải thích tướng hư không trang nghiêm trong phần Kệ, nhằm chỉ rõ nơi hư không trong cõi ấy, chẳng giống như hư không tro tro trong cõi này, mà là tốt bậc trang nghiêm, tráng lệ, lại còn có gió đức tự nhiên, phát ra pháp âm vi diệu, lan tỏa đức hương dịu dàng, thanh nhã. Nghe pháp âm, nghĩ đức hương, có thể thành tựu Giới, Định, Huệ, đoạn sạch phiền não (trần lao) và tập khí (trần cấu). Gió chạm vào thân, đều được vui sướng (đắc Diệt Tận Định). Âm thanh vi diệu và gió nhẹ trong hư không của cõi ấy có thể làm Phật sự, khiến cho hết thảy chúng sanh đều được thành tựu năm phần Pháp Thân Đại Thừa, tức là [chứng thành] Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát, thật sự là quá chẳng thể nghĩ bàn!

2.2.2.2.3.1.1.2.2.9. Vũ công đức

(Luận) Trang nghiêm vũ công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Vũ hoa y trang nghiêm, vô lượng hương phổ huân” cố.

(Chú) Thử vân hà bất tư nghị? Kinh ngôn: “Phong xuy tán hoa, biến mãn Phật độ, tùy sắc thứ đệ, nhi bất tạp loạn, nhu nhuyễn quang trạch, hình hương phân liệt, túc lý kỳ thượng, hãm hạ tứ thốn. Tùy cử tức dĩ, hoàn phục như cố. Hoa dụng dĩ ngật, địa triếp khai

liệt, dĩ thứ hóa một, thanh tịnh vô di. Tùy kỳ thời tiết, phong xuy tán hoa, như thị lục phần”.

(論)莊嚴雨功德成就者，偈言：兩華衣莊嚴，無量香普薰故。

(註)此云何不思議？經言：風吹散華，遍滿佛土，隨色次第，而不雜亂，柔軟光澤，馨香芬烈，足履其上，陷下四寸。隨舉足已，還復如故。華用已訖，地輒開裂，以次化沒，清淨無遺。隨其時節，風吹散華，如是六返。

(Luận: Trang nghiêm vũ công đức thành tựu là như kệ nói: “Mưa hoa, áo trang nghiêm, vô lượng hương xông khắp”.

Chú: Vì sao chuyện này là chẳng thể nghĩ bàn? Kinh dạy: “Gió thổi rải hoa trồn khắp cõi Phật, lần lượt theo từng màu, chẳng tạp loạn. Hoa mềm mại, tươi sáng, thơm tho ngào ngạt. Chân đạp lên đó, lún xuống bốn tấc. Chân vừa giở lên, trở lại như cũ. Hoa dùng đã xong, đất liền nứt ra, hoa theo thứ tự biến mất, thanh tịnh, chẳng còn sót gì. Tùy theo thời tiết, gió thổi rải hoa, sáu lượt như thế”).

Dùng kinh văn để chỉ rõ công đức chẳng thể nghĩ bàn của “vũ” (nghĩa là từ trên hư không rơi xuống) trong quốc độ An Lạc. “Vũ hoa y trang nghiêm” là từ trên hư không rơi xuống hương, hoa, y kích (lăng đưng hoa), và các vật trang hoàng khác để trang nghiêm cõi ấy. Trong Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Nghĩa, từ trang ba trăm bảy mươi lăm cho đến trang ba trăm bảy mươi tám, tôi cũng đã giải thích tường tận, chẳng ngại tra duyệt, tham khảo.

(Chú) Hựu chúng bảo liên hoa, châu mãn thế giới. Nhất nhất bảo hoa, bách thiên ức diệp. Kỳ hoa quang minh, vô lượng chủng sắc, thanh sắc thanh quang, bạch sắc bạch quang, huyền hoàng, châu tử, quang sắc diệp nhiên, vĩ việp hoán lạn, minh diệu nhật nguyệt. Nhất nhất hoa trung, xuất tam thập lục bách thiên ức quang. Nhất nhất quang trung, xuất tam thập lục bách thiên ức Phật, thân sắc tử kim, tướng hảo thù đặc. Nhất nhất chư Phật, hựu phóng bách thiên quang minh, phổ vị thập phương, thuyết vi diệu pháp. Như thị chư Phật, các các an lập vô lượng chúng sanh u Phật chánh đạo. Hoa vi Phật sự, an khả tư nghị?

(註)又眾寶蓮華，周滿世界。一一寶華，百千億葉。

其華光明，無量種色，青色青光，白色白光，玄黃朱紫，光色亦然，曄曄煥爛，明曜日月。一一華中，出三十六百千億光。一一光中，出三十六百千億佛，身色紫金，相好殊特。一一諸佛，又放百千光明，普為十方，說微妙法。如是諸佛，各各安立無量眾生於佛正道。華為佛事，安可思議？

(Chú: Lại còn các thứ hoa sen báu đầy khắp thế giới. Mỗi một hoa báu có trăm ngàn ức cánh. Hoa ấy và quang minh của nó có vô lượng thứ màu: Hoa màu xanh, ánh sáng xanh, hoa màu trắng, ánh sáng trắng. Vàng sậm, đỏ tía, quang minh và màu sắc cũng như vậy, chói ngời rực rỡ, chiếu lòa mặt trời, mặt trăng. Trong mỗi hoa, tỏa ra ba mươi sáu trăm ngàn ức quang minh. Trong mỗi quang minh, xuất hiện ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật, thân sắc vàng tía, tướng hảo đẹp đẽ đặc biệt. Mỗi một vị Phật lại tỏa ra trăm ngàn quang minh, vì khắp mười phương nói pháp vi diệu. Các vị Phật như vậy, mỗi vị đều đặt yên vô lượng chúng sanh nơi chánh đạo của Phật. Hoa làm Phật sự, há có thể nghĩ bàn ư?)

Trong lời kệ của vị Luận Chủ nói về công đức của “mưa”, tức là những thứ hoa và y (những tấm vải) vi diệu từ hư không rơi xuống để trang nghiêm cõi ấy. Nhưng đoạn văn này lại nói về hoa sen, chẳng phải từ trên hư không giáng xuống, mà là sanh trưởng từ mặt đất. Chiếu theo Lý, chẳng thể trích dẫn để giải thích lời Kệ! Trong kinh còn nói: “Hựu dĩ chúng bảo diệu y, biến bố kỳ địa, nhất thiết thiên nhân, tiền nhi chi hành” (Lại có các thứ diệu y quý báu trải khắp mặt đất, hết thấy trời, người đạp lên mà đi). Bốn câu kinh văn ấy đều có thể bao gồm trong hàm ý của câu “vũ hoa y trang nghiêm”. Đã là gió thổi rải hoa từ trên hư không rơi xuống, trải khắp cõi đất, hoa thơm tho ngào ngạt, cho nên kệ văn nói “vô lượng hương phổ huân” (vô lượng hương xông khắp) như trong đoạn trước đã nói: “Luu bố vạn chủng ôn nhã đức hương, kỳ hữu văn giả, trần lao cấu tập, tự nhiên bất khởi” (Lan tỏa muôn thứ đức hương ôn nhu, thanh nhã. Có ai nghĩ được, trần lao và cấu tập tự nhiên chẳng dậy lên). Đây chính là trang nghiêm vũ công đức, thành tựu diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn.

2.2.2.2.3.1.1.2.2.10. Quang minh công đức

(Luận) Trang nghiêm quang minh công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Phật huệ minh tịnh nhật, trừ thế si ám minh” cổ.

(Chú) Thử vân hà bất tư nghị? Bĩ độ quang minh, tùng Như Lai trí huệ báo khởi. Xúc chi giả, vô minh hắc ám, chung tất tiêu trừ. Quang minh phi huệ, năng vi huệ dụng, yên khả tư nghị?

(論)莊嚴光明功德成就者，偈言：佛慧明淨日，除世癡闇冥故。

(註)此云何不思議？彼土光明從，如來智慧報起。觸之者，無明黑闇，終必消除。光明非慧，能為慧用，焉可思議？

(Luận: Trang nghiêm quang minh công đức thành tựu là như kệ nói: “Phật huệ nhật sáng sạch, trừ si tối cõi đời”.

Chú: Vì sao chuyện này là chẳng thể nghĩ bàn? Quang minh trong cõi ấy từ quả báo trí huệ của Như Lai dậy lên. Chạm vào [quang minh] ấy thì tối tăm do si mê vô minh trọn đều tiêu trừ. Quang minh chẳng phải là huệ, mà có thể khởi tác dụng của huệ, há có thể nghĩ bàn ư?)

Trong phần trước, tức trong phần nói về hình tướng và diệu sắc công đức thành tựu, Luận Chủ cũng có nói đến quang minh trong cõi ấy, nhưng đều là nói về quang minh tỏa ra từ vật chất. Đoạn này chuyên nói về quang minh từ trí huệ của Phật. Đây là quang minh của tâm pháp. Quang minh của vật chất chỉ có thể phá trừ sự tối tăm của thế gian, chẳng thể trừ sự si ám trong tâm của chúng sanh. Chỉ có quang minh trí huệ phát xuất từ trong tâm của chánh báo thể A Di Đà Phật thì không chỉ là có thể phá trừ sự tối tăm trong thế gian, mà còn có thể khiến cho chúng sanh khi được [Phật quang] chạm vào, đều có thể phá trừ hết thảy vô minh ngu si, tăm tối ngoan cố, khiến cho chúng sanh chẳng có nỗi đau khổ vì mù mắt hay vì cõi lòng mù lòa! Vì quang minh của A Di Đà Phật chính là tướng trí huệ; cho nên có tác dụng trí huệ. Đây chính là chỗ tuyệt nhiên bất đồng so với những thứ quang minh bình thường khác. Do vậy, quang minh ấy sáng sạch vượt xa mặt trời, mặt trăng, có thể trừ sự si ám cho cõi đời, chẳng thể nghĩ bàn được! Đây chính là điều được thành tựu bởi công đức của nguyện thứ ba mươi ba trong bốn mươi tám nguyện: “*Thiết ngã đắc Phật, thập phương vô lượng bất khả tư nghị chư Phật thế giới chúng sanh chi loại,*

mông ngã quang minh xúc kỳ thể giả, thân tâm nhu nhuyễn, siêu quá nhân thiên” (Nếu tôi thành Phật, các loài chúng sanh trong mười phương vô lượng chẳng thể nghĩ bàn thể giới chư Phật, được quang minh của tôi chạm vào thân, thân tâm sẽ mềm mại, vượt xa trời người).

2.2.2.2.3.1.1.2.2.11. Diệu thanh công đức

(Luận) *Trang nghiêm diệu thanh công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Phạm thanh ngộ thâm viển, vi diệu văn thập phương” cố.*

(Chú) *Thử vân hà bất tư nghị? Kinh ngôn: “Nhược nhân đản văn bỉ quốc độ thanh tịnh an lạc, khắc niệm nguyện sanh, diệc đắc vãng sanh, tắc nhập Chánh Định Tự”. Thử thị quốc độ danh tự vi Phật sự, an khả tư nghị?*

(論) 莊嚴妙聲功德成就者，偈言：梵聲悟深遠，微妙聞十方故。

(註) 此云何不思議？經言：若人但聞彼國土清淨安樂，剋念願生，亦得往生，則入正定聚。此是國土名字為佛事，安可思議？

(Luận: Trang nghiêm diệu thanh công đức thành tựu là như kệ nói: “Tiếng phạm ngộ sâu mầu, vi diệu vọng mười phương”.

Chú: Vì sao chuyện này là chẳng thể nghĩ bàn? Kinh dạy: “Nếu có người chỉ nghe sự an lạc thanh tịnh trong quốc độ ấy, quyết chí niệm Phật nguyện vãng sanh thì cũng được vãng sanh, liền dự vào Chánh Định Tự”. Đây là dùng danh xưng của quốc độ để làm Phật sự, làm sao có thể nghĩ bàn cho được?)

Đoạn này nói về công đức của diệu thanh (âm thanh mầu nhiệm), bao gồm thanh danh của A Di Đà Phật và danh xưng của quốc độ An Lạc đều có thể làm Phật sự, có công dụng vi diệu chẳng thể nghĩ bàn. Nói tường tận thì như các công đức được nói trong bốn nguyện, từ nguyện thứ mười bảy cho đến nguyện thứ hai mươi, và từ nguyện ba mươi tư cho đến nguyện ba mươi bảy, từ nguyện bốn mươi một cho đến nguyện bốn mươi tám. Ngài Đàm Loan đã trích dẫn kinh Vô Lượng Thọ như sau: “*Chư hữu chúng sanh, văn kỳ danh hiệu (quốc độ danh thanh, hoặc Phật đích danh hiệu), tín tâm hoan hỷ, nãi chí nhất niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc, tức đắc vãng sanh, tru*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Bất Thoái Chuyển (nhập Chánh Định Tự), duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp” (Có các chúng sanh nghe danh hiệu ấy (tiếng tăm của quốc độ, hoặc danh hiệu của Phật), tín tâm hoan hỷ, cho đến một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh về cõi ấy, liền được vãng sanh, trụ Bất Thoái Chuyển (dự vào Chánh Định Tự), chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp). Cũng như kinh Lăng Nghiêm nói: “*Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*” (Chân giáo thể phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng). Do vậy, thanh danh thanh tịnh an lạc của đức Phật và quốc độ ấy có thể khiến cho chúng sanh trong mười phương vô lượng thế giới nghe tiếng bèn đạt được lợi ích. Vì thế, kệ nói: “*Phạm thanh ngộ thâm viển, vi diệu văn thập phương*” (Tiếng Phạm ngộ sâu mầu, vi diệu vọng mười phương).

2.2.2.2.3.1.1.2.2.12. Chủ công đức

(Luận) Trang nghiêm chủ công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Chánh Giác A Di Đà, pháp vương thiện trụ trì” cổ.

(Chú) Thử vân hà bất tư nghị? Chánh Giác A Di Đà bất khả tư nghị, bỉ An Lạc Tịnh Độ, vi Chánh Giác A Di Đà thiện lực trụ trì. Vân hà khả đắc tư nghị da? “Trụ” danh bất di, bất diệt, “trì” danh bất tán, bất thất. Như dĩ Bất Hủ được đồ chủng tử, tại thủy bất lạn, tại hỏa bất tiêu, đắc nhân duyên tặc sanh. Hà dĩ cố? Bất Hủ được lực cố. Nhược nhân nhất sanh An Lạc Tịnh Độ, hậu thời, ý nguyện sanh tam giới giáo hóa chúng sanh, xả Tịnh Độ mạng, tùy nguyện đắc sanh. Tuy sanh tam giới tạp sanh thủy hỏa trung, Vô Thượng Bồ Đề chủng tử, tất cánh bất hủ. Hà dĩ cố? Dĩ kinh Chánh Giác A Di Đà Phật thiện trụ trì cố.

(論)莊嚴主功德成就者，偈言：正覺阿彌陀，法王善住持故。

(註)此云何不思議？正覺阿彌陀不可思議，彼安樂淨土，為正覺阿彌陀善力住持。云何可得思議耶？住名不異不滅。持名不散不失。如以不朽藥塗種子，在水不爛，在火不焦，得因緣則生。何以故？不朽藥力故。若人一生安樂淨土，後時，意願生三界教化眾生，捨淨土命，隨願得生。雖生三界雜生水火中，無上菩提種子，畢竟不朽。何

以故？以經正覺阿彌陀善住持故。

(Luận: Trang nghiêm chủ công đức thành tựu là như kệ nói: “Chánh Giác A Di Đà, pháp vương khéo trụ trì”).

Chú: Vì sao chuyện này là chẳng thể nghĩ bàn? Chánh Giác A Di Đà chẳng thể nghĩ bàn, An Lạc Tịnh Độ được thiện lực của Chánh Giác A Di Đà trụ trì, làm sao có thể nghĩ bàn được? “Trụ” là chẳng khác, chẳng diệt, “trì” là chẳng tan tác, chẳng mất đi. Như dùng loại thuốc Bất Hủ bôi lên hạt giống, [hạt giống sẽ] ở trong nước chẳng nát, ở trong lửa chẳng cháy, hề có nhân duyên bèn sanh trưởng. Vì có sao? Do sức của thuốc Bất Hủ vậy. Nếu người được sanh về An Lạc Tịnh Độ, về sau có ý muốn sanh trong tam giới để giáo hóa chúng sanh, xả mạng trong Tịnh Độ, sẽ tùy nguyện mà được sanh. Tuy sanh trong tam giới, tạp sanh (lục đạo), ở trong nước (ngạ quỷ), lửa (địa ngục), chùng tử Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo chẳng mục nát. Vì có sao? Do được Chánh Giác A Di Đà Phật khéo trụ trì).

Quốc độ Cực Lạc không chỉ có các thứ trang nghiêm, mà còn có A Di Đà Phật làm Đấng Giáo Hóa Chủ. Vì thế nói là Chánh Giác (Phật) A Di Đà, pháp vương (tức Phật) khéo trụ trì, khiến cho Đại Thừa Phật pháp tồn tại lâu dài trong thế gian, lợi lạc chúng sanh. Phật là một trong năm loại chẳng thể nghĩ bàn. Đấng Giáo Hóa Chủ đã chẳng thể nghĩ bàn, cõi Ngài giáo hóa tức quốc độ An Lạc được Phật trụ trì, đương nhiên là cũng có chuyện chẳng thể nghĩ bàn!

“Thiện trụ trì” là gì? Ngài Đàm Loan giải thích: “*Bất biến dị, bất hoại diệt, danh chi vi Trụ; kiên cố bất tán thất, thuần chánh bất sam tạp (như ngư nhữ sam thủy tắc thất kỳ nguyên vị), danh chi vi Trì*” (Chẳng biến đổi, chẳng hư diệt, thì gọi là Trụ. Kiên cố chẳng tan mất, thuần chánh, chẳng xen tạp (như sữa bò xen lẫn nước sẽ đánh mất vị ban đầu) thì gọi là Trì), cũng chính là như phần kệ về Đại Nghĩa Môn trong phần sau có nói: “*Đại Thừa thiện căn giới, đẳng vô cơ hiềm danh, nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh*” (Cõi thiện căn Đại Thừa, bình đẳng, không có danh xưng chê gièm, nữ nhân và căn khuyết, chủng tánh Nhị Thừa chẳng sanh [về Cực Lạc]), và trong phần Kệ về “hết thấy những điều mong cầu đều được thỏa mãn” có nói: “*Chúng sanh sở nguyện nhạo, nhất thiết năng mãn túc*” (Điều chúng sanh ưa thích, hết thấy đều thỏa mãn). Có công năng thiện lực như thế thì gọi là “*thiện trụ trì*”).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Ngài Đàm Loan lại nêu thí dụ bôi thuốc Bất Hủ lên hạt giống. “*Bất Hủ*” tức là Bất Tử. Đại Niết Bàn Kinh, quyển thứ hai mươi lăm nói: “*Tuyết Sơn chi trung, hữu thượng hương dược, danh viết Sa Ha. Hữu nhân kiến chi, đắc thọ vô lượng, vô hữu bệnh tử*” (Trong Tuyết Sơn có loại thuốc thơm bậc thượng, tên là Sa Ha. Có người trông thấy, sẽ thọ vô lượng, chẳng có bệnh, chết). Sa Ha chính là thuốc bất tử, bôi lên một hạt giống, nước sẽ chẳng làm nó mục nát được, lửa chẳng thể đốt nó được, đã lâu ngày mà chẳng hư hoại. Về sau, có được các nhân duyên như đất đai, ánh sáng mặt trời, nó sẽ nảy mầm, sanh trưởng. Vì sao có thể như vậy? Chuyện này hoàn toàn do cậy vào sức của thuốc Bất Tử. Phàm là chúng sanh tu hành ngũ niêm môn, sẽ giống như một hạt giống đã bôi thuốc Bất Tử. Sau khi đã vãng sanh Tịnh Độ, có thể chẳng lìa An Dưỡng, trở vào Sa Bà, khéo biết phương tiện độ chúng sanh. Tuy sanh trong ngũ trược ác thế, tam giới lục đạo (tạp sanh), cho đến ở trong nước (súc sanh), lửa (địa ngục), nhưng chúng tử Vô Thượng Bồ Đề tâm vốn đã phát sẽ rớt ráo chẳng mục nát, vĩnh viễn có thể giữ gìn thiện căn Đại Thừa, mãi cho đến khi thành Phật. Thuốc Bất Tử ví như A Di Đà Phật, Phật chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ (chúng tử) cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì có sao? Do được thiện lực công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật (thuốc bất tử) trụ trì mà thành tựu. Chúng ta trì tụng chú Vãng Sanh, câu “*a-di-ri-đá*” (Amṛta) trong ấy có nghĩa là Cam Lộ Vương. Cam Lộ là thuốc bất tử. Vì thế, trì chú Vãng Sanh sẽ được pháp lực cam lộ của A Di Đà Phật gia trì. Sau khi đã vãng sanh Tịnh Độ, sẽ có được lợi ích và diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn như hạt giống được bôi thuốc Bất Hủ vậy.

2.2.2.2.3.1.1.2.2.13. Quyển thuộc công đức

(Luận) Trang nghiêm quyển thuộc công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh” cổ.

(Chú) Thử vân hà bất tư nghị? Phàm thị tạp sanh thế giới, nhược thai, nhược noãn, nhược thấp, nhược hóa, quyển thuộc nhược can, khổ lạc vạn phẩm, dĩ tạp nghiệp cổ. Bỉ An Lạc quốc độ, mạc phi thị A Di Đà Như Lai Chánh Giác tịnh hoa chi sở hóa sanh, đồng nhất niêm Phật, vô biệt đạo cổ. Viễn thông phù pháp giới chi nội, giai vi huynh đệ dã, quyển thuộc vô lượng, yên khả tư nghị?

(論)莊嚴眷屬功德成就者，偈言：如來淨華眾，正覺

華化生故。

(註)此云何不思議？凡是雜生世界，若胎若卵若濕若化，眷屬若干，苦樂萬品，以雜業故。彼安樂國土，莫非是阿彌陀如來正覺淨華之所化生，同一念佛，無別道故。遠通夫法界之內，皆為兄弟也，眷屬無量，焉可思議？

(Luận: Trang nghiêm quyển thuộc công đức thành tựu là như kệ nói: “Như Lai tịnh hoa chúng, hoa Chánh Giác hóa sanh”).

Chú: Vì sao chuyện này là chẳng thể nghĩ bàn? Phàm là tạp sanh trong thế giới, hoặc là thai sanh, hoặc noãn sanh, hoặc thấp sanh, hoặc hóa sanh, quyển thuộc bao nhiêu đó, khổ sướng muôn ngàn loại, do vì các nghiệp xen tạp. Cõi nước An Lạc ấy không ai chẳng hóa sanh từ hoa thanh tịnh Chánh Giác của A Di Đà Như Lai, cùng là niệm Phật như nhau, không hành theo đạo nào khác. Xa là suốt cả khắp pháp giới đều là anh em. Quyển thuộc vô lượng, há có thể nghĩ bàn được ư?)

Người đời nói tới quyển thuộc, chỉ là nói theo gia tộc. Chúng sanh trong cõi An Lạc đều chẳng có gia đình, làm sao có quyển thuộc cho được? Quyển thuộc của A Di Đà Phật chính là hết thảy chúng sanh trong cõi ấy, cho đến hết thảy hữu tình trong tận pháp giới, khắp mười phương đều là quyển thuộc. Giả sử là thế giới tạp sanh (lục đạo) trong uế độ, vì đã tạo tạp nghiệp ô nhiễm bất đồng, tất nhiên là có tứ sanh, tức thai, noãn, thấp, hóa, cũng có đủ thứ khổ lạc sai khác vời vợi! Nếu [là chúng sanh] ở trong Cực Lạc Tịnh Độ thì đều được sanh bởi giác tánh bình đẳng vô lượng thanh tịnh và sức công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Như Lai, tức là hóa sanh từ hoa sen thanh tịnh vô lượng. Phàm những ai có thể sanh vào cõi An Lạc, đều tu pháp môn Niệm Phật thuần thiện đồng nhất, tuy chưa đoạn phiền hoặc, vẫn có thể được vãng sanh, quyết định chẳng do tu hành loại nghiệp đạo nào khác mà được vãng sanh. Nghiệp đạo niệm Phật là nhân, liên hoa hóa sanh là quả, nhân quả quyết định là như thế. Do vậy, chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Cực Lạc, gọi là đạo dễ hành “hoành siêu tam giới” (vượt thoát tam giới theo chiều ngang), đỏi nghiệp vãng sanh, là đường tắt nhất trong các đường tắt. Chuyện này há có phải là hạng phàm phu bình phàm hoặc hàng Nhị Thừa mà có thể nghĩ, có thể bàn được ư?

“Viễn thông phù pháp giới chi nội, giai vi huynh đệ”: Hai câu này nói gần thì hết thảy chúng sanh trong cõi Cực Lạc đều là quyển

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

thuộc của A Di Đà Phật giống như anh, như em. Nói xa thì trong tận hư không khắp pháp giới, hết thấy chúng sanh hữu tình cũng đều là quyến thuộc của A Di Đà Phật, thường nói là “*tứ hải chi nội giai huynh đệ dã*” (trong bốn biển đều là anh em). Vì A Di Đà Phật (giác tánh vô lượng thanh tịnh bình đẳng) chính là cội nguồn của chư Phật, là căn bản của hết thấy chúng sanh. Do vậy, quyến thuộc của A Di Đà Phật là vô lượng chẳng thể nghĩ bàn. Thường nói là “*tình và vô tình cùng viên thành Chúng Trí*”, hoặc “*một niệm trọn đủ ba ngàn tánh tướng*”. Trong khắp pháp giới, có pháp nào có thể vượt ra ngoài giác tánh vô lượng thanh tịnh bình đẳng hay chẳng? Đây chính là môn “*chủ bạn viên dung cụ đức*” (chủ (Phật) và bạn (các vị Bồ Tát và nhân dân trong Cực Lạc) viên dung trọn đủ các đức) trong Thập Huyền Môn như kinh Hoa Nghiêm đã nói, là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn!

2.2.2.2.3.1.1.2.2.14. Thọ dụng công đức

(Luận) *Trang nghiêm thọ dụng công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Ái nhạo Phật pháp vị, Thiền tam-muội vi thực” cố.*

(Chú) *Thử vân hà bất tư nghị? Bất thực nhi tư mạng, cái sở tư hữu dĩ dã. Khởi bất thị Như Lai mãn bốn nguyện hồ? Thừa Phật nguyện vi ngã mạng, yên khả tư nghị?*

(論)莊嚴受用功德成就者，偈言：愛樂佛法味，禪三昧為食故。

(註)此云何不思議？不食而資命，蓋所資有以也。豈不是如來滿本願乎？乘佛願為我命，焉可思議？

(Luận: Trang nghiêm thọ dụng công đức thành tựu là như kệ nói: “Yêu thích Phật pháp vị, ăn bằng Thiền tam-muội”.

Chú: Vì sao chuyện này là chẳng thể nghĩ bàn? Chẳng ăn mà có thể nuôi được tánh mạng, ấy là vì có duyên do nuôi dưỡng cái mạng ấy. [Duyên do ấy] há chẳng phải là do Như Lai đã viên mãn bốn nguyện đó ư? Nương theo nguyện của Phật để làm mạng của chính mình, há có thể nghĩ bàn nổi ư?)

Ngài Đàm Loan có kim cang pháp nhãn, ở đây, Ngài đã đặc biệt chỉ điểm chúng ta: Bốn nguyện của A Di Đà Phật là chẳng thể nghĩ bàn nhất trong các điều chẳng thể nghĩ bàn. Hết thấy đại chúng trời người và tam thừa thánh hiền trong quốc độ An Lạc đều là liên hoa hóa sanh,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

đều chẳng cần ăn uống để nuôi nấng, duy trì tánh mạng. Như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Thật vô thực giả, đản kiến sắc, vãn hương, ý dĩ vi thực, tự nhiên bão túc*” (Thật sự chẳng ăn, chỉ thấy sắc, ngửi hương, nghĩ là đã ăn, tự nhiên no đủ). Vì sao có thể như vậy? Há chẳng phải là do bốn nguyện trọn đủ, bốn nguyện rốt ráo của A Di Đà Phật ư? Chính phẩm phàm phu nương theo bốn nguyện của A Di Đà Phật, chẳng do cha mẹ sanh thành, mà được liên hoa hóa sanh trong Tịnh Độ. Cũng là do nương cậy bốn nguyện của A Di Đà Phật, chẳng cần ăn uống mà được thọ mạng vô lượng, chẳng có lúc cùng tận!

Lại còn cậy vào bốn nguyện của A Di Đà Phật, chẳng cần phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chỉ trong một đời này mà viên mãn Bồ Đề, thành tựu tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông, hết thảy công đức thần thông. Nếu không có bốn nguyện của Phật Di Đà, chúng ta làm sao có thể vãng sanh Tịnh Độ, liên hoa hóa sanh? Làm sao có thể chẳng ăn mà vẫn nuôi nấng, duy trì sanh mạng được? Làm sao có thể hễ vãng sanh bèn vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, rốt ráo nhất sanh bất tử? Đây chính là như ngài Đàm Loan đã nói: “*Cái sở tư hữu dĩ dã*” (Ấy là vì có duyên do mà cái mạng ấy được nuôi dưỡng)!

Chư vị liên hữu ơi! Chúng ta đã biết bốn nguyện của A Di Đà Phật, Ngài đối với chúng ta có ân đức không gì lớn hơn được, hãy thiết thực ghi tạc trong lòng: “*A Di Đà Phật đại nguyện vương (bốn nguyện), từ bi hỷ xả khó lường, giữa hai mày thường phóng bạch hào quang, độ chúng sanh sanh về cõi Cực Lạc, ao tám đức trở sen chín phẩm, cây màu bảy báu xếp thành hàng. Như Lai thánh hiệu nếu tuyên dương, tiếp dẫn (nhất định) về Tây Phương. Di Đà thánh hiệu nếu xưng dương, đồng nguyện về Tây Phương*”. Niệm niệm chẳng quên, thật thà niệm Phật, cầu sanh Cực Lạc! Sau đây, nương theo bốn nguyện của Phật và bốn nguyện của chính mình, trở vào Sa Bà, phân thân trong các cõi nhiều như vi trần, rộng độ hàm thức để báo ân Phật!

2.2.2.2.3.1.1.2.2.15. Công đức không có các nạn

(Luận) Trang nghiêm vô chư nạn công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Vĩnh ly thân tâm não, thọ lạc thường vô gián” cố.

(Chú) Thử vân hà bất tư nghị? Kinh ngôn: “Thân vi khổ khí, tâm vi não đoan”, nhi bỉ hữu thân, hữu tâm, nhi thọ lạc vô gián, an khả tư nghị?

(論)莊嚴無諸難功德成就者，偈言：永離身心惱，受

樂常無間故。

(註)此云何不思議？經言：身為苦器，心為惱端，而彼有身有心，而受樂無間，安可思議？

(Luận: “Thành tựu công đức trang nghiêm không có các nạn” là như kệ nói: “Mãi lìa thân tâm não, hưởng vui chẳng gián đoạn”.

Chú: Vì sao điều này là chẳng thể nghĩ bàn? Kinh dạy: “Thân là đồ chứa đựng sự khổ, tâm là đầu mối của sầu não”, nhưng [chúng sanh] trong cõi ấy tuy có thân và có tâm, nhưng hưởng vui thường chẳng gián đoạn, làm sao có thể nghĩ bàn cho được?)

Chúng sanh trong cõi ấy do thân là liên hoa hóa sanh, thọ mạng đều vô lượng, lại còn com áo tự nhiên, chẳng cần phải lo toan, tạo tác. Do vậy, chẳng có nhục thân để cảm nhận những nỗi khổ não sanh, lão, bệnh, tử, com áo, ăn ở v.v... đều thường được cùng A Di Đà Phật và Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát tụ hội một chỗ, có thầy lành, bạn tốt, tâm chẳng có phiền não, chẳng có những nỗi ưu sầu khổ não vì Ái Biệt Ly (yêu thương mà phải chia lìa), Oán Tắng Hội (oán ghét mà phải gặp gỡ) v.v... rớt ráo cùng đắc Bồ Đề giác pháp lạc, Niết Bàn tịch tĩnh lạc. Điều này làm sao có thể nghĩ bàn cho nổi?

2.2.2.2.3.1.1.2.2.16. Công đức đại nghĩa môn

(Luận) Trang nghiêm đại nghĩa môn công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Đại Thừa thiện căn giới, đấng vô cơ hiềm danh, nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh” cố. Tịnh Độ quả báo, ly nhị chủng cơ hiềm quá, ưng tri: Nhất giả, Thể. Nhị giả, Danh. Thể hữu tam chủng: Nhất giả, Nhị Thừa nhân. Nhị giả, nữ nhân. Tam giả, chư căn bất cụ nhân. Vô thử tam quá, cố danh: “Ly Thể cơ hiềm”. Danh diệc hữu tam chủng, phi dẫn vô tam thể, nãi chí bất văn “Nhị Thừa, nữ nhân, chư căn bất cụ” tam chủng danh, cố danh: “Ly danh cơ hiềm”. “Đấng” giả, bình đẳng nhất tướng cố.

(Chú) Thử vân hà bất tư nghị? Phù chư thiên cộng khí, phạn hữu tùy phước chi sắc. Túc chỉ án địa, nãi tường kim lịch chi chí. Nhi nguyện vãng sanh giả, bổn tắc tam tam chi phẩm, kim vô nhất nhị chi thù, diệc như Truy, Thằng nhất vị, yên khả tư nghị?

(論)莊嚴大義門功德成就者，偈言：大乘善根界，等

無譏嫌名，女人及根缺，二乘種不生故。淨土果報，離二種譏嫌過，應知：一者，體。二者，名。體有三種：一者，二乘人。二者，女人。三者，諸根不具人。無此三過，故名：離體譏嫌。名亦有三種，非但無三體，乃至不聞二乘，女人，諸根不具三種名，故名：離名譏嫌。等者，平等一相故。

(註)此云何不思議？夫諸天共器，飯有隨福之色。足指按地，乃詳金磔之旨。而願往生者，本則三三之品，今無一二之殊，亦如淄，澆一味，焉可思議？

(Luận: Trang nghiêm đại nghĩa môn công đức thành tựu là như kệ nói: “Đại Thừa thiện căn giới, bình đẳng không có danh xưng gây gièm chê như nữ nhân và căn khuyết, chủng tánh Nhị Thừa chẳng sanh [Cực Lạc]”. Quả báo trong Tịnh Độ là khỏi lỗi lầm của hai thứ chê gièm, hãy nên biết! Một là Thê. Hai là Danh. Thê có ba loại: Một là kẻ Nhị Thừa. Hai là nữ nhân. Ba là kẻ các căn chẳng trọn đủ. Do không có ba lỗi lầm ấy, nên gọi là “lià sự chê gièm về Thê”. Danh cũng có ba thứ, không chỉ là chẳng có ba Thê, mà cho đến ba loại danh xưng “Thanh Văn, nữ nhân, các căn không đầy đủ” đều chẳng nghe thấy, cho nên gọi là “lià sự chê gièm về danh”. “Đẳng” là bình đẳng nhất tướng.

Chú: Vì sao điều này là chẳng thể nghĩ bàn? Chư thiên dùng chung đồ đựng, nhưng cơm lại tùy theo phước của từng vị mà màu sắc sai khác. Ngón chân nhấn xuống đất, bèn lộ rõ ý chỉ “sói vàng”. Người nguyện vãng sanh thì vốn có chín phẩm, nay chẳng có một hay hai sai khác, cũng như nước sông Truy và sông Thằng [khi đổ vào biển cả sẽ] có cùng một vị. “Đẳng” là nhất tướng bình đẳng, há có thể nghĩ bàn ư?)

“Đại nghĩa môn công đức thành tựu” là nói tới chúng sanh thuộc ba bậc đã sanh về Cực Lạc, vì đều đã phát Bồ Đề tâm, tức là trọn đủ thiện căn giới bình đẳng của Đại Thừa (đó là cái nhân), thành tựu chủng tánh và quả báo thể thuộc Đại Thừa. Tịnh độ của mười phương chư Phật có thể có chủng tánh và quả báo thể thuộc Nhị Thừa sanh về; chỉ riêng An Lạc Tịnh Độ do được thành tựu bởi công đức từ bốn nguyện của A Di Đà Phật, cho nên quyết định chẳng có chúng sanh

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

thuộc chủng tánh và quả báo thể Nhị Thừa. Do vậy, xa lìa khuyết điểm “*Nhị Thừa, nữ nhân, và sáu căn thiếu khuyết*” đáng bị chê gièm. Lời Luận đã nói rất rõ ràng: “*Không có kẻ Nhị Thừa, nữ nhân và căn khuyết*” thì không chỉ là nói rõ trong An Lạc Tịnh Độ không có những quả báo thể ấy, mà còn chỉ ra Tịnh Độ chẳng có những danh từ thuộc ba loại ấy; chẳng phải là nói “*trước khi vãng sanh, không có ba hạng người ấy*” (tức là “không phải là ba hạng người ấy chẳng thể vãng sanh”). Tất cả Thanh Văn trong thế giới Cực Lạc đều là dùng thân Thanh Văn hồi tâm hướng về Đại Thừa mà vãng sanh, hoặc là do đức Phật thị hiện để trang nghiêm Tịnh Độ, chứ không phải là [cõi Cực Lạc] còn có Nhị Thừa.

Có một số người giải thích câu “*Nhị Thừa chủng bất sanh*” là “*dầu quốc độ An Lạc có quả báo thể của hàng Nhị Thừa thì cũng chẳng trở ngại gì! Chờ đến sau khi đã thấy Phật, họ bèn phát Bồ Đề tâm, chẳng còn sanh khởi chủng tử Nhị Thừa (tâm Nhị Thừa) nữa*”. Cách nói ấy chính là cho rằng [trong cõi Cực Lạc] có chủng tánh và quả báo thể Nhị Thừa; [nói như vậy thì đã] trái nghịch ý Phật và nghĩa lý trong kinh, mà cũng chẳng phù hợp hàm ý của câu “*Nhị Thừa chủng bất sanh*” trong bộ luận này.

Có lẽ sẽ có người hỏi: “*Chẳng phải là trong kinh đã nói thế giới Cực Lạc có vô lượng đệ tử Thanh Văn, có sao nói chẳng có danh xưng đáng bị chê gièm là Nhị Thừa?*”? Đáp: Như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Kỳ chư Thanh Văn, Bồ Tát, thiên nhân... hàm đồng nhất loại, hình vô dị trạng, đản nhân thuận dư phương, cố hữu nhân thiên (Nhị Thừa) chi danh... phi thiên, phi nhân (diệc phi Nhị Thừa)*” (Các vị Thanh Văn, Bồ Tát, trời người ấy đều cùng một loại, không có hình dạng sai khác, chỉ vì thuận theo phương khác mà có danh xưng trời, người (Nhị Thừa)... [những chúng sanh ấy] chẳng phải là trời, chẳng phải là người, mà cũng chẳng phải là Nhị Thừa). Giả sử thật sự có hàng Nhị Thừa, thì sẽ chẳng thành “*cùng một loại*” được!

Lại nữa, nguyện thứ mười một trong bốn mươi tám nguyện là: “*Quốc trung thiên nhân, bất trụ Định Tụ (tức Bất Thoái Chuyển Bồ Tát), bất thủ Chánh Giác*” (Trời người trong nước chẳng trụ trong Định Tụ (tức Bất Thoái Chuyển Bồ Tát), tôi sẽ chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác). Nguyện thứ mười sáu: “*Quốc trung nữ chí vãng hữu bất thiện danh giả, bất thủ Chánh Giác*” (Cho đến trong nước mà nghe thấy có danh xưng bất thiện thì tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác). Lại còn có rất nhiều lời nguyện đều nói rất rõ ràng “*quốc trung Bồ Tát*”

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

(Bồ Tát trong nước) chẳng nói đến Nhị Thừa.

Kinh nói “*cõi ấy Thanh Văn vô số*” là nói đến các chúng sanh phát nguyện vãng sanh cõi ấy số đến vô lượng, trong ấy lại có rất nhiều vị Thanh Văn hồi Tiểu hướng Đại. Đã sanh trong Tịnh Độ, trước hết là đoạn Kiến Tư phiền não, tương tự như sở chứng của Thanh Văn, bèn được gọi bằng danh xưng Thanh Văn. Thật ra, quyết định chẳng có quả báo thể của Thanh Văn. Trong Tịnh Độ của mười phương chư Phật, đều là “*chẳng thể đối nghiệp vãng sanh*”, chỉ riêng An Lạc Tịnh Độ là có thể mang theo nghiệp chủng vãng sanh. Đã sanh [Cực Lạc] rồi bèn đoạn [nghiệp chủng ấy]. Trong phần trước, tôi đã có nói, quốc độ An Lạc được thành tựu bởi công đức nơi bốn nguyện của A Di Đà Phật. Hết thấy danh tướng và sự vật [trong Cực Lạc] đều là khó nghĩ, khó bàn, chẳng thể coi giống như trong thế gian này được! Đây chính là chỗ đặc thù của pháp môn Tịnh Độ!

Lời Luận nói: “*Đẳng giả, bình đẳng nhất tướng cố*” (“Đẳng” là bình đẳng nhất tướng). Đây chính là Luận Chủ giải thích: Chúng sanh trong ba bậc chín phẩm sau khi đã vãng sanh Tịnh Độ, cùng đạt được quả báo thể bình đẳng nhất tướng của Đại Thừa, tất nhiên chẳng có những thể tướng sai biệt như Nhị Thừa, nữ nhân, căn khuyết. Như kinh Vô Lượng Thọ có nói: “*Quốc trung thiên nhân, hình sắc bất đồng, hữu hảo xú giả... bất tất thành mãn tam thập nhị đại nhân tướng giả... bất tất chân kim sắc giả, bất thủ Chánh Giác*” (Trời, người trong nước hình sắc khác nhau, có kẻ xấu người đẹp... chẳng đều thành tựu viên mãn ba mươi hai tướng đại nhân... [sắc thân] không đều là màu vàng ròng, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác). Những lời nguyện ấy đều có thể chứng minh: Bất luận là phàm phu, Nhị Thừa, hay Bồ Tát, chỉ cần vãng sanh Cực Lạc, sẽ đều bình đẳng cùng là ba mươi hai tướng đại nhân (“*đại nhân*” là Phật, Bồ Tát) y hệt như nhau, tuyệt đối chẳng có thể tướng và danh xưng “*Nhị Thừa, nữ nhân, căn khuyết*” đáng bị chê gièm.

Ngài Đàm Loan nói: Trong thế giới Sa Bà này, do chúng sanh tạo nghiệp bất đồng, chắc chắn sẽ có đủ thứ thể tướng quả báo sai khác. Chẳng hạn như chư thiên trong cõi trời Lục Dục, đối với thức ăn trong cùng một bát đựng, tùy theo nghiệp đã tạo của mỗi vị mà đạt được phước trời khác nhau, sẽ trông thấy các món ăn có thể tướng sai khác. Lại như phẩm Phật Quốc của kinh Duy Ma Cật có nói: “*Phật dĩ túc chỉ án địa, tức thời tam thiên đại thiên thế giới, nhược can bách thiên trân bảo nghiêm sức. Hữu như Bảo Trang Nghiêm Phật Vô Lượng Công*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Đức Bảo Trang Nghiêm độ” (Đức Phật dùng ngón chân nhấn xuống đất, ngay lập tức tam thiên đại thiên thế giới có trăm ngàn trân bảo trang hoàng dường ấy, giống như cõi Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm của Bảo Trang Nghiêm Phật). Đây là hình dung Thích Ca Thế Tôn đã trải qua vô lượng kiếp tu tập nghiệp lực công đức vô lậu khác nhau, cho nên có thể khiến cho chỗ bị ngón chân nhấn xuống (kinh văn gọi là “*án địa*”) toàn là vàng ròng, trân bảo cùng lúc nhanh chóng hiện ra.

Hai điều thí dụ ấy đều nhằm thuyết minh: Chúng sanh trong cõi này (thế giới Sa Bà) chẳng thể bình đẳng có cùng một tướng, chỉ riêng những chúng sanh có thể phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, tu pháp môn ngũ niệm, phát nguyện mong vãng sanh An Lạc Tịnh Độ, tuy vốn có thể tướng sai khác bất đồng trong ba bậc, nay đã thành tựu Tịnh nghiệp, được sanh vào Tịnh Độ, thì đều là liên hoa hóa sanh, một tướng bình đẳng, đều là tướng Bồ Tát, quyết định chẳng có mảy may thể tướng quả báo bất đồng. Giống như tại tỉnh Sơn Đông của Trung Hoa có hai con sông Truy và Thằng⁵⁴, đổ vào biển thì là cùng một vị. Như thiên Cửu Lưu trong Tân Luận có nói: “*Sông Truy và sông Thằng khác nguồn, cùng chảy vào biển. Âm Cung và âm Thương khác tiếng, đều hòa hợp trong nhạc*”. Do vậy, ngài Đàm Loan dùng sự thật “*hai con sông Truy và Thằng cùng đổ vào biển, sẽ là thuần nhất tướng nhất vị*” để hình dung thế giới An Lạc thuần là Đại Thừa thiện căn giới, như biển một tướng, một vị, chẳng hề sai biệt! Chúng sanh thuộc ba bậc chín phẩm sai khác, hễ được sanh về cõi ấy, liền như vào trong biển cả, chẳng còn có thể tướng bất đồng. Chỉ có An Lạc Tịnh Độ được thành tựu bởi bốn nguyện của A Di Đà Phật thì mới có quả báo chẳng thể nghĩ bàn như thế!

⁵⁴ Sông Truy còn gọi là Truy Thủy, thượng nguồn gồm có bốn nhánh sông Thạch Mã, Nam Bắc Sơn, Hạ Trang, và Trì Thượng. Sông Thạch Mã là nguồn chính của sông Truy. Sông bắt nguồn từ huyện Lai Vu của thành phố Tế Nam (tỉnh Sơn Đông). Sông chảy từ Tây sang Đông, dài đến 155 km, lưu vực rộng hơn 1.500 km². Kinh đô Lâm Truy của nước Tề thời cổ đã được đặt tên theo con sông này.

Sông Thằng còn gọi là Thằng Thủy hoặc Thằng Trì, chảy từ Nam lên Bắc, phát nguyên từ huyện Lâm Truy tỉnh Sơn Đông, nhỏ hơn sông Truy rất nhiều. Sông chảy đến phía Nam huyện Thanh Trang chia làm hai nhánh, nhánh Bắc đổ vào huyện Bắc Học vẫn gọi là Thằng Thủy, nhánh phía Nam chảy qua huyện Ngô Đài, nhập lưu với Họa Thủy, đổi tên thành Hệ Thủy.

2.2.2.2.3.1.1.2.2.17. Công đức hết thấy mong cầu đều được thỏa mãn

(Luận) Trang nghiêm nhất thiết sở cầu mãn túc công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Chúng sanh sở nguyện nhạo, nhất thiết năng mãn túc” cố.

(Chú) Thử vân hà bất tư nghị? Bỉ quốc nhân thiên, nhược dục nguyện vãng tha phương thế giới vô lượng Phật sát, cúng dường chư Phật, Bồ Tát, cập sở tu cúng dường chi cụ, vô bất xứng nguyện. Hựu dục xả bỉ thọ mạng, hướng dư quốc sanh, tu đoản tự tại, tùy nguyện giai đắc, vị giai tự tại chi vị, nhi đồng tự tại chi dụng, yên khả tư nghị?

(論)莊嚴一切所求滿足功德成就者，偈言：眾生所願樂，一切能滿足故。

(註)此云何不思議？彼國人天，若欲願往他方世界無量佛刹，供養諸佛菩薩，及所須供養之具，無不稱願。又欲捨彼壽命，向餘國生，修短自在，隨願皆得，未階自在之位，而同自在之用。焉可思議？

(Luận:) “Thành tựu công đức trang nghiêm hết thấy mong cầu đều được thỏa mãn” là như kệ nói: “Điều chúng sanh mong thích, hết thấy đều thỏa mãn”.

Chú: Vì sao điều này là chẳng thể nghĩ bàn? Người, trời trong cõi ấy nếu muốn đến vô lượng cõi Phật trong các thế giới ở phương khác để cúng dường chư Phật, Bồ Tát, và những vật cần dùng để cúng dường, không gì chẳng tương xứng ước nguyện. Lại muốn xả thọ mạng trong cõi ấy để sanh vào cõi khác, thọ mạng dài hay ngắn đều thuận theo ước nguyện mà đạt được, chưa đạt đến địa vị tự tại mà có cùng tác dụng tự tại y hết, há có thể nghĩ bàn nổi ư?)

Hết thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc đều có thể thỏa mãn nguyện cầu của chúng sanh thuộc chín pháp giới khắp mười phương. Chẳng hạn như hết thấy nữ nhân đều nguyện chuyển nữ thành nam, cho nên trong cõi ấy chẳng có thân nữ để thỏa mãn nguyện ấy. Chúng sanh trong tam đồ đều nguyện mau chóng lìa khỏi khổ quả trong tam đồ, cho nên cõi ấy không chỉ là chẳng có ba ác đạo, mà cũng chẳng có danh xưng tam đồ khổ nạn để thỏa mãn cái nguyện ấy. Mọi người đều mong cầu lìa khỏi được vui, trường sanh bất

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

tử, cho nên trong cõi ấy chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng những sự vui. Đã thế, ai nấy đều thọ vô lượng, thuần nhất là Chánh Định Tự, chẳng có chúng sanh thuộc Tà Định và Bất Định để thỏa mãn mong cầu của hết thảy mọi người. Chư thiên tuy vui sướng, nhưng vẫn ở trong nhà lửa tam giới, khó thoát khỏi luân hồi. Do vậy, cõi ấy vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vượt xa tam giới, để thỏa mãn điều mong cầu của trời người. Những cõi Phật khác hoặc là có các loại Nhị Thừa, nữ nhân, kẻ căn khuyết, chẳng đẹp đẽ viên mãn. Vì thế, cõi ấy (Cực Lạc) là Đại Thừa thiện căn giới, chẳng có những quả báo thể đáng bị chê gièm như Nhị Thừa v.v... ngay cả danh xưng cũng chẳng có!

Các vị Bồ Tát tu nan hành Bồ Tát đạo, ắt phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp thì mới được thành Phật, lại còn thường bị thoái chuyển. Thường nói là *“học đạo giống như chèo thuyền ngược nước, vừa mới ngừng chèo liền bị trôi tuột xuống”*. Do vậy, Bồ Tát phát tâm đông đảo, nhưng người thành tựu Phật quả có thể nói là quá ít. Do vậy, cõi ấy phải ban cho các vị Bồ Tát bình phàm một phương tiện Di Hành Đạo, tức là *“đời nghiệp vãng sanh”*. Đã vãng sanh, sẽ vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, trong một đời liền có thể rốt ráo đạt đến địa vị [Nhất Sanh] Bồ Xứ Bồ Tát để mãn nguyện *“thượng cầu, hạ hóa”* của hàng Bồ Tát. Do những điều vừa nói trên đây, thế giới An Lạc xác thực là có thể thỏa mãn hết thảy nguyện cầu của chúng sanh trong chín pháp giới, chẳng trách mười phương chư Phật đều ca ngợi cõi ấy là chẳng thể nghĩ bàn!

Lời chú giải của ngài Đàm Loan chỉ dùng sự thật mọi người đã sanh về cõi ấy đều tùy ý tự tại như bậc Địa Thượng Bồ Tát để giải thích [ý nghĩa] *“điều mong cầu đều thỏa”*. Như kinh Vô Lượng Thọ có nói: *“Quốc trung thiên nhân, thọ mạng vô năng hạn lượng, trừ kỳ bốn nguyện, tu đoản tự tại”* (Trời, người trong nước thọ mạng chẳng thể hạn lượng, trừ khi do bốn nguyện mà dài hay ngắn tự tại). Lại nói: *“Phụng sự ức Như Lai, phi hóa biến chư sát, cung kính hoan hỷ khứ, hoàn đảo An Dưỡng quốc”* (Phụng sự ức Như Lai, biến hóa bay đến trọn khắp các cõi, [cúng dường xong] hoan hỷ, cung kính ra đi, trở về cõi An Dưỡng). *“Nãi chí thành Phật, bất thọ ác thú, thần thông tự tại, thường thức túc mạng, trừ sanh tha phương ngũ trược ác thế, thị hiện đồng bi”* (Cho đến khi thành Phật, chẳng sanh trong đường ác, thần thông tự tại, thường biết túc mạng, trừ khi sanh trong đời ác ngũ trược ở phương khác bèn thị hiện giống như họ). Những điều ấy đều được thành tựu bởi công đức từ các nguyện thứ mười lăm, hai mươi ba, và hai mươi bốn trong bốn nguyện của A Di Đà Phật. Vì thế, [chúng sanh

trong cõi Cực Lạc] có thể chưa phá vô minh, chứng Pháp Thân, còn chưa đăng địa, mà đã có thần thông và trí huệ tương tự bậc Địa Thượng Bồ Tát; thật sự là chẳng thể nghĩ bàn!

2.2.2.2.3.1.2. Thị hiện tự lợi, lợi tha

(Chú) Thị hiện tự lợi lợi tha giả.

(Luận) Lược thuyết bỉ A Di Đà Phật quốc độ thập thất chủng trang nghiêm công đức thành tựu, thị hiện Như Lai tự thân lợi ích đại công đức lực thành tựu, lợi ích tha công đức thành tựu cố.

(Chú) Ngôn lược giả, chương bỉ tịnh độ công đức vô lượng, phi duy thập thất chủng dã. Phù Tu Di chi nhập giới tử, mao khổng chi nạp đại hải, khởi sơn hải chi thần hồ? Mao giới chi lực hồ? Năng thần giả, thần chi nhĩ. Thị cố, thập thất chủng tuy viết lợi tha, tự lợi chi nghĩa bình nhiên, khả tri!

(註)示現自利利他者。

(論)略說彼阿彌陀佛國土十七種莊嚴功德成就，示現如來自身利益大功德力成就，利益他功德成就故。

(註)言略者，彰彼淨土功德無量，非唯十七種也。夫須彌之入芥子，毛孔之納大海，豈山海之神乎？毛芥之力乎？能神者，神之耳。是故，十七種雖曰利他，自利之義炳然，可知！

(Chú: Thị hiện tự lợi, lợi tha.

Luận: Nói đại lược mười bảy thứ công đức trang nghiêm thành tựu trong cõi nước của A Di Đà Phật nhằm thị hiện sức đại công đức thành tựu lợi ích nơi tự thân và sức công đức thành tựu lợi ích người khác của Như Lai.

Chú: Nói là “đại lược” nhằm nêu bày cõi ấy có vô lượng công đức, chẳng phải chỉ là mười bảy thứ. Như núi Tu Di vào trong hạt cải, lỗ chân lông dung nạp biển cả, há có phải là sự thần diệu của núi và biển? Há có phải là sự thần diệu của sợi lông và hạt cải ư? Cái có thể tạo ra sự thần diệu thì mới là thần diệu. Vì thế, mười bảy thứ ấy tuy nói là lợi lạc kẻ khác, nhưng có thể biết là ý nghĩa tự lợi đã rạng ngời).

Lời luận nói là “lược thuyết” (nói đại lược) nhằm tỏ rõ tất cả sự vật được trang nghiêm bởi công đức trong quốc độ An Lạc đều là vô

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

lượng vô biên, tán thán chẳng thể cùng tận, chẳng phải là chỉ có mười bảy thứ như đã nói trên đây mà thôi! Như kinh Vô Lượng Thọ đã chép: “*Phật ngôn: - Ngã thuyết Vô Lượng Thọ Phật quang minh, oai thần, nguy nguy thù diệu, trú dạ nhất kiếp, thượng vị năng tận... Ư nhất thiết pháp, nhi đắc tự tại*” (Phật nói: “Ta nói quang minh và oai thần vôi vọi mầu nhiệm đặc biệt của Vô Lượng Thọ Phật đầu suốt ngày đêm trọn cả một kiếp vẫn chưa thể nói hết được... Ngài được tự tại trong hết thấy các pháp”). Do vậy, ngài Đàm Loan nêu lên chuyện núi Tu Di to lớn mà có thể vào trong một hạt cải bé tí, dùng một lỗ chân lông bé tẹo mà có thể chứa đựng biển cả vẫn còn thừa! Dùng cảnh giới “*lớn nhỏ dung nạp lẫn nhau, tự tại vô ngại*” chẳng thể nghĩ bàn trong Hoa Tạng để hình dung hết thấy sự trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn của An Lạc Tịnh Độ, hoàn toàn chẳng phải là do những sự vật ấy vốn sẵn có sự chẳng thể nghĩ bàn ấy, mà là do diệu dụng thần thông tự tại (lời chú giải gọi điều này là “*thần chi nhĩ*”) của A Di Đà Phật (lời chú giải dùng chữ “*năng thần giả*” để hình dung) thành tựu vậy!

Do vậy, lời luận nêu đại lược mười bảy thứ công đức trang nghiêm tuy đều là do A Di Đà Phật chẳng nở thấy chúng sanh chịu khổ bèn duyên khởi đại bi tâm, trang nghiêm Tịnh Độ để khiến cho hết thấy chúng sanh vãng sanh cõi ấy sẽ đắc Bất Thoái Chuyển, đồng thành Phật đạo, cho nên có công đức trang nghiêm lợi tha như thế đó; nhưng hết thấy việc làm của Phật, Bồ Tát không gì chẳng chính là từ ngay lợi tha mà có tự lợi, công đức vẫn quy về chính mình. Những cái gọi là “*tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông*” của Phật há chẳng phải là được thành tựu bởi những công đức chẳng thể nghĩ bàn ấy ư? Vì thế nói: Thị hiện sự thành tựu bởi sức đại công đức lợi ích nơi tự thân và sự thành tựu bởi công đức lợi ích người khác của Như Lai.

2.2.2.2.3.1.3. Nhập Độ Nhất Nghĩa Đế

(Chú) Nhập Độ Nhất Nghĩa Đế giả.

(Luận) Bỉ Vô Lượng Thọ Phật quốc độ trang nghiêm, Độ Nhất Nghĩa Đế diệu cảnh giới tướng, thập lục cú cập nhất cú, thứ đệ thuyết, ưng tri.

(Chú) Độ Nhất Nghĩa Đế giả, Phật nhân duyên pháp dã. Thứ Đệ thị cảnh nghĩa. Thị cố trang nghiêm đẳng thập lục cú, xưng: “Vi diệu cảnh giới tướng”. Thứ nghĩa chí nhập “nhất pháp cú” văn, đương cánh giải thích.

(註)入第一義諦者。

(論)彼無量壽佛國土莊嚴，第一義諦妙境界相，十六句及一句，次第說，應知。

(註)第一義諦者，佛因緣法也。此諦是境義。是故莊嚴等十六句，稱：為妙境界相。此義至入一法句文，當更解釋。

(*Chú*: Nhập Đệ Nhất Nghĩa Đế.

Luận: Sự trang nghiêm nơi cõi nước Vô Lượng Thọ Phật là tướng cảnh giới mâu nhiệm thuộc Đệ Nhất Nghĩa Đế, hãy nên biết có mười sáu câu và một câu được nói theo thứ tự.

Chú: Đệ Nhất Nghĩa Đế là pháp nhân duyên của Phật. Đế ấy có nghĩa là “cảnh”, cho nên mười sáu câu nói về các sự trang nghiêm được gọi là “tướng cảnh giới vi diệu”. Cho đến phần kinh văn “vào trong một pháp cú” sẽ giải thích ý nghĩa này).

“Đế” (諦) có nghĩa là “sự chân thật được mọi người cùng nhận biết”. [Nói là] Đệ Nhất Nghĩa Đế nhằm vạch rõ “chẳng phải là Thế Tục Đế”. Thế Tục Đế là những điều được công nhận thông thường, tức là hết thấy các sự vật và danh tướng được sanh bởi nhân duyên trong thế gian, tuy có mối quan hệ nhân quả và ý nghĩa bao hàm phụ thuộc, được mọi người công nhận, nhưng chúng chẳng phải là tướng chân thật của các pháp. Nếu là Đệ Nhất Nghĩa Đế, còn gọi là Thắng Nghĩa Đế, thì dù có Phật hay không, Thật Tướng của các pháp vốn sẵn tồn tại như thế, là cảnh giới đặc thù mà tất cả những vọng thức bình phàm chẳng thể liễu tri được!

Như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Trí Giả đại sư đã viết: “Thật Tướng là pháp do chư Phật đạt được, vì thế gọi là Diệu Hữu. Thật Tướng chẳng phải là Hữu trong Nhị Biên (tức là Hữu trong Vô và Hữu), cho nên gọi là Tất Cảnh Không. Lý Không vắng vặc, chẳng một, chẳng khác, nên gọi là Như Như. Thật Tướng tịch diệt, nên gọi là Niết Bàn. Đã giác sẽ chẳng thay đổi, nên gọi là Hư Không Phật Tánh. Do chứa đựng, tiếp nhận nhiều nên gọi là Như Lai Tạng. Chẳng nương theo Hữu, chẳng phụ thuộc Vô, nên gọi là Trung Đạo. Tối thượng không chi hơn nên gọi là Đệ Nhất Nghĩa Đế”. Đây chính là nhất tâm nhị môn do chư Phật đã chứng, được gọi là “*pháp nhân duyên của Phật*”.

Phật chứng Tâm Chân Như Môn, nên các pháp được Ngài thấy chẳng phải là Hữu trong Nhị Biên, có cùng một tướng, được gọi là Tất Cảnh Không, không hai, không khác. Phật chứng Tâm Sanh Diệt Môn, vì thế tùy duyên mà có thể dấy lên sâm la vạn tượng. Y báo và chánh báo của thế giới Cực Lạc chính là pháp sanh bởi nhân duyên của Phật, do đó gọi là tướng cảnh giới vi diệu thuộc Đệ Nhất Nghĩa Đế, cũng chính là Thật Tướng của các pháp “*nhất tâm nhị môn, Không Hữu bất nhị, Lý Sự vô ngại*”. Đây chẳng phải là cảnh giới mà vọng thức của kẻ thế tục có thể liễu tri được! Trong phần sau, khi đến phần giải thích câu “*nhập nhất pháp cú*” (vào trong một pháp cú), ngài Đàm Loan sẽ nói rõ tường tận hơn!

(Chú) Cập nhất cú thứ đệ giả, vị quán khí tịnh đẳng, tổng biệt thập thất cú quán hạnh thứ đệ dã. Vân hà khởi thứ đệ? Kiến chương ngôn: “Quy mạng Vô Ngại Quang Như Lai, nguyện sanh An Lạc quốc”.

(註)及一句次第者，謂觀器淨等，總別十七句觀行次第也。云何起次第？建章言：歸命無礙光如來，願生安樂國。

(Chú: “Và một câu theo thứ tự” là nói đến quán hạnh theo thứ tự gồm mười bảy quán hạnh tổng tướng và biệt tướng nơi khí thể gian thanh tịnh v.v... Vì sao [các tướng ấy] dấy lên thứ tự? Trong phần mở đầu [của bộ luận này], đã có nói: “Quy mạng Vô Ngại Quang Như Lai, nguyện sanh An Lạc quốc”).

Quán quốc độ An Lạc như đã nói trên đây tổng cộng có mười bảy thứ trang nghiêm công đức thành tựu, tất nhiên là có cảnh giới quán hạnh sanh khởi theo thứ tự tổng và biệt. Nói theo sự quán tướng thanh tịnh nơi khí thể gian của cõi ấy thì lấy ngay câu “*quán bỉ thế giới tướng, thắng quá tam giới đạo*” (quán tướng thế gian ấy, vượt xa đạo tam giới) làm tổng tướng, mười sáu thứ tướng trang nghiêm phân biệt sau đó là biệt tướng. Nếu dựa theo quán sát khí thể gian và chúng sanh thế gian có tất cả hai mươi chín thứ trang nghiêm công đức để nói thì phần mở đầu của kệ tụng (lời chú giải gọi phần này là “*kiến chương*”) có nói: “*Quy mạng... nguyện sanh An Lạc quốc*”, đây chính là tổng tướng. Hai mươi chín thứ trang nghiêm sau đó đều là các biệt tướng do nương theo tổng tướng mà sanh khởi. Chúng ta phải nên biết thứ tự

sanh khởi của tông tướng và biệt tướng.

(Chú) Thử trung hữu nghi, nghi ngôn: “Sanh vi Hữu bản, chúng lụy chi nguyên, khí sanh, nguyên sanh, sanh hà khả tận?” Vị thích thử nghi, thị cố quán bỉ Tịnh Độ trang nghiêm công đức thành tựu, minh bỉ Tịnh Độ thị A Di Đà Như Lai thanh tịnh bản nguyện vô sanh chi sanh, phi như tam hữu hư vọng sanh dã.

(註)此中有疑，疑言：生為有本，眾累之元，棄生，願生，生何可盡？為釋此疑，是故觀彼淨土莊嚴功德成就，明彼淨土是阿彌陀如來清淨本願無生之生，非如三有虛妄生也。

(Chú: Trong ấy có điều nghi như sau: “Sanh là cội gốc của Hữu, là nguồn cội của các phiền lụy, [nếu cứ] lìa bỏ sanh hay nguyên sanh thì làm sao sanh có thể cùng tận cho được?” Nhằm cởi gỡ mối nghi này, cho nên quán sự trang nghiêm của Tịnh Độ được thành tựu bởi công đức, chỉ rõ cội Tịnh Độ ấy là do bản nguyện thanh tịnh của A Di Đà Như Lai vô sanh mà sanh, không giống sự sanh khởi hư vọng trong tam hữu).

Ngài Đàm Loan sợ người nghe nẩy sanh lòng nghi chẳng tin, nên đặc biệt mổ xẻ, phân tích. Các pháp do nhân duyên mà sanh, các pháp do nhân duyên mà diệt, do cái này sanh nên cái kia sanh, do cái này diệt nên cái kia diệt. Đây chính là chân lý trong vũ trụ. Biết những gì được sanh bởi duyên thì chẳng thật, chẳng có mà có, sanh chính là vô sanh, sẽ chẳng bị Sanh trói buộc, chẳng có ương hoạn, phiền lụy bởi sanh tử. Đây được gọi là “giải thoát đạo nhân”. Những kẻ bình phàm so đo, chấp trước “sanh là thật sanh” thì Sanh là cội gốc của Hữu. Đã có cái thật sự sanh, ắt có cái thật sự diệt. Đây chính là cội nguồn của nỗi khổ hoạn sanh tử. Đây gọi là “chúng sanh khổ não”. Do vì các tôn giáo bình phàm trong thế gian này, có tôn giáo cầu trường sanh, có tôn giáo cầu được sống đời đời, [những tôn giáo dạy như vậy đều] nhằm thỏa mãn mong cầu “tham sống chẳng chết” của mọi người, nhưng Phật pháp đã chỉ ra: “Ắt cần phải là vô sanh thì mới có thể vô diệt”. Niết Bàn của tam thừa (Nhị Thừa, Bồ Tát, Phật) đều là tâm tánh và pháp tánh để đều cùng chứng vô sanh vô diệt.

Do vậy, vượt thoát sanh tử luân hồi. Pháp môn Tịnh Độ tuy diệt trừ, thoát lìa sự sanh tử trong tam giới, nhưng nguyện sanh về quốc độ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

An Lạc, liên hoa hóa sanh, nương theo bốn nguyện thanh tịnh của A Di Đà Phật và tâm tánh thanh tịnh của người vãng sanh, nhân duyên hòa hợp, tuy vô sanh mà hiện ra có sanh. Tuy có thị hiện vãng sanh, nhưng ắt cần phải chứng vô sanh vô diệt. Đây chính là chỗ khác biệt so với pháp sanh diệt của chúng sanh thuộc tam giới trong cõi này. Không chỉ là chẳng có các ương hoạn, phiền lụy sanh tử luân hồi, mà còn có công đức Thường Lạc Ngã Tịnh chân thật. Không chỉ là người vãng sanh được như thế, mà hết thấy sự trang nghiêm được thành tựu bởi công đức trong cõi ấy không gì chẳng phải là như vậy. Vô sanh mà sanh, sanh chính là vô sanh, Chân Không Diệu Hữu, Diệu Hữu Chân Không.

(Chú) Hà dĩ ngôn chi? Phù pháp tánh thanh tịnh, tất cánh vô sanh. Ngôn “sanh” giả, thị đắc sanh giả chi tình nhĩ. Sanh cầu vô sanh, sanh hà sở tận? Tận phù sanh giả, thượng thất vô vi năng vi chi thân, hạ duyên tam không bất không chi cố. Căn bại vĩnh vong, hào chấn tam thiên, vô phản, vô phục, u tư chiêu sử.

(註)何以言之？夫法性清淨，畢竟無生。言生者，是得生者之情耳。生苟無生，生何所盡？盡夫生者，上失無為能為之身，下酬三空不空之愆。根敗永亡，號振三千，無反無復，於斯招恥。

(Chú: Vì sao nói như vậy? Pháp tánh thanh tịnh, rốt ráo vô sanh. Nói “sanh” thì chính là tình kiến của người được sanh [vào cõi Cực Lạc]. Nếu sanh mà vô sanh thì sanh làm sao cùng tận cho được? Nếu sanh mà có tận thì trên là đã mất cái thân “không làm mà có thể làm” [của Phật, Bồ Tát], dưới là mê đắm trong cố tật “tam không bất không”, [trở thành] căn tánh hư bại vĩnh viễn hư mất [của hàng Nhị Thừa], [đối với các chúng sanh đau khổ đang] gào khóc chấn động tam thiên đại thiên bèn chẳng trở lại, chẳng quay về [cứu độ họ]. Do vậy, chuốc lấy nỗi nhục).

Vì sao nói hết thấy [y báo và chánh báo] trong Tịnh Độ đều là vô sanh mà sanh? Đây chính là vì pháp tánh vốn sẵn thanh tịnh, rốt ráo vô sanh, vô diệt, giống như gương sáng hiện các hình bóng. Xét theo bản thể, gương tròn chẳng có “sanh, diệt, đến, đi” để có thể được! Nói “sanh” tức là liễu đạt tâm tánh tự thanh tịnh, các pháp chỉ là nhất tâm nương theo nhân duyên mà sanh khởi, đây chính là chân tình thật tướng của “sanh mà vô sanh” vậy. Như Trung Luận đã nói: “[Đối với] các

pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói chính là Không (vô sanh)”. Hết thầy các pháp sanh bởi nhân duyên đã là vô sanh, vậy thì còn có pháp gì sanh để có thể diệt hết sạch ư? Giả sử tồn tại cách nghĩ “diệt tận” (lời chú giải nói là “tận phù sanh giả”) để chứng lầy, hướng lên trên thì đã mất công dụng “an trụ trong Lý Thể vô vi mà làm Phật sự hữu vi” của Phật, Bồ Tát. Hướng xuống dưới thì say sưa, chìm đắm (lời chú giải diễn tả điều này bằng chữ “duyên”, 𣎵) trong ba món tam-muội Không, Vô Tướng, Vô Tác (tam không), có khi chẳng thể tránh khỏi căn bệnh (cố tật) từ Không xuất Giả.

Như phẩm Tín Giải trong kinh Pháp Hoa đã chép: “*Đản niệm Không, Vô Tướng, Vô Tác, ư Bồ Tát pháp, du hý thần thông, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, tâm bất hỷ nhạo. Sở dĩ giả hà? Ngã đẳng xuất ư tam giới, đắc Niết Bàn chứng*” (Chỉ nghĩ tới Không, Vô Tướng, Vô Tác, đối với các pháp của Bồ Tát, du hý thần thông, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sanh, tâm chẳng ưa thích. Vì có sao vậy? Chúng con do đã thoát khỏi tam giới bèn nghĩ là đã chứng Niết Bàn). Như vậy thì sẽ trở thành “*mâm lép, hạt giống hư*” của hàng Nhị Thừa nát thân diệt trí, dầu chứng đắc A La Hán hay Bích Chi Phật, thanh danh vang rền tam thiên đại thiên thế giới, nhưng đối với chúng sanh trong tam giới có ích lợi chi đâu (lời chú giải dùng chữ “*vô phán, vô phục*” (chẳng trở lại, chẳng quay về) để diễn tả ý “hàng Nhị Thừa chẳng muốn trở vào tam giới cứu độ chúng sanh”). Nếu nhìn theo [quan điểm] của một vị Đại Thừa Bồ Tát thì sẽ là đáng hổ thẹn vậy!

(Chú) Thể phù sanh lý, vị chi Tịnh Độ. Tịnh Độ chi trạch, sở vị: Thập thất cú thị dã. Thập thất cú trung, tổng biệt vi nhị. Sơ cú thị tổng tướng, sở vị: Thị thanh tịnh Phật độ quá tam giới đạo. Bĩ quá tam giới hữu hà tướng? Hạ thập lục chủng trang nghiêm công đức thành tựu tướng thị dã.

(註)體夫生理，謂之淨土。淨土之宅，所謂：十七句是也。十七句中，總別為二。初句是總相，所謂：是清淨佛土過三界道。彼過三界有何相？下十六種莊嚴功德成就相是也。

(Chú: Thấu hiểu lý Sanh thì gọi là Tịnh Độ. Ngôi nhà Tịnh Độ (ý nói “hình trạng” của Tịnh Độ) được diễn tả bằng mười bảy câu. Trong mười bảy câu, có hai loại tướng là Tổng và Biệt. Câu đầu tiên là tổng tướng, tức là nói cõi Phật thanh tịnh vượt xa các đường trong tam giới.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Cõi ấy có những tướng nào vượt xa tam giới? Mười sáu thứ trang nghiêm công đức thành tựu sau đó chính là những tướng ấy).

Nếu có thể thấu hiểu “*pháp tánh vô sanh*” mà có các pháp duyên sanh; vô sanh là Tâm Chân Như Môn, thuộc về Chân Đế. Duyên sanh là Tâm Sanh Diệt Môn, thuộc về Tục Đế. Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế) và nhị môn (Tâm Chân Như Môn và Tâm Sanh Diệt Môn) chẳng một, chẳng khác, tức là tâm tánh của bọn chúng ta. Pháp tánh của các pháp là “*Lý Sự vô ngại, Nhị Đế viên dung*”. Sở chứng của chư Phật chính là điều này, những điều các Ngài nói ra cũng là điều này, thành tựu thân Phật và Tịnh Độ cũng là do điều này.

Nếu chỉ nói theo An Lạc Tịnh Độ do A Di Đà Phật thành tựu, cõi ấy chẳng phải là tướng “*tam giới chẳng an, ví như nhà lửa, các khổ đầy rẫy, rất đáng kinh sợ*” như cõi Sa Bà do đức Thích Ca thị hiện, mà là tướng được trang nghiêm bởi mười bảy thứ (lời luận gọi mười bảy thứ ấy là “*thập thất cú*”, tức mười bảy câu) công đức thành tựu như Luận Chủ đã nói trong Nguyên Sanh Kệ. Đây là trong mười bảy thứ công đức, có Tổng và Biệt. Tổng thì như nửa bài kệ đầu tiên chính là tổng tướng, tức [hai câu] “*quán bỉ thế giới tướng, thắng quá tam giới đạo*” (quán tướng thế giới ấy, vượt xa tam giới đạo), được gọi là “*quán sát trang nghiêm thanh tịnh công đức thành tựu*”. Sự thanh tịnh ấy chính là tổng tướng. Bắt đầu từ “*trang nghiêm lượng công đức thành tựu*” cho đến “*công đức thành tựu hết thấy điều mong cầu được thỏa mãn*” bao gồm tất cả mười sáu thứ tướng công đức trang nghiêm thành tựu; đây chính là biệt tướng khiến cho An Lạc Tịnh Độ vượt xa tam giới đạo.

(Chú) Nhất giả lượng, cứu cánh như hư không, quảng đại vô biên tế cố. Ký tri lượng, thử lượng dĩ hà vi bản? Thị cố quán tánh, tánh thị bản nghĩa. Bỉ Tịnh Độ từng chánh đạo đại từ bi, xuất thế thiện căn sanh. Ký ngôn xuất thế thiện căn, thử thiện căn sanh hà đẳng tướng? Thị cố, thử quán trang nghiêm hình tướng. Ký tri hình tướng, nghi tri hình tướng hà đẳng thể? Thị cố, thử quán chủng chủng sự. Ký tri chủng chủng sự, nghi tri chủng chủng sự diệu sắc. Thị cố, thử quán diệu sắc. Ký tri diệu sắc, thử sắc hữu hà xúc? Thị cố, thử quán xúc. Ký tri thân xúc, ưng tri nhãn xúc. Thị cố, thử quán thủy địa hư không trang nghiêm tam sự. Ký tri nhãn xúc, ưng tri tỳ xúc. Thị cố, thử quán y, hoa, hương huân. Ký tri nhãn tỳ đẳng xúc,

tu tri ly nhiễm. Thị cố, thứ quán Phật huệ minh chiếu. Ký tri huệ quang tịnh lực, nghi tri thanh danh viên cận. Thị cố, thứ quán phạm thanh viên văn. Ký tri thanh danh, nghi tri thù vi tăng thượng. Thị cố, thứ quán chủ. Ký tri hữu chủ, thù vi chủ quyền thuộc. Thị cố, thứ quán quyền thuộc. Ký tri quyền thuộc, nghi tri thử quyền thuộc nhược vi thọ dụng. Thị cố, thứ quán thọ dụng. Ký tri thọ dụng, nghi tri thử thọ dụng hữu nạn, vô nạn. Thị cố, thứ quán vô chư nạn. Ký tri vô chư nạn, dĩ hà nghĩa cố vô chư nạn? Thị cố, thứ quán đại nghĩa môn. Ký tri đại nghĩa môn, nghi tri đại nghĩa môn mãn bất mãn. Thị cố, thứ quán sở cầu mãn túc. Phục thứ, thử thập thất cú, phi dẫn thích nghi. Quán thử thập thất chủng trang nghiêm thành tựu, năng sanh chân thật tịnh tín, tất định đắc sanh bỉ An Lạc Phật độ.

(註)一者量，究竟如虛空，廣大無邊際故。既知量，此量以何為本？是故觀性，性是本義。彼淨土從正道大慈悲，出世善根生。既言出世善根，此善根生何等相？是故，次觀莊嚴形相。既知形相，宜知形相何等體？是故，次觀種種事。既知種種事，宜知種種事妙色。是故，次觀妙色。既知妙色，此色有何觸？是故，次觀觸。既知身觸，應知眼觸。是故，次觀水地虛空莊嚴三事。既知眼觸，應知鼻觸。是故，次觀衣華香薰。既知眼鼻等觸，須知離染。是故，次觀佛慧明照。既知慧光淨力，宜知聲名遠近。是故，次觀梵聲遠聞。既知聲名，宜知誰為增上。是故，次觀主。既知有主，誰為主眷屬。是故，次觀眷屬。既知眷屬，宜知此眷屬若為受用。是故，次觀受用。既知受用，宜知此受用有難，無難。是故，次觀無諸難。既知無諸難，以何義故無諸難？是故，次觀大義門。既知大義門，宜知大義門滿不滿。是故，次觀所求滿足。復次，此十七句，非但釋疑。觀此十七種莊嚴成就，能生真實淨信，必定得生彼安樂佛土。

(Chú: Một là lượng, do rộng rãi như hư không, rộng lớn không ngăn mé. Đã biết lượng, lượng ấy lấy gì làm gốc? Vì thế quán tánh, tánh có nghĩa là “gốc”. Cõi Tịnh Độ ấy sanh từ chánh đạo đại từ bi,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

thiện căn xuất thế. Đã nói là thiện căn xuất thế, thiện căn ấy sanh ra những tướng nào? Vì thế, kể đó quán hình tướng trang nghiêm. Đã biết hình tướng, hãy nên biết hình tướng có bản thể như thế nào? Vì thế, kể đó quán các thứ sự. Đã biết các thứ sự, hãy nên biết diệu sắc của các thứ sự. Vì thế, kể đó quán diệu sắc. Đã biết diệu sắc, sắc ấy có xúc như thế nào? Vì thế, kể đó quán xúc. Đã biết thân xúc, hãy nên biết nhãn xúc. Vì thế, kể đó quán ba sự trang nghiêm là đất, nước, hư không. Đã biết nhãn xúc, hãy nên biết tỵ xúc. Vì thế, kể đó quán áo, hoa, hương xông. Đã biết nhãn xúc, tỵ xúc v.v... hãy nên biết lìa nhiễm. Vì thế, kể đó quán Phật huệ chiếu sáng. Đã biết sức thanh tịnh của huệ quang, hãy nên biết thanh danh xa hay gần. Vì thế, kể đó là quán Phạm âm vang xa. Đã biết thanh danh, hãy nên biết ai là tăng thượng? Vì thế, kể đó là quán vị giáo hóa chủ. Đã biết là có đáng giáo hóa chủ, ai sẽ là quyến thuộc của đáng giáo hóa chủ? Vì thế, kể đó là quán quyến thuộc. Đã biết quyến thuộc, hãy nên biết thọ dụng của quyến thuộc ấy như thế nào? Vì thế, kể đó quán thọ dụng. Đã biết thọ dụng, hãy nên biết thọ dụng có nạn hay không? Vì thế, quán không có các nạn. Đã biết không có các nạn, do nghĩa nào mà không có các nạn? Vì thế, kể đó là quán đại nghĩa môn. Đã biết đại nghĩa môn, hãy nên biết đại nghĩa môn viên mãn hay không? Vì thế, kể đó là quán những điều mong cầu được thỏa mãn. Lại nữa, mười bảy câu ấy không chỉ là nhằm cởi gỡ mối nghi, mà còn do quán mười bảy thứ trang nghiêm thành tựu ấy, sẽ có thể sanh lòng tin thanh tịnh chân thật, nhất định được sanh về cõi Phật An Lạc ấy).

Đoạn chú giải này của ngài Đàm Loan đã nói rõ thứ tự sanh khởi tất nhiên trước sau của tổng tướng và biệt tướng trong An Lạc Tịnh Độ gồm mười sáu câu [biệt tướng] và một câu [tổng tướng] được nói trong bộ luận này, từng điều phân minh, hoàn toàn phù hợp định luật duyên khởi “do có điều này mà có điều kia” khiến cho người thấy nghe không chỉ là có thể giải trừ nỗi nghi hoặc đối với chuyện vãng sanh Tịnh Độ, mà còn có thể dựa theo thứ tự ấy để quan sát tướng mạo của An Lạc Tịnh Độ. Tuy chưa đắc tam-muội Chánh Thọ, chỉ quan sát bằng thô tâm, vẫn quyết định có thể sanh khởi niềm tin thanh tịnh chân thật, nhất định được sanh vào thế giới An Lạc là cõi Phật thanh tịnh của A Di Đà Phật.

So sánh với chuyện “tu thành tựu mười sáu phép Quán trong Quán Kinh thì mới được vãng sanh Tịnh Độ”, [phép tu pháp môn ngũ

niệm này] thực hiện dễ dàng, thành công cao. Vì có sao? Tu Quán theo Quán Kinh, ắt cần phải đắc tam-muội Chánh Thọ, những cảnh giới mà [người đắc tam-muội do các phép Quán ấy] trông thấy chính là Định Quả Sắc (sắc tướng do kết quả của đắc Định) thuộc về Định Thiện. Quán Sát Môn trong luận này chỉ là tán tâm, có sự quan sát các thứ trang nghiêm trong An Lạc Tịnh Độ bằng Tâm và Tứ⁵⁵, những gì [hành giả] duyên theo chính là ảnh tượng cảnh (影像境)⁵⁶, thuộc về Tán Thiện (散善)⁵⁷. Định Thiện khó thành, Tán Thiện dễ tu. “Khó” là khó đạt được Định Quả Sắc. “Dễ” là do có Phật lực nhiếp thọ, Tán Thiện thì mang theo nghiệp chủng vẫn vãng sanh. Cổ đức nói “*vạn người tu, vạn người đến*” là nói đến chuyện này. Đối với loại công đức lợi ích này, chúng ta phải cảm tạ sự ban thưởng từ bổn nguyện nơi nhân địa và thần lực nơi quả địa của A Di Đà Phật. Trong phần trước, đã phân biệt nói về chuyện quan sát mười sáu thứ trang nghiêm, lời chú giải về thứ tự sanh khởi của chúng dễ hiểu, chẳng cần phải giảng giải cặn kẽ chi nữa!

(Chú) Vấn viết: Thượng ngôn tri sanh vô sanh, đương thị thượng phẩm sanh giả. Nhược hạ hạ phẩm nhân, thừa thập niệm vãng sanh, khởi phi thủ thật sanh da? Đản thủ thật sanh, tức đọa nhị chấp: Nhất, khủng bất đắc vãng sanh. Nhị, khủng cánh sanh sanh Hoặc. Đáp viết: Thí như tịnh ma-ni châu, trí chi trước thủy, thủy tức thanh tịnh. Nhược nhân tuy hữu vô lượng sanh tử chi tội trước, vẫn bĩ A Di Đà Như Lai, chí cực vô sanh, thanh tịnh bảo châu danh hiệu, đầu chi trước tâm, niệm niệm chi trung, tội diệt tâm tịnh, tức đắc vãng sanh.

⁵⁵ Tâm (尋) là một trong năm mươi một Tâm Sở Pháp, như Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận đã giải thích: “*Tâm là như thế nào? Tức là đối với Tư và Huệ sai khác, ý ngôn tìm cầu, có tánh chất khiến cho cái tâm phân biệt thô tướng*”. Tư (伺) cũng là một Tâm Sở Pháp, Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận giảng: “*Tư là như thế nào? Chính là Ý Thức xét nét sự khác biệt giữa Tư và Huệ, khiến cho cái tâm có tánh chất phân biệt tướng vi tế*”. Nói đơn giản, Tâm và Tư là công năng suy xét, truy tìm bản chất sự vật từ nơi hình tướng của chúng, nhưng một đẳng thì chú trọng nơi thô tướng, một đẳng thì chuyên chú nơi tế tướng (tướng vi tế).

⁵⁶ “*Ảnh tượng cảnh*” là hình ảnh của sự vật hoặc sắc pháp được Nhãn Thức nhận biết, lưu giữ trong thức thứ tám (A Lại Da thức).

⁵⁷ Tán Thiện và Định Thiện là hai thứ thiện do ngài Thiện Đạo chủ trương khi chú giải Quán Kinh. Định Thiện là những điều thiện do tu tập bằng Định Tâm, còn Tán Thiện là bỏ ác tu thiện, dùng tán tâm để tu thiện.

(註)問曰：上言知生無生，當是上品生者。若下下品人，乘十念往生，豈非取實生耶？但取實生，即墮二執：一、恐不得往生，二、恐更生生惑。答曰：譬如淨摩尼珠，置之濁水，水即清淨。若人雖有無量生死之罪濁，聞彼阿彌陀如來，至極無生，清淨寶珠名號，投之濁心，念念之中，罪滅心淨，即得往生。

(Chú: Hỏi: “Biết sanh mà vô sanh” như đã nói trong phần trên thì phải là người sanh trong thượng phẩm. Nếu là người thuộc hạ hạ phẩm, nương theo mười niệm vãng sanh, há chẳng phải là chấp giữ thật sự có sanh ư? Nhưng chấp giữ “thật sự có sanh”, sẽ đọa vào hai thứ chấp: Một là sợ chẳng được vãng sanh. Hai là sợ [thật sự vãng sanh thì chính là] sanh thêm lần nữa, sẽ sanh ra Hoặc (phiền não). Đáp: Ví như ma-ni châu thanh tịnh bỏ vào nước đục, nước liền thanh tịnh. Nếu kẻ nào tuy có vô lượng tội sanh tử như bản, nghe danh hiệu ví như bảo châu thanh tịnh vô sanh tội diệt của A Di Đà Như Lai gieo vào cái tâm như đục, trong mỗi niệm, tội bèn diệt, tâm thanh tịnh, liền được vãng sanh).

Ngài Đàm Loan tâm từ bi tha thiết, bèn lập ra lời vấn đáp, khéo nêu thí dụ, chỉ rõ: Nương theo ngũ niệm môn để xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, xác thực là có đại lực, đại dụng chẳng thể nghĩ bàn, phạm tình chẳng thể suy lường được! Lời hỏi đã xét theo kẻ hạ hạ căn mà nói “sợ là chẳng thể do mười niệm vãng sanh được”. Lời đáp liền dùng sự thật “thủy thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể nào không trong” để chỉ rõ vạn đức hồng danh của A Di Đà Phật chính là bảo châu thanh tịnh chí cực vô thượng. Chúng sanh tội trọng tâm như nếu có thể nghe danh xưng niệm, nhất định là sẽ tội diệt, tâm tịnh, liền được vãng sanh. Như tảng đá to đặt lên thuyền, chắc chắn chẳng bị chìm lìm, có thể vượt qua sông dài sanh tử, đạt đến bờ kia bất sanh bất diệt. Chúng sanh phạm phu được sanh về An Lạc Tịnh Độ, hoàn toàn cậy vào danh hiệu được thành tựu bởi bốn nguyện của A Di Đà Phật có sức nhiếp thọ chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chẳng có bốn nguyện, sẽ chẳng có danh hiệu A Di Đà Phật, chúng sanh sẽ chẳng thể có lợi ích “mười niệm vãng sanh”.

Lời hỏi như sau: Trong phần trước đã nói, “*biết các pháp sanh bởi nhân duyên tức là vô sanh*”, đây phải là bậc thượng căn lợi khí.

Nếu là người thuộc hạ phẩm thì như Quán Kinh đã dạy: Đến khi lâm chung, chỉ có xưng danh hiệu A Di Đà Phật mười lượt liền được vãng sanh. Người như vậy trước khi lâm chung, đã chưa nghe nhiều Phật pháp, đương nhiên là chẳng biết lý “*duyên sanh chính là vô sanh*”, lẽ nào chẳng chấp trước “*thật sự có sanh*” cho được? Nhưng hễ có chấp giữ, liền đọa vào hai thứ kế chấp nơi Nhị Biên, cho nên sẽ có hai thứ sai lầm:

- Một là chẳng khế hợp Trung Đạo pháp tánh, chẳng được sanh vào Tịnh Độ pháp tánh thanh tịnh, vì nhân và quả chẳng phù hợp.

- Hai là tâm đã chấp có sanh; đã có sanh, ắt phải có diệt. Sanh diệt luân chuyển, bèn có họa hoạn sanh diệt vô cùng, chẳng phù hợp giáo nghĩa vãng sanh Tịnh Độ.

Đã có hai lỗi lầm, làm sao có thể mười niệm vãng sanh cho được? Ngài Đàm Loan giải đáp, chẳng phải là giải đáp trực tiếp câu hỏi, mà dùng thủ pháp “*vẽ rỗng điểm nhãn*”: Riêng nêu lên danh hiệu A Di Đà Phật chính là mắt rỗng chẳng thể nghĩ bàn. Danh hiệu ấy là bảo châu vô giá chí cực, là ma-ni châu hết thảy như ý, là thanh tịnh thủy thanh châu độc nhất vô nhị, là thần châu “*sanh mà vô sanh, vô sanh mà không gì chẳng sanh*”. Vãng sanh trong ba bậc chín phẩm đều do sức của thần châu chẳng thể nghĩ bàn ấy, khiến cho những ai được nghe danh hiệu của A Di Đà Phật, xác thực là người chí tâm tin ưa xưng niệm, chắc chắn sẽ có thể trong mỗi niệm diệt hết thảy tội cấu, tịnh hóa hết thảy vọng tâm, nương theo nguyện lực của Phật, được Phật nhiếp thọ, như nam châm hút sắt, liền được vãng sanh, ắt chẳng luống uổng! Pháp môn Tịnh Độ chính là do hữu sanh mà nhập vô sanh, từ hữu niệm mà đạt được vô niệm, quán diệu tướng mà thấy vô tướng. Hữu sanh, hữu niệm, hữu tướng thì là Tâm Sanh Diệt Môn, thuộc vào Thế Tục Đé. Vô sanh, vô niệm, vô tướng, tức là Tâm Chân Như Môn, thuộc về Đệ Nhất Nghĩa Đé. Chứng Thật Tướng của các pháp, ắt sẽ do duyên khởi pháp tướng mà ngộ nhập tánh Không. Như Trung Luận nói: “*Chẳng nương theo Thế Tục Đé, sẽ chẳng đắc Đệ Nhất Nghĩa Đé*”. Do vậy, mười niệm vãng sanh là do “hữu sanh, hữu tướng” mà nhập “vô sanh, vô tướng”, hoàn toàn chẳng màng hữu chấp hay vô chấp! Đây chính là Dị Hành Đạo mà tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng thể gồm thâu, ngũ thời bát giáo chẳng thể nhiếp, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Đó là thần đan diệu dược được hết thảy chư Phật hộ niệm, là chiếc phi thuyền để thoát khổ! Phạm là Tịnh nghiệp hành nhân, hãy nên tin sâu chẳng ngờ như thế thì mới được gọi là “*chí tâm tin ưa*”. Có lòng chí

tâm tin ưa thì mới có thể cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật, và cũng mới có phần quyết định được vãng sanh.

(Chú) Hựu thị ma-ni châu, dĩ huyền hoàng tộ khóa, đầu chi ư thủy. Thủy tức huyền hoàng nhất như vật sắc. Bử thanh tịnh Phật độ, hữu A Di Đà Như Lai vô thượng bảo châu, dĩ vô lượng trang nghiêm công đức thành tựu bạch khóa, đầu chi ư sở vãng sanh giả tâm thủy, khởi bất năng chuyển sanh kiến vi vô sanh trí hồ?

(註)又是摩尼珠，以玄黃幣裹，投之於水。水即玄黃一如物色。彼清淨佛土，有阿彌陀如來無上寶珠，以無量莊嚴功德成就帛裹，投之於所往生者心水，豈不能轉生見為無生智乎？

(Chú: Lại nữa, ma-ni châu ấy dùng lụa màu đen hoặc màu vàng bọc lại, bỏ vào trong nước; nước liền có cùng một màu vàng hay đen giống hệt như màu của vật kia. Cõi Phật thanh tịnh ấy có vô thượng bảo châu là A Di Đà Như Lai, dùng lụa vô lượng công đức trang nghiêm thành tựu bọc lại, gieo vào trong tâm thủy của người vãng sanh, há chẳng thể chuyển kiến chấp về Sanh thành trí Vô Sanh hay sao?)

Lại nói, như châu ma-ni (như ý châu), dùng vải lụa màu đen hay màu vàng bọc lấy viên châu ấy, gieo vào trong nước. Nước ấy vốn chẳng có màu, liền hiển hiện hình sắc màu đen hay màu vàng, có cùng một màu như vải đen hay vàng. Cõi Phật thanh tịnh An Lạc có một viên Như Ý bảo châu là A Di Đà Phật, lại còn dùng vải lụa do vô lượng công đức trang nghiêm thành tựu (tức danh hiệu Phật) để bọc lại. Đem viên thần châu đã bọc lụa ấy gieo vào trong tâm thủy của tất cả chúng sanh vãng sanh An Lạc quốc, sẽ giống như nước trong trẻo do châu mà chuyển hiện thành màu đen hay vàng, ngay lập tức chuyển kiến chấp về Sanh của chúng sanh thành Vô Sanh. Đây là đạo lý tất nhiên. Nếu có thể chí tâm xưng niệm danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật, sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tịnh Độ, há chẳng thể ngay lập tức chuyển tình kiến vọng chấp sanh diệt của chúng sanh thành trí Vô Sanh ư? Do vậy, cổ đức nói: “Đản đắc kiến Di Đà, hà sấu bất khai ngộ (ngộ nhập Vô Sanh Pháp Nhãn)” (Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ, tức ngộ nhập Vô Sanh Pháp Nhãn), đúng là chân ngữ, thật ngữ vậy, là lời chẳng dối trá, là lời chẳng hư vọng vậy!

(Chú) Hựu như băng thượng nhiên hỏa, hỏa mãnh tắc băng giải. Băng giải tắc hỏa diệt. Bỉ hạ phẩm nhân tuy bất tri pháp tánh vô sanh, dẫn dĩ xưng (A Di Đà) Phật danh lực, tác vãng sanh ý, nguyện sanh bỉ độ. Bỉ độ thị vô sanh giới, kiến sanh chi hỏa, tự nhiên nhi diệt.

(註)又如氷上燃火，火猛則氷解。氷解則火滅。彼下品人雖不知法性無生，但以稱(阿彌陀)佛名力，作往生意，願生彼土。彼土是無生界，見生之火，自然而滅。

(Chú: Lại như đốt lửa trên băng, lửa mạnh thì băng tan. Băng tan thì lửa tắt. Kẻ thuộc hạ phẩm tuy chẳng biết pháp tánh vô sanh, chỉ do sức xưng danh (A Di Đà) Phật, khởi ý vãng sanh, nguyện sanh về cõi ấy. Cõi ấy là vô sanh giới, lửa kiến chấp “có sanh” tự nhiên bị diệt mất).

Ngài Đàm Loan lại nêu thí dụ đốt lửa trên băng. Băng do lửa mà tan, nhưng lửa lại do băng mà tắt. Chúng sanh hư vọng chấp trước “có sanh, có diệt”, giống như nước đông thành băng, nay do lửa trí huệ xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật hun trong tâm người niệm Phật, phát tâm vãng sanh, phát nguyện vãng sanh thế giới An Lạc đại Niết Bàn. Hễ được vãng sanh, tất cả tình kiến chấp trước sanh diệt hư vọng tự nhiên diệt tắt, như băng tan lửa tắt. Trong vô sanh giới, há dung kiến chấp về Sanh tồn tại ư? Giống như trong đại quang minh, quyết chẳng có hắc ám! Từ hai thí dụ trên đây, có thể biết danh hiệu Di Đà và cõi nước An Lạc đích xác là như ý bảo châu chẳng thể nghĩ bàn. Đời này có duyên, may mắn gặp viên châu này, há có nên ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ ư? Vì thế, hãy nên chột sạch cái lòng “*đứng núi này trông núi nọ*”, đoạn nghi, sanh tín, dốc trọn thân tâm vâng lãnh, chí tâm tin ưa, xưng niệm Di Đà, cầu sanh Cực Lạc, trên là có thể chẳng phụ bạc ân Phật, dưới là có thể chẳng phụ tánh linh của chính mình. Xin hãy cùng cố gắng!

2.2.2.2.3.2. Chúng sanh thể

(Chú) Chúng sanh thể giả, thử phần trung hữu nhị trùng: Nhất giả, quán Phật. Nhị giả, quán Bồ Tát.

(註)眾生體者，此分中有二重：一者，觀佛。二者，

觀菩薩。

(*Chú*: Chúng sanh thể: Trong phần này có hai tầng: Một là quán Phật. Hai là quán Bồ Tát).

2.2.2.2.3.2.1. Quán Phật

(*Chú*) Quán Phật giả.

(註)觀佛者。

(*Chú*: Quán Phật...)

2.2.2.2.3.2.1.1. Nêu chung tám thứ tướng

(*Luận*) Vân hà quán Phật trang nghiêm công đức thành tựu? Quán Phật trang nghiêm công đức thành tựu giả, hữu bát chủng tướng, ưng tri.

(*Chú*) Thứ quán nghĩa dĩ chương tiền kệ.

(論)云何觀佛莊嚴功德成就? 觀佛莊嚴功德成就者, 有八種相, 應知。

(註)此觀義已彰前偈。

(*Luận*: Quán sự trang nghiêm do công đức thành tựu của Phật như thế nào? Quán sự trang nghiêm được thành tựu bởi công đức của Phật thì có tám loại tướng, hãy nên biết.

Chú: Ý nghĩa của phép quán này đã được nêu bày trong phần Kệ Tụng trước đó).

Chúng ta hãy nên như trong phần Kệ Tụng đã nói trên đây, từ “vô lượng đại bảo vương” cho đến “công đức đại bảo hải”, tổng cộng mười tám câu, để quan sát tường tận tám thứ. Hãy nên quan sát như thế nào? Những hàm ý ấy đã được giải thích trong phần Kệ Tụng, đã nói rất rõ ràng, chẳng cần phải nhắc lại. Nói tóm tắt thì như Quán Kinh nói: “Chư Phật Như Lai thị pháp giới thân, nhập nhất thiết chúng sanh tâm tướng trung. Thị cố như quán Phật thời, thị tâm tức thị tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo. Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật. Chư Phật Chánh Biến Tri hải tùng tâm tướng sanh. Ứng đương nhất tâm hệ niệm, để quán bỉ Phật” (Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, vào trong tâm tướng của hết thầy chúng sanh. Vì thế, khi các ông quán Phật, tâm

ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biến Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tướng. Hãy nên nhất tâm hệ niệm, hãy quán đức Phật ấy chắc chắn). [Phép tu trong] Quán Kinh là do quán Phật mà đạt được Niệm Phật tam-muội, còn luận này thì do Quán Sát Môn mà thành tựu Tịnh nghiệp, cùng được vãng sanh An Lạc quốc. Chúng ta hãy nên tự lượng sức để làm. Nếu công phu định lực nông cạn, tốt nhất là nên nương theo ngũ niệm môn để tu; tuy là tán tâm quán tưởng, chưa đắc tam-muội, nhưng do chí tâm tin ưa, Phật lực gia trì, nhiếp thọ, sẽ vãng sanh cực dễ. Mong hãy khéo chọn lựa!

2.2.2.2.3.2.1.2. Giải thích cặn kẽ tám thứ tướng

2.2.2.2.3.2.1.2.1. Nêu bày tám thứ tướng

(Luận) Hà đẳng bát chủng? Nhất giả, trang nghiêm tòa công đức thành tựu. Nhị giả, trang nghiêm thân nghiệp công đức thành tựu. Tam giả, trang nghiêm khẩu nghiệp công đức thành tựu. Tứ giả, trang nghiêm tâm nghiệp công đức thành tựu. Ngũ giả, trang nghiêm đại chúng công đức thành tựu. Lục giả, trang nghiêm thượng thủ công đức thành tựu. Thất giả, trang nghiêm chủ công đức thành tựu. Bát giả, trang nghiêm bất hư tác trụ trì công đức thành tựu.

(論)何等八種？一者，莊嚴座功德成就。二者，莊嚴身業功德成就。三者，莊嚴口業功德成就。四者，莊嚴心業功德成就。五者，莊嚴大眾功德成就。六者，莊嚴上首功德成就。七者，莊嚴主功德成就。八者，莊嚴不虛作住持功德成就。

(Luận: Những gì là tám thứ? Một là trang nghiêm tòa công đức thành tựu. Hai là trang nghiêm thân nghiệp công đức thành tựu. Ba là trang nghiêm khẩu nghiệp công đức thành tựu. Bốn là trang nghiêm tâm nghiệp công đức thành tựu. Năm là trang nghiêm đại chúng công đức thành tựu. Sáu là trang nghiêm thượng thủ công đức thành tựu. Bảy là trang nghiêm chủ công đức thành tựu. Tám là trang nghiêm trụ trì chẳng uổng công thực hiện công đức thành tựu).

2.2.2.2.3.2.1.2.2. Nêu rõ mỗi tướng trong tám tướng

2.2.2.2.3.2.1.2.2.1. Tòa công đức

(Luận) *Hà giả trang nghiêm tòa công đức thành tựu? Kệ ngôn: “Vô lượng đại bảo vương, vi diệu tịnh hoa đài” cố.*

(Chú) *Nhược dục quán tòa, đương y Quán Vô Lượng Thọ kinh.*

(論)何者莊嚴座功德成就？偈言：無量大寶王，微妙淨華臺故。

(論)若欲觀座，當依觀無量壽經。

(Luận: Trang nghiêm tòa công đức thành tựu là như thế nào? Kệ nói: “Vô lượng đại bảo vương, đài hoa tịnh vi diệu”.

Chú: Nếu muốn quán tòa [hoa sen của Phật Di Đà], hãy nên dựa theo kinh Quán Vô Lượng Thọ).

Ngài Đàm Loan đã chỉ cho chúng ta biết: Khi quý vị muốn quan sát tòa hoa sen của A Di Đà Phật, hãy nên chiếu theo phép Quán thứ bảy được nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật để quán sát đúng như thế ấy. Quán Kinh nói: “*Ư thất bảo địa thượng, tác liên hoa tướng. Nhất nhất diệp thượng, tác bách bảo sắc, hữu bát vạn tứ thiên mạch, do như thiên họa. Mạch hữu bát vạn tứ thiên quang, liễu liễu phân minh, giai linh đặc kiến. Hoa diệp tiểu giả, tung quảng nhị bách ngũ thập do-tuần. Như thị liên hoa, cụ hữu bát vạn tứ thiên diệp. Nhất nhất diệp gian, hữu bách ức ma-ni châu vương dĩ vi ánh sức. Nhất nhất ma-ni châu, phóng thiên quang minh. Kỳ quang như cái, thất bảo hợp thành, biến phủ địa thượng. Thích Ca Tỳ Lăng Già bảo dĩ vi kỳ đài. Thử liên hoa đài, bát vạn kim cang Chân Thúc Ca bảo, Phạm ma-ni bảo, diệu chân châu vòng, dĩ vi hiệu sức. Ư kỳ đài thượng, tự nhiên nhi hữu tứ trụ bảo tràng. Nhất nhất bảo tràng, như bách thiên vạn ức Tu Di sơn. Tràng thượng bảo mạn, như Dạ Ma thiên cung. Phục hữu ngũ bách ức vi diệu bảo châu, dĩ vi ánh sức. Nhất nhất bảo châu, hữu bát vạn tứ thiên quang. Nhất nhất quang tác bát vạn tứ thiên dị chủng kim sắc. Nhất nhất kim sắc, biến kỳ bảo độ, xứ xứ biến hóa, các tác dị tướng, hoặc vi kim cang đài, hoặc tác chân châu vòng, hoặc tác tạp hoa vân, ư thập phương diện, tùy ý biến hiện, thị tác Phật sự, thị vi Hoa Tòa Tướng... Như thử diệu hoa, thị bốn Pháp Tạng tỳ-kheo nguyện lực sở thành”* (Trên đất bảy báu, tướng hoa sen. Tướng mỗi cánh sen có màu của trăm thứ báu, có tám vạn bốn ngàn đường gân ví như nét vẽ cõi trời. Mỗi đường gân có tám vạn bốn ngàn quang minh, rãnh rẽ phân minh, thấy đều [quán tướng sao cho] trông thấy [rõ ràng]. Cánh hoa

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

nhỏ thì kích thước là hai trăm năm mươi do-tuần. Hoa sen như thế trọn đủ tám vạn bốn ngàn cánh. Giữa mỗi cánh hoa, có trăm ức ma-ni châu vương để trang hoàng chói ngời. Mỗi viên ma-ni châu tỏa ra một ngàn quang minh. Quang minh ấy như cái lọng, do bảy báu hợp thành, che khắp mặt đất. Báu Thích Ca Tỳ Lăng Già dùng làm đài hoa. Đài hoa sen ấy có tám vạn báu kim cang Chân Thúc Ca, báu Phạm ma-ni, lưới chân châu đẹp để để trang hoàng tô điểm. Trên cái đài ấy, tự nhiên có bốn trụ trắng báu. Mỗi trụ báu như trăm ngàn vạn ức núi Tu Di. Màn báu phủ trên trụ như cung trời Dạ Ma. Lại có năm trăm ức bảo châu vi diệu để trang hoàng chói ngời. Mỗi viên bảo châu, có tám vạn bốn ngàn quang minh. Mỗi quang minh tỏa ra tám vạn bốn ngàn loại kim sắc khác nhau. Mỗi kim sắc trọn khắp cõi báu, biến hóa khắp chốn. Mỗi kim sắc đều biến hiện các tướng khác nhau, hoặc là đài kim cang, hoặc là lưới chân châu, hoặc là mây các thứ hoa khác nhau, trong mười phương tùy ý biến hiện để thực hiện Phật sự. Đây là Hoa Tòa Tường... Hoa mẫu nhiệm như thế, vốn do nguyện lực của tỳ-kheo Pháp Tạng tạo thành).

2.2.2.2.3.2.1.2.2.2. Thân nghiệp công đức

(Luận) Hà giả trang nghiêm thân nghiệp công đức thành tựu? Kệ ngôn: “Tướng hảo quang nhất tầm, sắc tượng siêu quần sanh” cổ.

(Chú) Nhược dục quán Phật thân, đương y Quán Vô Lượng Thọ kinh.

(論)何者莊嚴身業功德成就？偈言：相好光一尋，色像超群生故。

(註)若欲觀佛身，當依觀無量壽經。

(Luận: Trang nghiêm thân nghiệp công đức thành tựu là như thế nào? Kệ rằng: “Tướng hảo sáng một tầm, hình sắc trội quần sanh”.

Chú: Nếu muốn quán thân Phật, hãy nên dựa theo kinh Quán Vô Lượng Thọ).

Phép Quán thứ chín trong Quán Kinh như sau: “*Vô Lượng Thọ Phật, thân như bách thiên vạn ức Dạ Ma Thiên Diêm Phù Đà kim sắc. Phật thân cao lục thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần. Mi gian bạch hào, hữu toàn uyển chuyển, như ngũ Tu Di sơn. Phật nhãn như tứ*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

đại hải thủy, thanh bạch phân minh. Thân chư mao không diễn xuất quang minh, như Tu Di sơn. Bỉ Phật viên quang như bách ức tam thiên đại thiên thế giới. Ư viên quang trung, hữu bách thiên vạn ức na-do-tha Hằng hà sa hóa Phật. Nhất nhất hóa Phật, diệc hữu chúng đa vô số hóa Bồ Tát, dĩ vi thị giả. Vô Lượng Thọ Phật, hữu bát vạn tứ thiên tướng. Nhất nhất tướng trung, các hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo. Nhất nhất hảo trung, phục hữu bát vạn tứ thiên quang minh. Nhất nhất quang minh, biến chiếu thập phương thế giới niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả. Kỳ quang minh, tướng hảo, cập dữ hóa Phật, bất khả cụ thuyết... Quán Vô Lượng Thọ Phật giả, tòng nhất tướng hảo nhập, đản quán mi gian bạch hào, cực linh minh liễu. Kiến mi gian bạch hào tướng giả, bát vạn tứ thiên tướng hảo tự nhiên đương kiến. Kiến Vô Lượng Thọ Phật giả, tức kiến thập phương vô lượng chư Phật” (Vô Lượng Thọ Phật thân như màu vàng của trăm ngàn vạn ức vàng Diêm Phù Đà trên cõi trời Dạ Ma. Thân Phật cao sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần. Bạch hào giữa hai mày uyển chuyển xoay theo chiều phải, như năm quả núi Tu Di. Mắt Phật như nước bốn biển cả, xanh trắng phân minh. Các lỗ chân lông trên thân tỏa ra quang minh như núi Tu Di. Viên quang của đức Phật ấy như trăm ức tam thiên đại thiên thế giới. Trong viên quang, có trăm ngàn vạn ức na-do-tha Hằng hà sa hóa Phật. Mỗi vị hóa Phật cũng có rất nhiều vô số hóa Bồ Tát để làm thị giả. Vô Lượng Thọ Phật có tám vạn bốn ngàn tướng. Trong mỗi tướng đều có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Trong mỗi hảo lại có tám vạn bốn ngàn quang minh. Mỗi quang minh chiếu khắp chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới, nhiếp thủ chẳng bỏ. Quang minh và tướng hảo của Ngài cùng với hóa Phật chẳng thể nói trọn... Quán Vô Lượng Thọ Phật thì từ một tướng hảo mà nhập. Chỉ quán tướng bạch hào giữa hai mày sao cho tốt bậc rõ rệt. Thấy tướng bạch hào, tám vạn bốn ngàn tướng tự nhiên sẽ hiện. Thấy Vô Lượng Thọ Phật tức là thấy mười phương vô lượng chư Phật).

2.2.2.2.3.2.1.2.2.3. Thân nghiệp công đức

(Luận) Hà giả trang nghiêm khẩu nghiệp công đức thành tựu? Kế ngôn: “Như Lai vi diệu thanh, phạm hưởng văn thập phương” cổ.

(論)何者莊嚴口業功德成就？偈言：如來微妙聲，梵

響聞十方故。

(Luận: Trang nghiêm khẩu nghiệp công đức thành tựu là như thế nào? Kệ nói: “Tiếng Như Lai vi diệu, âm Phạm vọng mười phương”).

2.2.2.2.3.2.1.2.2.4. Tâm nghiệp công đức

(Luận) Hà giả trang nghiêm tâm nghiệp công đức thành tựu? Kệ ngôn: “Đồng địa, thủy, hỏa, phong, hư không vô phân biệt” cố. “Vô phân biệt” giả, vô phân biệt tâm cố.

(Chú) Phàm phu chúng sanh dĩ thân, khẩu, ý tam nghiệp tạo tội, luân chuyển tam giới, vô hữu cùng dĩ. Thị cố, chư Phật, Bồ Tát trang nghiêm thân, khẩu, ý tam nghiệp, dụng trị chúng sanh hư cuồng tam nghiệp dã.

(論)何者莊嚴心業功德成就？偈言：同地水火風，虛空無分別故。無分別者，無分別心故。

(註)凡夫眾生以身口意三業造罪，輪轉三界，無有窮已。是故，諸佛菩薩莊嚴身口意三業，用治眾生虛誑三業也。

(Luận: Trang nghiêm tâm nghiệp công đức thành tựu là như thế nào? Kệ nói: “Giống địa, thủy, hỏa, phong, hư không chẳng phân biệt”. “Vô phân biệt” là tâm chẳng phân biệt.

Chú: Do ba nghiệp thân, miệng, ý của phàm phu chúng sanh tạo tội mà luân chuyển trong tam giới chẳng có cùng tận. Vì thế, chư Phật, Bồ Tát trang nghiêm ba nghiệp thân, miệng, ý để đối trị ba nghiệp hư dối của chúng sanh vậy).

Ngài Đàm Loan nêu ra nguyên do chư Phật, Bồ Tát trang nghiêm ba nghiệp thân, miệng, ý. Nói chung, chính là nhằm đối trị ba nghiệp nhiễm uế của chúng sanh phàm phu, [do ba nghiệp nhiễm uế ấy mà] chiêu cảm sanh tử luân hồi. Như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên có chép: “Nhân ư chúng sanh nhi khởi đại bi, nhân đại bi sanh Bồ Đề tâm, nhân Bồ Đề tâm thành Chánh Giác. Nhược vô chúng sanh, nhất thiết Bồ Tát chung bất năng thành Vô Thượng Chánh Giác” (Do vì chúng sanh mà dậy lòng đại bi, do đại bi mà sanh Bồ Đề tâm. Do Bồ Đề tâm mà thành Chánh Giác. Nếu không có chúng sanh, hết thấy các

Bồ Tát trọn chẳng thể thành Vô Thượng Chánh Giác). Nói riêng biệt thì như trong phần sau sẽ nói cặn kẽ.

(Chú) Vân hà dụng trị? Chúng sanh dĩ Thân Kiến cố, thọ tam đồ thân, ty tiện thân, xú lậu thân, bát nạn thân, lưu chuyển thân. Như thị đẳng chúng sanh kiến A Di Đà Như Lai tướng hảo, quang minh thân giả, như thượng chủng chủng thân nghiệp hệ phục, giai đắc giải thoát, nhập Như Lai gia, tất cánh đắc bình đẳng thân nghiệp.

(註)云何用治? 眾生以身見故, 受三塗身, 卑賤身, 醜陋身, 八難身, 流轉身。如是等眾生見阿彌陀如來相好, 光明身者, 如上種種身業繫縛, 皆得解脫, 入如來家, 畢竟得平等身業。

(Chú: Đối trị như thế nào? Chúng sanh do Thân Kiến nên thọ thân trong tam đồ, thân hèn kém, thân xấu xí, thân tám nạn, thân lưu chuyển. Những chúng sanh như vậy thấy thân tướng hảo và quang minh của A Di Đà Như Lai thì đều được giải thoát các thứ thân nghiệp trói buộc như trên đây, vào nhà Như Lai, rốt ráo đạt được thân nghiệp bình đẳng).

Tam nghiệp thân, khẩu, ý của Phật, Bồ Tát có thể đối trị tam nghiệp nhiễm uế của phàm phu chúng sanh như thế nào? Nói theo thân nghiệp: Mọi chúng sanh bình phàm đều có Thân Kiến, tiếng Phạn là Tát Ca Da Kiến (Sat-kaya-dṛṣṭi), còn gọi là Ngã Kiến và Ngã Sở Kiến. Chẳng biết thân này là do Tứ Đại và Ngũ Uẩn giả hợp mà có, vẫn chấp trước so đo là nó có thật; đó gọi là Ngã Kiến. Lại chẳng biết các vật quanh thân ta không có sở hữu chủ nhất định, vẫn cứ so đo, chấp trước chúng là những vật do ta thật sự sở hữu. Đó gọi là Ngã Sở Kiến. Gộp chung Ngã Kiến và Ngã Sở Kiến thì là Thân Kiến. “Kiến” (見) là lập ra cách nhìn quyết định thì gọi là Kiến. Do có Thân Kiến ấy nên chấp vào Biên Kiến “thân này là đoạn hay thường”. Do chấp vào Biên Kiến, dấy khởi tà kiến “bài bác không có nhân quả”, tức là cho rằng trong thế gian chẳng có nguyên nhân nào có thể chiêu cảm kết quả, mà cũng chẳng có kết quả do một nguyên nhân nhất định nào sanh ra. Vì thế, làm ác chẳng sợ, chẳng làm thiện sự, làm càn, làm xằng, ác nghiệp thành tựu, ắt thọ thân khổ báo trong tam đồ bát nạn. Dầu sanh trong loài người, ắt thọ thân ty tiện, thân xấu xí, thô kệch, lưu chuyển trong

lục đạo, luân hồi sanh tử, chẳng có thuở nào xong.

Cái kiêu chẳng hiểu rõ thân này là do nhân duyên giả hợp, chấp là có cái thân thật sự tồn tại, có cái Ngã thật tại, thuận ý ta thì dấy lòng tham, nghịch ý ta thì nổi sân, chẳng có trí huệ, tức là ngu si. Do ba căn bản phiền não ấy, dẫn sanh hết thảy vô minh phiền não trói buộc chúng sanh, chẳng được giải thoát. Nay gặp thiện tri thức trong Phật môn, được nghe pháp môn Tịnh Độ, liền có thể nương theo pháp môn ngũ niệm đã nói trong bộ luận này để tu Tịnh nghiệp, trong đời này được thấy thân thể tướng hảo và quang minh của A Di Đà Phật, át phục đoạn⁵⁸ phiền não. Hết một báo thân này, cùng sanh về cõi Cực Lạc, đều được giải thoát hai thứ sanh tử (Phần Đoạn Sanh Tử và Biến Dịch Sanh Tử), rốt ráo là Nhất Sanh Bỏ Xứ Bỏ Tát, vào nhà Như Lai, rốt ráo thành tựu “*tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt*”, cùng viên mãn thân bình đẳng nhất tướng của chư Phật, chính là vô vi Pháp Thân, trang nghiêm Báo Thân!

(Chú) Chúng sanh dĩ kiêu mạn cố, phỉ báng chánh pháp, hủy tư hiền thánh, quyên tỹ tôn trưởng. Như thị chi nhân ưng thọ Bạt Thiệt khổ, ám á khổ, ngôn giáo bất hành khổ, vô danh văn khổ. Như thị đẳng chủng chủng chư khổ chúng sanh, văn A Di Đà Như Lai chí đức danh hiệu, thuyết pháp âm thanh, như thượng chủng chủng khẩu nghiệp hệ phược giai đắc giải thoát, nhập Như Lai gia, tất cánh đắc bình đẳng khẩu nghiệp.

(註) 眾生以憍慢故，誹謗正法，毀訾賢聖，捐辱尊長。如是之人應受拔舌苦，瘡痍苦，言教不行苦，無名聞苦。如是等種種諸苦眾生，聞阿彌陀如來至德名號，說法音聲，如上種種口業繫縛皆得解脫，入如來家，畢竟得平等口業。

(Chú: Chúng sanh do kiêu mạn mà phỉ báng chánh pháp, hủy gièm hiền thánh, xem thường bậc tôn trưởng. Kẻ như thế đáng chịu khổ trong [địa ngục] Kéo Lưỡi, khổ vì căm ngọng, khổ vì giảng nói không xuôi, khổ vì không có tiếng tăm. Các loại chúng sanh khổ sở như thế nghe danh hiệu chí đức của A Di Đà Như Lai và pháp âm thuyết pháp

⁵⁸ “Phục đoạn” là có thể chế ngự, đè nén phiền não chẳng cho chúng dấy lên hiện hành, chưa thật sự đoạn trừ được chúng, tức là “*công phu thành phần*”.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

của Ngài thì đều được giải thoát các khâu nghiệp trói buộc như vừa nói trên đây, vào nhà Như Lai, rốt ráo đắc khâu nghiệp bình đẳng).

Nói theo khâu nghiệp, có những chúng sanh tự cho [chính mình] là tôn quý, đó là Kiêu (憍), lẩn hiếp kẻ khác, đó là Mạn (慢). Do vì kiêu mạn, đã tạo rất nhiều ác nghiệp nơi miệng lưỡi, như trong phẩm Thí Dụ của kinh Pháp Hoa có nói: “*Tam giới hỏa trạch chi trung, đa hữu si, kiêu, điêu, thúu, ô, thược, curu, cáp*” (Trong nhà lửa tam giới có nhiều loài chim cú, kiêu, điêu, thúu, quạ, hỷ thược, curu, cáp), dùng tám loại chim ấy để sánh ví tám thứ kiêu mạn:

1) Kiêu mạn lưng lẩy như chim Si, “Si” (鴟, cú mèo) giống như chim ưng, nhưng màu trắng.

2) Tánh kiêu như chim Kiêu. Chim Kiêu (梟) bắt hiều, ăn thịt mẹ.

3) Kiêu căng vì giàu có như chim Điêu. Chim Điêu (鸚, chim ưng) đầu vàng, mắt đỏ, có thể bắt hoẵng, chồn làm thức ăn.

4) Kiêu căng vì tự tại như chim Thúu (鷲, một loại chim ưng), vọt lên không tự tại, bắt gà, vịt làm thức ăn.

5) Kiêu căng vì thọ mạng như ô nha (烏鴉, quạ). Chim quạ có phẩm đức móm mòi ngược lại [cho cha mẹ đã già yếu, không thể kiếm mồi], thọ mạng dài lâu.

6) Kiêu căng vì thông minh như chim Thược (鵲, magpie). Chim Thược tánh thông minh, có thể báo điềm cát, hung.

7) Kiêu căng vì làm lành như chim Cưu (鳩, dove, bồ câu có vãn quanh cổ). Chim Cưu chính là ban cưu (斑鳩, một loại bồ câu), tánh thuần thiện, chẳng biết khiêm nhượng.

8) Kiêu căng vì sắc đẹp như chim Cáp (鴿, pigeon). Cáp (một loại bồ câu khác) là loài chim có tánh dâm.

Các kinh luận nói có bảy loại Mạn:

1) Mạn (慢): Cậy mình lẩn hiếp người khác.

2) Quá mạn (過慢): Bằng với người khác, lại cho là mình hơn hẳn người khác.

3) Mạn quá mạn (慢過慢): Người khác hơn mình, nhưng vẫn cho là mình vượt xa họ.

4) Ngã mạn (我慢): Tức là Ngã Kiến nặng nề, chấp ngã là mạn.

5) Tăng thượng mạn (增上慢): Chưa chứng nói là chứng, chưa đắc nói là đã đắc.

6) Ty mạn (卑慢): So với người có nhiều chỗ hơn mình, lại cho

rằng mình chỉ thua kém kẻ đó đôi chút.

7) Tà mạn (邪慢): Thành tựu tà kiến, ác hạnh, nhưng cậy ác mà lớn lối.

Kiêu mạn chính là cái nhân tạo ác. Có nhân ắt có quả; vì thế có “*phi báng chánh pháp*”, tức là phi báng Phật pháp. Như nói “Phật giáo là mê tín, Đại Thừa chẳng phải do đức Phật nói” v.v... Hoặc là “*hủy tư hiền thánh*” (hủy báng, chê gièm bậc hiền thánh), tức là làm hư hỏng mắt của trời, người, khiến cho chúng sanh thiện ác chẳng phân, điên đảo thị phi, chẳng biết gì là thiện, gì là ác. Hoặc là “*quyên tỳ tôn trưởng*”: “*Quyên tỳ*” (捐糜) nghĩa là ruồng rẫy hoặc khinh rẻ, tức là trái nghịch, chẳng đoái hoài cha mẹ, sư trưởng. Như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Thế gian nhân dân, bất niệm tu thiện, chuyển tương giáo lệnh, cộng vi chúng ác, lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ, sàm tặc đấu loạn, tăng tật thiện nhân, bại hoại hiền minh, u bàng khoái hỷ, bất hiếu nhị thân, khinh mạn sư trưởng, bằng hữu vô tín, nan đắc thành thật. Tôn quý tự đại, vị kỳ hữu đạo, hoành hành oai thế, xâm dịch u nhân... vô sở ưu cụ, thường hoài kiêu mạn... phụ mẫu giáo hối, sân mục nộ ứng, ngôn lệnh bất hòa, vi lệ phản nghịch... bất duy phụ mẫu chi ân, bất tôn sư hữu chi nghĩa. Tâm thường niệm ác, khẩu thường ngôn ác, thân thường hành ác, tăng vô nhất thiện, bất tín tiên thánh chư Phật kinh pháp, bất tín hành đạo khả đắc độ thế, bất tín tử hậu thân thức cảnh sanh... Từ tâm giáo hối, linh kỳ niệm thiện, khai thị sanh tử thiện ác chi thú, tự nhiên hữu thị, nhi bất khẳng tín chi. Khổ tâm dữ ngữ, vô ích kỳ nhân*” (Nhân dân trong thế gian chẳng nghĩ tu thiện, lại dạy bảo lẫn nhau cùng làm các chuyện ác: Nói đôi chiều, nói thô ác, nói dối, nói thêu dệt, gièm siểm, hãm hại, xúi giục đấu đá rồi ren, ganh ghét thiện nhân, bại hoại bậc hiền minh. Kẻ ấy ở bên cạnh [trông thấy kẻ khác do bị xúi giục mà hiềm khích] bèn vui sướng. Chẳng hiếu thảo với cha mẹ, khinh mạn sư trưởng, chẳng giữ chữ tín với bạn bè, khó thể thành thật. Tự cao tự đại, cho mình là bậc tôn quý, tự cho là mình có đạo đức. Cậy vào oai thế mà ngang ngược, xâm phạm, làm hại người khác... Chẳng hề lo lắng, sợ hãi, thường ôm lòng kiêu căng, ngạo mạn... Cha mẹ răn bảo bèn trừng mắt, giận dữ đáp trả. Ăn nói chẳng hòa nhã, trái nghịch, hung hăng chống đối... Chẳng nhớ tới ân cha mẹ, chẳng màng đạo nghĩa thầy bạn. Tâm thường nghĩ chuyện ác, miệng thường thốt lời ác, thân thường làm ác, chưa hề có một điều thiện nào. Chẳng tin kinh pháp của những bậc thánh hiền thưở trước và chư Phật. Chẳng tin hành đạo sẽ có thể độ đời, chẳng tin sau khi chết thân hồn sẽ tái sanh... [Bậc

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

tri thức] từ tâm khuyến dạy, mong cho kẻ ấy nghĩ tới điều thiện, khai thị đường sanh tử thiện ác, tự nhiên có đạo lý ấy, nhưng [kẻ ấy] chẳng chịu tin. Khổ tâm bảo ban, chẳng có ích gì cho kẻ đó).

Đoạn kinh văn này đã nói về ác nghiệp sanh khởi bởi lòng kiêu mạn của chúng sanh hết sức chân thật, không chi hơn được! Những kẻ như vậy, đáng hứng chịu khổ báo trong địa ngục Bạt Thiết (Kéo Lưỡi). Nếu sanh trong loài người, ắt mắc quả báo câm ngọng. Lại vì họ ngu si, bết tắc, đã chẳng tiếp nhận sự răn bảo của người khác, lại chẳng thực hành nhân nghĩa đạo đức trong thế gian, chính là “*y quan cầm thú*” (loài cầm thú đội mũ, mặc áo), chẳng có tiếng tốt, tiếng ác lan truyền. Chúng sanh khổ báo có các điều ác thuộc về khẩu nghiệp như thế, giả sử có thể nghe pháp môn Tịnh Độ, chiếu theo Quán Kinh, tu hành ba thứ phước nghiệp, hiếu thuận cha mẹ, phụng sự sư trưởng, tu Thập Thiện Nghiệp, tin nhận kinh Vô Lượng Thọ, nghe vạn đức hồng danh của A Di Đà Phật, dùng miệng lưỡi trót tạo ác nghiệp để chí tâm tin ưa, xưng niệm Di Đà hồng diệt trừ Thập Ác, hoằng dương Phật pháp, tự độ, độ người khác.

Vậy thì sẽ có thể giải thoát các thứ trói buộc do ác nghiệp nơi miệng lưỡi, vượt thoát tam giới, vĩnh viễn chẳng có sanh tử luân hồi, an trụ trong Liên Hoa Phật quốc, cùng với các vị thượng thiện nhân như Quán Âm, Thế Chí v.v... cùng nhóm họp một chỗ, đây là “*vào nhà Như Lai*”, mãi cho đến khi thành Phật, quyết chẳng thoái chuyển, rốt ráo có thể đạt được khẩu nghiệp bình đẳng giống như A Di Đà Phật, tức là thật sự có tám thứ phạm âm vi diệu, thuyết pháp giáo hóa chúng sanh, vang xa trọn khắp mười phương vô lượng thế giới, khiến cho phàm là những ai nghe pháp, không một ai chẳng thành Phật.

(Chú) Chúng sanh dĩ tà kiến cố, tâm sanh phân biệt. Nhược hữu, nhược vô, nhược phi, nhược thị, nhược hảo, nhược xú, nhược thiện, nhược ác, nhược bỉ, nhược thử, hữu như thị đẳng chúng chủng phân biệt. Dĩ phân biệt cố, trường luân tam hữu, thọ chúng chủng phân biệt khổ, thử xả khổ, trường tầm đại dạ, vô hữu xuất kỳ. Thị chư chúng sanh, nhược ngộ A Di Đà Như Lai bình đẳng quang chiếu, nhược văn A Di Đà Như Lai bình đẳng ý nghiệp, thị đẳng chúng sanh như thượng chúng chủng ý nghiệp hệ phước, giai đắc giải thoát, nhập Như Lai gia, tất cánh đắc bình đẳng ý nghiệp.

(註)眾生以邪見故，心生分別。若有若無，若非若

是，若好若醜，若善若惡，若彼若此，有如是等種種分別。以分別故，長淪三有，受種種分別苦，取捨苦，長寢大夜，無有出期。是諸眾生，若遇阿彌陀如來平等光照，若聞阿彌陀如來平等意業，是等眾生如上種種意業繫縛，皆得解脫，入如來家，畢竟得平等意業。

(Chú: Chúng sanh do tà kiến mà tâm sanh phân biệt. Hoặc là có, hoặc là không, hoặc là sai, hoặc là đúng, hoặc là đẹp, hoặc là xấu, hoặc là thiện, hoặc là ác, hoặc là kia, hoặc là đây. Có đủ thứ phân biệt như thế. Do vì phân biệt, chìm đắm lâu dài trong ba cõi, chịu đủ mọi nỗi khổ vì phân biệt, khổ vì lấy bỏ, ngủ say trong đêm dài, chẳng có thuở thoát ra. Các chúng sanh ấy nếu gặp quang minh bình đẳng của A Di Đà Như Lai chiếu đến, nếu nghe ý nghiệp bình đẳng của A Di Đà Như Lai, các chúng sanh ấy đều được giải thoát sự trói buộc của các thứ ý nghiệp như trên, vào nhà Như Lai, rốt ráo đạt được ý nghiệp bình đẳng).

Nói theo ý nghiệp thì chúng sanh trong lục đạo đều có tâm. Có tâm thì ắt có niệm, có niệm ắt có ba tánh “thiện, ác, vô ký” sai khác. Chúng sanh ở trong vô lượng sanh tử luân hồi, đã tập quen thành tánh, không niệm nào là chẳng phân biệt hư vọng, hoặc là có, hoặc là không, hoặc là đúng, hoặc là sai, hoặc là kia, hoặc là đây. Điều này gọi là “vọng tưởng”. Do vậy, bèn sanh khởi so đo, chấp trước trọn khắp, chấp là thật sự có, thật sự không v.v... Đó gọi là “chấp trước”. Đã có vọng tưởng, chấp trước, sẽ có Vô Minh duyên Hành, cho đến ưu bi khổ não. Đó gọi là Thập Nhị Nhân Duyên, luân chuyển vô cùng! Chúng sanh từ lâu xưa đến nay trầm luân trong biển khổ tam giới (tam hữu), thọ đủ thứ khổ vọng tưởng phân biệt sanh tử luân hồi, thoát chìm, thoát nổi, xả thân, thọ thân như ở trong giấc mộng lớn trong đêm dài, chẳng có thuở thoát ra, thật là đáng thương, đáng xót! Những chúng sanh ấy nếu có thể gặp pháp môn Tịnh Độ, tin nhận kinh Vô Lượng Thọ, tu ngũ niệm môn, cầu sanh Cực Lạc, vậy thì bất luận quý vị là nam hay nữ, thượng căn hay hạ căn, đều có thể được quang minh trí huệ bình đẳng của A Di Đà Phật chiếu chạm vào thân, nhiếp thọ chẳng bỏ, khiến cho vọng tưởng phiền não của quý vị tiêu diệt, thân tâm mê mại, thiện tâm sanh khởi. Nếu ở trong chỗ khổ sở tội bậc nơi tam đồ, thấy quang minh ấy, đều được ngưng nghỉ, chẳng còn khổ não. Sau khi mạng chung, đều

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

được Phật Di Đà tiếp dẫn, vãng sanh Cực Lạc quốc, vĩnh viễn được giải thoát nỗi khổ Thập Nhị Nhân Duyên và nỗi khổ sanh tử luân hồi trong lục đạo. Như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: *“Nhược hữu chúng sanh, vãng A Di Đà Phật quang minh oai thần công đức, nhật dạ xưng thuyết, chí tâm bất đoạn, tùy ý sở nguyện, đắc sanh kỳ quốc”* (Nếu có chúng sanh nghe quang minh, oai thần, và công đức của A Di Đà Phật, ngày đêm xưng nói, chí tâm chẳng gián đoạn, tùy theo ý nguyện mà được sanh về cõi ấy).

Đã sanh về Tịnh Độ, tức là vào nhà Như Lai, nhất định đều có thể đạt được ý nghiệp “trí huệ, thần thông, công đức” bình đẳng giống như A Di Đà Phật. Như kinh Hoa Nghiêm nói: *“Thiện tai! Thiện tai! Nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí huệ, đức tướng, đản dĩ hư vọng chấp trước, bất năng chứng đắc. Nhược vô vọng tưởng, chấp trước, Vô Sư Trí, Tự Nhiên Trí (chư Phật bình đẳng ý nghiệp), tức đắc hiện tiền”* (Lành thay! Lành thay! Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì chấp trước hư vọng mà chẳng thể chứng đắc. Nếu không có vọng tưởng, chấp trước, Vô Sư Trí, Tự Nhiên Trí (ý nghiệp bình đẳng của chư Phật) liền được hiện tiền). Cái gọi là Vô Sư Trí, Tự Nhiên Trí chính là ý nghiệp bình đẳng của chư Phật, tức là như lời kệ trong bộ luận này đã nói: *“Như địa, thủy, hỏa, phong, hư không vô phân biệt”* (Như địa, thủy, hỏa, phong, hư không chẳng phân biệt), mà cũng là công đức của năm phần Pháp Thân trong Đại Thừa. Như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: *“Do như Tuyết sơn, chiếu chư công đức, đẳng nhất tịnh cố”* (Ví như núi Tuyết chiếu các công đức bình đẳng thanh tịnh giống hệt nhau). Đây chính là thí dụ chung về Thể của Ngũ Phần Pháp Thân, bình đẳng không sai khác, đồng nhất thanh tịnh chẳng thể phân biệt. *“Do như đại địa, tịnh uế hảo ác, vô dị tâm cố”* (Ví như đại địa, vì chẳng có tâm phân biệt tịnh, uế, tốt, xấu sai khác). Điều này ví như công đức của Định bình đẳng Pháp Thân. *“Do như tịnh thủy, tẩy trừ trần lao, chư cấu nhiễm cố”* (Ví như nước sạch vì gột rửa trần lao và các cấu nhiễm). Điều này ví như công đức của Giới bình đẳng Pháp Thân. *“Do như hỏa vương, thiêu diệt nhất thiết phiền não tân cố”* (Ví như hỏa vương vì đốt sạch hết thảy củi phiền não). Điều này ví như công đức của Huệ bình đẳng Pháp Thân, lia tứ cú, tuyệt bách phi, có thể diệt trừ hết thảy vọng tưởng và chấp trước của chúng sanh. *“Do như đại phong, hành chư thế giới, vô chướng ngại cố”* (Ví như gió to vì thổi qua các thế giới chẳng chướng ngại). Điều này ví như công đức của Giải Thoát bình đẳng Pháp Thân. *“Do như hư*

không, u nhất thiết hữu, vô sở trước cố” (Ví như hư không vì trong hết thấy các cõi chẳng bị vướng mắc). Điều này ví như công đức của Giải Thoát Tri Kiến bình đẳng Pháp Thân. Nếu thành tựu công đức của năm phần Đại Thừa Pháp Thân như trên đây, tâm (tức ý nghiệp) sẽ có thể bình đẳng như chư Phật đến phổ độ chúng sanh, chẳng phân biệt nam, nữ, già, trẻ, nghèo, giàu, sang, hèn, có thiện căn hay không, đều khiến cho họ được sanh về Tịnh Độ, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề.

Phàm phu muốn chuyển cái tâm có phân biệt thành vô phân biệt, tốt nhất là dựa theo phẩm Thỉnh Vấn trong kinh Ban Châu Tam Muội, [phẩm ấy] nói rõ cách nhập đạo tràng tu pháp Niệm Phật tam-muội trong bảy ngày bảy đêm. Kinh ấy dạy: *“Thường lập đại tín, như pháp hành chi, vật hữu nghi tương, như mao phát hứa. Lập nhất niệm, tín thị pháp, nghi nhất niệm, đoạn chư tướng, tinh tấn hành, vật giải đãi, vật khởi tương, hữu dữ vô, vật niệm tán, vật niệm thoái, vật niệm tiền, vật niệm hậu... vật niệm phụ, vật niệm mẫu, vật niệm thê, vật niệm tử, vật niệm thân, vật niệm sơ, vật niệm tăng, vật niệm ái, vật niệm đố, vật niệm thất, vật niệm thành, vật niệm bại, vật niệm thanh, vật niệm trước. Đoạn chư niệm, nhất kỳ niệm, trừ thù miên, tinh kỳ ý, thường độc xử, vật tu hội, ty ác nhân, cận thiện hữu, thân minh sư, thị như Phật. Quán bình đẳng, u nhất thiết. Ty hương lý, viễn thân tộc, khí ái dục, lý thanh tịnh. Hành vô vi, đoạn chư dục, xả loạn ý, tập Định hành, vật tham tài, đa súc tích. Thực tri túc, vật tham vị. Chúng sanh mạng, thân vật thực. Vật điều hỷ, vật kiêu mạn, liễu thân bản, do như huyễn, nhân duyên hội, nhân duyên tán. Tất liễu thị, tri bản vô. Gia từ ai u nhất thiết, chí yếu huệ, siêu chúng hạnh... Phật ngôn: Từ chúng u thử gian quốc độ, niệm A Di Đà Phật, chuyên niệm cố đắc kiến chi. Kỳ kiến, tức vấn trì hà pháp đắc sanh An Lạc quốc? A Di Đà Phật báo ngôn: Dục lai sanh giả, đương niệm ngã danh, mạc hữu hư tức, tức đắc lai sanh, chuyên niệm cố, đắc vãng sanh. Thường niệm Phật thân quang minh triệt chiếu, đoạn chánh vô tỷ. Do niệm Phật sắc thân cố, đắc thị tam-muội”* (Thường lập niềm tin to tát, đứng pháp để hành, đừng có ý tưởng nghi ngờ chùng bằng mây tóc. Lập nhất niệm, tin pháp này; hãy nên nhất niệm, đoạn các tướng, tinh tấn hành trì, đừng biếng nhác, đừng dấy lên suy tưởng là có hay không, đừng nghĩ tới tiền, đừng nghĩ tới lui, đừng nghĩ tới trước, đừng nghĩ tới sau... đừng nghĩ tới cha, đừng nghĩ tới mẹ, đừng nghĩ tới vợ, đừng nghĩ tới con, đừng nghĩ tới thân, đừng nghĩ tới sơ, đừng nghĩ tới ghét, đừng nghĩ tới yêu, đừng nghĩ tới được, đừng nghĩ tới mất, đừng nghĩ tới thành, đừng nghĩ tới bại, đừng nghĩ tới

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

trong sạch, đừng nghĩ tới như đục. Đoạn các niệm, ấn định thời hạn niệm, trừ ngũ nghề, ý chuyên ròng, thường ở một mình, đừng tụ hội, tránh kẻ ác, thân cận bạn lành, thân cận bậc minh sư, coi vị ấy như Phật. Quán bình đẳng đối với hết thảy. Tránh xóm làng, xa lìa thân tộc, bỏ ái dục, thường hành thanh tịnh. Làm chuyện vô vi, đoạn các dục, xả loạn ý, tu tập Định hạnh, đừng tham tài, tích góp cho nhiều. Ăn thì biết đủ, đừng tham mùi vị. Cần thận đừng hại mạng chúng sanh để ăn. Đừng đùa bỡn, đừng kiêu mạn, hiểu rõ cội gốc của cái thân ví như huyễn, do nhân duyên mà tụ hội, do nhân duyên mà ly tán. Điều hiểu rõ điều này, biết nó vốn là không. Càng thêm từ bi, thương xót hết thảy, đạt cái huệ trọng yếu nhất, vượt xa các hạnh... Đức Phật dạy: Tứ chúng trong quốc độ thuộc thế gian này niệm A Di Đà Phật, do chuyên niệm, nên được thấy Ngài. Đã thấy, bèn hỏi: Do trì pháp nào mà được sanh về cõi An Lạc? A Di Đà Phật đáp: Kẻ muốn sanh về [An Lạc], hãy nên niệm danh hiệu của ta, đừng ngưng nghỉ, sẽ đạt được sanh đến đó. Do chuyên niệm bèn lập tức được vãng sanh. Thường niệm quang minh nơi thân Phật chiếu thấu suốt, đoạn chánh khôn sánh. Do niệm sắc thân của Phật, mà đắc tam-muội này).

Cũng như kinh Vô Lượng Thọ có nói: “*Tam bối vãng sanh, giai đương nhất hướng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật*” (Kẻ vãng sanh trong ba bậc đều nên một bề chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật). “*Chuyên niệm*” sẽ có thể chuyển các thứ tâm phân biệt thành cái tâm vô phân biệt, trừ khử hết thảy vọng tưởng, chấp trước, được thấy Phật Di Đà, thành tựu Niệm Phật tam-muội, vãng sanh Tịnh Độ, chuyển phàm tâm thành Phật tâm. Đây là phương pháp thần diệu để thực hiện dễ nhất, thành công cao nhất!

(Chú) Vấn viết: Tâm thị giác tri tướng, vân hà khả đắc đồng địa, thủy, hỏa, phong vô phân biệt da? Đáp viết: Tâm tuy tri tướng, nhập Thật Tướng, tắc vô tri dã. Thí như xà tánh tuy khúc, nhập trục đồng tắc trực. Hựu như nhân thân nhược châm thích, nhược phong thích, tắc hữu giác tri, nhược thạch diệt đạm, nhược cam đao cát, tắc vô giác tri. Như thị đẳng hữu tri, vô tri, tại vu nhân duyên. Nhược tại nhân duyên, tắc phi tri phi vô tri dã.

(註)問曰：心是覺知相，云何可得同地水火風無分別耶？答曰：心雖知相，入實相，則無知也。譬如蛇性雖曲，入竹筒則直。又如人身若鍼刺，若蜂螫，則有覺知，

若石蛭啮，若甘刀割，則無覺知。如是等有知無知，在于因緣。若在因緣，則非知非無知也。

(*Chú*: Hỏi: Tâm là tướng giác tri (hay biết), có sao có thể giống như đất, nước, lửa, gió chẳng phân biệt u? Đáp: Tâm tuy biết tướng, hề nhập Thật Tướng thì sẽ vô tri. Ví như tánh của rắn là cong queo, nhưng vào trong ống tre sẽ thẳng. Lại như thân nếu dùng kim đâm, hoặc bị ong chích, sẽ có sự hay biết. Nếu bị đĩa cắn, hoặc cam tâm bị đao chém, sẽ không hay biết. Hữu tri, vô tri như thế là do nhân duyên. Nếu là do nhân duyên thì chẳng phải là tri, chẳng phải là vô tri).

Ngài Đàm Loan lại lập ra lời vấn đáp để chỉ rõ hữu tri (phân biệt) và vô tri là do nhân duyên, chẳng liên quan đến Thật Tướng của tâm. Nếu ngộ nhập Thật Tướng của nhất tâm, sẽ không có cái gọi là tri hay vô tri, xa lìa hết thấy các pháp chia thành hai (nhị biên) của thế gian. Như kinh đã dạy: “*Chư pháp nhân duyên sanh, chư pháp nhân duyên diệt*” (Các pháp do nhân duyên mà sanh, các pháp do nhân duyên mà diệt). Như thiền sư Huệ Tư soạn bộ Đại Thừa Chỉ Quán đã viết: “*Tâm tánh tự thanh tịnh (nhất vị không tịch, chẳng có đối đãi dù là danh hay tướng), các pháp chỉ là nhất tâm... Nhất tâm mà tách thành hai (tạo thành các thứ pháp sai biệt là do nhân duyên), tuy hai mà vẫn chẳng có hai tướng (cái tâm thanh tịnh chẳng thuộc vào nhân duyên, chẳng phải là tri, chẳng phải là vô tri)*”.

Ngài Đàm Loan lại nêu ra hai thí dụ để thuyết minh các pháp “*đối đãi chia thành hai*” trong thế gian đều do nhân duyên sanh ra. Đã thuộc vào nhân duyên thì chẳng có tự tánh, cho nên đều là tánh Không bình đẳng, chẳng phải là tri, chẳng phải là vô tri. Chư Phật ngộ chứng tánh Không bình đẳng ấy, cho nên [các Ngài] có ý nghiệp bình đẳng. Tâm là như thế, hết thấy các pháp cũng không gì chẳng phải là “bình đẳng, không sai biệt”. Cần phải có nhân duyên gì vậy? Các vị Duy Thức nói: Ất phải nương theo sáu nhân và bốn duyên; nhân duyên hòa hợp, sẽ sanh khởi vạn pháp. Sáu nhân là:

1) Năng Tác Nhân (能作因, cái nhân có thể tạo ra cái quả): Như đại địa sanh ra cỏ cây, đây là “*hữu lực năng tác nhân*” (cái nhân có năng lực tạo ra cái quả). Như vạn vật sanh khởi trong hư không chẳng có chướng ngại; đây chính là “*bất chướng năng tác nhân*” (cái nhân chẳng chướng ngại việc tạo ra cái quả). Cái quả đạt được [do cái nhân ấy] được gọi là Tăng Thượng Quả (增上果).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

2) Câu Hữu Nhân (俱有因): Tứ đại chủng như Địa Đại có bốn tướng “sanh, trụ, dị, diệt”, ắt nương vào nhau mà sanh, thiếu một thứ sẽ chẳng thể được. Cái quả đạt được thì gọi là Sĩ Dụng Quả (士用果).

3) Đồng Loại Nhân (同類因): Như thiện pháp kia làm cái nhân để sanh khởi thiện pháp này, tức là nói đến [các pháp] có tánh chất cùng loại thiện, ác, hoặc vô ký [làm nhân cho nhau] mà sanh khởi, chẳng thuộc về tâm, sắc, sự tướng. Cái quả đạt được thì gọi là Đẳng Lưu Quả (等流果).

4) Tương Ứng Nhân (相應因): Tức là tâm và tâm sở pháp ắt tương ứng mà sanh ra cái quả. Cái quả đạt được thì cũng gọi là Sĩ Dụng Quả.

5) Biến Hành Nhân (遍行因): Tức là từ trong Đồng Loại Nhân, xét theo phiền não mà chuyên lập ra [một loại nhân nữa]. Như tham, sân, si, nghi, ác kiến có thể sanh ra trọn khắp hết thấy các Hoặc (phiền não). Cái quả đạt được thì cũng gọi là Đẳng Lưu Quả.

6) Dị Thục Nhân (異熟因): Tức là thiện nhân hay ác nhân chiêu cảm cái quả vô ký (không thiện, không ác) thì [cái nhân ấy được] gọi là Dị Thục Nhân, vì cái quả kết thành khi chín muồi sẽ khác loại với cái nhân. Cái quả đạt được thì gọi là Dị Thục Quả (異熟果).

Bốn duyên là:

1) Nhân Duyên (因緣): Như sáu căn làm nhân, sáu trần làm duyên mà sanh ra sáu thức.

2) Thứ Đệ Duyên (次第緣): Ý nói tâm và tâm sở pháp theo thứ tự mà liên tục sanh khởi chẳng gián đoạn. Vì thế còn gọi là Vô Gian Duyên (無間緣).

3) Duyên Duyên (緣緣): Còn gọi là Sở Duyên Duyên. Tức là tâm và tâm sở pháp nương vào duyên mà sanh, vẫn là sự duyên lự của tự tâm, cho nên gọi là Duyên Duyên.

4) Tăng Thượng Duyên (增上緣) chính là căn và trần kết hợp mà phát sanh ra thức, có lực dụng tăng thượng. Khi các pháp sanh, nó chẳng sanh ra chướng ngại. Vì thế gọi là Tăng Thượng Duyên.

“Thạch diệt” (石蛭) là động vật thân mềm thuộc loại địa, đỉnh đầu nó có bốn cặp mắt, thường nương vào kẽ hở giữa các tảng đá hoặc những miếng ngói bên sông. Khi có người ở trong nước, nó bám vào thân thể họ để hút máu mà người ta chẳng hay biết. “Cam đao cắt” (甘刀割) tức là cam tâm tình nguyện bị đao cắt sẽ chẳng cảm thấy đau. Như trong bài Chánh Khí Ca của Văn Thiên Tường có đoạn: “Đảnh

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

hoạch cam như di, cầu chi bất khả đắc”⁵⁹, há còn hay biết đau khổ nữa chăng?

Do điều này có thể biết: Sở dĩ chư Phật có thể thành tựu ý nghiệp bình đẳng rốt ráo, chẳng phải là do có khẩu quyết thần bí chi cả! Tức là do [các Ngài] có thể quán hết thấy các pháp đều sanh bởi nhân duyên, bản thể của chúng là vô sanh, ngộ nhập pháp nào cũng đều là tánh Không rốt ráo bình đẳng, chuyên sáu thức hư vọng phân biệt thành Diệu Quán Sát Trí chẳng có phân biệt. Do có trí ấy, bèn có thể xa lìa khái niệm phân chia thành hai cực đối đãi là “ngã” và “ngã sở” trong vọng thức, khế nhập Chân Như thuần nhất, chuyên cái thức thứ bảy tức Chấp Ngã Thức (Mạt Na Thức) thành Bình Đẳng Tánh Trí. Đó gọi là “*ý nghiệp bình đẳng*”. Đã có ý nghiệp bình đẳng ấy, Đại Viên [Kính Trí], Vô Cấu Thức vốn sẵn có đồng thời phát khởi, chiếu trọn khắp các quốc độ nhiều như vi trần. Cũng giống như vậy, pháp môn Tịnh Độ cũng là chánh quán trọn khắp hết thấy các sự trang nghiêm trong cõi ấy đều sanh bởi nhân duyên. Sanh mà vô sanh, ngộ nhập Đệ Nhất Nghĩa Đế, chẳng thuộc vào diệu cảnh giới đối đãi Nhị Biên, tức là Nhất Chân pháp giới bình đẳng “chẳng phải không, chẳng phải bất không”, sẽ thành tựu vô lượng thanh tịnh bình đẳng giác (tức ý nghiệp của Như Lai) rốt ráo.

Vì thế học Phật, ắt trước hết là phải từ chánh quán pháp nhân duyên mà thông đạt “*duyên khởi tánh Không, tánh Không duyên khởi*”, kiên lập viên dung Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế) và chánh kiến nhất tâm nhị môn. Thường nói là: “*Tuy biết các cõi Phật, và chúng sanh là Không, nhưng thường tu Tịnh Độ, lợi ích các chúng sanh*”. Nương vào chánh kiến Nhị Đế vô ngại, từ tùy thuận nhân duyên mà đối với các pháp sanh ra lẫn nhau, bèn sáng tạo và hoàn thành hết thấy Bồ Tát đạo “*thượng cầu, hạ hóa*”, bèn có thể thành Phật. Như kinh Tạp A Hàm đã dạy: “*Kiến duyên khởi tức kiến pháp, kiến pháp (tánh Không) tức kiến Phật*” (Thấy duyên khởi chính là thấy Pháp. Thấy pháp (tánh Không) chính là thấy Phật). Do có chánh quán phân biệt (duyên khởi) mà nhập

⁵⁹ “*Đảnh hoạch*” (鼎鑊) tức là cái vạc đồng to để đun nấu. Cách tra tấn tù nhân ngày xưa thì hoặc là nấu dầu sôi rưới lên tội nhân, hoặc bỏ vào vạc luộc cho đến chết. Vì thế, từ ngữ “*đảnh hoạch*” dùng để chỉ các cực hình tàn khốc hoặc xử tử. Theo các nhà chú giải, hai câu “*đảnh hoạch cam như di, cầu chi bất khả đắc*” có nghĩa là: “Xem mọi thứ cực hình tra tấn đều ngọt ngào như đường, lòng ta mong tưởng mà dễ gì đạt được!”

chánh tánh vô phân biệt (tánh Không). Đây là đường lối chung trong học Phật.

(Chú) Vấn viết: Tâm nhập Thật Tướng, khả linh vô tri, vân hà đắc hữu Nhất Thiết Chung Trí da? Đáp viết: Phàm tâm hữu tri, tức hữu sở bất tri. Thánh tâm vô tri, cố vô sở bất tri. Vô tri nhi tri, tri tức vô tri dã. Vấn viết: Ký ngôn vô tri, cố vô sở bất tri. Nhược vô sở bất tri giả, khởi bất thị tri chủng chủng pháp da? Ký tri chủng chủng chi pháp, phục vân hà ngôn: “Vô sở phân biệt” da? Đáp viết: Chư pháp chủng chủng tướng, giai như huyễn hóa, nhiên huyễn hóa tượng mã, phi vô trường cảnh tỵ thủ túc dị, nhi trí giả quán chi, khởi ngôn định hữu tượng mã phân biệt chi da?

(註)問曰：心入實相，可令無知，云何得有一切種智耶？答曰：凡心有知，則有所不知。聖心無知，故無所不知。無知而知，知即無知也。問曰：既言無知，故無所不知。若無所不知者，豈不是知種種法耶？既知種種之法，復云何言：無所分別耶？答曰：諸法種種相，皆如幻化，然幻化象馬，非無長頸鼻首足異，而智者觀之，豈言定有象馬分別之耶？

(Chú: Hỏi: Tâm nhập Thật Tướng thì có thể khiến cho nó vô tri, cơ sao lại có Nhất Thiết Chung Trí vậy? Đáp: Hễ tâm có biết thì sẽ có cái chẳng biết. Thánh tâm vô tri, cho nên không gì chẳng biết. Không biết mà biết, biết tức là không biết. Hỏi: Đã nói là vô tri, cho nên không gì chẳng biết. Nếu là “không gì chẳng biết”, há chẳng phải là biết đủ mọi pháp ư? Đã biết đủ mọi pháp, sao lại còn nói “chẳng có gì phân biệt”? Đáp: Những thứ tướng của các pháp đều như huyễn hóa, nhưng voi, ngựa hư huyễn biến hóa ra, không con nào chẳng có cổ dài, mũi, đầu, chân sai khác, nhưng bậc trí quan sát, há có nói nhất định là có voi hay ngựa phân biệt ư?)

Lời vấn đáp trong phần trước nhằm nói rõ “chẳng dựa theo Thế Tục Đế (chánh quán các pháp sanh bởi nhân duyên), sẽ chẳng đắc Đệ Nhất Nghĩa Đế (chẳng phải là tri, chẳng phải là vô tri)”. Còn hai tầng vấn đáp ở đây nhằm chỉ rõ “thánh tâm vô tri” (nuông theo nghĩa Không, chẳng phân biệt), cho nên không gì chẳng biết (hết thấy các pháp đều trở thành có phân biệt). Đây chính là yếu chỉ (ý chỉ trọng yếu)

trong bộ Trung Quán Luận do Long Thọ Bồ Tát trước tác, chỉ có người đã ngộ nhập Thật Tướng của nhất tâm nhị môn thì mới có thể thắng thừng gánh vác chuyện này, thành tựu ý nghiệp bình đẳng của Như Lai, cũng gọi là Nhất Thiết Chứng Trí. Tâm của bọn phàm phu đều là xử sự bằng thức tâm hư vọng phân biệt, toàn là nương theo nhân, cậy vào duyên mà sanh. Nhân duyên hòa hợp, sẽ sanh khởi ngay tại đó; nhân duyên chia lìa, sẽ ngay lập tức diệt tận ngay tại đó. Do vậy, nói theo thời gian, sẽ có lúc là biết, sẽ có lúc không biết. Nói theo không gian, ở chỗ này sẽ biết vật này, tại chỗ kia sẽ chẳng biết vật kia. Phật, Bồ Tát đã ngộ chứng Thật Tướng của nhất tâm, sẽ chẳng giống như phàm phu. Tâm các Ngài tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch. Tịch là Chân Như Môn, Chiếu là Sanh Diệt Môn. Nhất tâm nhị môn, Tịch và Chiếu đồng thời, chẳng phải là nương vào nhân dựa vào duyên mà sanh.

Cổ nhân hình dung là “*linh quang độc chiếu, huýnh thoát căn trần*” (linh quang riêng chiếu, vượt thoát căn trần), hoặc “*vạn lý tình không, nhất luân minh nguyệt*” (trời quang vạn dặm, một vàng trăng sáng). Giống như tấm gương sáng sạch, hễ đối diện sẽ hiện hình bóng. Khi vật đến [soi bóng vào gương] thì hiện ra rành rẽ phân minh; khi nó rời đi, chẳng để lại dấu vết. Chẳng lúc nào, không có vật nào mà chẳng chiếu, chẳng giống như gỗ, đá vô tri. Lại như vàng đã tinh luyện mềm mại, thuận theo ý người mà chế thành các món vật. Gương và vàng có thể ví như vô tri, hình ảnh khuôn mặt và các món vật ví như “không gì chẳng biết”. Cái trước là Chân Như Môn, cái sau là Sanh Diệt Môn, nhất tâm nhị môn, pháp vốn đồng thời. “Biết” và “không biết” cũng giống như thế. Không biết mà biết, chẳng phải là tự nhiên. Biết chính là không biết, chẳng phải là nhân duyên. Thật Tướng của nhất tâm vốn là như thế đó.

Phật chứng đắc nhất tâm nhị môn, chẳng rời đạo tràng (Chân Như Môn) ứng hiện trọn khắp mười phương (Sanh Diệt Môn), như trống trời tự vang ra tiếng, chẳng phân biệt mà không gì chẳng biết. Như Trung Luận đã nói: “*Pháp được sanh bởi nhân duyên, ta nói chính là Không*”. Do vậy, trong cái nhìn của Phật, Bồ Tát, các thứ tướng, các thứ danh của các pháp đều như huyễn, như hóa, chẳng thể phân biệt hoặc chấp là thật sự có. Đó gọi là Không Quán. Các pháp huyễn hóa xác thực là có tướng và dụng sai biệt được sanh bởi nhân duyên, như voi, ngựa, trâu, dê v.v... mỗi loài đều có hình mạo khác nhau, bất quá chớ nên chấp trước pháp tướng sanh diệt, cho là thật sự

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

có tự tánh độc lập bất biến. Biết chúng chỉ là tướng trạng giả hòa hợp nhất thời, là những danh tướng giả lập mà gọi là “voi, ngựa, trâu, dê”. Liễu đạt tướng Không của các pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng thể phân biệt!

2.2.2.2.3.2.1.2.2.5. Đại chúng công đức

(Luận) *Hà giả trang nghiêm đại chúng công đức thành tựu?*
Kệ ngôn: “*Thiên nhân bất động chúng, thanh tịnh trí hải sanh*” cố.

(論)何者莊嚴大眾功德成就？偈言：天人不動眾，清淨智海生故。

(Luận: *Thế nào là trang nghiêm đại chúng công đức thành tựu?*
Kệ rằng: “*Chúng trời người bất động, biên trí thanh tịnh sanh*”).

Nói thông thường, do phước nghiệp mà sanh làm trời hoặc người, do ác nghiệp bèn sanh trong tam đồ, bất động nghiệp thì sanh trong Sắc Giới Thiên hoặc Vô Sắc Giới Thiên. Nhưng trời người trong cõi Cực Lạc chẳng phải do bất động nghiệp mà sanh, mà là do nương vào bốn nguyện và trí hải của A Di Đà Phật mà sanh. Như trẻ mồ côi vào cô nhi viện, căn bản là phải nương cây nhà từ thiện sáng lập cô nhi viện thì trẻ mồ côi mới được vào viện. Chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ, giống như trẻ mồ côi vào viện. Nếu không có bốn nguyện và trí huệ của A Di Đà Phật thành lập Tịnh Độ, chúng sanh muôn sanh về Tịnh Độ cũng chẳng thể được! Vì thế nói là “*thanh tịnh trí hải sanh*” (sanh từ biên trí thanh tịnh).

2.2.2.2.3.2.1.2.2.6. Thượng thủ công đức

(Luận) *Hà giả trang nghiêm thượng thủ công đức thành tựu?*
Kệ ngôn: “*Như Tu Di sơn vương, thắng diệu vô quá giả*” cố.

(論)何者莊嚴上首功德成就？偈言：如須彌山王，勝妙無過者故。

(Luận: *Trang nghiêm thượng thủ công đức thành tựu là như thế nào?* **Kệ nói:** “*Như núi chúa Tu Di, thắng diệu không gì hơn*”).

Bậc thượng thủ ở đây chính là nói đến bậc Đại Thừa Đẳng Giác Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí, xác thực là thù thắng nhiệm mầu

không có ai vượt xa được!

2.2.2.2.3.2.1.2.2.7. Chủ công đức

(Luận) *Hà giả trang nghiêm chủ công đức thành tựu? Kệ ngôn: “Thiên nhân trượng phu chúng, cung kính nhiều chiêm ngưỡng” cố.*

(論)何者莊嚴主功德成就？偈言：天人丈夫眾，恭敬繞瞻仰故。

(Luận: Trang nghiêm chủ công đức thành tựu là gì? Kệ nói: “Chúng trượng phu trời người, cung kính nhiều chiêm ngưỡng”).

Phản trước là từ Chủ (đấng giáo hóa chủ) mà hiển lộ đại chúng, nay thì từ đại chúng mà hiển lộ Chủ, tức là Chủ Bạt Viên Dung Cụ Đức Môn. Thế giới Cực Lạc chẳng có nữ nhân, vì thế nói là “*thiên nhân trượng phu chúng*”. “*Cung kính nhiều chiêm ngưỡng*” tức là như hạc đứng giữa bầy gà, sự đặc biệt thù thắng hiển lộ trọn vẹn.

2.2.2.2.3.2.1.2.2.8. Bất hư tác trụ trì công đức

(Luận) *Hà giả trang nghiêm bất hư tác trụ trì công đức thành tựu? Kệ ngôn: “Quán Phật bốn nguyện lực, ngộ vô không quá giả, năng linh tốc mãn túc, công đức đại bảo hải” cố.*

(Chú) *Bất hư tác trụ trì công đức thành tựu giả, cái thị A Di Đà Như Lai bốn nguyện lực dã. Kim đương lược thị hư tác chi tướng bất năng trụ trì, dụng hiển bỉ bất hư tác trụ trì chi nghĩa. Nhân hữu chuyết xan dưỡng sĩ, hoặc hân khởi châu trung, tích kim doanh khố, nhi bất miễn ngã tử, như tư chi sự, xúc mục giai thị. Đắc phi tác đắc, tại phi thủ tại, giai do hư vọng nghiệp tác, bất năng trụ trì dã.*

(論)何者莊嚴不虛作住持功德成就？偈言：觀佛本願力，遇無空過者，能令速滿足，功德大寶海故。

(註)不虛作住持功德成就者，蓋是阿彌陀如來本願力也。今當略示虛作之相不能住持，用顯彼不虛作住持之義。人有輟餐養士，或釁起舟中，積金盈庫，而不免餓死，如斯之事，觸目皆是。得非作得，在非守在，皆由虛

妄業作，不能住持也。

(**Luận:** Trang nghiêm công đức trụ trì chẳng uổng công thực hiện là như thế nào? Kệ nói: “Quán sức bốn nguyện Phật, gặp gỡ chẳng luống uổng, hay mau chóng thỏa mãn, biển báu công đức lớn”).

Chú: “Thành tựu công đức trụ trì chẳng uổng công thực hiện” là do sức bốn nguyện của A Di Đà Như Lai. Nay phô bày đại lược tướng uổng công thực hiện mà chẳng thể trụ trì nhằm hiển thị ý nghĩa “chẳng uổng công thực hiện trụ trì”. Như có người bót ăn để nuôi kẻ sĩ [đói rách], hoặc trong truyền sanh chuyện, chất chứa vàng đầy kho mà chẳng thể tránh khỏi bị chết đói. Những chuyện như vậy đâu đâu cũng thấy. Đạt được do hành vi không chánh đáng, tồn tại cái chẳng đáng nên tồn tại, đều là do nơi nghiệp hư vọng mà làm ra, chẳng thể trụ trì vậy).

Đoạn này chính là quan sát A Di Đà Phật thành tựu công đức chẳng uổng công thực hiện trụ trì, chính là vì khi tu nhân, Pháp Tạng Bồ Tát đã phát ra bốn mươi tám đại nguyện, nguyện nào cũng đều thành tựu viên mãn, tức là công đức của Di Đà bốn nguyện lực đã thành tựu. Có thể nói: Sức bốn nguyện công đức ấy chính là cái nhân cơ bản để thành tựu công đức của hết thầy y báo và chánh báo trang nghiêm trong quốc độ An Lạc. Nếu không có sức bốn nguyện công đức, sẽ chẳng có thân Phật A Di Đà, Tịnh Độ, Bồ Tát quyền thuộc, và chẳng đạt được lợi ích ba bậc vãng sanh. Do vậy, lời kệ nói: “*Quán Phật bốn nguyện lực, ngộ vô không quá giả, năng linh tốc mãn túc, công đức đại bảo hải*” (Quán sức bốn nguyện Phật, gặp gỡ chẳng luống uổng, hay mau chóng thỏa mãn, biển báu công đức lớn). Những gì là tướng trạng của “*hư tác*” (uổng công thực hiện) và “*trụ trì*”? Ngài Đàm Loan nêu đại lược hai chuyện để thuyết minh:

1) Một là có kẻ do thiện tâm hữu lậu bèn bót ăn bót mặc để cứu giúp những hàn sĩ bần cùng, nhưng thiện tâm mà chẳng được báo đáp tốt đẹp, gặp phải những tai họa ngoài ý muốn khiến cho khuynh gia bại sản. “*Chuyết*” (輟) có nghĩa là “ngưng nghỉ”. “*Chuyết xan*” (輟餐) là bót ăn, khắc khổ, “*duỡng sĩ*” (養士) là thí xả hòng làm lợi người khác. Thiện nhân như vậy cũng có thể gặp phải ác báo chẳng đáng nên có. Như thuyền ở trong nước chẳng nên có hỏa tai, nhưng bỗng dưng thuyền bị bốc cháy dữ dội, cháy rụi. Vì thế nói là “*hàn khởi châu trung*” (trong thuyền sanh chuyện). Đây là tạo nhân lành mà chẳng có

quả lành, gọi là “*hư tác*”.

2) Một chuyện khác là ví như có kẻ tích góp vàng bạc, của báu đầy ắp kho đụn, rồi gặp phải năm đói kém, ngũ cốc chẳng thu hoạch được, khó tránh khỏi đói khát mà chết!

Những chuyện giống như vậy có thể nói là xưa nay, trong ngoài nước đều có. Cái đạt được chẳng phải là do theo đường lối chánh đáng để thực hiện mà có được, chỉ là cơ duyên ngẫu nhiên, do đã tạo nghiệp nhân hư vọng chẳng chân thật mà đạt được, nên gọi là “*đắc phi tác đắc*” (cái đạt được là do chẳng thực hiện chánh đáng mà có), tức là “*hư tác*” (thực hiện hư vọng). Đã là “*hư tác*”, sẽ chẳng thể “*trụ trì*” (duy trì) cái nhân lành hồng quyết định đạt được quả lành. Nhân quả phù hợp với nhau sẽ chẳng bị mê mất, vì thế gọi là “*tại phi thủ tại*” (tồn tại cái quả chẳng đáng nên có), tức là chẳng thể trụ trì. Dùng những sự thật nhân quả hư vọng trong thế gian để hiển hiện ngược lại sức bản nguyện công đức của A Di Đà Phật trải qua vô lượng kiếp, tu vô lượng Bồ Tát hạnh, thành tựu công đức chân thật chẳng hư huyền, quyết định có thể trụ trì cái nhân như thế và cái quả như thế, chẳng phải là “*đắc phi tác đắc, tại phi thủ tại*” (đạt được cái chẳng do thực hiện chánh đáng, tồn tại cái chẳng đáng nên tồn tại), chẳng có khuyết điểm “*hư tác trụ trì*”.

(Chú) Sở ngôn: “Bất hư tác trụ trì” giả, y bản Pháp Tạng Bồ Tát tứ thập bát nguyện, kim nhật A Di Đà Như Lai tự tại thần lực, nguyện dĩ thành lực, lực dĩ tựu nguyện, nguyện bất đồ nhiên, lực bất hư thiết, lực nguyện tương phù, tất cánh bất sai. Cổ viết: “Thành tựu”.

(註)所言：不虛作住持者，依本法藏菩薩四十八願，今日阿彌陀如來自在神力，願以成力，力以就願，願不徒然，力不虛設，力願相符，畢竟不差。故曰：成就。

(Chú: Nói “*bất hư tác trụ trì*”: Vốn dựa vào bốn mươi tám nguyện của Pháp Tạng Bồ Tát và thần lực tự tại của A Di Đà Như Lai trong hiện thời, nguyện nhằm thành tựu lực, lực để đáp ứng nguyện. Nguyện chẳng phí uổng, lực chẳng lập bày hư giả, nguyện và lực phù hợp nhau, rốt ráo chẳng sai sót. Vì thế nói là “*thành tựu*”).

Chúng ta phải thiết thực liễu tri: “*Chánh giác A Di Đà, pháp vương thiện trụ trì*” là “*bất hư tác trụ trì*”. Sở dĩ có thể khéo trụ trì, có thể chẳng uổng công thực hiện, chính là do bản nguyện trong khi tu

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

nhân và thần lực nơi quả địa của Vô Lượng Thọ Phật. Nhân quả như thế, không gì chẳng phải là “*nhân bao trùm biển quả, quả thấu triệt nguồn nhân*”. Nương vào bốn nguyện để thành tựu thần lực, dùng thần lực để đáp đền bốn nguyện. Bốn nguyện là nhân; có nhân ắt có quả. Vì thế, có thần lực tự tại, cho nên nói “*bất đồ nhiên*” (chẳng phí uổng). Thần lực là quả, quả do nhân thành, thần lực do bốn nguyện mà có, vì thế nói “*bất hư thiết*” (chẳng lập bầy hư giả). Bốn nguyện và thần lực rốt ráo là nhân và quả phù hợp lẫn nhau chẳng sai chạy. Do cái nhân như thế mà đạt được cái quả như thế, vì thế nói là “*thành tựu*”.

Do điều này có thể biết: Sở dĩ A Di Đà Phật có thể “*bất hư tác trụ trì*” hoàn toàn là do khi tu nhân, Ngài đã phát ra bốn mươi tám đại nguyện, cho nên có thể có thần lực tự tại như vậy, khéo léo trụ trì tam bảo thế gian, khiến cho chánh pháp chẳng mất đi, chẳng biến đổi, chúng sanh lìa khổ được vui, cùng được thành Phật. Nói theo khí thế gian thì do nguyện thứ hai mươi bảy và hai mươi tám trong bốn nguyện mà thành tựu sự nhiệm mầu thù thắng, do nguyện thứ ba mươi hai mà thành tựu trang nghiêm, do nguyện thứ ba mươi một mà thành tựu sự sáng sạch. Nương theo sự “*trang nghiêm, sáng sạch, thù thắng nhiệm mầu*” ấy mà có mười bảy thứ trang nghiêm công đức thành tựu trong quốc độ An Lạc. Nói theo chánh giác thế gian thì do nguyện thứ mười hai “*thành tựu vô lượng quang*”, nguyện thứ mười ba “*thành tựu vô lượng thọ*”, nguyện thứ mười bảy “*thành tựu chư Phật ca ngợi, tán thán*” trong bốn nguyện, nương theo công đức thù thắng “*vô lượng thọ, vô lượng quang*” mà triển khai thành tám thứ trang nghiêm công đức thành tựu.

Nói theo hữu tình thế gian thì do công đức của bốn mươi một nguyện kia⁶⁰ trong bốn nguyện mà thành tựu: “*Hóa xứ*” (Chỗ giáo hóa của đức Phật) bao gồm trọn khắp chúng sanh trong bốn độ (tức An Lạc quốc), mười phương và thế giới Sa Bà. “*Hóa chúng*” (Đại chúng được giáo hóa) sẽ bao gồm trời, người, phàm phu, Nhị Thừa, Bồ Tát, nam, nữ, già, trẻ. “*Hóa pháp*” thì tam luân (tam nghiệp) thí hóa, nhất là dùng Phật danh và Phật quang để rộng làm Phật sự lợi ích chúng sanh. “*Hóa quả*” là lòng đại từ có thể ban hết thấy các sự vui, đại bi có thể dẹp hết

⁶⁰ Tức là trừ bảy nguyện gồm bốn nguyện thành tựu khí thế gian (nguyện thứ hai mươi bảy, hai mươi tám, ba mươi một, ba mươi hai) và ba nguyện thành tựu chánh giác thế gian (nguyện thứ mười hai, mười ba và mười bảy), bốn mươi một nguyện còn lại đều là thành tựu hữu tình thế gian.

thầy các khổ, đều khiến cho họ thành Phật. Luận này lấy quan sát bốn thứ chánh tu hành trang nghiêm công đức thành tựu của các vị Bồ Tát trong cõi ấy làm tánh chất đại biểu. Chánh giác thế gian và hữu tình thế gian đều là chúng sanh thế gian. Vì thế, trong phần sau của bộ luận này có viết: *“Thử thanh tịnh hữu nhị chủng: Nhất giả khí thế gian thanh tịnh. Nhị giả, chúng sanh thế gian thanh tịnh. Khí thế gian thanh tịnh giả, như hướng thuyết thập thất chủng trang nghiêm Phật độ công đức thành tựu. Chúng sanh thế gian thanh tịnh giả, như hướng thuyết bát chủng trang nghiêm Phật công đức thành tựu, tứ chủng trang nghiêm Bồ Tát công đức thành tựu”* (Sự thanh tịnh ấy có hai loại: Một là khí thế gian thanh tịnh, hai là chúng sanh thế gian thanh tịnh. Khí thế gian thanh tịnh là mười bảy thứ trang nghiêm cõi Phật công đức thành tựu như đã nói trên đây. Chúng sanh thế gian thanh tịnh là tám thứ trang nghiêm Phật công đức thành tựu và bốn thứ trang nghiêm Bồ Tát công đức thành tựu như đã nói trên đây).

Bốn mươi tám đại nguyện ấy là do Pháp Tạng Bồ Tát xứng tánh phát ra, không nguyện nào chẳng phải là công đức vốn sẵn có trong tâm tánh. Tâm tánh bình đẳng, cho nên công đức bình đẳng, tổng cộng có ba trọng điểm:

1) Hễ là chúng sanh sanh trong Cực Lạc Tịnh Độ của A Di Đà Phật, ai nấy đều sẽ đứng là như thế, tức là *“Đại Thừa thiện căn giới, bình đẳng, không có danh xưng đáng bị chê gièm”*, hoàn toàn bình đẳng.

2) Kẻ muốn sanh về cõi Phật ấy, chỉ cần chí tâm tin ưa, trọn đủ tín, nguyện, niệm, hạnh, xưng niệm A Di Đà Phật liền có thể được Phật tiếp dẫn vãng sanh cõi ấy. Dầu chỉ một niệm hay mười niệm, cũng có thể được vãng sanh. Hễ vãng sanh bèn bắt thoát, rốt ráo thành Phật, cũng là hoàn toàn bình đẳng.

3) Dùng danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật để nhiếp hóa chúng sanh trong chín pháp giới, khiến cho họ được gặp gỡ (nghe danh), sẽ đều chẳng luống uổng, có thể mau chóng thỏa mãn hết thảy nguyện cầu công đức thế gian và xuất thế gian, như lìa khổ được vui, liễu sanh thoát tử, cho đến tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông v.v... rốt ráo cùng chứng bình đẳng Pháp Thân, không một ai chẳng thành Phật. Do vậy, bài kệ tán Phật thông dụng có đoạn: *“Quang trung hóa Phật vô số ức, hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên. Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh, cứu phẩm hàm linh đẳng bị nạn”*. Tất cả công đức tự lợi và lợi tha hoàn toàn nương vào danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn của A

Di Đà Phật và bốn nguyện nơi nhân địa, cũng như thần lực nơi quả địa của Phật, thì mới có thể tự độ, độ người khác như thế, phổ độ hữu tình đều cùng thành Phật. Kẻ được gặp gỡ, chắc chắn chẳng luống uổng, vì thế nói là “*bất hư tác trụ trì*”. Do vậy, cô đức đã tán thán như sau: “*Di Đà nghĩa vô cùng, mặc hải bất năng tả*” (Di Đà nghĩa chẳng cùng, biển mực không viết xuể), “*thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất*” (mười phương ba đời Phật, A Di Đà bậc nhất). Danh hiệu và bốn nguyện của A Di Đà Phật đích xác là quá vi diệu chẳng thể nghĩ bàn!

2.2.2.2.3.2.1.3. Thị hiện đức tự lợi, lợi tha của Như Lai

(Luận) Tức kiến bỉ Phật, vị chứng tịnh tâm Bồ Tát, tất cánh đắc chứng bình đẳng Pháp Thân, dữ tịnh tâm Bồ Tát, dữ thượng địa chư Bồ Tát, tất cánh đồng đắc tịch diệt bình đẳng cố.

(Chú) “Bình đẳng Pháp Thân” giả, Bát Địa dĩ thượng pháp tánh sanh thân Bồ Tát dã. “Tịch diệt bình đẳng” giả, tức thử Pháp Thân Bồ Tát sở chứng tịch diệt bình đẳng chi pháp dã. Dĩ đắc thử tịch diệt bình đẳng pháp, cố danh vi: “Bình đẳng Pháp Thân”. Dĩ bình đẳng Pháp Thân Bồ Tát sở đắc, cố danh vi: “Tịch diệt bình đẳng pháp” dã.

(論)即見彼佛，未證淨心菩薩，畢竟得證平等法身，與淨心菩薩，與上地諸菩薩，畢竟同得寂滅平等故。

(註)平等法身者，八地已上法性生身菩薩也。寂滅平等者，即此法身菩薩所證寂滅平等之法也。以得此寂滅平等法，故名為：平等法身。以平等法身菩薩所得，故名為：寂滅平等法也。

(Luận: Tức là thấy đức Phật thì vị Bồ Tát chưa chứng tịnh tâm sẽ rốt ráo chứng Pháp Thân bình đẳng, cùng với tịnh tâm Bồ Tát và các vị thượng địa Bồ Tát rốt ráo cùng đắc tịch diệt bình đẳng.

Chú: “Bình đẳng Pháp Thân” là pháp tánh sanh thân Bồ Tát từ Bát Địa trở lên. “Tịch diệt bình đẳng” chính là pháp tịch diệt bình đẳng do Pháp Thân Bồ Tát đã chứng. Do đắc pháp tịch diệt bình đẳng này, nên gọi là “Pháp Thân bình đẳng”. Do là pháp chứng đắc bởi Pháp Thân Bồ Tát, nên gọi là “pháp tịch diệt bình đẳng”).

Pháp Thân bình đẳng là Lý Thể bình đẳng do chư Phật cùng

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

chứng, còn gọi là tự tánh thanh tịnh tâm, chân tâm, Chân Như, Thật Tướng, Phật Tánh, pháp tánh, pháp giới, Như Lai Tạng Tâm, Đại Viên Giác, hoặc Vô Cấu Thức.

Pháp Thân: “*Pháp*” là nói theo ý nghĩa “công năng”, Thân là nói theo ý nghĩa “nuơng cậ, gìn giữ”. Tức là cái “nhất tâm” này có công năng gìn giữ, có thể hiển hiện các pháp nhiệm hay tịnh. Các pháp đều nuơng theo tâm mà duyên thành, chẳng một, chẳng khác với cái tâm. Vì thế, dùng bình đẳng nhất tâm làm Pháp Thân, tức là chúng sanh tâm cấu nhưng tự tánh thanh tịnh, chẳng phải là lìa ngoài cái tâm như bản (cấu tâm) mà có riêng một cái tịnh tâm! Vì thế gọi là “*tự tánh thanh tịnh tâm*”. Vạn pháp hư ngụy, duyên hội hợp bèn sanh; pháp được sanh ra vốn là Không, hết thấy duy tâm. Do đối ứng với các pháp hư ngụy mà gọi là Chân Tâm.

Hết thấy các pháp nuơng vào tâm mà duyên khởi, dùng tâm làm Thể thì gọi là Chân. Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt, nên gọi là Như. Vì thế gọi là Chân Như.

Pháp Thân vô tướng, vô bất tướng (chẳng phải là không có tướng), nên gọi là Thật Tướng.

Phật là Giác, Tánh tức là tâm. Tịnh tâm vốn giác, nên gọi là Phật Tánh.

Pháp Thân bình đẳng, tức là vạn pháp bình đẳng tánh Không. Tánh có nghĩa là “chẳng thay đổi, chân thật”. Vì thế gọi là Pháp Tánh.

Nhất niệm tâm trọn đủ các pháp thuộc mười pháp giới, tùy duyên mà hiện, nên gọi là Pháp Giới.

Nhất tâm nhị môn, chứa đựng và tiếp nhận nhiều thứ. Chân Như Môn là Như, Sanh Diệt Môn là Lai; vì thế gọi là Như Lai Tạng Tâm. Như Lai Tạng Tâm có ba nghĩa “*năng tàng*” (có thể chứa đựng), “*sở tàng*” (được chứa đựng) và “*năng sanh*” (có thể sanh). Pháp Thân bình đẳng do chư Phật chứng đắc, tánh đức tịnh tâm mà chúng sanh vốn trọn đủ; đây chính là Như Lai Tạng Tâm năng tàng. Nhất tâm nhị môn, pháp vốn sẵn có như thế, nhưng chúng sanh bị vô minh che lấp, [cho nên] có Sanh Diệt mà chẳng có Chân Như. Đây chính là Như Lai tạng Tâm sở tàng. Như thai tạng (tử cung) của người nữ có thể sanh ra con cái, cái tâm này cũng vậy: Thể của nó trọn đủ công dụng của hai tánh tịnh và nhiễm, có thể sanh ra các pháp nhiệm và tịnh. Đây là Như Lai Tạng Tâm năng sanh.

Tâm tuy không tịch, nhưng bao trùm trọn vẹn thái hư, linh tri chẳng mê muội. Vì thế gọi là Đại Viên Giác.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Như hoa sen mọc từ bùn lầy mà chẳng bị nhuốm bẩn, vì thế gọi là Vô Cấu Thức.

Lời luận đã nói: Tịnh tâm, Pháp Thân bình đẳng, và tịch diệt bình đẳng (pháp tánh) là một pháp mà có nhiều tên gọi khác nhau. Thể của nó chẳng khác biệt, tức là như Thiên Tông đã gọi là “*bản lai diện mục*” (diện mạo vốn sẵn có), Tịnh Độ Tông gọi nó là “*vô lượng quang, vô lượng thọ*”. Phàm những ai có thể nương theo luận này để tu ngũ niệm môn thành tựu thì trong hiện đời, hoặc khi vãng sanh, bèn thấy A Di Đà Phật. Do thấy Phật (vị Phật tam thân nhất thể) bèn gọi là “*đắc Niệm Phật tam-muội*”. Đấy chính là chứng đắc tịnh tâm, Pháp Thân bình đẳng, pháp tánh tịch diệt bình đẳng.

Bất luận quý vị là phàm phu, Nhị Thừa, hoặc là Bồ Tát, trước khi chứng Sơ Địa, tuy chưa chứng ngộ tịnh tâm, chỉ cần có thể thấy Phật Di Đà, sẽ có thể sanh về Cực Lạc, rốt ráo đều có thể chứng đắc Pháp Thân bình đẳng, rốt ráo bình đẳng, trọn chẳng có ai không chứng. Nếu như quý vị là bậc địa thượng Bồ Tát đã chứng tịnh tâm, sẽ có thể cùng với bậc đại Bồ Tát từ Bát Địa trở lên cùng chứng Pháp Thân thanh tịnh của chư Phật (Pháp Thân đức), viên mãn Báo Thân (Bát Nhã đức), ngàn trăm ức hóa thân (Giải Thoát đức), cùng nhập biển đại tịch diệt (Niết Bàn) của Như Lai. Tịch mà thường Chiếu, Chiếu mà thường Tịch, cũng là rốt ráo bình đẳng, chẳng có sai biệt.

Điều này cũng có cùng một ý thú “*rốt ráo cùng đắc Pháp Thân bình đẳng*” như trong phẩm Thí Dụ của kinh Pháp Hoa đã nói: “*Như bĩ trưởng giả, sơ dĩ tam xa dụ dẫn chư tử, nhiên hậu dẫn dĩ đại (bạch ngưu) xa, bảo vật trang nghiêm, an ổn đệ nhất. Như Lai diệc phục như thị, sơ thuyết tam thừa dẫn đạo chúng sanh, nhiên hậu dẫn dĩ Đại Thừa (đại Niết Bàn) nhi độ thoát chi*” (Như ông trưởng giả kia thoát đầu dùng ba loại xe để dẫn dụ các con, sau đấy chỉ cho họ xe (trâu trắng) lớn, trang hoàng bằng các món báu, an ổn bậc nhất. Như Lai cũng giống như thế, thoát đầu nói ba thừa để hướng dẫn chúng sanh. Sau đấy chỉ dùng Đại Thừa (đại Niết Bàn) để độ thoát). Chẳng qua Pháp Hoa là “*hội tam quy nhất*” (gộp chung ba thừa về một thừa), trước là Quyền, sau là Thật. Pháp môn Tịnh Độ chính là “*tức Quyền, tức Thật*” (tuy Quyền mà chính là Thật, tuy Thật mà lại là Quyền), Quyền và Thật chẳng hai, thuần nhất Phật Thừa. Pháp Hoa thuộc về Nan Hành Đạo, còn Tịnh Độ là Dị Hành Đạo.

Pháp môn này do thấy đức Di Đà “*ba thân một thể*”, liền thấy Tự Tánh Thiên Chân Phật, là con đường gọn tắt nhất để hết thảy chúng

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

sanh từ địa vị phàm phu mà vào thẳng địa vị Phật! Đây cũng là cốt lõi, là then chốt của tất cả Bồ Tát hạnh “tự lợi, lợi tha” cho hết thảy chúng sanh từ phát tâm cho đến khi thành Phật. Do vậy, trong kinh Quán Phật Tam Muội, đức Thích Ca Thế Tôn đã nói: “*Ngã dĩ niệm Phật cố, quán Phật cố, đắc Nhất Thiết Chủng Trí (thành Phật)*” (Ta do niệm Phật, do quán Phật mà đạt được Nhất Thiết Chủng Trí, tức thành Phật). Do điều này có thể biết, pháp môn ngũ niệm trong bộ luận này chính là gom ngũ thừa cùng về Nhất Thừa, tùy ý tự nhiên, cùng đạt được chiếc thuyền Từ “*thành Phật*” to lớn. Phần cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm dùng mười đại Phổ Hiền hạnh nguyện để hướng dẫn về Cực Lạc, gặp gỡ, châu hầu Phật Di Đà, có thể viên mãn Bồ Đề ngay trong một đời, rốt ráo cùng chứng Pháp Thân thanh tịnh bình đẳng của Như Lai, chính là ý này vậy.

Ngài Đàm Loan giảng giải, dùng người năng chứng (có thể chứng đắc) và sở chứng pháp (pháp được chứng bởi người ấy) để giảng rõ chỗ sai khác giữa Pháp Thân bình đẳng và tịch diệt bình đẳng, khiến cho [người đọc] dễ liễu tri. Thật ra, Pháp Thân bình đẳng và tịch diệt bình đẳng đều là “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt*”, chỉ có chứng mới biết; lại còn chẳng có Năng và Sở, chẳng thể phân biệt, lia tứ cú⁶¹, tuyệt bách phi! Nếu vẫn còn có “*năng - sở, nhân - pháp*” đối đãi thì chẳng phải là Pháp Thân bình đẳng! Vì thế, trong kinh có nói: “*Tự tâm tự thủ tâm (tác năng sở phân biệt), phi huyễn thành huyễn pháp*” (Tự tâm tự chấp giữ cái tâm (tức là phân biệt có chủ thể và khách thể), cái chẳng hư huyễn bèn trở thành pháp hư huyễn), hoặc “*tri kiến lập tri, tức vô minh bản; tri kiến vô kiến (vô năng sở phân biệt), tư tức Niết Bàn*” (từ nơi hay biết mà lập ra một cái biết thì chính là cội gốc của vô minh. Đối với tri kiến mà chẳng có thấy (tức là không có phân biệt chủ thể và khách thể), đây chính là Niết Bàn). Trung Luận có bài kệ rằng: “*Chư pháp Thật Tướng giả, tâm hạnh ngôn ngữ đoạn, vô sanh diệt vô*

⁶¹ Tứ cú (四句) là “*có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không*”.

Bách phi (百非) là đối với mỗi câu trong bốn câu trên đây, đều có bốn câu (có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không) tương ứng phối hợp thành mười sáu (4x4) câu. Mười sáu câu phối hợp với ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai) thành 16x3=48 câu. 48 câu ấy lại phối hợp với dĩ khởi (đã dấy lên) và vị khởi (chưa dấy lên) thành 96 (tức 48x2) câu. 96 câu ấy lại cộng với tứ cú ban đầu thành 100 câu, tức là bao hàm tất cả những sự chấp trước, suy luận hư vọng, cho nên gọi là “*bách phi*”.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

diệt, tịch diệt như Niết Bàn, tự tri bất tùy tha, tịch diệt vô hý luận, vô dị, vô phân biệt, thị tắc danh Thật Tướng (bình đẳng Pháp Thân). Bất đoạn diệt bất thường, bất nhất diệt bất dị, thị danh chư Thế Tôn, giáo hóa cam lộ vị” (Đôi với Thật Tướng của các pháp thì tâm suy nghĩ và ngôn ngữ [toan diễn tả] đều bất lực. [Thật Tướng] chẳng sanh mà cũng chẳng diệt, tịch diệt như Niết Bàn. Tự hay biết, chẳng do điều gì khác mà [hay biết]. Tịch diệt chẳng có hý luận, không khác, không phân biệt. Đó gọi là Thật Tướng (tức Pháp Thân bình đẳng). Chẳng đoạn mà cũng chẳng thường, chẳng một mà cũng chẳng khác. Đó gọi là vị cam lộ giáo hóa của các đức Thế Tôn).

(Chú) Thử Bồ Tát đắc báo sanh tam-muội, dĩ tam-muội thần lực, năng nhất xứ, nhất niệm, nhất thời, biến thập phương thế giới, chủng chủng cúng dường nhất thiết chư Phật, cập chư Phật đại hội chúng hải, năng u vô lượng thế giới vô Phật Pháp Tăng xứ, chủng chủng thị hiện, chủng chủng giáo hóa, độ thoát nhất thiết chúng sanh, thường tác Phật sự, sơ vô vãng lai tướng, cúng dường tướng, độ thoát tướng. Thị cố thử thân danh vi: “Bình đẳng Pháp Thân”, thử pháp danh vi: “Tịch diệt bình đẳng pháp” dã.

(註)此菩薩得報生三昧，以三昧神力，能一處一念一時，遍十方世界，種種供養一切諸佛，及諸佛大會眾海，能於無量世界無佛法僧處，種種示現，種種教化，度脫一切眾生，常作佛事，初無往來想，供養想，度脫想。是故此身名為：平等法身，此法名為：寂滅平等法也。

(Chú: Vị Bồ Tát ấy đắc báo sanh tam-muội, do thần lực của tam-muội có thể trong một chỗ, một niệm, một thời, mà trọn khắp mười phương thế giới, đủ mọi thứ cúng dường hết thảy chư Phật và biến đại chúng trong pháp hội của chư Phật, có thể trong vô lượng thế giới là những chỗ không có Phật Pháp Tăng mà thị hiện đủ mọi cách, giáo hóa đủ mọi cách, độ thoát hết thảy chúng sanh, thường làm Phật sự, trọn chẳng có ý tưởng đến đi, ý tưởng cúng dường, ý tưởng độ thoát. Vì thế, thân này gọi là “Pháp Thân bình đẳng”, pháp này được gọi là “pháp bình đẳng tịch diệt”).

Trong đoạn chú giải này, ngài Đàm Loan giảng giải về hàng Bồ Tát vãng sanh Tịnh Độ đã đắc tịnh tâm, đều là vốn sẵn đắc báo sanh

tam-muội (tức tam-muội do quả báo mà tự nhiên có, chẳng phải là do kết quả của sự tu tập). Do thân lực của tam-muội ấy, cho nên giống như trên đây đã nói: Bồ Tát trong cõi ấy có bốn thứ công đức do tu hành chân chánh. Báo sanh tam-muội là gì? Tức là bậc Bát Địa Bồ Tát trở lên mặc sức tự nhiên thường nhập tam-muội, chẳng phải tốn tâm lực, chẳng cần phải tác ý (dấy lên ý tưởng nhập Định), có thể hiện các thứ hình, sanh ra đủ loại công đức. Cái thân đặc báo sanh tam-muội ấy được gọi là “*Pháp Thân bình đẳng*”, pháp báo sanh tam-muội thì được gọi là “*pháp tịch diệt bình đẳng*”, cũng là chẳng một, chẳng khác!

(Chú) Vị chứng tịnh tâm Bồ Tát giả, Sơ Địa dĩ thượng, Thất Địa dĩ hoàn chư Bồ Tát dã. Thử Bồ Tát diệt năng hiện thân, nhược bách, nhược thiên, nhược vạn, nhược ức, nhược bách thiên vạn ức, vô Phật quốc độ thi tác Phật sự. Yếu tu tác tâm nhập tam-muội nãi năng, phi bất tác tâm. Dĩ tác tâm cố, danh vi: “Vị đặc tịnh tâm”. Thử Bồ Tát nguyện sanh An Lạc Tịnh Độ, tức kiến A Di Đà Phật. Kiến A Di Đà Phật thời, dĩ thượng địa chư Bồ Tát tất cánh thân đẳng, pháp đẳng. Long Thọ Bồ Tát, Bà Tẩu Bàn Đầu Bồ Tát bối, nguyện sanh bỉ giả, đương vị thử nhĩ.

(註)未證淨心菩薩者，初地已上，七地已還。諸菩薩也。此菩薩亦能現身，若百若千若萬若億，若百千萬億，無佛國土施作佛事。要須作心入三昧乃能，非不作心。以作心故，名為：未得淨心。此菩薩願生安樂淨土，即見阿彌陀佛。見阿彌陀佛時，與上地諸菩薩畢竟身等法等。龍樹菩薩，婆藪槃頭菩薩輩，願生彼者，當為此耳。

(Chú: Bồ Tát chưa chứng tịnh tâm là các vị Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên, từ Thất Địa Bồ Tát trở xuống. Vị Bồ Tát này cũng có thể hiện thân trong trăm, hoặc ngàn, hoặc vạn, hoặc ức, hoặc trăm ngàn vạn ức cõi nước không có Phật để thực hiện Phật sự, [nhưng vị ấy] phải khởi tâm nhập tam-muội thì mới có thể [hiện thân trong quốc độ khác], chứ không phải là chẳng khởi tâm. Do phải khởi tâm, nên gọi là “chưa đặc tịnh tâm”. Vị Bồ Tát ấy nguyện sanh về An Lạc Tịnh Độ, liền thấy A Di Đà Phật. Khi thấy A Di Đà Phật, thân và pháp sẽ rốt ráo ngang bằng các vị thượng địa Bồ Tát.

Những vị như Long Thọ Bồ Tát, Bà Tẩu Bàn Đầu Bồ Tát nguyện sanh về cõi ấy chính là vì chuyện này).

Trong đoạn văn này, ngài Đàm Loan giải thích “*Bồ Tát chưa chứng tịnh tâm Bồ Tát*” là gì? Điều này chẳng giống như trong các kinh luận thường nói. Nói thông thường, Sơ Địa Bồ Tát đắc vô lậu (tự tánh thanh tịnh) tịnh tâm, các bậc Bồ Tát thuộc Địa Tiền Tam Hiền⁶² đều chưa đắc. Chẳng phải là như [các vị Bồ Tát] từ Bát Địa Bồ Tát trở lên, [các vị ấy] chẳng khởi tâm mà có thể hiện ngàn trăm ức hóa thân vì đã đắc tịnh tâm. Từ Thất Địa trở về trước, do phải khởi tâm, nên gọi là “*chưa đắc tịnh tâm*”. Còn như Long Thọ Bồ Tát thì trong kinh Lăng Già, đức Phật đã huyền ký: Sau khi [Long Thọ] Bồ Tát chứng Sơ Địa, vãng sanh Cực Lạc, bèn thuộc loại Bồ Tát đã đắc tịnh tâm vãng sanh Tịnh Độ. Thế Thân Bồ Tát (Bà Tâu Bàn Đầu, Vasubandhu) Bồ Tát thuộc địa vị Tứ Gia Hạnh Bồ Tát của Đại Thừa, thuộc loại “*chưa đắc tịnh tâm Bồ Tát vãng sanh*”.

Như trong phần trước tôi đã nói, bất luận quý vị là phàm phu hay Nhị Thừa, hoặc là bất cứ hạng Bồ Tát nào, chỉ cần có thể vãng sanh An Lạc Tịnh Độ, thấy A Di Đà Phật (tam thân nhất thể Phật), sẽ được thấy Tự Tánh Thiên Chân Phật, tức là chứng đắc tịnh tâm, bình đẳng với bậc Thập Địa Bồ Tát. Đó gọi là “*hoa nở thấy Phật, ngộ Vô Sanh*”, ai nấy đều như thế. Bất quá, như người thấy mặt trăng, chỉ có một vầng trăng, chẳng có sai biệt, nhưng trăng từ mỏng Ba đến Rằm tròn khuyết khác nhau. Thập Địa Bồ Tát cũng giống như thế, do liên quan đến công hạnh cạn hay sâu, mà có mười địa vị sai khác. Đó gọi là “*đoạn vô minh từng phần, chứng Pháp Thân từng phần*”, chẳng phải là chứng tịnh tâm và Pháp Thân bình đẳng có sai khác!

Luận này nói hàng Bồ Tát chưa chứng tịnh tâm thấy A Di Đà Phật, liền đắc Pháp Thân bình đẳng, sẽ bình đẳng, chẳng khác bậc địa thượng tịnh tâm Bồ Tát. Đây là nói “*rốt ráo bèn có thể đạt được, tất nhiên chứng đắc*”. Tôi nói một thí dụ: Như Thái Tử đầu lòng do quốc vương sanh ra, khác hẳn những người dân bình phàm. Vừa sanh ra đã vượt xa văn võ bá quan, rốt ráo bằng với hết thầy các quốc vương, vì [Thái Tử] rốt cuộc sẽ có thể kế thừa ngôi vị quốc vương, tất nhiên sẽ làm quốc vương, trọn chẳng phải là nói [Thái Tử] hiện thời đang làm quốc vương. Bồ Tát vãng sanh An Lạc Tịnh Độ khác các vị Bồ Tát bình phàm, tức là giống như đệ nhất Thái Tử do quốc vương sanh ra chẳng giống những người dân bình phàm. Vừa đến cõi đó, sẽ vượt xa

⁶² Địa Tiền Tam Hiền là ba mươi địa vị Bồ Tát trước khi chứng Sơ Địa, tức Thập Trụ, Thập Hạnh và Thập Hồi Hương.

các vị địa tiên Bồ Tát (Bồ Tát chưa chứng Sơ Địa), phàm phu, và Nhi Thừa trong cõi này; vì vị ấy tất nhiên thấy A Di Đà Phật, ngộ Vô Sanh Nhân, rốt cuộc chỉ trong một đời này, sẽ cùng với các bậc địa thượng, cho đến Đẳng Giác Bồ Tát đồng đặc tịnh tâm, đồng nhập đại Niết Bàn của Như Lai, Pháp Thân bình đẳng chẳng có sai biệt! Nhưng chẳng phải là nói “hễ vãng sanh Tịnh Độ, sẽ ngay lập tức là bậc Bồ Tát từ Bát Địa trở lên cho đến Đẳng Giác, ngay lập tức là Phật!” Như Thái Tử trước khi đăng cực (lên ngôi) kế vị, vẫn chẳng phải là quốc vương, chỉ là Thái Tử rốt cuộc sẽ làm quốc vương đó thôi! Đây chính là nguyện thứ mười trong bốn mươi tám nguyện, “*chẳng dấy khởi ý niệm tham đắm, so đo*”; nguyện thứ mười một, “*Chánh Định ắt đạt đến Niết Bàn*”. Do sức công đức của hai nguyện ấy, cũng như do thần lực chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật nhiếp thọ hàng Bồ Tát vãng sanh cõi ấy, các Ngài rốt cuộc đều có thể đạt được Pháp Thân bình đẳng, Đại Niết Bàn lạc, chẳng khác Phật!

(Chú) Văn viết: An Thập Địa kinh, Bồ Tát tấn thú giai cấp, tiệm hữu vô lượng công huân, kinh đa kiếp số, nhiên hậu nãi đắc. Thử (luận) văn hà kiến A Di Đà Phật thời, tất cánh dữ thượng địa chư Bồ Tát thân đẳng, pháp đẳng da? Đáp viết: Ngôn “tất cánh” giả, vị ngôn “tức đẳng” dã. Tất cánh bất tất thử đẳng, cố ngôn “đẳng” nhĩ. Văn viết: Nhược bất tức đẳng, phục hà dĩ ngôn? Bồ Tát dẫn đẳng Sơ Địa, dĩ tiệm tăng tấn, tự nhiên đương dữ Phật đẳng, hà giả ngôn: “Dữ thượng địa Bồ Tát đẳng”? Đáp viết: Bồ Tát u Thật Địa trung, đắc đại tịch diệt, thượng bất kiến chư Phật khả cầu, hạ bất kiến chúng sanh khả độ, dục xả Phật đạo, chứng u Thật Tế. Nhĩ thời, nhược bất đắc thập phương chư Phật thần lực gia khuyến, tức tiệm diệt độ, dữ Nhi Thừa vô dị. Bồ Tát nhược vãng sanh An Lạc, kiến A Di Đà Phật, tức vô thử nạn. Thị cố, tu ngôn: “Tất cánh bình đẳng”.

(註)問曰：案十地經，菩薩進趣階級，漸有無量功勳，經多劫數，然後乃得。此(論)云何見阿彌陀佛時，畢竟與上地諸菩薩身等，法等耶？答曰：言畢竟者，未言即等也。畢竟不失此等，故言等耳。問曰：若不即等，復何待言？菩薩但登初地，以漸增進，自然當與佛等，何假言：與上地菩薩等？答曰：菩薩於七地中，得大寂滅，上

不見諸佛可求，下不見眾生可度，欲捨佛道，證於實際。爾時，若不得十方諸佛神力加勸，即便滅度，與二乘無異。菩薩若往生安樂，見阿彌陀佛，即無此難。是故，須言：畢竟平等。

(Chú: Hỏi: Xét theo sự tăng tấn theo từng tầng cấp của Bồ Tát trong kinh Thập Địa, thì do dần dần có vô lượng công huân, trải qua nhiều kiếp số, sau đó mới đạt được. Vì sao luận này nói “khi thấy A Di Đà Phật, thân và pháp [của người vãng sanh ấy] sẽ rốt ráo bằng với các vị thượng địa Bồ Tát?” Đáp: Chẳng nói là “ngay lập tức liền bằng”! Do rốt cuộc chẳng mất sự ngang bằng ấy, nên nói là “bằng”. Hỏi: Nếu chẳng ngay lập tức được bằng, còn nói làm chi nữa? Bồ Tát chỉ cần chứng Sơ Địa, do dần dần tăng tấn, tự nhiên sẽ bằng với Phật, hơi đâu mà nói là bằng với bậc thượng địa Bồ Tát? Đáp: Trong địa vị Thất Địa, Bồ Tát đắc đại tịch diệt, trên là chẳng thấy chư Phật để có thể cầu, dưới là chẳng thấy chúng sanh để có thể độ, muốn bỏ Phật đạo hòng chứng Thật Tế. Lúc bấy giờ, nếu chẳng được thân lực của mười phương chư Phật gia hộ, khuyến lon, sẽ liền diệt độ, chẳng khác hàng Nhị Thừa. Nếu Bồ Tát vãng sanh An Lạc, thấy A Di Đà Phật, sẽ chẳng có nạn ấy. Vì thế, cần phải nói là “rốt ráo bình đẳng”).

Hai lượt vấn đáp này nhằm thuyết minh điều được nói trong bộ luận này, tức ý nghĩa đặc biệt của chuyện “tất cả Bồ Tát chưa đắc tịnh tâm nếu vãng sanh cõi ấy rốt cuộc sẽ cùng với tịnh tâm địa thượng Bồ Tát đều đắc Pháp Thân bình đẳng”, tức là: Đã vãng sanh An Lạc Tịnh Độ, chẳng cần được mười phương chư Phật gia trì, khuyến lon, rốt ráo sẽ chẳng [đến nỗi do] quán Không, chứng diệt, mà chẳng hóa độ chúng sanh. Như trong phần trước, ngài Đàm Loan đã nói: “*Tục quát chi quyền, bất đãi khuyến nhi loan cung*” (Phương tiện quyền xảo đặt mũi tên để bắn cho xa, chẳng đợi [người khác] khuyến kéo cung cánh cung).

Vì sao vậy? Do thấy A Di Đà Phật, tức là thấy vị Phật tam thân nhất thể, sẽ chứng trọn vẹn tam đức của đại Niết Bàn. Pháp Thân không tịch, Báo Thân và Hóa Thân độ sanh, vốn là chẳng một, chẳng khác, chắc chắn là chẳng giống hàng Nhị Thừa nát thân diệt trí, hòng giữ lấy sự diệt độ, mà cũng chẳng giống các vị Thất Địa Bồ Tát muôn chứng Thật Tế, dứt diệt công dụng. Rốt ráo cùng với chư Phật đồng đắc các công đức như tam thân, tứ trí, thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

v.v... Do vậy, cần phải nói “*rốt ráo bình đẳng*”, tức là rốt ráo bình đẳng với chư Phật.

Ngài Đàm Loan giải thích “*Thất Địa Bồ Tát đắc đại tịch diệt*” là theo như kinh Anh Lạc Bồ Nghiệp đã nói: “*Thất Địa là vô sanh tâm*”. Nhưng trong các kinh luận Đại Thừa khác, có [kinh] nói Đệ Bát Địa, còn gọi là Bất Động Địa, thì mới đắc đại tịch diệt, muốn xả Phật đạo, chứng Thật Tế. Khi ấy, bèn có chư Phật hiện tiền gia trì, khuyến lon, bèn khởi vô tướng vô công dụng hạnh, trang nghiêm cõi nước, khiến cho chúng sanh thành thực. Chân Ngôn Tông thì gọi Bát Địa là “*nhất đạo vô vi tâm*”, lại gọi là “*như thật nhất đạo tâm*”, [tức là] cái tâm đúng như thật mà biết tự tâm tánh Không, tâm vô tánh. Nói dung hội thì nếu nói là Thất Địa, tức là xét theo khi đã viên mãn tâm Thất Địa, còn nói là Bát Địa thì là xét theo lúc mới tiến nhập Bát Địa. [Dung hội như vậy] thì hai thuyết chẳng trái nghịch nhau!

(Chú) Phục thứ, Vô Lượng Thọ kinh trung, A Di Đà Như Lai bốn nguyện ngôn: “Thiết ngã đắc Phật, tha phương Phật độ, chư Bồ Tát chúng, lai sanh ngã quốc, cứu cánh tất chí Nhất Sanh Bồ Xứ, trừ kỳ bốn nguyện, tự tại sở hóa, vì chúng sanh cố, bị hoàng thệ khải, tích lũy đức bốn, độ thoát nhất thiết, du chư Phật quốc, tu Bồ Tát hạnh, cúng dường thập phương chư Phật Như Lai, khai hóa Hằng sa vô lượng chúng sanh, sử lập vô thượng chánh chân chi đạo, siêu xuất thường luân chư địa chi hạnh, hiện tiền tu tập Phổ Hiền chi đức. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác”.

(註)復次，無量壽經中，阿彌陀如來本願言：設我得佛，他方佛土，諸菩薩眾，來生我國，究竟必至一生補處，除其本願，自在所化，為眾生故，被弘誓鎧，積累德本，度脫一切，遊諸佛國，修菩薩行，供養十方諸佛如來，開化恒沙無量眾生，使立無上正真之道，超出常倫諸地之行，現前修習普賢之德。若不爾者，不取正覺。

(Chú: Lại nữa, trong kinh Vô Lượng Thọ, phần bốn nguyện của A Di Đà Như Lai có chép: “Nếu tôi thành Phật, các vị Bồ Tát trong cõi Phật ở phương khác sanh về nước tôi, rốt ráo ắt đạt đến Nhất Sanh Bồ Xứ, trừ những ai có bốn nguyện riêng, tự tại giáo hóa, vì chúng sanh mà mặc áo giáp hoàng thệ, tích lũy cội đức, độ thoát hết thảy, dạo chơi các cõi Phật, tu hạnh Bồ Tát, cúng dường mười phương chư Phật Như

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Lại, khai hóa Hằng sa vô lượng chúng sanh, khiến cho họ an trụ nơi đạo vô thượng chánh chân, vượt xa hạnh của các địa vị thông thường, hiện tiền tu tập công đức của Phổ Hiền. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”).

Lại nói đến nguyện thứ hai mươi hai trong Di Đà bốn nguyện, hàng Bồ Tát trong nước đều là Nhất Sanh Bồ Xứ. Đã là Nhất Sanh Bồ Xứ, công đức sẽ hoàn toàn bằng với Thập Địa và Đẳng Giác Bồ Tát, cho đến chư Phật phước huệ nhị nghiêm, bi trí nhị lực. Lời bàn định trong bộ luận này đã nói “*rốt ráo cùng đắc tịch diệt bình đẳng*” chỉ là nói đại lược. Nhất Sanh Bồ Xứ là gì? Chính là các vị Bồ Tát từ phát Bồ Đề tâm trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, rộng tu phước huệ; sau đây, trăm kiếp tu hành tướng hảo, hết thấy đều viên mãn. Trong đời tối hậu, sanh trong Đâu Suất Nội Viện, đời [tới thời tiết nhân duyên] để kế nhiệm vị Phật đã diệt độ mà thành Phật. Đó gọi là Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát, như Di Lạc Bồ Tát chẳng hạn. Những vị Bồ Xứ Bồ Tát như vậy rất hiếm có, khó được gặp gỡ, nhưng sanh về An Lạc Tịnh Độ, ai nấy đều rốt ráo là Bồ Xứ Bồ Tát.

Ngài Đàm Loan đã dùng bốn nguyện này và sự thật này để chứng minh điều được nói trong bộ luận này: A Di Đà thành tựu công đức “*chẳng uổng công thực hiện trụ trì*” (bất hư tác trụ trì), khiến cho những vị Bồ Tát hể tu pháp môn ngũ niệm thành tựu, vãng sanh thấy đức Phật kia, sẽ rốt ráo chỉ trong một đời này đồng thành Phật đạo, chẳng có sai khác, chắc chắn là như thế đó! Chuyện này khác hẳn [tình huống thực tế của] những vị Bồ Tát tu Nan Hành Đạo: Cần phải nhiều kiếp dài lâu rộng tu viên mãn công đức thì mới thành Phật. Trong lời nguyện [của Pháp Tạng Bồ Tát] có nói: “*Siêu xuất thường luân chư địa chi hạnh, hiện tiền tu tập Phổ Hiền chi đức*” (Vượt xa hạnh của các địa vị thông thường, hiện tiền tu tập công đức của Phổ Hiền). Đấy chẳng phải là dạy bảo chúng ta hết sức minh bạch đó ư? Pháp môn Tịnh Độ là Di Hành Đạo, vượt xa Nan Hành Đạo do các vị Bồ Tát thông thường tu tập. [Theo Nan Hành Đạo] thì phải từ địa vị phàm phu, trải qua các địa vị Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hồi Hướng, Thập Địa v.v... tu hành dần dần thì mới có thể viên mãn Bồ Tát đạo mà thành Phật. Ngay trong khi quý vị tu tập ngũ niệm môn thành tựu trong hiện tiền thì chính là tu tập công đức của Phổ Hiền, quyết định vãng sanh Cực Lạc. Do vậy, bằng với Phật!

“*Phổ Hiền đức*” chính là danh xưng chung để gọi công đức tu

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

hành bởi hết thầy các vị Bồ Tát trong thời gian và không gian vô tận, không có một loại công đức nào của Bồ Tát mà chẳng được bao gồm trong ấy. Tức là như Thái Tử của nhà vua, hết thầy những gì quốc vương có, Thái Tử sẽ đều có, rốt ráo bằng với hết thầy các quốc vương. Mọi người phải chú ý: Tu hành pháp môn ngũ niệm, tức là tu tập Phổ Hiền đức trong hiện tiền. Đây hoàn toàn là do sức bốn nguyện công đức, sức bi trí tự tại của Phật Di Đà, khiến cho quý vị có thể đạt được như vậy. Chẳng cần phải chiếu theo Bồ Tát đạo thông thường, lần lượt tấn tu trải qua các địa vị thuộc Tam Hiền và Thập Thánh. Ngay trong hiện tiền, do vì niệm Phật, do quán Phật, mà được thấy A Di Đà Phật. Do vì thấy Phật, được sanh trong cõi An Lạc. Do sanh trong Tịnh Độ, nương theo bốn nguyện của Phật, được Phật nhiếp thọ, chỉ trong một đời này, sẽ rốt ráo ắt đạt đến Nhất Sanh Bồ Xứ, bèn là viên mãn Phổ Hiền Hạnh, trọn đủ Phổ Hiền đức. Đây chính là chỗ đặc biệt thù thắng của pháp môn Tịnh Độ.

Vì thế, tôi kính khuyên các vị liên hữu: Không chỉ là phải thật thà niệm danh hiệu A Di Đà Phật, mà còn phải chú ý quán sát bốn nguyện công đức của A Di Đà Phật, cũng như các thứ trang nghiêm thành tựu trong cõi ấy và [công đức thành tựu của] chư Phật, Bồ Tát như bộ luận này đã nói. Lại còn phải chân thật phát nguyện “*ngay trong đời hiện tại, hoặc vào lúc lâm chung, nhất định sẽ thấy A Di Đà Phật, nguyện sanh trong cõi An Lạc*”. Nếu có thể thấy Phật, chắc chắn sẽ chẳng có hết thầy điên đảo gây chướng ngại, nhất định vãng sanh Tịnh Độ, liễu sanh thoát tử, cùng với các vị thượng địa Bồ Tát nhóm họp cùng một chỗ, cho tới lúc viên thành Phật đạo, bằng với chư Phật.

Có lợi ích to tát như thế, cho nên Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát đều phát nguyện rằng: “*Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời, tận trừ nhất thiết chư chướng ngại, diệt kiến bỉ A Di Đà Phật, tức đắc vãng sanh An Lạc sát. Ngã ký vãng sanh bỉ quốc dĩ, hiện tiền thành tựu thứ đại nguyện, nhất thiết viên mãn tận vô dư, lợi lạc nhất thiết chúng sanh giới*” (Nguyện cho con lúc sắp mạng chung, trừ sạch hết thầy các chướng ngại, tận mặt gặp Phật A Di Đà, liền được vãng sanh cõi An Lạc. Con đã sanh về cõi ấy rồi, hiện tiền thành tựu đại nguyện này. Hết thầy viên mãn chẳng còn sót, lợi lạc hết thầy chúng sanh giới).

(Chú) Án thử kinh thôi, bỉ quốc Bồ Tát, hoặc khả bất tùng nhất địa chí nhất địa. Ngôn Thập Địa giai thứ giả, thị Thích Ca Như Lai u Diêm Phù Đề, nhất ứng hóa đạo nhĩ. Tha phương Tịnh Độ, hà

tất như thử. Ngũ chủng bất tư nghị trung, Phật pháp tối bất khả tư nghị. Nhược ngôn Bồ Tát tất tùng nhất địa chí nhất địa, vô siêu việt chi lý, vị cảm tường dã. Thí như hữu thụ, danh viết Hảo Kiên. Thị thụ địa sanh, bách tuế nãi cụ, nhất nhật trưởng cao bách trượng. Nhật nhật như thử, kế bách tuế chi trưởng, khởi loại tu tùng da? Kiến tùng sanh trưởng, nhật bất quá thốn, văn bỉ Hảo Kiên, hà năng bất nghị? Tức đồng hữu nhân văn Thích Ca Như Lai, chứng La Hán u nhất thính, chế Vô Sanh u chung triều, vị thị tiếp dụ chi ngôn, phi xứng thật chi thuyết. Văn thử luận sự, diệc đương bất tín. Phù phi thường chi ngôn, bất nhập thường nhân chi nhĩ. Vị chi bất nhiên, diệc kỳ nghị dã.

(註)案此經推，彼國菩薩，或可不從一地至一地。言十地階次者，是釋迦如來於閻浮提，一應化道耳。他方淨土，何必如此。五種不思議中，佛法最不可思議。若言菩薩必從一地至一地，無超越之理，未敢詳也。譬如有樹，名曰好堅。是樹地生，百歲乃具，一日長高百丈。日日如此，計百歲之長，豈類修松耶？見松生長，日不過寸，聞彼好堅，何能不疑？即同有人聞釋迦如來，證羅漢於一聽，制無生於終朝，謂是接誘之言，非稱實之說。聞此論事，亦當不信。夫非常之言，不入常人之耳。謂之不然，亦其宜也。

(Chú: Xét theo kinh ấy để suy luận thì Bồ Tát trong cõi ấy có thể là chẳng từ một địa vị này tiến lên một địa vị khác. Nói đến địa vị theo thứ tự trong Thập Địa thì là đạo ứng hóa của Thích Ca Như Lai trong Diêm Phù Đề, chứ Tịnh Độ trong các phương khác chưa chắc đã là như vậy. Trong năm thứ chẳng thể nghĩ bàn, Phật pháp khó thể nghĩ bàn nhất. Nếu nói Bồ Tát ắt phải từ địa vị này tiến lên địa vị khác, chẳng có lẽ nào vượt xa, thì tôi chẳng dám bảo [cách nói ấy] là tường tận được! Thí như có loại cây tên là Hảo Kiên (rất chắc chắn). Cây này mọc trên mặt đất, trăm năm mới hoàn toàn trưởng thành. Cây đó mỗi ngày mọc cao thêm một trăm trượng, ngày nào cũng đều như vậy. Tính toán mức tăng trưởng [của cây ấy] trong một trăm năm, há có giống như [sự tăng trưởng] của loài trường tùng hay không? Thấy cây tùng mỗi ngày tăng trưởng chẳng hơn một tấc, nghe nói đến cây Hảo Kiên kia, làm sao chẳng ngờ cho được? Tức là giống như có kẻ nghe nói [có

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

ngươi] nghe Thích Ca Như Lai giảng pháp một lần, đã chứng La Hán, đạt Vô Sanh trong sáng tối, bèn bảo “đó là kiểu nói khuyên dụ để tiếp dẫn, chẳng phải là nói đúng theo sự thật”. Nghe chuyện trong bộ luận này, họ cũng sẽ chẳng tin. Phàm là lời lẽ chẳng tâm thường sẽ không lọt tai kẻ tâm thường! [Nếu họ] bảo “chẳng phải là như vậy” thì cũng phù hợp [với mức độ nhận thức] của họ đấy mà!

Nếu dựa theo lời nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ như vừa thuật trên đây để suy lường hàng Bồ Tát trong cõi ấy: Do đã là vượt xa hạnh của các địa vị thông thường, chắc là thật sự có thể [có những vị Bồ Tát] chẳng theo thứ tự từ Sơ Địa tiến lên Nhị Địa, [lần lượt tăng tấn] cho đến Thập Địa để tu hành thành Phật. Nói “*Bồ Tát đạo, Bồ Tát hạnh*” thì ắt cần phải từ địa vị này tiến lên địa vị khác, có tầng cấp Thập Địa để tấn tu dần dần; đấy chính là do đức Bản Sư thị hiện dấu vết giáo hóa suốt một đời trong cõi này mà nói ra đó thôi. Các cõi Phật thuộc phương khác chưa chắc đã đều là như vậy. Vì như trong phần trước đã nói, thế gian có năm thứ chẳng thể nghĩ bàn. Trong ấy, Phật pháp là chẳng thể nghĩ bàn nhất. Do vậy, nếu nói quyết định “*Bồ Tát tu hành, ắt cần phải từ địa vị này tu viên mãn rồi mới tấn tu lên địa vị cao hơn, chắc chắn chẳng có Lý và Sự vượt xa*” thì Đàm Loan tôi chẳng dám nói kiểu đó.

Nay nêu ra thí dụ, như cây Hảo Kiên. Thí dụ này là nói theo quyền thứ mười của Trí Độ Luận: “*Cây Hảo Kiên mọc trên đất một trăm năm thì cành lá mới đầy đủ. Cây mỗi ngày tăng trưởng cao thêm một trăm trượng. Cây ấy đã mọc rồi, muốn câu cây to để che rợp thân; khi đó, sẽ có vị thần bảo với cây ấy rằng: Trong cõi đời không có gì cao to như ngươi, các cây khác đều bị ngươi che rợp*”. Há có thể đem cây trường tùng so sánh với cây Hảo Kiên được chẳng? Cây tùng tăng trưởng mỗi ngày bất quá một tấc mà thôi! Nay nghe nói cây Hảo Kiên mỗi ngày tăng trưởng cao thêm một trăm trượng, làm sao có thể tin tưởng chẳng nghi cho được?

Lại nói đến một sự thật khác: Có người khi nghe đức Phật giảng về sự tu hành của Ngài trong quá khứ, nghe một bèn ngộ cả ngàn, lập tức chứng quả La Hán. Từ sáng đến tối, tinh tấn chẳng ngơi, trong một ngày liền đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Đấy là lời chân thật, nhưng đối với kẻ bình thường chẳng tu hành mà nghe nói như vậy, sẽ cho rằng: “Tuyệt đối chẳng thể có chuyện ấy! Lời ấy chẳng qua là do đức Bản Sư phương tiện tiếp dẫn, khuyên dụ chúng sanh dụng công tu hành đấy

thôi!” Cũng chẳng thể tin tưởng thật sự có chuyện ấy. Vì sao chẳng tin? Vì lời lẽ vượt xa thường tình ấy, kẻ bình phàm sẽ chẳng nghe lọt tai, cho là chẳng có chuyện ấy, chẳng chịu tin tưởng. Đây là lẽ đương nhiên! Dùng những thí dụ ấy để sánh ví những kẻ chẳng tin pháp môn Tịnh Độ, nghe luận này nói “do tu ngũ niệm môn liền thấy A Di Đà Phật, sẽ có thể bằng với Thập Địa Bồ Tát minh tâm kiến tánh, rốt ráo cùng đắc Pháp Thân tịch diệt bình đẳng của Như Lai” thì họ cũng sẽ tuyệt đối chẳng thể tin tưởng đây là sự thật!

(Luận) Lược thuyết bát cú, thị hiện Như Lai tự lợi, lợi tha công đức trang nghiêm thứ đệ thành tựu, ưng tri.

(論)略說八句，示現如來自利，利他功德莊嚴次第成就，應知。

(Luận: Nói đại lược tám câu nhằm chỉ bày công đức trang nghiêm tự lợi, lợi tha thành tựu theo thứ tự, hãy nên biết).

Trong đoạn văn này, Luận Chủ đã quy nạp việc quán sát tám thứ trang nghiêm công đức thành tựu của A Di Đà Phật như đã nói trên đây để kết luận: Tám câu ấy đều là công đức “trước tự lợi, sau lợi tha” của A Di Đà Phật, như Đại Trí Độ Luận đã nói: “*Chẳng thể tự độ mà có thể độ người khác, chẳng có lẽ ấy!*” Đây chính là thứ tự tất nhiên, đệ tử Phật phải nên biết! Từ trang nghiêm tòa cho đến trang nghiêm tâm là thuộc về công đức tự lợi; từ trang nghiêm đại chúng cho đến trang nghiêm chẳng uổng công thực hiện trụ trì, những điều ấy thuộc về công đức lợi tha. Tự lợi đã trọn, lợi tha càng rộng, Sự là tất nhiên, Lý bèn đương nhiên! Đây chính là quy củ thom thảo ngàn đời chẳng đổi trong “học Phật, thành Phật” vậy!

(Chú) Thử vân hà thứ đệ? Tiền thập thất cú, thị trang nghiêm quốc độ công đức thành tựu. Ký tri quốc độ tướng, ưng tri quốc độ chi chủ. Thị cố, thứ quán Phật trang nghiêm công đức. Bỉ Phật nhược vi trang nghiêm? Ư hà xứ tọa? Thị cố, tiên quán tòa. Ký tri tòa dĩ, nghi tri tòa chủ. Thị cố, thứ quán Phật trang nghiêm thân nghiệp. Ký tri thân nghiệp, ưng tri hữu hà thanh danh? Thị cố, thứ quán Phật trang nghiêm khẩu nghiệp. Ký tri danh văn, nghi tri đắc danh sở dĩ? Thị cố, thứ quán trang nghiêm tâm nghiệp. Ký tri tam nghiệp cụ túc, ưng vi nhân thiên đại sư, kham thọ hóa giả thị thù?

Thị cố, thứ quán đại chúng công đức. Ký tri đại chúng hữu vô lượng công đức, nghi tri thượng thủ giả thù? Thị cố, thứ quán thượng thủ. Thượng thủ thị Phật. Ký tri thượng thủ, khùng đồng trưởng ấu. Thị cố, thứ quán chủ. Ký tri thị chủ, chủ hữu hà tăng thượng? Thị cố, thứ quán trang nghiêm bất hư tác trụ trì. Bất cú thứ đệ thành dĩ.

(註)此云何次第？前十七句，是莊嚴國土功德成就。既知國土相，應知國土之主。是故，次觀佛莊嚴功德。彼佛若為莊嚴？於何處坐？是故，先觀座。既知座已，宜知座主。是故，次觀佛莊嚴身業。既知身業，應知有何聲名？是故，次觀佛莊嚴口業。既知名聞，宜知得名所以？是故，次觀莊嚴心業。既知三業具足，應為人天大師，堪受化者是誰？是故，次觀大眾功德。既知大眾有無量功德，宜知上首者誰？是故，次觀上首。上首是佛。既知上首，恐同長幼。是故，次觀主。既知是主，主有何增上？是故，次觀莊嚴不虛作住持。八句次第成已。

(Chú: Thứ tự của những thứ này là như thế nào? Mười bảy câu trước đó chính là trang nghiêm quốc độ công đức thành tựu. Đã biết tướng quốc độ, hãy nên biết vị chủ của quốc độ. Do đó, kể đến bèn quán công đức trang nghiêm của Phật. Đức Phật ấy trang nghiêm như thế nào? Ngài ngồi ở nơi đâu? Vì thế, kể đó trước hết là quán tòa. Đã biết tòa rồi, hãy nên biết vị tòa chủ. Vì thế, kể đó, quán thân nghiệp trang nghiêm của Phật. Đã biết thân nghiệp, hãy nên biết có tiếng tăm gì? Do vậy, kể đó là quán khẩu nghiệp trang nghiêm của đức Phật. Đã biết tiếng tăm, hãy nên biết nguyên do vì sao có tiếng tăm ấy? Vì thế, tiếp đó là quán trang nghiêm tâm nghiệp. Đã biết ba nghiệp đầy đủ, đáng làm bậc đại sư cho trời người, kẻ có thể tiếp nhận sự giáo hóa ấy là ai? Do vậy, kể đó là quán công đức của đại chúng. Đã biết đại chúng có vô lượng công đức, hãy nên biết thượng thủ là ai? Vì thế, kể đó là quán thượng thủ. Thượng thủ là Phật. Đã biết thượng thủ, sợ sẽ tưởng lớn (đăng địa Bồ Tát, hoặc Phật), nhỏ (tam hiền Bồ Tát) đều như nhau. Vì thế, kể đó là quán đẳng giáo hóa chủ. Đã biết chủ, chủ có điều gì tăng thượng? Vì thế, kể đó là quán trang nghiêm chẳng uổng công thực hiện trụ trì. Thứ tự của tám câu đã hình thành xong).

Ngài Đàm Loan giải thích thứ tự tất nhiên của những điều được

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

quan sát trong bộ luận này: Trước hết là quán quốc độ, rồi quán vị chủ của quốc độ. Vì thế, theo thứ tự quán vị chủ của quốc độ An Lạc, tức là [quán] A Di Đà Phật có những công đức trang nghiêm thành tựu nào. Trong khi quán sự trang nghiêm của Phật, trước hết là quán chỗ ngồi của Phật, tức là tòa hoa sen vô lượng báu, rồi quán tam nghiệp thân khẩu ý (tâm) trang nghiêm của Phật. Phật đã có tam nghiệp (tam luân) giáo hóa chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn; vì thế, kế đến là phải quán sự trang nghiêm của đại chúng được Ngài giáo hóa. Trong đại chúng, ắt có bậc thượng thủ. Vì thế, kế đó là quán thượng thủ. Đã biết đại chúng được giáo hóa và thượng thủ, hãy nên biết đáng năng hóa chủ (đáng có thể giáo hóa chúng sanh). Vì thế, kế đó quán sự trang nghiêm của chủ. “*Chủ*” là như vua của một nước, hoặc chủ một nhà, có thể thật sự trụ trì, cai trị quốc gia hay không? Vì thế, phải quán công đức thành tựu trang nghiêm chẳng uổng công thực hiện trụ trì. Quan sát như vậy, tất nhiên có thứ tự trước sau. Cho nên tám thứ trang nghiêm phù hợp luật duyên khởi, theo thứ tự “*do có cái này mà có cái kia*” đạt được thành tựu viên mãn.

Hãy nên biết: Những điều mục và thứ tự quan sát được nêu lên trong bộ luận này hoàn toàn chiếu theo Quán Kinh và kinh Vô Lượng Thọ. Từ phép Quán thứ nhất đến phép Quán thứ sáu của Quán Kinh chính là mười bảy thứ tướng trang nghiêm nơi quốc độ An Lạc trong bộ luận này. Từ phép Quán thứ bảy cho đến phép Quán thứ mười sáu chính là tám thứ tướng trang nghiêm của A Di Đà Phật trong bộ luận này. Cái được gọi là “*quán công đức của thượng thủ*” trong bộ luận này chính là phép Quán thứ mười và thứ mười một của Quán Kinh, có tên là “*quán tướng kim sắc chân thật của Quán Thế Âm và Đại Thế Chí*”, chẳng phải là quán Phật. Phép Quán thứ mười hai cho đến phép Quán thứ mười sáu của Quán Kinh được gọi là phép Quán “*bất hư tác trụ trì công đức*” trong bộ luận này, khiến cho ba bậc chín phẩm đều được vắng sanh Cực Lạc để thành Phật.

Phần sau của bộ luận này là quán bốn thứ công đức chánh tu hành của hàng Bồ Tát trong cõi ấy dựa theo phần kinh văn nói về công đức của hàng Bồ Tát cõi Cực Lạc trong quyển hạ của kinh Vô Lượng Thọ. Vì thế, mở đầu [bộ luận này], vị Luận Chủ đã nói: “*Ngã y Tu Đà La, chân thật công đức tướng, thuyết nguyện kế tổng trì, dữ Phật giáo tương ứng*” (Con nương theo Khế Kinh, tướng công đức chân thật, nói nguyện kế tổng trì, tương ứng lời Phật dạy).

2.2.2.2.3.2.2. Quán Bồ Tát

(Chú) Quán Bồ Tát giả.

(註) 觀菩薩者。

(Chú: Quán Bồ Tát).

2.2.2.2.3.2.2.1. Nêu chung bốn thứ công đức do chánh tu hành

(Luận) Vân hà quán sát Bồ Tát trang nghiêm công đức thành tựu? Quán sát Bồ Tát trang nghiêm công đức thành tựu giả, quán bỉ Bồ Tát hữu tứ chủng chánh tu hành công đức thành tựu, ưng tri.

(Chú) Chân Như thị chư pháp chánh thể, Thể như nhi hành, tác thị bất hành. Bất hành nhi hành, danh “như thật tu hành”. Thể duy nhất như, nhi nghĩa phân vi tứ. Thị cố, tứ hạnh dĩ nhất chánh thống chi.

(論) 云何觀察菩薩莊嚴功德成就? 觀察菩薩莊嚴功德成就者, 觀彼菩薩有四種正修行功德成就, 應知。

(註) 真如是諸法正體, 體如而行, 則是不行。不行而行, 名如實修行。體唯一如, 而義分為四。是故, 四行以一正統之。

(Luận: Quán sát sự trang nghiêm được thành tựu bởi công đức của hàng Bồ Tát như thế nào? Quán sát sự trang nghiêm được thành tựu bởi công đức của hàng Bồ Tát là quán các vị Bồ Tát ấy có bốn thứ công đức thành tựu do chánh tu hành, hãy nên biết!

Chú: Chân Như là chánh thể của các pháp. Thể tuy là Như mà hành, [tuy hành mà] là chẳng hành. “Chẳng hành mà hành” thì gọi là “như thật tu hành”. Do Thể chỉ có một, giống hệt nhau, nhưng [xét theo] nghĩa lý thì được chia thành bốn [hạnh]. Vì thế, bốn hạnh dùng một điều (tức nhất tâm, hoặc Chân Như) để thâm nhiếp chung).

“Chân Như thị chư pháp chánh thể” (Chân Như là chánh thể của các pháp): Các pháp chẳng có chánh thể, duyên tụ hội bèn có sanh. Pháp được sanh vốn là Không, chỉ là nhất tâm tạo tác. Vì thế, kinh nói: “Tâm tác chư Phật, tâm tác chúng sanh” (Tâm tạo chư Phật, tâm tạo chúng sanh). Do vậy, các pháp đều lấy nhất tâm làm chánh thể. Cái tâm ấy vô tướng, vô sanh, tự tánh thanh tịnh, là Tâm Chân Như Môn. Tâm

ây chẳng phải là không có tướng, có thể sanh ra muôn pháp, tức là Tâm Sanh Diệt Môn. Nhất tâm nhị môn, Không và Hữu vô ngại, cho nên [nhất tâm] có thể làm chánh thể của muôn pháp. Nếu chẳng trọn đủ hai môn, thì sẽ lệch về Không, hoặc thiên về Hữu, chẳng thể làm chánh thể của các pháp được! Vì thế, kinh nói: “*Tâm sanh, tất chủng chủng pháp sanh*” (Tâm sanh thì đủ mọi pháp sanh), “*tâm bốn vô sanh, nhân cảnh hữu*” (tâm vốn vô sanh, do cảnh mà có). Đây chính là chân lý của vũ trụ và nhân sinh, là Thật Tướng của các pháp thế gian và xuất thế gian.

“*Thể như nhi hành*” (Thể tuy là Như mà có hành), tức là tánh Không mà duyên khởi. “*Tất thị bất hành*” ([Tuy có hành] mà là chẳng hành) chính là duyên khởi mà tánh Không. Nương vào nhất tâm nhị môn, tánh Không mà duyên khởi, thì gọi là “*như thật tu hành*”, cũng gọi là “*xứng tánh khởi tu, toàn tu tại tánh*”. Như trong phần Kệ Tụng của Trung Quán Luận có nói: “*Y ư Không nghĩa cố, nhất thiết pháp đắc thành*” (Do nương theo nghĩa Không mà hết thảy các pháp được thành), “*chư pháp nhược bất không, nhất thiết pháp bất thành*” (các pháp nếu chẳng không, hết thảy pháp chẳng thành). Thể của các pháp đã chỉ là nhất tâm nhị môn, cho nên chúng ta quan sát hết thảy công đức tu hành trang nghiêm thành tựu của các vị đại Bồ Tát trong cõi ấy tuy nói tổng quát là có bốn thứ khác nhau, nhưng Thể của chúng chỉ là nhất tâm tạo tác. Vì thế, đối với bốn hạnh, nên dùng chánh thể là nhất tâm để nhiếp trọn, đều là công đức do nhất tâm xứng tánh tu hành. Đó gọi là: “*Sanh tử cũng là tâm, Niết Bàn cũng là tâm*”. Nhất tâm mà làm thành hai, tuy hai nhưng vẫn chẳng có hai tướng, ví như nước trong biển cả, trọn đủ các kho báu.

2.2.2.2.3.2.2.2. Giải thích tường tận bốn thứ công đức chánh tu hành

2.2.2.2.3.2.2.2.1. Bất động ứng hóa đức (công đức chẳng rời bốn xứ mà ứng hóa khắp nơi)

(Luận) Hà giả vi tứ? Nhất giả, ư nhất Phật độ, thân bất động dao, nhi biến thập phương chủng chủng ứng hóa, như thật tu hành, thường tác Phật sự. Kệ ngôn: “An Lạc quốc thanh tịnh, thường chuyển vô cầu luân, hóa Phật, Bồ Tát nhất, như Tu Di trụ trì” cố. Khai chư chủng sanh ư nê hoa cố.

(Chú) Bát Địa dĩ thượng Bồ Tát thường tại tam-muội. Dĩ tam-muội lực, thân bất động bốn xứ, nhi năng biến chí thập phương, cúng dường chư Phật, giáo hóa chủng sanh. “Vô cầu luân” giả, Phật

địa công đức dã. Phật địa công đức vô tập khí phiền não cấu. Phật vị chư Bồ Tát, thường chuyển thủ pháp luân. Chư đại Bồ Tát diệc năng dĩ thủ pháp luân, khai đạo nhất thiết, vô tạm thời hư tức. Cổ ngôn: “Thường chuyển”. Pháp Thân như nhật, nhi ứng hóa thân quang biến chư thế giới dã. Ngôn nhật vị túc dĩ minh bất động, phục ngôn “như Tu Di trụ trì” dã. “Ứ nê hoa” giả, kinh ngôn: “Cao nguyên, lục địa, bất sanh liên hoa, ty thấp ứ nê, nãi sanh liên hoa”. Thủ dụ phàm phu tại phiền não nê trung, vị Bồ Tát khai đạo, năng sanh Phật chánh giác hoa. Lượng phù thiệu long Tam Bảo, thường sử bất tuyệt.

(論)何者為四？一者，於一佛土，身不動搖，而遍十方種種應化，如實修行，常作佛事。偈言：安樂國清淨，常轉無垢輪，化佛菩薩日，如須彌住持故。開諸眾生淤泥華故。

(註)八地已上菩薩常在三昧。以三昧力，身不動本處，而能遍至十方，供養諸佛，教化眾生。無垢輪者，佛地功德也。佛地功德無習氣煩惱垢。佛為諸菩薩，常轉此法輪。諸大菩薩亦能以此法輪，開導一切，無暫時休息。故言：常轉。法身如日，而應化身光遍諸世界也。言日未足以明不動，復言如須彌住持也。淤泥華者，經言：高原陸地，不生蓮華，卑濕淤泥，乃生蓮華。此喻凡夫在煩惱泥中，為菩薩開導，能生佛正覺華。諒夫紹隆三寶，常使不絕。

(Luận: Những gì là bốn? Một là trong một cõi Phật, thân chẳng dao động mà đủ mọi thứ ứng hóa trọn khắp mười phương, như thật tu hành, thường làm Phật sự. Kệ rằng: “Cõi An Lạc thanh tịnh, thường chuyển vô cấu luân, hóa Phật, Bồ Tát nhật, như Tu Di trụ trì”, vì nở hoa nơi bùn lầy cho các chúng sanh vậy.

Chú: Bạc Bồ Tát từ Bát Địa trở lên thường ở trong tam-muội. Do sức tam-muội, thân chẳng lìa bản xứ mà có thể đến khắp mười phương, cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sanh. “Vô cấu luân” là công đức nơi địa vị Phật. Công đức nơi địa vị Phật chẳng có tập khí phiền não cấu. Phật vì các Bồ Tát thường chuyển pháp luân này. Các đại Bồ Tát cũng có thể dùng pháp luân này để khơi gợi, hướng dẫn hết

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

thầy, chẳng tạm ngưng nghỉ chút nào. Vì thế nói là “thường chuyển”. Pháp Thân như mặt trời, quang minh nơi thân ứng hóa trọn khắp các thế giới. Do nói là “mặt trời” chưa đủ nêu rõ sự bất động, lại nói là “như trụ trì”. “Hoa sanh từ bùn lầy” là như kinh nói: “Cao nguyên, đất liền chẳng sanh hoa sen, chốn bùn lầy thấp kém mới sanh hoa sen”. Điều này ví như phàm phu ở trong bùn phiền não, được Bồ Tát hướng dẫn, chỉ dạy, có thể sanh hoa Chánh Giác của Phật. Tôi cho rằng: [Do công đức giáo hóa của Bồ Tát] Tam Bảo sẽ được tiếp nối hưng thịnh, thường khiến cho chẳng bị mất đi).

Giải thích cặn kẽ công đức của bốn loại chánh tu hành. Thứ nhất là “*bất động ứng hóa đức*”, tức là một vầng trăng in bóng trên ngàn sông. Nước trong thì trăng hiện, chẳng đến mà cũng chẳng đi. Vì thế gọi là “*bất động ứng hóa*”. Nói theo giáo pháp suốt một đời của đức Bổn Sư trong cõi này, bậc Đẳng Địa Bồ Tát thì mới có thể bất động đạo tràng (chẳng rời khỏi đạo tràng) mà ứng hóa mười phương. Như Sơ Địa Bồ Tát bèn có thể ứng hóa thân Phật trong một trăm thế giới Phật hòng phổ độ chúng sanh. Mỗi địa vị sau bèn vượt xa địa vị trước. Nếu là Bồ Tát từ Bát Địa trở lên, sẽ có thể giống như Phật, đồng thời ứng hóa trọn khắp mười phương vô lượng thế giới làm Phật sự độ sanh. Như phẩm Diệu Âm Bồ Tát và phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa đều là sự thật về chuyện ứng hóa của đại Bồ Tát. Nhưng hóa pháp (cách thức giáo hóa) và hóa sự (những sự tương dùng để giáo hóa) của Phật Di Đà trong Tây Phương An Lạc quốc chẳng giống cõi này. Tức là hàng Bồ Tát chỉ cần đến cõi ấy (Cực Lạc), ai nấy đều là “*hoa nở thấy Phật, ngộ Vô Sanh*”, ai nấy đều trọn đủ bản lãnh và công đức “*bất động ứng hóa*”, bất luận là Địa Tiên (chưa chứng Sơ Địa), hay Địa Thượng (đã chứng Sơ Địa trở lên). Vì sao vậy? Đây chính là như phẩm Phân Biệt Công Đức trong kinh Pháp Hoa đã nói: “*Nhĩ thời, đại hội văn Phật thuyết thọ mạng kiếp số trường viễn, vô lượng chúng sanh đắc đại nhiều ích, hoặc trụ Bất Thoái địa, hoặc đắc đà-la-ni, hoặc năng chuyển bất thoái pháp luân, hoặc năng chuyển thanh tịnh pháp luân, đắc vô lượng vô lậu thanh tịnh chi quả báo*” (Lúc bấy giờ, chúng hội nghe đức Phật nói thọ mạng kiếp số dài lâu, vô lượng chúng sanh đạt được lợi ích to lớn, hoặc trụ nơi địa vị Bất Thoái, hoặc đắc đà-la-ni, hoặc có thể chuyển pháp luân bất thoái, hoặc có thể chuyển pháp luân thanh tịnh, đạt được quả báo vô lượng vô lậu thanh tịnh). Bồ Tát sanh về An Lạc quốc, không chỉ là vô lượng thọ giống như Phật, mà còn

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

đích thân phụng sự A Di Đà Phật, đích thân thấy rành rẽ ba thân một thể của đức Phật, đều là vô lượng thọ, đích thân chứng Thật Tướng nhất tâm nhị môn, cũng đều là thời gian và không gian vô tận. Đương nhiên là có thể lập tức thấy ngay Tự Tánh Thiên Chân Phật, có công năng “*bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến*”, ứng hóa mười phương, như thật (nhất tâm nhị môn) tu hành, thực hiện Phật sự “thường chuyển vô cấu pháp luân, tự độ, độ người khác”. Đây là nói theo phương diện tự lực. Huông hồ còn kèm thêm sức công đức bốn nguyện, sức trí huệ từ bi của A Di Đà Phật gia trì hàng Bồ Tát vãng sanh cõi ấy [khiến cho các vị ấy] đều có thể rốt ráo đạt đến địa vị Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát. Loại lợi ích này chẳng thấy nói trong ngàn kinh muôn luận [dạy về những pháp môn khác]!

Ngài Đàm Loan giải thích, “*vô cấu luân*” chính là công đức nơi địa vị Phật. Nhưng nói theo kinh luận, chỉ có tất cả công hạnh tự lợi và lợi tha của bậc Bát Địa (thuộc Biệt Giáo) đã chứng nhập Cửu Địa, Thập Địa thì mới đều là vô tướng, vô công dụng. Đây chính là tác dụng của pháp luân thanh tịnh (vô cấu), là cái Thể của pháp luân thanh tịnh. Phạm là bậc Bồ Tát từ Bát Địa trở lên, tất cả tự chuyển pháp luân hoặc chuyển tha pháp luân, đều gọi là “*thanh tịnh (vô cấu) pháp luân*”. Hàng Bồ Tát trong An Lạc quốc đã là rốt ráo ắt đạt đến địa vị Nhất Sanh Bồ Xứ, đều là Thập Địa, hoặc Đẳng Giác Bồ Tát, số đến vô lượng, mọi nơi mọi lúc đều có. Vì thế nói: “*Thường chuyển vô cấu luân*”.

Như phần kinh văn trong kinh Vô Lượng Thọ có nói về công đức thành tựu của Bồ Tát trong cõi ấy như sau: “*Trí huệ như đại hải, tam-muội như sơn vương, thanh bạch chi pháp (vô cấu) cụ túc viên mãn*” (Trí huệ như biển cả, tam-muội như núi chúa, pháp trắng sạch (vô cấu) trọn đủ viên mãn). Lại nói: “*Do như liên hoa, u chư thế gian, vô nhiễm ô cố. Do như Tuyết sơn, chiếu chư công đức, đẳng nhất tịnh cố*” (Ví như hoa sen vì ở trong các thế gian chẳng nhuốm bẩn. Ví như núi Tuyết, chiếu các công đức, bình đẳng một vị thanh tịnh). Lời kệ nói “*thường chuyển vô cấu luân, như Tu Di trụ trì*” chính là dựa theo những phần kinh văn ấy mà nói.

Ngài Đàm Loan lại giải thích: Pháp Thân như mặt trời, [quang minh nơi] Ứng Hóa Thân giống như ánh sáng mặt trời chiếu trọn khắp thế giới. Vàng mặt trời là Thể, quang minh là Tướng, chiếu trọn khắp là Dụng. Dùng điều này để sánh ví tam thân nhất thể của Phật, Bồ Tát. Thể, Tướng, Dụng bất tức, bất ly (Thể, Tướng, Dụng chẳng phải chính

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

là lẫn nhau, mà cũng chẳng lìa khỏi nhau). Điều này hết sức phù hợp, thích đáng. Nhưng trong kinh có nói, vàng mặt trời đi khắp tứ thiên hạ, nhân gian thấy có sự kiện “mặt trời mọc đằng Đông, lặn đằng Tây”, cho nên chẳng thể dùng chuyện này để sánh ví công đức “bất động ứng hóa” được. Vì thế phần Kệ Tụng trong luận này lại nêu ra thí dụ “*núi Tu Di*”, đây chính là an trụ bất động. Nếu dựa theo sự chứng minh của khoa học hiện thời, vàng mặt trời (thái dương) xác thực là an trụ bất động, nhưng địa cầu di chuyển vừa tự xoay quanh nó, vừa xoay quanh mặt trời; cho nên có sự sai biệt mặt trời mọc, mặt trời lặn, ban ngày, ban đêm. Những điều chú giải còn lại dễ hiểu, chẳng cần phải nói nhiều.

Ngài Đàm Loan tổng kết lời tán thán như sau: “*Lượng phù! Thiệu long Tam Bảo, thường sử bất tuyệt*”. “*Lượng phù*” (諒夫) nghĩa là “tôi nghĩ như thế này”: Hàng Bồ Tát trong cõi ấy do đều có báo đặc tam-muội, cho nên có thể tùy ý tự nhiên khởi lên diệu dụng bất động ứng hóa, mục đích không gì chẳng nhằm nối tiếp hưng thịnh (thiệu long) Tam Bảo, khiến cho Tam Bảo thường trụ trong cõi đời, dòng giống Phật chẳng tuyệt, khiến cho hết thảy chúng sanh đều có thể sanh khởi hoa Chánh Giác của Phật, tức là chúng sanh trong ngũ trược đều thành Phật.

Hãy nên biết: Hàng Bồ Tát trong cõi ấy thành tựu công đức của bốn thứ chánh tu hành đều nương vào công đức nơi bốn nguyện trong khi tu nhân và thần lực nơi quả địa của A Di Đà Phật mà có. Chẳng giống hàng Bồ Tát trong cõi này, hoàn toàn cậy vào tự lực để tu trì, tu trọn một đại A-tăng-kỳ kiếp, dự vào địa vị từ Sơ Địa trong Biệt Giáo trở lên thì mới có chút phần. Trọn hết một A-tăng-kỳ thứ hai, chúng nhập Bát Địa trở lên, mới có thể giống như các vị Bồ Tát trong cõi ấy (Cực Lạc). Thế nhưng các vị Bồ Tát trong cõi ấy đã nương vào những sức công đức bốn nguyện nào? Chính là từ nguyện thứ năm cho đến nguyện thứ mười, nguyện thứ mười lăm, nguyện thứ hai mươi hai, cho đến nguyện thứ hai mươi sáu, lại còn có nguyện thứ bốn mươi trong bốn mươi tám nguyện ấy, tổng cộng là sức công đức của mười ba nguyện. Nếu không có bốn nguyện, sẽ chẳng thể thành tựu công đức của bốn thứ chánh tu hành. Trong phần kế tiếp, khi giải thích ba thứ công đức kia, sẽ phỏng theo đây, chẳng cần phải nhắc lại nữa.

2.2.2.2.3.2.2.2.2. Đồng thời biến chí đức (công đức đồng thời đến trọn khắp)

(Luận) Nhị giả, bỉ ứng hóa thân nhất thiết thời, bất tiền, bất hậu, nhất tâm, nhất niệm, phóng đại quang minh, tất năng biến chí thập phương thế giới, giáo hóa chúng sanh, chủng chủng phương tiện, tu hành sở tác, diệt trừ nhất thiết chúng sanh khổ cố. Kệ ngôn: “Vô cấu trang nghiêm quang, nhất niệm cập nhất thời, phổ chiếu chư Phật hội, lợi ích chư quần sanh” cố.

(Chú) Thượng ngôn: “Bất động nhi chí”, dung hoặc chí hữu tiền hậu. Thị cố phục ngôn: “Nhất niệm, nhất thời”, vô tiền hậu cố.

(論)二者，彼應化身一切時，不前不後，一心一念，放大光明，悉能遍至十方世界，教化眾生，種種方便，修行所作，滅除一切眾生苦故。偈言：無垢莊嚴光，一念及一時，普照諸佛會，利益諸群生故。

(註)上言：不動而至，容或至有前後。是故復言：一念一時，無前後也。

(Luận: Hai là thân ứng hóa ấy trong hết thảy các thời chẳng trước, chẳng sau, nhất tâm, nhất niệm, phóng đại quang minh, đều có thể đến trọn khắp mười phương thế giới giáo hóa chúng sanh, thực hiện đủ mọi phương tiện, tu hành hòng diệt trừ nỗi khổ của hết thảy chúng sanh. Kệ rằng: “Vô cấu trang nghiêm quang, một niệm và một thời, chiếu khắp các Phật hội, lợi ích các quần sanh”.

Chú: Phần trên nói “bất động mà đến” có thể là có đến trước hay sau. Vì thế lại nói là “một niệm, một thời”, tức là không có trước hay sau vậy).

Chẳng lìa chỗ mình mà ứng hóa mười phương; đây là nói theo không gian. Một niệm và một thời mà đến khắp mười phương; đây là nói theo thời gian. Hãy nên biết, quan niệm có hạn định về thời gian và không gian chính là vọng tưởng, chấp trước của chúng sanh. Nếu là bậc Bồ Tát đã chứng đắc Pháp Thân bình đẳng, khôi phục bản tâm vốn tịnh, cái tâm ấy rộng rang, vắng lặng ấy lại bao trùm trọn vẹn mười phương, trong ấy còn có hạn lượng sai biệt về thời gian hay không gian nữa chẳng? Do vậy, các Ngài tu hành bất luận là tự lợi hay lợi tha đều là “theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc tốt cùng ba đời”, tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên. Trong một niệm tâm, phóng quang chiếu khắp các pháp hội của chư Phật, lợi ích chúng sanh. Đây là diệu dụng nơi ứng hóa thân của hàng Bồ Tát trong cõi ấy mà

còn có thể [thực hiện] như thế đó, huông hồ là quang minh nơi tam thân nhất thể của A Di Đà Phật, đương nhiên là càng có thể đồng thời chiếu trọn khắp mười phương thế giới, nhiếp thọ chúng sanh niệm Phật trở về Tịnh Độ, chẳng bị chướng ngại. Chúng ta phải nên tin sâu, chẳng nghi chuyện này!

2.2.2.2.3.2.2.2.3. Vô dư cúng tán đức (công đức cúng dường và tán thán chẳng thừa sót)

(Luận) Tam giả, bỉ u nhất thiết thế giới, vô dư chiếu chư Phật hội đại chúng, vô dư quảng đại vô lượng cúng dường, cung kính, tán thán chư Phật Như Lai công đức. Kệ ngôn: “Vũ thiên nhạc, hoa y, diệu hương đẳng cúng dường, tán chư Phật công đức, vô hữu phân biệt tâm” cố.

(Chú) “Vô dư” giả, minh biến chí nhất thiết thế giới, nhất thiết chư Phật đại hội, vô hữu nhất thế giới, nhất Phật hội bất chí dã. Triệu công ngôn: “Pháp Thân vô tượng, nhi thù hình tịnh ứng. Chí vận vô ngôn, nhi huyền tịch di bố, minh quyền vô mưu, nhi động dữ sự hội”, cái tư ý dã.

(論)三者，彼於一切世界，無餘照諸佛會大眾，無餘廣大無量供養，恭敬，讚歎諸佛如來功德。偈言：雨天樂華衣，妙香等供養，讚諸佛功德，無有分別心故。

(註)無餘者，明遍至一切世界，一切諸佛大會，無有一世界，一佛會不至也。肇公言：法身無像，而殊形並應。至韻無言，而玄籍彌布，冥權無謀，而動與事會，蓋斯意也。

(Luận: Ba là các vị Bồ Tát ấy trong hết thảy các thế giới, chiếu đại chúng trong hội của chư Phật chẳng sót, vô lượng cúng dường, cung kính, tán thán công đức của chư Phật Như Lai rộng lớn chẳng thừa sót. Kệ rằng: “Mưa nhạc trời, áo hoa, hương màu... để cúng dường, khen công đức chư Phật, chẳng có tâm phân biệt”.

Chú: “Vô dư” là đến trọn khắp các đại hội của hết thảy chư Phật, không có thế giới nào, không Phật hội nào chẳng đến. Ngài Tăng Triệu nói: “Pháp Thân không có hình sắc, mà các hình tướng khác nhau đều cùng ứng hiện. Âm vận tốt bậc không có lời, mà sách huyền

*diệu*⁶³ *trộn khắp, quyền âm thâm*⁶⁴ *không mưu tính mà hễ dấy động đều khế hội với Sự” chính là ý này).*

Hàng Bồ Tát trong cõi ấy đến mười phương thế giới tùy loại hiện thân, phóng quang khắp chốn, mọi nơi mọi lúc đều cúng dường, tán thán công đức của Tam Bảo, trên là báo ân Tam Bảo, dưới là độ chúng sanh thành Phật. Đấy chính là Bồ Đề tâm, Bồ Tát hạnh “*thượng cầu, hạ hóa*”. Đấy là khuôn phép của hết thầy Bồ Tát. Phạm là những vị xuất gia hay tại gia Bồ Tát đã phát Bồ Đề tâm đều đáng nên phông theo mà như thật tu hành như thế.

“*Triệu công*” là nói tới Tăng Triệu đại sư tham gia đạo tràng dịch kinh của La Thập đại sư thời Diêu Tần. Ngài viết bộ Triệu Luận gồm ba quyển, chia thành bốn thiên: Một là Vật Bất Thiên Luận, hai là Bất Chân Không Luận, ba là Bát Nhã Vô Tri Luận, bốn là Niết Bàn Vô Danh Luận. Đòi Tống, Tuân Thức đại sư trước tác bộ Triệu Luận Sớ gồm sáu quyển. Đòi Minh, Hám Sơn đại sư trước tác Triệu Luận Lược Chú sáu quyển, [các vị độc giả] đều nên tìm đọc.

“*Pháp Thân vô tượng... nhi động dữ sự hội*” (Pháp Thân không có hình sắc... mà dấy động thì đều khế hội Sự): Mấy câu văn này đều trích từ Triệu Luận, cũng đều là những lời lẽ nhằm hình dung Trung Đạo Thật Tướng của nhất tâm nhị môn. Nói theo Tâm Chân Như Môn thì Pháp Thân không hình tướng (vô tướng), chí vận (至韻, âm vận tột bậc) vô ngôn (tức là không có tiếng). “*Minh quyền vô mưu*” (冥權無謀, phương tiện quyền biến âm thâm không mưu tính, tức Căn Bản Vô Phân Biệt Trí). Nói theo Tâm Sanh Diệt Môn thì “*thù hình tịnh ứng*” (hình tướng khác biệt cùng ứng hiện), tức chẳng phải là không có tướng, là “*huyền tịch (diệu âm) di bố*” (sách vở màu nhiệm (hay còn có thể hiểu là diệu âm), tức kinh điển Phật giáo trộn khắp), tức là tiếng vô thanh thì gọi là “*đại thanh*”, theo chiều ngang trộn khắp mười phương. “*Động dữ sự hội*” (Hễ dấy lên thì sẽ khế hội Sự), tức là Hậu Đắc Phương Tiện Trí, chẳng suy nghĩ mà biết, chẳng mưu tính mà hợp. Có cảm liền có ứng, không gì chẳng thành. Ngài Đàm Loan dẫn lời ngài

⁶³ Theo Phật Học Đại Từ Điển, “*huyền tịch*” (玄籍) là sách vở huyền diệu, đây là từ ngữ thông dụng để chỉ kinh Phật. Sách Tư Trì Ký quyền hạ đã viết: “*Huyền tịch thông mục Phật giáo*” (Huyền tịch là danh xưng chung để gọi Phật giáo).

⁶⁴ Theo Phật Học Đại Từ Điển, “*Minh quyền*” (冥權, quyền âm thâm): Phương tiện quyền biến của Phật, Bồ Tát thì gọi là “*minh quyền*”.

Tăng Triệu đề chỉ rõ tất cả vô tướng vô công dụng hạnh của hàng Bồ Tát trong cõi ấy đều là “*nước chảy mãi sẽ thành sông*”, khéo đạt đến chỗ tốt đẹp, cho nên có thể “*thượng cầu, hạ hóa*”, hết thầy không gì chẳng viên mãn, chẳng thành tựu.

2.2.2.2.3.2.2.2.4. *Biển thị Tam Bảo đức* (công đức chỉ bày Tam Bảo trọn khắp)

(Luận) *Tứ giả, bỉ u thập phương nhất thiết thế giới vô Tam Bảo xứ, trụ trì trang nghiêm Phật Pháp Tăng Bảo công đức đại hải, biển thị linh giải, như thật tu hành. Kệ ngôn: “Hà đẳng thế giới vô, Phật pháp công đức bảo, ngã nguyện giai vãng sanh, thị Phật pháp như Phật” cố.*

(Chú) *Thượng tam cú, tuy ngôn “biển chí”, giai thị hữu Phật quốc độ. Nhược vô thử cú, tiện thị Pháp Thân hữu sở bất pháp, thượng thiện hữu sở bất thiện.*

(論)四者，彼於十方一切世界無三寶處，住持莊嚴佛法僧寶功德大海，遍示令解，如實修行。偈言：何等世界無，佛法功德寶，我願皆往生，示佛法如佛故。

(註)上三句，雖言遍至，皆是有佛國土。若無此句，便是法身有所不法，上善有所不善。

(Luận: *Bốn là trong mười phương, ở trong hết thầy các chôn không có Tam Bảo, các vị Bồ Tát [trong cõi Cực Lạc] trụ trì trang nghiêm biển cả công đức của Phật Pháp Tăng Bảo, dạy trọn khắp khiến cho chúng sanh thấu hiểu rồi như thật tu hành. Kệ rằng: “Thế giới nào chẳng có, báu công đức Phật pháp, tôi đều nguyện vãng sanh, dạy Phật pháp như Phật”.*

Chú: *Ba câu trước tuy nói là “đến trọn khắp”, nhưng đều là [đến trọn khắp] những quốc độ có Phật. Nếu không có câu này thì Pháp Thân sẽ có chỗ chẳng phải là Pháp, thượng thiện sẽ có chỗ là bất thiện.*

Ba loại công đức chánh tu hành trước đó của Bồ Tát tuy đều nói là “*biển chí*” (遍至, tới trọn khắp), nhưng đều thuộc vào các quốc độ có Phật trong mười phương. Loại thứ nhất là ở trong quốc độ có Phật, bèn như thật tu hành, giúp Phật thuyết pháp. Loại thứ hai là đến các đại hội

thuyết pháp của chư Phật, phóng quang chiếu trọn khắp, diệt khổ cho chúng sanh. Loại thứ ba là cúng dường mười phương chư Phật. Loại thứ tư này thì không chỉ là trong thế giới có Phật, mà là muốn tới hết thấy các thế giới là chỗ không có Tam Bảo để kiến lập Tam Bảo, vì Tam Bảo là đèn sáng duy nhất trong thế gian, là thuyền Từ trong biển khổ. Nếu chẳng có Tam Bảo trụ thế, [thế gian] đúng là đêm dài của trời người, biển khổ mênh mông, ai có thể ban cho chúng sanh quang minh và an ổn? Do vậy, phàm là hàng Bồ Tát đã phát Bồ Đề tâm “*thượng cầu, hạ hóa*”, đều là vì đạo nghĩa mà chẳng chối từ, muốn đến chỗ không có Tam Bảo để làm Phật thuyết pháp, độ sanh. Như Quán Âm, Diệu Âm Bồ Tát đối với kẻ đáng nên dùng thân Phật để độ, liền hiện thân Phật để thuyết pháp cho họ. Công đức trụ trì Tam Bảo cứu thế rộng lớn không bờ bến như biển cả, khiến cho chúng sanh đều được lìa khổ hưởng vui, cùng thành Phật đạo.

Giả sử làm Bồ Tát mà chẳng có sự tu hành “*tự lợi, lợi tha*” theo kiểu ấy, trong kinh nói [người như vậy] chẳng phải là Bồ Tát chân thật. Nói theo Lý, Pháp Thân mà quý vị chứng đắc sẽ chẳng phải là Pháp Thân chân thật bình đẳng, chẳng phải là “*không đâu chẳng tồn tại, không tướng nào chẳng hiện, chẳng thể trọn khắp hết thấy mọi nơi*”. Đây chẳng phải là thanh tịnh diệu Pháp Thân trọn đủ ba mươi hai tướng, mà chỉ là Pháp Thân suông, hoặc là ứng hóa thân mà thôi! Vì thế nói: “*Pháp Thân hữu sở bất pháp*” (Pháp Thân có chỗ chẳng phải là pháp), có nghĩa là Pháp Thân ấy chẳng phải là Pháp Thân. “*Thượng thiện hữu sở bất thiện*” (Trong thượng thiện, có những chỗ là bất thiện): Những điều Bồ Tát tu hành đều vượt xa phàm phu, ngoại đạo, và Nhị Thừa, nên gọi là “*thượng thiện*”. Nhưng nếu chẳng thể đạt đến mức “*trụ trì Tam Bảo ở nơi không có Tam Bảo, khiến cho chúng sanh thấy nghe, đều tin hiểu Tam Bảo, tu hành học Phật*” vậy thì “sự nghiệp của Bồ Tát” (thượng thiện) do quý vị thực hiện đã bị khuyết thiếu, chẳng viên mãn, chẳng thể gọi là “*thượng thiện*”. Lại nói, chúng sanh chẳng thể thấy nghe Tam Bảo, sẽ chẳng biết Phật pháp, chẳng thể học Phật. Vậy thì họ sẽ chẳng thể thấy Phật tánh của chính mình để thành Phật được. Tuy có Pháp Thân, nhưng lưu chuyển trong sáu đường, gọi là “*chúng sanh*”, há chẳng phải là đáng thương, đáng tiếc quá ư? Đây gọi là “*Pháp Thân hữu sở bất pháp*”.

Lại nữa, Tam Bảo là báu ma-ni vô thượng chí cực của xuất thế gian và thế gian, hết thấy thiện pháp đều do Tam Bảo lưu xuất. Nơi nào không có Tam Bảo, sẽ chẳng có thiện pháp. Đây gọi là “*thượng thiện*”

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

hữu sở bất thiện”. Do vậy, Hoa Nghiêm đại giáo sau khi dạy khắp hết thấy các vị Bồ Tát những hạnh môn tu nhân chứng quả, tới cuối cùng, dùng mười đại hạnh nguyện của Phổ Hiền để hướng dẫn trở về Cực Lạc ngũ hầu viên thành Bồ Đề ngay trong một đời, thành tựu tất cả công đức của Như Lai, cũng là thành tựu bốn thứ công đức chánh tu hành của hàng Bồ Tát trong Cực Lạc. Chúng ta hãy nên chánh niệm chánh tri như thế, tự hành, hóa độ người khác đều nương theo pháp môn ngũ niệm và mười đại hạnh nguyện, như thật tu hành, nguyện sanh Cực Lạc, mới có thể xem là bằng vai phải lứa đối với tất cả Bồ Tát trong nước ấy, mà cũng mới có thể thị hiện Phật pháp giống như Phật. Đã sanh vào Cực Lạc, giống như sanh vào mười phương quốc độ, sẽ có thể đối với bất cứ thế gian nào không có Tam Bảo, bèn nương theo nguyện để hóa sanh trong cõi ấy hòng kiến lập Tam Bảo, phổ độ hữu tình đều thành Phật.

Ở đây, tôi phải nhắc nhở mọi người: Hết thấy sự tu hành tự lợi, lợi tha của Bồ Tát đều phải nương tựa Phật pháp, thường nói là [căn cứ trên] Thánh Ngôn Lượng, chẳng thể làm những chuyện trái nghịch Phật pháp, bày ra những trò mới mẻ, khác lạ để mê hoặc, gạt gẫm chúng sanh. Chẳng thể dùng chuyện thần bí, thần thông quỷ quái, hoặc tà mạng, tà thuật để tự tung tự tác dạy bảo người khác. Cổ đức nói: *“Ninh khả tam niên mại bất xuất nhất đấm chân, bất khả nhất đấm mại tam đấm giả”* (Thà suốt ba năm chẳng bán được một gánh thật, không thể một ngày bán ba gánh giả). “*Chân*” tức là Phật pháp, “*giả*” thì chẳng phải là Phật pháp. Chính mình lầm lẫn là chuyện nhỏ, khiến cho người khác lầm lẫn là chuyện to đùng! Ngàn vạn phần phải cẩn thận, ắt cần phải chỉ bày Phật pháp giống như Phật!

(Chú) Quán hạnh thể tướng cánh.

(註) 觀行體相竟。

(Chú: Phần quán hạnh thể tướng đã xong).

Đây là ngài Đàm Loan tổng kết phần Quán Hạnh Thể Tướng như vừa nói trên đây, vì thế nói “[*dĩ*] *cánh*” (đã xong).

2.2.2.2.4. Tịnh nhập nguyện tâm

(Chú) Dĩ hạ thị giải nghĩa trung đệ tứ trùng, danh vi Tịnh Nhập Nguyện Tâm. Tịnh nhập nguyện tâm giả...

(註)已下是解義中第四重，名為淨入願心。淨入願心者。

(*Chú*: Từ đây trở đi là tầng thứ bốn trong phần Giải Nghĩa, được gọi là Tịnh Nhập Nguyên Tâm. Tịnh nhập nguyên tâm là...)

Bốn câu văn này thuộc về khoa mục lớn thứ hai trong phần chú giải lời Luận của ngài Đàm Loan, [phần chú giải lời Luận] được gọi là phần Giải Nghĩa. [Trong phần Giải Nghĩa], khoa thứ ba là Quán Hạnh Thể Tướng, khoa thứ tư là Tịnh Nhập Nguyên Tâm. Tịnh Nhập Nguyên Tâm là gì? Chính là điều đang được nói đến trong phần Luận hiện thời.

(Luận) Hựu hướng thuyết quán sát trang nghiêm Phật độ công đức thành tựu, trang nghiêm Phật công đức thành tựu, trang nghiêm Bồ Tát công đức thành tựu, thử tam chủng thành tựu nguyện tâm trang nghiêm, ưng tri.

(*Chú*) *Ứng tri thử tam chủng trang nghiêm thành tựu, do bốn tứ thập bát nguyện đẳng thanh tịnh nguyện tâm chi sở trang nghiêm. Nhân tịnh, cố quả tịnh, phi vô nhân tha nhân hữu dã.*

(論)又向說觀察莊嚴佛土功德成就，莊嚴佛功德成就，莊嚴菩薩功德成就，此三種成就願心莊嚴，應知。

(註)應知此三種莊嚴成就，由本四十八願等清淨願心之所莊嚴。因淨，故果淨，非無因他因有也。

(*Luận*: *Lại nữa, quán sát trang nghiêm Phật độ công đức thành tựu, trang nghiêm Phật công đức thành tựu, trang nghiêm Bồ Tát công đức thành tựu như vừa nói trên đây, ba thứ ấy đều do nguyện tâm trang nghiêm, hãy nên biết.*

Chú: *Hãy nên biết ba thứ trang nghiêm thành tựu ấy vốn được trang nghiêm bởi nguyện tâm thanh tịnh nơi bốn mươi tám nguyện. Do nhân tịnh nên quả tịnh, chẳng phải là do cái nhân nào khác mà có).*

Quán sát ba thứ trang nghiêm nơi quốc độ Phật, đức Phật và Bồ Tát được thành tựu bởi công đức như vừa nói trên đây chính là sự trang nghiêm do nguyện tâm từ bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật thành tựu. Nguyện tâm thanh tịnh là cái nhân của ba thứ trang nghiêm. Vì thế, có ba thứ quả báo bao gồm y báo và chánh báo trang nghiêm

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

thanh tịnh [của Phật, Bồ Tát]; chẳng phải là “không có nhân mà có quả”, cũng chẳng phải là được trang nghiêm thành tựu bởi nhân tố nào khác.

2.2.2.2.4.1. Quảng lược tương nhập (rộng và lược dung nhập lẫn nhau)

(Luận) Lược thuyết nhập nhất pháp cú cố. Nhất pháp cú giả, vị thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú giả, vị chân thật trí huệ, vô vi Pháp Thân cố.

(論)略說入一法句故。一法句者，謂清淨句。清淨句者，謂真實智慧，無為法身故。

(Luận: Nói giản lược thì gộp vào một câu pháp. “Một câu pháp” là câu thanh tịnh. Câu thanh tịnh là “chân thật trí huệ, vô vi Pháp Thân”).

Sáu câu luận định này là do Luận Chủ đã thấu tóm giản lược các sự tương trang nghiêm đã được nói trong phần trước về Lý Tánh, chỉ có một pháp. “Một pháp” chính là nhất tâm thanh tịnh. Tịnh tâm tức là trí huệ chân thật (Sanh Diệt Môn), vô vi Pháp Thân (Chân Như Môn). Nhất tâm nhị môn, Sanh Diệt Môn là rộng, Chân Như Môn là lược, nương tựa vào nhau mà thành tựu lẫn nhau; do vậy nói là “*tương nhập*” (dung nhập lẫn nhau).

(Chú) Thượng quốc độ trang nghiêm thập thất cú, Như Lai trang nghiêm bát cú, Bồ Tát trang nghiêm tứ cú, vị quảng. Nhập nhất pháp cú, vị lược. Hà cố thị hiện quảng lược tương nhập? Chư Phật, Bồ Tát hữu nhị chủng Pháp Thân: Nhất giả, pháp tánh Pháp Thân. Nhị giả, phương tiện Pháp Thân. Do pháp tánh Pháp Thân, sanh phương tiện Pháp Thân. Do phương tiện Pháp Thân, xuất pháp tánh Pháp Thân. Thứ nhị Pháp Thân dị, nhị bất khả phân, nhất nhị bất khả đồng. Thị cố, quảng lược tương nhập, thống dĩ pháp danh. Bồ Tát nhược bất tri quảng lược tương nhập, tắc bất năng tự lợi, lợi tha.

(註)上國土莊嚴十七句，如來莊嚴八句，菩薩莊嚴四句為廣。入一法句，為略。何故示現廣略相入？諸佛菩薩有二種法身：一者，法性法身。二者，方便法身。由法性

法身，生方便法身。由方便法身，出法性法身。此二法身異，而不可分，一而不可同。是故，廣略相入，統以法名。菩薩若不知廣略相入，則不能自利利他。

(Chú: Mười bảy câu trang nghiêm quốc độ, tám câu về sự trang nghiêm của Như Lai, và bốn câu về sự trang nghiêm của Bồ Tát trên đây là rộng. “Vào một câu pháp” là lược. Cớ sao thị hiện rộng và lược dung nhập? Chư Phật, Bồ Tát có hai thứ Pháp Thân: Một là pháp tánh Pháp Thân, hai là phương tiện Pháp Thân. Do pháp tánh Pháp Thân mà sanh phương tiện Pháp Thân. Do phương tiện Pháp Thân mà xuất hiện pháp tánh Pháp Thân. Hai thứ Pháp Thân này tuy khác mà chẳng thể tách rời, tuy là một mà chẳng thể giống nhau. Vì thế, rộng và lược dung nhập, đều gọi chung là pháp. Nếu Bồ Tát chẳng biết rộng và lược dung nhập, sẽ chẳng thể tự lợi và lợi lạc người khác).

Qua đoạn chú giải này, ngài Đàm Loan chỉ rõ nguyên do vì sao có sự “rộng và lược dung nhập” trong nguyện tâm thanh tịnh, tức là Ngài chỉ ra Phật, Bồ Tát thành tựu hai thứ Pháp Thân, tất nhiên là từ rộng mà vào lược, từ lược sanh ra rộng, nương tựa vào nhau, thành tựu lẫn nhau, chẳng một, chẳng khác. Nói là “rộng” chính là phương tiện Pháp Thân, tùy duyên khởi dụng, có thể sanh ra vạn pháp. Nói là “lược” thì chính là pháp tánh Pháp Thân vốn sẵn thanh tịnh, một mực không tịch. Rộng và lược dung nhập lẫn nhau chính là duyên khởi mà tánh Không. Do tánh Không, nên duyên khởi. Do “duyên khởi mà tánh Không” cho nên tuy khác nhưng chẳng thể tách lìa. Do “tánh Không mà duyên khởi”, cho nên là một nhưng chẳng thể đồng. Đây là Thật Tướng của các pháp, là pháp tánh của vạn pháp. Dù là rộng (duyên khởi), hoặc là lược (tánh Không), đều là “pháp nào cũng đều như thế đó”. Do vậy, gộp chung lại, dùng Pháp để gọi chung, đặt tên là “pháp tánh Pháp Thân” và “phương tiện Pháp Thân”.

Nếu Bồ Tát học Phật mà chẳng biết chân lý cơ bản “tánh Không duyên khởi” của Phật pháp là một cái ấn Thật Tướng trong Đại Thừa, vậy thì sẽ trở thành tu mù luyện đui, hoặc chấp Sự mà mê muội Lý, hoặc chấp Lý phé Sự, chẳng thể “Lý Sự viên dung, Không và Hữu vô ngại”, mà cũng chẳng thể tự lợi, lợi tha, cùng thành Phật đạo. Khoa mục Quảng Lược Tương Nhập này còn gọi là Thể Dụng Tương Túc (Thể chính là Dụng, Dụng chính là Thể). Thể là lược, Dụng là quảng. Thể là pháp tánh Pháp Thân, Dụng là phương tiện Pháp Thân. Từ Thể

khởi Dụng, gọi là “*pháp tánh sanh ra phương tiện*”. Gom Dụng về Thể, gọi là “*phương tiện hiện xuất pháp tánh*”. Vốn là nương vào nhau, thành tựu lẫn nhau, chẳng một, chẳng khác như thế đó!

(Chú) Thử tam cú, triển chuyển tương nhập. Y hà nghĩa danh chi vi pháp? Dĩ thanh tịnh cố. Y hà nghĩa danh vi thanh tịnh? Dĩ chân thật trí huệ, vô vi Pháp Thân cố.

(註) 此三句，展轉相入。依何義名之為法？以清淨故。依何義名為清淨？以真實智慧，無為法身故。

(Chú: Ba câu này lần lượt dung nhập vào nhau. Do dựa theo nghĩa nào mà gọi là pháp? Do vì thanh tịnh. Do dựa theo nghĩa nào mà gọi là thanh tịnh? Do chân thật trí huệ, vô vi Pháp Thân).

Đây là giải thích sáu câu trong phần Luận. Sự lần lượt nhập vào nhau ấy chẳng thể chia lìa. Do cái này có, mà cái kia có. Câu thứ nhất là từ rộng mà vào lược. “*Lược*” là một pháp cú. Câu thứ hai, do nghĩa nào mà gọi là “*một pháp*”? Một pháp chính là pháp bất nhị. Pháp bất nhị này chính là nhất tâm thanh tịnh, như Đại Thừa Chỉ Quán đã nói: “*Tâm tánh tự thanh tịnh, các pháp chỉ là một tâm*”. Câu thứ ba, do nghĩa nào mà gọi là thanh tịnh? Sự thanh tịnh ấy chính là trí huệ chân thật, vô vi Pháp Thân. Trí huệ là tướng dụng của tịnh tâm. Pháp Thân là Thể của tịnh tâm. Trí huệ viên mãn gọi là trí huệ Phật. Pháp Thân hiển hiện gọi là Như Như Phật. Thứ trước là Báo Hóa Phật, thứ sau là Pháp Thân Phật. Tam thân nhất thể của Phật chính là ba khía cạnh lớn, tức Thể, Tướng, Dụng sẵn có trong tịnh tâm, vốn lần lượt dung nhập lẫn nhau, chẳng phải chính là nhau, mà cũng chẳng tách lìa nhau!

(Chú) Chân thật trí huệ giả, Thật Tướng trí huệ dã. Thật Tướng vô tướng, cố chân trí vô tri (vô phân biệt tâm) dã. Vô vi Pháp Thân giả, pháp tánh thân dã. Pháp tánh tịch diệt, cố Pháp Thân vô tướng (vô quyết định tướng) dã. Vô tướng cố năng vô bất tướng. Thị cố tướng hảo trang nghiêm, tức Pháp Thân dã. Vô tri cố năng vô bất tri. Thị cố Nhất Thiết Chứng Trí tức chân thật trí huệ dã. Dĩ chân thật nhi mục trí huệ, minh trí huệ phi tác, phi phi tác dã. Dĩ vô vi nhi tiêu Pháp Thân, minh Pháp Thân phi sắc, phi phi sắc dã. Phi u phi giả, khởi phi phi chi năng thị hồ? Cái vô phi chi viết thị dã, tự thị vô đãi phục phi thị dã. Phi thị phi phi, bách phi chi sở bất dụ. Thị cố

ngôn “*thanh tịnh cú*”. *Thanh tịnh cú giả, vị “chân thật trí huệ, vô vi Pháp Thân” dã.*

(註) 真實智慧者，實相智慧也。實相無相，故真智無知(無分別心)也。無為法身者，法性身也。法性寂滅，故法身無相(無決定相)也。無相故能無不相。是故相好莊嚴，即法身也。無知故能無不知。是故一切種智即真實智慧也。以真實而目智慧，明智慧非作，非非作也。以無為而標法身，明法身非色，非非色也。非於非者，豈非非之能是乎？蓋無非之曰是也，自是無待復非是也。非是非非，百非之所不喻。是故言清淨句。清淨句者，謂真實智慧，無為法身也。

(Chú: Trí huệ chân thật là trí huệ Thật Tướng. Thật Tướng vô tướng cho nên chân trí vô tri (tâm chẳng phân biệt). Vô vi Pháp Thân là pháp tánh thân. Pháp tánh tịch diệt, cho nên Pháp Thân vô tướng (chẳng có tướng quyết định). Do vô tướng, nên có thể “vô bất tướng” (chẳng phải là không có tướng). Vì thế, tướng hảo trang nghiêm chính là Pháp Thân. Do vô tri nên có thể “không có gì chẳng biết”. Do vậy, Nhất Thiết Chủng Trí tức là trí huệ chân thật. Dùng [danh xưng] “chân thật” để gọi trí huệ, nhằm tỏ rõ: Trí huệ chẳng phải là tác, chẳng phải là bất tác. Dùng “vô vi” để phô bày Pháp Thân, nhằm chỉ rõ: Pháp Thân chẳng phải là sắc, chẳng phải là không có sắc. Phủ nhận cái “chẳng phải”, há có thể nào coi “phủ nhận của cái chẳng phải” sẽ là “phải” ư? Do vì chẳng phải là “không phải” thì nói là “phải”, nên chẳng cần phải đợi [phân biệt] “phải” và “không phải: nữa! “Chẳng phải” chính là “chẳng phải không phải”, cho nên bách phi chẳng thể sánh ví được! Do vậy nói là một câu thanh tịnh. “Câu thanh tịnh” là “trí huệ chân thật, vô vi Pháp Thân”).

Đoạn chú giải này nhằm giải thích “trí huệ chân thật, vô vi Pháp Thân” là gì? Văn lẫn nghĩa đều diệu. Nói giản yếu thì một cái tâm nhỏ nhoi trong hiện tiền của chúng ta được gọi là “tự tánh thanh tịnh tâm”, lại chính là A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn. Bốn câu (không, có, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không) chẳng thể thấu nhiếp được, bách phi chẳng thể thí dụ nổi cái tâm này. “Bách phi” là [từ ngữ] xuất phát từ kinh văn của kinh Đại Bát Niết Bàn nói về sự giải thoát

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

khỏi một trăm câu, đều nhằm chỉ rõ “*phi thị diệt phi phi*” (“chẳng phải” cũng là “chẳng phải không phải”), tức là ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt. Một cái tâm nhỏ nhoi của chúng ta vốn có hai môn:

1) Tâm Chân Như Môn chiếu mà thường tịch, gọi là Vô Lượng Thọ Phật. Đây chính là tướng thường tịch diệt, là Pháp Thân vô vi đều quy vào Không.

2) Tâm Sanh Diệt Môn tịch mà thường chiếu, gọi là Vô Lượng Quang Phật. Đây chính là trí huệ chân thật Vô Sư Trí và Nhất Thiết Chủng Trí. Cho nên lời luận có nói “*như bỉ Như Lai quang minh trí tướng, A Di Đà Phật, tức Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Quang Phật*” (đúng như tướng quang minh và trí huệ của đức Phật ấy, A Di Đà Phật chính là Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Quang Phật). Nhất tâm nhị môn, Chân Như tức sanh diệt, Pháp Thân tức là trí huệ. Nhất tâm nhị môn chẳng một, chẳng khác; một vị Phật mà có hai danh hiệu cũng giống như thế. Vô vi Pháp Thân chẳng phải là sắc, chẳng phải là phi sắc, chẳng rơi vào Biên Kiến chấp Có hay chấp Không. Vì thế gọi là Vô Vi, tức là tánh Tất Cánh Không Tánh. Tánh Không bất sanh bất diệt, vì thế gọi là Vô Lượng Thọ Phật. Trí huệ chân thật chẳng phải là làm, chẳng phải là không làm, chẳng thuộc vào pháp số nhân duyên hay tự nhiên. Vì thế gọi là chân thật, tức là “*linh quang riêng chiếu, vượt thoát căn trần*”. Chiếu xưa, chiếu nay, chiếu xa, chiếu gần; vì thế gọi là Vô Lượng Quang Phật.

Do vậy, “*lược thuyết nhập nhất pháp cú. Nhất pháp cú giả, vị thanh tịnh cú*” (nói đại lược thì gộp vào trong một câu pháp. Một câu pháp là câu thanh tịnh). Câu thanh tịnh ấy chính là tâm thanh tịnh. Đem những sự tướng trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong cõi Cực Lạc đã quan sát trong những phần trước để quy nạp giản lược (lời Luận dùng chữ “*nhập*” để diễn tả ý này) thành một niệm tâm tuy nhỏ nhoi, nhưng thanh tịnh trọn đủ các tướng của chúng ta. Cho nên nói: “*Lược thuyết nhập nhất pháp cú; nhất pháp cú tức thanh tịnh cú*”. Cái tâm tướng thanh tịnh ấy chính là A Di Đà Phật, cũng gọi là Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ. Chúng sanh và Phật đều bình đẳng có điều này, tức tướng thanh tịnh của nhất tâm nhị môn, [và cũng] chính là tướng chân thật của các pháp “*duyên khởi tánh Không, tánh Không duyên khởi*”. Do tánh Không nên là vô vi Pháp Thân; do duyên khởi nên là trí huệ chân thật. Vì thế nói “*thanh tịnh cú (tâm) giả, vị chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân cố*” (câu thanh tịnh (tâm) là trí huệ chân thật, vô vi Pháp Thân).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Nếu có thể ngộ nhập nhất tâm nhị môn, duyên khởi tánh Không bèn chứng đắc vô vi Pháp Thân, trọn đủ trí huệ chân thật, cũng là có thể thành tựu y báo và chánh báo trang nghiêm như A Di Đà Phật. Vì sao vậy? Từ Thể khởi Dụng, có thể có các thứ trang nghiêm. Gom Dụng về Thể, chỉ là thanh tịnh nhất tâm. Do vậy, Quán Kinh nói: “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật. Chư Phật Chánh Biến Tri hải tùng tâm tướng sanh*” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật. Biến Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tướng). Vì thế, nếu có thể chí tâm tin ưa, chấp trì danh hiệu A Di Đà Phật, tức là chấp trì một câu thanh tịnh. Câu thanh tịnh chính là “*trí huệ chân thật, vô vi Pháp Thân*”. Vì thế, chấp trì thanh tịnh bình đẳng giác của nhất tâm nhị môn thì gọi là “*tâm này làm Phật*”. “*Tâm này là Phật*”: Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Cổ đức nói “*một câu Di Đà thành Phật có thừa*” là chân ngữ, thật ngữ.

Cũng có thể nói như thế này: Một câu Di Đà chính là tướng hảo của chư Phật, là sự trang nghiêm của cõi Cực Lạc! Vì sao vậy? Rộng đã có thể vào trong lược; ắt lược có thể sanh ra rộng! Rộng và lược sanh ra nhau, dung nhập vào nhau, pháp vốn là như thế đó! Hãy nên biết: Trong phương tiện độ sanh của chư Phật, mỗi vị có nguyện tâm bất đồng. A Di Đà Phật phát nguyện dùng danh hiệu khi Ngài đã thành Phật và thành tựu thế giới An Lạc để làm pháp môn phương tiện độ sanh duy nhất. Chúng sanh muốn sanh về An Lạc chỉ cần chí tâm tin ưa (tín nguyện), cho đến mười niệm, niệm A Di Đà Phật liền được vãng sanh. Hễ đã sanh bèn bất thoái, mãi cho đến khi thành Phật. Vì danh hiệu A Di Đà Phật chính là nhất tâm nhị môn, vô vi Pháp Thân, là trí huệ chân thật, bao gồm hết thấy công đức và sự trang nghiêm thanh tịnh. Trong khi quý vị niệm A Di Đà Phật, sẽ ngay lập tức thành tựu thân Phật và Tịnh Độ, tâm làm Phật, tâm là Phật, thẳng thừng, thỏa đáng, viên đốn tột bậc. Vì thế được mười phương chư Phật cùng khen ngợi là chẳng thể nghĩ bàn!

2.2.2.2.4.2. Hai thứ thanh tịnh

(Luận) Thứ thanh tịnh hữu nhị chủng, ưng tri.

(Chú) Thượng chuyển nhập cú trung, thông nhất pháp nhập thanh tịnh, thông thanh tịnh nhập Pháp Thân. Kim tương biệt thanh tịnh xuất nhị chủng cố, cố ngôn: “Ưng tri”.

(論)此清淨有二種，應知。

(註)上轉入句中，通一法入清淨，通清淨入法身。今將別清淨出二種故，故言：應知。

(Luận: Sự thanh tịnh này có hai thứ, hãy nên biết.

Chú: Trong câu “nhập [một câu pháp]” vừa nói trên đây, do nói chung nên “từ một pháp mà vào thanh tịnh”, và “từ thanh tịnh mà tiến nhập Pháp Thân”. Nay lại riêng chia sự thanh tịnh thành hai loại, nên nói là “hãy nên biết”).

Trong phần trên là quán tưởng từ rộng vào lược, gom Dụng về Thể. Vì thế, lần lược dung nhập vào nhau, tất cả sự tướng trang nghiêm thanh tịnh bao gồm ba loại (quốc độ, Phật, Bồ Tát) trong hai mươi chín câu được quy nạp thành tâm thể thanh tịnh của nhất tâm nhị môn. Bây giờ là quán tưởng từ lược vào rộng, từ Thể mà khởi Dụng. Do vậy, sẽ nương theo nguyện tâm mà thành tựu hai loại (tức y báo và chánh báo) thanh tịnh trang nghiêm hòng phân biệt hiểu biết rành rẽ thì mới chẳng đến nỗi đối với Thể và Dụng chẳng tách bạch, chẳng biết rõ rộng và lược. Như kinh văn trong phần sau có nói: “*Như thị nhất pháp cú, nhiếp nhị chủng thanh tịnh nghĩa*” (Một câu pháp như thế bao gồm hai ý nghĩa thanh tịnh). “*Một câu pháp*” là Thể, tức là lược; “*hai thứ thanh tịnh*” là Dụng, là rộng; chớ nên không biết!

(Luận) Hà đẳng nhị chủng? Nhất giả, khí thể gian thanh tịnh. Nhị giả, chúng sanh thể gian thanh tịnh. Khí thể gian thanh tịnh giả, như hướng thuyết thập thất chủng trang nghiêm Phật độ công đức thành tựu, thị danh khí thể gian thanh tịnh. Chúng sanh thể gian thanh tịnh giả, như hướng thuyết bát chủng trang nghiêm Phật công đức thành tựu, tứ chủng trang nghiêm Bồ Tát công đức thành tựu. Thị danh chúng sanh thể gian thanh tịnh. Như thị nhất pháp cú, nhiếp nhị chủng thanh tịnh nghĩa, ưng tri.

(Chú) Phù chúng sanh vi biệt báo chi Thể, quốc độ vi cộng báo chi Dụng. Thể Dụng bất nhất, sở dĩ ưng tri.

(論)何等二種？一者，器世間清淨。二者，眾生世間清淨。器世間清淨者，如向說十七種莊嚴佛土功德成就，是名器世間清淨。眾生世間清淨者，如向說八種莊嚴佛功德成就，四種莊嚴菩薩功德成就。是名眾生世間清淨。如是一法句，攝二種清淨義，應知。

(註)夫眾生為別報之體，國土為共報之用。體用不一，所以應知。

(Luận: Những gì là hai thứ? Một là khí thể gian thanh tịnh; hai là chúng sanh thể gian thanh tịnh. Khí thể gian thanh tịnh là như mười bảy thứ trang nghiêm cõi Phật công đức thành tựu như đã nói trước đây. Đó gọi là khí thể gian thanh tịnh. Chúng sanh thể gian thanh tịnh là tám thứ trang nghiêm công đức thành tựu của Phật và bốn thứ trang nghiêm công đức thành tựu của Bồ Tát như đã nói trên đây. Đó gọi là chúng sanh thể gian thanh tịnh. Một câu pháp như thế bao gồm hai ý nghĩa thanh tịnh, hãy nên biết.

Chú: Chúng sanh là Thể của biệt báo, quốc độ là Dụng của cộng báo. Thể và Dụng chẳng phải là một, cho nên hãy nên biết [như thế]).

Ngài Đàm Loan coi chúng sanh chánh báo là Thể, quốc độ y báo là Dụng, chia thành Thể và Dụng khác nhau. Vì thế, có hai thứ thanh tịnh. Nói như vậy thì cũng hợp lý.

(Chú) Nhiên chư pháp tâm thành, vô dư cảnh giới. Chúng sanh cập khí, phục bất đắc dị, bất đắc nhất. Bất nhất tắc phân nghĩa, bất dị đồng thanh tịnh.

(註)然諸法心成，無餘境界。眾生及器，復不得異，不得一。不一則義分，不異同清淨。

(Chú: Nhưng các pháp do tâm thành, không có cảnh giới nào khác. Chúng sanh và khí thể gian lại chẳng khác, chẳng một. Chẳng một thì là ý nghĩa “chia ra”, chẳng khác là vì cùng thanh tịnh).

Kinh dạy: “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức” và “vạn pháp duy tâm, nhất thiết duy tâm tạo” (nên quán tánh pháp giới, hết thảy chỉ do tâm tạo). Các pháp đã do tâm mà thành thì ngoài tâm không có pháp, không có chúng sanh. Chúng sanh và quốc độ thật tại là chẳng khác biệt. Nhưng chúng sanh là hữu tình, quốc độ là vô tình, xét theo hàm nghĩa của chúng, lại chẳng giống hệt như nhau. Đã đều là Tướng và Dụng do tâm thanh tịnh duyên khởi, nói theo cái tâm thanh tịnh thì đích xác là chẳng có sự bất đồng. Nói theo sự phân chia ấy thì là dùng tịnh tâm làm Thể, chúng sanh và quốc độ đều là Dụng. Thể và Dụng như thế chẳng một, chẳng khác! Thể thanh tịnh, cho nên Dụng liền thanh tịnh. Đây chính là sự thanh tịnh đáng nên biết như luận này đã

nói, hoàn toàn phù hợp với ý nghĩa “*tâm tịnh quốc độ tịnh, tâm tịnh chúng sanh tịnh*” trong các kinh Đại Thừa.

(Chú) Khí giả, Dụng dã. Vị bỉ Tịnh Độ thị bỉ thanh tịnh chúng sanh chi sở thọ dụng, cố danh vi Khí. Như tịnh thực dụng bất tịnh khí, dĩ khí bất tịnh cố, thực diệc bất tịnh. Bất tịnh thực dụng tịnh khí, thực bất tịnh cố, khí diệc bất tịnh. Yếu nhị câu khiết, nãi đắc xưng tịnh. Thị dĩ, nhất thanh tịnh danh, tất nhiếp nhị chủng.

(註)器者，用也。謂彼淨土是彼清淨眾生之所受用，故名為器。如淨食用不淨器，以器不淨故，食亦不淨。不淨食用淨器，食不淨故，器亦不淨。要二俱潔，乃得稱淨。是以，一清淨名，必攝二種。

(Chú: “Khí” là nói đến Dụng, nghĩa là Tịnh Độ ấy để cho chúng sanh thanh tịnh [trong cõi] ấy thọ dụng, cho nên gọi là Khí (vật dụng). Như thức ăn sạch mà dùng đồ đựng bất tịnh [để chứa], do đồ đựng bất tịnh, thức ăn cũng bất tịnh. Thức ăn bất tịnh dùng đồ đựng sạch sẽ, do thức ăn bất tịnh, đồ đựng cũng bất tịnh. Phải là hai thứ đều sạch sẽ thì mới gọi là “tịnh”. Do vậy, trong một danh xưng thanh tịnh, ắt bao gồm hai thứ).

Đây là dùng thực phẩm và đồ chứa đựng thức ăn trong thế gian để sánh ví điều được nói trong luận này: Hai thứ thanh tịnh, tức là khí thế gian thanh tịnh và chúng sanh thế gian thanh tịnh. Tôi cảm thấy thí dụ này chẳng thích đáng cho lắm. Thực phẩm và đồ đựng thức ăn đều cùng là vật vô tình, nhưng chúng sanh là hữu tình, đây là chỗ bất đồng. Lại nữa, nói thông thường, y báo (khí thế gian) chuyển theo chánh báo. Khí thế gian thanh tịnh hay không tùy thuộc chánh báo tức hữu tình chúng sanh có thanh tịnh hay không, chẳng giống như dùng đồ chứa thức ăn bất tịnh, thực phẩm cũng trở thành bất tịnh. Nói hữu tình (chúng sanh) và vô tình (khí) hai thứ thế gian chỉ là dựa theo Kiến Phần và Tướng Phần⁶⁵ của tám thức mà chia thành hai thứ. Nếu chuyển tám thức ô nhiễm thành tứ trí Bồ Đề thanh tịnh (tức trí huệ chân thật) thì hai

⁶⁵ Kiến Phần là khả năng nhận biết, tiếp nhận, là chủ thể nhận thức của tám thức. Tướng Phần là tướng trạng, tức là đối tượng của Kiến Phần. Chẳng hạn như chúng ta thấy một bông hoa, Nhân Thức và Ý Thức có thể nhận biết bông hoa, khả năng ấy gọi là Kiến Phần, hình ảnh của bông hoa được Nhân Thức tiếp nhận chuyển cho Ý Thức thì cái hình ảnh ấy sẽ gọi là Tướng Phần.

thứ thế gian (khí thế gian và chúng sanh thế gian) sẽ liền chuyển thành thanh tịnh theo! Trước khi chuyển, hai thứ thế gian đều là bất tịnh. Vì thế kinh dạy: “*Nhất thanh tịnh (tâm thức), nhất thiết thanh tịnh*” (Một thứ thanh tịnh (tức tâm thức thanh tịnh), hết thảy sẽ thanh tịnh). “*Tình dữ vô tình, đồng viên Chung Trí*” (Hữu tình và vô tình cùng viên mãn Nhất Thiết Chung Trí), “*son hà cập đại địa, tận thị pháp giới thân*” (núi sông và cõi đất, thảy đều là thân pháp giới) chính là ý này. Như đức Bồ Đề Sư nhân ngón chân xuống đất, ngay lập tức bèn chuyển uest độ thành quốc độ trang nghiêm thanh tịnh. Phẩm Hiện Bảo Tháp trong kinh Pháp Hoa đã có nói [thế giới Sa Bà] ba lượt biến thành Tịnh Độ, cũng nhằm chứng minh hết thảy y báo đích xác là chuyển theo chánh báo (tâm thức). Tức là nói theo tình huống thật sự trong thế gian, đều là ánh trăng ngoài cửa sổ như nhau, bệnh nhân trong bệnh viện và kẻ hưởng lạc nơi chốn nhậu nhẹt ăn chơi cùng nhìn vàng trắng, sẽ có cảm nhận khác biệt rất lớn!

(Chú) Văn viết: Ngôn chúng sanh thanh tịnh, tắc thị Phật dữ Bồ Tát, bỉ chư nhân thiên, đắc nhập thử thanh tịnh số phủ? Đáp viết: Đắc danh thanh tịnh, phi thật thanh tịnh. Thí như xuất gia thánh nhân, dĩ sát phiến não tặc, cố danh vi tỳ-kheo. Phạm phu xuất gia giả, trì giới, phá giới, giai danh tỳ-kheo. Hựu như quán đảnh vương tử, sơ sanh chi thời, cụ tam thập nhị tướng, tức vi thất bảo sở thuộc. Tuy vị năng vi Chuyển Luân Vương sự, diệt danh Chuyển Luân Vương, dĩ kỳ tất vi Chuyển Luân Vương cố. Bỉ chư nhân thiên, diệt phục như thị, giai nhập Đại Thừa Chánh Định chi tụ, tất cánh đương đắc thanh tịnh Pháp Thân. Dĩ đương đắc cố, đắc danh thanh tịnh.

(註)問曰：言眾生清淨，則是佛與菩薩，彼諸人天，得入此清淨數不？答曰：得名清淨，非實清淨。譬如出家聖人，以殺煩惱賊，故名為比丘。凡夫出家者，持戒破戒，皆名比丘。又如灌頂王子，初生之時，具三十二相，即為七寶所屬。雖未能為轉輪王事，亦名轉輪王，以其必為轉輪王故。彼諸人天，亦復如是，皆入大乘正定之聚，畢竟當得清淨法身。以當得故，得名清淨。

(Chú: Hỏi: Nói “chúng sanh thanh tịnh” thì là [nói đến] Phật và Bồ Tát, còn các vị trời người [trong cõi] ấy có thật sự đạt được thanh

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

tịnh hay chẳng? Đáp: Được gọi là thanh tịnh, chưa phải là thanh tịnh thật sự. Ví như bậc thánh nhân xuất gia do giết giặc phiền não nên gọi là tỳ-kheo. Phạm phu xuất gia, [bất luận] trì giới hay phá giới, đều gọi là tỳ-kheo. Lại như quán đảnh vương tử, lúc mới sanh ra đã có đủ ba mươi hai tướng, lập tức sở hữu bảy món báu, tuy chưa thể làm chuyện của Chuyển Luân Vương, vẫn gọi là Chuyển Luân Vương, do vương tử ấy ắt sẽ làm Chuyển Luân Vương. Các hàng trời người [trong cõi Cực Lạc] ấy cũng giống như thế, đều thuộc vào Chánh Định Tự của Đại Thừa, rốt ráo sẽ đắc Pháp Thân thanh tịnh. Do sẽ đắc, nên gọi là thanh tịnh).

Nếu có kẻ hỏi: [Nói đến] chúng sanh thế gian thanh tịnh trong thế giới Cực Lạc thì chính là tám thứ công đức thanh tịnh của Phật và bốn thứ công đức của hàng Bồ Tát. Nhưng kinh Vô Lượng Thọ chỗ nào cũng đều nhắc đến đại chúng trời người trong cõi ấy, chẳng biết những trời người ấy có được tính gộp vào chúng sanh thanh tịnh hay không? Ngài Đàm Loan giải đáp, đã nêu ra thí dụ về phạm phu xuất gia và con trai của Chuyển Luân Vương, tức là nói họ có được cái danh thanh tịnh, chẳng phải là thật sự thanh tịnh! Xét theo đó để nói, vậy thì trong Tịnh Độ có chúng sanh chẳng phải là thật sự thanh tịnh. Thí dụ này chẳng phù hợp với lời dạy trong kinh luận và cũng trái nghịch ý Phật, vì sao vậy? Mười phương chúng sanh thành tựu tam nghiệp thanh tịnh làm nhân, vãng sanh An Lạc Tịnh Độ là quả. Tuy nói “có thể đới nghiệp vãng sanh”, nhưng chỉ là mang theo nghiệp chướng, chẳng phải là đem theo nghiệp quả bất tịnh đang hiện hành mà được vãng sanh! Như tỳ-kheo Hùng Tuấn đời Đường và đồ tử Trương Thiện Hòa đời Đường v.v... đã được vãng sanh An Lạc thuộc loại này. Quán Kinh nói: Chí tâm niệm A Di Đà Phật một tiếng, có thể diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Đó là sự thật chân thật như thế đó: Tội nghiệp tiêu diệt, khôi phục tịnh tâm vốn có mà sanh Tịnh Độ. Chẳng phải là cái tâm hữu danh vô thực chẳng thanh tịnh mà được vãng sanh.

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “*Kỳ hữu chúng sanh, sanh bị quốc giả, giai tất trụ ở Chánh Định chi tự*” (Có những chúng sanh sanh về cõi ấy thấy đều trụ trong Chánh Định Tự), tức họ đều là Đại Thừa Bất Thoái Chuyển Bồ Tát. Phần Kệ tụng trong luận này cũng nói: “*Đại Thừa thiện căn giới, đẳng vô cơ hiềm danh*” (Thiện căn giới Đại Thừa, bình đẳng, không có danh xưng gây chèn gièm). Giả sử có phạm phu nhân thiên chẳng phải là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát, tâm chẳng thanh tịnh thì

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

sẽ có danh xưng đáng bị chê gièm mất rồi! Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ còn nói: “*A Nan! Bỉ Phật quốc độ, chư vãng sanh giả, cụ túc như thị thanh tịnh sắc thân, chư diệu âm thanh, thần thông công đức (thử tức tam nghiệp thanh tịnh). Kỳ chư Thanh Văn, Bồ Tát, thiên, nhân, trí huệ cao minh, thần thông đồng đạt, hàm đồng nhất loại, hình vô dị trạng, đản nhân thuận dư phương, cố hữu thiên nhân chi danh. Nhan mạo đoan chánh, siêu thế hy hữu, dung sắc vi diệu, phi thiên, phi nhân, giai thọ tự nhiên hư vô chi thân, vô cực chi thể*” (Này A Nan! Những người sanh về cõi Phật ấy trọn đủ sắc thân thanh tịnh, các âm thanh màu nhiệm, thần thông, công đức (tức là ba nghiệp thanh tịnh) như thế. Các vị Thanh Văn, Bồ Tát, trời, người ấy trí huệ cao minh, thần thông thông đạt thấu suốt, đều cùng một loại, hình tướng chẳng khác nhau, chỉ vì thuận theo các phương khác mà có danh xưng trời hay người. Dung mạo của họ đoan chánh, hiếm có, vượt xa cõi đời, dung sắc vi diệu, chẳng phải trời, chẳng phải người, đều bẩm thọ cái thân hư vô tự nhiên, bản thể vô cực). Đại chúng nhân thiên như thế làm sao có thể là “mang cái danh là thanh tịnh, chứ không phải là thật sự thanh tịnh” cho được? Há có thể nào sánh ví như phàm phu tỳ-kheo trì giới hay phá giới ư?

Chính ngài Đàm Loan trong phần sau, nơi khoa mục Nguyên Sự Thành Tựu cũng nói: “*Vị ưng tri thử tứ chủng (trí huệ, phương tiện, vô chướng, thắng chân tâm) thanh tịnh công đức, năng đắc sanh bỉ Tịnh Độ, phi thị tha duyên nhi sanh dã*” (Tức là hãy nên biết: Do bốn thứ công đức thanh tịnh này (trí huệ, phương tiện, vô chướng, thắng chân tâm) mà có thể sanh vào cõi Tịnh Độ ấy, chẳng phải do duyên khác mà sanh). Trong trang năm mươi bảy thuộc phần trước cũng có nói: “*An Lạc Tịnh Độ chư vãng sanh giả, vô bất tịnh sắc, vô bất tịnh tâm, dĩ An Lạc quốc thanh tịnh tánh thành tựu cố*” (Những người vãng sanh An Lạc Tịnh Độ, không ai chẳng là tịnh sắc, không ai chẳng là tịnh tâm, do An Lạc quốc được thành tựu bởi tánh thanh tịnh). Do vậy, đều là liên hoa hóa sanh. Đây chính là dùng hoa sen để sánh ví pháp tánh thanh tịnh, tất cả trời người đều là thân được sanh bởi pháp tánh thanh tịnh, làm sao có thể nói “chỉ có danh xưng thanh tịnh, chẳng phải là thật sự thanh tịnh” cho được? Bởi vậy, trong phần Kệ Tụng của Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm có ghi: “*Bỉ Phật chúng hội hàm thanh tịnh, ngã thời ư thắng liên hoa sanh*” (Đại chúng trong pháp hội của đức Phật ấy đều thanh tịnh, lúc ấy tôi bèn sanh trong hoa sen thù thắng). Trời người trong cõi ấy chắc chắn thuộc loại thanh tịnh.

Lời luận còn nói: Quán tám thứ công đức của A Di Đà Phật, và

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

bốn thứ công đức của Bồ Tát, đều thuộc vào Chánh Giác thế gian thanh tịnh, còn gọi là chúng sanh thế gian thanh tịnh. Đây là gom hết đại chúng trời người trong cõi ấy vào hàng Bồ Tát, chỉ có như vậy thì mới có thể phù hợp điều kinh Vô Lượng Thọ đã dạy: “*Bi quốc nhân thiên, nhân thuận dư phương (thế giới), có hữu nhân thiên chi danh, kỳ thật, phi thiên, phi nhân*” (Trời người trong cõi ấy do thuận theo phương khác (thế giới khác) cho nên có danh xưng trời người; thật ra, chẳng phải trời, chẳng phải người). Do vậy, chẳng còn ở ngoài Bồ Tát mà nói đến Sự và Lý đại chúng trời người thanh tịnh!

Chúng sanh thuộc ba bậc chín phẩm chỉ cần dấy lên nguyện tâm Vô Thượng Bồ Đề, trọn đủ nguyện tâm ưa thích [Cực Lạc] và chán nhàm [Sa Bà], thành tựu tịnh nghiệp ngũ niệm môn, vãng sanh An Lạc Tịnh Độ, sẽ nhất loạt bình đẳng, đều là A Bệ Bạt Trí, cùng đều là một loại giống như các vị Bồ Tát, liền dự vào loại Chánh Giác chúng sanh thế gian thanh tịnh. Do vậy, kinh Vô Lượng Thọ còn có tên là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, chắc chắn chẳng có chuyện “mang tiếng thanh tịnh, chứ thật sự chẳng thanh tịnh” mà có thể sanh vào Tịnh Độ đâu nhé! Vì thế, phần Kệ Tụng trong bộ luận này có đoạn: “*Thiên nhân bất động chúng, thanh tịnh trí hải sanh*” (Chúng trời người bất động, biển trí thanh tịnh sanh). Ý kinh và ý Phật như thế đó.

Như hoàng đế Thuận Trị đã soạn bài tán thán kinh Vô Lượng Thọ có đoạn: “*Xung danh nhất thanh khởi nhất niệm, bát thập ức kiếp tội giai trừ... Như thị công đức bất khả thuyết. Bất khả thuyết giả, diệu quang minh. Vô lượng thanh tịnh bình đẳng thí, ngũ trước chúng sanh hàm tác Phật*” (Xung danh một tiếng, khởi một niệm, tám mươi ức kiếp tội đều trừ... công đức như thế chẳng thể nói. Quang minh màu nhiệm chẳng thể nói. Vô lượng thanh tịnh bình đẳng thí, chúng sanh ngũ trước đều thành Phật). Chúng sanh tội cấu chỉ cần chí tâm tin ưa, tu ngũ niệm môn, lâm chung mười niệm, niệm A Di Đà Phật, đều được vãng sanh thành Phật, đều cùng là người thanh tịnh giải thoát thuộc vào Chánh Giác chúng sanh thế gian.

Thật ra, thế gian chính là phi thế gian, giả danh là “*thế gian*”. “*Thế gian thanh tịnh*” cũng là danh từ lập bày giả huyền, như tổ sư Thiên Tông đã nói: “*Tu chứng thì chẳng không, nhiễm ô thì chẳng được*”, [các độc giả] chẳng ngại tham khảo. Tô Đông Pha cũng nói: “*Khê thanh tận thị quảng trường thiệt, sơn sắc vô phi thanh tịnh thân*” (Tiếng suối đều là tướng lưỡi rộng dài, sắc núi không gì chẳng phải là thân thanh tịnh).

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Hiểu ý này, thanh tịnh hay chẳng thanh tịnh, hoàn toàn chỉ là do thức biến, cũng như kinh Pháp Hoa đã dạy: “*Thanh tịnh diệu Pháp Thân, cụ tướng tam thập nhị*” (Pháp Thân diệu thanh tịnh, đầy đủ bả hai tướng). Trời người trong cõi ấy đều có ba mươi hai tướng, nên đều thuộc về thanh tịnh.

2.2.2.2.5. Thiện xảo nhiếp hóa

(Chú) Thiện xảo nhiếp hóa giả.

(註)善巧攝化者。

(Chú: Nhiếp thọ, giáo hóa khéo léo...)

2.2.2.2.5.1. Thành tựu nhu nhuyễn tâm

(Luận) Như thị Bồ Tát Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na quảng lược tu hành, thành tựu nhu nhuyễn tâm.

(Chú) Nhu nhuyễn tâm giả, vị quảng lược Chỉ Quán, tương thuận tu hành, thành bất nhị tâm dã. Thí như dĩ thủy thủ ảnh, thanh tĩnh tương tư nhi thành tựu dã.

(論)如是菩薩奢摩他，毘婆舍那廣略修行，成就柔軟心。

(註)柔軟心者，謂廣略止觀，相順修行，成不二心也。譬如以水取影，清靜相資而成就也。

(Luận: Bồ Tát tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na rộng hay lược như thế, thành tựu tâm nhu nhuyễn.

Chú: “Nhu nhuyễn tâm” nghĩa là tu hành Chỉ Quán thuận theo rộng hay lược mà thành tựu cái tâm bất nhị. Ví như dùng nước để lấy hình bóng, do thanh và tĩnh giúp đỡ lẫn nhau mà thành tựu vậy).

Khoa mục này được gọi là Thiện Xảo Nhiếp Hóa, cũng chính là môn thứ năm, tức Hồi Hướng Môn. Trong ngũ niệm môn, Tác Nguyên Môn là chánh tu Chỉ, Quán Sát Môn là chánh tu Quán, hai môn Lễ Bái và Tán Thán là thật sự nương vào “*Chỉ cảnh*” (cảnh giới đề tu tập Chỉ) chẳng thể nghĩ bàn. Hồi Hướng Môn là nói tới hồi hướng Bồ Đề chúng sanh, mong xa lìa ba loại pháp trái nghịch Bồ Đề môn, tùy thuận ba loại pháp tương ứng Bồ Đề môn thì mới có thể thành tựu thiện xảo hồi

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

hướng. Trong pháp môn ngũ niệm này, phát nguyện là khẩn yếu nhất, chẳng giống như pháp Chỉ trong các cách tu hành Chỉ Quán thông thường. Vì thế, Luận Chủ chẳng lập [ra môn] tu Chỉ, mà gọi là Tác Nguyện. Vì Lễ Bái, Tán Thán, và Quán Sát trong năm niệm môn đều thuộc về hạnh môn, Tác Nguyện và Hồi Hướng thuộc về nguyện môn; hạnh và nguyện giúp đỡ lẫn nhau như thế để công có chỗ quy kết, tâm có chỗ để chuyên chú, cho nên cần phải phát nguyện: “*Nguyện sanh An Lạc quốc, thượng cầu hạ hóa*”. Trong ấy đã bao hàm hai thứ ý nghĩa trọng yếu “*phát Bồ Đề tâm*” và “*hồi hướng Bồ Đề chúng sanh*”. Nếu có thể nhất tâm “*chuyên chú nơi vãng sanh Tây Phương An Lạc quốc*” thì sẽ như người có mắt, từng bước hướng đến chỗ ắt phải đến. Như người bắn tên, bắn vào mục tiêu trăm phát trăm trúng. Do phát nguyện, công có chỗ quy kết, nên công chẳng mất mát. Do phát nguyện, tâm có chỗ chuyên chú, nên thâm nhiếp cái tâm tán loạn vào định tĩnh. Đó gọi là tu Chỉ.

Do Chỉ mà khởi Quán, nương vào phát nguyện để quan sát. Chỉ và Quán cùng vận dụng, ắt đạt được vô thượng Bồ Đề Định Huệ viên minh. Cuối cùng là thiện xảo hồi hướng chúng sanh cùng thành Phật đạo. Do điều này có thể biết: Luận này nêu ra ngũ niệm môn, lấy phát nguyện môn làm cốt lõi, có nguyện thì mới có thể chí tâm tinh tấn, giúi mài chẳng bỏ, như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Nhân hữu chí tâm tinh tấn, cầu đạo bất chỉ, hội đương khắc quả, hà nguyện bất đắc*” (Nếu là người chí tâm tinh tấn cầu đạo chẳng ngừng, ắt sẽ đắc quả, có nguyện nào mà chẳng đạt được). Tục ngữ có câu: “*Hữu chí cánh thành*” (Có chí thì nên). Do đó, tu học Đại Thừa, tu hành pháp môn Tịnh Độ, đều phải lấy phát nguyện làm đầu, lấy phát nguyện làm căn bản. Như Ngẫu Ích đại sư nói: “*Đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô. Phẩm vị cao hạ, toàn do trì danh chi thâm thiển*” (Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh cạn hay sâu). Như trong bài Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn của Tịnh Am đại sư có đoạn viết: “*Nguyện cùng sanh Tịnh Độ, cùng thấy Phật Di Đà, cùng hóa độ chúng sanh, cùng thành Chánh Giác. Kính mong đại chúng thương xót tấm lòng ngu thành của tôi mà cùng lập nguyện này. Người chưa phát thì nay hãy phát, người đã phát hãy tăng trưởng, người đã tăng trưởng hãy khiến cho liên tục. Đừng nói một niệm là nhỏ nhặt, đừng bảo nguyện suông là vô ích. Tâm thật thì sự thật, nguyện rộng ắt hạnh sâu. Hư không chẳng lớn, tâm vương là lớn. Kim cương chẳng cứng, nguyện lực cứng nhất. Nếu đại chúng*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

thật sự chẳng vứt bỏ lời tôi thì Bồ Đề quyền thuộc từ đây kết nối, bạn hữu liên xã từ nay kết chặt". Hy vọng Tịnh Tông liên hữu hãy suy đi nghĩ lại lời này!

Lời luận nói: Bồ Tát tu ngũ niệm môn có thể theo như luận này đã nói, *"tâm thường tác nguyện, nhất tâm chuyên niệm, tất cánh vãng sanh An Lạc quốc độ, dục như thật tu hành Xa-ma-tha (Chỉ) cố"* (tâm thường phát nguyện, một lòng chuyên niệm, rốt ráo vãng sanh cõi nước An Lạc vì muốn như thật tu hành Xa-ma-tha, tức Chỉ). Đây là tu theo kiểu đại lược. Lại nói: *"Trí huệ quán sát, chánh niệm quán bỉ, dục như thật tu hành Tỳ-bà-xá-na (Quán) cố"* (Trí huệ quan sát, chánh niệm quán cõi kia, vì muốn như thật tu hành Tỳ-bà-xá-na, tức Quán). Đây là tu rộng. Tu hành Chỉ Quán rộng, lược như thế, được thành tựu cái tâm nhu nhuyễn. Vì thế, ngài Đàm Loan chú giải rằng: *"Nhu nhuyễn tâm giả, vị quảng lược Chỉ Quán, tương thuận tu hành, thành bất nhị tâm dã"* (Nhu nhuyễn tâm là thuận theo Chỉ Quán mà rộng hay lược tu hành, thành tựu cái tâm bất nhị). *"Quảng lược Chỉ Quán, tương thuận tu hành"* được nói ở đây chính là thuận theo thứ tự của pháp môn ngũ niệm mà tu, sẽ thành tựu cái tâm nhu nhuyễn. Vì sao vậy? Nương theo hai môn Tác Nguyện và Quán Sát để tu, tức là thuận theo phía Quảng để tu Quán. Quán sát ba thứ trang nghiêm, tức là quốc độ, Phật, và Bồ Tát. Ba thứ thành tựu nguyện tâm (bổn nguyện tâm) trang nghiêm ấy, nói đại lược, sẽ gom thành một câu pháp. Một câu pháp chính là câu thanh tịnh. Câu thanh tịnh chính là *"trí huệ chân thật (Quán), vô vi Pháp Thân (Chỉ)"*. Đây chính là nhập vào lẫn nhau để tu Chỉ Quán đại lược. Lại nữa, nương theo năm môn quán Phật do Thanh Lương quốc sư đã nói hay ngũ phương tiện niệm Phật môn do Trí Giả đại sư đề ra (như trong biểu đồ dưới đây sẽ thuyết minh) [để tu tập], thì cũng là tu hành Chỉ Quán lược hay rộng theo chiều thuận, không chỉ là có thể đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc, mà còn có thể phá vô minh, chứng Pháp Thân, đắc Nhu Thuận Nhẫn và Vô Sanh Nhẫn.

Năm môn quán Phật của Thanh Lương quốc sư	Năm môn phương tiện niệm Phật của Trí Giả đại sư
Hữu tâm hữu cảnh quán Phật môn (有心有境觀佛門)	Xung danh vãng sanh niệm Phật môn (稱名往生念佛門)
	Quán tướng diệt tội niệm Phật môn

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

	(觀相滅罪念佛門)
Duy tâm vô cảnh quán Phật môn (唯心無境觀佛門)	
Tâm cảnh câu mãn quán Phật môn (心境俱泯觀佛門)	Chư cảnh duy tâm niệm Phật môn (諸境唯心念佛門)
	Tâm cảnh câu ly niệm Phật môn (心境俱離念佛門)
Sự sự vô ngại quán Phật môn (事事無礙觀佛門)	Tánh khởi viên thông niệm Phật môn (性起圓通念佛門)
Trùng trùng vô ngại quán Phật môn (重重無礙觀佛門)	

Tâm nhu nhuyễn là gì? Nương theo sự tu hành Chỉ Quán rộng hay lược được nói trong luận này, ba nghiệp thân, khẩu, ý đều được thanh tịnh, tương ứng với Chỉ Quán thì gọi là “*trương thuận tu hành*” (tu hành thuận theo). Do ba nghiệp thanh tịnh thuận theo Chỉ Quán rộng hay lược, nên có thể thành tựu cái tâm thanh tịnh bất nhị. Đó gọi là “*nhu nhuyễn tâm*”.

Như “*dĩ thủy thủ ảnh*” (dùng nước để lấy hình bóng), tức là dùng nước thanh tịnh để soi mặt; khi ấy, nước và khuôn mặt thanh tịnh hiển lộ lẫn nhau. Ba nghiệp thanh tịnh như vẻ mặt, Chỉ Quán rộng hay lược như nước sạch. Dùng ba nghiệp thanh tịnh tu ngũ niệm môn thì là “vẻ mặt thanh tịnh”. Pháp ngũ niệm Chỉ Quán rộng hay lược chính là “nước thanh tịnh”. Ba nghiệp và ngũ niệm môn giúp lẫn nhau thành thanh tịnh, có thể đạt được “chẳng có hết thấy phiền não, vọng tưởng, chấp trước” tức là lia hai tướng “lấy, bỏ”, chúng Duy Thức Tánh. Tâm sanh tử và tâm Niết Bàn đều chẳng hiện tiền, nên gọi là “*tâm bất nhị*” hoặc “*nhu nhuyễn tâm*”. Đây là do so sánh với hàng Nhị Thừa đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc, ra khỏi tam giới, chúng Thiên Chân Niết Bàn mà nói là “*đắc nhu nhuyễn tâm*” thì càng thù thắng, nhiệm màu hơn!

2.2.2.2.5.2. Như thật biết các pháp

(Luận) Như thật tri quảng lược chư pháp.

(Chú) Như thật tri giả, như Thật Tướng nhi tri dã. Quảng trung nhị thập cửu cú, lược trung nhất cú, mạc phi Thật Tướng dã.

(論)如實知廣略諸法。

(註)如實知者，如實相而知也。廣中二十九句，略中一句，莫非實相也。

(Luận: Biết như thật các pháp rộng hay lược.

Chú: “Biết như thật” là đúng như Thật Tướng mà biết. Rộng là hai mươi chín câu, lược là một câu, không gì chẳng phải là Thật Tướng).

Có thể đúng như Thật Tướng của các pháp mà biết thì gọi là “*như thật tri chư pháp*”. Thật Tướng của các pháp là gì? Chính là Như Thật Không, Như Thật Bất Không. Vì thế, trong bộ Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa, ngài Thiên Thai đã nói: “*Vô tướng (Không) bất tướng (bất Không), cố danh Thật Tướng*” (Do “không có tướng” (Không) mà cũng “chẳng phải là không có tướng” (Bất Không), nên gọi là Thật Tướng). Liễu tri hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, không gì chẳng phải là “*duyên khởi mà tánh Không*”, duyên khởi là Quảng, tánh Không là lược. Đây là biết đúng như thật các pháp quảng và lược.

Nói theo sự tu tập ngũ niệm môn, quan sát quốc độ An Lạc, Phật, và Bồ Tát trong phần trước tổng cộng có hai mươi chín thứ (Vãng Sanh Luận gọi mỗi thứ là “một câu”) trang nghiêm công đức thì là biết như thật về Quảng. Nói đại lược thì gom vào một câu pháp. Một câu pháp là câu thanh tịnh, đó là “*biết như thật về Lược*”. Quảng thì Thật Tướng là Hữu chẳng phải là không có tướng. Lược thì Thật Tướng là Không, chẳng có tướng. Nếu là Hữu thì biết là Hữu; nếu là Không thì biết là Không. Hữu là Sanh Diệt Môn, Không là Chân Như Môn. Các pháp chẳng ra ngoài nhất tâm nhị môn. Đây là tướng chân thật của các pháp quảng và lược. Nếu có thể đích thân biết, đích thân thấy như thế, thì gọi là “*biết như thật các pháp rộng hay lược*”.

2.2.2.2.5.3. Xảo phương tiện hồi hướng

(Luận) Như thị thành tựu xảo phương tiện hồi hướng.

(Chú) Như thị giả, như tiền hậu quảng lược, giai Thật Tướng dã. Dĩ tri Thật Tướng cố, tắc tri tam giới chúng sanh hư vọng tướng dã. Tri chúng sanh hư vọng, tắc sanh chân thật từ bi dã. Tri chân

thật Pháp Thân, tức khởi chân thật quy y đã. Từ bi chi dữ quy y, xảo phương tiện tại hạ.

(論)如是成就巧方便迴向。

(註)如是者，如前後廣略，皆實相也。以知實相故，則知三界眾生虛妄相也。知眾生虛妄，則生真實慈悲也。知真實法身，則起真實歸依也。慈悲之與歸依，巧方便在下。

(Luận: Thành tựu phương tiện hồi hướng hay khéo như thế.

Chú: “Như thế” là như rộng trong phần trước (hai mươi chín câu trang nghiêm công đức) và lược trong phần sau (một câu thanh tịnh) đều là Thật Tướng. Do biết Thật Tướng, cho nên biết chúng sanh trong tam giới là tướng hư vọng. Biết chúng sanh là hư vọng, sẽ sanh lòng từ bi chân thật. Biết Pháp Thân chân thật, sẽ dậy lên sự quy y chân thật. Từ bi và quy y, phương tiện hay khéo sẽ [được trình bày] dưới đây).

Phần luận thuộc ba tiểu đoạn từ “thành tựu cái tâm nhu nhuyễn” cho đến “xảo phương tiện hồi hướng” trước sau liên quan, chẳng thể tách rời. Bồ Tát nương theo luận này để tu Chỉ Quán rộng lược trong ngũ niệm môn, sẽ có thể thành tựu cái tâm nhu nhuyễn. Đây là do phục tâm Bồ Đề⁶⁶ mà thành tựu minh tâm Bồ Đề, đặc Vô Phân Biệt Trí, phá vô minh, chứng Pháp Thân (nhất tâm nhị môn). Đã được minh tâm, tất nhiên là biết như thật các pháp rộng hay lược, cũng là khôi phục cái tâm thanh tịnh “nhất tâm nhị môn, Không Hữu vô ngại”. Nương theo Chân Như Môn, biết Pháp Thân chân thật, có thể tùy duyên bất biến. Nương theo Sanh Diệt Môn, biết chúng sanh hư vọng, có thể bất biến

⁶⁶ Phục tâm Bồ Đề và minh tâm Bồ Đề là hai loại Bồ Đề trong năm loại Bồ Đề:

1. Phát tâm Bồ Đề: Thập Tín Bồ Tát trong vô lượng kiếp sanh tử vì Vô Thượng Bồ Đề mà phát Bồ Đề tâm.
2. Phục tâm Bồ Đề: Các vị Bồ Tát thuộc Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng điều phục cái tâm phiền não, hành các Ba La Mật.
3. Minh tâm Bồ Đề: Hàng Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên quán Thật Tướng của các pháp, đã minh tâm kiến tánh.
4. Xuất đạo Bồ Đề: Hàng Bồ Tát từ Bát Địa trở lên, chẳng chấp trước Bát Nhã mà có thể diệt các Hoặc, vượt thoát tam giới, hướng đến Phật quả.
5. Vô thượng Bồ Đề: Hàng Đẳng Giác Bồ Tát ngồi đạo tràng, đoạn sạch các phiền não, đặc Vô Thượng Chánh Giác.

tùy duyên. Tùy duyên bất biến chính là Vô Vi Pháp Thân của Bồ Tát, chính là chỗ quy y chân thật. Bất biến tùy duyên chính là trí huệ chân thật của Bồ Tát, chính là chỗ từ bi diệu dụng. Như thế thì có thể “*tam luân thế không*”, Ngã lần Pháp hai đẳng đều mất, do minh tâm Bồ Đề mà tu xuất đạo Bồ Đề, thành tựu xảo phương tiện hồi hướng, vượt thoát tam giới, đạt đến Nhất Thiết Chúng Trí, viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ “*không có gì để đạt được*”.

Nói theo kinh Đại Bát Nhã thì Bồ Tát tu hết thủy công đức tự lợi, lợi tha, nếu chẳng thể tương ứng với cái Không “*vô sở đắc*” thì chẳng thể đạt được biên công đức của Phật quả rốt ráo, chẳng thể tạo thành tư lương để thành Phật. Do vậy, xảo phương tiện hồi hướng chính là vô trí mà cũng là vô đắc, như Tâm Kinh đã nói: “*Do chẳng có gì để đạt được... rốt ráo Niết Bàn, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”. Xảo phương tiện hồi hướng được nói trong luận này chính là dựa theo điều này để nói. Như thế thì mới có thể do xuất đạo Bồ Đề mà thành tựu viên mãn cứu cánh Bồ Đề.

(Luận) Hà giả Bồ Tát xảo phương tiện hồi hướng? Bồ Tát xảo phương tiện hồi hướng giả, vị thuyết lễ bái đẳng ngũ chủng tu hành, sở tập nhất thiết công đức thiện căn, bất cầu tự thân trụ trì chi lạc, dục bạt nhất thiết chúng sanh khổ. Cố tác nguyện nhiếp thủ nhất thiết chúng sanh, cộng đồng sanh tử An Lạc Phật quốc. Thị danh Bồ Tát xảo phương tiện hồi hướng thành tựu.

(Chú) Án Vương Xá thành sở thuyết Vô Lượng Thọ kinh, tam bồi sanh trung, tuy hạnh hữu ưu liệt, mặc bất giai phát Vô Thượng Bồ Đề chi tâm. Thủ Vô Thượng Bồ Đề tâm, tức thị nguyện tác Phật tâm. Nguyện tác Phật tâm, tức thị độ chúng sanh tâm. Độ chúng sanh tâm, tức nhiếp thủ chúng sanh, sanh tịnh Phật quốc độ tâm. Thị cố, nguyện sanh tử An Lạc Tịnh Độ giả, yếu phát Vô Thượng Bồ Đề tâm dã. Nhược nhân bất phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, dẫn văn bỉ quốc độ, thọ lạc vô gián, vị lạc cố nguyện sanh, diệt đương bất đắc vãng sanh dã. Thị cố, ngôn bất cầu tự thân trụ trì chi lạc, dục bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố. Trụ trì lạc giả, vị bỉ An Lạc Tịnh Độ, vị A Di Đà Như Lai bốn nguyện lực chi sở trụ trì, thọ lạc vô gián dã.

(論)何者菩薩巧方便迴向？菩薩巧方便迴向者，謂說禮拜等五種修行，所集一切功德善根，不求自身住持之樂，欲拔一切眾生苦。故作願攝取一切眾生，共同生彼安

樂佛國。是名菩薩巧方便迴向成就。

(註)案王舍城所說無量壽經，三輩生中，雖行有優劣，莫不皆發無上菩提之心。此無上菩提心，即是願作佛心。願作佛心，即是度眾生心。度眾生心，即攝取眾生，生淨佛國土心。是故，願生彼安樂淨土者，要發無上菩提心也。若人不發無上菩提心，但聞彼國土，受樂無間，為樂故願生，亦當不得往生也。是故，言不求自身住持之樂，欲拔一切眾生苦故。住持樂者，謂彼安樂淨土，為阿彌陀如來本願力之所住持，受樂無間也。

(Luận: Xảo phương tiện hồi hướng của Bồ Tát là gì? Xảo phương tiện hồi hướng của Bồ Tát là nói dối với công đức thiện căn do tu tập năm thứ tu hành tức lễ bái v.v... bèn chẳng cầu nhằm duy trì sự vui sướng cho bản thân, mà là muốn dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh, cho nên phát nguyện nhiếp thủ hết thấy chúng sanh cùng nhau sanh về cõi Phật An Lạc kia. Đó gọi là xảo phương tiện hồi hướng thành tựu của Bồ Tát.

Chú: Theo kinh Vô Lượng Thọ được nói tại thành Vương Xá, trong số những người vãng sanh thuộc ba bậc, tuy hạnh có hơn kém, nhưng không ai chẳng đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Cái tâm Vô Thượng Bồ Đề ấy chính là tâm phát nguyện làm Phật. Tâm phát nguyện làm Phật chính là tâm độ chúng sanh. Tâm độ chúng sanh chính là tâm nhiếp thủ chúng sanh sanh về quốc độ thanh tịnh của Phật. Vì thế, nguyện sanh về cõi An Lạc Tịnh Độ kia, phải phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Nếu kẻ nào chẳng phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, chỉ nghe nói trong quốc độ ấy sẽ hưởng vui chẳng gián đoạn, vì sự vui sướng mà nguyện sanh [về đó], cũng sẽ chẳng được vãng sanh. Vì thế nói chẳng cầu duy trì sự vui sướng cho bản thân, mà là muốn dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh. “Duy trì sự vui sướng” là nói: Ở trong An Lạc Tịnh Độ, do được sức bốn nguyện của A Di Đà Như Lai trụ trì, bèn hưởng vui sướng chẳng gián đoạn vậy).

Ngài Đàm Loan chú giải đoạn này hết sức hay. Một mặt là chỉ ra tánh chất trọng yếu của việc “muốn sanh về Tịnh Độ, ắt trước hết phải phát tâm Vô Thượng Bồ Đề”. Mặt khác là chỉ ra chỗ khác biệt giữa phát Bồ Đề tâm trong Tịnh Độ Tông và những cách nói thông thường

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

khác. [Lập luận của Ngài] hoàn toàn căn cứ trên kinh giáo, chẳng phải là tự suy diễn nói bừa!

Như nói “*độ sanh thành Phật, thành Phật độ sanh*”, đây là nội hàm chung của Vô Thượng Bồ Đề tâm. Nhưng phát Bồ Đề tâm trong pháp môn Tịnh Độ thì là trong vô lượng phương tiện độ sanh của chư Phật, Bồ Tát, đặc biệt chú trọng “*niếp thủ chúng sanh đều sanh về cõi Phật thanh tịnh, cùng được thành Phật*”. Đức Bổn Sư lập giáo, Phật Di Đà nhiếp thủ, giáo hóa, chư Phật cùng tán thán, tổ sư phán giáo, bảo [pháp môn Tịnh Độ] là “*đạo dễ hành*”, đều là do điều này! Điều này so với cách nói thông thường “*phát Tứ Hoàng Thệ Nguyên, thượng cầu, hạ hóa bèn gọi là phát Vô Thượng Bồ Đề tâm*”; đây là “*đạo khó hành*”. Sự sai khác chẳng cần phải nói cũng biết! Phát Bồ Đề tâm là như thế, xảo phương tiện hồi hướng cũng là như thế. Nếu chẳng hồi hướng nhiếp thủ chúng sanh cùng sanh An Lạc quốc, sẽ chẳng phải là “*xảo phương tiện hồi hướng*” được nói trong luận này. Do vậy, bộ luận này đã viết: “*Hướng thuyết lễ bái đẳng ngũ chủng tu hành, sở tập nhất thiết công đức thiện căn, bất cầu tự thân trụ trì chi lạc, tác nguyện nhiếp thủ chúng sanh, đồng sanh An Lạc quốc. Thị danh xảo phương tiện hồi hướng*” (Xảo phương tiện hồi hướng của Bồ Tát là đối với hết thảy công đức thiện căn do tu tập năm thứ tu hành, tức lễ bái v.v... như đã nói trong phần trước, bèn chẳng cầu nhằm duy trì sự vui sướng cho bản thân, mà là phát nguyện nhiếp thủ hết thảy chúng sanh cùng sanh An Lạc quốc. Đó gọi là xảo phương tiện hồi hướng).

Do vậy, ngài Đàm Loan nói: Nếu kẻ nào chẳng phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, chẳng hồi hướng nhiếp thủ chúng sanh về An Lạc quốc, chỉ cầu an lạc cho bản thân mà tu pháp môn Tịnh Độ, cầu vãng sanh Tịnh Độ thì cũng đương nhiên là chẳng được vãng sanh An Lạc quốc.

“*Trụ trì lạc*” tức là cõi An Lạc có Phật lực trụ trì, chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui, chẳng thay đổi, chẳng mất đi, hưởng vui sướng chẳng gián đoạn. Hãy nên biết: Pháp môn Tịnh Độ là pháp Đại Thừa, là đạo dễ hành trong các phương tiện để thành Phật. Nếu chẳng phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, sẽ chẳng có chủng tử thành Phật, chẳng được thành Phật. Đây chẳng phải là bản ý của đức Thích Tôn, chẳng phải là phương tiện thành Phật nơi bốn nguyện của Phật Di Đà. Vì thế, cần phải là hoặc đã phát, hoặc nay phát, hoặc sẽ phát, đều được trụ trì Bất Thoái Bồ Đề, cùng thành Phật đạo. Hy vọng các Tịnh Tông liên hữu đặc biệt lưu ý.

(Chú) Phàm thích hồi hướng danh nghĩa, vị dĩ kỹ sở tập nhất thiết công đức, thí dữ nhất thiết chúng sanh cộng hướng Phật đạo. Xảo phương tiện giả, vị Bồ Tát nguyện dĩ kỹ trí huệ hỏa, thiêu nhất thiết chúng sanh phiền não thảo mộc. Nhược hữu nhất chúng sanh bất thành Phật, ngã bất tác Phật. Nhi chúng sanh vị tận thành Phật, Bồ Tát dĩ tự thành Phật. Thí như hỏa thiêu, dục trích nhất thiết thảo mộc, thiêu linh sử tận. Thảo mộc vị tận, hỏa thêm dĩ tận. Dĩ hậu kỳ thân, nhi thân tiên, cố danh: “Xảo phương tiện”.

(註)凡釋迴向名義，謂以己所集一切功德，施與一切眾生共向佛道。巧方便者，謂菩薩願以己智慧火，燒一切眾生煩惱草木。若有一眾生不成佛，我不作佛。而眾生未盡成佛，菩薩已自成佛。譬如火燄，欲摘一切草木，燒令使盡。草木未盡，火燄已盡。以後其身而身先，故名：巧方便。

(Chú: Phàm giải thích danh nghĩa của hồi hướng thì là “đem tất cả công đức do chính mình đã tu tập thí cho hết thảy chúng sanh đều cùng hướng đến Phật đạo”. “Phương tiện khéo” là Bồ Tát nguyện dùng lửa trí huệ của chính mình để đốt hết thảy cỏ cây phiền não của chúng sanh. Nếu có một chúng sanh chẳng thành Phật, ta chẳng làm Phật. Nhưng chúng sanh đều chưa trọn hết thành Phật, mà Bồ Tát đã tự thành Phật. Ví như que củi nhóm lửa, muốn dùng để đốt sạch hết thảy cỏ cây. Cỏ cây chưa cháy hết mà que củi nhóm lửa đã cháy sạch. Đặt mình ra sau mà chính mình lại [đạt thành tựu] trước; vì thế gọi là “phương tiện khéo”).

Trước hết, ngài Đàm Loan giải thích hàm nghĩa trong danh xưng Hồi Hướng thông thường, tức là nói: Dem công đức của hết thảy thiện pháp thế gian và xuất thế gian do chính mình đã tu tập làm cái nhân, chính mình chẳng cần tham đắm quả báo, chuyển sang bố thí hết thảy chúng sanh, [ngõ hầu họ] cùng được tiến hướng theo đạo thành Phật mà thành Phật. Điều này bao hàm “*hồi nhân hướng quả, hồi tự hướng tha, hồi Sự hướng Lý*”.

Ngài lại giải thích thế nào là xảo phương tiện? Nói đơn giản, phải có hạnh nguyện Phổ Hiền trong thời gian và không gian vô tận: Nếu một chúng sanh chẳng thành Phật, tôi chẳng làm Phật. Ngài lại nêu ra thí dụ que củi nhóm lửa để thuyết minh: Chúng sanh vô lượng vô

biên chưa thành Phật hết, Bồ Tát đã công viên quả mãn, đã tự thành Phật trước. Lý tất nhiên thì Sự là đương nhiên. Đây là phương tiện thành Phật hay khéo không chi hơn được. Chữ “榛” đọc là Thiêm (添), tức là “xuy táo mộc” (炊竈木), còn gọi là “hỏa trượng” hoặc “mộc trượng”, [đều có nghĩa là củi để nhóm lò]. Que củi nhóm lò quyết chẳng vì thiêu một ít cỏ cây mà cháy, nó muốn thiêu hết thảy cỏ cây, nhưng cỏ cây vô lượng, chắc chắn là chẳng có lúc thiêu hết được, nhưng bản thân của que củi nhóm lò vì có hạn lượng, sẽ có lúc bị thiêu sạch, đã hóa thành tro. Bồ Tát độ chúng sanh thành Phật cũng giống như thế, tuy phát nguyện độ hết chúng sanh rồi mới thành Phật, kết quả là chính mình đã thành Phật trước. Vì thế nói là “hậu kỳ thân nhi thân tiên” (đặt chính mình ra sau mà chính mình đạt được trước).

(Chú) Thử trung ngôn phương tiện giả, vị tác nguyện nhiếp thủ nhất thiết chúng sanh, cộng đồng sanh bỉ An Lạc Phật quốc. Bỉ Phật quốc tức thị tất cánh thành Phật đạo lộ vô thượng phương tiện dã.

(註)此中言方便者，謂作願攝取一切眾生，共同生彼安樂佛國。彼佛國即是畢竟成佛道路無上方便也。

(Chú: “Phương tiện” được nói ở đây là nói “nguyện nhiếp thủ hết thảy chúng sanh cùng sanh về cõi Phật An Lạc ấy”. Cõi Phật ấy chính là phương tiện vô thượng trong đường lối rốt ráo thành Phật).

“Thử trung ngôn” tức là điều được nói trong phần luận của bộ luận này. “Phương tiện” chính là phương tiện thiện xảo, cũng là phương tiện độ chúng sanh thành Phật dễ dàng nhất. Phương tiện này có gì khác với những “phương tiện” nói thông thường? Chính là do “phát nguyện nhiếp thủ hết thảy chúng sanh cùng nhau sanh về quốc độ An Lạc của A Di Đà Phật”, vì cõi Phật ấy là Tịnh Độ viên mãn nhất trong các Tịnh Độ của chư Phật. Chỉ cần chí tâm tin ưa, tâm được thanh tịnh, dẫu chỉ mười niệm, niệm A Di Đà Phật, nương theo bốn nguyện của Phật nhiếp thọ, bất cứ ai cũng đều có thể vãng sanh, dẫu mang theo nghiệp chướng vẫn được vãng sanh. Đã vãng sanh thì đều là bất thoái chuyên, vô lượng thọ, rốt ráo ắt đạt đến Nhất Sanh Bồ Xứ, tức là rốt ráo thành Phật. Đây là trên Bồ Đề đại đạo thành Phật, chẳng có pháp môn phương tiện nào tốt lành hơn được nữa! Vì chúng sanh ở trong sanh tử đã lâu, vọng tưởng chấp trước đã tập quen thành tánh. Nếu dùng “vô sở

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

đắc Không” làm phương tiện để khiến cho chúng sanh tự lực đoạn trừ phiền não mà vãng sanh Tịnh Độ thành Phật, họ sẽ khó thể làm được chuyện ấy. Phương tiện ấy chẳng thể thích hợp trọn khắp ba căn, gồm thân trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, chẳng thể gọi là thiện xảo phương tiện! Chỉ có nương theo bốn nguyện nơi nhân địa và thần lực nơi quả địa của A Di Đà Phật, thành tựu danh hiệu Phật và Tịnh Độ, khiến cho hết thảy chúng sanh tu ngũ niệm môn được sanh về cõi ấy, thì mới là phương tiện thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Bất luận ba bậc chín phẩm, đều có thể do hữu niệm mà đắc vô niệm, từ hữu sanh mà nhập vô sanh, chẳng đoạn Hoặc chủng (chủng tử phiền não) mà thoát khỏi tam giới, thành Phật ngay trong một đời, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, xác thực là một đại đạo thành Phật an toàn nhất, nhanh chóng nhất, dễ dàng nhất, phổ cập nhất, mà cũng là phương tiện thiện xảo vô thượng nhất.

2.2.2.2.6. Ly Bồ Đề chương

(Chú) Ly Bồ Đề chương giả.

(註)離菩提障者。

(Chú: Là các pháp chướng ngại Bồ Đề).

2.2.2.2.6.1. Nêu chung ba thứ chướng

(Luận) Bồ Tát như thị thiện tri hồi hướng thành tựu, tức năng viễn ly tam chủng Bồ Đề môn tương vi pháp.

(論)菩薩如是善知迴向成就，即能遠離三種菩提門相違法。

(Luận: Bồ Tát khéo biết hồi hướng thành tựu như thế, liền có thể xa lìa ba thứ pháp trái nghịch Bồ Đề môn).

Đến đây thì bộ luận này đã trần thuật viên mãn pháp môn Ngũ Niệm. Từ đây trở đi cho đến khi toàn thể bộ luận hoàn tất, Luận Chủ đã nêu ra cương yếu trong việc tu hành pháp môn Ngũ Niệm, chủ yếu là trí huệ, phương tiện, và từ bi; ba thứ ấy thiếu một thứ, sẽ chẳng thể được! Hề thiếu, sẽ chẳng thể thành tựu Ngũ Niệm Môn, mà cũng chẳng thể đạt được đại lợi ích “*vãng sanh Tịnh Độ, thành Phật*”. Thật ra, trí huệ, phương tiện, và từ bi chính là cương yếu của Vô Thượng Bồ Đề tâm và hết thảy Bồ Tát hạnh mà hết thảy Bồ Tát đều phải có. Đó chính

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

là nhân tố cơ bản và điều kiện tất yếu để thành Phật.

Vì thế, kinh Đại Bát Nhã nói: “*Bồ Tát hành Bồ Đề đạo, ưng tiên y chỉ tam chủng tâm: Nhất giả, Nhất Thiết Trí trí tương ứng tác ý. Nhị giả, vô sở đắc vi phương tiện. Tam giả, đại bi vi thượng thủ*” (Bồ Tát hành Bồ Đề đạo, trước hết, hãy nên y chỉ ba thứ tâm: Một là khởi ý tương ứng với trí Nhất Thiết Trí, hai là dùng “*chẳng có gì để đạt được*” làm phương tiện, ba là đại bi làm thượng thủ). Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói: “*Nhược hữu chúng sanh nguyện sanh bỉ quốc giả, phát tam chủng tâm, tức tiện vãng sanh. Hà đẳng vi tam? Nhất giả, chí thành tâm. Nhị giả, thâm tâm. Tam giả, hồi hướng phát nguyện tâm. Cụ tam tâm giả, tất sanh bỉ quốc*” (Nếu có chúng sanh nguyện sanh về cõi ấy, phát ba loại tâm liền được vãng sanh. Những gì là ba? Một là chí thành tâm. Hai là thâm tâm. Ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Đủ ba tâm, ắt sanh cõi ấy).

Ba loại tâm như Quán Kinh và kinh Đại Bát Nhã đã nói đều là nguyện tâm, trí tâm, và bi tâm hợp nhất thành Bồ Đề tâm, mà cũng là ba môn trí huệ, phương tiện, và từ bi nói trong luận này, có thể nói là hàm nghĩa của chúng hoàn toàn tương đồng. Tịnh Tông Bồ Tát tu tập Ngũ Niệm Môn nếu có thể như đã nói trong phần trước: Tu Chỉ Quán lược hay rộng, thành tựu Đại Thừa nhu nhuyễn tâm, bất nhị tâm, sẽ có thể đúng như Thật Tướng của các pháp, biết các pháp thế gian và xuất thế gian rộng hay lược. Đã biết Thật Tướng, sẽ có thể Không và Hữu vô ngại, Bi và Trí trọn đủ, thành tựu xảo phương tiện hồi hướng. Đã có thể thiện xảo phương tiện hồi hướng, sẽ có thể xa lìa các pháp trái nghịch ba thứ “*từ bi, trí, nguyện*” thuộc đại Bồ Đề tâm và Bồ Đề đạo, đạt được ba thứ tùy thuận Bồ Đề môn. Do cái này có mà cái kia có; do cái này không, cho nên cái kia không. Đó là nhân quả tất nhiên theo định luật duyên khởi. Do vậy, cuối bộ luận này, Luận Chủ đã đặc biệt vì Tịnh nghiệp hành nhân mà thu tóm những điều trọng yếu để chỉ bày. Phàm là Bồ Tát muốn thành tựu Ngũ Niệm Môn, nguyện cùng hết thảy chúng sanh vãng sanh An Lạc quốc, đồng thành Phật đạo, ắt cần phải biết để y giáo tu hành.

Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Phạn, dịch [sang tiếng Hán] là Giác hoặc Đạo. Có ba thứ Bồ Đề, tức là Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, và Phật Bồ Đề. Trong luận này, từ đây trở đi, hễ nói đến Bồ Đề thì đều là nói tới Phật Bồ Đề, tức A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Anuttarā Samyak-sambodhi), dịch nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhằm vạch rõ: Chẳng phải là phàm phu bất giác, ngoại đạo tà

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

giác, Nhị Thừa thiên giác (徧覺, giác ngộ lệch lạc), Bồ Tát tuy là Chánh Giác, nhưng chẳng phải là Cứu Cánh Giác (究竟覺, giác ngộ rốt ráo), chỉ có Phật mới là bậc rốt ráo đạt Chánh Đẳng Chánh Giác không gì cao hơn được! Luận nói “*xa lìa ba thứ pháp trái nghịch Bồ Đề môn*” thì cũng là nói xa lìa ba pháp trái nghịch năm niệm môn, chúng có thể chướng ngại Bồ Tát thành Phật, hãy nên xa lìa!

2.2.2.2.6.2. *Nêu riêng từng pháp trong ba loại chướng*

2.2.2.2.6.2.1. *Nương theo Trí Huệ Môn*

(Luận) Hà đẳng tam chủng? Nhất giả, y trí huệ môn, bất cầu tự lạc, viễn ly ngã tâm tham trước tự thân cố.

(Chú) Tri tân thủ thoái viết Trí, tri Không, Vô Ngã viết Huệ. Y trí cố, bất cầu tự lạc. Y huệ cố, viễn ly ngã tâm tham trước tự thân.

(論)何等三種？一者，依智慧門，不求自樂，遠離我心貪著自身故。

(註)知進守退曰智，知空無我曰慧。依智故，不求自樂。依慧故，遠離我心貪著自身。

(Luận: Những gì là ba thứ? Một là nương vào Trí Huệ Môn, chẳng cầu vui sướng cho riêng mình, vì xa lìa cái tâm chấp Ngã tham đắm tự thân.

Chú: Biết đường tiến lùi là Trí, biết Không, Vô Ngã là Huệ. Do nương vào trí, nên chẳng cầu vui sướng cho riêng mình. Do nương vào huệ nên xa lìa cái tâm chấp Ngã tham đắm tự thân.

“*Tri tân thủ thoái*” (Biết đường tiến lùi) thì gọi là Trí, chính là trí huệ bình phàm trong thế tục, tức là như nói “*cùng tắc độc thiện kỳ thân, đạt tắc kiêm lợi thiên hạ*” (cùng quần thì giữ riêng cho thân mình tốt lành, thông đạt bèn kèm thêm làm lợi cho thiên hạ). Biết hai thứ Nhân và Pháp đều là Không, chẳng có Ngã và Ngã Sở (cái của ta); đây là trí huệ Bát Nhã xuất thế gian, chính là như thường nói “*Bát Nhã sanh tắc chư pháp bất sanh thị*” (Bát Nhã sanh thì các pháp chẳng sanh). Luận này nói “*y trí huệ môn*” (nương theo môn trí huệ) tức là nói nương theo Bát Nhã. Có Bát Nhã Không trí thì mới có thể xa lìa Ngã Kiến và Ngã Chấp của chúng sanh. Đã có Ngã Kiến và Ngã Chấp, sẽ nảy sanh chướng ngại đối với Đại Thừa Bồ Đề tâm và Bồ Tát đạo; do vậy, cần phải xa lìa. Ngã Kiến là gì? Chính là như trong luận này

nói: “Ngã tâm tham trước tự thân” (Tâm ngã chấp tham đắm bản thân). Ngã Kiến còn gọi là Thân Kiến; đối với Thân Kiến bèn có Ngã Chấp, sanh khởi ngã tham (ái), ngã sân, ngã mạn! Duy Thức Luận nói Ngã Chấp có hai loại:

1) Do thức thứ bảy duyên theo Kiến Phần của thức thứ tám, chấp đó là Ngã. Đây chính là Câu Sanh Ngã Chấp (俱生我執, Ngã Chấp bẩm sinh) từ vô thị đến nay, khá vi tế.

2) Do thức thứ sáu duyên theo Tứ Đại và Ngũ Uẩn, chấp đó là Ngã. Đây chính là Ngã Chấp do phân biệt sanh ra, so ra thô hơn [Câu Sanh Ngã Chấp].

Muốn phá Ngã Chấp thì trí huệ thể tục chẳng thể làm được, chỉ cậy vào trí huệ Bát Nhã. Phá Nhân Ngã Chấp thì có thể đoạn Phiền Não Chương, chứng lý Sanh Không. Phá Pháp Ngã Chấp, sẽ có thể đoạn Sở Tri Chương, chứng lý Pháp Không. Sanh Không là liễu tri “chúng sanh chỉ là giả tướng do các duyên hòa hợp, chẳng có thật thể”. Như liễu giải một chiếc xe hơi chỉ là giả danh để gọi rất nhiều linh kiện (parts) xe hơi ghép thành, trọn chẳng có một vật gì là thật thể của xe hơi. Pháp Không là liễu tri pháp Tứ Đại và Ngũ Uẩn giả hợp thành chúng sanh, cũng là “*duyên tụ hội bèn có*”, vốn là Không. Đó gọi là Pháp Không Quán. Liễu tri Nhân lẫn Pháp đều là Không, Bát Nhã hiện tiền, sẽ thông đạt hết thấy các pháp chẳng có Ngã và Ngã Sở, tất nhiên là chẳng thể tham đắm, chẳng vì chính mình mà truy cầu bất cứ sự vui sướng nào cần thiết cho ta.

Nay tôi nêu ra một thí dụ: Tâm tánh của chúng ta giống như hư không, vốn thanh tịnh, chẳng có Ngã Kiến và Ngã Chấp, cũng chẳng có Phiền Não Chương và Sở Tri Chương, chẳng khác chư Phật, Bồ Tát. Nhưng chúng sanh từ vô thị đến nay, do có Câu Sanh Vô Minh, chẳng có trí huệ Bát Nhã, bèn có Ngã Kiến và Ngã Chấp. Như hư không chẳng có mặt trời chiếu soi, cho nên tối tăm đầy lên. Hư không chẳng thể tự mình trừ tối, phải nhờ vào ánh sáng mặt trời thì mới có thể trừ tối. Tâm tánh rỗng rang cũng giống như thế, chẳng thể tự mình trừ khử Ngã Kiến và Ngã Chấp, ắt phải cậy vào trí huệ Bát Nhã giác chiếu để đoạn chương, hiển Không. Lại như mặt trời chiếu hư không, càn khôn rỗng rang hiển lộ; Bát Nhã (trí huệ) từ tâm sanh, tâm tánh hiển lộ rạng ngời. Trí huệ phá Ngã Chấp như mặt trời chiếu hư không, bèn chẳng có tối tăm, pháp vốn là như thế đó. Vì thế, cần phải nương theo Trí Huệ Môn để đoạn trừ Ngã Chấp và Pháp Chấp thì mới có thể xa lìa cái ngã tâm tham đắm tự thân (Thân Kiến). Do điều này có thể biết: Chúng ta

niệm Phật, lạy Phật, cho đến phát nguyện, quan sát, hồi hướng, đều chẳng thể chỉ vì cầu an vui cho chính mình mà tu tập, phải vì hết thấy chúng sanh “*cùng thấy Di Đà, cùng sanh về Cực Lạc, cùng thành Phật đạo, cùng giáo hóa chúng sanh*” mà làm! Có những vị tu hành đã lâu, nhưng Ngã Kiến và Ngã Chấp đặc biệt nặng nề; đây là trái nghịch đạo, chớ nên! Có những vị Bồ Tát ôm giữ chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa “*gió thổi chiều nào ngã theo chiều ấy*” (chủ nghĩa thời cơ), chủ nghĩa cục bộ, thành kiến môn hộ đặc biệt mạnh mẽ. Đây đều là giả danh Bồ Tát, cũng đều là chớ nên!

2.2.2.2.6.2.2. Nương theo Từ Bi Môn

(Luận) Nhị giả, y từ bi môn, bạt nhất thiết chúng sanh khổ, viễn ly vô an chúng sanh tâm cố.

(Chú) Bạt khổ viết Từ, dữ lạc viết Bi. Y Từ cố, bạt nhất thiết chúng sanh khổ. Y Bi cố, viễn ly vô an chúng sanh tâm.

(論)二者，依慈悲門，拔一切眾生苦。遠離無安眾生心故。

(註)拔苦曰慈，與樂曰悲。依慈故，拔一切眾生苦。依悲故，遠離無安眾生心。

(Luận: Hai là nương theo Từ Bi Môn, dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh, xa lìa cái tâm chẳng làm cho chúng sanh an vui.

Chú: Dẹp khổ là Từ, ban vui là Bi. Do nương theo Từ, nên dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh. Do nương theo Bi, nên xa lìa cái tâm chẳng làm cho chúng sanh an vui).

Nói thông thường thì “*Bi là dẹp khổ, Từ là có thể ban vui*”. Nương vào đồng thể đại bi, cho nên có thể dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh. Nương theo vô duyên đại từ, nên có thể xa lìa cái tâm “*chẳng làm cho chúng sanh an vui*”, ban cho chúng sanh sự an lạc cần thiết. Do vậy, chúng ta niệm Phật, lạy Phật, cho đến hồi hướng, mục đích đều là phải làm sao cho chính mình và hết thấy chúng sanh chỉ trong một đời này cùng thoát khỏi nhà lửa tam giới, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, cùng sanh vào An Lạc Tịnh Độ, thường hưởng an lạc. Tín như thế, nguyện như thế, hành như thế, niệm như thế, lạy như thế, cho đến hồi hướng như thế. Đây chính là nương theo Từ Bi Môn để tu pháp môn Ngũ Niệm, tất nhiên là xa lìa cái tâm “*chẳng muốn làm cho chúng sanh*

được an lạc”. Từ bi có ba loại như trong phần trước tôi đã có nói. Trong thế gian, lòng từ bi của cha mẹ, sư trưởng, người nhà, quyền thuộc, cho đến [lòng từ bi] của những bậc vua hiền, tôi sáng, nhà tôn giáo, nhà từ thiện, chỉ hạn cuộc nơi một người, một nhà, hoặc một nước, chẳng thể phổ cập hết thấy chúng sanh, chẳng vì đẹp khổ cho hết thấy chúng sanh. Đây chẳng phải là rốt ráo, chẳng viên mãn. Chỉ có lòng từ bi giống như Phật, Bồ Tát thì mới là “*nhân giả nhân chi an trạch*” (lòng nhân là căn nhà yên vui cho con người), cũng chỉ có “*niếp thủ, hóa độ hết thấy chúng sanh cùng sanh về An Lạc quốc*” thì mới là tâm đại từ bi “*từ năng dữ nhất thiết lạc, bi năng bạt nhất thiết khổ*” (từ có thể ban hết thấy vui, bi có thể dẹp hết thấy khổ).

2.2.2.2.6.2.3. Nương theo Phương Tiện Môn

(Luận) Tam giả, y phương tiện môn, lân mãn nhất thiết chúng sanh tâm, viễn ly cúng dường, cung kính tự thân tâm cố.

(Chú) Chánh trực viết Phương, ngoại kỷ viết Tiện. Y chánh trực cố, sanh lân mãn nhất thiết chúng sanh tâm. Y ngoại kỷ cố, viễn ly cúng dường, cung kính tự thân tâm.

(論)三者，依方便門，憐愍一切眾生心，遠離供養恭敬自身心故。

(註)正直曰方，外己曰便。依正直故，生憐愍一切眾生心。依外己故，遠離供養恭敬自身心。

(Luận: Ba là nương theo Phương Tiện Môn, tâm thương xót hết thấy chúng sanh, xa lìa tâm cúng dường, cung kính chính mình.

Chú: Chánh trực là Phương, gạt bỏ cái tôi ra ngoài là Tiện. Do nương theo chánh trực, cho nên sanh tâm thương xót hết thấy chúng sanh. Do gạt chính mình ra ngoài, nên xa lìa cái tâm cúng dường, cung kính bản thân).

Chánh trực và “*ngoại kỷ*” thì là Phương Tiện. Chánh trực chính là chí thành, “*ngoại kỷ*” (外己, gạt bỏ cái tôi ra ngoài) chính là vô ngã. Chỉ có chí thành và vô ngã thì mới được gọi là phương tiện trong Phật pháp, mới có thể chẳng “*từ bi sanh họa hại, phương tiện xuất hạ lưu*” (do từ bi mà sanh ra tai họa, ương hại; do phương tiện [chẳng hay khéo] mà trở thành hạ lưu). Do vậy, trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã nêu ra lời khai thị của Thế Tự Tại Vương Phật dành cho Pháp Tạng Bồ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Tát như sau: “*Thí như đại hải, nhất nhân đấu lượng, kinh lịch kiếp số, thương khả cùng để, đặc kỳ diệu bảo. Nhân hữu chí tâm tinh tấn (phương tiện), cầu đạo bất chi, hội đương khắc quả, hà nguyện bất đắc*” (Ví như đối với biển cả, một người dùng đấu để đong, trải qua kiếp số, còn có thể [mức cạn] đến tận đáy, đạt được của báu màu nhiệm. Người có sự chí tâm tinh tấn (phương tiện), cầu đạo chẳng ngại, sẽ đạt được quả, có nguyện nào mà chẳng đạt được). [Lời ấy] nhằm chỉ rõ: Tu pháp môn Tịnh Độ, ắt cần phải dùng phương tiện vô ngã, chí tâm tinh tấn, thì mới là “*có nguyện ắt thành*”, vãng sanh Cực Lạc, thành Phật độ sanh. Người đời lập công, lập đức, lập ngôn, đều chẳng thể hoàn toàn lìa khỏi Ngã Kiến và Ngã Chấp. Do vậy, thành công thì riêng mình hưởng lạc là chuyện tất nhiên. Bồ Tát khác hẳn, Ngài cầu sanh Cực Lạc là vì thương xót, cứu độ hết thảy chúng sanh, [khiến cho họ] có thể “*chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui*”, chẳng phải là sanh về thế giới Cực Lạc để chính mình hưởng lạc, cũng chẳng phải vì muốn được “*người đời cung kính, lễ bái giống như lễ bái thân thánh*” mà phát tâm học Phật, làm Bồ Tát. Chỗ khác biệt giữa Bồ Tát và người đời là các Ngài có tinh thần vô ngã thì mới có thể có phương tiện chí tâm tinh tấn, chẳng trái nghịch tâm Vô Thượng Bồ Đề, hoàn thành Lục Độ vạn hạnh của Bồ Tát đạo. Trong Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Nghĩa (từ trang một trăm chín mươi lăm đến trang hai trăm lẻ hai), tôi đã có giải thích, mọi người chẳng ngại tra duyệt, tham khảo.

2.2.2.2.6.3. Tổng kết

(Luận) Thị danh viễn ly tam chủng Bồ Đề môn tương vi pháp.

(論)是名遠離三種菩提門相違法。

(Luận: Đó gọi là xa lìa ba loại pháp trái nghịch Bồ Đề môn).

Có thể trọn đủ ba môn trí huệ, phương tiện, và từ bi như đã nói trên đây, sẽ chẳng trái nghịch Vô Thượng Bồ Đề tâm và Đại Thừa Bồ Tát đạo, có thể sanh vào Tịnh Độ, có thể thành Phật quả. Vì thế gọi là “*ba thứ Bồ Đề môn*”. Giả sử chỉ biết niệm Phật, lễ Phật, phát nguyện, quan sát, nhưng chẳng thể xa lìa ba thứ pháp trái nghịch Bồ Đề môn, thì không chỉ là chẳng thể thành Phật, mà vãng sanh Tịnh Độ cũng chẳng dễ dàng! Vì sao vậy? Pháp môn Tịnh Độ là pháp Đại Thừa, vãng sanh Cực Lạc là Bồ Đề đại đạo để thành Phật. Nếu chẳng xa lìa các

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

pháp trái nghịch tinh thần Đại Thừa và Bồ Đề đại đạo, đương nhiên là chúng sẽ chướng ngại Bồ Tát, chẳng thể đạt thành nguyện vọng vãng sanh thành Phật.

2.2.2.2.7. Thuận Bồ Đề môn

(Chú) Thuận Bồ Đề môn giả.

(註)順菩提門者。

(Chú: Thuận Bồ Đề môn...)

2.2.2.2.7.1. Nêu chung ba môn

(Luận) Bồ Tát viễn ly như thị tam chủng Bồ Đề môn tương vi pháp, đắc tam chủng tùy thuận Bồ Đề môn pháp mãn túc cố.

(論)菩薩遠離如是三種菩提門相違法，得三種隨順菩提門法滿足故。

(Luận: Bồ Tát xa lìa ba loại pháp trái nghịch Bồ Đề môn như thế, sẽ đạt được trọn vẹn ba loại pháp tùy thuận Bồ Đề môn).

Hai câu luận này nhằm nối tiếp phần trước để khởi đầu cho phần sau, trước hết là nêu chung ba loại pháp tùy thuận Bồ Đề môn, sau đây mới phân biệt giải nói. Những gì là ba thứ? Chính là vô nhiễm thanh tịnh tâm, an thanh tịnh tâm, và lạc thanh tịnh tâm. Ba thứ đều được gọi là “*thanh tịnh tâm*”. Điều này nhằm nêu rõ: Tâm tịnh thì mới có thể sanh về Tịnh Độ, mới được thành Phật. Phật môn vô lượng nghĩa, nhưng đều lấy cái tâm thanh tịnh làm căn bản.

Do vậy, trong tác phẩm Thành Phật Chi Đạo, đạo sư Ấn Thuận (印順導師) đã viết: “*Giới nhằm tịnh hóa tâm và khẩu, Định nhằm tịnh hóa tình dục, Huệ nhằm tịnh hóa tri kiến, Tam Học lần lượt thanh tịnh. Nước tam-muội tịnh hóa tham, gió từ bi tịnh hóa sân, lửa Bát Nhã tịnh hóa si, tánh địa vốn sẵn tịnh. Vô biên thiền não tịnh, vô lượng tịnh hạnh tích tập, liền dùng ngay cái hạnh tịnh tâm ấy để trang nghiêm cõi Cực Lạc*”. Các liên hữu Tịnh Tông phải ghi khắc những lời ấy bên chỗ ngồi!

2.2.2.2.7.2. Nêu rõ từng môn riêng biệt trong ba môn

2.2.2.2.7.2.1. Vô nhiễm thanh tịnh tâm

(Luận) *Hà đẳng tam chủng? Nhất giả, vô nhiễm thanh tịnh tâm, dĩ bất vị tự thân cầu chư lạc cố.*

(Chú) *Bồ Đề thị vô nhiễm thanh tịnh xứ. Nhược vị thân cầu lạc, tức vi Bồ Đề. Thị cố, vô nhiễm thanh tịnh tâm thị thuận Bồ Đề môn.*

(論)何等三種？一者，無染清淨心，以不為自身求諸樂故。

(註)菩提是無染清淨處。若為身求樂，即違菩提。是故，無染清淨心是順菩提門。

(Luận): *Những gì là ba loại? Một là tâm thanh tịnh vô nhiễm, do chẳng vì bản thân mà cầu các sự vui.*

Chú: *Bồ Đề là chỗ vô nhiễm thanh tịnh. Nếu vì bản thân mà cầu vui sướng, tức là trái nghịch Bồ Đề. Do vậy, tâm thanh tịnh vô nhiễm là thuận Bồ Đề môn.*

Như thế nào để đạt được ba loại pháp tùy thuận Bồ Đề môn? Do tương phản với ba loại pháp trái nghịch Bồ Đề môn mà đạt được. Loại thứ nhất là nương theo Trí Huệ Môn, phá Ngã Kiến và Ngã Chấp, sẽ đạt được cái gọi là “vô nhiễm thanh tịnh tâm”. Vì chẳng có Ngã Kiến và Ngã Chấp, cho nên hết thấy các phiền não chẳng dậy lên, cái tâm thanh tịnh, do vậy, gọi là “vô nhiễm”. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cần phải đoạn trừ hết thấy phiền não thì mới có thể chứng đắc. Do vậy nói: Bồ Đề là chôn thanh tịnh vô nhiễm. Phạm những ai có thể chẳng vì chính mình mà cầu danh, cầu lợi, cầu an lạc, bèn phá Ngã Chấp, đắc vô ngã. Vô ngã tự nhiên là vô nhiễm thanh tịnh. Nhưng chỉ là Vô Ngã, chỉ đạt được bản thân thanh tịnh, thì đây là Nhị Thừa Bồ Đề, vẫn chẳng phải là pháp để tùy thuận Đại Thừa Bồ Đề. Ất cần phải nương theo trí huệ Bát Nhã “*Nhân lẫn Pháp đều Không*” để đoạn Ngã Chấp và Pháp Chấp, chứng đắc Nhị Không Chân Như. Lại có thể chẳng chìm đắm trong Không, hướng đến Tịch, hành Bồ Đề đạo, nhiếp thủ hết thấy chúng sanh cùng sanh về An Lạc quốc thành Phật. Đây mới là “vô nhiễm thanh tịnh tâm” được nói trong bộ luận này, là pháp tùy thuận Đại Thừa Bồ Đề Môn. Vì Tây Phương An Lạc quốc là cõi Tịnh Độ chí cực vô nhiễm thanh tịnh, là cảnh giới Đại Niết Bàn của chư Phật. Phạm ai sanh về cõi ấy, ắt được Hoặc tận, trí viên, rốt ráo là Nhất Sanh Bồ Xứ. Vì thế, chỉ cần nguyện “*làm cho hết thấy chúng sanh cùng sanh An Lạc quốc*” thì tức là vô nhiễm thanh tịnh tâm, tùy thuận

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Đại Thừa Bồ Đề Môn.

2.2.2.2.7.2.2. An thanh tịnh tâm

(Luận) *Nhị giả, an thanh tịnh tâm, dĩ bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố.*

(Chú) *Bồ Đề thị an ổn nhất thiết chúng sanh thanh tịnh xứ. Nhược bất tác tâm bạt nhất thiết chúng sanh ly sanh tử khổ, tức tiện vi Bồ Đề. Thị cố, bạt nhất thiết chúng sanh khổ, thị thuận Bồ Đề môn.*

(論)二者，安清淨心，以拔一切眾生苦故。

(註)菩提是安穩一切眾生清淨處。若不作心拔一切眾生離生死苦，即便違菩提。是故，拔一切眾生苦，是順菩提門。

(Luận: Hai là an thanh tịnh tâm vì dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh.

Chú: Bồ Đề là chỗ thanh tịnh để an ổn hết thấy chúng sanh. Nếu chẳng dấy lòng giúp chúng sanh lìa nỗi khổ sanh tử, sẽ trái nghịch Bồ Đề. Vì thế, dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh là thuận Bồ Đề môn).

Loại thứ hai là nương theo Từ Bi môn, dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh, sẽ đạt được cái gọi là “an thanh tịnh tâm”. “An” ở đây chẳng phải là chính mình lìa khổ được vui, tức là “thân an”, mà cũng chẳng phải là “đem cái tâm lại đây, ta sẽ an nó cho người” trong Thiền Tông, được gọi là “tâm an”. “An thanh tịnh tâm” là phải phát nguyện dẹp hết thấy khổ nạn cho chúng sanh, ban an lạc cho hết thấy chúng sanh. Có tâm đại từ bi như thế thì mới là pháp thuận theo Đại Thừa Bồ Đề Môn được nói trong luận này. Nếu chẳng phát nguyện (“tác tâm”) giúp cho hết thấy chúng sanh lìa khỏi nỗi khổ sanh tử, sẽ là trái nghịch Đại Thừa Bồ Đề Môn!

2.2.2.2.7.2.3. Lạc thanh tịnh tâm

(Luận) *Tam giả, lạc thanh tịnh tâm. Dĩ linh nhất thiết chúng sanh đắc đại Bồ Đề cố, dĩ nhiếp thủ chúng sanh sanh bỉ quốc độ cố.*

(Chú) *Bồ Đề thị tất cánh thường lạc xứ. Nhược bất linh nhất thiết chúng sanh đắc tất cánh thường lạc, tức vi Bồ Đề. Thủ tất cánh*

thường lạc, y hà nhi đắc? Y Đại Thừa Môn. Đại Thừa Môn giả, vị bỉ An Lạc Phật quốc độ thị dã. Thị cố, hựu ngôn dĩ nhiếp thủ chúng sanh sanh bỉ quốc độ cố.

(論)三者，樂清淨心。以令一切眾生得大菩提故，以攝取眾生彼國土故。

(註)菩提是畢竟常樂處。若不令一切眾生得畢竟常樂，則違菩提。此畢竟常樂，依何而得？依大乘門。大乘門者，謂彼安樂佛國土是也。是故，又言以攝取眾生彼國土故。

(Luận: Ba là lạc thanh tịnh tâm, vì khiến cho hết thảy chúng sanh đắc Đại Bồ Đề, vì nhiếp thủ chúng sanh về quốc độ ấy.

Chú: Bồ Đề là chỗ rốt ráo thường lạc. Nếu chẳng làm cho hết thảy chúng sanh đạt được chỗ rốt ráo thường lạc thì là trái nghịch Bồ Đề. Dựa vào đâu để đạt được chỗ rốt ráo thường lạc này? Dựa vào Đại Thừa Môn. Đại Thừa Môn chính là quốc độ An Lạc vậy. Vì thế, lại nói “vì nhiếp thủ chúng sanh vào quốc độ ấy”).

Loại thứ ba, nương theo Phương Tiện Môn, chẳng nhằm cầu an lạc cho chính mình, chỉ nguyện chúng sanh được thành Phật, sẽ đạt được cái gọi là “lạc thanh tịnh tâm”. “Lạc” ở đây chẳng phải là như người đời quen thói cờ bạc bèn gọi là Lạc trong “đại gia lạc”, chẳng phải là niềm vui kiêu “kim triêu hữu tửu, kim triêu lạc” (hôm nay có rượu, hôm nay vui), cũng chẳng phải là niềm vui ngũ dục thông thường. “Lạc thanh tịnh tâm” là muốn cho hết thảy chúng sanh cùng đắc Đại Thừa Bồ Đề giác pháp lạc, được sanh về Tây Phương An Lạc quốc, chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui, chẳng biến đổi, chẳng mất đi, an trụ Đại Bát Niết Bàn, trọn đủ công đức lạc chân thật “thường, lạc, tự tại, thanh tịnh”. Đây mới chính là pháp thuận Đại Thừa Bồ Đề Môn được nói trong bộ luận này. Nếu chẳng phát nguyện khiến cho hết thảy chúng sanh được rốt ráo thường lạc, chẳng phát nguyện làm cho hết thảy chúng sanh cùng sanh An Lạc quốc, sẽ là trái nghịch Đại Thừa Bồ Đề Môn.

2.2.2.2.7.3. Tổng kết

(Luận) *Thị danh tam chủng tùy thuận Bồ Đề Môn pháp mãn*

túc, ưng tri.

(論)是名三種隨順菩提門法滿足，應知。

(Luận: Đây gọi là ba thứ pháp trọn vẹn tùy thuận Bồ Đề môn, hãy nên biết).

Tổng kết ba pháp tùy thuận Đại Thừa Bồ Đề Môn để nói: Tức là dựa theo ba môn trong bộ luận này và ba tâm trong Quán Kinh để phát khởi Đại Thừa Bồ Đề tâm “*bi, trí, phương tiện hợp nhất*”, xa lìa ba thứ pháp trái nghịch Bồ Đề Môn, đạt được trọn vẹn ba loại pháp tùy thuận Bồ Đề Môn, tất có thể chứng trọn vẹn tam đức của Đại Niết Bàn. Đây gọi là “*nhất lộ Niết Bàn môn*” của chư Phật; do đó, gọi là Đại Thừa Bồ Đề Môn. Nay lập biểu đồ giản yếu để thuyết minh như sau:

Ba môn trong luận này	Trí môn	Phương tiện	Từ bi
Ba tâm của Quán Kinh	Chí thành tâm	Thâm tâm	Hồi hướng phát nguyện tâm
Ba thứ Bồ Đề tâm hợp nhất của Bồ Tát	Tác ý tương ứng trí Nhất Thiết Trí	Vô sở đắc làm phương tiện	Từ bi làm thượng thủ
Xa lìa ba pháp trái nghịch Bồ Đề Môn	Ngã tâm tham đắm tự thân	Tâm cung kính cúng dường bản thân	Tâm không làm cho chúng sanh được an vui
Đạt được ba pháp tùy thuận Bồ Đề Môn	Vô nhiễm thanh tịnh tâm	Lạc thanh tịnh tâm	An thanh tịnh tâm
Chứng trọn vẹn ba đức của đại Niết Bàn	Pháp Thân đức	Giải Thoát đức	Bát Nhã đức

2.2.2.2.8. Danh nghĩa nhiếp đối (đối ứng danh tướng và hàm nghĩa)

(Chú) Danh nghĩa nhiếp đối giả.

(註)名義攝對者。

(Chú: Đối ứng danh tướng và hàm nghĩa).

Ngài Đàm Loan dùng câu này để phân chia khoa mục, [khoa mục này] thuộc tiểu khoa thứ tám trong phần Giải Nghĩa. Trong đây, lại chia thành ba tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là ba loại môn được thấu nhiếp, tiểu đoạn thứ hai là ba loại pháp xa lìa, tiểu đoạn thứ ba là thành tựu ba thứ tâm.

2.2.2.2.8.1. Ba loại môn được thấu nhiếp

(Luận) Hướng thuyết trí huệ, từ bi, phương tiện, tam chủng môn nhiếp thủ Bát Nhã. Bát Nhã nhiếp thủ phương tiện, ứng tri.

(Chú) Bát Nhã giả, đạt Như chỉ huệ danh. Phương tiện giả, thông Quyền chỉ trí xưng. Đạt Như tức tâm hạnh tịch diệt. Thông quyền tức bị tỉnh chúng cơ. Tỉnh cơ chỉ trí, bị ứng nhi vô tri. Tịch diệt chỉ huệ, diệt vô tri nhi bị tỉnh. Nhiên tức trí huệ phương tiện, tương duyên nhi động, tương duyên nhi tĩnh. Động bất thất tĩnh, trí huệ chi công dã. Tĩnh bất phế động, phương tiện chi lực dã. Thị cố, trí huệ, từ bi, phương tiện, nhiếp thủ Bát Nhã, Bát Nhã nhiếp thủ phương tiện. “Ứng tri” giả, vị ứng tri trí huệ phương tiện, thị Bồ Tát phụ mẫu. Nhược bất y trí huệ phương tiện, Bồ Tát pháp tắc bất thành tựu. Hà dĩ cố? Nhược vô trí huệ, vị chúng sanh thời, tắc đọa điên đảo. Nhược vô phương tiện, quán pháp tánh thời, tắc chứng Thật Tế. Thị cố, ứng tri.

(論)向說智慧，慈悲，方便，三種門攝取般若。般若攝取方便，應知。

(註)般若者，達如之慧名。方便者，通權之智稱。達如則心行寂滅。通權則備省眾機，省機之智，備應而無知。寂滅之慧，亦無知而備省。然則智慧方便，相緣而動，相緣而靜。動不失靜，智慧之功也。靜不廢動，方便之力也。是故，智慧慈悲方便，攝取般若，般若攝取方便。應知者，謂應知智慧方便，是菩薩父母。若不依智慧方便，菩薩法則不成就。何以故？若無智慧，為眾生時，則墮顛倒。若無方便，觀法性時，則證實際。是故，應知。

(Luận: Ba loại môn trí huệ, từ bi, phương tiện vừa nói trên đây nhiếp thủ Bát Nhã. Bát Nhã nhiếp thủ phương tiện, hãy nên biết.

Chú: *Bát Nhã* là danh xưng của huệ đã thấu đạt Như (Chân Như). *Phương tiện* là danh xưng của trí thông đạt Quyền. Thấu đạt Như thì tâm hạnh tịch diệt. Thông đạt Quyền thì sẽ thấu hiểu trọn khắp các căn cơ. Trí hiểu thấu các căn cơ tuy ứng hợp trọn khắp nhưng vô tri. Tịch diệt huệ cũng vô tri, nhưng thấu hiểu trọn khắp. Tuy thế, trí huệ và phương tiện duyên lẫn nhau mà động, duyên lẫn nhau mà tĩnh. Động mà chẳng mất tĩnh là công năng của trí huệ. Tĩnh mà chẳng bỏ động là sức của phương tiện. Vì thế, trí huệ, từ bi, phương tiện, nhiếp thủ *Bát Nhã*. *Bát Nhã* nhiếp thủ phương tiện. “*Hãy nên biết*” là nói hãy nên biết trí huệ và phương tiện là cha mẹ của Bồ Tát. Nếu chẳng nương theo trí huệ và phương tiện, Bồ Tát pháp sẽ chẳng thành tựu. Vì sao vậy? Nếu chẳng có trí huệ thì khi vì chúng sanh, sẽ đọa điên đảo. Nếu không có phương tiện thì khi quán pháp tánh, sẽ chứng Thật Tế (chấp vào Diệt Độ, không khởi tâm độ sanh). Do vậy, hãy nên biết).

“*Bát Nhã*” là trí huệ hiểu rõ Chân Như “*Pháp Không và Nhân Không*”, vì thế nói là “*đạt Như chi huệ danh*” (là danh xưng của trí huệ thấu đạt Chân Như). Kinh Pháp Hoa gọi [trí huệ ấy] là Thật Trí, hoặc Vị Tăng Hữu Pháp (pháp chưa từng có). Khởi Tín Luận gọi nó là Tâm Chân Như Môn, kinh Hoa Nghiêm gọi nó là Vô Sư Trí, hoặc Tự Nhiên Trí. Những kinh luận khác gọi nó là Vô Phân Biệt Trí, Nhất Thiết Trí, hoặc Căn Bản Trí.

“*Phương tiện*” là trí huệ thông đạt nguyên do duyên khởi của các pháp, vì thế nói là “*thông Quyền chi trí xưng*” (tên gọi của cái trí thông đạt quyền biến). Kinh Pháp Hoa gọi nó là Quyền Trí, hoặc Phương Tiện Tri Kiến. Khởi Tín Luận gọi nó là Tâm Sanh Diệt Môn, Hoa Nghiêm gọi nó là Thập Huyền Môn, các kinh luận khác gọi nó là Đạo Chứng Trí, hoặc Hậu Đắc Trí.

Nói theo phương diện “*Bát Nhã thấu đạt Chân Như*” thì Lý Thể Chân Như là cái được chứng (Chân Đế), và *Bát Nhã* là chủ thể để chứng [Lý Thể Chân Như, cả hai] đều là “*tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ dứt bật*”, chỉ có chứng mới biết. Kinh Pháp Hoa nói “*chỉ chỉ bất tu thuyết, ngã pháp diệu nan tư*” (thôi, thôi, chẳng cần nói, pháp ta diệu khó nghĩ), tức là nói đến điều này.

Nói theo phương diện “*Phương Tiện thông đạt Quyền*” thì pháp tướng duyên khởi được quán (Tục Đế), và trí phương tiện có thể quán [Tục Đế], đều là định luật nhân quả “*do cái này có mà cái kia có*”. Kinh Pháp Hoa nói: “*Chư pháp như thị tướng, nãi chí như thị bản mặt*

cứu cánh đặng” (Tướng của các pháp là như thế cho đến đầu ngọn rớt ráo⁶⁷ là như thế), không gì chẳng phải là “biết trọn, hiểu suốt”, cũng là nói đến điều này. Luận Chủ gộp chung ba môn trí huệ, phương tiện, và từ bi đã nói trên đây thành Bát Nhã và Phương Tiện, tức là Quyền Trí và Thật Trí, nhất tâm nhị môn, Chân Đế và Tục Đế. Hai trí, hai môn, hai Đế ấy nương tựa lẫn nhau, thành tựu lẫn nhau, chẳng một, chẳng khác, tức là chúng sanh và Phật có cùng một Thể, chính là Thể và Dụng của tự tánh thanh tịnh tâm. Phương Tiện chính là diệu dụng thiện xảo, cũng là “*xảo phương tiện hồi hướng*” được nói trong luận này, từ Bát Nhã mà có. Chẳng có Thể, sẽ không có Dụng, pháp vốn là như vậy.

Kinh nói: “*Tiên đắc Bát Nhã (Căn Bản Trí), hậu đắc phương tiện (khởi Phương Tiện Trí)*” (Trước là đắc Bát Nhã, tức Căn Bản Trí, sau là đắc phương tiện, tức là dấy lên Phương Tiện Trí). Nói theo Ngũ Bồ Đề⁶⁸ của Bồ Tát đạo thì Bát Nhã là minh tâm Bồ Đề, hiển hiện Bát Nhã tâm thể. Phương Tiện là xuất đạo Bồ Đề, là đại dụng của khởi tâm Bát Nhã. Do vậy, Du Già Sư Địa Luận nói: “*Trong địa vị thông đạt (minh tâm Bồ Đề), dấy lên trí vô phân biệt. Đối với cảnh sở duyên (nhân, pháp) đều là chẳng có gì để đạt được. Lý Trí đã âm thầm, tâm cảnh ngậm thấu hiểu, tướng Hữu và Không có lúc chẳng hiện tiền thì mới gọi là chứng đắc chân lý Duy Thức. Đã chứng chân thức, bèn khởi Hậu Đắc Trí (phương tiện) thì mới chứng Tục Đế*”. Kinh Mật Nghiêm cũng nói: “*Phi bất kiến Chân Như nhi năng liễu chư pháp giai như huyễn hóa, tuy hữu nhi phi chân*” (Chẳng phải là không thấy Chân Như mà có thể hiểu rõ các pháp đều như huyễn hóa, tuy có mà chẳng phải là

⁶⁷ Trong phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa, đức Phật dạy chân tướng của các pháp có mười điều Như Thị, tức là như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bản mạt cứu cánh.

⁶⁸ Ngũ Bồ Đề bao gồm:

1. Phát tâm Bồ Đề: Thập Tín Bồ Tát trong vô lượng kiếp sanh tử vì Vô Thượng Bồ Đề mà phát Bồ Đề tâm.
2. Phục tâm Bồ Đề: Các vị Bồ Tát thuộc Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng điều phục cái tâm phiền não, hành các Ba La Mật.
3. Minh tâm Bồ Đề: Hàng Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên quán Thật Tướng của các pháp, đã minh tâm kiến tánh.
4. Xuất đạo Bồ Đề: Hàng Bồ Tát từ Bát Địa trở lên, chẳng chấp trước Bát Nhã mà có thể diệt các Hoặc, vượt thoát tam giới, hướng đến Phật quả.
5. Vô thượng Bồ Đề: Hàng Đẳng Giác Bồ Tát ngồi đạo tràng, đoạn sạch các phiền não, đắc Vô Thượng Chánh Giác.

thật). Đại Trí Độ Luận cũng nói: “*Bát Nhã sẽ nhập Tất Cánh Không, dứt bật các hý luận, sự hòa quyện (phương tiện) sẽ từ Tất Cánh Không dấy lên hiện hành để trang nghiêm cõi nước, thành thực chúng sanh*”. Trong bộ Trung Luận Sớ, Cát Tạng đại sư cũng nói: “*Bát Nhã soi thẳng Thật Tướng của các pháp làm Thể, Thể chính là bất nhị. Phương Tiện chính là tác dụng khéo léo của Bát Nhã. Dụng có nhiều môn: 1) Có thể chiếu Không mà chẳng chứng. 2) Quán Không chính là đồng thời chiếu Hữu. 3) Can dự vào Hữu mà lại có thể chẳng vướng mắc. Như Thể của vàng là một (Bát Nhã), vàng chế thành các món vật hay khéo thì đều gọi là Phương Tiện. Người học đạo Phương Quảng của Đại Thừa mà nếu chấp chặt tánh Không, do chẳng có phương tiện, học Đại Thừa, hiểu ‘hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt, rốt ráo là không’, bèn chấp vào Vô Sanh, đánh mất Sanh. Đã mất Sanh thì Vô Sanh cũng mất, hai Đế cùng bị hoại. Hãy nên dùng Trung Đạo của Nhị Đế để phát sanh chánh quán Nhị Huệ (tức Bát Nhã và Phương Tiện) để diệt trừ các kiến giải Thường Kiến và Đoạn Kiến. Vì thế có Phật, Bồ Tát*”.

Do vậy, ngài Đàm Loan giải thích: “*Trí huệ phương tiện, tương duyên nhi động (Dụng), tương duyên nhi tĩnh (Thể). Động bất thất tĩnh, trí huệ chi công dã. Tĩnh bất phế động, phương tiện chi lực*” (Trí huệ và phương tiện duyên lẫn nhau mà động (tức là Dụng), duyên lẫn nhau mà tĩnh (đó là Thể). Động mà chẳng mất tĩnh, chính là công năng của trí huệ. Tĩnh mà chẳng bỏ động là sức của phương tiện). “*Tương duyên*” (Duyên lẫn nhau) chính là nhất tâm nhị môn, hai trí Quyền và Thật nương tựa lẫn nhau, thành tựu lẫn nhau. “*Động tĩnh*” là tướng của Bát Nhã và Phương Tiện, tức là nhất tâm có đủ các tướng Thể và Dụng. Tâm Chân Như Môn là Tĩnh, Tâm Sanh Diệt Môn là Động. Vì thế, luận này gom chung ba môn thành hai trí Bát Nhã và Phương Tiện, cũng là gom vào trong Thể và Dụng của nhất tâm nhị môn. Môn Từ Bi chính là Dụng của nhất tâm, thuộc vào Phương Tiện Trí. Do vô duyên từ và đồng thể bi của chư Phật, Bồ Tát sanh từ Bát Nhã, tương đồng với Phương Tiện cũng sanh từ Bát Nhã, cho nên gộp từ bi vào trong Phương Tiện vậy.

Ngài Đàm Loan giải thích “*ưng tri*” (hãy nên biết) là hãy nên biết trí huệ và phương tiện chính là cha mẹ của Bồ Tát. Nếu chẳng nương cậy trí huệ và phương tiện, Bồ Tát pháp sẽ chẳng thành tựu. Vì sao? Nếu Bồ Tát chẳng có Bát Nhã, vậy thì trong khi độ chúng sanh, sẽ có bốn thứ điên đảo của bọn phàm phu:

1) Chấp vô thường là thường.

- 2) Chấp bất tịnh là tịnh.
- 3) Thế gian là khổ mà chấp là lạc.
- 4) Các pháp vô ngã mà chấp là ngã.

Hoặc sẽ đọa trong địa vị Nhị Thừa, cũng dấy lên bốn thứ điên đảo: Đối với bốn chân đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Phật quả đại Niết Bàn bèn làm tưởng chúng cũng giống như “vô thường, khổ, không, bất tịnh” bình phàm của thế gian. Nếu Bồ Tát chẳng có phương tiện, tất nhiên là trong khi quán Không, sẽ chứng Diệt Độ (lời chú giải gọi Diệt Độ là Thật Tế), vậy thì còn có thể hành Bồ Tát đạo, phổ độ chúng sanh thành Phật trong thời gian và không gian vô tận nữa chẳng? Do đó, kinh Duy Ma Cật nói: “*Trí Độ (Bát Nhã) Bồ Tát mẫu, phương tiện dĩ vi phụ, nhất thiết chúng đạo sư (Phật, Bồ Tát), vô bất do thị sanh*” (Trí Độ (Bát Nhã) là mẹ của Bồ Tát, phương tiện là cha, các bậc đạo sư của hết thầy chúng sanh (tức Phật, Bồ Tát), không vị nào chẳng do điều này mà sanh). Quyển ba mươi bốn của Tứ Thập Hoa Nghiêm cũng chép: “*Chư Uẩn xứ giới cập duyên khởi, tất năng quán sát bất thủ tịch, thủ thiện xảo nhân (hữu Phương Tiện Trí chi Bồ Tát) chi trụ xứ... Tuy quán Tứ Thánh Đế, nhi bất trụ Tiểu Thừa Tứ Quả. Tuy quán thậm thâm duyên khởi, nhi bất trụ cứu cánh Tịch Diệt. Tuy quán Ngũ Uẩn Không, nhi bất vĩnh diệt chư Uẩn. Tuy an trụ Chân Như, nhi bất đọa Thật Tế. Tuy tri nhất thiết pháp vô sanh, vô diệt, nhi bất u Thật Tế tác chứng. Tuy quán u Không, nhi bất khởi Không Kiến*” (Đối với các Uẩn xứ giới và duyên khởi đều có thể quán sát mà chẳng trụ vào tịch diệt, đây là trụ xứ của bậc thiện xảo (tức là vị Bồ Tát có Phương Tiện Trí)... Tuy quán Tứ Thánh Đế mà chẳng trụ trong Tứ Quả của Tiểu Thừa. Tuy quán duyên khởi rất sâu mà chẳng trụ trong Tịch Diệt rốt ráo. Tuy quán Ngũ Uẩn là Không mà chẳng vĩnh viễn diệt các Uẩn. Tuy an trụ Chân Như mà chẳng đọa trong Thật Tế. Tuy biết hết thầy các pháp bất sanh bất diệt, mà chẳng chứng Thật Tế. Tuy quán Không mà chẳng dấy lên Không Kiến).

Do vậy, ngài Đàm Loan nói: “*Trí huệ phương tiện thị Bồ Tát phụ mẫu*” (Trí huệ và phương tiện là cha mẹ của Bồ Tát). Bồ Tát dùng Bát Nhã để hành phương tiện, tức là Chân Không bất không, bèn có thể trang nghiêm cõi nước, thành thực chúng sanh. Hành phương tiện mà có Bát Nhã, tức là Diệu Hữu chẳng phải là hữu, chẳng chấp trước điên đảo. Điều này được diễn tả là: Trụ nơi Lý Thể vô vi mà làm Phật sự hữu vi, phổ độ chúng sanh, nhưng chẳng có tướng hóa độ chúng sanh, trên là thành Phật đạo mà chẳng chấp tướng thành Phật. Chẳng phải là

nói “không độ sanh, chẳng thành Phật”. Như thí dụ que củi nhóm lò trong phần trước, chúng sanh chưa thể đều thành Phật trọn hết mà bản thân Bồ Tát đã thành Phật trước.

Các vị thượng thiện nhân ơi! Nếu quý vị duyệt đọc bộ luận này, lại liễu giải nghĩa lý trong ấy, quý vị có còn hiểu lầm pháp môn Tịnh Độ là chấp tướng, là tiêu cực, là Tiểu Thừa, là tự giải thoát cho riêng mình nữa chăng? Quý vị có còn coi rẻ Tịnh Tông liên hữu là những ông già bà cả ăn chay vô tri vô thức nữa chăng? Quý vị còn chẳng thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu, tu Ngũ Niệm Môn, cùng với các chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ, cùng thành Phật đạo, cùng giáo hóa chúng sanh hay không?

2.2.2.2.8.2. Là ba loại pháp

(Luận) Hướng thuyết viễn ly ngã tâm tham trước tự thân, viễn ly vô an chúng sanh tâm, viễn ly cúng dường, cung kính tự thân tâm. Thử tam chủng pháp, viễn ly chướng Bồ Đề tâm, ưng tri.

(Chú) Chư pháp các hữu chướng ngại tướng, như phong năng chướng tĩnh, thổ năng chướng thủy, thấp năng chướng hỏa, ngũ hắc thập ác chướng nhân thiên, tứ điên đảo chướng Thanh Văn quả. Thử trung tam chủng bất viễn ly chướng Bồ Đề tâm. Ứng tri giả, nhược dục đắc vô chướng, đương viễn ly thử tam chủng chướng ngại dã.

(論)向說遠離我心貪著自身，遠離無安眾生心，遠離供養恭敬自身心。此三種法，遠離障菩提心，應知。

(註)諸法各有障礙相，如風能障靜，土能障水，濕能障火，五黑十惡障人天，四顛倒障聲聞果。此中三種不遠離障菩提心。應知者，若欲得無障，當遠離此三種障礙也。

(Luận: Như trong phần trên đã nói: Xa lìa cái tâm chấp Ngã tham đắm bản thân, xa lìa cái tâm chẳng làm cho chúng sanh an lạc, xa lìa cái tâm cúng dường, cung kính tự thân. [Xa lìa] ba loại pháp ấy [sẽ giúp cho hành nhân] xa lìa các chướng ngại Bồ Đề tâm, hãy nên biết.

Chú: Các pháp mỗi thứ đều có tướng chướng ngại. Như gió có thể chướng ngại tĩnh, đất có thể chướng ngại nước, ướt có thể chướng

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

ngại lửa, năm điều đen tối (Ngũ Nghịch) và Thập Ác có thể chướng ngại nhân thiên, bốn món điên đảo chướng ngại quả Thanh Văn. Chẳng xa lìa ba thứ pháp ấy, sẽ bị chướng ngại Bồ Đề tâm. “Hãy nên biết”: Nếu muốn chẳng có chướng ngại, hãy nên xa lìa ba thứ chướng ngại ấy).

Luận Chủ hết sức thiện xảo phương tiện, đối với ba thứ môn là trí huệ, phương tiện, và từ bi vừa mới nói, Ngài bèn gom lại thành hai trí là Bát Nhã và Phương Tiện, hai trí cũng lần lượt dung nhập vào nhau. Tiếp đấy, Ngài bèn khai thị cho chúng ta: Phải xa lìa ba thứ pháp thuộc ba môn, vì chúng sẽ chướng ngại Đại Thừa Bồ Đề tâm. Nếu muốn cho Bồ Đề tâm của chính mình liên tục tăng trưởng, chẳng bị thoái thất, thẳng cho đến khi thành Phật chẳng hề bị chướng ngại, thì hãy nên xa lìa ba thứ pháp ấy.

Ngài Đàm Loan lại giải thích thêm: Các pháp được sanh bởi nhân duyên đều có tướng chướng ngại. Ví như đất, nước, gió, lửa trong thiên nhiên, được thế gian gọi là Tứ Đại, do tứ đại chủng “cứng, ướt, ấm, lay động” (còn gọi là Thật Tứ Đại) tạo thành, chính là do Thật Tứ Đại giả hòa hợp. Do vậy, chúng còn được gọi là Giả Tứ Đại, tất nhiên là chướng ngại lẫn nhau. [Chẳng hạn như] gió có thể chướng ngại sự tĩnh lặng của nước và lửa, đất có thể chướng ngại sự lưu động của nước, nước có thể chướng ngại sự thiêu đốt của lửa, lửa có thể chướng ngại sự mát mẻ của gió. Lại còn có nghiệp Ngũ Nghịch (hắc nghiệp), Thập Ác gây tạo trong chúng sanh giới sẽ gây chướng ngại [khiến cho chúng sanh] chẳng được sanh làm trời, người, tức là thánh hiền xuất thế gian cũng bị chướng ngại. Chướng ngại gì vậy? Hễ có bốn kiến giải điên đảo về Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, chúng nó sẽ chướng ngại quý vị chẳng đắc Tứ Hướng và Tứ Quả của Thanh Văn. Như luận này nói Bồ Tát nương theo ba môn, xa lìa ba loại pháp ngăn trở quý vị đắc Đại Thừa Bồ Đề tâm, khiến cho quý vị thoái thất Bồ Đề tâm, trở thành một Bồ Tát bại hoại. Do vậy, phàm là Bồ Tát thì đều phải nên biết, nhất định phải xa lìa!

Ba loại pháp ấy đều chướng ngại Bồ Đề tâm, vì Bồ Đề của tam thừa đều cần phải phá Ngã Chấp và Ngã Kiến, như trong kinh có nói: “Tam thừa đều do quán Không mà đắc đạo”. Nếu có ngã tâm tham đắm tự thân, chẳng trừ Ngã Kiến, Bồ Đề của tam thừa đều chẳng thành! Nếu chỉ đắc chánh kiến Ngã Không, mà thiếu từ bi và phương tiện khiến cho chúng sanh đạt được đại an lạc, thì cũng chẳng khế hợp Đại

Thừa Bồ Đề tâm! Nếu cậy vào cái danh là bậc Bồ Tát, thật ra là một kẻ ích kỷ, hết thấy đều vì chính mình, chẳng vì chúng sanh, sẽ là kẻ giặc trong Phật pháp, mắt của hết thấy người trong cõi đời đều chẳng muốn thấy. Vì thế, cần phải xa lìa ba thứ pháp như đã nói trong phần trước thì mới tương ứng với Đại Thừa Bồ Đề tâm, thì mới là danh phù hợp thật, kham làm bậc Bồ Tát, là đạo sư của trời người.

2.2.2.2.8.3. Thành tựu ba thứ tâm

(Luận) Hướng thuyết vô nhiễm thanh tịnh tâm, an thanh tịnh tâm, lạc thanh tịnh tâm, thử tam chủng tâm, lược nhất xít thành tựu diệu lạc thắng chân tâm, ưng tri.

(Chú) Lạc hữu tam chủng: Nhất giả, ngoại lạc, vị ngũ thức sở sanh lạc. Nhị giả, nội lạc, vị: Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, ý thức sở sanh lạc. Tam giả, pháp lạc lạc, vị trí huệ sở sanh lạc. Thử trí huệ sở sanh lạc, tùng ái Phật công đức khởi, thị viễn ly ngã tâm, viễn ly vô an chúng sanh tâm, viễn ly tự cúng dường tâm. Thị tam chủng tâm, thanh tịnh tăng tấn, lược vi “diệu lạc thắng chân tâm”, “diệu” ngôn kỳ hảo. Dĩ thử lạc duyên Phật sanh cố, “thắng” ngôn thắng xuất tam giới trung lạc, “chân” ngôn bất hư ngụy, bất điên đảo.

(論) 向說無染清淨心，安清淨心，樂清淨心，此三種心，略一處成就妙樂勝真心，應知。

(註) 樂有三種：一者，外樂，謂五識所生樂。二者，內樂，謂：初禪，二禪，三禪，意識所生樂。三者，法樂樂，謂智慧所生樂。此智慧所生樂，從愛佛功德起，是遠離我心，遠離無安眾生心，遠離自供養心。是三種心，清淨增進，略為妙樂勝真心，妙言其好。以此樂緣佛生故，勝言勝出三界中樂，真言不虛偽，不顛倒。

(Luận: Ba thứ tâm, tức vô nhiễm thanh tịnh tâm, an thanh tịnh tâm, và lạc thanh tịnh tâm như đã nói trên đây, nói tóm gọn thì là chân tâm thù thắng thành tựu diệu lạc. Hãy nên biết!

Chú: Lạc có ba loại: Một là ngoại lạc, tức lạc sanh bởi năm thức. Hai là nội lạc, tức là lạc được sanh bởi ý thức của Sơ Thiên, Nhị Thiên, và Tam Thiên. Ba là niềm vui do pháp lạc, tức lạc được sanh bởi trí huệ. Loại lạc được sanh bởi trí huệ ấy do từ yếu thích công đức của

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Phật mà có, chính là xa lìa ngã tâm, xa lìa cái tâm chẳng làm cho chúng sanh an vui, xa lìa cái tâm cúng dường chính mình. Ba loại tâm ấy thanh tịnh tăng tấn, nói đại lược thì gọi là “chân tâm thù thắng diệu lạc”. “Diệu” là tốt đẹp, do món lạc này duyên theo Phật mà sanh. “Thắng” là vượt xa các thứ lạc trong tam giới. “Chân” là chẳng hư ngụy, chẳng điên đảo).

Ngài Đàm Loan nêu ra ba thứ lạc:

1) Loại thứ nhất là loại lạc thường được nhắc tới, tức là lạc do ngũ dục. Đó là Lạc Thọ đạt được khi ngũ căn tiếp xúc ngũ trần, sanh khởi ngũ thức. Do duyên theo ngũ trần bên ngoài (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc) mới có, nên gọi là Ngoại Lạc.

2) Loại thứ hai là Thiền Duyệt Lạc. Do ý thức tu Thiền mà đạt được Lạc Thọ, phát xuất từ nội tâm, nên gọi là Nội Lạc. Sơ Thiền có ba tầng trời, tức Phạm Chúng (Brahma-pāriṣadya), Phạm Phụ (Brahma-purohita), và Đại Phạm Thiên (Mahā-brahmā). Lìa ái nhiễm phiền não của Dục Giới, có thể sanh ra hỷ lạc, [sự hỷ lạc] này được gọi là Viễn Ly Lạc. Nhị Thiền cũng có ba tầng trời, tức Thiếu Quang (Parīttābha), Vô Lượng Quang (Apramāṇābha), và Quang Âm (Ābhāsvara). Tiến hơn một bước nữa là lìa khỏi cái tâm tán loạn có Tâm, có Tứ, hỷ tâm khinh an. Điều này được gọi là Tịch Tĩnh Lạc. Tam Thiền cũng có ba tầng trời, tức Thiếu Tịnh (Parītta-sūbha), Vô Lượng Tịnh (Apramāṇa-sūbha), và Biến Tịnh (Sūbha-kṛtsna). Do tiến hơn bước nữa, quả trách, lìa bỏ Hỷ Thọ của Nhị Thiền mà đạt được. Điều này gọi là Ly Hỷ Diệu Lạc.

3) Loại thứ ba thường gọi là Pháp Hỷ Lạc, chẳng phải là Lạc Thọ sanh bởi sáu thức, mà là Lạc Thọ sanh bởi ba thứ trí huệ. Nghe đức Phật thuyết pháp, hoặc tư duy Phật pháp, bèn có trí huệ tín giải Phật pháp. Đã có trí huệ, tất nhiên là sùng kính đức Phật, yêu thích công đức của Phật và pháp do Phật thuyết. Vì thế, Pháp Hỷ Lạc do yêu mến công đức của Phật mà sanh khởi. Không Tử nói: “*Triêu văn đạo, tịch tử khả hỷ!*” (Sáng nghe đạo, tối chết cũng được). Đây cũng thuộc về Pháp Hỷ Lạc.

Lời luận nói: Lìa ba thứ Bồ Đề chướng như đã nói trên đây, sẽ thành tựu ba thứ tâm thanh tịnh. Nói tổng hợp, giản lược, gom lại một chỗ thì chính là thành tựu “*diệu lạc thắng chân tâm*”, [cái tâm này] do ba thứ tâm thanh tịnh, tức vô nhiễm, an, và lạc, cùng nhau thành tựu. Do duyên theo danh hiệu, tướng hảo, và công đức của Phật mà sanh; do

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

vậy, gọi là “*diệu hảo*”. Lại còn vượt xa hết thảy Lạc Thọ trong tam giới, nên gọi là “*siêu thắng*”. Chẳng giống với ngũ dục lạc và ba thứ thiên lạc trong tam giới, [những thứ ấy] đều là hư ngụy, điên đảo. Vì thế, gọi là “*chân thật*”.

Nói chung, diệu lạc thắng chân tâm là cái tâm thanh tịnh được thành tựu do tu Ngũ Niệm Môn, và do duyên theo danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn cũng như công đức của bốn nguyện, [nuông theo] y báo và chánh báo trang nghiêm của A Di Đà Phật mà sanh. Thật sự có thể thoát khỏi tam giới, có thể liễu sanh tử, có thể sanh về Tịnh Độ, có thể thành Phật quả, có thể rốt ráo đắc thường lạc tự tại thanh tịnh của đại Niết Bàn. Vì thế gọi là “*diệu lạc thắng chân tâm*”. Như trong biểu đồ đơn giản mà tôi đã chỉ ra trong phần trước, tức là dùng ba môn trí huệ, phương tiện, từ bi làm điểm khởi đầu mãi cho đến [khi chứng đắc] Tam Đức của đại Niết Bàn làm điểm kết thúc, từ nhân đến quả, đều có thể gọi chung là “*diệu lạc thắng chân tâm*”. Vì thế, lời luận nói đại lược, gộp chung [ba môn trí huệ, phương tiện và từ bi] thành một thứ thành tựu. Các vị tổ của Thiền Tông “*tâm tâm tương truyền*” chính là truyền cái tâm này. Có thể nói “*Thiền chẳng là Tịnh, Tịnh chẳng là Thiền*”. Thiền Tịnh song tu thì chính là tu cái tâm này, mà truyền trao cũng là [truyền trao] cái tâm này. Bồ Tát tu Thiền, tu Tịnh, há có nên cho mình là đúng, coi kẻ khác là sai, cùng nhà mà đánh lẫn nhau hay không?

2.2.2.2.9. Nguyện Sự thành tựu

(Chú) Nguyện sự thành tựu giả.

(註)願事成就者。

(Chú: Nguyện được thành tựu xét theo mặt Sự...)

2.2.2.2.9.1. Có thể sanh vào Tịnh Độ

(Luận) Như thị Bồ Tát, trí huệ tâm, phương tiện tâm, vô chướng tâm, thắng chân tâm, năng sanh thanh tịnh Phật quốc độ, ung tri.

(Chú) Ung tri giả, vị ung tri thứ tứ chủng thanh tịnh công đức, năng đắc sanh bỉ thanh tịnh Phật quốc độ, phi thị tha duyên nhi sanh dã.

(論)如是菩薩，智慧心，方便心，無障心，勝真心，

能生清淨佛國土，應知。

(註)應知者，謂應知此四種清淨功德，能得生彼清淨佛國土，非是他緣而生也。

(Luận: Bồ Tát như vậy do trí huệ tâm, phương tiện tâm, vô chướng tâm, và thẳng chân tâm, bèn có thể sanh vào cõi Phật thanh tịnh, hãy nên biết.

Chú: “Hãy nên biết” là hãy nên biết: Do bốn loại công đức thanh tịnh này mà có thể được sanh vào cõi Phật thanh tịnh, chẳng phải là do duyên khác mà sanh).

Bồ Tát có thể chiếu theo bộ luận này để tu Ngũ Niệm Môn, tất nhiên là có thể thành tựu bốn thứ công đức thanh tịnh. Bốn thứ ấy đều được gọi là “tâm”, có thể thấy: Một niệm tâm nhỏ nhoi của chúng ta vốn sẵn có trọn đủ hết thảy công đức vô lậu, nhưng cần phải có nhân duyên huân tập thì mới có thể hiển hiện. Do đó, Quán Kinh nói: “Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật). Do đó có thể biết: Học Phật tu hành, hãy đổ công dốc sức ngay nơi một niệm tâm địa trong hiện tiền, quan sát chúng ta khởi tâm động niệm như thế nào? Kinh Viên Giác dạy: “Bất phạ niệm khởi, chỉ phạ giác trì” (Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm). Phật và phàm phu sai biệt ở chỗ giác và bất giác. Vì thế, kinh dạy: “Nhất niệm mê tức chúng sanh, nhất niệm giác tức thị Phật” (Một niệm mê là chúng sanh, một niệm giác chính là Phật). Lại nói: “Nhất thanh tịnh, nhất thiết thanh tịnh; nhất tự tại, nhất thiết tự tại” (Một thứ đã thanh tịnh thì hết thảy đều thanh tịnh; một thứ đã tự tại thì hết thảy đều tự tại). “Một” chính là nhất tâm mà chúng sanh và Phật có cùng một Thể. Nếu cái tâm được thanh tịnh, tự tại, quả báo nơi y báo và chánh báo trong mười pháp giới đều thanh tịnh, tự tại. Do vậy, đức Phật răn dạy chúng ta: Hãy cầu sự giải thoát của chư Phật từ ngay trong tâm hạnh của chúng ta. Hết thảy Bồ Tát đều nên biết những Sự Lý này.

Đã biết Lý ấy, sẽ có thể cầu tâm, chứ không cầu nơi hình tích, chỗ nào cũng đều có thể quy vào nhất tâm trong hiện tiền. Chẳng hạn như chúng ta tu Ngũ Niệm Môn, thân nghiệp lễ bái A Di Đà Phật, sẽ biết tánh của đức Phật mà ta đang lễ và tánh của người lễ bái đều là không tịch, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Niệm nào cũng đều tưởng vãng sanh hồng thảy Phật, lễ Phật. Lâu ngày chày tháng, tự nhiên được thấy Phật Di Đà. Đây chính là thành tựu thân nghiệp thanh tịnh.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Khẩu nghiệp xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, có thể đứng như quang minh trí tướng của A Di Đà Phật mà tán thán; vậy thì khi quý vị chấp trì Phật hiệu, tâm quý vị cũng có quang minh trí tướng sanh khởi. Lâu ngày chầy tháng, tự nhiên sẽ phá vô minh. Đó chính là thành tựu khẩu nghiệp thanh tịnh. Ý nghiệp trọn đủ cái tâm ưa thích [Cực Lạc] và chán nhàm [Sa Bà] thì chính là thiện xảo tu Chỉ Quán. Nhất tâm chuyên niệm, chán lìa Sa Bà, mong rớt rảo vãng sanh An Lạc quốc, có thể khiến cho vọng tâm của chúng ta ngưng dứt. Chánh niệm quan sát y báo và chánh báo trang nghiêm trong cõi Phật ấy, cầu sanh Tịnh Độ, có thể khiến cho chúng ta quán tâm rõ ràng. Đây chính là thành tựu ý nghiệp thanh tịnh. Ba nghiệp đều chuyển nhiễm thành tịnh như thế, dùng công đức thanh tịnh do tu tập ba nghiệp thanh tịnh để hồi hướng tới hết thấy chúng sanh khổ não, tâm thường phát nguyện: “Nguyện cho hết thấy chúng sanh cùng thấy Phật Di Đà, cùng sanh về Cực Lạc, cùng thành Phật đạo, cùng giáo hóa chúng sanh”. Đây chính là thành tựu trí huệ, phương tiện và đại bi tâm vô ngại.

Đã có trí huệ, phương tiện, và vô ngại tâm, tất nhiên sẽ chẳng mê mất Đại Thừa Bồ Đề tâm, có thể sanh về cõi Phật An Lạc thanh tịnh ấy, rớt rảo đạt được Phật quả đại Niết Bàn thanh tịnh, thành tựu diệu lạc thắng chân tâm! Lại nữa, trí huệ tâm quán cảnh chẳng thể nghĩ bàn. Phương tiện tâm là thật sự phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, và tâm hồi hướng cho hết thấy chúng sanh. Vô chướng tâm là Chỉ Quán thiện xảo và trợ tu vạn hạnh. Ba tâm ấy từ nhân đến quả, nhiếp chung hết thấy “*cảnh, hạnh, quả*” của Đại Thừa; vì thế, gọi chung là “*diệu lạc thắng chân tâm*”. Do vậy, bốn thứ tâm thanh tịnh ấy chính là danh xưng chung để gọi hết thấy các công đức vô lậu được thành tựu bởi hàng Bồ Tát tu pháp môn Ngũ Niệm. Nếu có thể trọn đủ viên mãn, sẽ chẳng cần các nhân duyên khác mà vẫn có thể sanh vào Tịnh Độ, nhất định thành Phật! Đây là nhất lộ Niết Bàn môn của mười phương ba đời chư Phật! Do vậy, hết thấy Bồ Tát đều nên biết tánh chất trọng yếu của việc tu pháp môn Ngũ Niệm, hòng có thể thành tựu bốn thứ tâm thanh tịnh.

2.2.2.2.9.2. Tùy ý tự tại

(Luận) Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát tùy thuận ngũ chủng pháp môn, sở tác tùy ý tự tại thành tựu, như hướng sở thuyết thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, trí nghiệp, phương tiện trí nghiệp, tùy thuận pháp môn cố.

(Chú) Tùy ý tự tại giả, ngôn thủ ngũ chủng công đức lực, năng sanh thanh tịnh Phật độ, xuất một tự tại dã. Thân nghiệp giả, lễ bái dã. Khẩu nghiệp giả, tán thán dã. Ý nghiệp giả, tác nguyện dã. Trí nghiệp giả, quán sát dã. Phương tiện trí nghiệp giả, hồi hướng dã. Ngôn thủ ngũ chủng nghiệp hòa hợp, tác thị tùy thuận vãng sanh Tịnh Độ pháp môn tự tại nghiệp thành tựu.

(論)是名菩薩摩訶薩隨順五種法門，所作隨意自在成就，如向所說身業，口業，意業，智業，方便智業，隨順法門故。

(註)隨意自在者，言此五種功德力，能生清淨佛土，出沒自在也。身業者，禮拜也。口業者，讚歎也。意業者，作願也。智業者，觀察也。方便智業者，迴向也。言此五種業和合，則是隨順往生淨土法門自在業成就。

(Luận: Đó gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát tùy thuận năm loại pháp môn, việc làm được tùy ý tự tại thành tựu vì thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, trí nghiệp, phương tiện trí nghiệp như đã nói trên đây đều tùy thuận pháp môn.

Chú: “Tùy ý tự tại” là nói năm thứ sức công đức có thể sanh trong cõi Phật thanh tịnh, xuất hiện, hay ẩn mất tự tại. Thân nghiệp là lễ bái. Khẩu nghiệp là tán thán. Ý nghiệp là phát nguyện. Trí nghiệp là quán sát. Phương tiện trí nghiệp là hồi hướng. Có nghĩa là năm thứ nghiệp ấy hòa hợp, bền thành tựu nghiệp tự tại tùy thuận vãng sanh trong pháp môn Tịnh Độ).

Đây là khoa thứ hai trong phần Nguyện Sự Thành Tựu, gọi là Tùy Ý Tự Tại. Bồ Tát muốn thành tựu nghiệp tùy ý tự tại, [nếu tuân] theo cách tu hành Nan Hành Đạo thông thường của các vị Bồ Tát thì bậc đại Bồ Tát trong Biệt Giáo đã chứng từ Sơ Địa trở lên cần phải trải qua một đại A-tăng-kỳ kiếp mới có [khả năng tùy ý tự tại]. Vì thế, Luận viết là “Bồ Tát Ma Ha Tát”. Nay Luận Chủ bảo chúng ta: Tuy quý vị là Sơ Tâm Bồ Tát, chỉ cần được nghe kinh Vô Lượng Thọ và luận này, tín giải “vãng sanh Tịnh Độ là đạo dễ hành”, tùy thuận tu pháp môn Ngũ Niệm, thành tựu sức công đức của Ngũ Niệm Môn, thì trong đời này, sẽ đạt được thành quả “tùy ý tự tại”. Thành quả ấy chính là có thể tự tại sanh vào An Lạc Tịnh Độ, có thể tự tại thấy A Di Đà Phật, tự tại dạo chơi các cõi Phật, tu Bồ Tát hạnh, cúng dường chư Phật, hóa độ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

chúng sanh, cho đến mười thứ tự tại của bậc Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên: Mạng, tâm, các vật cần dùng, nghiệp, thọ sanh, giải, nguyện, thần lực, pháp, trí v.v... hết thấy đều có. Vì sao tu Ngũ Niệm Môn thành tựu sẽ có sự tùy ý tự tại như thế? Một mặt là do bốn nguyện công đức và thần lực tự tại của A Di Đà Phật gia trì vị Bồ Tát tu Ngũ Niệm Môn, cho nên có thể được tự tại như thế.

Tức là giống như trong hiện thời, ngồi máy bay phản lực có thể tùy ý đến chơi các quốc gia trên thế giới, hoặc xem TV phát sóng từ vệ tinh nhân tạo, sẽ đều có thể tùy ý thấy các tình huống hoạt động hiện thời ở các nơi trên thế giới, nghe các loại âm thanh ngôn ngữ khác nhau trên toàn thế giới. Chuyện này hoàn toàn dựa vào công dụng của phi cơ, vệ tinh, và TV, mà đã có thể đạt được sự tùy ý tự tại như thế. Mặt khác, hàng Bồ Tát tu Ngũ Niệm Môn, tam nghiệp của chính mình có thể thanh tịnh, đúng pháp tu hành Ngũ Niệm Môn, chứng Vô Sanh Pháp Nhân, thành tựu Đại Thừa nhu nhuyễn tâm, điều lạc thắng chân tâm. Tâm được tự tại, sẽ có tự tại trí, có thể tùy ý tự tại thực hiện. Do vậy, Luận viết: *“Do thân, khẩu, ý nghiệp, trí nghiệp và phương tiện trí nghiệp như đã nói trên đây mà tùy thuận pháp môn Ngũ Niệm”*. Điều này hoàn toàn là do tam nghiệp thanh tịnh mà thành tựu trí nghiệp tự tại và phương tiện trí nghiệp tự tại, tức là tự lợi, lợi tha, hết thấy đều có thể tùy ý tự tại.

Như quyển hai mươi sáu của kinh Đại Bảo Tích đã chép: *“Bồ Tát đắc tự tại trí, hữu thập ngũ chủng (tự tại): Nhất giả, tại tại xứ xứ sanh đắc tự tại trí. Nhị giả, bất đoạn tuyệt nhất thiết thiện căn đắc tự tại trí. Tam giả, u chư thiện căn (công đức) vô yếm tức đắc tự tại trí. Tứ giả, vị hóa chúng sanh cố, sanh tam giới đắc tự tại trí. Ngũ giả, vị chư chúng sanh đoạn kết sử cố, cần tu tinh tấn đắc tự tại trí. Lục giả, vị tịch tĩnh nhất thiết chúng sanh chư khổ não cố, đắc tự tại trí. Thất giả, nhiếp thủ giáo hóa chúng sanh cố, đắc tự tại trí. Bát giả, phi đoạn tự kỷ tam độc đắc danh tự tại, năng đoạn nhất thiết chúng sanh tham sân si, cố danh tự tại. Cửu giả, vị chư chúng sanh chứng diệt pháp, cố danh tự tại. Thập giả, vị chư thiện căn tăng trưởng, bất đoạn hữu lậu pháp, danh đắc tự tại. Thập nhất giả, phi chứng tam giải thoát danh tự tại; thị giải liễu tam giải thoát, cố danh tự tại. Thập nhị giả, phi tự tại tịch diệt Ngũ Ấm danh tự tại, vị xả nhất thiết chúng sanh trọng đảm (Ngũ Ấm), danh vị tự tại. Thập tam giả, phi dĩ diệt lục căn danh tự tại, tri chư chúng sanh thượng hạ căn, cố danh tự tại. Thập tứ giả, phi dĩ sanh phần tận danh đắc tự tại, bất dĩ đoạn tuyệt sanh, cố danh tự tại. Thập*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

ngũ giả, Bồ Tát tọa đạo tràng đắc giải thoát quả, thọ dụng nhất thiết chư chúng sanh, cố danh tự tại” (Bồ Tát đắc trí tự tại, có mười lăm thứ (tự tại): Một là sanh ở bất cứ nơi đâu cũng đều đắc trí tự tại. Hai là chẳng đoạn tuyệt hết thảy thiện căn mà đắc trí tự tại. Ba là chẳng chán đủ các thiện căn (công đức) mà đắc trí tự tại. Bốn là vì giáo hóa chúng sanh mà sanh trong tam giới, đắc trí tự tại. Năm là vì đoạn các kết sử của chúng sanh mà siêng tu tinh tấn, đắc trí tự tại. Sáu là vì vắng lặng các khổ não của hết thảy chúng sanh mà đắc trí tự tại. Bảy là do nhiếp thủ giáo hóa chúng sanh mà đắc trí tự tại. Tám là chẳng vì đoạn Tam Độc của chính mình mà được gọi là tự tại, mà là vì có thể đoạn tham, sân, si của hết thảy chúng sanh, nên được gọi là tự tại. Chín là vì các chúng sanh mà chúng diệt pháp, nên gọi là tự tại. Mười là vì tăng trưởng các thiện căn, chẳng đoạn pháp hữu lậu mà gọi là đắc tự tại. Mười một là chẳng do chúng ba món giải thoát mà gọi là tự tại, mà vì hiểu rõ ba món giải thoát, nên gọi là tự tại. Mười hai là chẳng do tự tại tịch diệt Ngũ Âm bèn gọi là tự tại, mà là vì bỏ gánh nặng (Ngũ Âm) cho hết thảy chúng sanh, nên gọi là tự tại. Mười ba, chẳng do diệt sáu căn bèn gọi là tự tại, mà vì biết các căn thượng hạ của chúng sanh, nên gọi là tự tại. Mười bốn là chẳng do đã hết sanh phần mà gọi là tự tại, mà là do chẳng đoạn tuyệt sanh, nên gọi là tự tại. Mười lăm là Bồ Tát ngồi nơi đạo tràng đắc quả giải thoát, thọ dụng hết thảy chúng sanh, nên gọi là tự tại). Trong đời hiện tại chắc là có Tịnh Tông Bồ Tát do thành tựu Ngũ Niệm Môn, đạt được Đại Thừa nhu nhuyễn tâm, đạt được tự tại giống như thế, tương đồng với những vị tổ sư Thiên Tông và bậc Địa Thượng Bồ Tát. Nếu là người chưa đắc tự tại, hễ vắng sanh Cực Lạc, “*hoa nở thấy Phật, ngộ Vô Sanh*”, nhất định là sẽ có thể đạt được! Do vậy, ngài Đàm Loan giảng giải: “*Tùy ý tự tại là nói do sức công đức của pháp môn Ngũ Niệm này mà có thể sanh về Tịnh Độ, xuất hiện hay ẩn mất tự tại (tự tại vắng sanh thấy Phật, tự tại trở lại độ sanh)*”.

Lẽ bái thành tựu công đức nơi thân nghiệp, tán thán thành tựu công đức nơi khẩu nghiệp, phát nguyện thành tựu công đức nơi ý nghiệp, quán sát thành tựu công đức nơi trí nghiệp, hồi hướng thành tựu công đức nơi phương tiện trí nghiệp. Dùng công đức do thực hiện năm thứ nghiệp (thuộc pháp môn Ngũ Niệm) ấy, hòa hợp thành tựu nghiệp tùy ý tự tại. Tu Ngũ Niệm Môn là nhân, đạt được tự tại là quả. Nhân quả hòa hợp, tự lực và tha lực hòa hợp, bèn tùy thuận tu pháp môn vắng sanh Tịnh Độ, có thể đạt được thành tựu nghiệp ra vào tự tại

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

(vãng sanh Tịnh Độ là “ra”, trở lại cõi trước độ sanh là “vào”). Đây chẳng phải là ngẫu nhiên, chẳng phải là không có nhân, mà cũng chẳng phải là do nhân duyên nào khác, càng chẳng phải là lời nói vô căn cứ! Nếu xác thực là có thể thành tựu Ngũ Niệm Môn, ắt được vãng sanh An Lạc quốc. Hễ sanh về đó, sẽ bất thoái, rốt ráo là Nhất Sanh Bỏ Xứ, vậy thì sẽ tùy ý tự tại giống như Phật!

Tôi nói một thí dụ: Cái tâm của chúng ta giống như một tấm gương sáng sạch, bị tro bụi phủ lấp, chẳng thể soi các vật. Tám vạn bốn ngàn pháp môn của Phật pháp đều nhằm dạy chúng ta phương pháp trừ bỏ tro bụi như thế nào. Một mai chất như hết, ánh sáng hiện ra, sẽ có thể tự tại soi vật. Trần cấu trong tâm chúng ta chỉ cậy vào tự lực để chùi sạch thì rất khó, nhưng nếu có thể dùng một giọt chất tẩy rửa thì sẽ rất dễ dàng trừ khử bất cứ như bản nào, khôi phục sự sáng sạch của cái tâm. Chất tẩy rửa chính là pháp môn Ngũ Niệm, hễ thành tựu nó (giống như sử dụng chất tẩy rửa), sẽ có thể ngay lập tức khôi phục cái tâm vốn tịnh. Tâm thanh tịnh, sẽ được tự tại. Như gương sạch sẽ có thể tự tại hiện ra các hình tượng, cùng một đạo lý như vậy đây!

2.2.2.2.10. Lợi hành mãn túc

(Chú) Lợi hành mãn túc giả.

(註)利行満足者。

(Chú: Trọn vẹn hạnh tự lợi, lợi tha...)

2.2.2.2.10.1. Nêu chung

(Luận) Phục hữu ngũ chủng môn, tiệm thứ thành tựu ngũ chủng công đức, ưng tri.

(論)復有五種門，漸次成就五種功德，應知。

(Luận: Lại có năm thứ môn, theo thứ tự thành tựu năm loại công đức, hãy nên biết).

Từ đây trở đi là lòng từ bi của Luận Chủ, dùng những sự tương dễ biết trong thế gian, chia thành năm môn xuất nhập. Dùng cách nói so sánh tương tự để diễn tả thì: Tu hành pháp môn Ngũ Niệm lần lượt theo thứ tự thì Tịnh nghiệp hành nhân sẽ có thể thành tựu xuất nhập tùy ý tự tại, tức là vãng sanh Tịnh Độ, trở lại Sa Bà, tất cả công đức tự lợi, lợi

tha đáng nên làm của Bồ Tát, hết thảy sẽ đều viên mãn. Do vậy, phần này được ngài Đàm Loan khoa phán là Lợi Hành Mãn Túc, tức là tự lợi (nhập) và lợi tha (xuất) đều trọn đủ viên mãn. Hai câu Luận ở đây tức là trước hết bèn nêu ra năm môn, cho nên nói: “*Phục hữu ngũ chủng môn, tiệm thứ thành tựu ngũ chủng công đức*” (Lại có năm loại môn theo thứ tự thành tựu năm thứ công đức). “*Tiệm thứ*” là trước nhập, sau xuất, là thứ tự để tuần tự tiến dần dần. Như vậy thì có thể thành tựu năm loại công đức “tự lợi, lợi tha”. Bồ Tát tu Ngũ Niệm Môn hãy đều nên biết như thế.

2.2.2.2.10.2. Phần giải thích chánh yếu

2.2.2.2.10.2.1. Nêu chung về công đức thành tựu xuất nhập

(Luận) Hà giả ngũ môn? Nhất giả, cận môn. Nhị giả, đại hội chúng môn. Tam giả, trạch môn. Tứ giả, ốc môn. Ngũ giả, viên lâm du hý địa môn. Thứ ngũ chủng môn, sơ tứ chủng môn thành tựu nhập công đức. Đệ ngũ môn, thành tựu xuất công đức.

(Chú) Thứ ngũ chủng thị hiện nhập xuất thứ đệ tướng. Nhập tướng trung, sơ chí Tịnh Độ thị cận tướng. Vị nhập Đại Thừa Chánh Định Tụ, cận A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nhập Tịnh Độ dĩ, tiệm nhập Như Lai đại hội chúng số. Nhập chúng số dĩ, đương chí tu hành an tâm chi trạch. Nhập trạch dĩ, đương chí tu hành sở cư ốc vũ. Tu hành thành tựu dĩ, đương chí giáo hóa địa. Giáo hóa địa, tức thị Bồ Tát tự ngu lạc địa. Thị cố xuất môn, xưng viên lâm du hý địa môn. Thứ xuất nhập công đức môn, hà giả thị? Thích ngôn.

(論)何者五門？一者，近門。二者，大會眾門。三者，宅門。四者，屋門。五者，園林遊戲地門。此五種門，初四種門成就入功德。第五門，成就出功德。

(註)此五種示現入出次第相。入相中，初至淨土是近相。謂入大乘正定聚，近阿耨多羅三藐三菩提。入淨土已，便入如來大會眾數。入眾數已，當至修行安心之宅。入宅已，當至修行所居屋宇。修行成就已，當至教化地。教化地，即是菩薩自娛樂地。是故出門，稱園林遊戲地門。此入出功德門，何者是？釋言。

(Luận: Những gì là năm môn? Một là cận môn. Hai là đại hội

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

chúng môn. Ba là trạch môn. Bốn là ốc môn. Năm là viên lâm du hý địa môn. Trong năm loại môn này, bốn môn đầu nhằm thành tựu công đức để nhập. Môn thứ năm nhằm thành tựu công đức để xuất.

Chú: Năm môn ấy nhằm chỉ rõ tướng xuất nhập theo thứ tự. Trong tướng để nhập thì mới đến Tịnh Độ là cận tướng (tướng gần), tức là dựa vào Chánh Định Tụ của Đại Thừa, gần với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đã vào trong Tịnh Độ, bèn dựa vào đại chúng trong pháp hội của Như Lai. Đã dựa vào hàng đại chúng, sẽ đến được căn nhà “an tâm tu hành”. Đã vào nhà rồi, sẽ đến phòng ốc dành cho tu hành. Khi đã tu hành thành tựu, sẽ đạt đến địa vị giáo hóa. Địa vị giáo hóa chính là chỗ vui sướng của Bồ Tát. Vì thế, xuất môn (từ Cực Lạc trở lại giáo hóa chúng sanh) được gọi là viên lâm du hý địa môn (môn vườn rừng để vui chơi). Các môn công đức xuất nhập này (bao gồm năm môn) là như thế nào? Trong phần giải thích ở phía sau [sẽ giải thích].

Năm môn là gì? Vì thế, trước hết nêu ra [danh xưng của] năm loại môn. Bốn môn đầu nhằm thành tựu công đức Nhập, môn thứ năm nhằm thành tựu công đức Xuất. “*Trước nhập, sau xuất*” là thứ tự tất nhiên. Dùng sự tương xuất nhập nông cạn, gần gũi của thế gian để sánh ví quá trình tu pháp môn Ngũ Niệm của Bồ Tát, cũng phải nên là “*trước nhập, sau xuất*”. Tức là trước hết thành tựu công đức tự lợi, thì gọi là Nhập. Sau đây, thành tựu công đức lợi tha, thì gọi là Xuất. Thường nói là “*tự độ trước đã rồi sau đó mới độ người*”. Đây là quy củ thom thảo muôn đời chẳng đổi. Như kinh Vô Lượng Thọ đã dạy: “*Chư Phật cáo Bồ Tát, linh cận An Dưỡng Phật, văn pháp nhạo thọ hành, tât đắc thanh tịnh xứ*” (Chư Phật bảo Bồ Tát, thân cận An Dưỡng Phật, nghe pháp thích vâng hành, chóng đạt chốn thanh tịnh). Đây chính là từ môn thứ nhất cho đến môn thứ tư trong Luận này, thành tựu công đức để “*nhập*”.

“*Bồ Tát hưng chí nguyện, nguyện kỹ quốc vô dị. Phổ niệm độ nhất thiết, danh hiển mãn thập phương*” (Bồ Tát đầy chí nguyện, nguyện nước mình chẳng khác. Nguyện độ trọn hết thầy, tiếng tăm rạng mười phương). Đây chính là môn thứ năm trong luận này, thành tựu công đức Xuất. Ví như muốn xuống biển để cứu người, ắt chính mình phải học cách bơi lội trước đã. Nếu không, chính mình lẫn người khác đều chìm lìm, chẳng có mấy may ích lợi nào!

Trong Trí Độ Luận, Long Thọ Bồ Tát đã nói: “*Chẳng thể tự độ mà có thể độ người khác, chẳng có lẽ ấy*”. Kinh Pháp Hoa có nói:

“*Tiên thuyết tam thừa giáo, hậu thuyết Nhất Thừa pháp*” (Trước nói giáo pháp tam thừa, sau dạy pháp Nhất Thừa) đều là “*trước tự độ, sau độ người*” giống hệt! Trong thế giới Sa Bà này, học Phật, hành Bồ Tát đạo, ai cũng đều chẳng thể là ngoại lệ! Xét theo sự thị hiện trong một đời của Thích Ca Thế Tôn, trong tám tướng thành đạo, từ tướng thứ nhất cho đến tướng thứ sáu đều nhằm thành tựu “*nhập*” môn, tướng thứ bảy mới là “*xuất*” môn. Tướng thứ tám là “*xuất nhập viên mãn*”, thị hiện Niết Bàn. Đây chẳng phải là một tấm gương hay nhất cho hết thầy các vị Bồ Tát ư?

Có những vị đại tâm Bồ Tát coi thường chuyện lễ Phật, niệm Phật, và các hạnh môn có thể thành tựu tự lợi khác, chỉ chú trọng hành pháp hóa độ chúng sanh. Điều này giống như chẳng có tiền trong trương mục ngân hàng, chi phiếu viết ra làm sao có thể thanh toán, sử dụng cho được? Do vậy, Luận Chủ tâm từ bi tha thiết, vì khiến cho hết thầy Bồ Tát đều có thể nương theo pháp môn Ngũ Niệm này trước nhập sau xuất, do tự lợi mà lợi tha, cùng thành Phật đạo, chẳng đến nỗi mù quáng, điên đảo, nhọc nhằn uổng công, cho nên trong phần cuối bộ luận này, Ngài đã đặc biệt tha thiết chỉ bày thứ tự thực hiện dần dần năm môn thành tựu xuất nhập công đức. Đây chính là “*vạn người tu, vạn người đến (vãng sanh Tịnh Độ)*”, là giấy bảo đảm cho những ai nghe pháp (nghe cách tu Ngũ Niệm Môn trong luận này), không một ai chẳng thành Phật, mà cũng là tấm bia chỉ đường an toàn nhất cho Bồ Tát đạt thành Bồ Tát đạo “*thượng cầu, hạ hóa, tự lợi, lợi tha*”.

Ngài Đàm Loan giải thích năm thứ môn này hết sức khế hợp nguyện ý của Luận Chủ:

1) Chúng sanh thuộc ba bậc, chín phẩm có thể tu Ngũ Niệm Môn vãng sanh Tịnh Độ, lúc mới đến [Tịnh Độ] thì gọi là Cận Môn. “*Cận*” (近, gần) ở đây không chỉ là thân cận Phật Di Đà và các vị thượng thiện nhân, mà còn là gần với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì phạm là người vãng sanh, đều thuộc vào Chánh Định Tự, tức là đại Bồ Tát bất thoái chuyển, rất ráo ắt đạt đến Nhất Sanh Bồ Xứ.

2) Đã sanh về Tịnh Độ thì chính là pháp quyền của Phật Di Đà, bèn thuộc vào đại chúng trong hội thuyết pháp của Phật Di Đà, nghe pháp liền vui thích phụng hành. Vì thế gọi là Đại Hội Chúng Môn.

3) Môn thứ ba là Trạch Môn, tức là như người vào tòa nhà hoa lệ (Cực Lạc trang nghiêm), an tâm cư trụ trong đó.

4) Môn thứ tư là Ốc Môn, tức là như người vào trong nội đường, đạt được chỗ thanh tịnh, thân tâm nghỉ ngơi, hưởng thụ an lạc, tức là đã

được nghỉ ngơi (tu hành công đức tự lợi, lợi tha, hết thầy đã thành tựu). Đó gọi là tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông, hết thầy công đức cũng đều thành tựu.

5) Sau đây, chẳng trái nghịch bốn nguyện, trở về Sa Bà, dùng đủ mọi phương tiện chẳng thể nghĩ bàn để hóa độ hết thầy chúng sanh. Đây là Xuất Môn, gọi là Giáo Hóa Địa, mà cũng là Bồ Tát dùng lợi tha để thành tựu tự lợi, gọi là chỗ để chính mình vui sướng, thỏa thích. Vì thế, sánh ví là Viên Lâm Du Hý Địa Môn.

Đây chẳng phải là dùng năm loại môn ấy để tu hành Ngũ Niệm Môn theo thứ tự xuất nhập và thành tựu tướng công đức đã được hoàn toàn bao gồm chẳng sót ư? Bốn môn đầu thành tựu công đức Nhập, môn thứ năm thành tựu công đức Xuất. Trước nhập, sau xuất, do tự độ mà độ người khác, pháp vốn là như thế đó!

2.2.2.2.10.2.2. Giải thích môn nhập thứ nhất

(Luận) Nhập đệ nhất môn giả, dĩ lễ bái A Di Đà Phật, vị sanh bỉ quốc cố, đắc sanh An Lạc thế giới. Thị danh Nhập đệ nhất môn.

(Chú) Lễ Phật, nguyện sanh Phật quốc, thị sơ công đức tướng.

(論)入第一門者，以禮拜阿彌陀佛，為生彼國故，得生安樂世界。是名入第一門。

(註)禮佛，願生佛國，是初功德相。

(Luận: Môn thứ nhất của Nhập là dùng lễ bái A Di Đà Phật nhằm sanh về cõi ấy. Đó gọi là môn thứ nhất của Nhập.

Chú: Lễ Phật, nguyện sanh vào cõi Phật, là tướng công đức đầu tiên).

Dùng thân nghiệp thanh tịnh lễ kính Phật Di Đà, đây là chỗ để thực hiện tu tập Ngũ Niệm Môn. Giả sử Tịnh nghiệp hành nhân chẳng lay Phật, cho thấy căn bản là quý vị chẳng có tín nguyện đối với pháp môn Tịnh Độ. Tín nguyện là tiền đề của tư lương hòng thành tựu vãng sanh Tịnh Độ. Vì thế gọi là “*sơ công đức tướng*” (tướng công đức đầu tiên). Có những kẻ tuy lễ Phật, nhưng chẳng vì nguyện sanh Tịnh Độ mà lay, mà là vì có mục đích khác: Hoặc nhằm tiêu nghiệp chướng, hoặc vì cầu danh lợi, bình an cho chính mình; hoặc là để thân thể khỏe mạnh mà vận động. Những hạng người ấy đều chẳng thành tựu công đức thứ nhất trong Nhập môn, chẳng được vãng sanh An Lạc quốc. Do

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

vậy, hồi Tịnh nghiệp hành nhân! Khi quý vị lạy Phật, mỗi một lạy đều phải chí thành khẩn thiết, tín nguyện vãng sanh Tịnh Độ, đích thân phụng sự Phật Di Đà, nghe pháp, thọ ký.

Trong Tịnh Độ Sám có câu “*nhất tâm quy mạng Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật*” chính là trọn đủ tín nguyện lễ Phật vậy. Như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có nói: “*Tận pháp giới vi trần số chư Phật, ngã dĩ Phổ Hiền hạnh nguyện lực cố, thâm tâm tín giải, như đối mục tiền, tất dĩ thanh tịnh thân ngữ ý nghiệp, thường tu lễ kính. Nhất nhất Phật sở, giai hiện bất khả thuyết trần số thân, nhất nhất thân biến lễ bất khả thuyết trần số Phật... vô hữu cùng tận, niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm*” (Trọn hết pháp giới chư Phật nhiều như số vi trần, tôi do sức của hạnh nguyện Phổ Hiền thâm tâm tin hiểu, như đối trước mắt, đều dùng thân ngữ ý nghiệp thanh tịnh, thường tu lễ kính. Ở nơi mỗi đức Phật, đều hiện chẳng thể nói thân nhiều như vi trần. Mỗi thân lễ trọn khắp chẳng thể nói chư Phật nhiều như số vi trần... chẳng có cùng tận, niệm niệm liên tục, chẳng gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp chẳng có một chán). Nếu có thể vì vãng sanh Cực Lạc mà thường chí thành lễ Phật chẳng gián đoạn, chẳng một chán, do A Di Đà Phật đại diện cho hết thầy các đức Phật, [cho nên] lễ kính Phật Di Đà tức là lễ kính chư Phật. Không chỉ là có thể thành tựu tướng công đức đầu tiên là vãng sanh Tịnh Độ, đạt được Cận Môn thuộc về Nhập, mà còn có thể thành tựu công đức của Như Lai, tức là Phật hạnh. Có thể dùng công đức của nguyện hạnh lễ bái ấy để dẫn về Cực Lạc thì chính là Phổ Hiền Hạnh, ắt được vãng sanh. Cư sĩ Vương Nhật Hưu đời Tống hằng ngày lễ A Di Đà Phật một ngàn lạy, nguyện sanh về An Lạc. Tới khi lâm chung, đứng trước tượng Phật mà vãng sanh, Ngài là tấm gương tốt nhất cho chúng ta.

2.2.2.2.10.2.3. Giải thích môn nhập thứ hai

(Luận) Nhập đệ nhị môn giả, dĩ tán thán A Di Đà Phật, tùy thuận danh nghĩa xưng Như Lai danh, y Như Lai quang minh trí tướng tu hành cố, đắc nhập đại hội chúng số. Thị danh Nhập đệ nhị môn.

(Chú) Y Như Lai danh nghĩa tán thán, thị đệ nhị công đức tướng.

(論)入第二門者，以讚歎阿彌陀佛，隨順名義稱如來

名，依如來光明智相修行故，得入大會眾數。是名入第二門。

(註)依如來名義讚歎，是第二功德相。

(Luận: Môn thứ hai của Nhập là dùng tán thán A Di Đà Phật, do thuận theo ý nghĩa trong danh hiệu mà xưng niệm Như Lai danh, nương theo quang minh trí tướng của Như Lai để tu hành bèn dự vào hàng đại chúng trong Phật hội. Đó gọi là môn thứ hai của Nhập.

Chú: Nương theo danh nghĩa của Như Lai để tán thán thì là tướng công đức thứ hai).

Nói tán thán là môn Nhập thứ hai, vì xưng danh hiệu Phật chính là tán thán hết thấy công đức của A Di Đà Phật. Tùy thuận A Di Đà Phật, tức Vô Ngại Quang Phật. Thân quang và trí quang của Ngài chiếu trọn khắp mười phương chẳng bị chướng ngại. Khi quý vị niệm danh hiệu Ngài, dùng ba nghiệp thanh tịnh quán tưởng quang minh và trí tướng của A Di Đà Phật để xưng niệm danh hiệu Phật. Danh hiệu của Phật chính là quang minh và trí tướng. Xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật chính là xưng tán A Di Đà Phật quang minh vô lượng, trí huệ vô lượng, và công đức vô lượng. Vì thế, A Di Đà Phật còn gọi là Vô Lượng Quang Phật, Trí Huệ Quang Phật, cho đến Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật. Tu hành như thế, thực hiện dễ, thành công cao, có thể thành tựu môn công đức thứ hai của Nhập, được sanh về Tịnh Độ, tiến nhập đại chúng trong hội thuyết pháp của A Di Đà Phật, trở thành Bồ Đề pháp quyến của A Di Đà Phật. Đó gọi là tướng công đức thứ hai. Cũng có kẻ xưng niệm A Di Đà Phật mà chẳng được dự vào trong số đại chúng nơi hội thuyết pháp của A Di Đà Phật là vì có tâm nghi hoặc, chẳng có trí huệ, chẳng phải là nương theo tướng trí huệ quang minh của A Di Đà Phật để xưng niệm. Do vậy, sẽ sanh vào biên địa của thế giới Cực Lạc, chẳng được thấy Phật, nghe pháp, cúng dường Bồ Tát đại chúng, phải trải qua năm trăm năm mới được dự vào trong số đại chúng thuộc hội thuyết pháp của đức Phật, đánh mất lợi ích to lớn!

Nếu có thể vâng theo lời phẩm Hạnh Nguyên đã dạy: “*Tận pháp giới vi trần trung, giai hữu vi trần số Phật, nhất nhất Phật sở giai hữu Bồ Tát hải hội vi nhiều, ngã đương tất dĩ thậm thâm thắng giải hiện tiền tri kiến, các dĩ xuất quá Biện Tài Thiên Nữ vi diệu thiết căn, xuất nhất thiết ngôn từ hải, xưng dương tán thán nhất thiết Như Lai chư công đức hải*” (Trong mỗi vi trần của tốt cùng pháp giới đều có chư

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Phật nhiều như số vi trần. Nơi mỗi đức Phật đều có Bồ Tát nhóm họp như biển vây quanh Phật. Tôi ắt đều dùng kiến giải thù thắng rất sâu và tri kiến hiện tiền, đều dùng cái lưới vi diệu vượt xa Biện Tài Thiên Nữ, phát ra hết thảy biển các ngôn từ để xung tưng, tán thán các biển công đức của hết thảy Như Lai). Do thời gian và không gian vô tận, tán thán cũng chẳng cùng tận, niệm niệm liên tục, chẳng hề gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp chẳng có chán mệt thì càng tốt hơn.

Dùng nguyện hạnh này dẫn về Cực Lạc, liền được vãng sanh, thành tựu công đức của Như Lai, như phẩm Hạnh Nguyên có nói: *“Thị nhân lâm mạng chung thời, tối hậu sát-na, nhất thiết chư căn tất giai tán hoại, nhất thiết thân thuộc tất giai xả ly, nhất thiết oai thế tất giai thoái thất, phụ tướng, đại thần, cung thành nội ngoại, tượng, mã, xa thặng, trân bảo phục tạng, như thị nhất thiết, vô phục tương tùy. Duy thử nguyện vương bất tương xả ly. Ư nhất thiết thời, dẫn đạo kỳ tiền, nhất sát-na trung, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới... tự kiến sanh liên hoa trung, mộng Phật thọ ký, đắc thọ ký dĩ, tận u vị lai kiếp hải, quảng năng lợi ích nhất thiết chúng sanh”* (Khi người ấy sắp mạng chung, trong sát-na cuối cùng, hết thảy các căn thảy đều tan hoại, hết thảy quyến thuộc thảy đều lìa bỏ, hết thảy oai thế thảy đều suy sụp, phụ tướng, đại thần, cung điện trong ngoài, voi, ngựa, xe cộ, kho báu trân quý, hết thảy như thế chẳng còn thuận theo. Chỉ có nguyện vương này chẳng hề lìa bỏ, trong hết thảy các thời, nó dẫn đường đăng trước, trong một sát-na, liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc... tự thấy [chính mình] sanh trong hoa sen, được Phật thọ ký. Đã được thọ ký, bèn trong tốt cùng biển vị lai kiếp, có thể lợi ích rộng lớn hết thảy chúng sanh).

2.2.2.2.10.2.4. Giải thích môn nhập thứ ba

(Luận) Nhập đệ tam môn giả, dĩ nhất tâm chuyên niệm, tác nguyện sanh bỉ, tu Xa-ma-tha tịch tĩnh tam-muội hạnh cố, đắc nhập Liên Hoa Tạng thế giới. Thị danh Nhập đệ tam môn.

(Chú) Vị tu tịch tĩnh Chỉ cố, nhất tâm nguyện sanh bỉ quốc. Thị đệ tam công đức tướng.

(論)入第三門者，以一心專念，作願生彼，修奢摩他寂靜三昧行故，得入蓮華藏世界。是名入第三門。

(註)為修寂靜止故，一心願生彼國。是第三功德相。

(Luận: Môn Nhập thứ ba là dùng nhất tâm chuyên niệm, phát

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

nguyện sanh về đó, do tu hạnh tam-muội Xa-ma-tha tịch tĩnh nên được vào trong thế giới Liên Hoa Tạng. Đó gọi là môn thứ ba của Nhập.

Chú: Vì tu tịch tĩnh Chỉ mà nhất tâm nguyện sanh về cõi ấy. Đó là tướng công đức thứ ba).

Nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, phát nguyện vãng sanh An Lạc Tịnh Độ, như thế sẽ có thể khiến cho cái tâm bình thường tán loạn, vọng tưởng, phân biệt của chúng ta trở về cái tâm tịch tĩnh vô phân biệt. Do đó, để hành pháp Ban Châu tam-muội cần phải kiến lập đại tín nguyện, niệm chuyên nhất, sẽ có thể đắc tam-muội. Tam-muội (Samadhi) là tiếng Phạn, dịch nghĩa là Chánh Định, cũng chính là nhất tâm bất loạn. Hai môn trước đều thuộc loại tán tâm tu hành, môn thứ ba này thuộc về định tâm tu hành. Do đó, Luận viết: “*Tu Xa-ma-tha (Chỉ) tịch tĩnh tam-muội hạnh*”. Tán tâm thì có gián đoạn, có tạp niệm, có vọng tưởng, có phân biệt. Định tâm thì không gián đoạn, không có tạp niệm, không có vọng tưởng, phân biệt. Không gián đoạn, không có tạp niệm, không có vọng tưởng, thì gọi là “*nhất tâm chánh niệm*”. Đây chính là điều kiện tất yếu để vãng sanh Tịnh Độ. Kinh nói “*mười niệm được sanh*” cũng là nói khi lâm chung thành tựu nhất tâm chánh niệm không gián đoạn, không có tạp niệm và vọng tưởng, mười niệm niệm Phật như thế đó!

Luận viết: “*Đắc nhập Liên Hoa Tạng thế giới*” (Được vào trong thế giới Hoa Tạng). Vì thế giới Cực Lạc là một thế giới trong Liên Hoa Tạng thế giới hải; đã sanh vào Cực Lạc, tức là vào trong thế giới Liên Hoa Tạng. Lại nói thế giới Liên Hoa Tạng là Tha Thọ Dụng Báo Độ của chư Phật, giống như thế giới Cực Lạc là Tha Thọ Dụng Báo Độ của A Di Đà Phật. Vì thế, Hoa Tạng và Cực Lạc chẳng một, chẳng khác⁶⁹. Nhưng nếu dựa theo đường lối khó hành (nan hành đạo) thông thường trong Bồ Tát đạo thì muốn sanh vào thế giới Hoa Tạng sẽ rất khó khăn! Cần phải trải qua một đại A-tăng-kỳ kiếp, phá vô minh, chứng Pháp Thân thì mới vào được. Nay tu pháp môn Ngũ Niệm, nhất tâm chuyên niệm, phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc thì chính là tu tam-muội hạnh, có thể đắc nhất tâm bất loạn (Chỉ), ắt sanh vào Cực Lạc, tức là đã vào trong thế giới Hoa Tạng. Đây là một con đường nhanh, tắt, dễ dàng

⁶⁹ “Chẳng một” vì Cực Lạc là một phần của thế giới Hoa Tạng (Liên Hoa Tạng thế giới hải), “chẳng khác” vì sanh trong Cực Lạc thì đương nhiên sanh trong Hoa Tạng. Hoa Tạng và Cực Lạc có cùng một Thế!

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

nhất, thuận tiện nhất, không chỉ hơn được, mà cũng là Hoa Tạng đại môn bình đẳng nhất, phổ cập nhất.

Chúng sanh thuộc ba bậc, chín phẩm đầy đủ tín nguyện, thành tựu nhất tâm chuyên niệm, ai nấy đều có thể tiến nhập thế giới Hoa Tạng. Như Long Thọ, Thế Thân Bồ Tát, lịch đại tổ sư Tịnh Độ Tông của Trung Hoa đều là thượng phẩm thượng sanh, hễ vãng sanh liền vào trong [thế giới Hoa Tạng], liền trông thấy thế giới Hoa Tạng. Những kẻ vãng sanh khác thuộc trung hạ phẩm, tuy sanh trong cõi Đông Cự hoặc Phương Tiện, nhưng ngay nơi đó chính là Thật Báo Trang Nghiêm Độ của Phật Di Đà, vì thế giới Cự Lạc có đủ bốn cõi theo chiều ngang, cho nên ai nấy đều được tiến nhập thế giới Hoa Tạng. Cổ đức tán thán pháp môn Tịnh Độ đã có một đôi câu đối như sau: “*Tứ sanh cứu hữu đồng đẳng Hoa Tạng huyền môn, bát nạn tam đồ cộng nhập Di Đà nguyện hải*”. Đây là chân thật ngữ, xác thực là như thế đó! Dụ vào thế giới Hoa Tạng giống như vào một tòa nhà hoa lệ. Vì thế, môn thứ ba này được gọi là Trạch Môn.

2.2.2.2.10.2.5. Giải thích môn nhập thứ tư

(Luận) Nhập đệ tứ môn giả, dĩ chuyên niệm quán sát bỉ diệu trang nghiêm, tu Tỳ-bà-xá-na cố, đắc đáo bỉ xứ, thọ dụng chủng chủng pháp vị lạc. Thị danh Nhập đệ tứ môn.

(Chú) Chủng chủng pháp vị lạc giả, Tỳ-bà-xá-na trung, hữu quán Phật quốc độ thanh tịnh vị, nhiếp thọ chủng sanh Đại Thừa vị, tất cánh trụ trì bất hư tác vị, loại sự khởi hạnh nguyện thủ Phật độ vị, hữu như thị đẳng vô lượng trang nghiêm Phật đạo vị, cố ngôn: “Chủng chủng”. Thị đệ tứ công đức tướng.

(論)入第四門者，以專念觀察彼妙莊嚴，修毘婆舍那故，得到彼處，受用種種法味樂。是名入第四門。

(註)種種法味樂者，毘婆舍那中，有觀佛國土清淨味，攝受眾生大乘味，畢竟住持不虛作味，類事起行願取佛土味，有如是等無量莊嚴佛道味，故言：種種。是第四功德相。

(Luận: Môn Nhập thứ tư là do chuyên niệm, quán sát sự trang nghiêm ấy mà tu Tỳ-bà-xá-na, cho nên đến được cõi ấy, thọ dụng đủ mọi niềm vui pháp vị. Đó gọi là môn Nhập thứ tư.

Chú: “Đủ mọi niềm vui pháp vị”: Trong Tỳ-bà-xá-na, có quán cõi Phật thanh tịnh vị, nhiếp thọ chúng sanh Đại Thừa vị, rốt ráo trụ trì chẳng uổng công thực hiện vị, thuận theo sự tương tự mà dấy lên hạnh nguyện giữ lấy cõi Phật vị, có vô lượng trang nghiêm Phật đạo vị như thế, cho nên nói là “đủ mọi thứ”. Đây là tướng công đức thứ tư).

Luận nói dùng chuyên niệm, quan sát sự trang nghiêm màu nhiệm ấy. “Chuyên niệm” tức là tu Chỉ, “quan sát” chính là tu Quán. Đây chính là Chỉ Quán bất nhị, là phương pháp Chỉ Quán vận dụng đồng thời Chỉ và Quán của Đại Thừa. “Sự trang nghiêm màu nhiệm ấy” tức là y báo và chánh báo trang nghiêm của An Lạc Tịnh Độ, đều vi diệu chẳng thể nghĩ bàn. Đây là cảnh đượm quán. Chuyên niệm quan sát là cái tâm năng quán (chủ thể thực hiện việc quán tưởng). Chỉ có cái tâm chuyên niệm y báo và chánh báo của đức Phật ấy là có thể quán cảnh vi diệu trong cõi ấy. Tâm và cảnh khế hợp lẫn nhau, có thể thành tựu niệm Phật, quán Phật tam-muội. Môn tam-muội này chính là nhất tâm chánh niệm. Nương theo nhất tâm mà chuyên niệm, dấy lên sự quan sát, tức là do Chỉ mà khởi Quán. Quán thành tam-muội thì gọi là Quán Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội là vua trong các tam-muội. Như Huệ Viễn đại sư là Tịnh Độ Tông Sơ Tổ đã viết trong bài tựa cho tác phẩm Lư Sơn Niệm Phật Tam Muội: “Danh hiệu của tam-muội rất nhiều, nhưng công đức dễ tăng tấn thì Niệm Phật đứng đầu. Vì sao? Tôn hiệu của Như Lai tốt cùng huyền diệu, tốt bậc vắng lặng. Thể và thần (tâm thức) [do tu Niệm Phật tam-muội] mà cùng nhau chuyển biến, ứng hiện chẳng sót. Vì thế, dạy [hành nhân] nhập Định này, [hành nhân] sẽ ngấm ngấm quên mất tri kiến [hư vọng], tức là sử dụng ngay cái pháp để duyên vào mà thành tựu Quán. Quán đã thông tỏ thì sự chiếu soi bên trong sẽ chói ngời lẫn nhau, muôn hình tượng đều sanh, chẳng phải là chuyện mắt thấy, tai nghe. Do vậy, linh tướng lặng trong, thuần nhất, trong sáng tự nhiên. Nguyên âm (danh hiệu Phật) chính là tâm, những tình kiến trầm trệ bị chuyển hóa thành rạng ngời, điều tốt cùng nhất trong thiên hạ há có thể sánh bằng điều này được ư?” Đây là tướng công đức của môn thứ tư.

Sơ Tổ ở Lư Sơn ba mươi năm, chưa từng xuống núi vào cõi đời, chuyên dốc chí nơi Tịnh Độ, lắng lòng quán tưởng. Vì thế, Ngài ba lần được thấy tướng hảo và quang minh của A Di Đà Phật, nhưng chẳng kể với ai. Bấy ngày trước lúc lâm chung, Tổ xuất Định, lại thấy thân A Di Đà Phật đầy khắp hư không. Đức Phật bảo tổ Huệ Viễn: “Ta do sức

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

bốn nguyện đến an ủi người, bảy ngày sau, người sẽ sanh về cõi ta”. Vào ngày mùng Sáu tháng Tám, Tổ bèn đoan tọa vắng sanh. Đây là Thượng Phẩm Thượng Sanh, là khuôn mẫu đáng cho liên hữu Tịnh Tông chúng ta học theo nhất. Ai có thể nói pháp môn Niệm Phật chẳng thể phá vô minh, chứng Pháp Thân, thấy Báo Thân viên mãn của A Di Đà Phật, hễ vắng sanh liền vào trong Tha Thọ Dụng Báo Độ của Phật ư? Đã vào Báo Độ, bèn được hưởng đủ mọi niềm vui pháp vị. Chẳng hạn như đã nói trong phần trước: Niềm vui pháp vị do mười bảy thứ trang nghiêm thanh tịnh nơi khí thể gian, niềm vui pháp vị do tám thứ tự tại tự lợi và lợi tha của A Di Đà Phật, và niềm vui pháp vị do bốn thứ công đức chánh tu hành của Bồ Tát, niềm vui pháp vị Đại Thừa do hết thấy chúng sanh cùng dự vào Chánh Định Tu, niềm vui pháp vị do bốn mươi tám nguyện thành tựu “*chẳng uống công thực hiện trụ trì*” chẳng thể nghĩ bàn, niềm vui pháp vị do “*thấy người hiền, mong được bằng*”, thuận theo sự mà khởi hạnh, phát nguyện trang nghiêm quốc độ, thành thực chúng sanh cũng giống như thế. Có vô lượng vô biên Bồ Đề giác pháp vị lạc để trang nghiêm con đường thành Phật như thế đó, đều thuộc vào môn Nhập thứ tư. Do thành tựu tương công đức, ắt sẽ được thọ dụng niềm vui pháp vị. Vì thế, Luận nói: “*Thọ dụng chủng chủng pháp vị lạc*” (Thọ dụng đủ mọi niềm vui pháp vị). Đúng là nói chẳng hết được, chẳng đếm trọn được! Như một người đã vào trong tòa nhà trang nghiêm, lộng lẫy, bèn vào trong căn phòng thanh tịnh an ổn, hưởng thụ đủ mọi thứ vui sướng, như là: Niềm vui do lìa khỏi nghiệp trôi buộc, Bồ Đề giác pháp lạc, Niết Bàn tịch tĩnh lạc v.v... Nói chung, chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui. Vì thế gọi là “niềm vui do thọ dụng các thứ pháp vị”. Do vậy, môn thứ tư được gọi là Ốc Môn, tức là đặng đường nhập thất, hưởng lạc vô cùng. Bởi thế, cõi ấy được gọi là Cực Lạc!

2.2.2.2.10.2.6. Môn thứ năm là Xuất

(Luận) Xuất đệ ngũ môn giả, dĩ đại từ bi, quán sát nhất thiết khổ não chúng sanh, thị Ứng Hóa Thân, hồi nhập sanh tử viên, phiền não lâm trung, du hý thân thông, chí Giáo Hóa Địa, dĩ bốn nguyện lực hồi hướng cố. Thị danh Xuất đệ ngũ môn.

(Chú) “Thị Ứng Hóa Thân” giả, như Pháp Hoa kinh Phổ Môn thị hiện chi loại dã. “Du hý” hữu nhị nghĩa: Nhất giả, tự tại nghĩa. Bồ Tát độ chúng sanh thí như sư tử bách lộc, sở vi bất nan, như tự du

hý. Nhị giả, độ vô sở độ nghĩa. Bồ Tát quán chúng sanh, tất cánh vô sở hữu. Tuy độ vô lượng chúng sanh, nhị thật vô nhất chúng sanh đắc diệt độ giả. Thị độ chúng sanh, như tự du hý. Ngôn “bổn nguyện lực” giả, thị đại Bồ Tát u Pháp Thân trung, thường tại tam-muội, nhị hiện chủng chủng thân, chủng chủng thân thông, chủng chủng thuyết pháp, giai dĩ bổn nguyện lực khởi. Thí như A Tu La cầm, tuy vô cổ giả, nhị âm khúc tự nhiên. Thị danh Giáo Hóa Địa đệ ngũ công đức tướng.

(論)出第五門者，以大慈悲，觀察一切苦惱眾生，示應化身，迴入生死園，煩惱林中，遊戲神通，至教化地，以本願力迴向故。是名出第五門。

(註)示應化身者，如法華經普門示現之類也。遊戲有二義：一者，自在義。菩薩度眾生譬如獅子搏鹿，所為不難，如似遊戲。二者，度無所度義。菩薩觀眾生，畢竟無所有。雖度無量眾生，而實無一眾生得滅度者。示度眾生，如似遊戲。言本願力者，示大菩薩於法身中，常在三昧，而現種種身，種種神通，種種說法，皆以本願力起。譬如阿修羅琴，雖無鼓者，而音曲自然。是名教化地第五功德相。

(Luận: Môn thứ năm là Xuất: Dùng lòng đại từ bi để quan sát hết thấy chúng sanh khổ não, thị hiện Ứng Hóa Thân, trở vào vườn sanh tử, rừng phiền não, du hý thân thông, đạt đến địa vị Giáo Hóa, dùng sức bổn nguyện để hồi hướng. Đây gọi là môn thứ năm thuộc về Xuất.

Chú: “Thị hiện thân Ứng Hóa” là các thứ thị hiện như trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa đã nói. “Du hý” có hai nghĩa: Nghĩa thứ nhất là tự tại. Bồ Tát độ chúng sanh ví như sư tử bắt nai, chẳng khó khăn gì, dường như vui chơi. Nghĩa thứ hai là “độ mà không có gì được độ”. Bồ Tát quán chúng sanh rốt ráo vô sở hữu. Tuy độ vô lượng chúng sanh, nhưng thật sự chẳng có một chúng sanh được diệt độ. Chuyện độ chúng sanh ấy giống như vui chơi. Nói “sức bổn nguyện” là chỉ ra đại Bồ Tát từ Pháp Thân thường trụ trong tam-muội, mà hiện đủ mọi thân, các thứ thân thông, các thứ thuyết pháp, đều là do sức bổn nguyện dậy lên. Ví như cây đàn của A Tu La, tuy chẳng có ai khảy mà khúc nhạc tự nhiên. Đó gọi là tướng công đức thứ năm nơi

địa vị Giáo Hóa).

Môn thứ năm thuộc Xuất chính là Bồ Tát tu Ngũ Niệm Môn thành tựu, bốn môn đầu là tự lợi, do hướng thượng tấn tu, nên [bốn môn ấy] là Nhập, [tức là] nhập An Lạc Tịnh Độ, viên mãn công đức tự lợi. Lại từ Tịnh Độ mà xuất, thị hiện thân Ứng Hóa, trở vào Sa Bà độ chúng sanh, viên mãn công đức lợi tha. Đây là môn thứ năm trong pháp môn Ngũ Niệm; vì thế, gọi là môn thứ năm thuộc Xuất.

Ngài Đàm Loan đã giải thích tám câu trong phần Luận này bằng ba đoạn:

1) Giải thích thị hiện Ứng Hóa Thân là gì? Chính là như trong phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn của kinh Pháp Hoa, đây là thí dụ tốt nhất về sự thị hiện thân ứng hóa của Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát có tiếng thom là “*đại bi*”, vì tâm từ bi của Ngài lớn nhất. Ngài thường xuyên do lòng đại từ bi mà quan sát hết thấy chúng sanh khổ não, tầm thanh cứu khổ. Do vậy, trong Phật môn, có bài kệ tụng ca ngợi Quán Âm Bồ Tát như sau: “*Tam thập nhị ứng biến trần sát, bách thiên ức kiếp hóa Diêm Phù, thiên xứ kỳ cầu thiên xứ ứng, khổ hải thường tác độ nhân châu*” (Ba mươi hai thân ứng trọn khắp các cõi nước nhiều như vi trần, trong trăm ngàn ức kiếp hóa độ Diêm Phù, ngàn chón cầu đảo, Ngài đều ứng hiện ngàn nơi, trong biển khổ thường làm chiếc thuyền độ người). Dùng sự tích của Quán Âm Bồ Tát để thuyết minh phần Luận nói về “*thị hiện ứng thân, trở vào vườn sanh tử, ở trong rừng phiền não, du hí thần thông, đạt đến địa vị Giáo Hóa*” trong môn thứ năm thuộc Xuất thì là tuyệt hảo, không gì hay hơn nữa.

2) Giải thích “*du hí thần thông*” có hai thứ ý nghĩa:

a) Nghĩa thứ nhất là tự tại. Dùng chuyện sư tử bắt nai là chuyện dễ dàng để sánh ví Bồ Tát độ chúng sanh tùy tâm thực hiện, tùy ý tự tại. Việc làm chẳng khó, giống như trẻ nhỏ trong ấu trĩ viên (kindergarten) chơi đùa vậy.

b) Nghĩa thứ hai là hóa độ mà không có người được hóa độ. Chính là Bồ Tát có trí huệ tam luân thể không, [tức là] chẳng chấp trước ta là người độ, chúng sanh là người được độ, [và có pháp để hóa độ]. Vì thế, suốt ngày độ chúng sanh, mà chẳng có “ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng”. Như kinh Kim Cang đã nói: “*Bồ Tát diệt độ vô lượng chúng sanh mà thật sự chẳng có một chúng sanh nào được diệt độ!*” Hết thấy sự nghiệp độ sanh đều là trụ trong Lý Thể vô vi để làm Phật sự hữu vi, thường nói là “*yến tọa thủy nguyệt đạo tràng,*

quảng tác mộng trung Phật sự” (ngôi thanh thoi trong đạo tràng như bóng trăng trong nước, rộng làm các Phật sự trong mộng). Hết thấy như huyền, như mộng, giống như đang du hý. Như kinh Vô Lượng Thọ có nói: “*Thị như huyền sự hiện chúng dị tượng, vi nam, vi nữ, vô sở bất biến. Bốn học minh liễu, tại ý sở vi*” (Ví như nhà ảo thuật hiện ra các hình tượng khác lạ, hoặc nam, hoặc nữ, không gì chẳng biến ra. Do đã hiểu rõ học thuật của chính mình, cho nên tùy ý thực hiện).

3) Giải thích thế nào là dùng sức bốn nguyện để hồi hướng, “*thị đại Bồ Tát u Pháp Thân trung, thường tại tam-muội, nhi hiện chủng chủng thân, thuyết chủng chủng pháp đẳng, giai dĩ bốn nguyện lực khởi*” (chỉ ra hàng đại Bồ Tát thường ở trong tam-muội, từ nơi Pháp Thân mà hiện đủ mọi thân, nói đủ mọi pháp v.v... đều là do sức bốn nguyện mà dậy lên). Đây là nói Bồ Tát hể vãng sanh An Lạc Tịnh Độ, đều đã phát Đại Thừa Bồ Đề tâm, ắt đạt đến địa vị đại Bồ Tát bất thoái chuyển từ Sơ Địa trở lên, đều vì độ chúng sanh mà sanh vào Tịnh Độ. Do đó sau bốn môn thuộc về Nhập, ắt phải có môn thứ năm là Xuất để hồi hướng. Nhưng để có thể trở vào vườn sanh tử, rừng phiền não, hồng độ chúng sanh uong ngạnh, khó giáo hóa, chắc chắn phải là bậc Địa Thượng Bồ Tát đã phá vô minh, chứng Pháp Thân thì mới có thể làm được. Do đó nói “*thị đại Bồ Tát u Pháp Thân trung*” (chỉ ra các vị đại Bồ Tát ấy từ trong Pháp Thân).

Hàng Pháp Thân đại sĩ như Quán Âm, Thế Chí v.v... đã thành tựu bốn thứ công đức chánh tu hành như đã nói trên đây, đương nhiên là có thể thường ở trong tam-muội mà tùy loại hiện thân thuyết pháp. Như phẩm Phổ Môn đã nói: Đối với người đáng nên dùng thân Phật để độ được, liền hiện thân Phật để thuyết pháp cho người ấy. Hoặc là thị hiện các thân phàm phu, Nhị Thừa, Bồ Tát v.v... nói đủ mọi thứ pháp có thể khế hợp căn cơ của chúng sanh. Đây đều là du hý thần thông của đại Bồ Tát.

Ngài Đàm Loan lại nêu ra cây đàn của A Tu La để thí dụ hết thấy hành vi độ sanh của Bồ Tát đều do tâm đại bi mà phát đại Bồ Đề tâm, do Bồ Đề tâm mà phát ra bốn nguyện “*thượng cầu, hạ hóa*”, nương theo sức bốn nguyện ấy, chẳng cần tác ý, tùy ý tự nhiên mà hiện thân ứng hóa, du hý thần thông, đạt đến địa vị Giáo Hóa, thuyết pháp, hoặc hiện thần thông, phổ độ chúng sanh.

2.2.2.2.10.3. Tổng kết thành tựu của hai thứ lợi

2.2.2.2.10.3.1. Tự lợi

(Luận) Bồ Tát nhập tứ chủng môn, tự lợi hạnh thành tựu, ưng tri.

(Chú) “Thành tựu” giả, vị tự lợi mãn túc dã. “Ứng tri” giả, vị ưng tri do tự lợi cố, tắc năng lợi tha, phi thị bất năng tự lợi nhi năng lợi tha dã.

(論)菩薩入四種門，自利行成就，應知。

(註)成就者，謂自利滿足也。應知者，謂應知由自利故，則能利他，非是不能自利而能利他也。

(Luận: Bốn loại môn Nhập của Bồ Tát thành tựu hạnh tự lợi, hãy nên biết.

Chú: “Thành tựu” ý nói: Tự lợi được trọn vẹn. “Hãy nên biết” chính là nói: Hãy nên biết do tự lợi nên có thể lợi tha, chẳng phải là không thể tự lợi mà lại có thể lợi tha được).

Đây là phần tổng kết [cho tiểu đoạn] “*Bồ Tát tu năm môn có thể thành tựu viên mãn công đức tự lợi và lợi tha*”. Trước hết nói về tự lợi. Luận Chủ nói: Có thể nương theo luận này tu pháp môn Ngũ Niệm, từ lễ bái cho đến quan sát, sẽ dần dần nhập bốn loại môn ấy; vậy thì hạnh tự lợi của hết thảy Bồ Tát đều có thể thành tựu. “*Thành tựu*” là trọn vẹn chẳng sót. Vì sao vậy? Do vì Bồ Tát tu Ngũ Niệm Môn chính là nương cậy sức bốn nguyện của A Di Đà Phật mà tu, như đứa trẻ nít dựa dẫm cha mẹ dẫn dắt đi lại, chắc chắn chẳng đến nỗi gặp phải nguy hiểm như bị lạc đường hoặc vấp té, ắt có thể đến đích an toàn, tức là quốc độ thanh tịnh được chư Phật cùng khen ngợi. Ở đó, có các vị thượng thiện nhân cùng nhóm họp một chỗ, bất cứ lúc nào cũng đều có thể thấy Phật, nghe pháp, hằng ngày cúng dường trọn khắp mười phương chư Phật. Tu phước và tu huệ như thế, không ngừng tăng thượng, chẳng bị thoái chuyển. Lại do thọ mạng giống như Phật, đều là vô lượng thọ, cho nên có thể ngay trong một đời mà tu viên mãn công đức tự lợi của Bồ Tát. Đã có thể tự lợi, ắt sẽ có thể lợi tha, chắc chắn chẳng phải là “*không thể tự lợi mà có thể lợi tha*”. Chúng ta hãy nên nhận biết rõ ràng điểm này.

Do vậy, Ngũ Niệm Môn được gọi là đạo dễ hành của Bồ Tát, là phương tiện thù thắng để hóa độ chúng sanh của chư Phật, Bồ Tát, là con đường tắt nhất để hoàn thành công đức tự lợi và lợi tha.

2.2.2.2.10.3.2. Lợi tha

(Luận) Bồ Tát xuất đệ ngũ môn, hồi hướng lợi ích tha hạnh thành tựu, ưng tri.

(Chú) “Thành tựu” giả, vị dĩ hồi hướng nhân, chứng Giáo Hóa Địa quả. Nhược nhân, nhược quả, vô hữu nhất sự bất năng lợi tha. Ưng tri giả, vị ưng tri do lợi tha cố, tắc năng tự lợi, phi thị bất năng lợi tha nhi năng tự lợi dã.

(論)菩薩出第五門，迴向利益他行成就，應知。

(註)成就者，謂以迴向因，證教化地果。若因若果，無有一事不能利他。應知者，謂應知由利他故，則能自利，非是不能利他而能自利也。

(Luận: Môn thứ năm thuộc Xuất của Bồ Tát thành tựu hạnh hồi hướng lợi ích cho người khác, hãy nên biết.

Chú: “Thành tựu” là dùng hồi hướng làm nhân để chứng cái quả nơi địa vị Giáo Hóa. Dù nhân hay quả, không có một chuyện nào chẳng thể lợi tha. “Hãy nên biết” ý nói: Hãy nên biết do lợi tha mà có thể tự lợi, chẳng phải là “không thể lợi tha mà có thể tự lợi” được).

Luận Chủ lại tổng kết về lợi tha. Bồ Tát tu Hồi Hướng Môn trong Ngũ Niệm Môn, dùng nhân hạnh hồi hướng chứng đắc Giáo Hóa Địa, tức là quả vị Thập Địa trong Biệt Giáo, hoặc là từ Thập Trụ trở lên trong Viên Giáo. Dùng nhân quả ấy để hồi hướng lợi tha, những việc đã làm đều có thể lợi ích chúng sanh, bèn được thành tựu viên mãn hạnh lợi tha. “*Hãy nên biết*” tức là hãy nên biết: Bồ Tát tu Bồ Tát đạo, đều dùng lợi tha làm điểm xuất phát, có thể thành tựu công đức, đều là có thể từ ngay lợi tha mà thành tựu tự lợi. Chắc chắn chẳng phải là “*không có đại Bồ Đề tâm lợi tha mà có thể thành tựu tự lợi của Bồ Tát để thành Phật được*”. Do vậy, tiêu chuẩn của Bồ Tát đạo là “*độ sanh (lợi tha) thành Phật (tự lợi), thành Phật hòng độ sanh*”. Tự lợi và lợi tha là hai mặt của cùng một chuyện, hễ thành thì sẽ thành tựu lẫn nhau, hễ mất thì mất lẫn nhau. Phàm là Bồ Tát, ắt cần phải biết điều này!

2.2.2.10.3.3. Trọn vẹn hai điều lợi

(Luận) Bồ Tát như thị tu Ngũ Niệm Môn hạnh, tự lợi, lợi tha, tốc đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố.

(Chú) Phật sở đắc pháp, danh vi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Dĩ đắc thử Bồ Đề, cố danh vi Phật. Kim ngôn “tốc đắc A Nậu

Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”, thị đắc tảo tác Phật dã. A danh Vô, Nậu Đa La danh Thượng, Tam Miệu danh Chánh, Tam danh Biến, Bồ Đề danh Đạo. Thống nhị dịch chi, danh vi Vô Thượng Chánh Biến Đạo. Vô thượng giả, ngôn thủ đạo cùng lý tận tánh, cánh vô quá giả. Hà dĩ ngôn chi? Dĩ chánh cố. Chánh giả, thánh trí dã. Như pháp tướng nhị tri, cố xưng vi Chánh Trí. Pháp tánh vô tướng, cố thánh trí vô tri dã. “Biến” hữu nhị chủng: Nhất giả, thánh tâm biến tri nhất thiết pháp. Nhị giả, Pháp Thân biến mãn pháp giới. Nhược thân, nhược tâm, vô bất biến dã. Đạo giả, vô ngại đạo dã. Kinh ngôn: “Thập phương vô ngại nhân, nhất đạo xuất sanh tử”. Nhất đạo giả, nhất vô ngại đạo dã. Vô ngại giả, vị tri sanh tử tức thị Niết Bàn. Như thị đẳng nhập Bất Nhị pháp môn vô ngại tướng dã.

(論)菩薩如是修五念門行，自利利他，速得成就阿耨多羅三藐三菩提故。

(註)佛所得法，名為阿耨多羅三藐三菩提。以得此菩提，故名為佛。今言速得阿耨多羅三藐三菩提，是得早作佛也。阿名無，耨多羅名上，三藐名正，三名遍，菩提名道。統而譯之，名為無上正遍道。無上者，言此道窮理盡性，更無過者。何以言之？以正故。正者，聖智也。如法相而知，故稱為正智。法性無相，故聖智無知也。遍有二種：一者，聖心遍知一切法。二者，法身遍滿法界。若身若心，無不遍也。道者，無礙道也。經言：十方無礙人，一道出生死。一道者，一無礙道也。無礙者，謂知生死即是涅槃。如是等入不二法門無礙相也。

(Luận: Bồ Tát tu hạnh Ngũ Niệm Môn như thế, do tự lợi, lợi tha, nên mau chóng được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Chú: Phật đạt được pháp gọi là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do đắc môn Bồ Đề này, nên gọi là Phật. Nay nói “mau chóng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề” tức là sớm được thành Phật. A là Vô, Nậu Đa La là Thượng, Tam Miệu là Chánh, Tam là Biến, Bồ Đề là Đạo. Dịch chung lại sẽ là Vô Thượng Chánh Biến Đạo. “Vô thượng” là nói đạo này cùng lý tận tánh, không chi hơn được. Vì sao nói như vậy? Do [đạo ấy] là chánh. “Chánh” là thánh trí. Do đúng như pháp tướng mà biết, nên gọi là Chánh Trí. Pháp tánh vô tướng, cho nên

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

thánh trí vô tri. “Biến” (trộn khắp) có hai loại: Một là thánh tâm biết trộn khắp hết thấy các pháp; hai là Pháp Thân đầy khắp pháp giới. Dù thân hay tâm, không gì chẳng trộn khắp. “Đạo” là đạo vô ngại. Kinh dạy: “Bậc mười phương vô ngại, một đạo thoát sanh tử”. “Một đạo” là đạo vô ngại. “Vô ngại” là biết sanh tử chính là Niết Bàn. Nhập tướng vô ngại của pháp môn Bất Nhị như thế đó.

Luận Chủ quy kết lợi ích do tu hành Ngũ Niệm Môn thành “*mau chóng thành vị Phật rốt ráo phước huệ viên mãn Vô Thượng Chánh Đẳng Giác*”. Trước hết, ngài Đàm Loan dịch A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thành Vô Thượng Chánh Biến Đạo. Bồ Đề bao gồm hai loại nghĩa lý Giác và Đạo. Ngài lại giải thích: Vô Thượng là cùng tánh tận lý, không chi hơn được nữa! Thông thường, chúng ta dùng bài kệ tán Phật có câu: “*Nhất thiết vô hữu như Phật giả*” (Hết thấy không có gì như Phật). Chắc chắn là người đời chẳng có trí huệ cùng lý tận tánh giống như Phật, huống hồ còn có kẻ nào vượt xa ư? Vì sao nói như vậy? Cùng lý tận tánh thì gọi là Trí. Phật có chánh tri, chánh kiến, có thể biết tánh và tướng của các pháp cùng tận, đúng thật; đối với cái có bèn biết là có, đối với cái không bèn biết là không. Sự thấy biết ấy đích xác đúng như tánh và tướng chân thật của các pháp, chẳng bị điên đảo thì mới gọi là “*trí*”. Chúng sanh bình phàm luôn chấp hư vọng là thật, hoặc chấp thường, chấp đoạn, chấp có, chấp không, tức là “*điên đảo vọng kiến*” (kiến giải hư vọng điên đảo), chẳng thể gọi là Trí.

“*Pháp tánh vô tướng, cố thánh trí vô tri*” (Do pháp tánh vô tướng, nên thánh trí vô tri). Đối với hai câu này, trong khoa Quảng Lượng Tương Nhập (rộng và lược dung nhập lẫn nhau) trong phần trước, ngài Đàm Loan đã nói “*Thật Tướng vô tướng, cố chân trí vô tri*” (do Thật Tướng không có tướng, nên chân trí vô tri), đại ý [của câu ấy và câu “*pháp tánh vô tướng, cố thánh trí vô tri*”] tương đồng. “*Vô tri*” chẳng phải là như gỗ đá, vô tri, vô giác, mà là chẳng có phân biệt, chấp trước! Điều này có hàm ý tương đồng với câu nói của tổ sư Thiên Thai: “*Thật Tướng vô tướng, vô bất tướng*” (Thật Tướng chẳng có tướng, chẳng phải là không có tướng); tức là Trung Đạo Trí viên dung Nhị Đề, còn gọi là Thánh Trí, tức là trí huệ mà Địa Thượng Bồ Tát và chư Phật mới có. Thánh Trí còn gọi là Chánh Biến Trí, tức là Bản Giác Trí của nhất tâm nhị môn, biết trộn khắp “*như thị tướng*” (tướng là như thế) cho đến “*bổn mạt cứu cánh*” (gốc ngọn rốt ráo) v.v... của hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Đây là trí huệ thuộc về Tâm Sanh Diệt

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Môn, có tên là Như Lượng Trí. Lại có thể chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh vô vi trọn khắp mười phương ba đời; đây là trí huệ thuộc về Tâm Chân Như Môn, gọi là Như Lý Trí. Nhất tâm nhị môn thành tựu hai trí của chư Phật. Vì thế, gọi là Chánh Biến Tri.

“Đạo” nếu dùng “*thập phương vô ngại nhân, nhất đạo xuất sanh tử*” (bậc mười phương vô ngại, một đạo thoát sanh tử) để nói, sẽ là vô ngại đạo mà cả ba thừa cùng có. Nếu dùng “*sanh tử tức là Niết Bàn, phiền não tức là Bồ Đề, chúng sanh tức là Phật, ma giới tức là Phật giới, hết thấy pháp đều là Phật pháp, cùng nhập tướng vô ngại của pháp môn Bát Nhị*” để nói thì đây mới là vô ngại đạo chỉ riêng Đại Thừa Viên Giác mới có, được gọi là Vô Thượng Đạo của Phật.

Nay tôi dùng đạo lý “*tu Ngũ Niệm Môn thành tựu công đức tự lợi, lợi tha, mau chóng được thành Phật*”, nêu ra thí dụ để nói rõ, hòng khiến cho mọi người dễ liễu giải. Ví như người thế gian ai có thể có tài cao trí lớn (công đức tự lợi), lại có thể xác thực vì quốc dân mưu cầu phước lợi lớn nhất (công đức lợi tha), bèn có thể làm quốc vương (quốc vương tức là Phật). Quốc dân bình phàm mà mong làm quốc vương sẽ chẳng dễ dàng (điều này được gọi là Nan Hành Đạo của Bồ Tát). Nhưng nếu sanh làm Thái Tử của quốc vương thì sẽ rất dễ dàng (điều này được gọi là Dị Hành Đạo của Bồ Tát). Tuy nói “ai nấy đều có thể làm quốc vương” (thành Phật), nhưng có khó, có dễ! Dân bình phàm thì rất khó, làm Thái Tử thì rất dễ làm [quốc vương trong tương lai].

Khi Thái Tử đầu thai, đó là môn thứ nhất để nhập, tức Cận Môn. Do vậy, Luận viết: “*Nhập đệ nhất môn giả, dĩ lễ bái A Di Đà Phật, vì sanh bỉ quốc ý cố, đắc sanh An Lạc thế giới*” (Môn thứ nhất của Nhập là dùng lễ bái A Di Đà Phật, vì ý muốn sanh về cõi ấy, được sanh vào thế giới An Lạc). Đây là thành tựu môn thứ nhất, tức Lễ Bái Môn trong Ngũ Niệm Môn, được tiên nhập An Lạc Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật.

Trụ thai trọn đủ mười tháng, sanh ra trong hoàng cung, trở thành quyền thuộc của quốc vương, gọi quốc vương là cha, được quốc vương nuôi dưỡng khôn lớn. Đây là môn thứ hai của Nhập, tức Đại Hội Chúng Môn. Do vậy, Luận viết: “*Nhập đệ nhị môn giả, dĩ tán thán A Di Đà Phật, tùy thuận danh nghĩa xưng Như Lai danh, y Như Lai quang minh trí tướng tu hành cố, đắc nhập đại hội chúng số. Thị danh Nhập đệ nhị môn*” (Môn Nhập thứ hai là dùng tán thán A Di Đà Phật, tùy thuận danh nghĩa mà xưng niệm danh hiệu của Như Lai, vì nương theo quang minh trí tướng của Như Lai để tu hành mà được dự vào đại chúng trong

hội thuyết pháp của đức Phật. Đó gọi là môn thứ hai của Nhập). Đây chính là thành tựu môn thứ hai, tức Tán Thán Môn trong Ngũ Niệm Môn, được nghe đức Phật thuyết pháp, trưởng dưỡng Pháp Thân huệ mạng.

Thái Tử từ tuổi thơ ấu bước vào tuổi tráng niên, tài trí trọn đủ, bèn được quốc vương quán đảnh. Tuy vẫn chưa làm quốc vương, nhưng có thể ở trong cung điện lộng lẫy giống hệt như quốc vương, tùy ý dạo chơi. Đây là môn Nhập thứ ba, tức Trạch Môn. Do vậy, Luận viết: *“Nhập đệ tam môn giả, dĩ nhất tâm chuyên niệm, tác nguyện sanh bỉ, tu Xa-ma-tha tịch tĩnh tam-muội hạnh cố, đắc nhập Liên Hoa Tạng thế giới. Thị danh Nhập đệ tam môn”* (Môn Nhập thứ ba là dùng nhất tâm chuyên niệm, phát nguyện sanh về cõi ấy, do tu hạnh Xa-ma-tha tịch tĩnh tam-muội mà được vào trong thế giới Liên Hoa Tạng. Đó gọi là môn Nhập thứ ba). Đây chính là thành tựu môn thứ ba, tức Tác Nguyện Môn trong Ngũ Niệm Môn.

Trong thế giới Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm (tức thế giới Hoa Tạng), cùng với các vị thượng thiện nhân cùng ngộ Vô Sanh, cùng tu phước huệ, tự lợi, lợi tha. Sau đây, chánh thức lên ngôi báu của hoàng đế, hưởng thụ trọn hết những sự vui sướng đáng có của quốc vương, cũng có thể yêu dân như con, che chở, tạo phước cho muôn dân, gió hòa mưa thuận, quốc thái dân an. Đây chính là môn Nhập thứ tư, tức Ốc Môn. Do vậy, Luận viết: *“Dĩ chuyên niệm quán sát bỉ diệp trang nghiêm, tu Tỳ-bà-xá-na cố, đắc đáo bỉ xứ, thọ dụng chủng chủng pháp vị lạc. Thị danh Nhập đệ tứ môn”* (Do chuyên niệm, quán sát sự trang nghiêm màu nhiệm ấy, tu Tỳ-bà-xá-na, được đến nơi ấy, thọ dụng đủ mọi niềm vui pháp vị. Đó gọi là môn Nhập thứ tư). Đây chính là thành tựu môn thứ tư, tức Quán Sát Môn trong Ngũ Niệm Môn.

Ba thứ thân Phật, bốn thứ Tịnh Độ đều có. Hoa Tạng và Cực Lạc, mười phương thế giới, tức là một Phật quốc độ. Chính mình và chư Phật, y báo và chánh báo trong mười pháp giới đều cùng là tướng tịnh tâm. Chúng sanh và Phật chẳng hai, thân và cõi nước chẳng hai, tâm và trí chẳng hai, hết thảy chẳng hai, chúng nhập cảnh giới Đại Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh, thọ dụng đủ mọi pháp lạc. Đây là bốn môn thuộc về Nhập được rốt ráo viên mãn. Tất nhiên là chẳng trái bốn nguyện, thả chiếc bè Từ, do lòng đại từ bi mà trở vào Sa Bà và mười phương thế giới rộng độ chúng sanh. Đây chính là thành tựu môn công đức thứ năm thuộc về Xuất. Vì thế, Luận viết: *“Xuất đệ ngũ môn giả, dĩ đại từ bi, quán sát nhất thiết khổ não chúng sanh, thị ứng hóa thân,*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

hồi nhập sanh tử viên, phiền não lâm trung, du hý thần thông, chí giáo hóa địa, dĩ bốn nguyện lực hồi hướng cố. Thị danh đệ ngũ môn” (Môn thứ năm thuộc về Xuất là do lòng đại từ bi, quan sát hết thấy chúng sanh khổ não, thị hiện thân ứng hóa, trở vào vườn sanh tử, rùng phiền não, du hý thần thông, đạt đến địa vị Giáo Hóa, dùng sức bốn nguyện để hồi hướng. Đó gọi là môn thứ năm). Đây chính là thành tựu môn thứ năm tức Hồi Hướng Môn trong Ngũ Niệm Môn.

Như hoàng đế Càn Long nhà Thanh xuống chơi Giang Nam, hóa trang thành đủ mọi thân phận khác nhau, biểu hiện rất nhiều chuyện du hý trong nhân gian. Phật, Bồ Tát thị hiện du hý thần thông để hóa độ chúng sanh đồng thành Phật đạo cũng giống như thế. Tổng hợp năm môn ấy, sẽ tương đương với tám tướng thành đạo của các vị đại Bồ Tát như kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Nhập môn chính là tướng nhập thai và xuất thai. Đại hội chúng môn chính là tướng [Bồ Tát thị hiện] làm đứa trẻ, [trưởng thành] cưới vợ. Trạch môn chính là tướng xuất gia. Ốc môn là tướng thành đạo. Xuất môn là tướng chuyển pháp luân, nhập Niết Bàn. Phạm là Bồ Tát vãng sanh thế giới Cực Lạc, ai nấy đều có thể [thị hiện] tám tướng thành đạo. Do vậy, Luận viết: “*Tốc đắc thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*” (Mau được thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Vãng Sanh Luận Chú đến đây là hết, có thể nói là đã kết thúc toàn bộ. Ngài Đàm Loan có một đoạn vấn đáp để giải quyết nghi hoặc, nhằm tăng thêm tín tâm của mọi người đối với pháp môn Tịnh Độ, hòng nương theo sức bốn nguyện của Phật Di Đà mà mau chóng thành Phật đó thôi, chẳng cần phải nói nhiều! Mọi người đã nghe tôi giảng giải, cũng như do các thí dụ đã nói trên đây, đối với đạo dễ hành là tu Ngũ Niệm Môn thì có bốn nguyện của A Di Đà Phật trong khi Ngài còn đang tu nhân và thần lực nơi quả địa của Ngài để có thể nương cậy, chẳng cần tu phước huệ suốt ba đại A-tăng-kỳ, chỉ cần hể sanh về cõi ấy, liền thành tựu viên mãn, mau chóng được thành Phật, hãy chớ nên hoài nghi nữa!

Hy vọng mọi người hãy quý tiếc thân người quý báu, hết một báo thân này, siêng tu Ngũ Niệm Môn, tự lực thành tựu Tịnh nghiệp, lại có thể nhờ Phật lực làm tăng thượng duyên, được sanh về Cực Lạc, cùng thành Phật đạo, cùng hóa độ chúng sanh. Đây là điều tôi thom thảo mong cầu vậy!

2.2.2.2.10.4. Vấn đáp giải quyết nghi hoặc

(Chú) Vấn viết: Hữu hà nhân duyên, ngôn “tốc đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”? Đáp viết: Luận ngôn tu ngũ môn hạnh, dĩ tự lợi lợi tha thành tựu cố. Nhiên hạch cầu kỳ bổn, A Di Đà Như Lai vi tăng thượng duyên, tha lợi chi dĩ lợi tha, đàm hữu tả hữu. Nhược tự Phật nhi ngôn, nghi ngôn lợi tha. Tự chúng sanh nhi ngôn, nghi ngôn tha lợi. Kim tương đàm Phật lực, thị cố dĩ lợi tha ngôn chi, đương tri thử ý dã. Phàm thị sanh bỉ Tịnh Độ, cập bỉ Bồ Tát nhân thiên sở khởi chư hạnh, giai duyên A Di Đà Như Lai bổn nguyện lực cố. Hà dĩ ngôn chi? Nhược phi Phật lực, tứ thập bát nguyện tiên thị đồ thiết. Kim đích thử tam nguyện, dụng chứng nghĩa ý. Nguyện ngôn: “Thiết ngã đắc Phật, thập phương chúng sanh, chí tâm tín nhạo, dục sanh ngã quốc, nãi chí thập niệm, nhược bất đắc sanh giả, bất thủ Chánh Giác. Duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp”. Duyên Phật nguyện lực cố, thập niệm niệm Phật, tiên đắc vãng sanh. Đắc vãng sanh cố, tức miễn tam giới luân chuyển chi sự. Vô luân chuyển cố, sở dĩ đắc tốc, nhất chứng dã. Nguyện ngôn: “Thiết ngã đắc Phật, quốc trung nhân thiên, bất trụ Chánh Định Tu, tất chí diệt độ giả, bất thủ Chánh Giác”. Duyên Phật nguyện lực cố, trụ Chánh Định Tu. Trụ Chánh Định Tu cố, tất chí diệt độ, vô chư hồi phục chi nạn, sở dĩ đắc tốc, nhị chứng dã. Nguyện ngôn: “Thiết ngã đắc Phật, tha phương Phật độ chư Bồ Tát chúng lai sanh ngã quốc, cứu cánh tất chí Nhất Sanh Bồ Xứ, trừ kỳ bổn nguyện tự tại sở hóa, vị chúng sanh cố, bị hoàng thệ khái, tích lũy đức bổn, độ thoát nhất thiết, du chư Phật quốc, tu Bồ Tát hạnh, cúng dường thập phương chư Phật Như Lai, khai hóa Hằng sa vô lượng chúng sanh, sử lập vô thượng chánh chân chi đạo, siêu xuất thường luân chư địa chi hạnh, hiện tiền tu tập Phổ Hiền chi đức. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác”. Duyên Phật nguyện lực cố, siêu xuất thường luân chư địa chi hạnh, hiện tiền tu tập Phổ Hiền chi đức, dĩ siêu xuất thường luân chư địa hạnh cố, sở dĩ đắc tốc, tam chứng dã. Dĩ tự nhi thôi, tha lực vi tăng thượng duyên, đắc bất nhiên hồ! Đương phục dẫn lệ, thị tự lực tha lực tướng, như nhân úy tam đồ, cố thọ trì cấm giới. Thọ trì cấm giới cố, năng tu Thiền Định. Dĩ Thiền Định cố, tu tập thân thông. Dĩ thân thông cố, năng du tứ thiên hạ. Như thị đẳng danh vi tự lực. Hựu như liệt phu, khóa lư bất thượng, tòng Chuyển Luân Vương hành, tiên thừa hư không, du tứ thiên hạ, vô sở chướng ngại. Như thị đẳng danh vi tha lực. Ngu tai! Hậu chi học giả, văn tha lực khả thừa, đương sanh tín tâm, vật tự cục phận dã!

(註)問曰：有何因緣，言速得成就阿耨多羅三藐三菩提？答曰：論言修五門行，以自利利他成就故。然覈求其本，阿彌陀如來為增上緣，他利之與利他，談有左右。若自佛而言，宜言利他。自眾生而言，宜言他利。今將談佛力，是故以利他言之，當知此意也。凡是生彼淨土，及彼菩薩人天所起諸行，皆緣阿彌陀如來本願力故。何以言之？若非佛力，四十八願便是徒設。今的取三願，用證義意。願言：設我得佛，十方眾生，至心信樂，欲生我國，乃至十念，若不得生者，不取正覺。唯除五逆，誹謗正法。緣佛願力故，十念念佛，便得往生。得往生故，即免三界輪轉之事。無輪轉故，所以得速，一證也。願言：設我得佛，國中人人，不住正定聚，必至滅度者，不取正覺。緣佛願力故，住正定聚。住正定聚故，必至滅度，無諸迴伏之難，所以得速，二證也。願言：設我得佛，他方佛土諸菩薩眾來生我國，究竟必至一生補處，除其本願自在所化，為眾生故，被弘誓鎧，積累德本，度脫一切，遊諸佛國，修菩薩行，供養十方諸佛如來，開化恒沙無量眾生，使立無上正真之道，超出常倫諸地之行，現前修習普賢之德。若不爾者，不取正覺。緣佛願力故，超出常倫諸地之行，現前修習普賢之德，以超出常倫諸地行故，所以得速，三證也。以斯而推，他力為增上緣，得不然乎！當復引例，示自力他力相，如人畏三塗，故受持禁戒。受持禁戒故，能修禪定。以禪定故，修習神通。以神通故，能遊四天下。如是等名為自力。又如劣夫，跨驢不上，從轉輪王行，便乘虛空，遊四天下，無所障礙。如是等名為他力。愚哉！後之學者，聞他力可乘，當生信心，勿自局分也！

(Chú: Hỏi: Do có nhân duyên nào mà nói là “ mau chóng được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ”? Đáp: Luận nói tu ngũ môn hạnh để thành tựu tự lợi, lợi tha. Nhưng xét đến tận gốc, A Di Đà

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Như Lai làm tăng thượng duyên, người khác được lợi và làm lợi người khác chính là nói theo mỗi góc nhìn hỗ tương. Nếu nói theo phía Phật, đáng nên nói là “lợi ích người khác”. Nói theo phía chúng sanh, đáng nên nói là “người khác được lợi”. Nay do bàn về Phật lực, nên nói là “lợi ích người khác”, hãy nên biết ý này. Phạm là sanh về cõi Tịnh Độ ấy, nói đến các hạnh do Bồ Tát, trời, người dấy lên thì đều là duyên theo sức bốn nguyện của A Di Đà Như Lai. Vì sao nói như thế? Nếu chẳng phải là do Phật lực thì bốn mươi tám nguyện sẽ uổng công lập ra. Nay tôi đại lược dùng ba nguyện để chứng minh ý nghĩa.

Nguyện rằng: “Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sanh chỉ tâm tin ưa, muốn sanh về cõi tôi, [chỉ cần] cho đến mười niệm mà nếu chẳng được sanh, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác, chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp”. Do nương theo nguyện lực của Phật, mười niệm niệm Phật liền được vãng sanh. Do được vãng sanh, liền thoát khỏi chuyện luân chuyển trong tam giới. Do không luân chuyển, nên được mau chóng [thành Phật]. Đó là chứng có thứ nhất.

Nguyện rằng: “Nếu tôi được làm Phật, trời người trong nước chẳng ‘trụ trong Chánh Định Tu, ắt đạt đến diệt độ’, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”. Do duyên theo nguyện lực của Phật mà trụ Chánh Định Tu. Do trụ trong Chánh Định Tu, ắt đạt đến diệt độ, chẳng còn có nạn trở lại [luân hồi sanh tử], cho nên được mau chóng [thành Phật]. Đó là chứng có thứ hai.

Nguyện rằng: “Nếu tôi được làm Phật, các vị Bồ Tát trong các cõi Phật ở phương khác sanh vào nước tôi, rớt ráo ắt đạt đến Nhất Sanh Bồ Xứ, trừ những vị có nguyện riêng tự tại giáo hóa, vì chúng sanh mà mặc áo giáp hoàng thế, tích lũy cội đức, độ thoát hết thảy, đạo các cõi Phật, tu Bồ Tát hạnh, cúng dường mười phương chư Phật Như Lai, khai hóa Hằng sa vô lượng chúng sanh, khiến cho họ an lập nơi đạo vô thượng chánh chân, vượt xa những hạnh thuộc các địa vị thông thường, hiện tiền tu tập công đức Phổ Hiền. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”. Do nương theo nguyện lực của Phật, vượt xa những hạnh thuộc các địa vị thông thường, hiện tiền tu tập công đức Phổ Hiền. Do vượt xa hạnh thuộc các địa vị thông thường, cho nên được mau chóng [thành Phật]. Đây là chứng có thứ ba.

Do những điều này mà suy ra tha lực làm tăng thượng duyên, há chẳng phải là đúng như thế ư? Lại dẫn thí dụ để chỉ bày tướng tự lực và tướng tha lực: Như có người do sợ tam đồ bèn thọ trì giới cấm. Do thọ trì giới cấm, có thể tu Thiên Định. Do Thiên Định, tu tập thần

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

thông. Do thân thông, có thể dạo chơi tứ thiên hạ. Những điều như thế gọi là tự lực! Lại như kẻ yếu ớt, trèo lên lừa không nổi, theo Chuyển Luân Vương mà đi, bèn bay lên hư không, dạo chơi tứ thiên hạ chẳng bị chướng ngại. Những điều như thế gọi là tha lực. Ngu thay! Người học đời sau, nghe tha lực có thể nương cậy, hãy nên sanh tín tâm, đừng nên tự hạn cuộc).

2.3. Tổng kết

(Luận) Vô Lượng Thọ Tu Đa La Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ, lược giải nghĩa cánh.

(Chú) Kinh thí xưng “như thị”, chương Tín vi năng nhập. Mặt ngôn “phụng hành”, biểu phục ưng sự dĩ. Luận sơ “quy lễ”, minh tông chỉ hữu do. Chung vân “nghĩa cánh”, thị sở thuyên lý tất. Thuật tác nhân thù, ư tư thành lệ.

(論)無量壽修多羅優婆提舍願生偈，略解義竟。

(註)經始稱如是，彰信為能入。末言奉行，表服膺事已。論初歸禮，明宗旨有由。終云義竟，示所詮理畢。述作人殊，於茲成例。

(Luận: Vô Lượng Thọ Tu Đa La Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ, lược giải ý nghĩa đã xong.

Chú: Mở đầu kinh bèn nói là “như thị”, nhằm biểu thị do tín tâm mà có thể nhập. Cuối kinh bèn nói “phụng hành”, biểu lộ chuyện vâng giữ, nhận lãnh đã xong. Luận thì thoát đầu nói “quy y, lễ kính”, nhằm chỉ rõ tông chỉ có nguyên do. Cuối luận bèn nói là “nghĩa lý đã giảng xong” nhằm chỉ ra lý được trình bày đã được trần thuật hoàn tất. Người trước tác hoặc trần thuật tuy khác nhau, nhưng đều theo lệ này).

Hồi hướng

Nguyện do công đức này, tiêu trừ túc hiện nghiệp, tăng trưởng các phước huệ, viên thành thiện căn màu. Tất cả đao binh kiếp, cùng các nạn đói kém... đều diệt trừ chẳng còn. Mọi người đều tu tập, lễ kính và khiêm nhượng, hết thấy người giúp đỡ, lần lượt giúp lưu thông, quyền thuộc đều an lạc, người đã khuất siêu thăng, gió mưa thường hòa thuận, nhân dân đều khang ninh, pháp giới các hàm thức, cùng chứng

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Chú Giải Giảng Nghĩa

Vô Thượng Đạo.

Bản giảng nghĩa này được xuất bản, lưu thông, tất cả thiện căn công đức kính vì tiên khảo (cha) là Hoàng công Duy Kỳ phủ quân, tiên tỷ (mẹ) là Hoàng mẫu Chiêu Đễ nhụ nhân, và các vị cư sĩ Trần Phước Tùng, Tôn Canh Ngọc, Dương Thái Nguyệt, Tôn Đình Ngọc, do thiện nhân này, nghiệp chướng tiêu trừ, sớm sanh về Cực Lạc, thấy Phật, nghe pháp, chóng thành Phật đạo.

Tánh Phạm kính đề tại Văn Thù Viện thuộc Tịnh Luật Tự huyện Lộc Cốc.

Trung Hoa Dân Quốc năm tám mươi hai (1993), tức năm Quý Dậu, bắt đầu viết từ ngày mùng Một tháng Giêng, hoàn thành bản thảo, gác bút vào ngày Mười Sáu tháng Tư trong khóa An Cư mùa Hạ.

**Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá
Chú Giải Giảng Nghĩa
無量壽經優婆提舍註解講義**

**Nguyện dĩ thử công đức
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ
Nhược hữu kiến văn giả
Tức phát Bồ Đề tâm
Tận thử nhất báo thân
Đồng sanh Cực Lạc quốc**

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng